SO KY NIEM ĐE TAM CHU NIEN

NGUYEN VAN BA – TRƯƠNG ĐINH CƯ
TIEU DAN – PHAN DU – QUOC DUNG – VU
HANH – NGUYEN TRAN HUAN – NGUYEN
THƯƠNG HUYEN – TRANG THE HY – NGUIEN
NGU I – TRAN TUAN KHAI – TRAN VAN
KHE – HUYNH VAN LANG – NGUYEN HIEN
LE – CO LIEU – TRAN THUC LINH – VU
THANH LY – KHONG NGHI – NGUYEN – VO
PHIEN – THUAN PHONG – VƯƠNG HONG
SEN – PHAN VAN TAO – PHAM TANG
HOANG MINH TUYNH – PHƯƠNG THAO
PHAM NGOC THAO – ĐOAN THEM – MAC
THU – NGUYEN VAN TRUNG – ĐONG
XUYEN – KIEU YIEU – PHAM HOANG

BÁCH KHOA

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie củ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lảo-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm Distarome

DISTILLERIES de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « **D.I.C.** » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

♂ **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S. F. D. I. C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

♂ **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIC
CHOLON



COTAB

GIÁ BÁN
18 $

VIRGINIE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

Đại-lý Độc-quyền :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ XE BA BÁNH	**LAMBRETTA**
MÁY MAY ĐIỆN VÀ ĐẠP CHÂN	**NECCHI**
QUẠT ĐIỆN VÀ MÁY BƠM NƯỚC	***MARELLI***
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN MÁY VIỄN ẤN	**OLIVETTI**
MÁY BƠM NƯỚC MÁY GHE, TÀU	**LOMBARDINI**
PHÂN HÓA-HỌC	**MONTECATINI**

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN . HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

SHELL

Để dùng vào KỸ-NGHỆ NÔNG-NGHIỆP và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng Quý Ngài những hoá-phẩm do dầu hoả chế ra.



Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacetine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,

et les affections fébriles par refroidissements

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A. G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam : **PHARMACIE MY-CHAU**

120-121, Bến Chương Dương

SAIGON

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

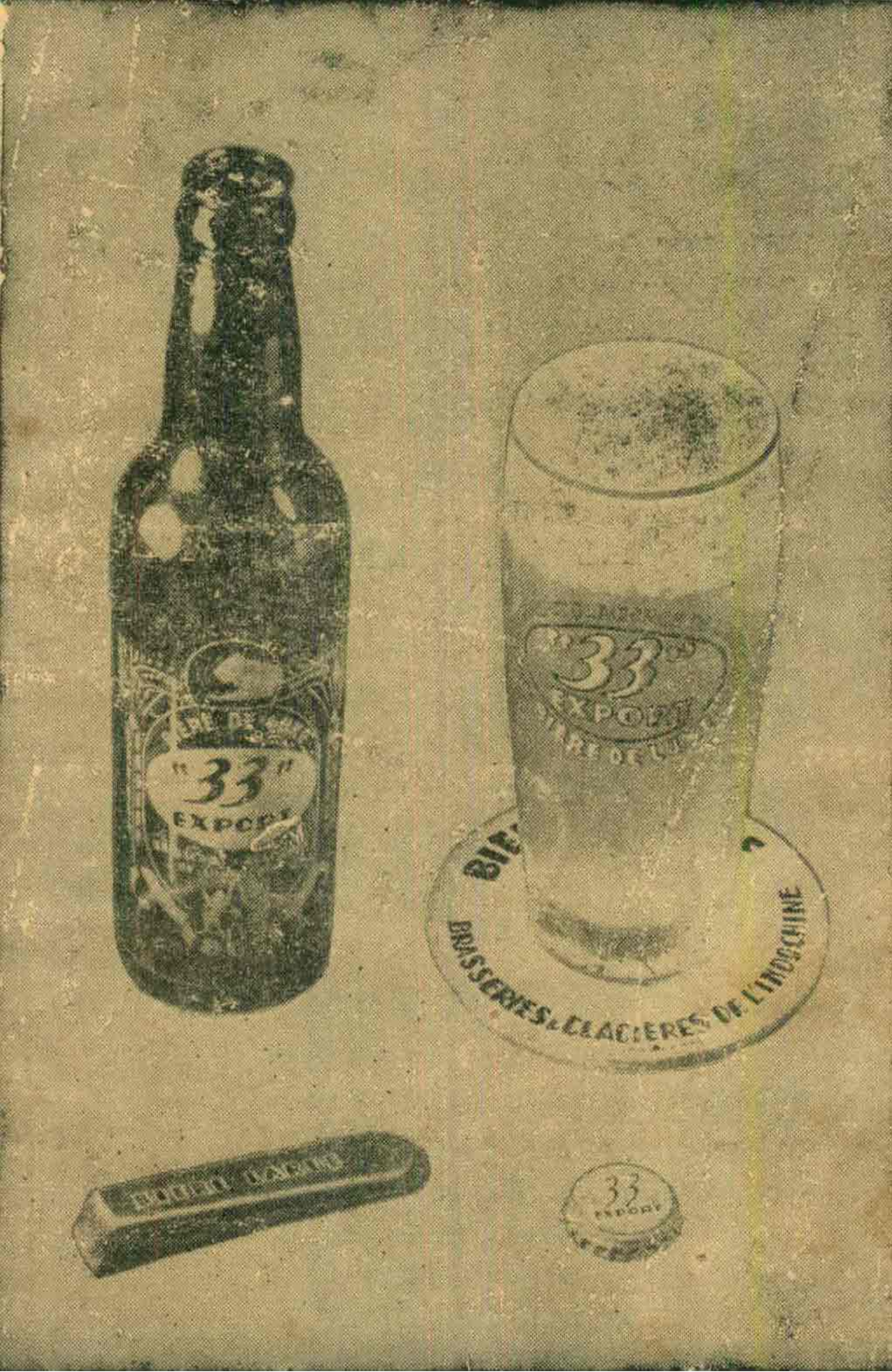
ĐẸP



BẢO AN

213 D Tự Do

SAIGON


"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE
33
EXPORT

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime



AIR

SERVICE

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

NHỮNG GIAM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

— 3 người lớn
— 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
— 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

— 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
— 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
— 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON
Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BACH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 — 60: 5 tập: 525 đ.

•

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

CƠ SỞ BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN TỰ-DO

1959

(Mỗi tháng xuất bản 1 cuốn)

1) **Biểu nhất lãm Văn-học cận-đại**
Biên-khảo của
THANH-LÃNG **Giá 40$**

2) **Mưa đêm cuối năm**
Truyện ngắn của
VÕ-PHIẾN **Giá 22$**

3) **Quan-điểm về mấy vấn-đề văn-hóa**
Tiểu-luận của
PHẠM-VIỆT-TUYỀN **Giá 30$**

4) **Hoàng-Lê nhất-thống-chí**
Nguyên-văn của Ngô-Thì-Chí
Bản dịch của
NGÔ-TẤT-TỐ **Giá 55$**

5) **Dì Mơ**
Truyện dài của
ĐỖ-THÚC-VỊNH **Giá 40$**

6) **Trước vành móng ngựa**
Phóng-sự của HOÀNG-ĐẠO
(in lần thứ hai) **Giá 30$**

7) **Liêu-trai chí-dị**
Nguyên-tác của Bồ-Tùng-Linh
NGUYỄN-HOẠT dịch **Giá 40$**

8) **Luân-lý chức nghiệp**
Biên-khảo của cụ
NGUYỄN-GIA-TƯỜNG **Giá 20$**

9) **Dòng sông định-mệnh**
Truyện dài của
DOÃN-QUỐC-SỸ **Giá 22$**

10) **Người Xưa**
(Giải-thưởng văn-chương 1957)
của TRẦN-ĐÌNH-KHÁI **Giá 40$**

11) **Mười điều tâm-niệm**
Tiểu-luận của
HOÀNG-ĐẠO **Giá 12$**

12) **Kim-tiền**
Kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC **Giá 20$**

1960

(Mỗi tháng xuất bản 2 cuốn)

1) **Anh-Hoa**
Thơ của PHẠM-MẠNH-VIÊN

2) **Giai-nhân và Chân-lý**
Tiểu-thuyết của LA-VĂN-THU

3) **Từ Tinh-vân đến Con Người**
Biên-khảo của NGUYỄN-TUÂN

4) **Nhạc-sĩ danh-tiếng hiện-đại**
Phê-bình của LÊ-HOÀNG-LONG

5) **Phương-Đình-Dư Địa-chí**
Nguyên-tác của Nguyễn-Siêu
Bản dịch của cụ
NGÔ-MẠNH-NGHINH

6) **Một người đàn ông, Một người đàn bà**
Truyện dài của NGUYỄN-HOẠT

7) **Tôi tự học**
Biên-khảo của NGUYỄN-DUY-CẦN

8) **Sàigòn : Xưa và Nay**
Biên-khảo của VƯƠNG-HỒNG-SỂN

9) **Nhập Đô-thành**
Kịch thơ lịch-sử của
HOÀNG-LY TRƯƠNG-ĐÌNH-TỬ

10) **Một lời hứa**
Truyện dài của cô
TUYẾT-HƯƠNG

11) **Ác Mộng**
Truyện dài của
NGÔ-XUÂN-PHỤNG

12) **Một tâm hồn trong trắng**
Nguyên-tác của Charles Dickens
CAO-VĂN-THÁT dịch

Và nhiều tác-phẩm khác của các nhà văn-nghệ, khảo-cứu, cùng kỹ-thuật giàu kinh-nghiệm hoặc đầy hứa hẹn

★ SÁCH HAY, IN ĐẸP, GIÁ RẺ ★

25-27-29. Võ-Tánh — Sàigòn
Hộp thư số : 653 — Điện thoại : 25.521

GIAI-PHẨM VĂN-NGHỆ

tân phong

XUÂN CANH-TÝ

BAO-SƠN chủ trương

với những bài, truyện, tranh vui của trên 30 thi-văn nghệ-sĩ :

NHẤT-LINH
LINH-BẢO
NGUYÊN-THỊ-VINH
TƯƠNG-HÙNG
DUY-LAM
NHẬT-TIẾN
ĐỖ-PHƯƠNG-KHANH
LINH-VŨ
MINH-ĐỨC
QUY-HƯƠNG
DOÃN-QUỐC SĨ
ĐỖ-TỐN
VŨ-HUY-CHÂN
PHẠM-LỆ-OANH
TRƯƠNG-QUỐC-NGHI
HOA-QUỐC-THAI-SỬ
TRẦN-TUẤN-KIỆT
DOÃN-DAN
TỐ-TRẦN-NGUYỄN
YEN-SƠN
BÙI-KHANH-ĐẢN
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG
BANG-BA-LÂN
HỬ-CHU
HỌC-CANH
PHAN-LẠC-TUYÊN
THẾ-UYÊN
CAO-HOÀNG-NHÂN
TRẦN-ĐÌNH-ĐẠM
BÀNG-ĐÌNH.... vv...

TÔ-HOÀNG trình bày

Tranh bìa nhiều màu, tranh đệm và ngoại bản tranh lụa cỡ 40 x 50 của NGUY-CAO-UYÊN

SAY SƯA VỚI NHỮNG NGÀY XUÂN
KHÔNG THỂ KHÔNG ĐỌC

Giáo-Dục Phổ-Thông

XUÂN CANH-TÝ

★ Gồm những bài cảo-luận văn-học công-phu, những sáng-tác đắc ý nhất của những cây viết quen thuộc.

Giá : 15$

BÁCH-KHOA SỐ ĐẶC-BIỆT

KỶ NIỆM ĐỆ TAM CHU NIÊN

SỐ 73 — NGÀY 15-1-1960

*

		Trang
HUỲNH-VĂN-LANG	*Vài nhận xét căn-bản để thiết lập một chánh sách thuế-vụ.*	7
PHẠM-HOÀNG	*Dòng tư-tưởng.*	17
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Định nghĩa dân-chủ*	18
THUẦN-PHONG	*Con chuột, theo quan-niệm ta trong văn thơ*	24
NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN	*Cụ Phan-Bội-Châu ở Hàng-Châu.* . .	29
TRẦN-THÚC-LINH	*Hoa xuân*	41
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	*Bộ chén trà năm Giáp-Tý*	45
PHÒNG-VĂN Ô. NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Tình hình xuất-bản trong năm 1959.*	53
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	*Xuân mới người xưa (thơ)* . . .	64
VŨ-HÂN	*Chung thủy (thơ)*	65
PHẠM-NGỌC-THẢO	*Nỗ súng để làm gì ?.*	66
NGUYỄN-VĂN-BA	*Dịch Lý và Kiết, Hung, Hối, Lẫn* .	71
MẠC-THU	*Tác-phẩm 99,5 (truyện ngắn).* . .	77
ĐOÀN-THÊM	*Các ông Hoàng mộng tưởng* . . .	85
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ	*Bàn về sự phát-triển của nền Tân nhạc Việt-Nam*	91
NGUIỄN-NGU-Í	*Tổng kết cuộc phỏng-vấn truyện ngắn Việt và ngoại quốc.*	100
TRẦN-THI-KHANH (dịch)	*Xuân giang hoa nguyệt dạ (thơ Trương-Nhược-Hư)*	110
PHAN-VĂN-TẠO	*Cái bong bóng lợn.*	112
CỐ-LIÊU dịch	*Thanh-niên Việt-Nam ngày nay (Nguyên-tác của L. M. Parrel)* . .	119

NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Vấn-đề dạy sinh-ngữ ở bậc Trung-học và dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Đại-học.*	130
ĐOÀN-THÊM	*Tết mới Tết cũ*	139
KHỔNG-NGHI	*Dưới tấm bao lơn (truyện ngắn).*	140
H. Đ.	*Tin văn quốc-tế*	145
Á-Nam TRẦN TUẤN-KHẢI (dịch)	*Vọng kế-môn (thơ Tô-Vịnh)*	148
TIỀU-DÂN	*Năm 1960 với những khả-năng kiến-tạo Hòa-bình*	149
PHAN-LẠC-TUYÊN	*Tiếng chim mùa xuân (thơ)*	156
Cô PHƯƠNG-THẢO	*Tình-hình Văn-chương và Báo-chí năm 1959*	157
NGUYỄN-PHAN-AN	*Lá thư gửi mẹ lúc xuân về (thơ)*	165
QUỐC-DŨNG	*Hoa lạ (truyện dịch).*	167
XUÂN-HIẾN	*Bách-Khoa đại tiệc (thơ vui).*	173
TRẦN-VĂN-KHÊ và MỘNG-TRUNG	*Xuân xa quê (nhạc)*	178
VŨ-THANH-LY	*Một vài hình ảnh Tết (phóng-sự)*	180
HUY-TRÂM	*Đông năm tháng (thơ)*	187
TRANG-THẾ-HY	*Bơ vơ (truyện ngắn).*	188
ĐÔNG-XUYÊN (dịch)	*Ngày xuân sắp về miền Đông gửi Miên-Thân (thơ Ôn-Đình-Quân).*	196
VÕ-PHIẾN	*Tuổi thơ đã mất (truyện ngắn).*	197
NGUYỄN-VĂN-XUNG	*Duyên xuân (thơ).*	203
KIỀU-YIÊU (dịch)	*Nữ-lang nhà họ Đậu (liêu-trai).*	204
TƯỜNG-LINH	*Vui, Vườn (thơ)*	208
NGUYỄN (dịch)	*Phát dạn (truyện của Alexander Pouskhin*	209
NGUIỄN-NGU-Í (dịch)	*Chí Hạng-Võ — Tinh Ngu-Cơ.*	219
Yã-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*Thuyền đi (thơ)*	220
VŨ HẠNH	*Cuối ba dùm (truyện ngắn)*	221
HUY-LƯC	*Những mùa xuân (thơ).*	232
Ngu-Í NGUIỄN-HỮU-NGƯ	*Bài thơ hai ngả (thơ)*	234
PHAN-DU	*Ông quán ở chân đốc Từ-bi (truyện ngắn)*	235

BÌA và TRANH do **PHẠM-TĂNG** minh họa.



Chúc mừng năm mới

Các bạn thân mến,

HÔM nay số kỷ-niệm ba năm của Bách-Khoa đã đến tay các bạn.

Ba năm cố gắng của toàn thể anh em xây dựng tạp-chí Bách-Khoa đã được thể hiện một phần trong số đặc biệt này dưới sự phê bình, khích lệ thường xuyên của bạn đọc. Gần đây hưởng ứng lời kêu gọi của Bách-Khoa, số thư gửi về tòa-soạn mỗi ngày một nhiều không những đã bộc lộ lòng tin yêu nồng nhiệt của bạn đọc đối với Bách-Khoa mà còn soi sáng cho tờ tạp-chí thân mến của các bạn nhận thấy đâu là phần khiếm khuyết cần sửa chữa, đâu là phần tiến bộ phải cố gắng thêm.

Có bạn đòi Bách-Khoa phải đổi lại thể tài, sửa cho khổ rộng lớn, màu sắc huy hoàng, cắt bỏ các trang quảng cáo... Có bạn dễ tính hơn đã tạm hài lòng về hình

thức hiện tại, cho rằng trong mấy chục số vừa qua Bách-Khoa đã làm vui mắt bạn đọc hơn các năm trước ; số trang tăng, số bài nhiều, mà trình bày vẫn được mỹ thuật, chữ xếp đỡ sai lầm.

Có bạn xác nhận rằng Bách-Khoa đã sưu tập được nhiều tài liệu tương đối giá trị, nhiều bài đã đáp ứng kịp thời, những thắc mắc, băn khoăn của bạn đọc ; những mục điểm-sách, phỏng-vấn văn-nghệ mở ra liên tục làm cho phần khảo luận tăng thêm sức sống. Trong phạm vi sáng tác, Bách-Khoa cũng đã giới thiệu được những công trình nghệ-thuật có nội dung tiến bộ và kỹ-thuật tương đối vững vàng đồng thời đã phát hiện được những cây bút mới để bổ sung cho hàng ngũ văn-nghệ nhiều màm tươi mới.

Tuy nhiên nhìn chung về toàn thể các bài thì Bách-Khoa vẫn chưa mất được vẻ khô khan, vẫn còn kém khả năng hấp dẫn.

Có bạn nghĩ rằng muốn thực sự lợi ích cho người đọc, Bách-Khoa phải chú trọng nhiều đến thời sự, phải đi sâu vào đời sống hiện tại, đề cập đến những vấn đề mà mọi người đương mong muốn tìm hiểu, băn

khoản theo dõi ; tóm lại, phần khảo-luận cũng như phần sáng-tác văn-nghệ, phải phản-ảnh được cuộc sống thực của xã-hội, nói lên được những đòi hỏi và yêu cầu chính đáng của thời đại.

Những nhận định trên đây đã ít nhiều phác-họa cho Bách-Khoa một đường-lối biên-khảo và sáng tác đứng đắn, có chiều hướng tiến bộ. Bách-Khoa xin thành tâm ghi nhận, và xin cố gắng thực hiện.

Hàng trăm lá thư gửi về mang hàng trăm ý-kiến có khi giống nhau, có khi trái ngược nhau. Nhưng nhận xét nào cũng giúp cho Bách-Khoa thấy một khía cạnh sai hay đúng của mình, thấy một tấm lòng thiết tha với bước đi của mình, thấy một nguồn an ủi và hứng khởi vô cùng quí giá. Bách-Khoa xin các bạn nhận nơi đây lời chân thành cảm tạ.

Bước sang năm thứ Tư với sự ủng hộ nồng-nhiệt của bạn đọc, Bách-Khoa càng vững tin ở nỗ lực của mình, vững tin ở đường lối đương noi theo mà quyết tâm tiến tới.

B. K.

VÀI NHẬN XÉT CĂN-BẢN ĐỂ THIẾT-LẬP MỘT CHÁNH SÁCH THUẾ-VỤ

HUỲNH-VĂN-LANG

TRONG dịp Quốc-hội bàn về ngân-sách và thuế-khoá, một số bạn đọc viết thư về tòa-soạn, đã tỏ ý băn-khoăn về chánh-sách thuế-vụ của ta. Có bạn cho là mức thuế hiện nay cao, so với khả-năng đóng góp của mình ; ngược lại có bạn lại cho là mức thuế còn thấp, so với sự đóng góp của công-dân các nước ngoài. Để thỏa-mãn phần nào sự tìm hiểu của quý bạn trên đây, chúng tôi xin trình bày một vài nhận xét căn- bản mà chính-quyền các nước thường căn-cứ vào đó để thiết-lập chánh-sách thuế-vụ.

I. – Cái khổ to lớn của ngân-sách quốc-gia

Trong thế-kỷ thứ XIX và trước nữa, không có một chánh-quyền quốc-gia nào đòi hỏi một số lợi-tức thuế-vụ hơn 10% lợi-tức quốc-gia. Ngoại trừ trường-hợp chiến-tranh, thì chi-tiêu của chánh-phủ bao giờ cũng có khuynh-hướng muốn cho ngang bằng với lợi-tức thuế-vụ của chánh-phủ. Nhưng ngày nay, không còn mấy quốc-gia chịu thu thuế dưới 10% lợi-tức quốc-gia. Phần đông các nước đều có một số lợi-tức thuế-vụ trên 15% và có nhiều nước lại lấy đến 25% lợi-tức quốc-gia hay trên nữa. Hơn nữa, những động-tác tài-chánh của các chánh-phủ hiện-đại lại liên-đới với những mục-tiêu hết sức rộng rãi như : phát-triển kinh-tế, tận-dụng nhân-công, phân-phối lợi-tức quốc-gia giữa người dân cho công-bình..., thành ra chánh-sách « giảm gánh nặng thuế-vụ càng nhẹ càng hay » không còn được lưu-ý như trước nữa.

Ở các quốc-gia có một nền kinh-tế đã phát-triển mạnh mẽ rồi, thì so-sánh với lợi-tức quốc-gia, số thu chi của chánh-phủ đã gia-tăng, một phần vì những chi-tiêu về

quốc-phòng và tiền lời công-trái, do những chi-tiêu quốc-phòng về trước (về các cuộc chiến-tranh trước). Nhưng một phần lớn lại vì những nhiệm-vụ của chánh-phủ về mặt kinh-tế và xã-hội đã bành-trướng thêm: nào các khoản trợ cấp giáo-dục, y-tế, bảo trợ tuổi già, bảo hiểm tai nạn và thất-nghiệp, cung-cấp nhà cửa và dịch-vụ cho người nghèo, lại còn phải trợ cấp nhiều lãnh-vực kinh-tế như canh-nông, chuyên chở... thảy thảy đều là nhiệm-vụ của chánh-phủ cả. Trong nhiều nước, nhiều loại dịch-vụ công-ích như tàu hỏa, máy bay chuyên-chở, điện-lực, bưu-điện... là do chánh-phủ cung cấp hơn là do tư-nhân. Và sự xuất-hiện xe ô-tô đã bắt buộc chánh-quyền phải xây đắp tu bổ đường-sá càng ngày càng tốn kém, mà xe ô-tô lại không tự đài-thọ được các khoản đó như xe lửa nên chánh-quyền phải gánh vác tất cả.

Ở các nước hậu tiến, mực độ chi-tiêu của chánh-phủ cũng gia-tăng. Cũng như ở các nước trên, ngoại trừ chi-tiêu về quốc-phòng, những động-lực gia-tăng nhiệm-vụ của chánh-phủ ở các nước sau nầy như giáo-dục, y-tế, chuyên-chở, điện-tực — chỉ tạm kể một số ít — đều thuộc về trách-nhiệm của chánh-phủ. Những lý-do thúc đẩy các chánh-phủ đảm-nhiệm những nhiệm-vụ mới nầy không phải chỉ là những lý-do chánh-trị hay xã-hội mà thôi mà còn là những lý-do kỹ-thuật nữa. Thí dụ : Kỹ-thuật sản-xuất năng-lực đòi hỏi một đơn-vị sản-xuất to lớn, cần nhiều tư-bản quá sức tiết-kiệm của tư-nhân mà có lợi ích hơn là một đơn-vị nhỏ.

Hậu quả của sự thay đổi nhiệm-vụ của chánh-quyền vừa kể trên là : Ở các nước hậu tiến, chánh-quyền không thể theo đuổi được các chánh-sách kinh-tế xã-hội với một số lợi-tức thuế-vụ bằng 6 hay 8% lợi-tức quốc-gia và vì những nhiệm-vụ mới đó, mà các chánh-phủ phải thu thuế đến 12, 18% lợi-tức quốc-gia hay trên nữa. Nhưng giữa 12, 15 hay 18% thì đâu là phân xuất đúng, ta không thể trả lời một cách chung được. Lý-thuyết dạy rằng : một đơn-vị biên-tế thu của chánh-phủ phải dùng làm sao để sanh ra cho cộng-đồng — bây giờ hay sau nầy — một sự an-nhàn ít ra cũng bằng như là khi số thu ấy vẫn ở trong tay tư-nhân. Thật ra lý-thuyết như thế không giúp cho việc lập chánh-sách thuế-vụ được bao nhiêu. Trên thực-tế, câu trả lời đúng hơn hết là tùy theo cơ-cấu xã-hội, chánh-trị riêng biệt của mỗi nước, tùy theo mục-tiêu xã-hội kinh-tế của nó, tùy theo sự hiệu-nghiệm của động-tác chánh-phủ sánh với động-tác của tư-nhân, và tùy theo khả-năng vay bợ hay nhờ viện-trợ của quốc-gia nữa. Song dù sao đi nữa thì sự thật hiển-nhiên ta phải công nhận là với một số lợi-tức thuế-vụ dưới 10% lợi-tức quốc-gia, chánh-phủ các nước kém mở mang không thể làm gì nên trò được, mà nếu chánh-phủ cố tăng mức thuế càng cao gần 18, 20% thì quần-chúng lại càng chống đối thuế-vụ mạnh, và ảnh-hưởng tốt của thuế-vụ trên kinh-tế có thể hóa ra không hay một cách rõ ràng.

Giữa hai giới-hạn 12 và 18% lợi-tức quốc-gia mà chánh-phủ thâu vào dưới hình-thức thuế-vụ, không có công-thức nào có thể chỉ cho ta được con số nào là đúng, phân xuất nào là sai, như đã nói trên. Nhưng theo bản-kê dưới đây (1)

(1) Bản-kê ở cuối bài.

thì trong 35 nước chỉ có 5 nước là có một số lợi-tức thuế-vụ dưới 10% lợi-tức quốc-gia. Nếu Việt-nam ta có một số lợi-tức quốc-gia là 70 tỷ $ V.N. thì theo ngân-sách hiện-tại, số lợi-tức thuế-vụ, ngoài viện-trợ Mỹ ra, cũng đã lên tới 12, 13% rồi.

Nói một cách tổng-quát thì con số chi-tiêu đúng của chánh-phủ tùy thuộc :

— a) dung-lượng dịch-vụ công, như duy-trì pháp-luật và trật-tự, giáo-dục, y-tế, xã-hội... những cái cộng-đồng đòi hỏi mà không bỏ qua được.

— b) dung-lượng đầu-tư công mà chánh-phủ phải làm lấy nhằm cung-cấp những hạ-tầng cơ-sở cần-kíp để phát-triển kinh-tế quốc-gia mà không có hoa-lợi liền được, những loại đầu-tư hoặc không có hoa-lợi hay có nhưng cũng quá chậm-chạp nên lãnh-vực tư không đủ sức hay không muốn làm, hoặc giả chánh-phủ muốn dành làm lấy vì ích-lợi chung như xe lửa, thương-cảng, máy bay, năng-lực...

— c) Chủ-trương chánh-phủ cần-kíp phải giúp đỡ tài-chánh cho những lãnh-vực kinh-tế không có đủ tiết-kiệm mà cũng không nhờ được tiết-kiệm của lãnh-vực khác như Ngân-hàng để phát-triển.

Số lợi-tức thuế-vụ « đúng » xét về phương-diện khác — trước tiên là tùy ở chi-tiêu của chánh-phủ về những mục-tiêu đã kể trên, kế đến là tùy ở khả-năng tiết-kiệm của tư-nhân, tùy ở khả-năng vay bợ nhờ viện-trợ của quốc-gia. Ở phần đông các nước kém mở mang, thật ra khối-lượng tiết-kiệm dư thừa của tư-nhân, không đầu-tư vào những hoạt-động kinh-tế của họ, thì lại rất kém cỏi trong khi có nhiều cơ-hội để đầu-tư xử-dụng tiết-kiệm, cho nên khả-năng sử-dụng tiết-kiệm tư-nhân của chánh-phủ trở nên thấp kém hết sức. Chung qui, yếu-tố chánh quyết-định mực-độ thuế-vụ là những chi-tiêu cần kíp của chánh-phủ. Mà không có chánh-phủ nào có thể gia-tăng lợi-tức thuế-vụ quá một giới hạn nào đó, cho nên những chi-tiêu của chánh-phủ lại bị khả-năng thuế-vụ của quốc-gia giới-hạn. Nói một cách khác, dung-lượng chi-tiêu của chánh-phủ không khác với số lợi-tức thuế-vụ « đúng » của chánh-phủ.

Lợi-tức thuế-vụ hay chi-tiêu của chánh-phủ, thứ nào mới là khởi điểm để nhận xét được cái khổ lớn lao của ngân-sách quốc-gia thế nào là vừa phải ?... Một điều chắc-chắn và rõ ràng là ở một nước kém mở mang không thể mọi chi-tiêu của chánh-phủ đều có thể thực-hiện trong một lúc được. Nhưng phần đông những học-giả đã khảo-sát những cố-gắng phát-triển kinh-tế của các nước kém mở mang, đều công nhận rằng : một điều kiện thật quan-trọng — có khi là quan-trọng nhứt — định-đoạt mực gia-tăng sản-xuất và lợi-tức quốc-gia chính là cái khả-năng gia-tăng các hạ-tầng cơ-sở kinh-tế (như đường xá, trường học, bệnh-viện . . .) của chánh-phủ. Nhu-cầu hạ-tầng cơ-sở kinh-tế phải được thỏa-mãn ; bởi vậy, nếu lợi-tức thuế-vụ hiện-tại không đủ để thỏa-mãn nhu-cầu ấy, thì chính hệ-thống thuế-vụ cần phải được xem xét, sửa chữa lại. Khả-năng phát-triển kinh-tế của một nước, trước hết phải tùy-thuộc ở một hệ-thống thuế-vụ, khổ to lớn, và cơ-cấu của hệ-thống ấy phải ăn khớp với những nhu-cầu của chánh-quyền trong lúc nền kinh-tế trong

nước đang phát-triển. (Trong 12 tờ phúc-trình của Ngân-hàng Quốc-tế thì đã có 6 cái đề-nghị tăng-gia lợi-tức thuế-vụ để gia-tốc sự phát-triển kinh-tế và để chận đứng nạn lạm-phát).

Cái khổ to lớn của ngân-sách sẽ cho ta hình-dung được sự đòi hỏi tổng-quát của chánh-phủ trên các tài-nguyên quốc-gia và ta có thể xem đó là khởi-điểm để nhận xét xem ngân-sách có to quá hay nhỏ quá. Chỉ có thế thôi. Chớ cái tỷ-lệ ngân-sách, sánh với sản-xuất quốc-gia, tự nơi nó không giúp ta xét đoán gì về kinh-tế quốc-gia được. Điều quan-hệ không phải là tổng-số lợi-tức thuế-vụ hay tổng-số chi-tiêu của chánh-phủ, song chính là những hiệu-quả của những động-tác thuế-vụ của chánh-phủ. Không phải ở Tích-lan và Ecuador (Mỹ-châu la-tinh) là hai nước hằng năm có một số lợi-tức thuế-vụ 18, 2% lợi-tức quốc-gia, mà ở hai nước đó các động-tác thuế-vụ đều có ảnh-hưởng như nhau trên tiêu-thụ, sản-xuất tiết-kiệm... Và không phải ở Ấn-độ hậu-quả phát-triển của ngân-sách kém hơn ở Li-băng, vì lợi-tức thuế-vụ ở Li-băng là 10, 9% lợi-tức quốc-gia mà ở Ấn-độ chỉ có 8, 9%. Nói một cách khác, vấn-đề căn-bản trong một chánh-sách thuế-vụ không phải là tổng-số lợi-tức thuế-vụ, mà là cơ-cấu của chế-độ thuế-vụ, của những động-tác thuế-vụ. Chính ở đây các nhà làm chính-sách sẽ gặp những cái mâu-thuẫn, những cái khó khăn cần phải giải-quyết.

II.— Động-tác thuế-vụ và sự phân-phối lợi-tức Quốc-gia

Chúng ta thử tìm hiểu bản-tính những mâu-thuẫn, những khó khăn ấy. Những mâu-thuẫn khó khăn ấy nẩy sanh là bởi các động-tác thuế-vụ đều có ảnh-hưởng trên các lãnh-vực kinh-tế mà lại ảnh-hưởng một cách khác nhau. Sự phân-phối gánh nặng thuế-vụ giữa các nhóm lợi-tức khác nhau, giữa các lãnh-vực kinh-tế và địa-lý lại không đồng đều như nhau, dù chánh-phủ muốn hay không muốn. Vì không thể nào đo lường được một cách chắc chắn gánh nặng thuế-vụ trên lãnh-vực nầy hay lãnh-vực kia, cũng như không thể đo lường được sự phân-phối những ích-lợi do những chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra. Có khi chính những kẻ đóng thuế nhiều lại không được hưởng nhiều ích-lợi nói trên. Điều đó có thể xảy ra hoặc vì chánh-

---

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

ĐÀO LUYỆN VÀ GIÁO-HÓA

★ Gây dựng cho nên, khó hơn lên trời (*Liêu-Tỷ*)

★ Người lãnh-đạo giỏi là người biết cố-gắng làm nảy nở tài-năng tiềm ẩn của những kẻ cộng-tác, tài-năng mà chính những kẻ ấy cũng không ngờ mình có.

sách hoặc vì tình cờ. Trong cả hai trường hợp, hậu-quả thực-tế của động-tác thuế-vụ là phân-phối lại lợi-tức quốc-gia, cùng là ảnh hưởng trên tiêu-thụ, tiết-kiệm, cũng như trên những cố-gắng sản-xuất. Chính những hậu-quả ấy mới có xu-hướng mâu-thuẫn đối-chọi nhau và cần sự dung-hòa.

Các nhà chuyên-môn lý-tài cố chứng minh — cũng không phải là không có lý — rằng gánh nặng thuế-vụ lũy-tiến (tỷ-lệ thuế-vụ càng cao nếu lợi-tức càng nhiều) làm hại sự phát-triển kinh-tế vì nó phá hại sự tích-lũy tiết-kiệm của những người có lợi-tức nhiều và làm nản lòng những người có óc mạo-hiểm muốn kinh-doanh lớn. Nếu cái đó thật đúng cho các nước tiền-tiến thì lại càng đúng hơn cho các nước hậu-tiến, vì ở các nước sau nầy tiết-kiệm của tư-nhân thường gia-tăng theo một chiều với óc kinh-doanh, với óc mạo-hiểm, nhứt là khi óc mạo-hiểm làm những cuộc kinh-doanh mới mẻ lại là điều-kiện để gia-tốc mực phát-triển kinh-tế.

Nhưng nếu xét cho cùng thì thấy cách giải-thích trên đây chỉ dựa trên một khía cạnh lợi-tức thuế-vụ của chánh-phủ mà không quan-tâm đến khía cạnh ích-lợi do chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra. Bởi vì khi những chi-tiêu của chánh-phủ làm lợi cho giai-cấp kinh-doanh nhiều, thì tất nhiên những hậu-quả bất-lợi của một hệ-thống thuế-vụ lũy-tiến sẽ bớt đi một phần, hay có khi không còn gì nữa, nếu những lợi-ích do chi-tiêu của chánh-phủ lại lũy-tiến hơn gánh nặng thuế vụ, nghĩa là tuy những người có lợi-tức càng cao càng phải bị thuế nhiều nhưng một mặt họ lại càng được hưởng nhiều lợi ích do chi-tiêu của chánh-phủ mà ra.

Nhưng có hai yếu tố giới-hạn sự thừa-hưởng lợi-ích do chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra : trước hết, một phần lớn lợi-ích do chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra không phải hoàn toàn nằm trong tay một nhóm người có lợi-tức khác nhau nào, song là mọi người trong cộng-đồng đều được thừa hưởng kẻ ít người nhiều ; Kế đến, vì lý-do xã-hội và tất nhiên vì lý-do chánh-trị, một phần chi-tiêu của chánh-phủ phải dể ra cung-cấp dịch-vụ lợi-ích trước tiên cho những người có lợi-tức ít. Trong các nước tiền-tiến cũng như hậu-tiến, chánh-phủ phải giúp đỡ những người bịnh-tật, mồ-côi, già-cả... cung cấp cho họ một số dịch-vụ xã-hội tối-thiểu. Dù có hai giới-hạn kể trên, tầm sử-dụng lợi-tức của chánh-phủ để nâng-đỡ sự phát-triển kinh-tế vẫn còn rộng lớn. Và phản-hiệu (incidence) do cơ-cấu thuế-vụ hay do dịch-vụ của chánh-phủ cung-cấp phải được xem xét theo sự cân nhắc, trị-giá đầy đủ các động-tác thuế-vụ của chánh-phủ vẫn còn đặt thành một vấn-đề. Cần phải lưu ý đến phản-hiệu thuế-vụ và những ích-lợi do chi-tiêu chánh-phủ sanh ra, nhứt là khi đi từ sự xem xét cơ-cấu thuế vụ và các thành phần chi-tiêu của chánh-phủ qua những nhận xét về hiệu-quả của các sắc-thuế bổ-túc cần phải đánh để đài-thọ những chi-tiêu bổ-túc của chánh-phủ.

Ví dụ, nếu gia tăng mực-độ lũy-tiến thuế-vụ, mà lợi-tức thuế-vụ nhờ đó sẽ gia-tăng và những lợi-tức bổ-túc đó sẽ được bỏ ra đài-thọ những chi-tiêu xã-hội, để gia-tăng tiêu-thụ cho những lớp người nghèo trước tiên, thì tất nhiên mực-độ phát-triển kinh-tế sẽ bị ngưng trệ. Trái lại, nếu lợi-tức thuế-vụ bổ-túc sẽ dùng để đài-thọ sự cấu-tạo tư-bản công, rồi nhờ đó

khuyến-khích sự cấu-tạo tư-bản tư, hay sẽ giảm bớt giá sản-xuất tư, thì hậu-quả hại do thuế-vụ bổ-túc sẽ bị những hậu-quả lợi do chi-tiêu của chánh-phủ trừ mất đi.

Trong những đoạn trên, chúng tôi nhấn mạnh về những mục-tiêu phát-triển kinh-tế, nhưng không có nghĩa là ở các nước kém mở-mang sự công-bình bề dọc — nghĩa là gánh nặng thuế-vụ phải được phân-phối ít ra là theo tỷ-lệ với lợi-tức — không đáng quan tâm đến. Như đã nói trên, không có một chánh-phủ nào dù có muốn đi nữa cũng không tránh được những chi-tiêu có tính-cách xã-hội. Nhưng trừ phi những chi-tiêu có tính-cách xã-hội ấy có ảnh-hưởng điển-hình trên sự điều-hành kinh-tế quốc-gia, kỳ dư ta phải nhìn nhận rằng có sự mâu-thuẫn cố-hữu giữa những mục-tiêu phát-triển kinh-tế với những mục-tiêu công-bình xã-hội, và ta không thể tiêu-diệt hẳn được, mà chỉ có cách là phải dung-hòa sự mâu-thuẫn đó thôi. Giả thử cần kíp phải dể một phần lợi-tức thuế-vụ để đài-thọ những dịch-vụ xã-hội trước hết (nhưng không tuyệt-đối) có ích-lợi cho người nghèo, thì một cơ-cấu thuế-vụ lũy-tiến vừa phải có thể coi là một giải-pháp trung-dung áp-dụng được.

Trong vài trường-hợp, sự phân-phối lại lợi-tức quốc-gia qua hệ-thống thuế-vụ để làm lợi cho người nghèo lại không quan hệ bằng sự phân-phối lại lợi-tức quốc-gia giữa các lãnh-vực kinh-tế và các lãnh-vực địa-lý. Sự phân-phối lại lợi-tức quốc-gia nói sau không phải bao giờ cũng tai hại, mà trái lại nhiều khi đáng làm. Thí dụ, nếu những chi-tiêu công cần kíp để khuyến-khích sự khuếch-trương nông-nghiệp, mà lãnh-vực nông-nghiệp lại không có đủ lợi-tức để đài-thọ lấy, thì chánh-phủ có thể chuyển một số lợi-tức ở lãnh-vực kỹ-nghệ qua để làm việc ấy, hay là ngược lại, trong khi kỹ-nghệ do tư-nhân làm phát-triển nhanh, thì chánh-phủ phải nâng đỡ bằng cách thiết-lập ngân-hàng phát-triển hay cung-cấp những dịch-vụ cần-kíp và ít ra tạm thời giảm bớt nâng-đỡ các lãnh-vực kinh-tế khác.

Nhưng ta phải nhìn nhận rằng sự ủng-hộ lãnh-vực kinh-tế hay địa-lý này hơn lãnh-vực khác thì tất-nhiên sẽ gây những hậu quả không hay cho những lãnh-vực sau này. Khi chánh-phủ đánh thuế nhiều trên những nông-sản hay khoáng-sản, là những sản-phẩm để xuất-cảng, để lấy lợi-tức ủng-hộ các lãnh-vực khác, thì tất-nhiên dung-lượng sản-xuất những sản-phẩm để xuất-cảng ấy và lợi-tực ngoại-tệ sẽ suy-giảm. Tất-nhiên muốn trị giá một hệ-thống thuế-vụ thì cần kíp phải lưu-ý đến những hậu quả hại ấy cũng như hậu quả lợi do sự chánh-phủ nâng-đỡ các lãnh-vực kinh-tế khác.

III.— Những hậu-quả của cơ-cấu thuế vụ trên tiêu-thụ và tiết-kiệm

Có một điều cũng chặt-chẽ liên-quan với vấn-đề phân-phối lợi-tức quốc-gia qua hệ-thống thuế-vụ là hậu quả của thuế-vụ trên mực-độ tiêu-thụ, tiết-kiệm và đầu-tư trong nước. Các thứ thuế đều giảm-bớt hoặc tiêu-thụ hoặc tiết-kiệm hay cả hai, chỉ vì một phần lợi-tức hay tiền bạc của gia-đình, của xí-nghiệp bị chánh-phủ lấy đi. Xem chừng điều ấy đã đặt ra cho các nước kém mở mang một mâu-thuẫn dưới nhiều hình-thức khác nhau nhưng có thể tóm tắt như sau : Biết rằng phần lớn quốc-dân đều có một mực-độ tiêu-thụ rất thấp, cho nên giảm

bớt tiêu-thụ vì thuế-vụ (đúng hơn là vì thuế-vụ bổ-túc) thật là tai hại và có khi không làm được, nhưng gia-tăng thuế-vụ trên giai-cấp giàu có hay khá giả cũng lại tai hại vì thuế-vụ sẽ làm giảm bớt tiết-kiệm hơn là tiêu-thụ, và như thế là giảm bớt sự cấu-tạo tư-bản, một điều-kiện để phát-triển kinh-tế. Kết-luận là thuế-vụ không thể gia-tăng được nữa.

Lập-luận như trên có hai điều sai. Trước hết là đã bỏ qua, không quan-tâm đến những hiệu-quả trên sự cấu-tạo tư-bản do những chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra, cho dầu tất cả thuế bổ-túc, đều đánh trên số lợi-tức để tiết-kiệm, thường số cấu-tạo tư-bản sẽ không giảm bớt nếu tất cả lợi-tức thuế-vụ bổ-túc được đem ra để đài thọ sự cấu-tạo tư-bản công. Thứ đến, sự mâu-thuẫn nói trên hàm-xúc giả-thuyết sai lạc là mực-độ lợi-tức và tiêu-thụ đều cứng đọng một chỗ, nghĩa là kinh-tế không phát-triển. Nhưng trên thực-tế thì kinh-tế các nước kém mở mang vẫn phát-triển. Cho nên, gia-tăng thuế-vụ trước tiên động chạm đến mọi mực-độ tiêu-thụ, nhưng không cần thiết phải tuyệt đối giảm bớt mực tiêu-thụ tổng-quát hay cả mực tiêu-thụ đồ-đồng. Nó chỉ có thể đặt giới-hạn cho tiêu-thụ không gia-tăng. Và hơn nữa, giới hạn ấy chỉ có tính cách tạm thời, vì nếu chi-tiêu của chánh-phủ gia-tăng mà chỉ cốt để gia-tăng sự cấu-tạo tư-bản, thì tất nhiên sẽ giúp cho mực-độ sản-xuất gia-tăng nhanh chóng hơn và như thế là giúp cho tiêu-thụ tăng thêm.

Như nhiều học-giả tin-tưởng, nếu mực-độ cấu-tạo tư-bản được gia-tăng là điều kiện để gia-tốc sự phát-triển kinh-tế, thì thuế-vụ bổ-túc phải nhằm mục-đích giảm-bớt tiêu-thụ hơn là giảm-bớt tiết-kiệm và đầu-tư. Song le, nếu cần kíp phải gia-tăng sự cấu-tạo tư-bản công để giữ vững hay gia-tốc mực-độ phát-triển kinh-tế, thì thuế-vụ dù có động chạm đến tiết-kiệm tư cũng cần đánh. Nhưng trong trường hợp đó, thì phải công nhận rằng sự cấu-tạo tư-bản công gia-tăng lấn áp tư-bản tư chớ không có gia-tăng tổng-số tư-bản quốc-gia. Cho nên loại thuế đánh trên lợi-tức để tiết-kiệm chỉ đáng áp-dụng là khi ta biết rằng ít ra là tạm thời sự thay đổi cơ-cấu tư-bản quốc-gia như thế — thêm bên công và bớt bên tư, sẽ gia-tốc được sự phát-triển kinh-tế hơn là để cho tư-nhân tự đầu-tư lấy với số lợi-tức bị thuế ấy. Nhưng trong nhiều nước kém mở mang, xem chừng như sự gia-tăng đầu-tư công lấn áp đầu-tư tư mà chung qui không gia-tăng được sự cấu-tạo tư-bản tổng-quát trong nước sẽ không gia-tốc được mực-độ phát-triển kinh-tế, cho nên các thuế bổ-túc ở các nước đó nên đánh thế nào để hạn-chế tiêu-thụ là hơn. Điều ấy hàm-xúc một lời căn-dặn các nước kém mở mang là khi dùng chánh-sách thuế-vụ để phân-phối lại lợi-tức quốc-gia, lợi cho những nhóm người có khuynh-hướng tiêu-thụ cao thì phải hết sức thận-trọng và dè-dặt.

IV — Những hậu-quả thuận nghịch do lợi-tức và chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra

Khi người ta đề-nghị những biện-pháp thuế-vụ cốt để hạn-chế tiêu-thụ thì người ta đứng về phương-diện tiết-kiệm quốc-gia mà xét vấn-đề. Nhưng còn một phương-diện khác không kém phần quan-trọng mà bây giờ ta phải bàn đến là lợi-tức và chi-tiêu của chánh-phủ sanh ra những hậu quả

thuận nghịch khuyến khích đầu-tư và sản-xuất thế nào.

Theo như đã nói trước thì chánh-phủ có thể gia-tăng mực-độ cấu-tạo tư-bản bằng cách đánh thuế bổ-túc trên tiêu-thụ và dùng lợi-tức thuế-vụ bổ-túc ấy để đài-thọ những chi-tiêu về tư-bản. Nhưng cái tầm các nước kém mở mang có thể theo đuổi chánh-sách thuế vụ dựa trên đường lối đó, thì thường thường bị giới-hạn, chẳng những vì không nên, hay về mặt chánh-trị, không thể chận đứng tiêu-thụ không cho gia-tăng được mà còn vì lẽ thuế bổ-túc có hậu quả không hay trên sáng-kiến và cố-gắng của tư-nhân. Các thứ thuế giảm bớt tiêu-thụ thì chung qui cũng giảm bớt thị-trường và lợi-tức của một số nhà sản-xuất, cùng làm cho họ bớt muốn đầu-tư thêm trong ngành của họ. Hơn nữa, bởi giới-hạn tầm tiêu-thụ của người ta nên làm cho lợi-tức bớt quyến rũ họ, và như thế không bõ công kinh-doanh sản-xuất để thêm lợi-tức. Thí dụ, nếu đánh thuế trên hàng vải trong nước thì chắc chắn số cầu tổng-quát sẽ xuống và như thế khả-năng sản-xuất vải trong nước sẽ bị khiếm-dụng ngay, thuế vụ còn có thể chận đứng không cho dung-lượng đầu-tư vào việc sản-xuất hàng vải gia-tăng nữa. Thuế-vụ đánh trên nông-sản để xuất-cảng sẽ gây hậu-quả tai-hại cho ngành sản-xuất để xuất-cảng và đầu-tư vào nông-nghiệp để xuất-cảng. Những hậu-quả ấy có đặc-tính riêng đối với các nước hậu-tiến, là những nước mà các nhà sản-xuất nông-sản có thể chọn lựa hoặc sản-xuất để tiêu-thụ trong gia-đình (tức nhiên là trốn thuế hết) hoặc sản-xuất để xuất-cảng. Cũng thế, thuế nhập-cảng có thể làm nản lòng những người không thể dùng lợi-tức của họ để tiêu-thụ hàng-hóa nhập-cảng.

Nhiều khi có người cãi lại rằng: khi mà người ta cố giữ mực tiêu-thụ thực-sự nào đó hay là tiêu-thụ những hàng-hóa nhập-cảng và khi họ không mấy tha-thiết đến vấn-đề nghỉ ngơi thì thuế-vụ có thể có hậu-quả lợi hơn là hại. Theo đó thì dường như phần đông quần-chúng có mực lợi-tức và tiêu-thụ thấp sẽ cố gắng sản-xuất hơn nếu thuế càng cao. Nhưng sự thật thì không có gì chắc-chắn rõ ràng có nước nào, thuế-vụ có những hậu-quả lợi như thế, đủ sức để bù chỉ lại những hậu quả hại về phương-diện khác. Nhưng dù sao, thì ở các nước kém mở mang, cái lập-luận về biện-pháp thuế-vụ như thế dễ gây ra một sự đối-lập chánh-trị mạnh mẽ lắm.

Đánh thuế thêm, xem chừng sẽ có hậu quả tai hại trên vài lãnh-vực của quốc-gia, nhưng không phải vì thế mà cần kíp phải loại hẳn biện-pháp ấy ra. Như đã nói trước, khi bàn đến gánh nặng thuế-vụ, ta cũng phải nghĩ đến những lợi-ích người đóng thuế được hưởng do chi-tiêu của chánh-phủ. Và sự dung hợp cái lợi cái hại đó mới định đoạt được thái-độ của cá-nhân hay của đoàn-thể trước một hệ-thống thuế-vụ. Và hơn nữa, nếu hậu-quả lợi, do chi-tiêu của chánh-phủ sinh ra, không bù chỉ nổi những hậu-quả hại do thuế-vụ bổ-túc đi nữa, thì thuế-vụ bổ-túc vẫn còn là một khí-cụ để phân-phối lại tài-nguyên quốc-gia, để sử-dụng nơi nào có quyền ưu-tiên nhứt và là một biện-pháp để chế-ngự lạm-phát. Song le, dù ở trường-hợp nào thì ta cũng phải có nhận xét và cân

phần những hậu-quả lợi-hại ấy trước. Cái mãnh-lực của những hậu-quả thuế-vụ trên sản-xuất và đầu-tư không phải tùy ở mực-độ thuế-vụ mà thôi mà còn ở từng loại thuế-vụ nữa. Hậu-quả tai-hại của loại thuế lũy-tiến rất đáng lưu-ý trong trường-hợp những sự đầu-tư có tính-cách mạo-hiểm, vì nhà kinh-doanh e ngại việc chánh-phủ sẽ lấy một phần lớn tiền lãi của mình đi.

Hậu-quả tai-hại sẽ kém đi, nếu giữa sự cố gắng sản-xuất và thuế-vụ không có một sự liên-lạc trực-tiếp. Như thuế điền-thổ đánh theo giá-trị ruộng đất hơn là theo số sản-xuất hằng năm sẽ làm hại sản-xuất ít hơn là thuế sản-xuất. Cũng thế, thuế bất động-sản có thể lợi hơn là thuế đánh trên lợi-tức cho thuê. Một phương-pháp khác cũng đòi hỏi một sự lưu-ý đến những hậu-quả hại như thế, là thay vì đánh thuế, chánh-phủ vay bợ của tư-nhân để lấy thêm lợi-tức. Nếu chánh-phủ vay bợ tiền tiết-kiệm, mà tư-nhân hoàn-toàn tự ý cho vay, thì không có gì làm hại sản-xuất, mà trái lại có khi còn khuyến-khích sự tiết-kiệm là khác. Cho nên khả-năng vay bợ của chánh-phủ để lấy thêm lợi-tức, cần phải được xem xét và sử-dụng, nhứt là trong trường-hợp mà biện-pháp thuế-vụ chỉ có hậu-quả hại trên sản-xuất và đầu-tư của tư-nhân.

Cho dầu cái quá-trình cho chánh-phủ vay nhiều khi là sự bắt buộc thì sự trả tiền lời và cam-kết trả nợ lại vẫn có thể giảm bớt, được phần nào, những hậu-quả tai-hại của nó, còn hơn là phải nhờ đến thuế-vụ mà cũng chỉ để lấy thêm một số tiền như là vay bợ thôi.

V.— Nhận xét hành-chánh

Sự chọn lựa những khí-cụ thuế-vụ trước hết tùy ở mục-tiêu về cơ-cấu lợi-tức, cần bao nhiêu lợi-tức và phân-phối gánh nặng thuế-vụ giữa các nhóm có lợi-tức khác nhau cùng các lãnh-vực kinh-tế thế nào. Nhưng ta phải công-nhận rằng ở các nước kém mở-mang sự chọn lựa khí-cụ thuế-vụ nầy hơn cái khác còn bị giới-hạn bởi khả-năng và hiệu-lực của cơ-quan hành-chánh thuế-vụ. Làm nhẹ nhàng cho cơ-quan hành-chánh, vẫn được xem là một điều-kiện quan-trọng, trong khi thiết-lập một hệ-thống thuế-vụ ở các nước, nhứt là các nước kém mở mang, là những nước thiếu những nhà hành-chánh và kế-toán lành nghề, mà người dân lại có xu-hướng trốn thuế mạnh và họ có thể trốn dễ dàng nhờ sự dùng bạc mặt trong lúc buôn bán giao-dịch với nhau, còn sổ sách thì thiếu sót hay là không có nữa.

KẾT LUẬN

Người chịu một sắc thuế cũng như người phê-bình một hệ-thống thuế-vụ chỉ nhận xét cái gánh nặng thuế-vụ mà thôi thì chưa đủ, còn cần phải tìm hiểu những lợi-ích do những chi-tiêu của chánh-phủ nữa mới mong có một thái-độ hợp-lý và công-bình. Người lập chánh-sách thuế-vụ mà chỉ lưu ý đến phản-hiệu (incidence) và ảnh-hưởng impact của thuế-vụ mà quên phản-hiệu và ảnh-hưởng do chi-tiêu của chánh-phủ và những phương-diện khác thì chỉ hiểu biết vấn-đề có phần nửa. Những nhận xét trên đây chỉ có tính-cách lý-thuyết và cũng chưa đầy đủ. Người đọc muốn có những nguyên-tắc đầy đủ để tìm hiểu một chánh-sách thuế-vụ hay một sắc-thuế mới, cần phải đi sâu vào vấn-đề nhiều hơn nữa. Nhưng

những nhận xét căn-bản trên đây cũng đủ để giúp ta tránh những thái-độ, những ý-thức có khi thiên lệch và giúp ta nên dè dặt trước vấn-đề thuế-vụ. Là người dân, ta có quyền phản-đối, công-kích thuế nầy thuế nọ vì nó động chạm đến quyền lợi, đến túi tiền, đến đời sống của mình, của gia-đình mình ; nhưng ta cũng không nên quên hay bỏ qua những ích lợi mà ta được hưởng do chi-tiêu của chánh-phủ, vì chi-tiêu và lợi-tức thuế-vụ của chánh-phủ là hai phương-diện của một vấn-đề.

HUỲNH-VĂN-LANG

BẢN I

Lợi-tức của chánh-phủ sánh với sản-xuất quốc-gia
1950 — 1955

Quốc-gia	Lợi-tức thường % sản-xuất quốc-gia	Lợi-tức thuế vụ % sản-xuất quốc-gia
Phi-châu		
Congo Bỉ	18 0	16.2
Nigeria	8.4	7.9
Rhodesia và Nyasaland	22.9	20.9
Nam-phi	19.2	16.6
Á-châu		
Miến-điện	18.0	17.1
Tích-lan (Tây-lan)	18.2	15.5
Ấn-độ	8.9	7.2
Do-thái	17.9	15.8
Nhựt	21.8	21.1
Li-băng	10.9	9.7
Mã-lai	11.9	10.1
Phi-luật-tân	9.1	8 4
Thái-lan	10.9	8.5
Nam và Trung Mỹ		
Argentine	10.5	7.2
Brazil	8.5	7.7
Chilie	19.7	15.1
Colombia	10.7	10.7
Nam và Trung Mỹ		
Ecuador	18.2	13.6
Honduras	9.6	9.0
Jamaica	12.1	11.9
Mễ-tây-cơ	8.3	6.7
Peru	12.5	11.4
Âu-châu		
Áo	31.9	31.3
Bỉ	24.4	23.2
Đan-mạch	23.2	21.6
Tây-đức	33.7	32.4
Hy-lạp	19.9	18.8
Ái-nhĩ-lan	22.8	21.6
Na-uy	29.4	27.8
Thụy-điển	28.8	25.6
Anh	30.9	30.4
Bắc Mỹ và Úc-châu		
Úc-đại-lợi	24 6	23.4
Gia-nã-đại	26 5	24 1
Tân-tây-lan	29.6	27.0
Mỹ	25.4	25.4

(IBRD, RM, Ec. 60, February, 1958)

dòng tư tưởng...

MỘT NGƯỜI

Tôi có quen biết một người dáng vẻ thật tầm-thường, mà có những đặc-điểm khiến tôi khó quên được.

Ở trong nhà hay ngoài đường phố, cử-chỉ bao giờ cũng đĩnh-đạc mà tự-nhiên.

Xử-sự với kẻ thân hay người sơ, thái-độ bao giờ cũng thân-ái mà đúng mực.

Tiếp-xúc với con trẻ hay ông già, bộ-dạng bao giờ cũng chỉnh-sức mà ân-cần.

Đối-đãi với thành-phần hào-phú hay bần dân, phong-thái bao giờ cũng thanh-lịch mà gìn-giữ.

Trước việc gấp rút hay bất ngờ xảy ra, thần-sắc ít khi biến đổi.

Lúc bị khinh-rẻ hay được khen-lao, phê-phán ít khi thiên-vị.

Gặp sự bất-công hay điều phi-lý, phẫn-nộ ít khi quá-thất.

Trong bước thăng-tiến hay thoái-nhượng, nhân-cách ít khi tiêu-giảm.

Người tưởng như rất xuề-xòa, rất dễ-dãi, ai cũng gần được, ai cũng thân được, mà kỳ thật là người rất chín-chắn, rất bao-dung, có thể gần được mà không thấu tới được, có thể thân được mà không suồng-sã được.

PHẠM-HOÀNG

ĐỊNH-NGHĨA DÂN-CHỦ

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên-khảo)

Sau ngày thâu hồi độc-lập, câu nói ở cửa miệng mọi người Việt là dân-chủ: *tinh-thần dân-chủ, chế-độ dân-chủ, hành-động dân-chủ, thái-độ dân-chủ... Câu nói chứng tỏ mọi người đều ao ước và đòi hỏi dân-chủ, coi dân-chủ là mục-tiêu phải đạt được trong cuộc sinh-hoạt quốc-gia, và cho rằng sinh-hoạt quốc-gia có đạt được mục-tiêu ấy thì mới có ý nghĩa, mới có thể coi là chính đáng được.*

Nhưng dân chủ gì? Dân-chủ phát xuất từ đâu và triển dương thế nào? Trải qua các thế-kỷ, dân-chủ đã diễn tiến và biến thái ra sao? Dân chủ đã thành-công hay thất bại? Đó là những câu hỏi chúng ta cần phải giải đáp để có một ý niệm chính xác về dân-chủ. Chỉ khi đã có một ý niệm chính xác về dân chủ, chúng ta mới có thể ấn-định thái-độ của chúng ta đối với dân-chủ, thi-hành dân-chủ được kết quả thiết thật trong quốc-dân và đóng góp phần dân-chủ riêng của mình vào trong dân-chủ chung của thế-giới.

Loạt bài chúng tôi khởi sự đăng từ số này không ngoài mục-đích trên, và chúng tôi mong sẽ hiến quý vị độc-giả năm ba ý kiến đáng suy nghĩ về một vấn-đề hiện đang được đặt ra trước lương-tâm của toàn thể nhân-loại, và cũng là vấn-đề quyết-định giá-trị sinh-hoạt cho toàn thể nhân-loại.

Tài-liệu chính chúng tôi tham-khảo và trích-dịch là số Đặc-biệt, tháng chín năm 1959, của tạp-chí Esprit: «*La démocratie est une idée neuve*», *nhất là bài «Définitions» của ông chủ-nhiệm J. M. Domenach. Ngoài ra, quý vị độc-giả có thể kê cứu thêm những tài-liệu căn-bản sau đây: George Burdeau:* La démocratie, essai synthétique (*Office de Publicité, Bruxelles 1956*); *Jean Lacroix:* La souveraineté du droit et la démocratie» (*Esprit, Mars 1935*); *A. Philip:* Qu'est ce que la démocratie? (*Cahiers de la République, sept-oct. 1958*); Le socialisme trahi (*Tribune libre: Ed. Plon*), *F. Bourricaud:* Démocratie et polyarchie» (*Esprit, Mai 1959*); *F. Perroux:* La cœxistence pacifique (*P.U.F.*);

DÂN-CHỦ là tiếng người Trung-hoa dịch tự hai tiếng hy-lạp *dêmos*, dân, và *kratos*, quyền, để chỉ một chế-độ chính-trị, trong đó chủ-quyền thuộc về toàn-thể nhân-dân.

Định nghĩa như trên thoạt nghe tưởng như đã rõ ràng lắm và không còn phải thêm thắt gì. Nhưng ta lại thường thấy danh-từ dân-chủ được điểm theo sau nó một danh-từ khác tùy theo địa-phương, tùy theo đảng-phái và cũng có khi tùy theo tôn-giáo, và có cảm-giác như người điểm thêm danh-từ cho nó, muốn cho nó mang, ngoài ý-nghĩa chính, một ý-nghĩa mới nữa : dân-chủ tây-phương, dân-chủ nhân-dân, dân-chủ ki-tô-giáo, đó là chưa kể « dân-chủ chỉ-huy » của tổng-thống Soekarno.

Ta còn thắc mắc hơn nữa khi ta thấy càng phổ-cập thì bản-chất dân-chủ dường như càng bị pha loãng giữa những hình-thức biểu-hiện trong lãnh-vực chính-trị, rất phức-tạp mà có khi mâu-thuẫn nhau.

Thật ra thì trạng-huống hỗn-tạp, bất-đồng đó là dấu hiệu dân-chủ ngày nay hiện đang trải qua một cơn khủng-hoảng trầm-trọng : người ta ai cũng xưng-tụng dân-chủ, mà thật ra hình như ai cũng đâm ra nghi ngờ dân-chủ, ít là nghi ngờ hiệu năng của dân-chủ. Trước đây, dân-chủ phát-hiện, được coi là tiến bộ cao siêu nhất, là điều kiện chính-trị căn bản cho mọi tiến-bộ ; bây giờ thì người ta lại tự hỏi dân-chủ phải chăng là một chế-độ lỗi thời, đã bị tiến hóa của thế-giới vượt qua và bỏ rơi lại. Hơn thế, ở Đông-phương, tại một vài nước mới thâu hồi được độc-lập, người ta còn nghi-ngờ tới cả thật-chất của dân-chủ, coi dân-chủ nguyên xuất phát tự Tây-phương có thể tốt cho người Tây-phương, nhưng có thể gây nguy hại cho người Đông-phương, có những tôn-giáo, phong tục, nếp sống khác với người Tây-phương.

Tất cả những lý-do trên dẫn chúng ta tới một nhận định là phải đặt lại vấn-đề dân-chủ và trước hết, cần phải trở lên tận cội nguồn mà xét coi dân-chủ là gì, dân-chủ đã được định nghĩa ra sao.

I.— Định-nghĩa dân-chủ

Trên bình-diện đạo-lý : dân-chủ đảm-bảo tự-do.

Từ thuở ban sơ, trong một vài bộ lạc, một vài đô thị, dân-chủ là một phương-pháp dùng để cho một số đông người được tham gia vào việc quyết-định và liệu lý những vấn-đề có liên-quan đến cuộc sống chung của tập thể. Đó là dân-chủ hiểu theo nghĩa ban sơ. Còn dân-chủ hiểu theo nghĩa hiện đại thì phát sinh tự các trào lưu giải phóng trí-thức và tinh-thần của Tây-phương, từ cuộc Văn-nghệ Phục-hưng cho tới cuộc Cách-mệnh Pháp. Chủ-nghĩa nhân-bản và Tôn-giáo cải-cách thì tuyên-bố người ta phải được tự-do tín-ngưỡng, chống lại quyền-uy độc-tôn của các giáo điều, trong khi chủ-nghĩa duy-lý theo học phái Descartes đặt vấn-đề : hết mọi người đều có « lương tri », và « lương tri quân-bình » cho hết mọi người. Do đấy, dân-chủ được coi như một đòi hỏi của con người muốn cho đạo-lý, — cái nghĩa lý đương nhiên, ai cũng phải công nhận, — được đảm bảo và thật hiện : con người vốn đã được tự-do và bình-đẳng thì phải có phương

tiện để thật hiện tự-do và bình-đẳng ấy ; muốn được vậy, điều phải làm trước tiên là tiêu hủy nguyên-tắc quân-chủ, nguyên-tắc phù - trợ và bảo hộ sự nô-lệ cùng sự bất công. Từ *thần - dân*, mỗi người trở nên *công-dân*, danh-từ xưa dùng để chỉ tư cách của một hạng người thượng lưu và nay dùng để chỉ tư cách của mọi người dân mới thuộc một xã - hội đã được đổi mới, trong đó hết mọi phần tử đều trở nên anh em ruột thịt của một gia-đình.

Có đọc lại bản văn của các nhà cách-mệnh như Đăng - tông (Danton) Sanh-Giuýt (Saint Just) hay Rô-bét-pi-e (Robespierre), ta mới thấy rõ các nhà cách-mệnh ấy ý - thức rõ việc xây dựng một chế - độ triệt để đổi mới thế nào. Các vị ấy chủ - trương : bây giờ không còn phải là lúc đặt ra vấn - đề giao cho người nào quản - trị, liệu lý việc nước, để nước được giầu, dân được mạnh nữa ; vấn-đề chính cần phải nêu ra là sự quản-trị liệu lý việc nước phải giao cho dân và chỉ dân mới có được quyền ấy, bởi lẽ việc nước là việc của dân. Dân tự định đoạt lấy số mệnh của mình, nên quyền của dân không có giới hạn nào ; hạnh-phúc của dân, từ nay, hoàn toàn do dân định đoạt lấy và mưu cầu lấy, không cần phải nhờ ai làm trung-gian cả.— Do đấy, dân chủ phát hiện ra trước mắt thế-giới như một tiếng sét và mọi người coi đó là một chế-độ độc - đáo đến quái-dị, một chế-độ khác hẳn với mọi chế-độ khác, một chế-độ mà các nhà cách-mệnh coi là hợp cách nhất đối với con người đã ý-thức được tự-do của mình và chỉ trong đó, con người ý-thức được tự-do của mình mới có cơ sinh-sống thỏa-mãn được. Việc chính-trị không còn có nghĩa là việc hướng dẫn nhân-dân theo một điều thiện, điều chính nào ở ngoài nhân-dân nữa ; điều thiện, điều chính đó phải ở trong nhân-dân và chỉ trong nhân-dân mới có được mà thôi. « Dân-chủ là chế-độ duy-nhất, mà mọi trật-tự chính-trị biết tôn-trọng phẩm-giá của con người tự-do, đều phải lấy làm nền tảng để xây dựng vậy ».

Trên bình-diện chính-trị : dân-chủ thật-hiện bằng đầu-phiếu và đại-quyền.

Tất nhiên, sẽ có người đưa ra câu hỏi : nhưng làm sao có thể thiết-lập được một chính-quyền của toàn thể nhân-dân cho toàn thể nhân-dân, một chính quyền trong đó nhân-dân vừa làm kẻ thống-trị, vừa làm kẻ bị trị? Rút-xô (Rousseau), một người vốn chủ-trương dân-chủ triệt-để, muốn đề-nghị một chính-thể dân-chủ trực-tiếp, để người dân trực-tiếp điều-kiển quốc-gia và ông đi đến kết-luận : một chính-thể như vậy chỉ có thể thật hiện được cho một nước bé nhỏ ; các quốc-gia hiện đại thường quá rộng lớn, không dễ khiến cho người dân được thuận-tiện thảo-luận hết mọi việc nước ở một hội-nghị-trường. Rút-xô lại thường tỏ bộ hoài-nghi mọi phương-sách ủy-quyền, coi đó là một cách tiếm-quyền, thường làm sai lạc hẳn cái « *ý-chí chung* » của nhân-dân đi (1). Các nhà sáng lập chế-độ dân-chủ Pháp lại đi một đường lối ngược hẳn ; đối với các vị này thì muốn cho « *ý-chí chung* » khỏi bị lạm-dụng và lợi-dụng, cần phải đặt ra một định-chế, một cơ-cấu có quyền

(1) Quí vị độc-giả muốn hiểu rõ chủ-thuyết của Rút-xô, xin coi : Bách-Khoa, số 10 và 11 (1957) « Rút-xô với bộ Dân ước luận », Hoàng-minh-Tuynh biên-khảo.

quyết-nghị, rồi dùng cách đầu phiếu mà sung bổ vào đó những phần tử xét ra là ưu-tú nhất ; những người được sung bổ sẽ không bị dân-chúng lạm-dụng và bè phái lợi-dụng, tự nhiên sẽ họp thành một tập-thể thể hiện thật đúng chủ-quyền của nhân-dân. Tuy được có một phần số của nhân-dân bầu lên, người được tuyển-trạch không vì vậy mà không phải là người do toàn-thể nhân-dân chỉ-định, nhờ có một cách-thức ủy-nhiệm quyền-hành huyền-bí. Chủ-quyền quốc-dân như vậy là được phó thác cho Quốc-hội, và không có một tập-thể nào của nhà nước hay một hội đoàn nào của xã-hội có quyền được nhận cái chủ-quyền ấy làm của riêng mình.

Chủ-trương đại quyền theo truyền thống của người Pháp như vậy tuy không thật thích hợp chủ yếu với nguyên-tắc dân-chủ chính thống, song cũng không có gì thật trái nghịch với nguyên-tắc ấy. Nhiều chế-độ khác có một quan-niệm mềm dẻo hơn, thuận ứng với đại quyền hơn : họ coi đại quyền chỉ là một cơ-quan của nhà nước chứ không phải là cơ-quan thụ nhiệm tuyệt đối chủ quyền của nhân-dân. Song dù người ta coi nguyên-tắc đại quyền có quan trọng nhiều ít thế nào chăng nữa, đại quyền vẫn gắn liền với dân-chủ : trước hết vì đại quyền là một phương thế tiện lợi và thật tế nhất để phát biểu ý chí của đa số ; sau nữa vì nhờ nguyên-tắc đại quyền, người ta có thể đem nguyện-vọng của nhân-dân đặt thành những cuộc bàn cãi chung, có tính cách công cộng, khiến tránh được những va chạm huyên náo giữa nhân-dân và những người hành sử chủ quyền của nhân-dân.

Tuy nhiên phải nhìn nhận một điều là định nghĩa dân-chủ về phương diện chính trị cho thật sát là một điều rất khó ; chỉ có thể nói được khi một chính thể mà chủ quyền được hành sử theo đúng nguyện-vọng của ta số công-dân thì có thể gọi chính thể ấy là chính thể dân-chủ ; và muốn đạt tới một chính thể như thế, không có cách gì khác hơn là phải dùng tới hai phương thế chúng tôi vừa nói trên, là đầu phiếu và đại quyền ; đầu phiếu và đại quyền là hai yếu tố chính của dân-chủ về phương-diện chính-trị vậy.

Trên bình-diện pháp-lý : dân-chủ phải tùng-phục pháp-độ tối thượng.

Chính - thể dân - chủ là chính - thể của nhân - dân, do nhân - dân hành-sử, vì vậy chính-thể dân-chủ có một mãnh-lực và một quyền-uy pháp-lý tuyệt-đối. Đối với một chính-thể chuyên-chế, kẻ đối-lập chỉ đối-lập với một quyền-uy ở ngoài nhân-dân ; trong chính-thể dân-chủ, kẻ đối-lập đối-lập ngay với chính mình vì kẻ ấy đã tạo - tác nên chính-quyền của mình, của nhân-dân. Do đấy, ta thấy khi một chính - quyền chuyên-chế lấy nguyên-tắc dân-chủ làm nền móng thì quyền-uy của họ trở nên vô biên, không còn có giới hạn nào, nhất là khi nguyên-tắc ấy được áp-dụng một cách máy móc và không đảm bảo. Người Cộng-sản đã sử dụng nguyên-tắc dân-chủ một cách kinh khủng, khi họ dàn áp những phần tử đối-lập với họ, họ bảo những kẻ đối-lập với họ là những kẻ phạm một tội ác thậm vô lý và thái-độ ấy làm cho phạm nhân trở nên mâu-thuẫn với chính mình.

Tuy nhiên dân-chủ có được quyền-uy tuyệt - đối như vậy không có nghĩa là dân-chủ muốn làm gì cũng được, dân-chủ phải tự đặt cho mình một giới hạn, bằng cách

tùng-phục những qui-tắc pháp-lý tối thượng, đảm bảo những quyền tự-do căn-bản cho con người, cho con người giữ được trọn vẹn giá-trị của con người, cho dân-chủ có một giá-trị nhân-bản, và không khi nào vượt qua những qui-tắc ấy : như ông G. Gurvitch nói : « Chế-độ dân-chủ không phải là một chế-độ do đa số chi phối, mà là một chế-độ do pháp-lý chi phối ». Đa số quản-trị quốc-gia, nhưng đa số không phải là nguồn gốc phát sinh ra pháp-độ tối thượng. Từ nguyên-tắc, đa số cũng chỉ là một biểu hiện của quyền lực như mọi biểu hiện khác : đa số có thể đông hàng chục triệu, và có uy thế rất mạnh mà đa-số vẫn có thể sai lầm.

Trong chế-độ dân-chủ, đa-số chỉ là một phương-tiện, được coi là thích đáng hơn hết để đảm-bảo một chính-thể công bình, hòa-hảo, khôn-ngoan, nhưng đa-số sở dĩ nắm được guồng máy quản-trị là cũng nhờ vào một pháp độ tối thượng vốn đã có sẵn từ trước khi có đa-số và coi đa-số là biểu hiện quyền-lợi của quốc-gia tương-đối chắc-chắn hơn hết và ít độ: đoán hơn hết. « Không phải số đông tạo nên pháp-độ tối thượng mà chính pháp độ tối thượng làm cho quyền-lợi của số đông giữ được ưu thế (trong nội bộ một cộng đồng, một tập thể). »

Bởi vậy, đa-số, dù gần toàn số đến đâu chăng nữa, cũng vẫn phải tùng phục qui-tắc pháp-độ tối thượng do tiêu-chuẩn của Hiến-pháp ấn-định, khi hành sử quyền-hạn đã được toàn-thể quốc-dân giao phó trong một thời-gian. Chỗ này chính là chỗ dị biệt giữa một chính-thể dân-chủ chân chính và một chính-thể độc-tài giả danh dân-chủ : chủ-nghĩa Hit-le (Hitler) ngày trước, mặc dù cũng có một căn-bản nhân-dân và có thể đa-số người Đức tán-thành chủ-nghĩa ấy trong một thời-gian, song đa-số trên không gây nên được một chế-độ dân-chủ thật sự, chỉ vì đã ban hành những đạo luật trái nghịch với nhân phẩm, nhân quyền. Và ngay như Đệ-tứ Cộng-Hòa Pháp-quốc trước đây sở dĩ đi tới chỗ thất bại cũng chỉ vì đã hợp thức hóa những lệ-luật bất hợp thức để cho chính-phủ được những quyền-hành, gọi là « quyền-hành đặc-biệt » — Còn có sự việc tệ hại hơn thế, như khi người Pháp công-bố những người xứ An-giê-ri (Algérie) thuộc Hồi-giáo là những « công-dân Pháp » ; một cách dãi-ngộ riêng biệt, áp-dụng riêng biệt cho một số công-dân như thế, có nghĩa là tất cả mọi hạng công-dân Pháp đều bị hiểm-họa vì bội dân-chủ ấy đe dọa thường-trực và cái phiên chính bản-thân mình bị xâm hại có thể xảy ra bất cứ lúc nào ; người ta gần như đặt thành nguyên-tắc : có thể đem pháp-độ ra làm vật hy-sinh cho nhu-cầu nhất thời của chính-trị. Gia dĩ, người thời nay hình như chú-ý tới thật-tế nhiều hơn là chú-ý tới bản văn, nên thường không đo lường được hậu-quả của một số bản văn mà họ coi chỉ có tính-chất hình-thức, không mấy quan-hệ. Việc « ban phát » tư-cách công-dân Pháp cho một hạng người bị đặt ra ngoài vòng luật-lệ Pháp như thế chính là một mầm giống hủy-hoại đưa lần nền dân-chủ Pháp tới chỗ mục nát, bại vong vậy. Thuở xưa, Đi-đơ-rô (Diderot) đã từng phen lớn tiếng thốt ra câu : «Trong nước có nô-lệ chăng nữa, điều ấy không sao cả. Điều không thể tha thứ được là trong nước có nô-lệ mà lại mang danh là công-dân ». Dân-chủ có thể thuận ứng được với một chế-độ nô-lệ trong thật-tế,

nhưng không thể hòa-hoãn được với một chế-độ nô-lệ trên pháp-lý, vì sự nô-lệ này làm bại-hoại nguyên-tắc dân-chủ tự trong nguyên-tắc, lấy bình-quyền, bình-đẳng làm đầu mối liên-hệ giữa quốc-dân.

Câu nói dân-chủ phải tùng-phục pháp-độ tối thượng là câu nói gồm hai ý-nghĩa. Ý-nghĩa thứ nhất là quyền-uy trong chế-độ dân-chủ thật sự không thể là quyền-uy phát-sinh do sự tàn bạo, hay sự ức chế, mà phải là quyền-uy có một « chức vụ pháp-lý », nghĩa là trở nên một lợi khí giúp cho quốc-dân được dịp đối thoại với nhau một cách hợp tình, hợp lý, dung hòa được nhu-cầu của thật-tế chính-trị với nguyên-tắc đạo-lý vốn là nền tảng của Hiến-pháp. Ý-nghĩa thứ hai như chúng tôi đã nói trên, là dân-chủ phải nhìn nhận có một pháp-độ tối thượng bảo-vệ nhân-bản-vị — Quyền của con người khiến cho con người được toàn năng về mặt chính-trị, chỉ chặn giữ con người ở cái mức lạm-dụng hoặc xâm-phạm tới những tự-do căn-bản bất khả xâm-phạm, thậm chí có thể để con người được quyền khởi nghĩa chống lại một chính-quyền khi chính-quyền ấy phản bội pháp độ.

Do đấy, khi nói dân-chủ là một chế-độ chính-trị, thật chưa đúng hẳn, dân-chủ thật ra là nỗ-lực biểu hiện trật tự đạo-lý, cơ-bản pháp-độ trong một chính-thể ; và cố-nhiên trong phạm-vi đó, có thể có những cơ-quan hiến-pháp được thiết-lập nên để trù liệu việc thật hiện và điều-hành nỗ lực ấy. — Có những chế-độ khác cũng tuyên bố tôn trọng những giá-trị trên, song chế-độ dân-chủ không chỉ tuyên-bố tôn trọng, mà còn cố-gắng làm cho những giá-trị ấy thâm nhập được vào những giường mối giao-tế trong xã-hội, nhất là trong địa hạt pháp-lý là nơi có đảm bảo chắc chắn nhất. Đó là điều cao cả của dân-chủ, nhưng cũng là chỗ suy yếu của dân-chủ.

KỲ TỚI : Những khó-khăn trong thật-hiện dân-chủ.

HOÀNG-MINH-TUYNH
(bút-khảo)

★ Người lãnh-đạo giỏi không phải là người có ma thuật gì, mà chỉ là người biết đánh thức tài-năng của kẻ khác dậy. Người lãnh-đạo giỏi biết uốn nắn kẻ dưới theo hình ảnh của mình, hình ảnh một người tự-do, có óc sáng-tạo và có tinh-thần hiên ngang. Người ấy sung sướng khi làm nảy nở ra được sự sáng suốt, sự quyết đoán, sự thành thật ở nơi những kẻ trước đó không lâu vẫn còn là những kẻ ấu-trĩ trước cuộc đời.

(*Bussy-Robin*)

★ Phương-thế gây tín-nhiệm hay hơn hết đối với một người, là dẫn đưa người ấy tới chỗ vượt chính bản thân họ để họ vươn lên thật cao, và biết khám phá cùng tôn-trọng những giá trị vẫn còn tiềm ẩn ở nơi họ.

NHÂN NAM CANH-TÝ NÓI CHUYỆN VỀ:



CON CHUỘT

THEO QUAN-NIỆM TA TRONG

VĂN THƠ'

THUẦN-PHONG

Về thăng thiên lục vấn (1) mở đầu:

Kể từ lúc khai thiên hội tụ,
Vẫn cùng là nguyên khí hồng hoang,
Vừa đến đời Bàn-Cổ mở mang
Rồi mới phân âm dương ra trời đất.

Trong truyện Trinh - Thử (2), chuột Bạch ứng đối với chuột Đực, cũng nhắc ngôi vị của loài mình do « ông Thánh » đã đề cao khi nói : *Thiên sanh ư tý*, rằng :

Mở mang trời cũng có mình,
Lẽ nào dám để thường tình cười chê ?

Không biết vì lẽ chi và ông thánh nào mà vinh tôn thứ loài *gặm cạp* (3) thái quá. Âu là theo cái đà vinh tôn ấy mà nó được mọi trèo dèo, nghinh-ngang hống-hách trên xà nhà, *vinh râu*, xem con mèo bằng nửa mắt :

Con mèo con mẻo con meo !
Muốn ăn thịt chuột thì leo xà nhà ! (4)
(Ca-dao)

Con mèo, kẻ thù truyền kiếp, há dễ dung - tha, nên dập đuôi thót lên truy nã. Thật là « kỳ phùng địch thủ » vì :

Mèo khen mèo dài đuôi,
Chuột khen chuột nhỏ mình để chạy.
(Tục-ngữ)

Nhỏ mình để chạy, nên nó rút vào một hầm núp kín đáo, một lô-cốt thiên-liêng, mà kẻ tục-tử phàm nhơn không hề được phép xâm phạm : nó ngự vào cái trang thờ Bà !

---

(1) Nguyễn-Văn-Chiêu, Imprimerie de l'Ouest, Hà-đông, 1939.

(2) Theo Huỳnh-Tịnh-Của, truyện nầy gọi là Thơ Bạch-Thử.

(3) (4) Thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao. văn thơ huộc về con chuột đều in chữ xiên.



THƯƠNG thay, tuy đứng đầu mười hai con giáp và tuy đã chứng-kiến cuộc lập địa khai thiên, nó vẫn còn dại khờ, chẳng biết rằng, trong cuộc sát-phạt, kẻ cừu-địch không hề dừng bước lại bất cứ lãnh-vực nào : Bà Cậu, Thánh Thần không hề và không thế chở che bọn kiêu-căng mất dạy, dám xông-pha vào chốn thiêng-liêng ; cho nên cái trang Bà là chốn tử địa của con chuột *lí-lắc* :

Con mèo bắt chuột trên trang,
Con luốt bắt nhát dưới sàng chun lên !
(Ca dao)

Bổn tánh *cà xốc* (1), tưởng mình có *xạ* là « hữu xạ tự nhiên hương », nên nó lên mặt với bọn người tuổi thân, cũng lí-lắc như nó :

Chuột chù chê khỉ rằng hôi,
Khỉ lại trả lời : cả họ mày thơm !
(Ca dao)

Còn ai không biết cái căn của nó là ở lỗ ở hang, ở mương ở *cống* :

Tuổi tý : con chuột cống xù,
Tha lúa, tha gạo, tha mò xuống hang.
(Về mười hai con giáp)

thế mà nó không bỏ nết kiêu căng :

Chuột chê xó bếp chẳng ăn,
Chó chê nhà dột ra lăn bụi tre.
(Ca dao)

(1) Tên một giống chuột, mà cũng nghĩa là kiêu-căng.

Với nết kiêu-căng, vì quen nằm ngửa *tha trứng vịt*, nó tưởng đội đá nhẹ nhàng như *đội vỏ trứng*, nên nó không ngần-ngại mà toan lung-lay một hòn đá khổng-lồ của các cô con gái không kém kiêu-căng :

Chúng chị là con gái chung vàng,
Đứng trên đỉnh núi thì ngang với trời !
Chúng chị là hòn đá tảng trên trời,
Chúng em chuột nhắt cứ đòi lung lay !
— Cha đời chuột nhắt chúng bay,
Hòn đá tảng rơi xuống thì mày gãy xương !
(Ca dao)

Cũng như ông tý nhà ta, các cô con gái đứng ngang với trời, quả thật lên mặt kiêu-kỳ tột bực, nhưng kỳ thật đã có chị nào không nói rỉ vào tai của « con chuột nhắt » cưng, những đêm hôm tăm tối « vạch vách trèo rào » :

Chuột kêu chút chít trong rương,
Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !
(Ca dao)

Cô nào đó âu cũng khéo tỉ hứng theo lối **Kinh thi**, dám đem cái rù-rì của mình mà so sánh với cái chút chít của cặp bồ nhà Tý mà Tú-Xương mô-tả :

Năm canh to nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây.
(Đi chơi ả đào)

Mà biết đâu môn đồ của Đức-Thánh chẳng đem so sánh với câu hát Quan-thơ danh tiếng :

Quan quan thơ cưu,
Tại hà chi châu,
Yểu điệu thục nữ,
Quân tử hảo cầu.
(Kinh Thi)



NHƯNG không lo, mối tình giữa quân tử và thục-nữ vốn thanh-cao, nên đã từ xưa được ông Thánh ca tụng mà bây giờ đệ-tử vẫn chưa hết hoan-nghinh ; còn mối tình giữa các chị « đứng ngang trời » và các « em chuột nhắt » thì trộm vụn thấp hèn, mà người ta gọi khinh khi là *mèo chuột*, *chim chuột*, e rằng, hôm nào Vu-Sơn thần-nữ quá độ mây mưa, sẽ bị *dậm cù* lọt vào *xà-đi* (1), mắc nạn *cháy nhà ra mặt chuột*.

Vâng, nạn chuột ! Loài cạp gặm hay dành những tai nạn bất ngờ cho những người xấu số, những kẻ mạt lộ cùng đồ :

Đi cùng bốn bể chín chu.
Trở về xó bếp chuột chù gặm chân.

(Ca dao)

Nó gặm chân hay cạp tay, là nạn tai đến ! Trong trường-hợp nầy dầu cho kẻ bị gặm có tốt số như *chuột sa hũ nếp*, thì cũng phải chịu *lù-đù như chuột chù phải khói*, *len-lét như chuột ngày* mà đương đầu với tai nạn đã báo điềm.

Với bao nhiêu tánh xấu tật hèn, nó đã bị nhà thơ chỉ trích :

Ông cống khoa nào chẳng thấy thi ?
Chuột thì kêu chuột, tý làm chi ?

Bắt hơi, chó xịt cong lưng chạy,
Nghe tiếng mèo ngao, rút cổ đi.
Tin nếp rá cơm tha thền bậy,
Đống rơm bồ lúa ngách hang kỳ.
Phô loài chuột lũ bay nên chạ,
Họa có bầu nan hấn sợ mi.

Khuyết danh

Nếu, ở trên đây, cô gái nào dám vì mình với chuột trong việc tư tình, thì Đồ-Chiểu lại ví chuột với hạng người xoi hang mạch nước, phản chúa hại dân; nên ông Già Ba-Trì đã thẳng tay lên án:

HỊCH CHUỘT

Tượng mẫng lẻ trời sanh,
Vật ấy nhiều loài ;
Nhớ câu thuận tánh làm lành ;
Thấy chữ nghịch thường mà sợ.

Nhỏ là ong kiến, còn có nghĩa quân thần,
Lớn như hổ lang, cũng biết ơn phụ-tử.
Xưa rằng : nha báo tai, thước báo hỉ,
đời cũng nhờ lành dữ đem tin ;
Kìa như : khuyển tư-gia, kê tư thần,
người còn cậy sớm khuya an giấc.
Lò tạo hóa nhúm nhen khắp vật, vật nào
hay khuấy rối sự nhà ;
Thợ Hóa-công đúc nắn nhiều loài, loài
nào dám xoi hang mạch nước.

Nay có con chuột rằng :

Lông mọc xòm xàm, tục kêu xù lắt,
Tánh hay ăn vặt, lòng chẳng kiên nhường.
Chỗ ở ám hang lỗ nhiều đường,
Bề lui tới vào ra hai ngách.
Nghe tiếng động vội vàng chạy mắt, nhảy
lên nhảy xuống, nhát quá mẹ chèo.

(1) Dậm cù là một cách săn chuột, thường khởi hành sau một trận mưa ; những người săn có dắt chó theo, phân nhau đi quãng một vùng có rậm, thành một vòng vây, càng đi càng siết chặt vòng vây lại : chuột động, lớp thì chạy theo đường mòn của chúng, gọi là *đường chuột chạy*, lọt vào *xà-đi*, là một thứ lồng tre hình dụn, có bom, lớp thì bị vây chặt lại trong đám cỏ bị dậm nằm sát đất, rồi bị người đập bay bị chó vật.

Chờ đêm khuya sẽ lén túc nhau, trèo ngược trèo xuôi, liến hơn cha khỉ.

Hỏi danh hiệu : con cống, con xạ, con xù, con lắt, anh em dòng họ nhiều tên.

Tra quán chi, thì : ở rạch, ở nhà, ở lùm, ở ruộng, bậu bạn non sông lắm chỗ.

Đại tiểu răng đều bốn cái, ăn của dời, thầm tối biết bao nhiêu.

Vắn dài râu mọc hai chìa, không mặt chủ, lung lăng đà lắm lối.

Vã mười giáp, giáp hoa đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm.

Mười hai chi, tuế nguyệt ở đầu, cũng đáng cư nhơn do ngãi.

Cớ sao hãy đem lòng xảo trá,
Cớ sao còn chuộng thói gian tham.

Túi Đông-Pha liền bữa tha gừng,

Ruộng Nam-quách ghe phen cắn lúa.

Nếp gạo của người nuôi bữa, ăn no rồi lại ỉa vào lu.

Nệm mùng của chúng che thân, cắn nát hết còn tha lót ổ.

Hoặc nằm ngửa, cắn đuôi tha trứng vịt, làm cho thằng tớ bị đòn.

Hoặc leo cây ngóng cổ gâm dò heo, khiến nỗi con đòi mang khổ.

Vậy cũng gọi mình hay ngũ kỵ,

Vậy cũng xưng ngồi trước tam tài.

Chẳng hổ mình vò nuốt dưới cầu,

Còn sanh thói lần mò bên vách.

Thức xem sách Lỗ-sử, biên câu thực giác, tao hỏi bay ? Vì miệng ai, cho nên vua lỗi đạo tế trời ?

Thơ quốc phong để chữ thực miêu, vì miệng ai, cho nên dân xa làng bỏ đất.

Che phen cắn quần hư áo rách, vì miệng ai, cho nên chồng vợ giận nhau

Nhiều chỗ than vách ngã thềm sầu, vì miệng ai, cho nên cha con dứt mẳng.

Nền xã tắc là nơi báo bổ, cang cớ gì, mầy đào lỗ đào hang.

Chốn miễu đường là chỗ thanh tân, cang cớ chi, bay cắn màng cắn sáo

Kẻ trinh nữ lánh thằng cường đạo, còn mang tiếng kiện thử nha,

Án Long-đồ tra đức gian tà, cũng mắc cái câu thử thủ.

Gối Ngỏa chú đánh hư đà rồi buổi, khen cho quỉ quái bay khôn chừa,

Gậy Phi-liêm thương ghét đã từng răn, sao hãy yêu ma bay chẳng sợ.

Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thằn hậu là tướng gian ;

Diễn cầm bốn bảy tinh sao, mới biết hư nhật là sao dữ.

Câm giận bấy cái lòng thử nghiệt, cục cứt ra cũng nhọn hai đầu.

Báu xót chi manh áo thử cầu, tấm da lột không đầy ba tấc.

Tuy là tiếng hữu bì hữu xỉ,

Thật là đồ vô lễ vô nghi.

Kể tội ra cũng đáng phân thây, bấy lâu cũng tin vì kiến giống.

Giận là giận nó trộm thếp đèn trên bàn Phật, mạo án mà xưng danh.

Căm là căm bay cắn sách vở kẻ nho phong, Đành lòng mà phụ đạo,

Ngao ngán bây thân con chuột thúi, biết ngày nào, bẫy chim thước dặng phanh phui ;

Bao nhiêu cái bụng con chuột to, còn hãy uống, sông Huỳnh-Hà cho cạn ráo ;

Dầu mà có ngàn dòng nước khẩm, khó
đem rửa sạch tội da gian ;
Vì như đem muôn nén vàng dài, khôn ắt
riêng mua hình bất xá.
Vật ấy đã nên cực ác, Ta đến đây há để
nhiêu dung.

Ấn tiên-phuông nầy gã rắn rồng ;
Phó hậu tập sai chim bù cắt.
Sắm sửa binh sương giáp tuyết :
Trau dồi ngựa gió xe trăng.
Giống trống lịnh xuất binh ;
Phất cờ lau nhập trận.

Đuốc Đơn Điền sắm sẵn, để phòng khi
ung đốt ngách u-vi ;
Đèn thái bạch đem theo, Để chờ thuở
khắp soi hang nất khúc.

Các các chỉnh tề đội ngũ ;
Hàng hàng bố liệt can qua.
Nghe lịnh phân sai tướng quân mèo :
Cắp sào huyệt phá hồ lỗ chuột.
Truyền rao khắp xứ,
Sắm sẵn dủ đồ.
Cuốc xuổng phảng mai, ra tay chận ngách.
Tiêu hành sã ớt, mặc sức chiên xào ;
Thượng kỳ phù địch khái chi tâm,
Thử dĩ tạ chúng nhơn chi khẩu,
Chớ dung nó trở về hang đại ác ;
Còn lo chi dam giúp lỗ tam bành.
Tứ phong đều ngợi chữ Thái-bình,
Thiên hạ cũng vui câu án đồ.

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU

Đứng ở lập-trường quốc-gia, nóng lòng vì *quân thọc chuột* cộng-tác với tân trào mà gây tai-hại cho xứ sở, đạo-đức, kinh-tế và văn-hóa, cụ Đồ-Chiểu đã mạt sát con chuột nặng lời. Quan-niệm của bình-dân không hạn-chế trong thời-gian, chỉ chú-trọng đến vĩnh-cửu, nên đã không lên án nó, mà vẫn để cho nó an-nhiên ngồi trên đứng trước trong hàng ngũ mười hai con giáp, cho nó là tiên-chỉ trong « ban hội-tề » thập nhị chi, cho nó làm hương cả của làng trâu cọp rắn rồng... trong ấy có mặt con mèo, kẻ thù bất cộng đái thiên của nó.

Ông Thánh đặt nó trong ban thập nhị chi ấy và tôn nó lên ngôi tiên chỉ ấy vì lẽ chi và có dụng ý gì, không mấy ai được nghe Thánh truyền dạy lại. Phải chăng con mắt thánh đã ngó thấy muôn loài vạn vật như nhau, không phân-biệt bò bay với mây cựa mà muốn cho có sự đồng hòa bình đẳng phổ-biến trong khắp trần gian ? Bọn đầu trâu (sửu) mặt ngựa (ngọ) đã đứng chung với Tôn-Ngộ-Không (thân) và Trư-Bát-Giái (hợi) thì chuột với mèo không có lý chẳng hòa nhau ?

« Dĩ hòa vi quí » là câu châm ngôn thông-thường, nên bình-dân có quan-niệm cao-thượng đối với kẻ thù, không cưu hờn chác oán và dám lấy ơn báo oán, tán-thưởng thái-độ cao-thượng của chuột đối với mèo :

Chuột cắn dây buộc mèo.

(Tục ngữ)

Rồi biết đâu thái-độ lạ thường của chuột chẳng sẽ mang lại cho con người, trong hội lý mới, một lễ giỗ hi-hữu, một cuộc hòa thuận bất-ngờ giữa hai địch-thủ truyền kiếp :

Con mèo nó trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà ?
— Chú chuột đi chợ đàng xa,
Mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo !

THUẦN-PHONG



CỤ PHAN-BỘI-CHÂU Ở HÀNG-CHÂU

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

Mấy lời nói đầu

NHỮNG sách về cụ Phan-Bội-Châu, trong nước bây giờ không ít. Nhưng cứ như chỗ tôi được biết, những sách ấy, gồm cả cuốn *Tự Phán* do tay cụ Phan tự viết, đều không nói đến, hay là rất ít nói đến, đời sống và hoạt-động của cụ khi cụ ngụ tại Hàng-Châu (tỉnh-lị tỉnh Chiết-Giang, Trung-Quốc), khoảng năm 1918 đến năm 1925.

Bây giờ tôi muốn bổ-khuyết vào đoạn thời-gian này.

36 năm về trước, khi tôi mới từ trong nước tron sang đến Hàng-Châu, tôi đã được sống chung với cụ Phan non một năm, nghĩa là từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1924, lại từ tháng 11 năm 1924, đến tháng 2 năm 1925. Thời-gian tuy ngắn, nhưng trong thời-gian đó, tôi được luôn luôn ở bên cạnh cụ, nói chuyện với cụ, đi chơi với cụ, ăn một bàn với cụ, ngủ bên cạnh giường cụ. Đồng thời, tôi lại được gần các bạn đồng-hương khác đã từng cùng cụ sống ở Hàng-Châu từ lâu.

Vì vậy, mắt tôi đã được thấy nhiều sự về cụ, tai tôi đã được nghe nhiều chuyện về cụ. Bây giờ tôi xin căn-cứ ở óc nhớ của tôi mà viết ra đây, có sao nói vậy, không hơn không kém, để làm tài-liệu chân-thật cho người khác tham-khảo trong khi viết sách hoặc viết bài về cụ Phan-Bội-Châu hay là về lịch-sử cách-mạng Việt-Nam ở hải-ngoại.

Trong thời-kỳ cụ Phan ngụ tại Hàng-Châu, cụ lấy tên là *Trương-Vân-Dực*, song khi in sách thì cụ hay đề tên là *Phan-Thị-Hán*. Người Trung-Hoa giao-du với cụ gọi cụ là *Sào-Nam* hoặc *Phan-Tiên-Sinh*, nhưng người thường thì phần nhiều kêu cụ là *Trương-Tiên-Sinh*, cũng có người (nhất là trẻ con Tàu mà cụ hay la-cà với) gọi cụ là *Lão Hồ-Tử* (ông già rậm râu). Còn người đồng-hương, ngang hàng với cụ, như

cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền (1) và cụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để, gọi cụ là *Ông Phan* ; bực dưới, như tôi và mấy anh em khác, thì xưng-hô cụ là *Cụ Phan* hay *Cố Phan*. *Cố Phan* là gọi theo lối người Nghệ. Khi ấy, chung quang cụ Phan, trừ tôi ra, toàn là người Nghệ cả, ai cũng gọi cụ là Cố Phan, nên tôi cũng gọi theo như thế.

Bây giờ, trong bài này, chỗ nào thuật chuyện, tôi nhất loạt viết là *cụ Phan* hay *cụ*, còn chỗ nào thuật lại lời nói của người khác hay của tôi, thì thuật đúng như cách xưng-hô của mỗi người ấy.

Tôi đến tìm cụ Phan ở Hàng-Châu

Tôi còn nhớ rõ, hôm tôi được gặp cụ Phan lần đầu tiên ở Hàng-Châu là ngày 10 tháng 3 năm 1924, nói theo Dương-lịch, hay là ngày 6 tháng 2 năm Giáp-Tý, nói theo Am-lịch.

Khi ấy tôi mới sang Tàu, đến Hàng-Châu với mục-đích đi theo ông-chú tôi là cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền. Nhưng khi tôi mới ở trong nước trốn sang Tàu, qua Nam-Ninh (Quảng-Tây) gặp ông Đặng-Tử-Mẫn (2), ông có bảo tôi : Cụ Mai-Sơn như hạc nội mây ngàn, khó tìm lắm ; muốn tìm cụ Mai-Sơn thì nên tìm cụ Phan-Bội-Châu trước, mới có thể biết chỗ cụ Mai-Sơn ở. Vì vậy, tôi đến Hàng-Châu đêm hôm trước thì sáng hôm sau đến tìm cụ Phan ngay, theo địa-chỉ mà ông Đặng-Tử-Mẫn đã cho tôi biết.

Thấy tôi đến, cụ Phan không ngạc-nhiên chút nào, vì trước khi tôi đến, cụ đã nhận được thư ông Đặng-Tử-Mẫn ở Nam-Ninh gửi lên, giới-thiệu tôi cho cụ biết rồi.

Thấy cụ Phan, tôi cũng nhận ra được ngay, vì cái đầu hói và bộ râu rậm và dài của cụ, tôi đã được thấy trong ảnh cụ từ khi tôi mới đến Quảng-Châu (Quảng-Đông).

Bấy giờ cụ Mai-Sơn đương dưỡng-bệnh ở Tô-Châu (Giang-Tô), chưa về. Cụ Phan thu xếp cho tôi đến ở tạm chỗ cụ, để đợi cụ Mai-Sơn. Còn người cùng đi với tôi là Trần-Đức-Quý tức Trần-Quốc-

---

(1) Cụ Nguyễn-Thượng-Hiền (1867-1925) đỗ Hoàng-Giáp, từng làm Đốc-học tỉnh Nam-Định. Năm 1907, nhân việc « Bảo-hộ » phế vua Thanh-Thái, cụ bỏ quan về nhà. Năm 1908, cụ bỏ nước sang Tàu và Nhật, tham-gia phong-trào cách-mạng Việt-Nam ở hải-ngoại. Sau tám chín năm bôn-tẩu công việc cách-mạng, cụ thấy nhiều đứa hèn mạt như Phan-Bá-Ngọc v. v... ra thú và làm bậy, cụ bèn lánh xa tất cả mọi người, ngoài mặt không tham-gia hoạt-động gì nữa, chỉ ám-trung ủng-hộ cụ Phan-Bội-Châu và cụ Cường-Để. Cụ tạ-thế tại Hàng-Châu ngày 13 tháng 11 năm Ất-Sửu tức là ngày 28 tháng 12 năm 1925. Tên hiệu của cụ vốn là Mai-Sơn, nhưng sau khi ra hải-ngoại, cụ không dùng tên hiệu này nữa, đến văn-niên thường dùng tên hiệu là *Đình-Nam*. Nhưng vì trong nước đến nay vẫn quen xưng-hô cụ là Mai-Sơn, nên trong bài này tôi cũng viết là cụ Mai-Sơn

(2) Ông Đặng-Tử-Mẫn, người làng Hành-Thiện, tỉnh Nam-Định, năm 1908 sang du học Nhật-Bản, sau trở về Hương-Cảng, hoạt-động rất-riết trong mấy năm. Có một lần, ông chế tạc-đạn, không cẩn-thận, thuốc đạn nổ, làm ông cụt mất mấy ngón tay. Đầu năm 1924, tôi đi qua Nam-Ninh (tỉnh-lị Quảng-tây), may được gặp ông. Năm 1926 (?), ông bị thổ-phỉ giết chết ở Quảng-Tây, nghe nói, do Tây thuê giết.

Bảo (3), thì được thu-xếp cho ở nhà anh Hồ-Học-Lãm (4).

Tôi ở chỗ cụ Phan, lúc đầu tuy chỉ là ở tạm, nhưng sau đến lúc cụ Mai-Sơn đã trở về Hàng-Châu rồi, tôi vẫn còn tiếp-tục ở với cụ Phan. Một vì ở chỗ cụ Phan, không mất tiền thuê nhà, ăn ở lại tiện nữa là khác. Hai vì cụ Phan thích có tôi ở bên cạnh, đêm ngày chuyện-trò bàn-bạc với cụ. Ba vì cụ Mai-Sơn thường đi du-lịch nơi này nơi khác, hay trọ ở chùa, không có nhà riêng nhất-định.

Tuy vậy, tiền ăn tiêu của tôi thì do cụ Mai-Sơn cấp cho.

Vì sao cụ Phan đến ở Hàng-Châu

Khi tôi mới đến Hàng-Châu, cụ Phan ở đó đã bốn năm năm rồi. Hàng-Châu ở phía tây-nam Thượng-Hải, cách xa trên một trăm cây số ngàn, không phải là một thành-thị ở ngay trên đường qua lại tiện-lợi cho người đi làm cách-mạng Việt-Nam ở đất Trung-Quốc như Nam-Ninh, Quảng-Châu, Hương-Cảng, Thượng-Hải.

Cụ Phan vốn là nhà cách-mạng hay hoạt-động, sao cụ lại đến ở một nơi giao-thông bất tiện cho cách-mạng Việt-Nam như Hàng-Châu ?

Trước vì bất-đắc-dĩ cụ phải đến đó ở tạm. Sau vì chưa có cơ-hội đi đâu hoạt-động, cụ hãy ở đó bán văn buôn chữ, nương-náu qua thời.

Cuối năm 1913, cụ Phan ở Quảng-Châu bị Đô-đốc Quảng-Đông lả Long-Tế-Quang bắt giam một chỗ, mãi đến năm 1916 cụ mới được tha ra. Sau khi tha rồi, cụ thấy ở Quảng-Đông chẳng những không thể hoạt-động gì được, thậm-chí không có cách gì sinh sống. Cụ bèn phải bỏ Quảng-Châu, đi Hàng-Châu, vì khi ấy có một người mà cụ vẫn tin cạy xưa nay đương ở Hàng-Châu. Người này tức là Phan-Bá-Ngọc (5), khi ấy lấy tên là Chung-Thiên-Phủ, đương làm trợ-bút *Binh-Sự Tạp-Chí* ở Hàng-Châu. Ngoài ra, lại còn Hồ-Ngọc-Lãm, khi ấy cũng ở Hàng-Châu, đương làm Tham-mưu ở dinh Đô-đốc Chiết-Giang.

Sau khi cụ Phan đến ở Hàng-Châu chưa được bao lâu, cụ nhận được thư của Lê-Dư (tức Sở Cuồng) ở Nhật-Bản mời cụ sang Nhật-Bản, nói có hai nghìn bạc

---

(3) Trần-Đức-Quý, tức Trần-Quốc-Bảo, tức Đức-Chi, từng làm trợ-bút báo *Khai-Hóa* của Bạch-Thái-Bưởi ở Hànội hồi năm 1921-22. Cuối năm 1923, khi tôi trốn sang Tàu, có hẹn cùng đi. Nhưng sau khi đến Hàng-Châu, tôi ở lại đó, hắn về Quảng-Đông đi theo Hoàng-Minh-Đường, tư-lệnh một đội quân Tàu theo Tôn-Trung-Sơn ở Quảng-đông. Không biết vì cớ gì, hắn bị ngờ là làm mật-thám cho Tây, nhưng hình như cũng không có chứng-cớ gì.

(4) Hồ-Học-Lãm, người làng Quỳnh-Đôi, Nghệ-an. Khoảng năm 1908, sang du học Nhật-bản, sau trở về Tàu, tốt-nghiệp trường Bảo-Định Quân-quan Học-hiệu. Khi tôi đến Hàng-châu năm 1924, Học-Lãm đương làm Tham-mưu ở Dinh Đốc-quân tỉnh Chiết-giang tại Hàng-châu ; năm 1927 đến năm 1937, anh làm việc ở Bộ Tổng-tham-mưu Trung-hoa ở Nam-kinh ; năm 1939, chết ở Quế-lâm tỉnh Quảng-tây.

(5) Phan-Bá-Ngọc, con cụ Phan-Đình-Phùng, năm 1908 sang Nhật du-học, sau trở về Tàu, tốt-nghiệp trường Bảo-định Quân-quan Học-hiệu, lấy tên là Chung-Thiên-Phủ, từng làm trợ-bút *Binh-Sự Tạp-Chí* ở Hàng-châu. Năm 1917, hắn ra thú, rồi Tây cho đem thuyết « Pháp Việt đề-huề » ra dụ cụ Phan-Bội-Châu về với « Bảo hộ », đêm rằm tháng Giêng năm Nhâm-tuất (11-2-1922) bị giết ở Hàng-châu.

đưa cho cụ. Lê-Dư khi ấy đã ra thú, làm việc cho « Nhà-nước Bảo-Hộ », lại được phái sang Tàu và Nhật-Bản với « nhiệm vụ » dụ cụ Phan về làm chuyện « Pháp Việt đề-huề ». Cụ Phan sang ngay Nhật-Bản gặp Lê-Dư, nhưng hai nghìn bạc không được ngay một lúc, Lê-Dư chỉ đưa cho cụ mỗi tháng hai trăm. Cụ Phan ở Nhật bảy tám tháng, lấy được hơn một nghìn bạc, lại trở về Hàng-Châu, để đi Vân-Nam thực-hành kế-hoạch đo đường Vân-Nam lén về trong nước.

Tháng 8 năm Đinh-Tỵ (1917), cụ Phan đi Vân-Nam, không được việc gì, hạ-tuần tháng Giêng năm Mậu-Ngọ (1918) lại trở về tới Hàng-Châu.

Cụ Phan về tới Hàng-Châu, thì Phan-Bá-Ngọc đã hóa thành chó săn của « Nhà-nước Bảo-hộ ». Tuy vậy, cụ Phan chẳng những không tránh xa hắn, mà lại liên-lạc với hắn. Phan-Bá-Ngọc từng đem một người Pháp ở Sở Liêm-Phóng Hanoi sang Hàng-Châu đàm-phán với cụ Phan về vấn-đề « Pháp-Việt đề-huề ». Sau khi đàm-phán thất-bại rồi, cụ Phan vẫn ở Hàng-Châu và vẫn giữ mối liên-lạc với Phan-Bá-Ngọc, cho đến khi tên mật-thám này bị giết ở Hàng-Châu.

[Trong cuốn *Tự Phán*, cụ Phan viết : « Tháng 7 năm kỷ-vị (1919), tôi bỏ Hàng-Châu lên xe Bắc-Kinh, lại qua Nhật-Bản... (Trang 191) Cụ lại viết : « Năm Canh-Thân, Tân-Dậu (1920-1921), luôn vài năm ấy tôi thường đi đi lại lại ở Bắc-Kinh, Hàng-Châu, Quảng-Đông, cũng có khi đi qua Đông-Tam-tỉnh, do Yên-Đông, do Triều-Tiên qua Nhật-Bản... (Trang 194)

Cụ Phan viết thế cho hay mà thôi. Chứ thực thi trong khoảng mấy năm đó, chỉ có một lần cụ đi Bắc Kinh vài tháng, rồi lại về ở Hàng-Châu, chứ chẳng đi nơi nào khác cả. Theo như nhật-ký của cụ Phan mà tôi được xem sau khi cụ bị bắt rồi, thì tôi thấy như thế. Tôi từng thu-tập những nhật-ký, thư-tín và sách-vở của cụ Phan, cất vào một cái va-ly con, gửi ở Hàng-Châu, bây giờ không chắc có còn không, cũng không thể nào lấy về được.]

Vụ Phan-Bá-Ngọc bị giết

Sau khi phản-bội cách-mạng, về làm chó săn cho « Nhà-nước Bảo-hộ », Phan-Bá-Ngọc rất được « các quan » tin dùng, lại được phái sang hoạt-động ở Tàu, nhất là Hàng-Châu, vì có cụ Phan ở đó.

Phan-Bá-Ngọc từng sang Nhật-Bản du-thuyết cụ Cường-Để, nhưng bị cụ mắng cho một trận thậm-tệ rồi lủi về. Cụ Mai-Sơn nguyên trước vẫn ở Hàng-Châu, nhưng từ khi Phan-Bá-Ngọc « ra thú », cụ lánh đi ở tỉnh khác, không cho hắn được gặp mặt.

Bấy giờ chỉ một mình cụ Phan là đối với Phan-Bá-Ngọc vẫn coi như thường, lại định lợi-dụng nữa là khác. Theo lời Hồ-Học-Lãm là người thường ở bên cạnh cụ Phan lúc ấy, Phan-Bá-Ngọc có nói với cụ Phan rằng, hắn về với « Nhà-nước Bảo-hộ », không phải là hắn làm việc bán nước, hắn chỉ lựa theo thời-thế toan làm một « sự-nghiệp phi-thường » mà thủ-đoạn là « Pháp Việt đề-huề ». Hắn lại nói với cụ Phan một cách nghe dễ lọt tai hơn nữa là hắn « làm tiền » của « Nhà-nước Bảo-hộ » để đem ra cho cụ « mãn việc ».

Cụ Mai-Sơn bấy giờ ở nơi khác, từng mấy lần viết thơ cho cụ Phan ở Hàng-Châu, khuyên cụ Phan nên tuyệt ngay Phan-Bá-Ngọc đi. Nhưng cụ Phan vẫn cứ liên-lạc với Phan-Bá-Ngọc, vì cụ làm việc, chỉ kể mục-đích, không kể thủ-đoạn.

Khi ấy, có một thanh-niên trong nước mới ra hải-ngoại, cũng không tán-thành sự cụ Phan liên-lạc với Phan-Bá-Ngọc nhưng can không nổi, bèn quyết-tâm trừ-khử tên mật-thám này đi.

Thanh-niên ấy tên là Tản-Anh (6), trước từng sang Nhật-Bản ở với cụ Cường-Để ít lâu, sau về Hàng-Châu ở với Hồ-Học-Lãm. Khi đã quyết-tâm trừ-khử Phan-Bá-Ngọc, Tản-Anh sang ngay Đông-Kinh (Nhật-Bản) thưa chuyện cụ Cường-Để biết rõ những hoạt-động của Phan-Bá-Ngọc ở Hàng-Châu và yêu-cầu cụ nghĩ cách trị tội Phan-Bá-Ngọc. Cụ Cường bèn giao cho Tản-Anh một khẩu súng lục với đạn, bảo Tản-Anh trở lại Hàng-Châu, rình cơ-hội « sửa » Phan-Bá-Ngọc đi.

Bấy giờ là cuối năm Tân-Dậu (đầu năm 1922) gần Tết Nguyên-đán. Tản-Anh trở lại Hàng-Châu rồi, không lộ cho ai biết sứ-mạng bí-mật của mình. Súng lục kè-kè bên mình, Tản-Anh nằm nhà Hồ-Học-Lãm chờ đợi Phan-Bá-Ngọc, vì hắn ở Thượng-Hải, thỉnh-thoảng mới xuống Hàng-Châu chơi một chuyến.

Tản-Anh đợi chừng một tháng, Phan-Bá-Ngọc mới xuống Hàng-Châu. Hôm ấy chính là ngày rằm tháng Giêng năm Nhâm-Tuất (11-2-1922). Phan-Bá-Ngọc tính thích vui chơi, hôm ấy ở nhà Hồ-Học-Lãm đánh mà-chược cả buổi chiều, đến tối, đánh chén xong, hắn lại mời vợ chồng Hồ-Học-Lãm đi chơi Tân-Thị-Trường, khu phồn-hoa nhất ở Hàng-Châu. Tản-Anh cũng đi, bế con cho vợ chồng Hồ-Học-Lãm.

Tục Hàng-Châu, đêm rằm tháng Giêng, tức là Nguyên-tiêu, người ta đua nhau treo các thứ đèn giấy ngũ-sắc, gọi là hoa-đăng. Đàn-bà con gái Hàng-Châu, ngày thường đêm ít ra đường, nhưng đêm rằm tháng Giêng thì họ đưa nhau đi xem hoa-đăng, nô-nức tưng-bừng. Vì vậy, đêm hôm ấy ở Tân-Thị-Trường người đông như kiến : chẳng những người đi xem đèn, mà lại người đi xem người nữa. Tại Tân-Thị-Trường có một chỗ gọi là Công-chúng Vận-động-trường, đêm hôm ấy nhiều người ra đó đốt pháo bông cho thêm vui. Phan-Bá-Ngọc cũng mua pháo bông ra đó đốt.

Đốt một cái pháo bông rồi, được những người đứng xem vỗ tay khen đẹp, Phan-Bá-Ngọc đắc-ý vô-cùng, lại đốt thêm cái nữa. Hắn đương lúm-khúm châm ngòi pháo, bỗng « đoành đoành » mấy tiếng, hắn ngã gục ngay xuống đất. Ai nấy hết hồn, chạy tán loạn. Tản-Anh cũng chạy, bế em về nhà.

Một lát, Cảnh-sát đến khám, nhưng người bị bắn chết đó là ai, vì sao bị bắn và ai là hung-thủ, thì không biết.

(6) Tản-Anh, tức Hồng-Sơn, tức Võ-Nguyên-Trinh, người tỉnh Hà-tĩnh, ra hải-ngoại vào khoảng năm 1921 ; đầu năm 1922, vâng lệnh cụ Cường-Để, giết Phan-Bá-Ngọc ở Hàng-châu. Năm 1926, được vào học trường Hoàng-phố Quân-quan Học-hiệu ở Quảng-đông, tốt-nghiệp ra làm sĩ-quan trong quân-đội cách-mạng Tàu ; năm 1927, vì theo cộng-sản, bị bắt giam ở Quảng-đông ba năm. Sau bị Tây bắt ở Thượng-hải, rồi bị giải về nước, xử tử hình.

Hồ-Học-Lãm về nhà rồi liền đi báo tin Phan-Bá-Ngọc bị ám-sát cho cụ Phan biết. Cụ Phan bàn với anh Hồ, định hôm sau viết bài đăng báo nói người bị ám-sát ở Công-chúng Vận-Động-trường là người đảng cách-mạng Việt-Nam bị mật-thám Pháp mưu-sát.

Nhưng cụ Phan chưa kịp viết bài đăng báo như thế, thì sáng hôm sau các báo Hàng-Châu đã đăng bài lai-cảo của một người tự-xưng là *Thanh-Niên Việt-Nam*, kể rõ tội-trạng của Phan-Bá-Ngọc và tự nhận mình là người bắn chết hắn.

Bài này tuy không ký rõ tên, nhưng cụ Phan và Hồ-Học-Lãm xem xong, đoán chắc ngay người lai-cảo là Tản-Anh, vì sáng hôm sau Tản-Anh « mất tích », Tản-Anh sáng sớm hôm sau đáp xe lửa từ Hàng-Châu lên Thượng-Hải, rồi sang Đông-Kinh, phúc-trình công việc cho cụ Cường rõ và đem súng lục trả lại cụ. Khi ấy giữa Thượng-Hải và Nhật-Bản đi lại tự-do, không cần giấy tờ, không ai khám xét.

Sau khi Phan-Bá-Ngọc bị giết, nhà đương-cuộc Pháp ở Thượng-Hải cho ngay người xuống Hàng-Châu giao-thiệp với Đốc-quân Chiết-Giang là Lư-Vĩnh-Tường, yêu-cầu truy-nã hung-thủ và dẫn-độ tất cả các người Việt-Nam ở Hàng-Châu. Lư-Vĩnh-Tường tuy là quân-phiệt nhưng trọng nghĩa-khí, thấy người Việt-Nam làm một việc oanh-liệt như thế thì rất kính-trọng, nên khi người Pháp đến giao-thiệp, Lư cự-tuyệt ngay những điều yêu-cầu của Pháp.

Sinh-hoạt hằng ngày của cụ Phan

Sau khi Phan-Bá-Ngọc bị giết không lâu, cụ Phan-Bội-Châu được vào làm trợ-bút *Binh-Sự Tạp-Chí* và dọn vào ở trong Đồng-Bào-xá. Đồng-Bào-xã tức là Lục-Quân Đồng-Bào-xá mà khi ấy chúng tôi hay gọi tắt như thế. Đó là một cơ-quan liên-lạc của quân-giới Chiết-Giang bấy giờ, đặt tại Dinh Tri-phủ Hàng-Châu cũ, mà trong có một khu nhỏ được rạch riêng ra làm trụ-sở của Chiết-Giang Quân-sự Biên-tập-xứ, tức là cơ-quan xuất-bản *Binh-Sự Tạp-Chí*, và làm túc-xá cho nhân-viên tòa-soạn tạp-chí này khi không có vợ con đi theo.

Tổng-Kinh-lý (tức Chủ-nhiệm) Quân-Sự Biên-Tập-xứ và *Binh-Sự Tạp-Chí* là ông Lâm-Chi Hạ (tức Lâm-Lương-Sinh). Ông này người tỉnh Phúc-Kiến, đối với các nhà cách-mạng Việt-Nam rất có lòng tử-tế, nên khi ấy trong tòa-soạn *Binh-Sự Tạp-Chí* có bốn người trợ-bút mà dùng đến hai người Việt-Nam. Một là Trần-Trọng-Khắc (7), một nữa là cụ Phan.

Khi tôi đến Hàng-Châu, tức là đầu năm 1924, Trần-Trọng-Khắc đã sang du-học bên Đức rồi, nhưng vẫn giữ chân trợ-bút *Binh-Sự Tạp-Chí*, ở Đức viết bài gửi về đăng, và vẫn được lương mỗi tháng 70$ (bạc tàu, ngang giá với bạc Đông-Dương thuở ấy). Số tiền này, góp được mấy tháng,

---

(7) Trần-Trọng-Khắc tức Trần-Hữu-Công, nguyên tên là Trần-Thức-Canh, người Nghệ, do cụ Phan đưa sang Nhật-bản du-học năm 1905. Năm 1917, sau khi tốt-nghiệp Trường Cao-đẳng Sư-phạm Nhật, từ Nhật sang Tàu, làm trợ-bút *Binh-sự Tạp-chí* ở Hàng-châu. Năm 1922, sang du-học Đức, đỗ Tấn-sĩ Y-khoa Trường Đại-học Bá-lâm, cuối năm 1931 trở về Tàu, từng làm Viện-trưởng các bịnh-viện ở tỉnh Phúc-kiến. Năm 1958, hồi-hương sau 44 năm hải-ngoại, hiện ở Nhatrang với con cháu.

cụ Phan lại đem lên Thượng-Hải đổi ra bạc Mỹ, gửi sang Bá-Lâm (Berlin) cho Trần-Trọng-Khắc làm tiền ăn học.

Cụ Phan làm trợ-bút *Binh-Sự Tạp-Chí* bấy giờ, tuy trên danh-nghĩa chỉ là đội tên người con rể của ông Lâm-Chi-Hạ là *Cao-Hiến-Hán* (những bài luận-thuyết cụ viết, toàn đề tên này), nhưng trên thực-tế thì cụ được coi như nhân-viên chánh-thức, nghĩa là cụ được lãnh lương tháng 50$ và được vào ở Đồng-Bào-Xã. Chẳng những như thế, ông Lâm-Chi-Hạ nể cụ, đặc-biệt dỡ cho cụ được đem đồng-hương đến cùng ở, miễn là cụ nói trước cho ông ấy biết, và cụ phải trả tiền ăn cho những người cùng ở với cụ.

Vì vậy, khi tôi đến Hàng-Châu, chỗ cụ Phan ở đương có hai anh thanh-niên cùng ở với cụ. Một anh tên là Lâm-Cánh-Thành (8), một anh tên là Lê-Văn-Trí (9). Hai anh này đều là người Nghệ mà kiều-cư ở Xiêm (Thái-Lan), khi ấy mới ở Xiêm sang Hàng-Châu chưa được bao lâu.

Chỗ cụ Phan ở này là một rặng nhà ngói thâm-thấp, có 5 phòng. Trừ ra một phòng có một người Tàu ở và một phòng khóa kín để đó, còn thì cụ Phan và chúng tôi ở cả, nhưng cũng chỉ chiếm hai phòng mà thôi. Một phòng cụ Phan và tôi ở ; một phòng Thành và Trí ở. Người Tàu kia — cũng là trợ-bút của *Binh-Sự Tạp-Chí* — mỗi tháng về quê mươi ngày, thành ra chỗ này lắm lúc hình như nhà trọ riêng của người Việt-Nam.

Sinh-hoạt hằng ngày của cụ Phan khi ấy rất qui-tắc-hóa, cơ hồ ngày nào cũng như thế này :

Buổi sáng, cụ dậy rất sớm. « Tĩnh-tọa » một tiếng đồng-hồ. Tụng kinh « Kim-Cương » một tiếng đồng-hồ. 8 giờ ăn cháo sáng, ăn xong xem báo Hàng-Châu một lúc. Độ 9 giờ, cụ bắt đầu làm việc. Công việc của cụ chỉ là viết văn, nên không cần phải đến Tòa soạn, cứ ngồi trong phòng riêng mà viết. Mỗi tháng chỉ phải viết 4 bài luận-thuyết không dài lắm, nên công việc cụ rất nhàn, có khi cụ chỉ làm năm sáu hôm là xong cả công việc một tháng. Vì vậy, ngoài luận-thuyết ra, cụ lại viết tiểu-thuyết nữa, cũng đăng *Binh-Sự Tạp-Chí*. Tuy vậy, cụ vẫn có dư thì giờ để xem sách, làm việc riêng và đi chơi. 12 giờ ăn cơm trưa. Cơm trưa xong, không khi nào cụ ngủ trưa. Nếu không có khách (thực thì ít có khách lắm) hay là không mưa to gió lớn, cụ tất « đi nhởn » nghĩa là đi rong đường phố hay là đi giao-du sơn-thủy, vì ở Hàng-Châu có Tây-Hồ, phong-cảnh rất đẹp, nhiều chỗ đi chơi, không bao giờ chán được. Khi « đi nhởn », cụ Phan ít đi một mình, thường đem chúng tôi cùng đi cho vui. Độ 4 giờ chiều, về đến nhà. Lúc ấy báo Thượng-Hải đã đưa đến (Thượng-Hải cách Hàng-Châu 4 tiếng đồng-hồ xe lửa, báo buổi sáng ra ở Thượng-Hải, buổi chiều ở Hàng-Châu được xem), cụ và chúng tôi xem báo một lúc, vì muốn biết nhiều tin quan-trọng trên

---

(8) Lâm-Cánh-Thành, bấy giờ là một thanh-niên ở Thái-Lan sang ở Hàng-Châu theo cụ Phan, nhưng tháng 6 năm 1925, trở về Vọng-Các, hiện nay không biết sống chết thế nào.

(9) Lê-Văn-Trí, cùng ở Thái-Lan sang Hàng-Châu một chuyến với Lâm-Cánh-Thành, rồi lại cùng về Vọng-Các với Thành một chuyến, sau khi thôi học trường Ngư-nghiệp Định-Hải ở Chiết-Giang. Về Thái không bao lâu thì không may bị chết đuối.

thế-giới, phải xem báo Thượng-Hải. 5 giờ ăn cơm chiều. Cơm chiều xong, có khi lại « đi nhởn », nhưng phần nhiều thì ở nhà « tán chuyện ». Độ 10 giờ đêm, đi ngủ.

Cụ Phan năm ấy (1924) 58 tuổi, song còn khỏe mạnh lắm, ngày nào cũng « cuốc bộ » đi chơi, không bao giờ mỏi mệt. Tôi không thấy cụ đi xe kéo bao giờ. Tôi cũng không thấy cụ đau-ốm bao giờ, mặc dầu cụ có bệnh tiện-huyết (đại-tiện ra máu) kinh-niên. Vì thế, cụ vốn là người hay rượu, mà khi ấy phải chừa. Cũng vì thế, cụ quanh năm dùng lá trắc-bách-diệp pha làm trà uống, vừa làm thuốc nữa. Mỗi tháng vài ba lần, cụ đi với chúng tôi đến Nhạc-Phần (mộ và đền thờ Nhạc-Phi ở cạnh Tây-hồ) hái lá trắc-bách-diệp về, phơi khô, dùng thay trà, sáng nào cũng pha uống, thơm nhưng hơi đắng.

Cụ Phan coi tuy đạo-mạo, nhưng vui tính, dễ-dãi, không câu-nệ lễ phép lặt-vặt, cũng không làm bộ giả-đạo-đức. Thậm-chí chuyện đàn-bà con gái, cụ cũng thường nói một cách tự-nhiên.

Nhưng khi bàn luận về chính-trị hay là vấn-đề quốc-gia, thì thái-độ cụ rất nghiêm, duy ý-kiến cụ lắm lúc quá-khích. Về chính-trị và cách-mạng, cụ Phan chủ-trương chỉ cần đạt tới mục-đích, không cần lựa chọn thủ-đoạn. Vì vậy, khi cụ quân-chủ, khi cụ dân-chủ, khi cụ bạo động, khi cụ bất-đề-kháng (như trong cuốn *Dư Cửu Niên Lai Sở Trì Chi Chủ-Nghĩa*), khi cụ muốn « Pháp-Việt đề-huề », khi cụ thích Cộng-sản chủ-nghĩa, khi cụ bắt-chước Tam-dân Chủ-nghĩa — có thể nói rằng cụ không có chủ-nghĩa nhất-định. Khi tôi mới được gặp cụ ở Hàng-châu, cụ đương say mê Lenine và Trotsky, vì cụ bị ảnh-hưởng bởi mấy cuốn du-ký của những người đảng Cộng-sản và đảng dân-chủ Tàu Nhật tuyên truyền cho Nga-sô. Cụ cũng đưa cho tôi xem những sách này, nhưng khi tôi thấy những chỗ tuyên-truyền vô-lý, đem ra biện-luận với cụ, thường kịch-liệt đến hai người cùng đỏ mặt tía tai.

Nhưng cụ Phan thích Cộng-sản như thế (thực thì chủ-nghĩa Cộng-sản khi ấy còn khác chủ-nghĩa Cộng-sản ngày nay nhiều lắm) cũng không lâu, đến mùa thu năm ấy (1924) cụ từ Hàng-Châu về Quảng-Châu, được đọc cuốn « *Tam-dân Chủ-nghĩa* » của Tôn-Trung-Sơn, cụ lại thích chủ-nghĩa này hơn, rồi cụ ở Quảng-Châu lập Việt-Nam Quốc-dân-đảng, bắt-chước Trung-quốc Quốc-dân-đảng (Kuomintang), và sáng lập Dân-chủ Chủ-nghĩa, bắt chước Tam-dân Chủ-nghĩa.

Cụ Phan tuy là một vị túc-nho, thấm nhuần Khổng-học từ thuở bé, nhưng khi ở Hàng-châu, đọc cuốn « *Ngô-Ngu Văn-lục* », cụ cũng tán-thành những lý-luận phản-khổng của cuồng-sĩ Ngô-Ngu !

Cụ Phan vốn chỉ nghĩ chuyện cách-mạng, chứ không để ý đến vấn-đề tôn-giáo bao giờ, nhưng từ khi đến ở Hàng-Châu, cụ thấy giáo-hội Tin-lành làm nhiều công-cuộc giáo-dục và xã-hội có vẻ khả-quan, cụ nhận định rằng đạo Tin-lành tốt hơn Công-giáo, nên khi viết cuốn « *Thiên hồ Đế hồ* », cụ cực-lực công-kích Công-giáo ở Việt-Nam, mà khen ngợi đạo Tin-lành ở Trung-hoa, đồng thời cụ chủ-trương nước ta nên bỏ Công-giáo đi mà thay-thế bằng đạo Tin-lành. Bốn chữ « Thiên hồ Đế hồ » mà cụ đặt tên cuốn sách của cụ, theo lời cụ

giảng nghĩa cho tôi nghe, thì nghĩa là *Thiên-chúa hay là Thượng-đế ?* cũng tức là *Công-giáo hay là Tin-lành ?*

Cụ Phan vỡ lòng học Quốc-ngữ

Khi tôi mới đến Hàng-Châu, cuốn « *Thiên hồ Đế hồ* » của cụ Phan vừa mới in xong. Cụ đưa cho tôi đọc, rồi cụ hỏi tôi ý-kiến thế nào. Tôi không phê-bình gì về nội-dung cuốn sách này, tôi chỉ bày tỏ một chút ý-kiến riêng về hình-thức cuốn sách mà thôi. Tôi nói :

« Thưa cố, cố đã hỏi, tôi xin nói thẳng. Sách này nếu cố chỉ in cho người Tàu xem, tôi không có ý-kiến gì. Nhưng nếu cố in để gửi về trong nước làm tuyên-truyền-phẩm, thì tôi tưởng hình như vô-dụng, vì sách này viết bằng chữ nho, bây giờ trong nước rất ít người xem hiểu. Mà trong số ít người xem hiểu này, lại càng ít người dám dịch sách này ra Quốc-ngữ để phổ-biến. Thế thì làm tuyên-truyền thế nào được ? Bây giờ khác ngày xưa, chữ Quốc-ngữ ở trong nước đã thông-dụng. Vậy sách này nếu viết hay là dịch và in bằng chữ Quốc-ngữ thì tốt hơn nhiều... »

Cụ Phan vẫn tưởng chữ nho ở trong nước khi ấy hãy còn thịnh-hành như lúc cụ mới xuất-dương. Nghe tôi nói thế, cụ ra ý nghĩ-ngợi rồi hỏi chuyện tôi cặn-kẽ về tình-hình văn-hóa trong nước mấy năm gần đó. Tôi cứ thực mà nói cho cụ biết chữ Quốc-ngữ ở trong nước đã được thông-dụng như thế nào, khiến cụ lại càng phải suy nghĩ nữa.

« Vậy mình phải học Quốc-ngữ mới được », cụ Phan nói. (Khi cụ Phan nói chuyện với chúng tôi hay tự-xưng là mình).

« Vâng, con cũng nghĩ thế », tôi nói. « Mặc dầu những sách của cố, chúng con có thể dịch ra Quốc-ngữ được, nhưng nếu cố trực-tiếp viết bằng chữ Quốc-ngữ thì càng hay hơn ».

« Thế mình phải học Quốc-ngữ mới được. Mai vỡ lòng nhé ! » cụ Phan nói.

Bắt đầu từ hôm sau, cụ Phan « vỡ lòng » học Quốc-ngữ thật. Tôi làm « thầy giáo ». Cụ chẳng những học đọc, đồng thời tập viết nữa. Cụ rất nhiệt-tâm học, có khi đã học buổi sáng rồi, buổi chiều cụ lại ở nhà tập viết, bỏ cả « đi nhởn ».

Các cụ và các ông ra hải-ngoại vào khoảng năm 1905 đến năm 1910, phần nhiều khi ra không biết chữ Quốc-ngữ, vì khi ấy ở trong nước, nhất là miền Trung và miền Bắc, chữ Quốc-ngữ, còn chưa thông-dụng. Cụ Cường-Để biết Quốc-ngữ, là ra hải-ngoại rồi mới học. Còn các cụ khác và các ông khác, rất ít học Quốc-ngữ, có lẽ một vì không tiện dịp, hai vì không cần dùng. Người ở hải-ngoại thường long-đong vất-vả, sự sinh-sống khác với người ở trong nước nhiều lắm. Khi tôi mới đến Hàng-Châu, cụ Phan và anh Hồ-Học-Lãm đều không biết Quốc-ngữ. Nhưng sau cụ Phan học mà anh Lãm không học, là vì bấy giờ anh Lãm đương cần kiếm ăn hơn, mà chữ Quốc-ngữ không cần thiết cho sự kiếm ăn của anh, không học cũng không sao ; còn cụ Phan thì cụ lấy việc tuyên-truyền cách-mạng làm trọng hơn, mà chữ Quốc-ngữ đối với công việc tuyên-truyền cần thiết như thế nào thì cụ đã bắt đầu thấy rõ rồi.

Cụ Phan lập Việt-Nam Quốc-dân-đảng

Cụ Phan học chữ Quốc-ngữ vừa mới bắt đầu biết đánh vần, thì đã có một việc kinh-thiên động-địa bỗng xảy ra khiến cụ

không thể ngồi yên mà tập dọc tập viết cả ngày như một cậu học-trò vô-tư-lự được nữa.

Việc kinh-thiên động-địa này là vụ liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái liệng bom ở Sa-Diện (Shameen), tô-giới Pháp tại Quảng-Châu, ngày 19 tháng 9 năm 1924, tức ngày 18 tháng 5 năm Giáp-Tý.

Năm ấy, Toàn-quyền Đông-dương Merlin sang Nhật - bản công - cán, khi trở về, tạt vào Quảng-Châu chơi. Một tiệc rượu hoan-nghênh Merlin được đặt tại khách-sạn Victoria, Sa-Diện. Các quan khách vừa cất chén thì một trái bom bỗng từ cửa sổ liệng vào, nổ như sét đánh, làm cho nhiều người bị thương, nhưng Toàn-quyền Merlin không can gì. Liệng bom rồi, liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái tìm lối thoát thân nhưng không kịp, bị cảnh-sát đuổi bắt, hết đường chạy, nhảy xuống sông Châu-Giang rồi chết đuối.

Tiếng bom Sa-Diện vang khắp gần xa, đã báo tin cho thiên-hạ biết rằng phong-trào cách-mạng Việt-nam lại sắp nổi lên sau mấy năm im lặng. Trung-quốc Quốc-dân-đảng (Kuomintang) ở Quảng-Châu hồi ấy vừa cải-tổ xong và đương tích-cực tiến-hành công-tác cách-mạng dưới sự lãnh-đạo của Tôn-Trung-Sơn (Sun-Yat-sen, 1865-1925) Họ cũng giựt mình bởi tiếng bom Sa-Diện mà chú-ý đến hoạt-động cách-mạng Việt-Nam ở ngay bên cạnh họ Họ tỏ ý cho các nhà cách-mạng ta khi ấy ngụ tại Quảng-Châu biết rằng họ sẵn lòng giúp, nếu cần họ giúp.

Người mình ở Quảng-Châu khi ấy tuy đã làm một việc kinh-thiên động-địa như thế, nhưng thật thì không có tổ-chức gì hết. Thấy Trung-quốc Quốc-dân-đảng đã để ý đến hoạt-động của mình và nhận định rằng cơ-hội đã tới, cụ Nguyễn - Hải-Thần (10) và mấy đồng-chí khác viết thư lên Hàng-Châu mời cụ Phan về Quảng-Châu để tính toán công-chuyện.

Về phần cụ Phan, sau khi vụ bom Sa-Diện xảy ra, cụ cũng đã tính đi ngay Quảng - Châu để thừa - cơ hoạt - động. Nhưng anh Hồ-Học-Lãm và tôi can cụ không nên vội-vàng quá, vì sợ nếu Pháp giao-thiệp lôi-thôi với nhà đương-cuộc Trung-hoa ở Quảng-Châu về vụ bom này, mà giữa lúc ấy cụ về Quảng-châu thì e có sự nguy-hiểm, nên đợi xem các anh em ở Quảng-Châu báo-cáo tình-hình ra sao đã rồi hãy hoạt-động thì hơn. Đồng thời cụ Mai-Sơn cũng khuyên cụ Phan như thế.

Khi nhận được thư Quảng-Châu cho biết Trung-quốc Quốc-dân-đảng có thái-độ rất tốt đối với cách-mạng Việt-Nam, và ở Quảng - châu dưới quyền kiểm - soát của đảng này, không cần sợ gì Pháp, cụ Phan liền họp anh Hồ-Học-Lãm và tôi bàn tính mọi việc. Kết-quả quyết-định như sau :

1) Cụ Phan và anh Hồ-Học-Lãm xin phép nghỉ việc vài tháng để đi Quảng-Châu, nhưng không thôi hẳn việc làm ở Hàng-Châu, vì phòng nếu Quảng-Châu không được chuyện gì thì lại trở về Hàng-Châu nương-náu như cũ.

---

(10) Cụ Nguyễn-Hải-Thần, năm 1946 không làm Phó Chủ-tịch với Hồ-Chí-Minh nữa, lại chạy sang Tàu. Năm 1947, hợp - tác với Bảo - Đại ở Hương-cảng trong một thời-gian ngắn, sau lại thôi, về ở Quảng-Châu. Năm 1949, Trung-cộng chiếm Quảng - châu, cụ chạy ra Hương - Cảng, nhưng không lâu lại bị Cộng-sản dụ về Quảng-Châu, thế rồi không nghe tin-tức gì về cụ nữa. Có tin đồn cụ chết rồi.

2) Tôi ở lại Hàng-Châu giữ việc liên-lạc, vì cụ Phan trong khi đi Quảng-Châu vẫn phải viết bài gửi về cho *Binh-sự tạp-chí* như thường bài sẽ gửi cho tôi đưa đăng, và tiền lương của cụ sẽ do tôi lãnh hộ rồi gửi vào ngân-hàng hay là gửi vào Quảng-Châu cho cụ nếu cụ cần đến.

Thế rồi, một hôm vào khoảng đầu tháng 8 năm 1924, tức là đầu tháng 7 năm Giáp-Tý, cụ Phan và anh Hồ-Học-Lãm từ Hàng-Châu lên Thượng-Hải, rồi đáp tàu thủy đi Quảng-Châu.

Đến Quảng-châu rồi, cụ Phan đi liên-lạc ngay với các nhà cách-mạng Trung-hoa như Uông-Tinh-Vệ và Liêu-Trọng-Khải. Hai người này thuộc phái cấp-tiến trong Trung-quốc Quốc-dân-đảng bấy giờ, tỏ ý sẵn lòng giúp đỡ cách-mạng Việt-Nam.

Nhưng người ta giúp là giúp đoàn-thể, chứ không phải giúp cá-nhân, mà bấy giờ người mình ở Quảng-Châu không có đoàn-thể gì hết. Cụ Phan bèn tiến-hành ngay sự tổ-chức Việt-Nam Quốc-dân-đảng.

Không bao lâu, Việt-Nam Quốc-dân-đảng của cụ Phan tuyên-bố thành-lập, đồng thời cụ dùng chữ nho biên thành một bản điều-lệ của đảng, một bản tuyên-ngôn về chánh-sách và chánh-cương của đảng và một bản thuyết-minh về chủ-nghĩa của đảng là *Dân-bản chủ-nghĩa* tựa-tựa như Tam-dân chủ-nghĩa của Trung-quốc Quốc-dân-đảng.

Việt-Nam Quốc-dân-đảng khi ấy tuy gọi là thành-lập rồi đó, nhưng thực thì chỉ mới thành-lập ở trên tờ giấy mà thôi, chứ chưa có tổ-chức cụ-thể gì cả, ngay trụ-sở của đảng cũng không có nữa, vì không có tài-chánh. Đồng-bào lưu-vong ở đất Tàu và đất Nhật, ai cũng nghèo hết, bấy giờ đành phải mong nhờ Trung-quốc Quốc-dân-đảng giúp về kinh-tế. Nhưng đảng này bấy giờ cũng không có kinh-tế dồi-dào mà giúp cho Việt-Nam Quốc-dân-đảng được.

Đến như nhân-tài, mình cũng khuyết-thiếu. Khi ấy người mình ở Quảng-Châu, trên có cụ Hiệp tức là cụ Nguyễn-Thiện-Thuật ; rồi đến các ông Nguyễn-Hải-Thần, Ngô-Thành (11), Đặng-Xung-Hồng (12), Đinh-Tế-Dân (13), Hoàng-Chấn-Đông (14) ; dưới nữa là Tản-Anh, Hồ-Tùng-Mậu (15) và một vài thanh-niên khác.

---

(11) Ngô-Thành, tức Lê-Phục-Hưng, hiện còn sống trong một nhà dưỡng-lão-viện ở Hương-cảng.

(12) Đặng-Xung-Hồng, tức Đặng-Hữu-Bằng, người làng Hành-Thiện tỉnh Nam-Định, năm 1908 sang Nhật-Bản du-học, sau trở về Tàu, học quân-sự, rồi giúp việc trong quân-đội Tàu, ở Quảng-Đông lâu năm. Năm 1938, tự-tử, chết ở Quảng-Châu.

(13) Đinh-Tế-Dân, người Hải-Dương, tốt-nghiệp trường Bảo-định Quân-quan Học-hiệu, giúp việc trong cơ-quan quân-sự Tàu tại Quảng-Châu. Khoảng năm 1928, vì có sự bất-hòa giữa các anh-em đồng-hương, bị giết chết ở Quảng-Châu.

(14) Hoàng-Chấn-Đông, tức Lâm-Đức-Thụ, nguyên tên là Nguyễn-Công-Viễn, người tỉnh Thái-bình, nguyên trước giúp việc trong cơ-quan quân-sự Tàu ở Quảng-Châu, nhưng từ khi Lý-Thụy đến Quảng-Châu (năm 1925), không làm với người Tàu nữa, mà giúp việc cho Lý-Thụy, rồi thông với mật-thám Tây, bắt cụ Phan, từng một đạo về Saigon làm việc với Tây, nhưng sau lại trốn sang Quảng-đông, nghe nói chết đã lâu rồi.

(15) Hồ-Tùng-Mậu, người Nghệ-An, cháu Hồ-Học-Lãm, từ năm 1925 trở nên một trợ-thủ đắc-lực của Lý-Thụy về công việc liên-lạc, luôn luôn đi lại giữa Quảng-Châu, Hương-Cảng và Nhật-bản, Hàng-Châu, Nam-kinh ; năm 1931, bị bắt ở Hương-Cảng cùng một lúc với Tống-Thiệu-Tổ (tức Hồ-Chí-Minh hiện nay), rồi bị Tây dẫy đi Lao-bảo, cho đến năm 1945 mới được về, từ đó trở nên một nhân-vật trọng-yếu của Việt-cộng, nhưng năm trước chết ở Hanoi rồi, nghe nói chết vì tự-tử.

Cụ Hiệp chạy sang ở Quảng-Đông từ ngày *Bát-Sậy* mới tan, nghĩa là mấy chục năm trước, bấy giờ cụ già yếu rồi, không hoạt-động được nữa. Các ông khác thì phần nhiều chỉ có thể đứng tên làm bộ-trưởng này bộ-trưởng khác, chứ không làm cán-bộ được.

Nay đợi mai chờ mãi, hơn một tháng sau cụ Phan mới được biết các lãnh-tụ Trung-Quốc Quốc-Dân-Đảng chỉ có thể giúp ta bằng cách cho thanh-niên Việt-Nam vào học trường Hoàng-Phố Quân-quan học-hiệu không mất tiền. Trường này mới được lập ra để huấn-luyện nhân-tài quân-sự cho Trung-Quốc Quốc-Dân-Đảng, do Tưởng-Giới-Thạch (Chiang-Kai-Shek) làm Hiệu-trưởng.

Họ giúp cho thanh-niên Việt-Nam được vào trường này, lẽ dĩ-nhiên là một sự rất tốt, vì mình không có nhân-tài làm thế nào được chuyện cách-mạng. Nhưng bấy giờ thanh-niên Việt-Nam ở Quảng-Châu chỉ lèo tèo có vài người, cụ Phan bèn tính ngay việc cho người lén về trong nước kén chọn một số thanh-niên đem ra Quảng-Châu để cho vào học trường Hoàng-Phố.

Làm việc này cần phải có tiền, nhưng ở Quảng-Châu lúc ấy không trù tiền vào đâu được. Cụ Phan đành phải trở về Hàng-Châu để thương-lượng với cụ Mai-Sơn về sự trù tiền.

KỲ TỚI : Cụ Phan với cụ Mai-Sơn.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

★ Từ bỏ nỗ-lực là từ bỏ sinh-hoạt, từ bỏ tiến-bộ, từ bỏ phú túc.

★ Khó khăn không phải là hàng rào ngăn cản ta mà là bàn nhấn để ta vươn lên cao bằng cách khắc-phục nó.

Thần Esculape

Thần Esculape, con trai thần Apollon, người La-mã và người Hy-lạp đều coi là thần Y-khoa. Thần Esculape không chỉ chữa cho người ta khỏi bệnh, còn làm cho người chết sống lại, khiến cho thần Jupiter tức giận, nghe theo lời thần Pluton, dùng thiên-lôi đả chết. Nguyên thần Pluton coi địa-ngục, thấy thần Esculape cứ một ngày một làm cho địa-ngục trở nên vắng tanh vắng ngắt, sợ rồi không có ai sa vào địa-ngục nữa, mới kêu nài với thần Jupiter trị tội thần Esculape. Người ta dùng con gà trống biểu-hiệu sự mẫn cán và con rắn biểu-hiệu sự khôn ngoan để dâng hiến cho vị thần y-khoa và các y-sĩ đều được gọi là đồ-đệ của thần Esculape.



HOA XUÂN

☆—— *TRẦN-THÚC-LINH*

LẠI một mùa xuân tưng bừng trở về trên đất nước. Thiên-hạ đã sửa soạn « thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ », để vui Tết.

Nhưng chính hoa xuân mới điển hình độc-đáo cho ngày Tết.

Tin xuân đến ngọn cây đào,
Bảo cho hoa biết ra chào chúa Xuân.
(Tản-Đà)

Một cánh *đào tươi* phất phơ trước gió trông mảnh mai « đằm ấm » như dáng hình thiếu-nữ. Cánh hoa mỏng như cánh bướm, hồng mịn như mầu má đương tơ, khiến ta chợt nhớ đến một thiên tình sử xa xưa :

Đời nhà Đường (618 — 904) có một thư-sinh hay chữ khôi-ngô tuấn-tú, tên là Thôi-Hộ. Nhân tiết xuân, chàng đi chơi và lạc bước vào một thôn xóm giồng toàn đào : Đào-hoa-trang Thôi-Hộ khát nước, đến gõ cổng một nhà kia. Một thiếu-nữ rất xinh đẹp đang vịn ngành Đào, vội đi lấy nước đãi chàng. Nước mát rời rợi, lại do một bàn tay người đẹp đưa cho, nên Thôi-Hộ uống đến đâu thấy tình người đến đấy. Uống xong, Thôi-Hộ dùng giằng không muốn đi, nhưng tự xét thấy không có lý do gì để đứng lại, nên chàng đành bịn rịn ra đi. Thiếu-nữ bâng khuâng nhìn theo bóng người dần khuất vào thôn xóm.

Tiết xuân năm sau, Thôi - Hộ cố ý lạc bước tới Đào - hoa - trang, mong gặp lại người xưa. Cây đào năm ngoái lá vẫn xanh, hoa vẫn thắm, mà người xưa thì vắng bặt tăm hơi. Đoán chừng nàng đã đi lấy chồng, Thôi-Hộ buồn bã để dưới gốc đào một bài thơ :

Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

dịch :

Năm ngoái, ngày này, dưới cánh song,
Hoa đào ánh má, mặt ai hồng ?
Mặt ai nay biết tìm đâu thấy ?
Chỉ thấy hoa cười trước gió Đông...

(Bùi-Khánh-Đản)

Đề thơ xong, Thôi - Hộ thờ thẫn ra về. Người thiếu-nữ một hôm ra thăm gốc đào, giật mình đọc bài thơ trên, rồi ốm tương tư mà chết.

Vừa hay lúc đó Thôi-Hộ đi qua và hỏi thăm rõ sự tình. Chàng đau đớn quá quỳ bên thây nàng mà khóc thảm thiết. Thiếu-nữ bỗng hồi tỉnh rồi sống lại. Hai người bèn kết thành vợ chồng.

★

Nhớ đến *hoa đào*, không thể không nhớ đến hoa Thủy-tiên. Cả hai thứ hoa có lẽ đều không hợp khí-hậu miền Nam nóng bức. Âu cũng là một điều thiệt thòi cho khách yêu hoa ở đây. Bởi thế mỗi độ Xuân về Tết đến, người Bắc di-cư vẫn cảm thấy lòng mình nhớ thương vời vợi. Không phải chỉ thương nhớ những người thân yêu đang sống xa xôi, mà còn nhớ cả đến một sắc hoa đào, một làn hương thủy-tiên man-mát, mà ngây ngất thơm lâu.

Hương của *Thủy-tiên* thực là hư-ảo. Định bụng hít cho đầy phổi, thì không thể được. Dính mũi vào hoa để ngửi cho nhiều, càng không thể được. Làm như thế không những là một hành-động vũ-phu, hoa có thể tàn, nhụy có thể nát mà vẫn không thỏa-mãn được khứu-giác. Nhưng cứ nhìn hoa, cứ thành-tâm chiêm ngưỡng ta sẽ bắt gặp những làn hương thơm không nồng không gắt, phảng phất quyện vào tinh không cho ta quên cả bụi trần.

Mùi hương Thủy-tiên cao quý như vậy, nên chơi hoa thực lắm công-phu. Cùng một củ Thủy-tiên, người sành gọt cắt sẽ tận hưởng được hương sắc, nhưng người vụng về sẽ làm hoa bẽ-bàng thêm phận bạc.

Cách đây không lâu, Thủy-tiên được nhập cảng từ Vân-Nam vào Hà-nội từng bồ từng sọt. Củ hoa không khác củ hành tây là mấy, và riêng chỉ có bán ở phố Hàng-Buồm. Củ chưa gọt bán từ 4$ trở lên tùy theo củ to nhỏ, nhiều nhánh hay ít nhánh. Thường cũng có người chuyên-môn gọt rất đẹp, tỉa rất khéo, bán rất đắt từ 20$ đến 100$ một củ (thời giá 1941) tùy theo đẹp xấu, nhiều hoa, ít hoa, hoa nở trong ngoài dịp tết hay đúng đêm giao - thừa. Tuy vậy, khách yêu hoa sành điệu không bao giờ chịu mua củ hoa đã gọt rồi, đã qua bàn tay ngâu vầy chuột vọc của người bán. Ấy là chưa kể đến phận hoa bầy chợ để người đời qua lại trông ngắm khen chê. Họ muốn tiếp tay Hóa-công, tạo riêng một đóa thiên hương hoàn-toàn trong trắng.

Nhưng . . .

Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa dễ đã biết mấy người biết hoa ?

Gọt thủy-tiên là cả một nghệ-thuật. Phải nâng dò hoa như nâng trứng. Mạnh tay dao một chút, dò hoa có thể thui chột. Nhẹ tay dao một chút, dò hoa không bị yếu đi, do đó cuộng hoa sẽ mọc vươn lên và hoa sẽ cao lênh khênh như một cô gái dài lưng. Lúc lá non mọc, phải vạt làm sao cho lá cong, nhọn, thanh-tao như móng tay tiên-nữ, hãm thế nào cho rễ thực trắng, ngắn, và lá đừng dài quá. Phải hợp nhất sự cân-đối của lá, của hoa về dài ngắn, dầy mỏng, nhiều hoa ít lá v.v... Phải tính làm sao cho hoa nở đúng giữa đêm giao-thừa để mừng xuân, để hy-vọng có nhiều may mắn trong năm tới.

Săn sóc cho hoa cũng mất nhiều công-phu. Phải rửa củ mỗi sáng cho hết nhựa, chọn thứ nước mưa thật trong, thật sạch để nuôi hoa, những hòn sỏi thật xinh, thật trắng lót dưới rễ cây và cái bát Giang-Tây cổ kính để ngâm cây.

Chao ôi ! Bao nhiêu công-trình, bao nhiêu hy-vọng mà rồi ra hoa cũng chỉ ở với người nhiều lắm là 15 hôm nếu trời lạnh. Và nếu dò hoa lúc nở lại là hoa kép, thì công mài dao cho thật sắc, gọt hoa cho thật khéo dến đâu, cũng phải ngán vì hoa đã kém hương lại thêm kém sắc, tuy hoa vẫn mang tiếng là hoa thủy-tiên dù hoa kép có vô duyên.

*

Hải-đường cũng là thứ hoa chơi trong dịp Tết Nhưng hoa đó không được thông-dụng, có lẽ vì lá hải-đường quá thô, cánh hoa quá dầy, hoa quả... « khỏe » mà lại hữu sắc vô hương. Nếu vì hoa yểu điệu, yếu ớt mảnh mai như một thiếu nữ, thì hải đường là một nữ « lực sĩ » của các loài hoa.

Hải-đường không sớm nở tối tàn, mặc mưa sa gió táp vẫn cứ dẻo dai mơn mởn cành tơ, vui cười với chúa xuân hàng tuần lễ mới chịu lìa cành mà sắc hồng vẫn chẳng pha phôi.

*

Mai vàng là thứ hoa độc đáo nhất của Tết Nguyên-đán miền Nam và có giá trị như hoa đào miền Bắc. Cành mai cũng mảnh như cành đào, nhưng lá không xanh dài tha thướt như dải lưng tiên nữ. Mai cũng na ná giống như đào nhưng không hồng mà trắng hay vàng rực rỡ.

Nhìn mai người ta càng nhớ tới đào, càng thương quê Bắc...

*

Hoa *mẫu-đơn*, tượng trưng lòng trung thành, cũng là một thứ hoa chơi trong dịp Tết,

Mẫu đơn nầy cạnh nhà thờ,
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.

Mẫu-đơn có hai thứ, một thứ vàng, một thứ đỏ. Phần đông người ta ưa giồng thứ mẫu-đơn đỏ hơn vàng, vì đỏ đẹp hơn, vui hơn vàng, hay vì hoa đỏ nở tròn xoe trông ngon lành như một đĩa xôi gấc. Có lẽ vì thế mà ta thường thấy các đền thờ, chùa chiền ưa giồng mẫu-đơn ở trước sân, hay cắm lên mâm sôi trắng.

Mẫu đơn còn là một thứ hoa « uy vũ bất năng khuất » nữa. Truyện xưa chép :

Vũ-Hậu tức Vũ-Tắc-Thiên, hoàng-đế đời nhà Đường (618-907) là một nữ-

chúa hoang dâm. Một chiều đông tàn lạnh lẽo, Vũ-Hậu buồn thiu, rời gót xem hoa vườn thượng-uyển. Nhưng... cảnh vườn sơ sác, hoa không buồn nở, bướm không buồn bay, gió cũng ngừng thổi và chim cũng ngừng ca. Vũ-Hậu tức giận, đề bốn câu thơ vào vách núi non bộ.

Lai triêu du thượng-uyển,
Hỏa tốc báo xuân tri,
Bá hoa liên dạ phát,
Mạc đãi hiểu phong xuy.

Tạm dịch :

Bãi triều chơi thượng-uyển
Cấp tốc báo xuân hay
Ngàn hoa đùa gió sớm
Phải nở hết đêm nay.

Cỏ cây không dám trái lệnh Vũ-Hậu. Chỉ một đêm, trăm hoa tươi nở tưng bừng, đưa hương thơm mấy dặm. Riêng chỉ có cây Mẫu-đơn là buồn ủ-dột, không chịu nở hoa, để phản-kháng nữ-hoàng Vũ-Hậu nộ khí sung thiên, giáng chiếu đầy hoa xuống miền Giang-Nam và « cách chức » trong hàng hoa vương-giả.

Người đương-thời thương Mẫu-đơn trong sạch mà bị trầm luân nên có khúc ca « Ngọc lâu xuân từ » để tặng hoa, tạm dịch :

Danh hoa phơ phất cánh hồng,
Làm say mê cả gió đông buổi nào.
Yêu hoa nhớ vọng khát khao,
Gió mưa hoa đã gầy bao độ rồi.
Sớm ra hoa đã tả tơi,
Sinh ra tỉnh giấc mộng đời tái tê.
Giáng-kiều e ấp ủ ê,
Thương xuân hồ cũng não nề như hoa.

*

Xem hoa, không gì thú bằng đi chợ hoa trong những đêm giáp Tết.

Lá chen hoa rực rỡ. Bông cúc vàng đại-đóa thơm thơm, dịu dàng ý thị, biểu hiệu cho sự phong-lưu phú-quí. Trà kiêu căng như một số thiên-kim tiểu-thư... Khi một kiều nữ gửi tình-lang một đóa trà trắng, là ý bảo « anh phụ tình tôi băng tuyết . Chàng không nói gì, nhưng đưa lại một bông trà đỏ để trả lời « đối với tôi, em đẹp nhất đời » hay bông trà mẫu hường, để tán tụng người trinh-nữ « tôi tự-hào về mối tình của em ».

Vào chợ ngát hương, rực sắc, người ta chợt thấy mình như trẻ trung hơn, gần những chàng trai thanh-xuân, những Kim-Trọng hào-hoa, những Thúc-Sinh đa-tình, những Thúy-Vân, Thúy-Kiều hoa ghen thua thắm.

Mai cốt cách tuyết tinh-thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Lẽ dĩ-nhiên là trong chợ hoa cũng có những ông bà Viên-ngoại hiền từ, những Bán Tơ lắm lét, những Tú Bà nanh nọc, hay những Mã-Giám-Sinh vào chợ chỉ cốt « vào dây nước trước bẻ hoa ».

Nhưng nào ai để mắt ? Người ta còn mải xem hoa, trước nhất là hoa... hậu, mà thấy hoa nào cũng có vẻ mặn mà. Thực vậy, chợ đời, chợ hoa mà lại thiếu những bông-hoa biết nói, thì dù hoa trời có đẹp mấy mươi, cũng không có sức quyến rũ. Giữa sắc hương, phấn son càng làm cho câu cười tiếng nói của giai-nhân thêm phần duyên dáng.

Bóng người sen lẫn bóng hoa,
Người xinh hoa đẹp biết là yêu ai.
Yêu hoa ta phụ lòng người,
Yêu người hoa trách mặn người lạt hoa.

TRẦN-THÚC-LINH

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

BỘ CHÉN TRÀ

NĂM GIÁP-TÝ (1804)



ĐẦU xuân Canh-Tý (1960), tôi xin đem chuyện một bộ chén trà làm vào năm Giáp-Tý (1804) ra bàn cùng quí độc-giả của tạp-chí Bách-Khoa, gọi đề chất-vấn và học thêm cùng hải-nội quân-tử.

★

Kể về chén trà cổ, tôi thấy cũng khá nhiều, duy hai bộ tôi cho là lạ nhứt : bộ « Giáp-Tý » và bộ « Mai-Hạc ».

Trước khi vào đề, tôi cố nhấn mạnh rằng : « *mỗi món đồ xưa là một sử-liệu, một bằng-chứng* « *của một thời đại đã qua* ».

Đề bàn thêm cho ra lẽ, tôi xin dẫn chứng như sau.

Đối với hai bộ chén quí nầy, tôi nghiên cứu khá kỹ-càng và cả gan dám xác-định đó là di-tích hai năm lịch-sử :

— năm 1804, Gia-Long đệ tam niên (bộ chén Giáp-Tý) ;

— năm 1813, Gia-long đệ thập-nhị-niên (bộ Mai-Hạc) (Trên bộ chén Mai-Hạc, thấy đề hiệu « Ngoạn-Ngọc » ; tôi chưa từng thấy bộ Mai-Hạc nào đề niên-hiệu vua ta (Gia-Long) hoặc vua Tàu (Gia-Khánh). Hay đề « Ngoạn-Ngọc » là dụng-ý để tránh đề niên-hiệu hai vua chăng ?)

Bộ Mai-Hạc có hai câu thơ nôm :

« *Nghêu-ngao vui thú yên-hà,*

« *Mai là bạn cũ, hạc là người quen* ».

Theo tục-truyền, hai câu lục-bát nôm ấy do cụ Nguyễn-Du sáng-tác.

Nhờ bộ Mai-Hạc, biết chắc làm vào năm Nguyễn-Du đi sứ năm 1813 (Quí-Dậu), có ký rõ-ràng hiệu « Ngoạn-Ngọc » nên dựa theo đó tôi quả quyết *đồ sành hiệu « Ngoạn-Ngọc » đã có trong đời Gia-Khánh (Trung-Hoa)* (1), nhưng có từ năm nào và thôi làm năm nào thì đó là một việc khác, thú thật tôi chưa biết được.

Đến như tại sao tôi định cho hai bộ chén trà nầy làm vào đời Thế-Tổ nhà Nguyễn, thì sau đây là phần luận-thuyết của tôi.

★

I.— Bộ chén trà « Giáp-Tý »

Bộ chén nầy vẽ hai cây tùng cằn-cỗi theo kiểu « Cổ-tùng chiếu thủy » (tùng già, nhánh cằn giọt bóng xuống nước), có đề hai câu thơ chữ :

« Thúy sắc du xuân noãn,

« Kiên tâm nại khổ hàn ».

Dịch nôm :

« Sắc biếc dạo xuân ấm,

« Bền lòng chịu khổ rét ».

Dưới đáy *dĩa bàn*, có đề bốn chữ Hán « Giáp-Tý niên-chế » tức là làm vào năm Giáp-Tý (lấy năm làm hiệu).

Trên chén « Tống » và ba chén « quân », vì thiếu chỗ, thợ không viết trọn đủ bốn chữ, nên bớt đi hai chữ, thâu gọn lại, để vẫn-vẹn « Giáp-Tý » mà thôi.

Trọn bộ năm món :

— một dĩa bàn, còn nguyên vẹn, rất tốt, kính-tâm 155 ly (155m/m) ;

— ba chén nhỏ, kiểu « mắt trâu, lật-đật » (2), còn toàn hảo, kính-tâm 60 ly, cao 36 ly (60m/m, 36m/m) ;

— một chén lớn, có nứt đường vì cao niên, kính-tâm 66 ly, cao 40 ly (66m/m, 40m/m).

Cả bốn chén đều rạn theo cách thuở nay nhà chuyên-môn gọi là « rạn da rắn » (xà-văn khai-phiến) (craquelé en peau de serpent). Theo kinh-nghiệm, rạn nầy là do sự xài lâu dời, nước nóng, nước sôi làm rạn (craquelé par l'usage), khác với thứ rạn trong lò rạn ra (craquelé au four).

Dĩa bàn kính-tâm 155 ly thì không lớn không nhỏ, vừa đủ chứa ba chén quân. Ngoài ba chén quân, còn thêm một chén tống, trộng hơn chén quân một đỗi, và bởi dĩa không còn chỗ nữa, nên phải úp chén tống lên trên một chén quân, thành thử mới dòm sơ qua tưởng chừng trọn bộ chỉ có ba chén ngó thấy (một lớn hai nhỏ), kỳ trung, như đã nói, có cả thảy bốn chén, hai quân

---

(1) Vua Gia-Khánh (Kia-K'ing) trị vì 1796, 1820, thọ 61 tuổi.

(2) « *Mắt trâu lật-đật* », gọi làm vậy vì chén nầy lớn cỡ mắt con trâu ; và khi để chén nghiêng thì tự nó lật đứng lại như con lật-đật (poussah).

đề riêng, một chén quân thứ ba bị úp dưới chén tống nên không thấy được. Kiểu nầy có chỗ bất tiện, vì đối với người nào chập-chững mới vọc đồ xưa chưa nóng tay, chưa rành hay chỉ sơ ý một chút thì khó tránh sự rủi ro đáng tiếc : đụng chạm làm khờn mẻ, hoặc làm rớt làm bể là thường sự.

Nhưng nghiệm kỹ lại thì kiểu chế làm vầy cũng là một thâm-ý, biết đâu chừng, là muốn ám-chỉ bao đạo quân thời đó : đạo giữa do tướng-lánh hoặc vua chúa bồn thân cầm đầu, — hai quân kia muốn gọi đó là *tiền*, *hậu* hay *tả*, *hữu* chi cũng được. Xin chớ quên, năm 1804, Thế-Tổ khai cơ dựng nghiệp vừa xong, nên tinh-thần thượng-võ còn mạnh lắm.

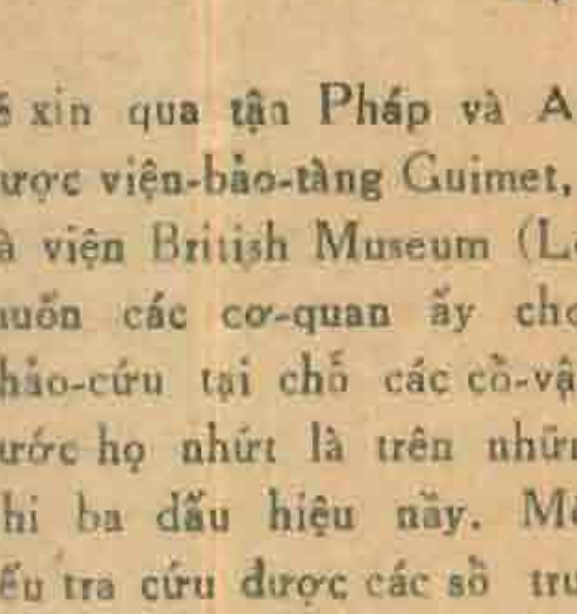
Nói đến đây là cùng tột sự hiểu biết của tôi về bộ chén nầy ; còn một việc quan-trọng hơn nữa ; rất đáng lưu-ý nhứt mà cũng chưa ai khám phá ra, là trên bộ Giáp-Tý và những món đồ sứ men lam tục danh *bleus de Hué*, thỉnh-thoảng thấy vẽ thêm một lá cây bên hữu và hai chữ lạ bên tả, một tròn một vuông đóng khung một câu đối hoặc một bài thơ (xem hình). Ba dấu hiệu nầy khiến tôi băn-khoăn bối rối cả đời và hiện nay ngoài ba-mươi năm tìm-tòi, tôi khảo chưa ra manh-mối. Một điều khác tôi không đồng-ý với nhiều nhà khảo-cứu xưa nay quá tin các niên-hiệu sẵn có, vì về sau, theo tôi, một khi đồ sứ Tàu nổi danh và được các nước khác quí chuộng, thì tha hồ cho Trung-hoa và Nhựt-bản ký kiểu rất nhiều, — không khéo quá tin thì rất dễ lầm. Mỗi khi gặp món đồ có đề một niên-hiệu giả-tỷ như « Khương-Hy », « Càn-Long », thì không nên vội để quyết đó là đồ làm vào thời-đại hai vua nầy. Nói làm vậy thì lầm chết đi, và phải coi đi coi lại cho kỹ-càng trước đã. Theo tôi có một cách khoa-học và chắc chắn hơn cả là tôi định khi nào có một dịp may đưa đến như trúng số độc-đắc chẳng hạn, tôi

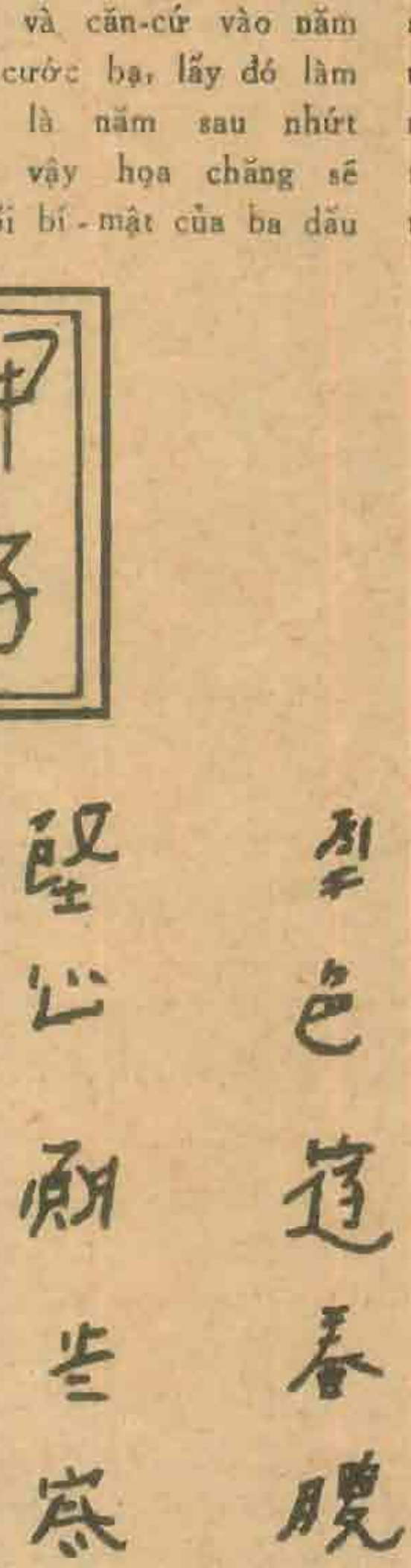


Hình dĩa Mai-Hạc (dĩa lớn) gọi dĩa bàn để đựng chén quân (tốt) khi ba khi bốn chén trên dĩa có câu lục bát nôm, tương truyền của cụ Nguyễn-Du làm khi đi sứ bên Tàu năm 1813. Hình vẽ theo phân nửa dĩa thật

sẽ xin qua tận Pháp và Anh, viếng cho được viện-bảo-tàng Guimet, Louvre (Paris) và viện British Museum (Londres), vì tôi muốn các cơ-quan ấy cho phép tự tôi khảo-cứu tại chỗ các cổ-vật họ mang về nước họ nhứt là trên những món nào có ghi ba dấu hiệu nầy. Một dàng khác nếu tra cứu được các sổ trước-bạ, các sổ mục-lục đồ cổ-ngoạn của hai viện bảo-tàng trứ-danh ấy, và căn-cứ vào năm thu-thập hoặc năm cước bạ, lấy đó làm chắc (ít nữa đó là năm sau nhứt của món đồ), như vậy họa chăng sẽ khám phá được mối bí-mật của ba dấu hiệu kia, và các đồ chánh hiệu Khương-Hy, Càn-Long, đồ có đề hiệu « Ngoạn-Ngọc », « Như-Ngọc », « Trân-Ngọc », « Chánh-Ngọc », « Ngọc », « Chánh » vân-vân, sẽ rõ ắt là làm trước những năm nào.

Sở dĩ tôi đinh-ninh muốn được xem xét tận mắt lấy mình là vì tôi muốn luôn tiện khảo-cứu thêm vài chi-tiết cần-yếu để soạn sách khảo về đồ sứ. Hiện nay, sách đã soạn nhưng tôi chưa vội in ra không khác một kiến-trúc-sư tuy đã có đủ vật-liệu cất nhà nhưng nếu nền móng chưa vững chắc thì khó tạo-tác liền cho được. Lại nữa tôi vô phương cậy mượn những nhà chuyên-









Hình 3.— Một lá cây, một chữ trong khung tròn, một trong khung vuông thường gặp trên đồ sứ cổ. Hai câu thi là
« Thúy sắc du xuân noãn,
« Kiên tâm nại khổ hàn ».

môn có mặt tại chỗ xem hộ những chi-tiết tế-vi nầy, không phải tôi dám nghi-ngờ tài-lực của họ hoặc tôi cố ý nói khó để được một phen đi Pháp đi Anh khỏi bỏ tiền lưng, nhưng kỳ thật, tôi biết chắc rằng việc tôi muốn làm tuy không khó, nhưng người mình mượn mặc dầu hay giỏi bực nào, biết có đủ nhẫn-nại và trì chí chiều ý mình chăng ? Chuyện là chuyện tế-vi nhọc trí, dụng-ý là dụng-ý riêng của mình mình biết, tha-nhơn làm sao thay thế mình và làm vừa lòng mình được. Không may, sai-suyễn đôi chút hoặc như khảo-xét lầm một món nào khác thì sự vô tình hay bất ý ấy cũng đủ hại cho mình bị dắt-dẫn đi lạc đường và do đó những ước-định và xét-đoán tự nhiên sẽ sai bết hẳn tất cả. Như vậy chẳng những uổng công-trình khảo - cứu, thêm rất hại về sau, vì tôi đã từng kinh-nghiệm rằng một tài - liệu đúng sự thật một trăm phần trăm chưa chắc đem lạimột tia sáng còn con nào cho khoa-học ; trái lại một tin sai lầm sẽ in sâu vào trí óc nhiều người đã quá tin nơi sức tài của người đề - xướng, sau nầy khó mà sửa sai cho đúng với sự đòi - hỏi của chuyên khoa...

Bộ nầy, chén cũng làm *kiểu lật-đật* cũng *cỡ mắt trâu*.

Trọn bộ, cả thảy là bảy món :

— một dĩa bàn lớn, kính-tâm 167 ly (167m/m),

— bốn chén nhỏ (ba cái lành-lẽ, một cái rạn vì lâu năm) cuén kính-tâm 56 ly, cao 36 ly (56m/m 36m/m),

— một dĩa dầm, kính - tâm 123 ly (123m/m),

— một chén lớn, kính - tâm 65 ly, cao 42 ly (65m/m ; 42m/m).

Mỗi món đều ký hiệu « Ngoạn-Ngọc » (Pháp dịch) : « Bibelot de jade ». Chén dĩa trắng, vẽ màu lam một cây mai oằn và một con hạc đứng co một giò. Cây mai nhái hình chữ « nữ » 女 (xem hình).



Hình dĩa Mai-Hạc, dĩa nhỏ, gọi dĩa dầm, để đựng chén tống độc chiếc. Hình vẽ theo phân nửa dĩa thật.

Nhơn tìm hiểu sự tích hai bộ chén trà nầy, tôi phải đọc đi đọc lại, nghiền-ngẫm nhiều bộ sử sách, nhứt là các bộ chuyên-môn và tạp - chí khảo - cứu, Pháp có, Việt có. Lại phí tiền mua đồ Mai-Hạc, gặp đâu mua đó, để thấy cho đủ sản - phẩm của các lò, các hiệu chuyên chế làm đồ nầy. Nhưng nói không sợ mất lòng, nhiều bộ sách giá rất đắt-đỏ mà chứa đựng tài-liệu không bao nhiêu, có khi phải phí mất rất nhiều thì

II.— Bộ chén trà « Mai-Hạc » có thơ nôm (1)

Về bộ nầy, đặc sắc nhứt là hai câu thơ nôm :

« Nghêu-ngao vui thú yên-hà,
« Mai là bạn cũ, Hạc là người quen ».

(1) Tập kỷ-yếu Hội Khuyến-học Nam-kỳ 1943 (bộ chén trà mai-bạc — Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises 1er trimestre 1944 (Les bleus de Hué à décor Mai-Hac). Cùng một tác-giả.

giờ đọc suốt tuần trót tháng mà chỉ góp-nhặt mớ nhẩm tài-liệu không đủ đâu vào đâu, và phải gia công suy-nghiệm, khảo-xét và bổ-túc lấy mình.

Không sợ rườm-rà, tôi xin trích-lục và kê-khai ra đây một lố danh-từ tôi ky-cóp bấy lâu, để đỡ công các bạn khỏi mất thì giờ tra-tầm nghiên-cứu.

Phàm trong một bộ chén trà xưa, nên phân-biệt bốn danh-từ tối quan-trọng, và dính-dáng mắc-míu chẳng-chịt nhau, không bỏ đi được món nào (liên-quan nhau tỷ như nhắc tới chiếc áo dài thì liên tưởng đến chiếc khăn đóng, kể đến bộ lễ-phục Tây thì nhớ liền cái cà-vạt,...).

Bốn danh-từ ấy là :

Dĩa, Bàn, Tống (Tướng), Quân (hoặc Tốt).

Để tôi lần - lượt kể và lần - lượt giải-thích :

Dĩa hay *Đĩa* : thứ đồ nông lòng, rộng miệng, dùng để đựng món ăn. Tỷ-dụ : *dĩa đàn, dĩa sứ.*

Đĩa đàn : dĩa đất nung hạng xấu, ngoài có tráng men : *Bát đàn, dĩa đàn.*

Đĩa sứ : dĩa tốt, trong là đất thó trắng, ngoài có tráng men bóng : *ấm sứ, bát sứ, điếu sứ.*

Dĩa bàn : cái dĩa lớn trong một bộ đồ trà, có thể chứa ba hoặc bốn chén trà. Trái với *dĩa bàn* là *dĩa dằm.* (Danh-từ « dĩa bàn » nay thường dùng để gọi dĩa ăn của Pháp (plat), trong Nam còn gọi là cái *lập-là*).

Dĩa dằm : dĩa nhỏ vừa đủ đựng một *chén chứa*, thường cũng gọi *chén tống*, hoặc *chén chung* (nên phân biệt *chén chung lớn* là *chén tống*, và *chén chung nhỏ* là chén uống nước thường) khi gọi *chén quân*, khi gọi *chén tốt*, cũng nó).

Chuyên trà : sang qua sớt lại cho trà mau ra.
Cũng gọi ấm, chén dùng để pha trà. Chè chuyên chén mẫu (Kiều).

Dằm : chuyên trà.
Cũng có nghĩa là đồ sành, đồ sứ lâu năm, hơi rạn hơi dập, đựng nước, nước có thể rỉ ra được. Tỷ-dụ : cái chén tống này dằm.

Chén : đồ dùng làm bằng sành, bằng sứ, có khi bằng ngọc, bằng vàng, bạc, hoặc gỗ quí (*chén trắc bá-diệp*), để đựng thức ăn (*chén cơm*), hoặc đồ uống (*chén nước, chén rượu trắng*). Nên phân biệt :

Chén nhỏ, chén thường, khi gọi « *chén quân* », khi gọi « *chén tốt* » hoặc *chén chung nhỏ* : chén nhỏ dùng để uống trà Tàu. Quen gọi là « *chén tốt* », lâu ngày lầm tưởng « *tốt* » có nghĩa là tốt đẹp, xinh tốt, không dè « tốt » đây là « *sĩ-tốt* », cũng như « chén quân » là quân-sĩ nói tắt, đừng lộn với « quân » là vua. Pháp dịch : chén tống : tasse le Général, chén tốt hay quân : tasse le soldat.

« *chén tống* », tức « *chén tướng* », cũng gọi *chén chung* hoặc *chén chứa, chén dằm* : chén trọng-trọng dùng để chuyên trà. Quen gọi « *chén tống* » lâu ngày lạc nghĩa, lầm với chữ tống « 送 » là đưa thẳng, đưa ngay (tống cổ nó ra !) hoặc như trong danh-từ « tống khẩu »

là súc miệng trước khi ăn uống (t. d. pha chén nước tống khẩu). Kỳ thật « tống » đây do tiếng « *tướng* » đọc trại ta làm vậy.

Trong Nam còn gọi « *chén chung* », chung là chung-gộp, chung chứa. Đừng lầm với chén *hình như cái chung* (chuông) và chén miệng trớt cho nước mau nguội, *hình như cái chảo*. *Chén chung*, nghĩa thông thường là chén uống rượu. Tỷ-dụ : Cuộc tình say say tỉnh một vài chung (Tam Nguyên). — Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau (Nguyễn-Du).

chén đồng : chén rượu đồng tâm.
Tưởng người dưới nguyệt *chén đồng* (Kiều).

chén hà : do « *Hà-bôi* » dịch ra : thứ chén qui, rót rượu vào lóng-lánh như bóng mặt trời.
Chén hà sánh giọng huỳnh-tương (Kiều).

chén hạt mít : chén nhỏ bằng cỡ hạt mít.

chén kiểu : thứ chén bằng sành hảo-hạng, có vẽ điển-tích xưa, phần nhiều do Trung-Hoa làm, người mình mang về nước và chuyền cho các lò nội-hóa coi theo làm kiểu-mẫu, nên gọi « *chén kiểu* ».

chén lật đật : đã nói rồi, là chén khu và hông tròn vo, nếu để nghiêng-nghiêng, tự nó nó biết dứng dựng lên như con lật-dật, (con lật-dật, chữ gọi « bất đảo ông » (poussah).

Chén mắt trâu : đã nói rồi, chén vừa tròn vừa lớn cỡ mắt con trâu.

Chén quỳnh : chén đựng rượu quỳnh-tương.
Cùng nhau lại chuốc *chén quỳnh* giao bôi (Kiều).

Chén tạc chén thù, chén thù chén tạc, chén chú chén anh, chén tôi chén bác... chén rượu chủ mời di khách mời lại ..

Chén thề : chén rượu thề-nguyền.
Khi ngày quạt ước, khi đêm *chén thề* (Kiều)

Chén ngọc-hồ : Trong Đường-thi có câu : « *Nhứt phiến băng tâm tại ngọc hồ* ». Có ông cắt nghĩa : « *ngọc hồ* » là chén đựng trà có nắp đậy, để pha trà vào đó uống luôn (không sớt qua chén khác). Không biết có quả vậy chăng ? Và theo tôi, đời nhà Đường, chẳng hay *chén trà có nắp đậy* như ta thường đã thấy có rồi chưa vì tôi rất nghi *chén có nắp* là mới có đây, từ nhà Thanh, do Mãn-châu truyền sang Trung-hoa ?

Chén chè Mạn tống khẩu : theo ông bạn Tr. Th. Đ., « Mạn » đây là thứ chè sản ở châu Mạn-hảo, thuộc Vân-Nam ? ?

Vài văn liệu.—

Tay đũa tay chén (thành-ngữ).

Thuận buồm xuôi gió, chén chú chén anh...
(th. ng.)

Tay tiên chuốc chén rượu đào,
Bỏ ra thì tiếc uống vào thì say.
(câu hát xưa.)

Tiễn đưa một chén quan hà.
(Kiều)

Vài tuần chưa cạn chén khuyên
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau
Lòng xuân phới-phới, chén xuân tàng-tàng.

Vầy xin chén nước cho người thác oan.
Giọt dài giọt vắn, chén đầy chén vơi
Khi chén rượu, khi cuộc cờ.

(Kiều)

Nào khi anh bủng anh beo, năm tiền chén thuốc lại đèo múi chanh.
Rượu ngon bất luận chén sành,
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

(Câu hát xưa)

. . . . . .

. . . . . .

Học được ngần ấy chữ lạ : danh-từ mới, thành-ngữ đẹp tai, đủ thấy thú chơi cổ-ngoạn vừa vui vừa bổ ích bực nào. Độ chừng các quí độc-giả Bách-Khoa quen quen với những danh-từ nầy, tôi sẽ xin trở lại dất quí vị thăm hai bộ chén trà « Giáp-Tý » và « Mai-Hạc » để cùng nhau lượm hái thêm đôi mớ sử-liệu rời rạc, vì bởi quá tế-vi và bí-ẩn nên lâu nay ít ai chịu khó sưu-tầm cho đến kỳ cùng.

Không phải tôi làm khó đâu. Tôi không kéo dài câu chuyện, không cắt nghĩa liền đây, vì ba ngày Xuân thịt mỡ dưa hành đã làm ngấy người lắm rồi !!

Còn ăn Tết nữa chớ.

VƯƠNG-HỒNG-SỀN

Chú-thích của Tòa-soạn.— Trong cái dĩa Mai-Hạc, hình vẽ kèm trong bài, có hai câu thơ nôm làm theo thể thượng lục, hạ bát, tương truyền là của cụ Nguyễn-Du làm khi đi sứ sang Tàu.

Một bạn văn, anh M.T, đến chơi tòa-soạn, đọc thấy, không tin là thơ của Nguyễn-Du, vì theo anh bạn, thơ Nguyễn-Du tinh-luyện hơn về kỹ-thuật, phong-tình hơn về nội-dung v.v...

Anh bạn M.T. nhân đó, cũng thử sửa lại hai câu thơ lục-bát nói trên. Vậy, chúng tôi cũng cứ xin đăng tải ở đây, coi như là một giai-thoại trong làng thơ.

Câu thơ trong dĩa :

Tiêu dao vui thú sơn-hà
Mai là bạn cũ, hạc là người quen
(thân).

Theo ý anh bạn M. T. thì chữ « bạn » trong phần trên câu dưới « yếu ». Yếu vì nhà thơ đã phải gọi đến Mai là bạn. Nhưng chữ « bạn » nầy cũng còn tạm được. Đến như chữ « người quen » dùng để chỉ một con vật là con hạc thì « ép » quá.

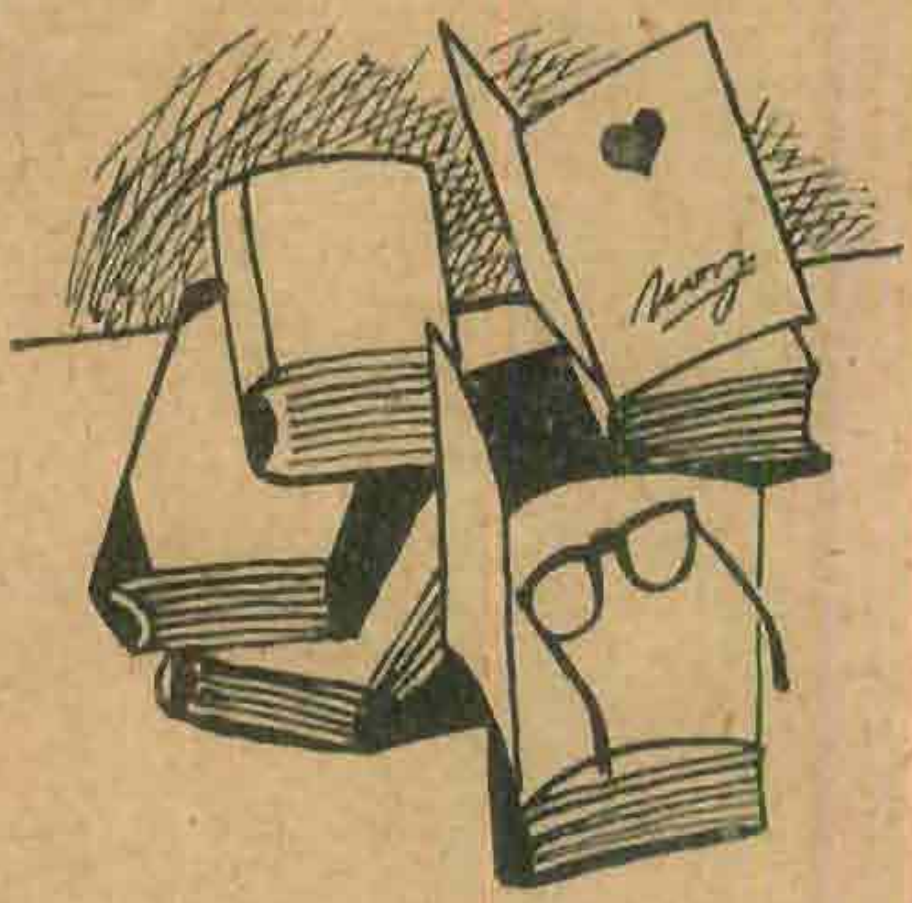
Theo anh bạn thì Nguyễn-Du tất không làm hai câu thơ ngô-nghê như thế. Nếu đổi đi một chút, ví dụ :

Tiêu-dao vui thú sơn-hà.
Mai là cảnh cũ, hạc là bạn quen.

thì có phần « chững » hơn, vì « Mai là *cảnh* cũ » đã là hợp, và hạc chỉ có thể là *bạn* quen, chớ không thể là *người* quen. Một con vật có thể là *bạn* của chúng ta, nhưng không thể nào thành một *người quen* của chúng ta được. Các bạn nhà thơ, có ý gì về hai câu thơ này, xin cho biết, chúng tôi rất cảm-tạ.

B. K.

BÁCH-KHOA PHỎNG-VẤN Ô. NGUYỄN-HIẾN-LÊ VỀ :



TÌNH HÌNH XUẤT BẢN

TRONG NĂM 1959

Để cống hiến bạn đọc một số tài-liệu về tình-hình xuất-bản của ta trong một năm qua, chúng tôi đã tìm đến nhà xuất-bản mà cũng là nhà văn quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa : Ông Nguyễn-Hiến-Lê. Và dưới đây là những câu trả lời của tác-giả « Nho-giáo : một triết-lý chính-trị ».

SAO anh lại đi phỏng-vấn tôi, một nhà xuất-bản rất nhỏ ở trong nước, mỗi năm chỉ ra chừng bốn, năm cuốn ? Vì công việc chính của tôi là viết, xuất-bản chỉ là việc phụ, nên tôi không biết rõ tình hình xuất-bản bằng các nhà khác, nhưng biết cái gì xin thưa cái đó ; và muốn cho độc-giả Bách-Khoa có một quan-niệm đích-xác, tôi tưởng anh nên phỏng-vấn thêm vài nhà xuất-bản lớn ở Sài-gòn nữa.

Hồi cuối tháng chín, một anh bạn giáo-sư lại thăm tôi, chìa cho tôi coi bốn cuốn sách anh mới mua và hỏi tôi :

— « *Đố anh đoán được giá tiền bao nhiêu ?.... Không thể tưởng tượng được anh. Có năm đồng một cuốn thôi, anh ơi !*

Tôi cầm coi thì là những tiểu-thuyết và sách khảo-cứu có ít nhiều giá-trị, dày trên dưới 200 trang giá để ở bìa từ 35 đến 45 đồng. Hình như những sách ấy của một cơ-quan văn-hóa nào đó, nhưng dù vậy đi nữa thì cái giá « xon » đó cũng làm cho tôi phải suy nghĩ nhiều.

Anh bạn nói tiếp :

— « *Tôi đi trên lề đường, người ta mời tôi : « Thầy mua giùm tôi, thày. Rẻ lắm chỉ có 5$ một cuốn thôi. Thày muốn lựa thứ nào thì lựa. » Và tôi mua cho họ bốn cuốn. Thế này thì chết thật ! Họ bán cho tôi 5$, thì Huê-kiều Chợ-lớn bán cho họ bao nhiêu ? Và nhà xuất-bản bán cho Huê-kiều Chợ-lớn bao nhiêu ? Có lẽ nhà xuất-bản chỉ thu đủ phí tổn vô bìa, đóng rồi cắt.* »

Mấy hôm sau, có dịp ra phố, tôi để ý nhận xét thì thấy ở lề nhiều con đường, người ta bày hàng chục cuốn bán xon với giá rẻ mạt đó. Từ xưa, vẫn có những sách bán xon, nhưng chưa bao giờ giá xon hạ tới cái mức chỉ còn có 10% tới 15% giá chính-thức như vậy. Mà đó có lẽ chỉ mới là bước đầu. Sang năm hay sang năm nữa, sách bán xon theo cái giá đó có thể đầy đường. Tôi mong rằng tôi đoán sai. Nhưng nếu tình hình không thay đổi, thì tôi không hiểu các nhà xuất-bản sẽ làm cách nào để thoát khỏi cảnh đó. Vài nhà tôi quen đã phàn nàn : « Sách thì đầy trong kho, mà tiền thì không có. »

Có nhà phải mướn ba bốn căn phố lớn bằng căn tôi ở đây để chứa sách, mà căn nào cũng đầy gần tới nóc. Đã ba năm nay sách bán chậm, mỗi năm mỗi nhà đọng lại mấy vạn cuốn — tôi nói những nhà xuất-bản lớn — như vậy trong hai năm nữa, thì anh thử tượng số sách đọng lại ở Sài-gòn này là bao nhiêu.

— Mỗi năm mỗi nhà đọng lại mấy vạn cuốn ? Dữ vậy ?

— Vâng. Để tôi tính cho anh nghe. Mỗi nhà xuất-bản lớn mỗi năm in ra từ 15 đến 20 thứ ; chỉ vài thứ bán hết nội trong một năm, còn thì ứ lại mỗi thứ ít nhất là ngàn cuốn, nhiều thì có thể hai, ba ngàn. Như vậy, anh thấy rồi chứ ?

— Vâng.

— Nhiều quá, chỗ đâu mà chứa ? Thuê xe cam-nhông tới chỗ đi đổ ư ?

Đã tốn tiền xe lại tốn công xé bìa. Sao bằng gọi Huê-kiều lại bán rẻ, dù rẻ mạt, thì cũng được mỗi cuốn vài đồng, vạn cuốn có vài vạn đồng, một số tiền đáng kể đấy chứ ?

— Nhưng tại sao người ta không in bớt đi ?

— Tất nhiên là nhà nào cũng đã nghĩ tới giải - pháp đó. Nhưng, có bạc tóc ở trong nghề cũng khó « bắt mạch » được độc - giả. Mười lần « bắt mạch » đúng được ba là giỏi lắm rồi. Cả năm ngoái tôi chỉ được biết có một tiểu-thuyết không ai ngờ là bán chạy mà in ba ngàn trong sáu tháng đã bán hết. Chính nhà xuất-bản cũng

phải ngạc-nhiên, và vội vàng cho tái bản, lần này in tới mười ngàn, nhưng chưa chắc sẽ bán hết, vì sức tiêu thụ đã bắt đầu chậm rồi. Trường-hợp đó rất hiếm, trong nước hai ba năm mới thấy xuất hiện một lần. Còn thì phần đông là : yên trí rằng bán chạy mà rồi hóa ra bán chậm. Thành thử sách cũng cứ vẫn đọng lại.

Vả chăng, chỉ có thể rút số in tới một mức nào thôi, chẳng hạn thơ ít nhất cũng phải in 500 ; tiểu-thuyết ít nhất cũng phải hai, ba ngàn ; khảo-cứu 1500 hay 2000 ; sách giáo-khoa tiểu-học 5000, trung-học 3000 ; chứ nếu rút quá thì giá vốn của mỗi cuốn sẽ rất cao, rồi biết định giá bán ra làm sao bây giờ ? Không những vậy, tác-giả cũng không vui vì bản-quyền tác-giả tính ra sẽ không được là mấy.

Vài nhà xuất - bản thấy giải - pháp đó vẫn chưa được, phải thu hẹp hoạt-động lại. Có hai cách : một là chỉ tái bản những tác-phẩm đã mua đứt từ mấy năm trước, nay khỏi phải trả thêm ; như vậy nghĩa là không mua một tác-phẩm nào mới nữa ; hay là vẫn mua tác-phẩm mới, nhưng mua rất ít, chẳng hạn trước mười thì nay ba. Không thể dẹp luôn nghỉ được, vì không in thêm sách mới thì cũng khó bán được sách cũ, thôi thì đành hoạt-động « lai rai » để chờ thời. Tôi ngờ rằng có nhà đã phải gần như ngưng hẳn.

— Thế sao tôi vẫn thấy có nhà mới ra ?

— Tất nhiên. Thiếu gì ! Một là người ta không hiểu tình-hình, cứ tưởng rằng lời lắm. Mà lời thật : Vốn in là 20% giá bán, tác quyền là 10%, để huê-hồng cho nhà phát-hành là 45%, còn lời tới 25% kia mà. Nhưng ít khi người ta nhớ rằng muốn được lời số 25% đó thì phải bán hết, mà mười loại mới bán hết được hai ba loại, có khi trong năm sáu năm mới

---

★ Công cuộc giáo-hóa của người chỉ-huy phải đạt tới chỗ làm cho người dưới quyền ưa cố-gắng, nhận trách-nhiệm và thích làm việc chung.

★ Tính ưa « làm việc ít phải cố-gắng » thường dẫn người ta đi tới chỗ hủ-hóa, ngại ngùng và hao nhụt nhuệ-khí.

★ Người anh-hùng muốn cứu nạn phù nguy, cần nhất phải chịu lao tâm, khổ lực. (*Tăng-quốc-Phiên*)

★ Không có việc gì làm nên mà không phải khó khăn, sự vật sở-dĩ đáng giá là vì đã phải mua bằng một giá nào.

★ Ở đời không có việc gì không khó nhọc mà làm nên. (*Văn-trung-Tử*)

hết ; còn nếu chỉ bán được hai phần ba hay một nửa thì nhất định là lỗ và phải sang thêm phố để có chỗ chứa sách.

Hai là người ta hiểu tình-hình nhưng vẫn cho ra : làm việc văn-hóa thì chịu lỗ cả công lẫn của, vẫn là chuyện thường, miễn được cái danh.

Ba là người ta chắc có chỗ mua giùm cho được một số đủ trả tiền in, còn thì để đó, bán « câu dầm », mỗi năm thêm được đồng nào hay đồng đó.

Xuất-bản như hai hạng sau đó là xuất-bản « tài tử » : mỗi năm ra một hai tác-phẩm, có khi chỉ ra được một tác-phẩm rồi ngừng luôn. Cho nên tuy nhiều nhà xuất-bản mới ra thật, nhưng đó không phải là dấu hiệu của sự thịnh-vượng. Trái lại là khác : chính vì những nhà xuất-bản chuyên-nghiệp không dám mua nhiều tác-phẩm mới, mà những tác-phẩm này mới phải ra mắt độc-giả theo lối « tài tử » như vậy.

— Vậy, theo anh, tình-hình xuất-bản lúc này « bi-quan » lắm !

— Xin anh hãy khoan. Đó là tôi mới xét chung. Mà vấn-đề gì cũng vậy, mới xét chung, chưa thể kết luận được. Tôi xin vào chi-tiết. Tôi chia các loại sách ra làm năm : kịch, thơ, tiểu-thuyết, biên-khảo, giáo-khoa ; và tuần tự xét tình hình từng loại một.

Tôi thú thực không biết rõ từ đầu năm đã xuất-bản bao nhiêu cuốn kịch nào ; vì không thấy bán tại các nhà sách lớn ở Sàigòn, và cũng không thấy giới thiệu trên những báo tôi thường đọc.

Thơ thì vẫn thường thấy xuất bản. Nếu tác-giả đã nổi danh từ hồi 1930-1939 thì có thể bán hết được một hai ngàn. Nếu tác-giả không có danh tiếng hoặc mới được nổi danh gần đây thì trừ một vài trường hợp đặc-biệt, bán chỉ được hai trăm cuốn là nhiều, có khi vài ba chục cuốn. Tôi nhớ thi-sĩ Đông-Hồ năm ngoái có nói đại ý rằng : Ai có làm thơ thì in Ronéo lấy ít chục bản rồi gởi cho bạn bè coi, chứ bán cho ai mua ở cái thời này ? Lời đó là lời của một nhà ở trong nghề. Thơ bây giờ thì ế, ế lắm ! Khắp Sàigòn chỉ có một hai nhà sách dám mua mặt giúp thi-nhân ít chục cuốn để bán cho có đủ mặt sách ; và khắp nước chỉ có mỗi một nhà phát-hành là chịu nhận thơ theo cái lối gởi bán, người Pháp gọi là consiguation ; còn các nhà khác, hễ thấy thơ là lắc đầu liền : « Vâng, ạ, chúng tôi đã được nghe danh ông, đã được đọc ít bài của ông, thơ ông hay lắm ạ ; nhưng xin ông thứ lỗi cho, chúng tôi không dám nhận, dù là ông chỉ gởi bán, vì thơ bán không được ạ ». Còn nhà phát-hành chịu nhận kia thì nhận là vì nể, nhận rồi để đó, có phát hành cũng chỉ là phát hành tại những tiệm lớn ở Sàigòn và một vài tỉnh trong nước, chứ không dám « tung » ra thị trường đâu. Không thể trách họ được. Dù ta có để cho họ 50% huê hồng thì họ cũng chỉ được 15% hay nhiều lắm là 20%. Ví dụ giá bán một cuốn là 30$, thì nhiều lắm lời được 5-6$ một cuốn, nếu họ bán được 200 cuốn — trường hợp hiếm có, họ mới được lời khoảng 1.000$ mà chịu biết bao phí tổn : gói, chở xe đi, chở xe về, làm sổ sách, nhất là phải dành

ít nhất là một thước vuông để chứa sách, mà nhà cửa ở thủ-đô này thì đắt đỏ lắm. Thường thường họ chỉ bán được độ 50 cuốn, mà như vậy thì họ bị thiệt. Chính họ cũng tự nhận rằng như vậy là không làm trọn nhiệm-vụ « phổ-biến văn-hóa », nhưng làm sao được, thưa anh ? Sáu bảy năm trước, làm ăn phất đạt có lỗ một món thì mười món bù lại, bây giờ thì khác hẳn.

Tiểu-thuyết bán chạy hơn nhưng cũng không khá gì. Ngoài những tiểu-thuyết của nhà *Phương-Giang* mà hầu hết là những tác-phẩm được tái bản lại đều đều, còn thì in ba ngàn bán được một ngàn là may lắm rồi đấy ; tác-giả phải có tên tuổi, tác-phẩm lại phải hấp dẫn mới được như vậy ; nghĩa là được đủ vốn in với một chút lãm tiền nhuận bút. Nếu không đủ hai điều kiện trên thì chỉ bán được độ năm trăm cuốn thôi, hay kém nữa. Tôi chưa hề xuất bản tiểu-thuyết, nghe bạn đồng-nghiệp nói vậy, và tôi tin rằng lời đó không ngoa. Mấy năm trước, người ta còn xuất-bản tiểu-thuyết của Hồ-Biểu-Chánh, của Tùng-Long v. v...; hồi này loại đó không thấy ra nữa. Báo nào cũng đăng tiểu-thuyết nhiều quá, nhiều quá rồi, tha hồ mà đọc, đọc suốt ngày cũng không hết, cần gì phải mua tiểu-thuyết nữa, phải không, anh ?

Loại biên khảo bán khá hơn một chút, nhưng cũng còn tùy. Nếu sách có tính cách thực tế, chỉ độc giả cách xử thế, trau dồi tài đức, dạy con, nuôi con, thì có thể bán được một hai ngàn cuốn trong vài ba năm ; như vậy nhà xuất-bản thu lại đủ vốn hoặc lời mỗi thứ được độ mươi ngàn đồng — tôi nhắc lại : trong vài ba năm — Còn nếu là sách biên khảo về triết lý, tôn-giáo chẳng hạn thì năm năm may mới ra bán được ngàn cuốn ; tuy vậy nhà xuất-bản cũng ít khi lỗ vì, loại đó vốn « kén » độc giả, nên nhà xuất-bản bao giờ in cũng ít ; một ngàn, ngàn rưỡi cuốn, hai ngàn là nhiều lắm và có thể đề giá cao được.

Bán chạy nhất là sách Giáo-khoa, và ta có thể nói rằng thị trường sách ở Việt-nam lúc này tràn ngập sách Giáo-khoa, chuyên bán sách giáo-khoa, còn các loại khác đều là phụ hết. Tiệm sách nào cũng đầy sách giáo-khoa, có tiệm không bán gì khác ngoài sách giáo-khoa. Tôi tự hỏi nếu lúc này không có sách giáo-khoa thì tình hình các tiệm sách mới tiêu điều làm sao ! Hầu hết các nhà xuất-bản, không thuộc vào một cơ-quan văn-hóa nào, nghĩa là không được trợ cấp, mà muốn đứng được thì phải xuất-bản sách giáo-khoa, không nhiều cũng ít.

Xuất-bản sách giáo-khoa mà phát thì phát mau và phát lớn lắm. Có thể lời cả triệu đồng trong một năm. Có nhiều sách ban tiểu-học in mười ngàn cuốn, trong một tháng đã hết, phải in thêm gấp, vì các nhà sách ở khắp nơi đánh điện về hỏi hoài, bao nhiêu cũng không đủ cung cấp. Chợ sách thực là tấp nập. Cứ mỗi cuốn nhà xuất-bản lời 5 đồng thôi thì mười ngàn cuốn, hai chục ngàn cuốn lời bao nhiêu ? Mà sách tiểu-học có tới ba chục thứ.

Sách giáo-khoa Trung-học in ít hơn, (thường 5000 hay 3000 cuốn) vì số học-sinh Trung-học ít hơn ; nhưng cũng có cuốn bán chạy như sách giáo-khoa tiểu-học, chẳng hạn vài thứ sách dạy toán, dạy Anh-ngữ. Những thứ đó bán có thể được mười

ngàn cuốn một năm, và mỗi cuốn nhà xuất-bản có thể lời 10, 15 đồng. Sách nào mà có để thi trúng tủ thì thôi, máy in chạy suốt ngày đêm cũng không kịp.

— Thích quá nhỉ ?

— Vâng, thích lắm.

Nhưng không phải ai cũng làm giàu được như vậy đâu. Phải có nhiều vốn, hàng triệu. Phải gan dạ. Phải kinh-nghiệm. Lại phải có nhiều tài khác nữa. Những người thành công lớn nào mà chẳng có tài ?

Vả lại, nghề gì cũng vậy, phất mau thì nguy hiểm cũng lớn. In sách giáo-khoa tốn công và tốn tiền phải nhiều hình, trình bày cho đẹp, nên phải sửa soạn một năm trước. Nếu đầu nghỉ hè mà dùng một cái có tin niên-khóa tới sẽ thay đổi chương-trình thì nhà xuất-bản tất là mất ăn mất ngủ. Hàng vạn cuốn mới in xong hoặc đương in đó, bây giờ mới tính làm sao ? Phải triệu-tập cấp-tốc một ban « tu thư » — danh-từ « tu thư » không ở đâu dùng đúng bằng ở đây — để tìm cách vãn cứu tình-hình : sửa lại ngay cho hợp với chương-trình, bài nào dùng được thì để, bài nào phải bỏ thì gỡ ra, viết lại, in thay vào. Và còn nhiều công việc gấp nữa, nhiều lắm, nhiều lắm, kể không hết, mà tôi cũng không biết hết, vì thiếu kinh-nghiệm.

Đã vậy lại thêm sự cạnh tranh, một sự cạnh tranh rất chính đáng. Sách giáo-khoa viết không phải là dễ, nhưng rất nhiều người viết. Hễ dạy học mà chịu khó soạn bài cho học-sinh thì tới cuối năm-theo nguyên-tắc — nhà giáo nào cũng có được vài bản thảo sách giáo-khoa rồi, cho nên nhà xuất-bản nào cũng nhận được nhiều tác-phẩm giáo-khoa, chỉ sợ không đủ sức in. Do đó sách Giảng-văn cùng một lớp có năm, sáu thứ ; sách Toán có hàng chục thứ, nhưng bán chạy thì vẫn chỉ có một hai thứ. Dù có bán chạy, nhà xuất-bản cũng chỉ được hưởng vài ba mùa, nếu không chịu luôn luôn sửa đổi cho mỗi ngày mỗi mới, thành-thử phí-tổn cũng nặng. Sách giáo-khoa hồi này, nhờ sự cạnh tranh đó, mà tiến hơn trước nhiều : giấy tốt hơn, in đẹp hơn, nội-dung cũng khá hơn mà giá lại rẻ hơn.

Nhưng cạnh tranh gắt quá thì nhà nào cũng bị thiệt. Một thứ sách mới ra, có giá trị hay không, không biết, cứ trình bày cho đẹp là thế nào cũng bán được ngàn cuốn, hay năm sáu trăm cuốn, giành được một số bán của các nhà khác. Cho nên một nhà xuất-bản đã phàn nàn với tôi : « Học-sinh thì tăng lên mà sách bán thì ít đi. »

Thực vậy, số học-sinh tăng lên rất mạnh : Theo ông Đặng-Vũ-Biền trong bài *Vấn-đề đào tạo tri-thức tại Việt-nam* (Đại-học số 11 năm 1959), thì « từ niên học 57-58 sang niên học 58-59, số học-sinh Trung-học từ 103.039 lên tới 132.936, nghĩa là gần 30% ». Số học-sinh tiểu-học tăng ít nhất cũng như vậy. Nhưng đồng thời số nhà xuất-bản sách Giáo-khoa tăng lên bao nhiêu ? Số sách Giáo-khoa cùng một thứ tăng lên bao nhiêu ? Chắc là số cung quá số cầu rồi. Như vậy làm sao mà không ứ đọng ? Đó mới chỉ là một nguyên nhân, còn những nguyên nhân khác nữa, tôi sẽ nói sau.

Tôi xin lỗi anh đã nói quá nhiều về sách Giáo-khoa ; vì tính cách quan-trọng của nó trong ngành xuất-bản tại Việt-nam hiện nay. Bây giờ tôi xin tóm-tắt lại tình hình của mỗi ngành :

— Kịch gần như không thấy xuất-bản.

— Thơ vẫn ra nhưng mỗi tập ra là một sự hy-sinh lớn lao của thi-sĩ.

— Tiểu-thuyết : những sáng-tác mới thì thu lại đủ vốn in và một chút tiền tác quyền là may.

— Khảo-cứu : nếu khéo lựa tác-phẩm, đừng khó tính quá thì không lỗ, có thể lời chút ít được, nhưng phải đợi vài ba năm mới bắt đầu thu được lời.

— Giáo-khoa : vài nhà làm giàu rất mau nhưng họ luôn luôn ở trong tình-trạng báo-động và phần đông những nhà khác đã bắt đầu tên rồi.

Đó, bây giờ anh có đủ tài-liệu để kết-luận rồi đấy. Sao, anh thấy nên bi-quan hay lạc-quan ?

— Vâng, tôi hiểu rồi. Nhưng theo anh, nguyên-do ở đâu vậy ?

— À, cái đó thì xin kêu điện-thoại hỏi anh Huỳnh-văn-Lang... Không, tôi không nói đùa đâu. Anh ấy chuyên về vấn-đề kinh-tế, mà theo tôi thì tình-hình xuất-bản là do tình-hình kinh-tế nhiều hơn hết...

Tôi thì không biết gì về kinh-tế cả, nhưng tưởng nó như vầy.

Mươi năm trước, hồi dân-tộc ta còn chiến-đấu với Pháp, nhờ tiền của quân-đội Pháp mang sang đây tiêu xài, nền thương-mãi, tuy chỉ thu hẹp trong những miền chiếm đóng, nhưng rất phát-đạt, phát-đạt một cách giả-tạo tất nhiên, nhưng vẫn là phát-đạt. Hồi đó tác-phẩm ra còn ít, nhà xuất-bản cũng ít, phần đông giới trí-thức dư tiêu, nên sách nào ra bán cũng hết, hết rất mau ; có tiền thì mua, không nhất định là để đọc, mà có khi chỉ là để bày. Cho nên nhà xuất-bản, nhà phát-hành, nhà bán sách lẻ, nhà nào cũng khá.

Tình-hình đó kéo dài được khoảng hai năm sau hiệp-định Genève ; rồi thì bắt đầu xuống, ba năm nay cứ xuống đều đều.

Chín phần mười — tôi đoán vậy, chứ có ai làm thống-kê đâu mà biết — chín phần mười độc-giả ở nước mình là công-chức, tư chức, nhà doanh-nghiệp và học-sinh, con em của ba giới trên. Mấy năm nay đồng tiền khó kiếm, những chạy lo cho con ăn học cũng đủ mệt, còn dư tiền đâu mà mua sách, dư thì giờ đâu mà đọc sách ? Chưa bao giờ phụ-huynh hy-sinh cho sự học của con em mà lớn lao như bây giờ. Chúng học sao mà tốn quá ! Chúng đua nhau học tư. Không nhà nào không có vài em học tư. Cả những em học trường công cũng xin cha mẹ đi học tư thêm nữa. Thành thử rất nhiều gia-đình bỏ ra hai phần ba huê lợi nuôi con ăn học. Đóng học phí đã là chật-vật, phải mua sách giáo-khoa nữa thì ngán lắm ! Cho nên chỉ những lớp đi thi, nghĩa là lớp nhất, lớp đệ-tứ và đệ-nhị sách giáo-khoa bán mới chạy, còn các lớp khác thì học-sinh không muốn mua, mà nhà giáo cũng không ép chúng mua. Bảo chúng mua mà chúng không có tiền mua, không lẽ phạt ư, phạt 3 phần 4 lớp ư ? Bất nhược là đọc bài cho chúng chép — có trường trung-học lớn nọ cho học-sinh chép cả những bài văn để giảng — như vậy đỡ mang tiếng nghiêm khắc với học-sinh, đỡ hết hơi giảng bài, mà lớp lại đỡ ồn — chúng mải chép bài, còn làm sao « phá » được ? — Có khi lại được tiếng là siêng năng, tốn công soạn bài lấy. Có phải là nhất cử, tam, tứ tiện không ?

Học-sinh không có tiền mua sách giáo-khoa, cha mẹ không có tiền mua thơ, tiểu-thuyết, khảo-cứu, thì sách tất phải ế. Nếu có lúc người ta buồn buồn, muốn đọc cái gì, thì có báo đó. Báo ra rất nhiều, in rất đẹp và giá rất rẻ, rẻ bằng nửa hồi 1939. Chỉ tốn năm sáu đồng là có một số, bìa in những năng tiên năm sáu màu, ruột thì chứa bốn năm truyện dài, ba bốn truyện ngắn, rồi phóng-sự tâm tình, phóng-sự xã-hội, kịch, màn ảnh, vui cười, khoa-học, thơ cũ thơ mới, đủ, bài nào cũng có hình, hình chụp, hình vẽ, hình đen, hình màu. Nếu đem in thành sách, thì 32 trang ruột thành được một cuốn trăm trang khổ 14 × 20.

Nguyên nhân cứ chằng chịt với nhau, kinh-tế kéo giáo-dục, giáo-dục kéo xuất-bản, rồi xuất - bản giằng co với báo chí, báo chí ảnh-hưởng lại giáo-dục, v.v...

Chưa hết, anh ạ. Hồi trước sách bán chạy mà tiệm sách ít ; bây giờ sách bán ít chạy mà tiệm sách lại nhiều. Cái nghề đó tương đối dễ tập. Cho nên những người có chút vốn mà không biết làm gì nghĩ ngay đến việc mở tiệm sách. Năm 1953 trên đường Hai Bà Trưng, từ góc đường Yên-Đỗ, đến góc đường Hiển-Vương dài khoảng ba trăm thước chỉ có một tiệm sách, bây giờ có ba tiệm. Cũng năm đó ở châu thành Long-xuyên có hai tiệm sách ; bây giờ thì năm sáu tiệm, hay hơn nữa. Ở Mỹ-luông (một trung-tâm lớn gần bằng một quận) thuộc tỉnh An-giang, cũng năm đó có một tiệm thì năm 1957 đã có hai, bây giờ chưa biết chừng, đã có ba. Số lời sau xẻ ra nhiều thì không ai khá nữa, và người ta nghĩ tới sự cạnh tranh. Hồi xưa sách bán đúng giá in ở bìa ; không biết bắt đầu từ hồi nào, và khởi sự ở đâu, có một tiệm nào đó trừ huê hồng 5% cho học-sinh ; tiệm khác thấy vậy cũng trừ ; biết làm sao bây giờ ? Rồi cứ như vậy, huê hồng tăng lên 10%, có chỗ 15%, tôi còn nghe nói 20% nữa. Thế là thành cái lệ. Nhà bán lẻ tưởng là tăng số bán lên được mà lời hơn, không ngờ bán vẫn như cũ mà lời lại kém ; tất nhiên họ phải đòi nhà phát hành tăng huê hồng lên cho họ. Nhà phát hành phải theo, nếu không họ lấy sách của nhà khác. Nhà phát hành tăng huê hồng cho đại-lý, tất phải dập vào nhà xuất-bản ; nếu không thì làm sao đủ sống ? Rút cục tình hình như vầy :

Bốn, Năm năm trở về trước :

Nhà xuất-bản để cho nhà phát hành 35% huê hồng mà khi giao sách, nhà phát hành đưa trước một số tiền cho nhà xuất-bản.

Nhà phát hành để lại cho đại-lý (tức nhà bán lẻ) 25% huê hồng ; hưởng 10%.

Nhà đại lý bán đúng giá cho người mua, được hưởng trọn 25%.

Bây giờ :

Nhà xuất-bản để cho nhà phát hành 45% (tôi lấy số đông, chứ có nhà để 50%, 60%) mà không nhận trước được một số tiền nào cả.

Nhà phát-hành để lại cho nhà đại-lý 35%, vẫn chỉ được hưởng 10%.

Nhà đại lý để lại cho độc giả 10% (có khi 15%, 20%) vẫn chỉ hưởng nhiều lắm là 25% như trước.

Sự cạnh tranh tới đó chưa hết. Nhà phát hành hồi trước gởi sách đi các tỉnh bằng xe đò hoặc xe lửa. Bây giờ nhà nào

cũng dùng xe riêng chở đi bán. Trừ những tháng gần Tết là tháng ế, còn thì mỗi tháng mỗi nhà phải chở hai chuyến sách ra Trung-phần và Cao-nguyên và hai chuyến đi lục tỉnh. Mỗi chuyến đi Trung-phần và Cao-nguyên tốn khoảng 10.000$, mỗi chuyến đi lục tỉnh tốn khoảng 5.000$. Và cũng vậy trước ở Sàigòn chỉ có ba nhà phát hành, bây giờ có tới 6, 7 hay 8 nhà gì đó. Huê hồng vẫn được 10% như trước, số lời san xẻ ra nhiều mà phí tổn lại tăng lên gấp đôi.

Còn nhà xuất-bản, trước ở Sàigòn chỉ có 10, 15 nhà, bây giờ không rõ là mấy chục nhà nữa — ít gì cũng 5, 6 chục — số bán tất san sẻ ra mà số lời lại kém (vì phải để huê hồng tới 45% cho nhà đại lý). Mà không thể tăng giá sách được : không có ai điên khùng gì tăng giá hàng lên khi hàng bán ế.

Tôi phải dài dòng như vậy để anh thấy làm ăn rất khó khăn, trừ một số ít — có lẽ độ bốn năm nhà sách và vài ba nhà xuất-bản — còn hết thảy các nhà khác, xuất bản hay phát hành hay bán sách ở khắp trong nước, đều cầu lấy đủ sống là may. Nhưng ngành nào lúc này mà chẳng vậy, riêng gì ngành sách ? Còn một nguyên nhân nữa là tinh-thần chúng ta lúc này có phần xuống. Vẫn có những sách giá-trị chứ, mà chúng ta không ham đọc như trước nữa. Anh cho tôi hỏi thực anh nhé ?

— Vâng, xin anh cứ hỏi.

— Trong năm nay, anh đã mua được bao nhiêu sách Việt ?

— Để tôi nhớ lại xem.

— Thôi, anh khỏi phải nhớ lại nữa. Tôi đã hỏi năm sáu ông bạn tôi rồi, đều ở trong giới văn-hóa hết, ông nào cũng viết sách viết báo, ba ông lại kiêm dạy học. Ông thì mua được hai cuốn, ông thì một, ông mua nhiều nhất được năm cuốn trong số đó có bốn cuốn bán xong 5$. Biết đâu chừng, anh cũng vậy, mà tôi cũng vậy nữa. Chúng ta vẫn có lý do. Nhưng nhiều khi chỉ là do ta lười đọc. Ta lười đọc vì ta chán nản ; chứ hồi 1930, 1939, sách có chắc gì hay hơn bây giờ đâu mà sao chúng ta mê thế ! Đó, chỉ có hai nguyên nhân chính : nền kinh-tế xuống thấp và tinh-thần xuống thấp.

— Có cách nào cải thiện được tình hình không anh ?

— Chính-phủ đã nghĩ tới sự ủng hộ các nhà văn và nhà xuất-bản. Một mặt lập những cơ-quan văn-hóa, để nghiên-cứu, dịch sách, đặt giải thưởng, và xuất-bản những tác-phẩm mà chính-phủ xét là đáng giúp ; một mặt tổ-chức cuộc triển-lãm về ngành xuất-bản và ngành in, như cuộc triển-lãm tháng mười một vừa rồi. Chính-phủ giúp được bao nhiêu cũng là quí hết, nhưng giải-pháp đó không thể có kết-quả sâu rộng được : mỗi năm nhiều lắm là xuất-bản được ba bốn tác-phẩm có giá-trị ; thấm vào đâu ?

Có người lại nghĩ đến cách để cho một cơ-quan nào đó phát hành. Cơ-quan đó có hàng vạn hàng ức hội viên ở khắp nơi. Nếu mỗi hội viên bán cho mỗi thứ sách được một cuốn thôi, thì mỗi thứ sách có thể tiêu thụ được 200.000 cuốn. Thôi, cứ lấy con số tối thiểu « lúc ban đầu là 10.000 cuốn » thì cũng đủ sướng quá rồi ! Nhà văn chúng ta chẳng bao lâu có xe hơi và nhà lầu hết.

Nhưng vấn-đề đâu phải giản-dị như vậy. Đâu phải cứ tung sách đi khắp nơi mà bán được nhiều. Người ta có muốn đọc rồi mới muốn mua chứ. Mà muốn mua thì cũng phải có tiền mới mua được chứ. Không. Nguyên-nhân ở đâu thì phải tìm giải-pháp ở đó. Chỉ khi nào nền kinh-tế khả-quan và tinh-thần quốc-dân lên cao thì ngành xuất-bản, và nền văn-hóa mới tiến được. Chính-phủ và các nhà trí-thức, các nhà chuyên-môn đương chú-ý vào hai vấn-đề đó : Cải-thiện nền kinh-tế và gây tinh-thần trong dân-chúng. Cùng thì phải thông. Thế nào rồi cũng có lúc khá. Nhưng bao giờ khá thì tôi không biết. Từ nay tới lúc đó, từ nhà cầm bút đến nhà xuất-bản, nhà phát-hành sách, nhà bán sách phải rán mà chịu. Sự cạnh tranh sẽ mỗi ngày một gay-go hơn nữa. Người ta còn phải hy-sinh nhiều.

Đầu năm, tôi đã nói với một nhân-viên ở Hội-đồng kiểm-duyệt sách như vầy :

— « Ông không ở trong nghề nên không biết, chứ lúc này đây, bất kỳ một tác-phẩm nào không thuộc loại giáo-khoa, mà đúng-đắn, có ít nhiều giá-trị đều đòi hỏi một sự hy-sinh của người cầm bút, và đôi khi cần một sự hy-sinh nữa của nhà xuất-bản, mới có thể ra mắt độc-giả được »,

Anh ạ, tôi đã làm công-chức trong mười hai năm, và là một công-chức siêng-năng. Mỗi năm có độ vài ba lần gặp công việc gấp, tôi phải đi làm ngày chủ-nhật. Và mỗi năm cũng có độ một hai lần tôi phải bỏ một ngày lương để giúp các đồng-bào bị thiên tai. Nói ra thì mắc cỡ, chứ thực ra hồi đó, trước năm 1945, mỗi lần phải làm thêm giờ, hoặc giúp một ngày lương như vậy, tôi tự thấy là bị thiệt thòi, bắt buộc phải hy-sinh. Bây giờ đây tôi mới thấy rằng những cái mà hồi xưa tôi gọi là « hy-sinh » đó chẳng đáng kể vào đâu cả. Trong nước nhà có hàng chục, hàng trăm nhà cầm bút bỏ ra ba bốn tháng có khi vài ba năm cặm cụi viết, viết đến ho lao, đến đau bao tử, đau gan, đến loạn óc mất ngủ, để rồi không bán được tác-phẩm, hoặc có may mắn lắm mà bán được thì chỉ nhận được một số tiền không đủ để mua thuốc uống. Và trong cái công việc xây-dựng văn-hóa đó, họ là những người có công nhất đã đành rồi, nhưng — thời nào không biết, chứ riêng thời này — *một số* nhà xuất-bản và nhà phát-hành cũng được hưởng một chút công nữa : họ chỉ đủ ăn thôi như tôi đã nói, và đôi khi thấy tủi rằng có những tác-phẩm rất giá-trị mà không giúp được vì sách cứ ngập kho mà túi thì cứ rỗng.

Nhưng họ có điều này để tự an ủi: Ngay ở những nước văn-hóa phát-triển rất mạnh, như nước Pháp Thụy-sĩ mà những nhà xuất-bản lớn cũng không dám cho ra những tác-phẩm có giá-trị mà khó bán, phải nhờ những cơ-quan văn-hóa giúp sức ; chẳng hạn cuốn Essai sur la structure logique de la phrase» của Albert Sechehaye được Société Auxiliaire des Sciences et des Arts (Genève) viện-trợ, cuốn « Linguistique générale et linguistique française» của Charles Bally được Communauté de travail Pro Helvetia (Genève) trợ cấp ; và nhà « Presses universitaires » của Pháp, một nhà có danh tiếng vào bực nhất thế-giới, biết cuốn «La musique Viêtnamienne traditionnelle » của Trần-Văn-Khê là đáng in, nhưng tính ra phí tổn tới hai triệu quan, mà bán khắp thế-giới may lắm được bảy trăm cuốn, nên không dám mạo

hiểm, phải đợi sự giúp đỡ của bảo tàng viện Guimet và của Trung-tâm Quốc-gia Nghiên-cứu Khoa-học. Nước người còn như vậy, huống hồ là nước ta chỉ có 12 triệu dân mà biết bao người thất học.

— Vậy thì theo anh, ngành xuất-bản của ta năm nay không có tác-phẩm nào đáng gọi là lớn lao ?

— Một cách tương-đối, thì có một nhà mới in xong bộ *Việt ngữ Chánh-lả tự-vựng* của ông Lê-Ngọc-Trụ. (1) Dầy khoảng 700 trang soạn trong 3 năm, in hai năm mới xong vì cần nhiều dấu nhất là nhiều chữ Hán, những chữ Hán không thông-dụng không đúc sẵn, phải khắc lên gỗ. Một tác-phẩm nữa cũng mất nhiều công-phu là bộ *Đường-thi trích-dịch* của hai ông Đỗ-Bằng-Đoàn và Bùi-Khánh-Đản. Dày khoảng 900 trang khổ 20 X 25, soạn mất ba năm đánh máy trong một năm. Đối với những người có chí thì hoàn-cảnh càng khó khăn lại càng kích thích mạnh. Không. Tôi vẫn nghĩ rằng ta không có quyền được bi-quan. Hoàn-cảnh có khó thì sự gắng sức của ta mới có giá-trị.

. . . . . .

BÁCH-KHOA

(1) Bộ này mới in xong, ra giêng mới phát hành.

★ Người biết giáo-hóa là người thấu triệt được, ở bên ngoài những thói hư tật xấu, những đức tính sâu xa của một người, khiến cho người ấy nhận thức được những đức tính qui báu không ngờ mình có đó, và vui mừng đem ra khai thác, sử-dụng.

★ Không gì giúp cho một người quyết tâm cải-thiện mạnh bằng cảm-giác của người ấy khi thấy được người trên hiểu và khuyến-khích.

« Tụ chung thiện chiếu »

Tống Thái-Tổ cướp ngôi vua Hậu-Chu. Đang khi lúng-túng vì chưa kịp làm bài chiếu nhường ngôi, thì Đào-Cốc kéo tờ thiện-chiếu (tên gọi tờ chiếu của một ông vua nhường ngôi cho người khác) trong ống tay áo ra, trình lên Thái-Tổ. Do dấy, có câu : « Tụ trung thiện chiếu » (Tờ thiện chiếu trong ống tay áo), có ý chỉ mưu-toan của những người có trí bao giờ cũng được chuẩn bị chu đáo, kỹ càng từ trước.



Xuân mới người xưa

Buổi trước thu về say một mộng
Năm nay Xuân đến lạnh hai trời
Gió sương sao lụy người trai nhỉ
Son phấn chưa tàn em gái ơi
Nương đất Trích cười hoa bạc phận
Ngẩm hoa đơn thương kẻ u hoài
Chót buông lá thắm dòng duyên nợ
Đành nhạt màu xanh áo nổi trôi.

BÙI-KHÁNH-ĐẢN



CHUNG THỦY

Gió tạm hết lành, mưa hết ngon,
Chiều hanh nhạt nắng, nguyệt thôi tròn.
Nhà ai vội đã bày chăn áo,
Ủ hộ tình nhau trọn tấm son.

☆

Đợi một ngày mai gió trở hiền,
Nắng hồng phơn phớt hạt mưa duyên.
Đời may áo lụa đi trên cỏ,
Ấy lúc niềm son được vẹn nguyền.

☆

Ngẩng mặt : tứ bề rõ núi sông,
Xuân nay, Thu trước mắt như lòng.
Trông cô em nhỏ không hề thẹn,
Sánh ánh trăng già, ngọc vẫn trong.

(Mai sau)

VŨ - HÂN

TRONG HÀNH-QUAN BÌNH-ĐỊNH

NỔ SUNG ĐỂ LÀM GÌ ?

PHẠM-NGỌC-THẢO

MỘT buổi chiều nọ, trên đường xuất trận, tôi nhận được lịnh cương-quyết buộc dừng lại và thay đổi mục-tiêu hành-quân. Mạng-lịnh ghi rõ :

« ...Không được chậm-trễ vì bất cứ một lý-do gì và phải dùng mọi phương cách để điều-quân đến địa-điểm sớm phút nào hay phút ấy... »

Sau một đêm và một ngày, vào khoảng 6 giờ chiều, lúc trời chạng-vạng, đơn-vị tôi vừa mệt vừa đói, đến địa-điểm ấn-định. Xóm làng vắng tanh. Không một bóng người. Hai con chó cò chạy lang-thang, không một tiếng sủa. Tôi bước vào vườn của căn nhà đầu. Không ai ra hỏi. Nhìn vào trong nhà, thấy đồ-đạc ngổn-ngang. Một áo nít nhỏ bỏ rơi dưới đất. Một chén cơm bị hất đổ trên bộ ván. Tôi kêu chủ nhà. Không ai đáp lời. Tôi bước ra phía sau bỗng thấy một người đàn-bà sóng-sượt nằm ngửa dưới đất, gan ruột lòi ra, vạt áo bị xé rách. Cách đó hai bước, một đứa nhỏ trần truồng, cỡ hai tuổi, chết nằm vùi mặt xuống đất, đầu bể nát phía sau. Quỳ xuống rờ hai mạng người, thấy họ còn nóng, nhưng không còn hơi thở nào cả.

Đạp rào qua nhà bên cạnh, tôi cũng không gặp bóng người nào. Cảnh nhà vắng tanh. Cửa mở toác-hoác.

Tôi ra lịnh cho một Đại-đội phân-tán đi quan-sát xóm làng và lực-lượng còn lại bố-phòng tại chỗ. Độ mười phút sau, một nhà chức trách địa-phương đến trình-diện với tôi vừa khóc vừa căm hờn nói rằng : « Trời ơi ! sao ông đến trễ quá vậy ? Chúng nó giết hết rồi : Bà con trong xóm làng, cha mẹ tôi, vợ con tôi...! Giờ xin ông rượt theo chúng, rượt theo chúng

để trả thù và giải-thoát cho mấy anh em bị chúng bắt dẫn theo... »

Ông ấy kể chuyện chưa dứt thì binh-sĩ đã trở về báo-cáo. Họ dẫn theo gần một chục thường-dân còn sống sót. Tất cả hằn-học khóc-lóc trình-bày cảnh tang-tóc tơi-bời của một làng mà mới lúc sáng hãy còn đang vui tươi. Trong trăm lời họ nói, trên môi của chục người khác nhau, chỉ có một tiếng trở đi trở lại mãi : « Giết, giết, giết... Chúng nó giết em tôi, chúng nó giết cha tôi. Giờ phải giết chúng. Phải giết cho hết. Phải giết để rửa hận... »

Tôi cầm lòng không xiết. Mặc dù đơn-vị đã đuối sức vì hành-quân suốt ngày đêm và bụng đói, tôi ra lịnh truy kích ngay. Lịnh vừa phổ-biến, binh-sĩ vội chen bước nhau rượt theo địch.

Khuya đêm đó chúng tôi bắt theo kịp, và lúc mờ sáng hai bên xáp-chiến. Chúng tôi đông, bên địch ít. Lòng dạ chúng tôi đầy căm hờn. Gặp nhau là tử chiến. Địch chiến-đấu, chúng tôi cũng giết. Địch đầu hàng, chúng tôi cũng giết. Địch bỏ chạy, chúng tôi rượt và không tha.

Đến giờ nầy, nhắc tới trận kia, lòng dạ tôi còn ghê tởm.

Để trả thù, chúng tôi đã quên mất truyền-thống của đơn-vị, kỷ-luật của chiến-tranh.

Suốt hai năm trời, địch và chúng tôi không hề dung tha nhau. Đơn-vị võ-trang đánh đơn-vị võ-trang đã đành, nhưng cả nhân-dân đồng-bào thuộc vùng ảnh-hưởng của mỗi bên cũng chia xẻ cảnh giặc tàn-nhẫn mà trả thù qua lại một cách mù-quáng.

Suốt hai năm trời, hai bên không ai thắng ai, nhưng máu chảy thịt rơi không xiết kể.

Đến năm thứ ba, kiểm-điểm lại việc làm, chúng tôi khổ tâm mà nhận thấy càng tàn-sát địch-thù thì địch-thù lại càng đông và càng cương-quyết. Chúng tôi đề-nghị và được chấp-thuận một giải-pháp khác. Một đơn-vị mới được tuyển lựa thay thế chúng tôi. Trước khi đơn-vị nầy đến chiến-trường, cấp chỉ-huy kiểm-điểm từng người xem ai có mối thù-oán với địch ở vùng đó thì loại ra. Binh - sĩ được học - tập những thành - tích ái - quốc của nhân - dân vùng sẽ phải bình - định. Họ học - tập những sai lầm giết chóc của đơn-vị tôi. Cấp chỉ - huy mới gieo trong lòng mỗi binh - sĩ một mối thiện-cảm nồng-nàn đối với nhân-dân trên vùng đang thù ghét chúng tôi. Họ dạy cho người binh-sĩ phải lấy tình thương để bình-định nhân-dân trong vùng đang chống lại chúng tôi.

Đơn-vị mới lên hoạt-động được sáu tháng, thì tình-hình thấy thay đổi hẳn. Cảnh giết chóc đã chấm-dứt. Lòng tin-tưởng của nhân-dân đã trở lại. Những vùng mà ban đêm xưa kia chúng tôi không dám ngủ trong nhà đồng-bào và không hề dám ăn một vật lễ của họ, nay lại là nơi vui đùa của binh-sĩ. Đơn-vị mới không tác-chiến bao nhiêu mà lực-lượng võ-trang địch lần lần bị cô-lập xa dần và quân-số họ lại giảm sút.

Nếu so-sánh về giá-trị quân-sự thuần-túy, thì đơn-vị tôi hẳn hòi trội hơn đơn-vị lên thay thế chúng tôi. Nhưng kết-quả hai năm chiến-đấu oanh-liệt của chúng tôi lại thua xa sáu tháng hoạt-động của đơn-vị mới.

★



Chuyện tôi kể đó là một chuyện thật, và những mối căm hờn mù-quáng cũng như những phút hối-hận đau lòng nối trên tôi đã trải qua. Nhớ lại chuyện xưa, tôi nghĩ khi người chỉ-huy cầm đầu một đơn-vị nhận lịnh chiến-đấu với một đơn-vị võ-trang đối-lập tại một chiến-trường nào đó, thì nhiệm-vụ rất rõ-ràng, và sự thực-hiện cũng đơn-giản. Có lẽ đa số người chỉ-huy quân-sự, ai cũng có thể hoàn-thành nhiệm-vụ đó. Nhưng, nhận một sứ-mạng hành-quân bình-định một vùng mà nhân-dân thiếu an-ninh, vì sự hoạt-động của một bộ-phận võ-trang địch, tuy ít ỏi, nhưng ẩn-trú được trong dân, thì không phải bất cứ người chỉ-huy nào cũng có thể hoàn-thành sứ-mạng giao-phó.

Chỉ-huy quân-đội đánh với quân-đội là một chuyện tương-đối dễ, nó chỉ đòi hỏi ở người chỉ-huy một căn-bản quân-sự vững-chắc và những kỹ-thuật gần như thuần-túy quân-sự. Điều nầy những sách vở quân-sự có chỉ dạy rành mạch.

Nhưng, trong tình-trạng địch-thủ không chịu tập-trung lực-lượng thành một quân-đội để tác-chiến, mà lại phân-tán quân-nhân lẫn-lộn trong dân và hòa mình trong dân để vận-động một cuộc *chiến-tranh nhân-dân*, thì nhiệm-vụ tác-chiến biến-thành một nhiệm-vụ bình-định hết sức khó khăn.

Nhiệm-vụ bình-định chẳng những có *mục-tiêu tiêu-diệt lực-lượng võ-trang địch*, mà lại còn một mục-tiêu quan-trọng hơn nữa, là trấn-tĩnh nhân-tâm đem lại sự tin-tưởng trong lòng dân, tức là làm cho địch không còn chỗ nương tựa và do đó *tiêu-diệt luôn ý-chí chiến-đấu của địch*.

Trong hai mục-tiêu kể trên, việc tiêu-diệt lực-lượng võ-trang địch có thể coi là mục-tiêu gần và tương-đối dễ, trong khi việc tiêu-diệt ý-chí chiến-đấu của địch, tức là tranh-thủ nhân-tâm, là mục-tiêu xa và khó-khăn nhứt.

Hơn người chỉ-huy tác-chiến, người chỉ-huy bình-định chẳng những phải giỏi về quân-sự, mà còn phải biết tâm-lý của dân, những nỗi đau khổ của dân, nguyện-vọng sâu xa của dân. Muốn tranh-thủ nhân-tâm đồng-thời với việc tiêu-diệt lực-lượng võ-trang của địch, nhà quân-sự đó phải đồng-thời có những đức-tính và khả-năng của một chánh-trị-gia, lòng kiên-nhẫn và thương kẻ đau yếu của một y-sĩ, lòng từ-bi bác-ái của một tu-sĩ.

Trong hoàn-cảnh của Việt-Nam hiện tại, nhân-dân đã bị lường gạt rất nhiều, từ những mánh-khoé của thực-dân Pháp, qua những thủ-đoạn của quân-đội Nhựt, của Cộng-sản và của mấy lớp Quốc-Gia bù-nhìn, nên sứ-mạng bình-định lãnh-thổ hết sức khó-khăn. Sự ngờ-vực sẵn có trong lòng dân. Những lịnh quân-sự cứng-rắn : bắt và giết, những kỹ-thuật hành quân và tác-chiến dù có tinh-vi đến đâu, những lực-lượng võ-trang dù có đông-đảo cho lắm, cũng không đủ để bình-định lãnh-thổ, nếu những vị chỉ-huy trực-tiếp không quan-niệm công-tác bình-định cho đầy đủ và không có một niềm tin-tưởng vững-chắc ở sứ-mạng cao quí và thiêng-liêng của mình. Chính sức mạnh của niềm tin-tưởng nầy mới có đủ khả-năng làm cho người chỉ-huy đôi khi phải có can-đảm tạm gác cây súng mình và lấy quả tim mình để lôi cuốn chẳng những nhân-dân thiếu thiện-cảm với mình, mà còn đối xử luôn với địch-thủ đang căm-hờn mình.

Một yếu-tố rất quan-trọng để thành-công trong công-tác bình-định, là phải biết thương và quí *thật sự* những người đang chống mình và phải có một niềm tin-tưởng vô cùng ở sứ-mạng cao quí của mình. Có như vậy, mình mới có thể đem lại an-ninh và hòa-bình trong vùng phải bình-định. Thiếu yếu-tố trên, thì dù mình có nổ súng giết được trăm ngàn địch cũng vô ích, vì không khi nào mình tiêu-diệt được ý-chí của quân địch đang ẩn chìm trong dân-chúng. Tối kỵ là người chỉ-huy bình-định thiếu đạo-đức và vô nhân-đạo. Mặc dù tài quân-sự có lỗi-lạc đến đâu, họ cũng không khi nào bình-định có kết-quả thật sự.

Những kinh-nghiệm bình-định ở xứ ngoài cũng như tại Việt-nam đã chứng-minh chắc-chắn rằng, người chỉ-huy bình-định chẳng những phải có những đức-tính trí dũng của nhà quân-sự mà phải chứa-chất trong lòng một sự tin-tưởng vững chắc ở sứ-mạng cao quí và nhơn-đạo của công-tác bình-định. Vũ-lực đơn-thuần chỉ gây hận thù và hận thù chỉ tạo thêm hận thù, chớ nhứt quyết không thể nào đem lại hòa-bình và an-ninh trên lãnh-thổ và trong lòng dân.

PHẠM-NGỌC-THẢO

★ Khi người ta ham thích điều gì hay thành thạo điều gì thì người ta thường đem hết lòng, hết trí ra mà làm cho kỳ được. Cho nên người chỉ-huy phải cố-gắng tìm cách làm cho kẻ dưới quyền lưu tâm, lưu ý vào công việc và đặt họ vào chỗ khiến họ làm nên công, nên việc.

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

góc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.



DỊCH LÝ và KIẾT, HUNG, HỐI, LẪN.

☆—— NGUYỄN-VĂN-BA

ĐỨC Khổng-Tử, một thánh-nhân Á-Đông, lúc vãn-niên trở về nhà san định Ngũ Kinh, trong đó có Kinh Dịch. Ngài đặc-biệt nghiên-cứu Kinh Dịch, cho đến sách ba lần đứt lề da, như trong Sử-Ký Khổng-Tử Thế-Gia nói : « Vi biên tam tuyệt ». Ngài cũng ước vọng rằng : « Nếu Trời cho ta sống thêm ít năm để học Dịch, thì ta sẽ không còn lầm lỗi lớn nữa ».

Bực chí-thánh như Đức Khổng-Tử mà còn học Dịch một cách nhiệt-tâm như thế, là vì Dịch, ngoài những câu phương - ngôn bất - hủ, còn hàm những lý cao - siêu làm căn - bản cho sự định lập phương-châm hành - vi của con người. Học Dịch thật thấu đáo, sẽ trực - giác được luật biến-chuyển của vũ - trụ Càn Khôn, nhận - chân sự u, minh và sinh-tử cho đến trạng-huống của cõi vô hình (1). Đạo người căn - cứ trên Đạo trời mà tồn - tại. Dù con người to lớn và quyền-năng đến đâu cũng không ngoài luật của vũ-trụ, nên Dịch, sau khi chỉ rõ những luật biến-chuyển của vũ-trụ và của con

(1) Hệ - Từ Thượng - Truyện : « Dịch dữ Thiên-Địa chuẩn, cố dĩ luân Thiên-Địa chi đạo. Ngưỡng dĩ quan ư thiên-văn, phủ dĩ sát ư địa-lý, thị cố tri u, minh chi cố ; nguyên thủy phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết ; tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỉ thần chi tình trạng ».

người, dạy ta hòa - đồng với luật vũ - trụ thiên - nhiên nếu ta muốn sống và tạo - tác những công việc trường - tồn. Mà hòa - đồng là phải được, là vì luật biến-chuyển ngoài vũ-trụ và trong con người chỉ MỘT và như nhau : ấy là những luật ghi trong 64 quái và 384 hào.

Dịch Lý là lý tự nhiên muôn thuở, bao gồm hết sự biến-hóa của thiên-địa mà không thừa *(phạm-vi thiên-địa chi hóa nhi bất quá)*, uốn chuyển theo vạn - vật mà không sót *(khúc thành vạn-vật nhi bất di)*, nói lên luật trời và luật người biến-chuyển trong 384 trạng-thái và vân vân. Những luật của Kinh Dịch là luật của thiên-nhiên, như luật biến-chuyển của ngày đêm, của mùa tiết, của những hành - tinh vận - chuyển giữa không - trung từ vạn cổ. Con người là hạt bụi trong vũ - trụ, thì không sao không tuân theo luật vũ-trụ cho được. Thật là mộng ảo khi nói loài người phải chinh-phục vũ-trụ, thà tốt hơn học luật vũ-trụ và tuân theo vũ-trụ để loài người nầy-nở cho thành được loài người. Dịch Lý dạy ta những luật biến-chuyển ngoài vũ-trụ và trong con người chỉ có một mà thôi và dạy ta tuân theo luật ấy mà thành - nhân chi mỹ. Trung Dung có nói : « Thiên-đạo tự-nhiên là đúng, vạn cổ không sai, không cố-gắng mà tự-nhiên đúng, không suy nghĩ mà nên, thung-dung mà trúng đạo ; còn nhân-đạo phải bác-học, thẩm-vấn, minh-biện và đốc-hành theo thiên-đạo mới thành nhân - đạo được ». Thi - hành đúng với luật thiên - nhiên tức là Trung-Dung. Trung là bản-thân mình đúng với thăng-bằng của vũ-trụ, Dung là bản-thân mình hòa-đồng với thăng-bằng của nhân-loại và sự vật chung quanh.

Luật vũ-trụ nằm trên Trung là thăng-bằng, và Dung là điều-hòa, thì luật con người nhằm trạng-thái *Trí Trung Hòa* (*Trí* là làm cho rất, *Trung* là thăng bằng, *Hòa* là điều-hòa) làm mục-đích. Mình hành-động đúng với thăng-bằng thiên-nhiên là Trung, không đúng là không Trung ; khi mình động-tác mà điều-hòa với thăng-bằng nhân-loại và sự-vật chung-quanh là Hòa, không điều-hòa là không Hòa. Bốn Thánh-Nhân : Phục-Hi, Văn-Vương, Chu-Công và Khổng-Tử trải qua mấy ngàn năm công-phu, để lại cho ta bộ Dịch, cốt chỉ có ba chữ *Trí Trung Hòa* mà thôi.

Con người hành-động đúng với đường Trung-Hòa, thì KIẾT (là tốt); sai nhiều với đường lối ấy thì HUNG (là xấu); sai mà có thể ăn-năn hối-cải trở lại đường Trung-Hòa rất dễ

thì HỐI (là biết lỗi mà nghĩ cách đổi); đáng lẽ mình đã đi được con đường Trung-Hòa mà mình lại không đi thì LẪN (là tiếc). Kiết, Hung, Hối, Lẫn, là bốn danh-từ thường dùng trong các quái và các hào, để chỉ trạng-thái sẽ được Kiết, hay sẽ bị Hung, Hối, Lẫn nếu ta cứ tiếp tục đi con đường đang đi, chớ không để chỉ trạng-thái tốt xấu, họa phúc của một sự thể nào. Vì lầm như thế và vì thấy Kinh Dịch có nhiều chữ Kiết Hung nên nhiều người cho Kinh Dịch là sách bói toán, tuy Kinh Dịch không phải để bói, cũng như họ đã dùng truyện Kiều để bói, mặc dầu truyện Kiều chỉ là một thi-phẩm !

Ta thử nghĩ đường Thiên-Lý là đường đời. Trên đường ấy, ta đi qua nhiều thành-phố, to có nhỏ có, hoặc nguy nga lộng-lẫy hoặc đen tối nghèo nàn, đó là *Đại Cuộc* ; từ thành-phố nầy sang thành-phố khác, ta đi bao cây số, bao khúc đường, bao quanh co, đó lấy từng bước mà đi, bước bên trái rồi bước bên phải, chỗ lồi chỗ lõm, lúc đau chân lúc dễ chịu, đó là *Tiểu Cuộc*. Dù Tiểu Cuộc hay Đại Cuộc, cũng do biến-chuyển của thời-gian và của chân ta đi mà có ; thời-gian có sáng có tối, chân ta đi có trái có mặt, cả thảy đều theo luật âm dương mà biến-chuyển. Đã biến-chuyển thì cốt phải có lợi thông, không nên có bế-tắc. Đã biến-chuyển lợi thông thì « tình » sinh ra ; tình đây là sự sống đã nẩy sinh do sự biến-chuyển theo nhịp nhàng đứng-đắn của vũ-trụ ; đúng với nhịp nhàng ấy thì dễ chịu, vui mừng, hạnh-phúc ; sai với nhịp nhàng ấy thì khổ-sở, đớn đau, bất-hạnh. Vì đó, trên đường Thiên-Lý có cắm rất nhiều bảng, trở đi trở lại tại khúc quanh co, chỉ cho ta phải quẹo, phải thẳng, phải nhượng, phải chờ ; nếu ta không chịu nghe theo những bảng ấy thì hoặc ta sẽ rơi xuống hố, hoặc ta sẽ đụng chạm người khác mà phải đền tội lỗi. Những bảng ấy trên đường Thiên-Lý, tức là những bảng Kiết, Hung, Hối, Lẫn trên Đường Đời mà Dịch đã cắm sẵn dạy ta phải bước nhịp nhàng với vũ-trụ.

Cho nên, những tấm bảng *Kiết*, *Hung*, *Hối*, *Lẫn* phải theo nhịp-nhàng biến-chuyển tức là theo «tình» của vũ-trụ mà đổi thay. Tình của người khi ưa thì cho là phải, khi ghét thì cho là trái, tự mình ngang tàng đi lối cong quẹo theo tình-cảm nhất-thời của mình, thì e phải xuống hố, nên Dịch cắm ở dấy tấm bảng : *Hung*. Khi tình thân hoặc sơ ảnh-hưởng đến hành-vi của ta, hành-vi

của ta có thể sai lạc được, thì Dịch cấm ở đấy tấm bảng: *Hối* hoặc *Lẫn*. Khi tình của vũ-trụ và tình của người cọ sát mâu-thuẫn với nhau, thì Dịch có thể cấm thêm ở đấy tấm bảng: *Lợi* hoặc *Hại*. Nếu ta giữ được Trung-Hòa với vũ-trụ, thì Dịch cấm ở đấy tấm bảng: *Kiết*. Cho nên con người khi sống và động-tác mà không hòa nhịp với vũ-trụ thì chẳng khác gì chạy xe trên đường lộ mà bất kể những tấm bảng của sở Công-chánh.

Ta thử đọc lại một đoạn trong Hệ-Từ Hạ-Truyện của Kinh Dịch, thì ta sẽ nhận rõ ý nghĩa của bốn chữ *Kiết, Hung, Hối, Lẫn*: « *Bát Quái dĩ tượng cáo* (tám quái bảo rõ về hiện-tượng của vũ-trụ), *Hào Thoán dĩ tình ngôn* (lời Hào và lời Thoán bày rõ về tình của vũ-trụ), *Cương Nhu tạp cư* (dương cương, âm nhu phối lẫn với nhau), *nhi Kiết Hung khả kiến hĩ* (rồi, đúng hay không đúng với luật biến-chuyển ấy mà Kiết hay Hung xảy ra). *Biến-động dĩ Lợi ngôn, Kiết Hung dĩ Tình thiên* (nói về biến-động thì căn-cứ ở chỗ lợi thông không bế tắc mà nói, nói về Kiết Hung thì căn-cứ ở chỗ sai với « tình » vũ-trụ mà nói). *Thị cố, ái ố tương công, nhi Kiết Hung sinh* (bởi vậy, thương ghét công phá với nhau nên có Kiết Hung), *viễn cận tương thủ, nhi Hối Lẫn sinh* (tình thân sơ giao thủ với nhau nên có Hối Lẫn), *tình ngụy tương cảm, nhi lợi hại sinh* (tình của vũ-trụ với tình của con người cọ sát lẫn nhau nên có lợi với hại sinh ra). *Phàm Dịch chi tình, cận nhi bất tương đắc, tắc Hung, hoặc Hại chi Hối thả Lẫn* (phàm tình của Dịch, nếu có tiếp xúc với nó mà không đúng cùng với nó, thì sinh ra Hung, hoặc Hại cho đến Hối cả Lẫn nữa)».

Sợ chúng ta chưa nhận rõ, Dịch nhấn rằng: « *Kiết Hung giả ngôn hồ kỳ thất đắc dã* (Kiết Hung là nói về sự sai hay đúng với lẽ vũ-trụ), *Hối Lẫn giả ngôn hồ kỳ tiểu tỉ dã* (Hối Lẫn là nói về vết nhỏ của sự sai ấy) ». Khoa-học Âu Mỹ là khoa-học máy móc, khoa-học Dịch lý là khoa-học Con Người, nên thánh-nhân ghi trên khoa-học ấy những nét *Kiết, Hung, Hối, Lẫn*, để định-lập phương-châm hành-vi của con người.

Từ nghìn xưa, phương-châm hành-vi của con người là vì sợ sệt, hoặc vì tiền tài, hoặc vì danh, hoặc vì tình, hoặc vì tín-ngưỡng, hoặc vì yêu ghét, hoặc muốn tránh thất-bại tìm thành-công, hoặc cầu phúc lánh họa, cả thảy phương-châm ấy đều là do phản-ứng của con người đối với sự biến-chuyển của vũ-trụ và

xã-hội chung-quanh, phản-ứng một cách mộc-mạc thô-sơ chưa có lề lối đúng lẽ nào cả.

Con người lúc còn ăn lông ở lỗ như thú, thì thú-tính diu-dắt sự phát-triển của xác thân theo thiên-nhiên như muôn nghìn cầm-thú hay thảo-mộc khác. Nhưng từ khi con người tự mình hành-động và tạo-tác cho mình hoặc cho xã-hội, thì con người không phải tự ý mình bịa đặt ra đường lối của mình đi, mà Thánh-Nhân cũng không tự bày ra một đường lối riêng nào bảo con người phải đi theo. Mặc dù con người có thể đi theo con đường mình muốn một ít lâu, nhưng nếu nó không phải là đường đúng với lẽ thiên-nhiên, thì sự làm của mình sẽ bị hủy-hoại, mà có khi còn làm hại mình và kẻ khác nữa. Một nhân-vật nào có thể bày đặt ra một con đường và bắt mọi người đi trên đó một ít lâu, nhưng nếu nó không phải là đường lối của thiên-nhiên, thì đường lối ấy sẽ lật úp lại mình và di-hại vô kể.

Kinh-nghiệm nghìn năm cho ta biết rằng làm sai lẽ tự-nhiên thì mất, đúng lẽ tự-nhiên thì còn, và con người không sớm thì chầy, bị cây roi kinh-nghiệm, sẽ trở lại luật-lệ của thiên-nhiên. Còn những người bịa lối bắt người theo sẽ bị tai-hại và đường lối của họ sẽ tiêu-ma. Kia như Đức Khổng-Tử làm theo lẽ thiên-nhiên, dạy theo lẽ thiên-nhiên, ngoài những điều áp-dụng cho thời buổi ấy, còn lại toàn là giá-trị nghìn thu. Bởi vậy, Kinh-Dịch có câu: « *Dữ Thiên-Địa tương tự cố bất vi, trí chu hồ vạn vật nhi đạo tế thiên-hạ cố bất quá* ». Nghĩa là: hành đúng đường lối thiên-địa nên không sai, trí bao gồm vạn-vật mà dẫn giúp thiên-hạ nên không lỗi.

Chính Kinh Dịch tinh-vi nghiên-cứu luật của thiên-nhiên và chỉ bảo luật của con người vạn-vật, dạy rõ con người phải làm sao cho hợp với lẽ thiên-nhiên bằng những luật-lệ, cũng như ngày nay khoa-học cơ-giới dạy ta làm sao chế-tạo hỏa-tiễn lên cung trăng cũng bằng luật-lệ vậy. Dịch-Lý là khoa-học Con Người, còn khoa-học ngày nay là khoa-học Cơ-Giới: Cơ-Giới không có Con Người là cơ-giới phá-hoại; Cơ-Giới có Con Người làm chủ, là Thế-Giới Hạnh-Phúc Văn-Minh. Nhưng làm sao đào-tạo được Con Người mạnh-mẽ hùng-dũng, hiểu biết, để cùng với trời đất gây hạnh phúc hòa-bình cho nhau, nếu không học Dịch thì thật không biết tìm đâu cho được, và trong khi học Dịch mà không nương theo những tấm bảng Kiết, Hung, Hối, Lẫn, thì không biết làm sao thi-hành cho đứng đắn được.

NGUYỄN-VĂN-BA

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

⁂

Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

⁂

Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

⁂

Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

⁂

Chi - nhánh thành - lập tại các nước Viễn - Đông

⁂

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

KHI lão cầm bút mở màn cho cuốn tiểu-thuyết cuối cùng của đời lão là lão đã khai-chiến cùng một lúc với cả hai kẻ địch : Thần Chết và Thần Bệnh-tật đã ngấp-nghé rình mò nơi ngưỡng cửa nhà lão.

MỘT TRUYỆN ĐẦU XUÂN

TÁC-PHẨM 99,5

MẶC-THU

Mùa thu đã về tới khu hoang-trại của lão. Ở đây, sống giữa lòng thiên-nhiên, lão nghe được từng bước chân đi của thời-gian, ngửi được hơi thở nhộn-nhịp của lúc giao-mùa và thấy được cả từng cái cựa mình của thời-tiết.

Ngồi trên thềm gạch loang-lổ mang đầy vết tàn-phá của Chiến-tranh, vào một buổi chiều, nghe gió hiu lạnh, đếm từng cánh lá bàng khoan nhặt bứt khỏi cành rơi nhẹ xuống mặt sân rêu, lão xót-xa thương tiếc những mảnh sống nhỏ-nhoi vừa tách lìa khỏi cuộc sống lớn.

Lão thấy mỗi chiều mỗi lạnh thêm trên xương vai. Khớp xương khẳng-khiu đội lên một làn da khô nẻ và một manh áo dạ cũ đã sờn hết tuyết không đủ che ấm cho lão trước những cơn gió lạnh đầu mùa.

Lão kêu rên trong lòng : « Thu đã về ! Thu đã về ! » Lão thấy nôn-nả một nỗi bứt rứt còn đau lạnh hơn cả cơn gió tê-buốt chiều thu.

Một công-việc, một dự-định cuối cùng của đời lão cần phải mau mau thực-hiện. Tác-phẩm cuối cùng của đời lão, cuốn tiểu-thuyết thứ một trăm của lão cần phải bắt đầu ngay. Lão cảm thấy, bằng giác-quan tinh-tế nhất của tuổi già : lão khó thể kéo dài sự sống tới đầu xuân tới. Lão biết lắm, biết cả từng sự già yếu của mỗi một bộ-phận trong cơ-thể lão như một kẻ sành-sỏi thuộc rõ từng cái trái nết của tất-cả những bộ-phận trong cái xe hơi cũ-kỹ của mình.

Dầu cho lão có lìa đời sớm hơn như lão ức đoán, lão cũng đã để lại cho đời được chín mươi chín tác-phẩm của lão. Chín mươi chín cuốn tiểu-thuyết trong đời một nhà văn, kể ra cũng là một gia-tài khá lớn, dựng nên bằng chất tim, chất óc của lão.

Lão không có vợ con, cháu chắt chi hết. Lão chỉ có một kẻ bạn duy-nhất bên cạnh lão trong lúc này : con chó Mực của lão. Nó là chó nên không thể hưởng gì ở cái gia-tài tinh-thần kia. Vậy, tất nhiên kẻ thừa-kế phải là những người còn lại, những người tới sau và tới sau hơn nữa.

Chín mươi chín tác-phẩm của lão, trong đó có những cuộc sống, những mảnh hồn, từ muôn góc cạnh của cuộc đời tụ-hội lại tạo nên một cuộc sống vĩ-đại luôn luôn chuyển-tiếp và sinh động.

Một phần trong những tác-phẩm ấy đã có lúc đi vào nếp sống của một lớp người đương thời và tại sao lại không đã từng

đóng góp một phần hơi thở cho những cuộc tạo thành lịch-sử của dân-tộc lão, của nhân loại.

Người đời đã đón nhận chúng bằng cách nào, tín-ngưỡng chúng hay khinh khi chúng, khăng-khít hay ơ-hờ, lão đều không cần nhớ. Lão chỉ cần biết lão là cha sinh ra chín mươi chín đứa con. Lão có trách-nhiệm về chúng, và may mà chưa có đứa nào làm chi nên tội-lỗi.

Trong đời, lão vốn không ưa những con số tròn.

Vậy, không phải vì trọng chất lượng mà lão muốn hoàn-thành tác-phẩm thứ một trăm, tác-phẩm cuối cùng của đời lão. Lão vốn đã biết: sẽ không ai thèm nhắc đến lão, dầu lão đã viết nên trăm cuốn sách, hay nhiều hơn đi nữa, nếu chúng chỉ là những cái thai thiếu tháng, bịnh-hoạn và giả-tạo.

Thực ra, chính vì tự ít lâu về sau này, lão cảm thấy — một cách thành-khẩn và sáng-suốt — có một sự trưởng-thành vừa bắt đầu lớn mạnh trong tâm-hồn lão. Cho đến bây giờ, vào cơn xế chiều của cuộc đời, lão mới thấy bước chân lão bắt đầu đặt thực-sự vào cuộc đời, bàn tay lão mới nắm chắc được cuộc đời.

Tâm-hồn lão vừa mở rộng ra như một đại-dương có muôn ngàn triệu triệu lớp sóng vỗ, thúc đẩy ánh sáng luôn luôn chuyển-động và đổi thay màu sắc.

Lão tự thấy tất cả những điều lão viết về trước đều ở trong sự dọ-dẫm và bây giờ lão mới tìm thấy đường.

Lão hăm-hở và thấy thật cần thiết — bằng mọi cách — phải hoàn-thành « tác-phẩm lớn » duy nhứt trong đời lão.

Để chậm một ngày, một phút, một giây, tác-phẩm của lão sẽ mất đi một hơi thở và không ai cấm lão nghĩ: nhân-loại sẽ thiệt-thòi mất đi một ánh sáng, một rung động, hơn thế nữa, một khám-phá.

*

VẬY, khi những dòng chữ đầu chạy trên trang giấy trinh-bạch, cũng là lúc Thu vừa tới khu hoang-trại của lão. Ngọn gió đầu mùa se-sắt, những nhánh lá khô vội-vàng bứt mau khỏi cành, đã thúc đẩy lão, không cho lão còn được chần-chờ chậm trễ.

Mỗi dòng chữ, mỗi trang giấy viết thêm, đối với lão là một tấc đất mà lão đã tranh đoạt được một cách vô cùng gian-khổ trong một trận-địa không có lửa đạn, nhưng đã tổn hao bao nhiêu máu, óc của lão.

Những lúc mệt-mỏi rã-rời, muôn ngàn ánh sao đổ xuống trước mắt lão, lão lắng nghe tiếng chân soàn-soạt dẫm lên tim lão đau nhoi-nhói. Kế là tiếng cười hổn-hển của Thần Chết, tiếng cười thật ngạo-mạn và đầy vẻ thách-thức:

— Thôi! Viết chi nữa cho vô ích. Ta sắp gặt nốt đời ngươi đây rồi! Chẳng còn bao lâu nữa đâu... Ngươi có nghe tiếng lá rụng ngoài sân? Đó! Đối với ta, ngươi cũng chẳng hơn chi mấy nhánh lá khô kia...

Lão ngồi bật dậy, tay run-run nắm chặt lấy cán bút. Mắt lão lại hăm-hở khơi sâu vào khoảng hư-vô và ngọn bút của lão lại rào-rạo chạy trên mặt giấy.

Lão quyết không chịu thua. Lão tự nguyện phải hoàn-tất dự-định của lão trước giờ Tử-thần gặt lão đi, bứt lão ra khỏi cuộc đời, như bứt nốt đi một nhánh lúa khô trên một thửa ruộng gặt muộn.

Nhiều lúc lão mê-man viết trong cơn sốt tê lạnh cả chân tay. Tai lão ù đi. Lão nghe thấy có tiếng nói thều-thào sau gáy :

— Viết làm gì nữa ! Ta là Thần Bệnh-tật ! Ta đã xâm-nhập được vào cơ-thể của ngươi rồi. Ta sẽ lóc đi nốt những phần thịt còn sót lại trong người ngươi. Ta sẽ hủy-hoại dần mòn từng bộ-phận trong ngươi một. Bạn ta đã chờ ngươi ngoài ngõ để mang ngươi đi, hỡi con người có vầng trán kiêu-ngạo !

Lão không nao-núng, cán viết vẫn nắm chắc trong tay. Lão quyết không chịu thua !

Lá vàng gần thôi rụng trước sân. Còn đâu nữa mà rụng. Những cơn nắng mai hắt đầu tan đi mau chóng ; kế đến những buổi sương chiều ngăn-ngắt lạnh đổ qua khe cửa, kẽ ván hắt xuống vai lão.

Thời-tiết đi sâu thêm vào Thu, rồi vội-vội sang Đông. Từng tầng lại từng tầng mây xám dầy-dặn kéo bầu trời xuống thấp hơn.

Cây lá rì-rào, run-rẩy suốt ngày trong những cơn gió liên-tiếp.

Con Mực không còn quanh-quẩn luôn dưới chân lão nữa. Nó hực-hực, khịt-khịt luôn ở ngoài vườn, đầu nhà hay trước ngõ. Thỉnh-thoảng nó dùng hai chân trước quào-quào vào đống lá khô, hay chúi mõm rúc-rúc vào một bụi ruối như muốn tìm kiếm một vật gì.

Nó đói !

Phần lương-thực của nó không còn được cấp-phát trọn vẹn như lúc xưa nữa. Nó chỉ được ăn cầm chừng, vì chính ngay chủ nó, cũng không còn dám ăn cho no bụng.

Quả thật, phần lương-thực của lão đã gần cạn. Ở đây, trong một khu trại hoang-phế, cô-độc như một hải-đảo, xa-lánh hẳn chòm xóm đến gần như tách hẳn ra ngoài cuộc đời, thì có cái gì ăn nấy, chớ hòng vay mượn vào đâu.

Bè bạn lão lâu ngày cũng đã dứt hẳn sự đi lại với lão. Có lẽ hình-ảnh lão không còn chiếm nổi một diện-tích nhỏ, dầu chỉ là một phân vuông trong trí nhớ của họ.

Tội-nghiệp ! Những người bạn xưa kia thường quây-quần bên lão trong những cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm, khi sách của lão bán chạy như một món hàng khan-hiếm trong « chợ đen ».

Lão luôn nhớ đến họ, nhớ đến cả từng nét hí-hửng, thỏa-mãn ngời lên trong ánh mắt của họ khi họ được lão đãi như một bậc thượng-tân.

Những người bạn ấy hẳn bây giờ lại bận-rộn chạy theo những cuộc vui mới, những trận cười tương-tự.

Mỗi khi có sự gì khiến lão chợt nghĩ đến họ, lão vẫn thầm mong cho họ luôn luôn được thỏa-mãn.

Chao ôi ! Những điều có thể làm cho họ sung-sướng mới giản-dị là chừng nào !

Trở lại mối lo của lão.

Lão bắt đầu thấy ngán, phải chạm trán với một địch-thủ ghê-gớm khác. Lão đã bắt đầu chịu đựng cái đói nó giày vò cơ-thể vốn đã rất ốm-yếu, lỏng-lẻo của lão.

Lão hy-vọng mỗi bữa ăn ít đi một chút, lâu lâu sẽ quen dần và sự giày vò này chỉ xảy ra ở vào giai-đoạn đầu.

Nhưng, lúc phải bớt phần lương-thực của con Mực, lão đã rớt nước mắt xuống lưng nó, vỗ nhẹ lên đầu nó mà an ủi :

— Con chịu khó ăn ít lần lần cho quen đi nhé ! Ta cũng đã phải thi-hành kỷ-luật khắc-khổ ấy từ ít ngày nay rồi ! Phần lương-thực của thầy trò ta chẳng còn bao nhiêu nữa. Ta đã tính-toán kỹ, chia đều ra cho chúng ta có thể kéo dài sự sống ra đến sang xuân. Lúc đó ta sẽ xong được phần việc của ta, rồi... đến đâu hay đến đó vậy.

Con Mực dường như nghe được lời chủ, ngoan ngoãn rúc đầu vào giữa hai chân lão, hít lấy hơi người của lão.

Hàng đống sách cũ của lão, những cuốn không bán hết, sắp đầy trong phòng lão như những vách tường trong một chiến-lũy.

Lão thường cười thầm tự coi mình như một chiến-sĩ ẩn-nấp và chiến-đấu cô-lập trong cái chiến-lũy ấy.

Một số sách được lão dùng thay củi đun, vừa nấu cơm, vừa để sưởi ấm cho thầy trò lão trong mùa đông giá lạnh này. Một số lão đem trải làm nệm giường, và những đêm lộng gió, lão thường lấy sách phủ đầy lên người thay cho chăn đắp.



Nằm trong đống giấy ngai-ngái mùi mực in, lão thấy ngây-ngất như được nhấp chút rượu ngon. Nằm vùi trong đống sách cũ, giấc ngủ của lão dường như cũng được yên-ổn hơn. Lão có cảm-giác như một đứa trẻ nằm trong một cái nôi êm-ái có bàn tay người mẹ hiền luôn luôn chăm sóc.

Ngoài ra, lão lại còn thấy được gần-gụi cả với những nhân-vật trong những cuốn tiểu-thuyết của lão. Những nhân-vật ấy, nhiều lúc chỉ gợn vào óc lão, mơ hồ như một cơn gió nhẹ ban mai, hay thoáng qua như hương sói ngoài vườn. Nhưng vào những lúc — những lúc lão cảm thấy cô-độc ghê-gớm — những nhân-vật ấy lại nổi hiện lên hẳn như con người bằng xương, bằng thịt ngồi thủ-thỉ truyện trò với lão.

Con Mực cũng theo gương chủ, chọn một đống sách ngổn-ngang ở góc nhà, rúc vào trong mà ngủ. Những lúc buồn mồm — chắc đâu đã vì đói — nó gặm, nhấm vài ba cuốn lèm-nhèm, rách nát, bừa bãi như người ta lúc buồn miệng nhấm-nhép hạt dưa rồi xả vỏ ra đầy trên mặt đất.

Một buổi, nhìn vào đống giấy bị gặm rách nát bừa bãi trên mặt đất mà xưa nay lão vẫn thường rộng lượng tha-thứ cho con Mực, lão bỗng giật mình đến lạnh người.

Lão nhận ra một phần những vết gặm nhấm không phải chỉ bằng một thứ mồm to lớn như mồm con Mực, mà lại nhỏ hơn. Đích thị là cái thứ mồm chuột.

A ! Chuột ! Ghê-gớm chưa ! Nhà lão hẳn không thiếu gì chuột. Nhiều đêm lão đã nghe tiếng chúng kêu « chích-chích » cả đàn. Có thể là có cả một làng chuột đặt cơ-sở trong lòng đống sách cũ của lão đã lâu ngày. Trước kia nghe chúng kêu lão không mấy bận tâm, lại còn thấy vui-vui.

Đêm khuya tịch-mịch, ở một nơi cô-lạnh như nơi nầy, có thêm một sinh-vật ở cạnh càng thấy đỡ tẻ, dầu sinh-vật ấy chỉ là giống chuột. Nhưng lão đã giật mình. Lão chợt lo cho cái thùng đựng gạo bằng cây của lão dựng ở góc nhà. Lão lật-đật mở nắp ra, vục tay xuống phía dưới dò xét. Quả nhiên lão tìm ra được ba bốn lỗ hổng.

Kho lương của lão bị đột-kích — một thứ đột-kích rất thầm lặng — đã lâu mà lão không hay. Như thế là phần lương-thực của thày trò lão đã vợi đi mất một phần để nuôi sống thêm một số gia-đình chuột.

Lão tìm cách bít mấy lỗ hổng ấy lại tức-khắc.

Từ đêm ấy, lão đâm ra mất cảm-tình với những tiếng « lích - chích » của đàn chuột. Mỗi khi nghe chúng kêu rúc-rích ở góc nhà hay chạy xoàn-xoạt trên đống giấy, lão cảm thấy như chúng đương rúc vào trong những khúc xương của lão mà gặm nhấm vậy.

Lão phải luông miệng kêu « xuỵt, xuỵt » hay vỗ tay bành-bạch vào đống giấy để xua đuổi chúng.

Phần gạo bị hụt đi vì tai-nạn ấy khiến lão nghĩ : phải làm việc thêm nhiều mới kịp !

Số trang ghi trên bản-thảo của lão đã lên tới số ngàn. Lão ước còn non ngàn trang nữa mới có thể xong.

Trong khi đó, con Mực vẫn bận rộn với công-việc xục-xạo của nó ở ngoài vườn, gốc ruối.

*

CHO đến một ngày, thực u-ám trong đời lão, thùng gạo không còn dính lại một hạt. Số lương thực đã cạn hẳn trước ngày lão dự-tính.

Những cơn gió cắt da, cắt thịt, những bữa ăn thiếu-thốn đã mài rũa đi của lão bao nhiêu sinh-lực.

Người lão nay chỉ còn là một bộ xương. Da lão khô nẻ, xám ngoét. Nếu thấy được lão, đố ai dám bảo đó là một hình người, nếu không còn có hai nhúm lửa gần vạc đi trong đôi mắt của lão.

Lão nhịn đói, ruột sát lại, đã ba ngày không có miếng chi vào bụng. Chân lão không còn cất nổi lên nữa.

Lão nằm bò trên đống giấy, cố ngóc đầu lên mà viết. Những lúc mệt-mỏi lão lại để đầu lão rơi đánh « bịch » xuống mặt giấy đương viết, rồi cứ nằm nguyên như thế một lúc lâu mà thở.

Cuốn tiểu-thuyết vĩ-đại nhất trong đời lão đã đi vào đoạn cuối.

Chẳng lẽ bỏ đó mà chịu ! Cố bám thêm lấy mấy tấc đất nữa thôi là tới đích, gắng duy-trì lấy một số hơi thở nào đó nữa thôi, thì ước-nguyện cuối cùng của lão sẽ hoàn-thành.

Khốn nỗi ! Cơn đói đã làm mất lão mờ đi, óc lão tối tăm lại, tay lão run bần-bật

chỉ muốn để rơi cán bút. Tất cả mọi bộ phận trong người lão đã lỏng-lẻo cả, như chỉ muốn rớt ra từng mảnh, rời ra khỏi từng khớp xương. Tất cả đều muốn đòi lão đình-chỉ ngay sự sống của lão lại.

Lão đã muốn gục xuống một lần để rồi trút đi được mãi mãi mọi phiền-lụy, mọi chịu đựng. Lão đã tuyệt-vọng như người mẹ bị người ta giựt mất đứa con mang đi mà chỉ đành đứng giương mắt nhìn theo.

Lão chợt kêu lên : « Chỉ còn một cách ! » Phải chỉ còn một cách có thể giúp lão tiếp tục công việc của lão. Nhưng lão không dám nghĩ đến nữa. Lão muốn xua đuổi hẳn ý-nghĩ ấy ra khỏi óc lão như xua đuổi một tội lỗi bẩn thỉu, một tội lỗi ghê-gớm.

Cái cách ấy là đem giết con Mực đi, lấy thịt nó nướng ăn trong ít ngày để viết cho xong đoạn cuối cuốn sách. Cái cách ấy đã làm lão xấu-hổ đến tê-lặng cả người. Lão quyết không thể nhúng tay vào một việc nhơ bẩn như vậy.

Lão sẽ mang theo đi sang bên kia thế-giới một *ước* nguyện dang-dở *ư* ? Lão đành chịu thua số-mệnh *ư* ? Con Mực mấy bữa nay cũng nằm bệt ở góc nhà, khật-khừ không đứng dậy nổi nữa.

Lão xót-xa đứt từng khúc ruột, thương nó như thương chính lão vậy.

Nhưng, một con chó già, ốm yếu và không lương ăn như kia, dầu lão không giết, hỏi sẽ còn sống thêm được bao ngày nữa. Nó đã là một nghĩa-khuyển, suốt đời phục-vụ cho lão, thì đến phút cuối cùng của nó, hẳn nó cũng chẳng mong chi hơn được giúp chủ nó lần chót bằng miếng thịt khúc xương của chính nó.

Lão bắt đầu xo-đo, cân nhắc : một bên là tác-phẩm vĩ-đại của lão, một bên là con nghĩa-khuyển của lão.

Bỏ đi một sự sống đã trở nên vô-ích và tuyệt-vọng để đổi lấy một cái sống muôn đời cho cả một lớp người, một thế-hệ, hành-động ấy nào phải là một hành-động vô-lương. Lão nung-nấu ý-nghĩ ấy trong óc để cho chắc rằng mình không bị cơn đói nó làm cho nhầm-lẫn.

Bất-giác, bàn tay lão rờ-rẫm lên vách ván, gỡ ra một con dao nhọn sắc như nước. Con dao run lẩy-bẩy trong tay lão, toát ra một hơi thép lạnh tanh.

Hai mắt lão tưng-tức. Lão bò lết lại gần con Mực. Con chó ngửi thấy hơi chủ, ngóc mõm lên nhìn. Mắt nó kèm-nhèm, ươn ướt mệt mỏi nhìn lão. Lão thấy như nó khóc.

★ Bàn về giáo-dục, Dugas nói : *Dạy người ta học mà không biết cách làm cho người ta ham học thì khác nào người thợ rèn chỉ dùng sắt nguội mà muốn làm nên vật nọ, vật kia* ». Câu nói đó có thể áp-dụng vào thuật lãnh-đạo, khi người lãnh-đạo muốn dìu dắt người ta, mà không biết cách làm cho người ta ham nỗ-lực và thích hoàn tất nhiệm-vụ.

Lão đã lết tới sát con Mực. Này ! Chỉ một cái đưa tay lên, lấy cả sức người ấn xuống lưỡi dao là con Mực sẽ hết dãy-dụa : có lẽ nó cũng hết cả đau đớn. Lão biết rằng nó cũng đã yếu lắm rồi. Nó không còn sức đâu mà chống-cự hay chạy trốn đi được mấy bước nữa.

Rồi, bộ lông nó sẽ được lột đi, thịt nó được xắt ra từng khúc nướng trên lửa cháy xèo-xèo, và biến thành lương-thực của lão, ít nữa cũng đủ một tuần. Với một tuần thì công-việc của lão phải xong một cách hoàn-hảo.

Lão cố thu lấy hình-ảnh, một lần chót, con chó trung-thành của lão, kẻ bầu-bạn duy nhứt còn sót lại trong đời lão.

Cặp mắt con Mực khẽ chớp chớp, nhìn lão thật buồn. Lão tưởng như giá nó nói được thì nó đã nói :

— Ông đừng ngần-ngại gì nữa ! Sự cân nhắc trong óc ông đã đích-đáng rồi. Ông hãy đâm tôi đi ! Thịt tôi đây, chắc là dai không ngon lành gì, nhưng cũng nuôi nổi ông thêm mấy ngày nữa. Ông sẽ viết xong cuốn sách của ông. Ông được mãn-nguyện là tôi chết cũng yên lòng. Dầu ông có không nỡ xuống tay thì, cũng chỉ ít ngày nữa là thầy trò ta phải xa nhau... Ông còn đợi gì nữa ?

Nước mắt, nước mũi lão trào ra không sao ngăn được. Con dao rời tay lão rớt xuống mặt đất. Lão nhào tới, ôm lấy đầu con Mực, áp má lão vào mõm nó.

Lão rên-rỉ :

— Tội con quá con ơi !

Lão khóc lên rưng-rức như một đứa trẻ thơ. Lão khóc mãi, khóc cho đến mê-man hẳn đi. Đầu lão gục xuống chân con Mực.

Lão thấy có nhiều lớp sóng vỗ man-mác vào thái dương lão. Lão đi vào một vùng ánh sáng có không-khí nhẹ thẳng. Toàn thân lão bỗng nhẹ tênh rồi bỗng trôi luôn vào một làn sóng ánh sáng muôn màu, muôn sắc, cứ vun-vút mãi lên cao.

Hơi thở lão nhẹ đi dần rồi ngưng hẳn.

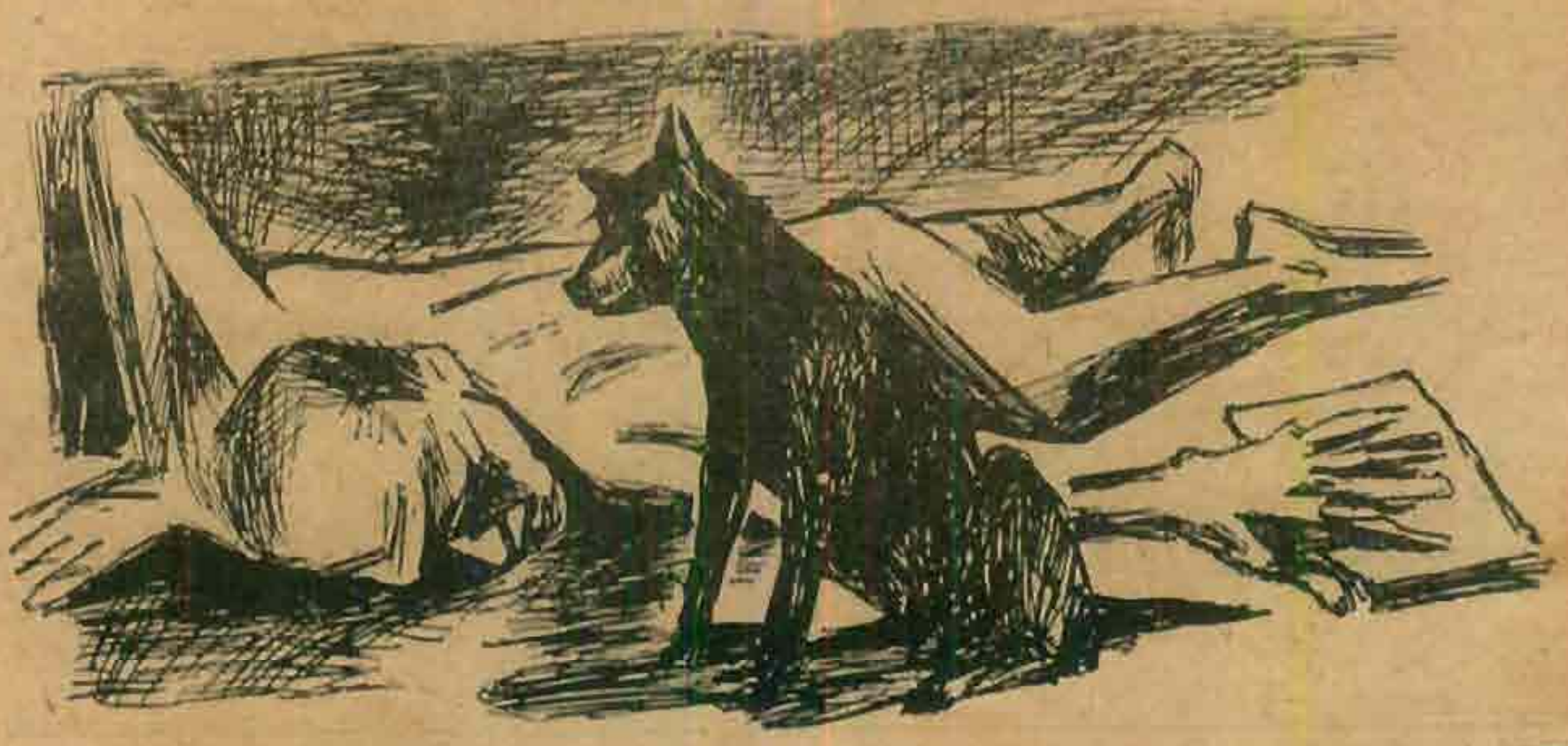
Con Mực lấy lưỡi liếm vào mặt chủ mấy cái.

Một đợt ánh sáng âm-ấm trong vắt như pha-lê le lói hắt qua song cửa, chiếu thẳng vào phòng lão, dọi vào một nửa mặt lão. Lão không kịp thấy một giáng hồng vừa kéo phớt trên những ngọn cỏ trong khu hoang trại của lão.

Cuốn sách lão viết dở-dang, nằm tênh-hênh trên mặt đất, gió thổi phơ-phất bay lật đi từng tờ, lại từng tờ.

Tác-phẩm 99,5 của lão.

MẶC-THU



B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex Daudart de Legrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Iraq, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.).



Các ông HOÀNG mộng-tưởng

Thân tặng Chị họ Mỹ-Uyên, em gái họ Tống-Lan, và các bạn gái của hai người : Vân-Ý, Đào-Ngọc v.v...

để thay quà Tết.

ĐOÀN-THÊM

TIẾNG gọi *ông Hoàng mộng-tưởng* có lẽ mới nghe thấy từ khi Nguyễn-Văn-Vĩnh dịch truyện cổ-tích của Perrault *Hằng-Nga ngủ ở trong rừng, La Belle au bois dormant*, và cũng chỉ một số người tây-học dùng để nói đùa, theo những chữ *Prince charmant*.

Song ý-niệm về quí-nhân đó, mặc dầu ta thiếu danh-từ đặc-biệt, vẫn có tự ngàn xưa, từ khi trời đất sinh ra những tâm-hồn hay nghĩ gần nghĩ xa như Mỹ-Uyên, những con người mới 19 xuân xanh mà đã hay thở dài như Tống-Lan, những con mắt mơ-màng như của Vân-Ý,.. Nếu chợt hỏi, thì ai cũng cười và nói mình đâu có ông Hoàng nào, chỉ bạn bè mới có ; gợi chuyện bạn bè, mới biết chẳng mấy ai không, và tại sao lại cứ chối ?

Căn cứ vào những câu trả lời mà tôi đã thâu thập được, cũng như vào những tài-liệu cũ và mới mà tôi được biết, — chắc chắn còn thiếu nhiều lắm, — đại-khái ông Hoàng phải đủ những điều-kiện tối-thiểu như sau :

Đẹp, biết yêu, được quí nể, có tiền.

Cũng có người chưa đồng ý. Như Mỹ-Uyên thường bảo: cần chi phải đẹp? Được rồi. Nhưng sao có hôm đi coi phim khá, mà không vui ? Ướm hỏi và nêu thử hết lý-do này tới lý-do khác, thấy chẳng chê gì, chỉ không thích cái đầu trọc của vai chính : ấy, đối với tài-tử còn như thế, huống chi tân-lang tương-lai ? Nói một cách khác, xấu thì không xong, ít ra cũng phải coi được. Nhưng đã mơ mộng, ai chịu tự an ủi với sự tối thiểu, ai chẳng ao ước sự hiếm có tới mức tối-đa ? Thôi thì đẹp vẫn hơn chứ ? Chẳng có lẽ e bị ngờ vực là... hiếu sắc ? Người văn-minh phải đẹp hơn người dã-man, và nếu các thiếu-nữ đòi hỏi nhiều về phương-diện hình-thể, tất các thanh-niên phải luyện tập thể-thao hoặc tìm cách trau dồi « nhan-sắc » thế nào cho ngoạn-mục hơn, âu cũng là một điều bổ-ích vậy.

Còn các điều-kiện khác, đều được thừa nhận về nguyên-tắc, bất-cứ bao giờ và ở đâu. Song quan-niệm và sự định giá về mỗi thứ thay đổi tùy thời-đại, hoàn-cảnh, và dĩ-nhiên sở-thích riêng. Có người ưa đẹp hơn giỏi, có khi tài-năng được trọng hơn tiền của, và đẹp hay giỏi mỗi hồi một vẻ, một hình-thức khác. Cho nên, các ông Hoàng chỉ có thể được phác họa với vài nét chính, còn sự tô điểm châm chước là đặc-quyền của những ai kén chọn.

*

Ta hãy thử xem mặt các ông Hoàng Việt-Nam, từ cổ. Ở đây cũng lại gặp sự nan-giải như ở nhiều phạm-vi khảo-cứu : thiếu tài-liệu. Chúng ta chỉ biết, qua những bức tranh hay pho tượng, thân-hình diện-mạo kiểu-mẫu của người đẹp trai Âu-châu, những Adonis, Narcisse, Paris của Hy-Lạp, những Casanova Ý và Don Juan Y-Pha-Nho, những Louis XV le Bien-aimé bên Pháp... Nhưng ta chẳng thể tưởng-tượng những tao-nhân của ta ra sao ; nếu dựa vào truyện, sách nước Tàu mà ta chung văn-hóa với nhiều phong-tục, ta thấy phảng phất ông Hoàng trông như « Phan-An giáng-thế, Tống-Ngọc phục-sinh, mặt như dồi phấn, môi tựa thoa son». Muốn rõ hơn nữa, có lẽ phải đi coi tuồng cổ. Dù sao, ông Hoàng chỉ cần khôi-ngô tuấn-tú, nghĩa là có bộ mặt, còn nếu lực-lưỡng thì bị chê cười vai u thịt bắp ; thỉnh thoảng mới có cô như Kiều, ưa được những Từ-Hải vai năm tấc rộng, thân mười thước cao, râu hầm hàm én.

Đến thời cận-kim, như về thế-kỷ trước, ông Hoàng hay đội lốt ông Đồ, ông Khóa, « bạch-diện thư-sinh ». Óc thẩm-mỹ của phụ-nữ vẫn còn giản-dị, tương-tự như của cha anh là những người có trách - nhiệm xem xét hộ để kén chọn cho bạn trăm năm : mặt mũi đầy đặn, da trắng, trán cao, miệng rộng, ăn nói dịu dàng, đi đứng nghiêm trang, nghĩa là có phúc - tướng, tao - nhã, hiền-hậu. Còn ngoài ra, quần áo có thể nhàu nát vì thời đó ít dùng bàn ủi, và không ai kể tới những chi-tiết mà chúng ta thấy kỳ - dị : móng tay nhiều khi để mọc dài 5, 7 phân, đến nỗi Tây sang thấy lạ quá, chụp ảnh carte-postale đưa về đấu-xảo Marseille.

Tự khi văn-minh phương tây tràn sang, tuy các cô chưa đòi hỏi nhiều hơn trước, ông Hoàng cũng thức-thời đổi mới cho gọn gàng sáng sủa hơn : cắt búi tóc củ hành và móng tay để hóa thân ra những ông Ấm nhẫn nhụi, ông hậu-bổ nghiêm trang, ông ký lục hay phán đầu tòa bệ vệ... : « quanh năm phong-vận, áo hàng Tàu, khăn nhiễu tím, ô Nhật-bản xanh — ra phố xênh xang, quần cát bá, bí - tất tơ, giày Gia - định bóng... » như ông Tú-Xương đã tả. Dù sao, ông vẫn phải giữ phong-độ nho-nhã, chững chạc, có điều gì mới mẻ thì càng hay : cạo răng trắng, hay điểm chiếc răng vàng óng ả làm duyên, đeo kính gọng kền, bôi chút dầu thơm, hoặc lại bận cả âu-phục nữa thì quả là sang trọng.

Đến hồi giữa hai đại-chiến 1919-1945, ông biến hóa nhiều và mau lẹ hơn. Ông chải tóc rất mượt, bận đồ tây theo đúng thời - trang, từ mũ canotier đến đầu trần, từ quần bó ống đến chân voi, vai long-dình... Chẳng biết ông có bị lây nhiều nàng không hay tự ông đón và chịu ảnh-hưởng của điện-ảnh và tiểu-thuyết Âu Mỹ ? Dù sao, hình dáng điệu bộ của ông thay đổi trông thấy. Có khi ông là một sinh-viên mặt mũi tròn trặn linh lợi, mắt không hay liếc như của các ông Ấm, nhưng thường lơ mơ qua đôi kính gọng đồi-mồi, dấu hiệu của phái trí - thức tân - tiến ; ông phải nói ngoại - ngữ khá, nếu du - học ngoại-quốc về càng hay ; hoặc ông ưa nghệ-thuật, thạo ca vũ nhạc, vui vẻ trẻ trung như Henry Garat trong phim « Il est charmant », hay ôm lục - huyền - cầm mà rền rĩ như Tino Rossi, hoặc mơ màng theo mây gió, thích xa lánh trong cô-liêu để mong nhớ bạn lòng, biết làm thơ mới du-dương và dạt dào tình-cảm ; hoặc ông hùng hục đá banh, đánh vợt, vẫy vùng trên sóng bạc để có bộ ngực nở nang như Tarzan hay Vọi của Khái-Hưng : bắp thịt phồng và da xạm nắng, lại dễ thương hơn là thơm tho bóng bẩy...

Sau những ngày đảo-lộn, loạn-ly hay rối-ren, vì đã trải gian truân trên những ngả đường giông tố, tướng mạo ông đã khác xưa nhiều. Ông chẳng còn là công - tử phong-lưu phảng phất như Tyrone Power hay Bob Taylor hồi 25 tuổi, mặt ông không cần phải đầy đặn ; phước-hậu quá thì dễ vô-duyên, mập mạp trắng trẻo quá, coi như măng sữa, chưa đau khổ sau biết rung cảm sâu xa ? Ông thường có nét cứng rắn và «chín», cả người như biểu lộ nghị-lực và yêu-dương, ở dáng đi mạnh dạn, ở hàm răng khoẻ, đều và trắng ; ở sống mũi cao, vì dẹt thì tẻ lắm ; ở đôi mắt nhìn thẳng nhưng đầy câu hỏi, hoặc có vẻ van lơn. Ông chưa dám trọc lốc như Yul Brynner, hay ngố ngược như Horst Buchholz, song có thể cương-quyết như Tab Hunter, mà không bị chê là xấu hay ác, chiêu đăm như Mongommery Clift mà chẳng bị coi là «hãm tài», ít nhất bằng những kẻ thuộc « làn sóng mới» (nouvelle vague) Alain Delon hay Tony Perkins : nghĩa là sâu sắc nhưng băn-khoăn, sôi nổi mà chứa đựng nhiều thắc-mắc, hoang mang như nhiều thanh-niên của thế-hệ hậu-chiến, nhưng thành-thực tìm lẽ sống, để rồi rấn bước về phía tình yêu.

Tình yêu, theo lời các cụ già kể lại, hoặc theo thi-văn cổ, thì bao giờ chẳng phải dồi dào, bất tuyệt ? Con người muôn thuở vẫn thế, tình - sử Trung-Hoa hay Việt-Nam cũng ly-kỳ

như nhiều tiểu-thuyết hay phim ảnh Âu Mỹ ngày nay, nên các ông Hoàng đều phải chung tình. Duy hình-thức, cách biểu lộ ái-tình mỗi thời theo phong-tục mà biến dổi.

Cho tới ngày gần đây, ngay đối với nhiều cụ bà hiện nay 60 hay 70 tuổi, các ông Hoàng chỉ phải đóng vai một lang-quân biết điều : săn sóc, nề nang, tin cạy mà giao phó cho việc tề-gia nội-trợ, đừng chơi bời đàng điếm, giả chẳng may có vợ lẽ thì cũng chớ quên bà cả. Chữ yêu, chữ trái tim, với những nghĩa sôi nổi, bồng bột, đằm thắm..., khăng khít, mơ màng, mê ly, không có trong tự-điển lứa đôi thời các cụ, và tâm-hồn chất phác cần nghĩa hơn tình, yên ổn thuận hòa là quí, và sự đòi hỏi đối với ông Hoàng sẽ bớt nhiều khi số con tăng, vì con cái mới chính thiệt là mục-đích, hy-vọng của rất nhiều phụ-nữ theo lễ-giáo cổ-truyền.

Trái lại, ý-niệm giải phóng cá-nhân và nữ-giới đã đưa tới một kết-quả mà các ông Hoàng cũng vui lòng tiếp nhận : ái-tình là yếu-tố quan-trọng hoặc quan-trọng nhất của hạnh-phúc mà người đàn bà có quyền xây dựng, có thể mơ ước. Ông Hoàng muốn được lòng, phải đáng yêu và biết yêu : có diện-mạo khả-ái, có những tính-tình gì cho tâm đầu ý hợp, hoặc tìm hiểu để liệu bề nhường nhịn hay chiều chuộng, hoặc đối xử thế nào tùy ý miễn là rung động nổi. Khó lắm thay ! Có khi phải nhu mì nâng niu, đủ thông-minh mà hiểu ngầm ý riêng của người đẹp, có khi phải ngang-tàng cương-quyết, khắc phục ngựa bất-kham thì mới thắng được yên cương : tuấn-mã lại thích thế. Phức-tạp đến nỗi đòi phen ông phân vân gái đầu gái tai cầu cứu bạn thân : tính hộ, làm sao bây giờ ? Ở nhiều trường-hợp, ông đã trổ hết lược-thao mà đối-phương chưa chịu hàng ; có tốn công chinh-phục thì khi chiếm được mới biết quí ; cho nên, lắm khi ông buồn bực, bối rối, đau khổ : hãy thử thách xem ông có thực-tình hay giàu tình-cảm không, thì mới xứng đáng với cặp mắt huyền. Nhưng trường-hợp này, may thay, cũng ít ; còn thực ra, nếu ông bị rắc rối, thường vì các điều-kiện khác chưa được nhận định rõ ràng.

Ông Hoàng đi-nhiên phải có phẩm-cách hơn người. Nếu ông để cho thiếu-nữ nào đã lưu ý tới ông, hoặc cho người xung quanh khinh ông vì một khuyết-điểm gì, chắc ông bảnh bao tới đâu, người đẹp cũng chẳng thề dâng ông trái tim đỏ chót hoặc đeo tên ông mà chung sống suốt đời. Chị em muốn được hãnh diện vì ông, ở trong lòng hay ra mặt, nhưng vì yếu-tố gì ?

Thường thường, phẩm-giá được gắn liền với địa-vị trong xã-hội. Võng anh đi trước, võng nàng đi sau, hèo hoa gươm bạc... cho nàng được thơm lây : nguyện-vọng đó, biết bao cô quần thâm áo vải thời xưa đã đạt, thành bà nghè, bà mệnh-phụ. Ở một nước tôn-trọng văn-học, căn cứ vào đó mà định thang bậc quyền-lợi, lâu dần có sự sáo trộn bằng vàng bia đá với chức-tước, tài-bộ.

Thực ra, người đẹp mến ông Hoàng tài giỏi, và điều đó rất chính-đáng : chỉ vì thiếu chứng cớ rõ rệt nên phải nhằm vào bằng-cấp và ngôi-thứ, không thể xét một cách thiết-thực sâu xa khả-năng trí-tuệ, kiến-thức, nhất là khi nam nữ cách biệt. Thành ra chân-giá của các ông Hoàng

chỉ được hiểu thấu trực-tiếp trong những hoàn-cảnh đặc-biệt, hoặc đợi đến hồi gần đây, mới chừng ngót ba mươi năm nay.

Từ đó, đã có nhiều nàng ở vào những trường-hợp sau : Em biết anh là nhạc-sĩ nhiều triển-vọng, trong một cuộc hòa-tấu mà em được phép tham dự ; hoặc phục anh nhiều lịch-duyệt qua những giờ tiếp chuyện anh tại nhà bạn gái ; hoặc tin chắc anh sẽ thành công về kỹ-thuật mà đôi ta cùng ưa cùng học một trường; hoặc có khi còn nhận ra rằng bằng-cấp của anh chỉ có thể nạt được người ngây thơ dại-dột hoặc những ba má háo danh. Cho nên, ông Hoàng hiện-thời có nhiều cơ-hội để trổ tài nếu có.

Bởi trình-độ trí-thức của chị em đã tiến nhiều, ông Hoàng muốn được khâm-phục phải cố gắng hơn, và như vậy phải dẹp góp phần tích-cực vào công-cuộc tiến-hóa chung của nhân-loại. Khi các tiểu-thư có tinh-thần thượng-võ, ông phải theo vua Arthur đánh đông dẹp bắc để được phong kỵ-sĩ Bàn Tròn, (Chevalier de la Table Ronde) ; khi các cô ưa văn-chương, ông lại phải đóng vai Bình - Như - Hành, Vương-Sương-Linh hay những Chateaubriand đợi thưởng tài trong phòng khách văn-nhân của những bà Récamier. Chẳng biết ngày nay tại Việt-Nam, Đào-Ngọc hay Tống-Lan có đòi hỏi giúp những ông Hoàng biến thành những trinh - thám Sherlock Hohmès, những đô-đốc Mountbatten, những họa-sĩ Matisse... biết đâu việc đào tạo nhân-tài cho đất nước chẳng nhờ đó mà xúc tiến ? Ái-tình có sức mạnh tương-tự như tín-ngưỡng, và cũng như thời-thế, lắm khi thục-nữ tạo anh-hùng.

✶

Nhưng anh-hùng cũng vướng chuyện áo cơm, và ai còn có thể tin ở tình suông nước lã ? « D'amour et d'eau fraîche » là một phim cũ rích mà người say mê không khéo đã bạc đầu. Túp lều tranh với trái tim vàng không thể còn là nơi ông Hoàng lần quất. Kể thì thơ mộng thực đấy, nhưng nếu tổ uyên-ương có máy điều-hòa không-khí, có tủ ướp lạnh trái cây, chắc sẽ « ấm cúng » hơn, nhất là có thêm chiếc Chrysler hay ít nhất chiếc Renault 2 mã-lực để cùng nhau đi ngắm trăng Vũng-Tàu, có lẽ cũng không hại gì cho tình yêu. Giá thử ông Hoàng đi đâu về, bất-thình-lình dâng một hộp nhỏ bọc nhung, mở ra thấy lóng lánh hạt xoàn 36 cà-cá, ngày xanh sẽ càng tươi sáng chớ sao ? Miễn đừng là của hối-lộ hay là kết-quả đầu-cơ biển-thủ, còn thì cả ông lẫn nàng cớ chi phải tự dối mà nhân danh những lý-thuyết lập-dị viển-vông từ chối sắn những cái gì làm cho cuộc đời đầy đủ tốt đẹp hơn ?

Thứ hạnh-phước đó, chỉ có những ông Hoàng thất-bại mới tự an-ủi bằng cách khinh rẻ, cố lập thuyết để tự bào chữa và đặt mình lên trên những nhu-cầu chẳng có gì đáng trách, phủ nhận những sự sung-sướng mà cha mẹ thương con vẫn hằng ước mong. Duy nếu mong ước đó quá mạnh, sẽ thành ra tham lam, và lòng tham muốn những mức sinh-hoạt thật chắc chắn hoặc sự giàu sang, có khi làm lãng quên mất nhiều điều-kiện khác mà người con gái thấy cần-thiết quan-trọng hơn ; nên bao cuộc tình duyên đã bị tan tành !

Như trong phim La Fureur d'aimer, cha mẹ Morningstar mong cho con gái kiếm được chồng có phương-tiện sinh-nhai vững vàng ; song ông Hoàng lãng-mạn thị tài,

lại muốn tự-do phóng-túng, xa lánh những lối sống điều-hòa mà ông coi như vô-vị, không đếm xỉa tới những thắc-mắc chính-đáng của mẹ cha lo âu về tương-lai ái-nữ thơ ngây. Còn nàng say mê, quá tin vào tài-năng mà người yêu thực chẳng có đến mức đã tưởng, nên rồi xảy ra sự mâu-thuẫn và chia ly.

Ở đâu và bao giờ chẳng có những Morningstar ? Vấn-đề được nêu ra và chưa giải-quyết, là sự xung-đột giữa hai nếp sống, và tình yêu phải lệ thuộc bên nào ? Song khi coi phim đó, tôi còn tự hỏi : bởi đâu có sự xung đột kia, nếu không phải vì cách cân nhắc so sánh các điều-kiện đã trình bày : đẹp, biết yêu, có phẩm-cách và phương-tiện sinh-hoạt.

Cha mẹ đồng ý với con gái rằng ông Hoàng có mẽ và khả - năng, song còn thiếu địa-vị, và sinh-nhai không chắc chắn. Còn theo Morningstar, phẩm-cách ở biệt-tài và tính - tình, không do nghệ - nghiệp ; nghèo nhưng giỏi nhạc, tất có hy-vọng giàu sang. Về lý - thuyết, chưa chắc cô đã sai ; song cô đã xét lầm, coi là xuất - chúng một năng-khiếu mới chỉ hứa hẹn đôi phần ; về đức-độ, vì quá yêu mà cô rộng xét, chưa có kinh - nghiệm nên suy bụng ta ra bụng người, tưởng đàn ông phóng - đãng cũng trong trắng như mình, rồi cô phải vỡ mộng.

Thực ra, Morningstar chỉ ưa mã người, giọng hát, tiếng đàn, rồi yêu. Đã yêu, thì sẵn sàng bỏ qua những điều-kiện khác, hoặc tưởng rằng nó đã, hay sẽ có. Cô rất đáng thương, đau khổ vì chủ - quan, giả thử trong sự xét đoán được chỉ dẫn thì đâu đến nỗi ? Nhưng nếu vậy, cô phải được mẹ cha sáng suốt tìm hiểu và gây tín nhiệm, một sự mà cô vẫn thiếu : má thì cố chấp, ba lại chỉ mải miết doanh nghiệp, nên thương con mà chẳng giúp được nào...

Hình như tôi lại rơi vào thực - tế... Không, tôi chỉ muốn góp ý-kiến trong sự xây mộng đẹp, còn việc đánh thức, xin để tùy duyên-số, hoặc những ông Hoàng chiêu đãm hay niềm nở nhân dịp tân-xuân đến với Mỹ-Uyên, Tống-Lan, Đào-Ngọc và các bạn xinh tươi.

Đ. T.

« Tung » và « hoành »

Đời Chiến-quốc, Tô-Tần chủ-trương chính sách hợp-tung, liên-hiệp sáu nước để cự nhà Tần. Trương-Nghi thì chủ-trương chính sách liên hoành, liên-hiệp sáu nước để thờ nhà Tần. Rút cuộc, chính sách liên hoành đắc thắng. Đời sau, người ta dùng ba chữ *tung hoành gia* để chỉ nhà chính-trị có thủ đoạn *dọc ngang*, dùng tài hùng biện mà định an, nguy cho thiên hạ.



Bàn về sự phát triển CỦA NỀN Tân nhạc Việt-Nam

★ — TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

TRONG khi cố gắng góp đôi ý kiến về vấn-đề này, tôi không muốn dừng lại quá lâu trong dĩ vãng Tân-nhạc, nhưng chỉ thấy cái trước mắt như là một mối ám ảnh cần giải quyết. Hơn nữa, nhận định sự phát-triển của nền Tân-nhạc Việt-Nam muốn được đầy đủ và chính xác phải là công việc của nhiều người. Do đó, tôi chỉ có thể đề cập đến những nét lớn và đậm của phong trào Tân-nhạc và có thể vô tình quên đi rất nhiều nhân-vật trong làng Tân-nhạc xưa nay.

Tân-nhạc Việt-Nam thực sự ra đời vào khoảng 1928-1929 khi âm-nhạc viện của nhà cầm quyền Pháp mở tại Hànội. Trước đó, các giáo-sĩ cũng đã phổ biến Tân-nhạc qua các bài hát nhà thờ.

Sau vài năm hoạt động, viện bị đóng cửa vì lý do ngân-sách. Có lẽ lúc ấy, người Pháp đang cần tiền làm việc khác nên chưa muốn vội nghe người Việt đàn tây. Tuy vậy, trong khuôn khổ thời gian ấy, một số nhạc-sĩ đã được đào tạo và số nầy lại truyền giáo

cho một số khác. Những Nguyễn-xuân-Khoát, Nguyễn-văn-Giệp, Nguyễn-hữu-Hiếu, Võ-đức-Thu v.v... là những nhạc-sĩ xuất-sắc đã may mắn tiếp xúc với giáo-sư nhạc Tây-Phương và người nào cũng có hoài-bão trở nên những nhạc-công đứng đắn về những loại nhạc khí lớn như dương-cầm, vĩ-cầm. Địa-hạt nghiên cứu của họ là địa-hạt nhạc cổ-điển Tây-phương. Nhưng đáng tiếc, một số có căn bản tương đối vững vàng nầy, khi ra trường, đều trở thành nhạc công trong những tiệm trà lớn, cộng tác với một số nhạc-công Tây-Phương để sinh sống bằng cách làm vui tai cho một số ít người thư-thả. Thời ấy, rất ít sáng tác ra đời. Cái mặc cảm tự ti trước kỹ-thuật Tây-phương khiến người ta không đủ táo-bạo sinh-thành tác-phẩm. Hơn nữa, chưa có một phong-trào nhạc, chưa có kẻ tiêu-thụ hưởng-ứng, làm gì có một động lực sáng-tác ? Thêm một điểm căn bản, là ngành nhạc — khác hẳn với mọi ngành nghệ-thuật — kẻ thưởng thức cũng là con người biểu diễn. Người ta xem họa, đọc thơ y như làm một sự việc không mấy cố-gắng, nhưng kẻ muốn biết bài nhạc, không thể không cần dụng cụ, không thể không trau-dồi ngón đàn và do đấy cũng đã thực-hiện nghệ-thuật rồi.

Dần dần, Tân nhạc lớn lên như một đứa trẻ khỏanh ăn. Khi « chớp bóng nói » được thực hiện ở màn bạc Việt-Nam, các thanh-niên say sưa với những điệu hát của Henri Garat, Maurice Chevalier. Khiêu vũ cũng bắt đầu nhập cảng. Vì thích nhảy nên thanh-niên càng thích nhạc mới. Đến khi phong trào văn-nghệ lãng-mạn lan-tràn thì một số nhạc-sĩ, lôi cuốn bởi cái đà tình cảm sướt-mướt bi thương của thời-đại, đã sáng-tác một số loại nhạc tâm-tư với một kỹ-thuật khá điêu luyện nói lên băn-khoăn của tầng lớp thanh-niên không tìm ra lý-tưởng và cái « hư vô » của kiếp người. Những tác-phẩm tiêu biểu như « Con thuyền không bến » « Giọt mưa thu » ra đời, chỉ sống quanh quẩn trong các khuê phòng đô-thị, nhịp nhàng bên cạnh phong trào ái « Tino » (Tino Rossi, ca-sĩ tây-phương với giọng « nam-kim » đã được hầu hết nam nữ thanh-niên yêu mến tân nhạc lúc bấy giờ tôn thờ như một thánh sống) các điệu hát của Tino Rossi được phổ biến qua các dĩa hát làm say sưa tầng lớp nam nữ thanh-niên thời này như một chất rượu nhiều men. Người nhạc-sĩ sáng-tác tây-phương được ham chuộng nhất là Vincent Scotto, người đã viết nhạc cho Tino diễn tả. Cây đàn Hạ-uy-cầm được phái yếu ham mộ. Các tiệm nhạc khi tây-phương bắt đầu phát đạt. Vấn-đề sáng-tác được chú trọng hơn tuy phần lớn vẫn chuyên về kỹ-thuật đánh đàn. Những tác-phẩm « Buồn tàn thu » « Đêm đông » « Bóng ai qua thềm » được chuyển-âm vào dĩa hát thành những điệu Tăng-gô nhịp-nhành dùng trong các khiêu vũ trường xen lẫn với những điệu nhạc khiêu-vũ tây-phương. Lúc bấy giờ có một vài ban nhạc cổ-điển tây-phương được thành-lập tại Hà-nội với sự đỡ đầu của một vị cao-cấp hoặc ngoại-kiều có tài-chánh và thích nhạc. Bộ ba « Khoát-Hiếu-Giệp » được giới tân-nhạc kính nể nhưng những buổi hòa-tấu của họ không được nhiệt thành hưởng-ứng vì thiếu sự cảm-thông.

Tân-nhạc giữ mãi cái mức trầm trầm như thế khá lâu mặc dầu ở Sàigòn những

nhạc khí tây-phương như cây Tây-ban-cầm được khoét cầu cho hũng xuống để nhấn sáu câu vọng-cổ, cây vĩ-cầm được kẹp, giữa lồng ngực và đầu gối của chân trái tréo lên chân phải, để kéo cho mùi mẫn.

Sự biến-chuyển của thời-cuộc từ trận đại-chiến thứ hai mở màn, đã ảnh-hưởng khá nhiều đến xã-hội Việt-Nam và chi-phối đậm đà tư-tưởng của tầng lớp thanh-niên trí-thức. Trong khi Pháp đề cao phong trào « Khỏe vì nước » để đẩy lệch hướng hoạt-động của thanh-niên Việt-Nam thì loại nhạc tuổi trẻ lành mạnh ra đời. Hoàng-Quí với những bài ngắn, vui tươi, ca ngợi đời sống của hướng-đạo sinh, rất được phổ-biến. Rồi những biến chuyển càng ngày càng dồn-dập, những cuộc vận động chính-trị càng ngày càng sôi nổi. Tân-nhạc từ đây đã có sinh khí, có những nét độc đáo, ít nhiều sắc màu dân-tộc. Về xu hướng hùng mạnh và dân-tộc, chúng ta nên nhắc đến Lưu-Hữu-Phước, Nguyễn-Xuân-Khoát, Phạm-Duy, Văn-Cao, Dương-Thiệu-Tước, Thẩm-Oánh, Võ-Đức-Thu v.v... và rất nhiều nhạc-sĩ có tài đã đóng góp cho thời đại gượng dậy, đứng lên không thể kể cho hết.

Có thể gọi đó là thời kỳ phát-triển mạnh nhất của Tân-nhạc Việt-Nam. Vì thời kỳ ấy ghi lại cho Tân-nhạc những thành tích hào hứng. Trong khi thơ ca còn hoang mang trước một tương-lai mờ mịt và tiểu-thuyết còn băn-khoăn sầu hận vì tình yêu, vì bệnh hoạn thì Tân nhạc với sự bén nhạy và sức truyền cảm rộng rãi đã thổi vào tâm-hồn thanh-niên những luồng gió mới. Những « Hội nghị Diên-Hồng » « Hòn sông Gianh » « Xếp bút nghiên » « Hồn Việt-Nam » « Uất hận » đã gây được chút ít ảnh-hưởng đến tâm-hồn thanh-niên Việt-Nam. Đó là thời-kỳ mà nhạc-sĩ Hoa-kiều La-Hối ở Hội-An, tác-giả bản « Xuân và Tuổi Trẻ » bị bọn phát-xít Nhật đem giết tại núi Phước-Tường cách Hội-An 20 cây số, sau khi bắt ngồi uống nước muối suốt mấy tháng trường trong ngục tối.

Nhưng sau cuộc Cách-Mạng tháng Tám, tiếp đến kháng-chiến toàn-quốc bùng nổ, Tân-nhạc từ đây đã rẽ đôi đường theo hai khu-vực chính-trị khác nhau. Bên vùng Việt-Minh, Tân-nhạc dần dần chuyển xuống mức phục-vụ nhất thời, sáng-tác nhanh, sáng-tác nhiều để phục-vụ kháng-chiến, phục-vụ chánh sách của Đảng và suy-tôn lãnh tụ. Những sáng-tác có tính cách nâng cao đều bị chỉ trích như là không-tưởng và xa quần-chúng. Cộng-sản đã khai thác triệt để khả-năng sáng-tác của văn-nghệ-sĩ bằng mọi phương thức động viên, bằng mọi đường lối tổ-chức. Đồng thời Cộng-sản lợi dụng Tân-nhạc làm lợi khí tuyên-truyền.

Đó là thời kỳ ở các thành phố bị chiếm, nhiều tiệm buôn nhạc khí chỉ bán trục dây đàn mân-đô-lin cho hậu phương mà mỗi tháng có thể lời trên trăm ngàn, và đây lời một ông bạn, chủ một tiệm đàn khá uy tín, đã nói với tôi với một giọng cười đầy ý-nghĩa : « ...đó là với ý muốn xây dựng nền Tân-nhạc, chứ không thì có thể lời gấp

đôi vì bán giá nào cũng được. Điều khó khăn trong sự mua bán nầy chỉ là... tìm cho ra địa-chỉ một hàng sản-xuất trục dây đàn bên Pháp và dấu kín địa-chỉ ấy... » Thời kỳ này, ở vùng Việt-Minh, nhiều bài hát khi được phổ biến xuống quần chúng một thời-gian thì không còn giống y như nguyên-bản, vì sự thuận miệng của số đông đã dần dần sửa đổi và con người sáng tác phải bắt buộc sửa đổi lại bản nhạc như thế. Có thể gọi đó là thời kỳ mà số đông đã chỉ-định cho nội-dung sáng-tác và số đông đã thay thế cho kỹ-thuật.

Trong khi ở vùng Việt-minh Tân-nhạc đã bị duy-tục hóa một cách khác thường, — ngoại trừ một số soạn-phẩm của những nhạc-sĩ đứng-đắn không được phổ-biến rộng rãi — thì ở vùng Pháp chiếm đóng tình-trạng tân-nhạc càng phiêu-lưu lạc lõng hơn. Số tác-phẩm nầy phần nhiều thiên về tình yêu, nhớ thương sầu thảm và được lập đi lập lại nhiều lần trên đài phát-thanh thể theo yêu cầu của cô nầy cậu nọ đến mức nhàm chán. Một số tác-phẩm mơ về kháng-chiến một cách «vẩn-vơ» của những tâm-hồn lãn-quẩn chán cảnh phồn-hoa đô-hội, tưởng lầm rằng chiến-khu và bưng-biền là những núi rừng thơ mộng như trong tiểu-thuyết phiêu-lưu. Một số nữa của những nhạc-sĩ không chịu nổi cảnh khổ ở hậu-phương bỏ về thành gồm những tác-phẩm chứa đựng dồn nén từ lâu chưa được giải-tỏa và ít nhiều băn khoăn ngơ ngác trước một tương-lai u-ám. Đó là chưa kể đến những tác-phẩm chịu đậm đà ảnh-hưởng của âm-nhạc ngoại-quốc được phổ-biến qua các tài-tử màn-ảnh. Tuy ở đô-thị, lúc bấy giờ phương-tiện phổ-biến khá dồi-dào nhưng tân-nhạc không có sáng-tác gì đáng kể vì người nhạc-sĩ tự-trọng không thấy hào hứng trong sự sáng-tác giữa một xã-hội còn nhiều yếu-tố phức-tạp cũng như người nhạc-sĩ ở hậu-phương nghẹn lời trước những chủ-trương giai-đoạn và một nghệ-thuật đã bị đơn-giản đến mức tối thiểu.

Sau hiệp-định Genève, đất nước bị chia cắt, sự phát-triển tân-nhạc cũng lại phân rẽ đôi đường. Riêng về miền Nam đã có nhiều sự đổi thay. Ngành Tân-nhạc nói chung đã hoạt-động rộn-ràng và nhiều ban được củng-cố, được thành-lập, nhiều soạn-phẩm của nhiều nhạc-sĩ trẻ tuổi ra đời, nhiều ca-sĩ mới được đào-tạo đồng thời với Trường Quốc-gia Âm-nhạc được chỉnh-đốn, chương-trình âm-nhạc ở các đài phát-thanh được tăng cường.

Tuy nhiên, xét theo cái yêu cầu đổi mới của cả một chế-độ, xét theo cái đà phát-triển tất yếu của một ngành Nghệ thuật và căn cứ vào hiện tình tân-nhạc, chúng ta thấy có nhiều điểm đáng nên lo âu.

Trước hết, xét qua những hoạt-động tân-nhạc chúng ta thấy mặc dù luôn luôn có những cử động rầm rộ về các đại-nhạc-hội, nội-dung cũng chẳng có gì đổi mới. Những danh-từ ghê gớm như quái-kiệt, kỳ-nữ, kỳ-đồng — được lạm dụng quá nhiều — phải chăng đã nói lên một sự nghèo nàn của bản thân Tân-nhạc không đủ sức tự bành vực, phải huyễn hoặc bằng những danh-từ kiếm hiệp ? Nhiều món đồ cũ đã lỗi thời được trình-bày lập đi lập lại như trong một vòng lẩn quẩn. Điệu ấy, lời ấy, cách ấy ở trong thế-giới của tình-cảm mơ-mộng hoặc của những nụ cười vô trách-nhiệm đã khiến cho người nghe cảm thấy bất mãn.

Nhiều sáng - tác - phẩm mới được in ra hoặc được truyền - thanh còn quá đậm đà ảnh-hưởng của nhạc « jazz » ngoại-quốc, lại căng một cách lạc lõng để chạy theo thị hiếu của một số người chỉ thích loại nhạc này.

Đây là lời một nhà xuất-bản :

— Bản nhạc của ông không thuộc loại « Rumba » nên không thể xuất-bản được. Bây giờ bài hát nào cũng phải có trống « bùm bùm bùm » đánh theo thì mới hay. Vả lại, ca-sĩ họ cũng muốn như vậy. Loại nhạc « jazz » Âu-phương hiện nay rất thịnh - hành trên khắp thế - giới — và đã qua một quá trình phát-triển lâu dài. Ở đây tôi không có ý bài xích loại nhạc này và chỉ thảo luận trong phạm-vi của chúng ta. Xin trở lại vấn-đề.

Vì chạy theo cái thị-hiếu nói trên, nhạc-sĩ đã từ chối cái đòi hỏi chính đáng lâu dài ở trong con người, đã không dám đào sâu và sống thực, cho nên không có đủ sinh-khí để trường thọ và gây được tác-động sâu xa.

Còn về phía ca-sĩ, phần đông sau một dạo nuôi sống nhờ phụ diễn tân-nhạc trong các màn ảnh, ngày nay cảm thấy bế tắc trong sự sinh sống, trừ một số có chân trong các tiệm trà hoặc vũ-trường. Ngành Tân-nhạc chưa thể nuôi sống con người nghệ-sĩ một cách đầy đủ, điều ấy là một sự kiện dĩ-nhiên trong hiện tình của xã-hội ta. Những nghệ-sĩ sống chuyên bằng nghệ-thuật — trừ một số được công-chức-hóa — rất là hiếm hoi. Vì, nghệ-thuật chúng ta, cũng như hầu hết các ngành văn-nghệ khác, chưa được một quần-chúng rộng lớn nuôi dưỡng. Nguyên-do quần-chúng thiếu nhiều điều kiện căn-bản để thưởng thức và nâng đỡ nghệ-thuật—như điều kiện trí-thức và vật-chất — nhưng quan-trọng hơn cả là vì những tác-phẩm chưa thỏa-mãn được yêu cầu chân chính của quần chúng. Liên hệ với cải-lương, chúng ta thấy rõ điểm này : quần - chúng trong nghệ-thuật cải-lương tương đối đã nuôi sống đầy đủ và lâu bền những nghệ-sĩ yêu dấu của họ.

Có thể nói rằng Tân-nhạc chưa có nguồn rễ sâu xa trong một đối-tượng quần chúng nào và đa số nghệ-sĩ chưa rõ quần chúng muốn gì ? Số quần chúng chỉ thích loại nhạc « jazz » không phải là quần chúng trung-thành của Tân-nhạc. Họ chỉ đi tìm một sự kích-thích giác-quan sôi nổi và mau chóng, hay đúng hơn, tìm sự thỏa mãn bản năng trên phương diện cảm giác, biểu-hiện của cuồng loạn nhất thời mà sự túng quẫn của ý-thức con người đưa đến. Chính người nghệ-sĩ biểu diễn loại nhạc này cũng chỉ tìm được sự thỏa mãn nông nổi ấy thôi.

Hiện tượng không tìm hiểu những yêu cầu tha thiết chính đáng của quần chúng còn chứng tỏ trong nhiều trạng-thái khác nữa. Những loại trường ca dài dòng tuy nhiều công phu của ban Hoàng-Thi-Thơ, những bài hợp ca nhiều bè, nhiều giọng của nhiều ban khác, đã xa dần cảm-quan của một số quần chúng vốn yêu chuộng họ. Sự nâng cao nghệ-thuật đột ngột, tùy thuộc ở cái ý muốn cầu kỳ hoặc ở lòng tự phụ của người sáng-tác, không thể tạo được cảm thông với xung quanh. Lối thoát của tài-năng ta trước hết phải là lối thoát của tình-cảm quần-chúng.

Hiện-tượng Trần-Văn-Trạch cũng là một chứng-minh rất tiêu-biểu. Đó là một tài-hoa với tất cả khả-ái và thông-minh,

Trần-Văn-Trạch hấp-dẫn đa-số quần-chúng bình-dân, thanh-niên, học-sinh, làm chủ nghệ-thuật của mình một cách tài-tình.

Nhưng cảm-quan quần-chúng càng ngày càng biến đổi theo cuộc sinh-hoạt phát-triển không ngừng và Trần-Văn-Trạch, dù là quái-kiệt, nếu cứ giữ mãi cái mức nghệ-thuật hỗn-hợp và « mô-phỏng » ấy, liệu còn giữ được mãi cảm-tình nồng-nhiệt của quần-chúng chăng ?

Khi chúng ta xem Trần-Văn-Trạch biểu-diễn, chúng ta thán-phục và thầm-tiếc một chân tài. Bởi vì cái tài lỗi-lạc ấy cho người xem cái cảm-giác thoảng mau của một điếu thuốc thơm hảo hạng. Tài ấy nghiêng về hình-thức, về sự « mô-phỏng », mà nghệ-thuật không chỉ là « mô-phỏng » dù là « mô-phỏng » tài tình. Sự mô-phỏng là trạng-thái đầu tiên của nghệ-thuật và là trạng-thái thấp nhất. Người xem ao ước những câu truyện mà Trần-Văn-Trạch trình bày gồm những chi-tiết không phải rời rạc, tình cờ, mà được gắn liền trong một cốt truyện, rút từ trong sinh-hoạt khó khăn hay lớn lao của cuộc đời, để sau khi trình diễn, mối truyền-cảm sâu xa còn tiếp-tục ngân vang ở nơi lòng người.

Nền Tân-nhạc còn vấp phải một trở-lực về quan-niệm sáng-tác. Một số người nghĩ tuyệt-đối rằng sáng-tác là công việc của những kẻ đã đạt đến mức tuyệt-hảo về biểu-diễn, đã có một trình-độ cao-cấp về âm-nhạc. Đành rằng kỹ-thuật hết sức cần thiết và người ta không thể nào không tinh-thông kỹ-thuật mà có thể biểu hiện cho hết uẩn khúc của tâm-tình, nhưng vấn-đề sáng-tác, ngoài một trình-độ kỹ-thuật cần thiết, thì căn-bản là ở nội-dung, ở cái nhu-cầu phải được tỏ bày nơi lòng người nghệ-sĩ. Đồng thời sự sáng-tác còn là phương-tiện trau giồi rất tốt, trau giồi tình-cảm và trau dồi kỹ-thuật nhờ hiện tượng phối-hóa ở tâm-hồn phát hiện trong khi thai nghén tác-phẩm.

Cố nhiên có những con người không thể sáng-tác hay đúng hơn không thích sáng-tác, nhưng một số có khả năng còn bị quan-niệm cầu-toàn cản trở, nguyên-do là vì họ không có những yêu-cầu tha-thiết thúc đẩy sáng-tạo.

Ngược lại hạng trên đây, còn một số người quan-niệm hết sức giản dị, bừa bãi. Những ví-dụ về trường-hợp này không thiếu trong những sáng-tác-phẩm đã được phổ biến, nhiều bản nhạc chỉ là một sự chắp nối, một sự vay mượn thiếu cả tự trọng. Những loại nầy dù có làm vẩn-đục ít nhiều không khí Tân-nhạc nhưng sẽ bị đào-thải hết sức tự-nhiên.

Một hiện-tượng sáng-tác nữa tuy không lan rộng nhưng thực đáng nói đến là vẫn còn một số nhạc-sĩ không có một sự sống sâu dậm ngoài đời, viết những bản nhạc không ai hiểu được hoặc không ai hưởng ứng và cho rằng « viết cho mai-hậu ». Một nghệ-sĩ có thể sáng-tác cho mình, để thỏa-mãn mình, điều đó thuộc về tự-do của cá-nhân nghệ-sĩ, nhưng nghệ-sĩ đừng đòi hỏi sự tiêu-thụ của quần-chúng khi muốn sáng-tác những loại nầy. Một khi đã đem công-trình văn-nghệ vào cuộc đời, nghệ-sĩ không thể không nghĩ tới cái tác-dụng xấu tốt mà nó góp vào sự sống. Những hiện-tượng sáng-tác bị phủ nhận trong hiện-tại và được hậu thế nâng lên đài vinh-quang là hiện-tượng đặc-biệt của những thiên-tài cảm-thông sâu sắc bước đi của cuộc đời, phần

nhiều là ở trong những xã-hội mà tình-trạng ngưng đọng đã có những biểu-lộ suy đồi. Những nghệ-sĩ thiếu tài ấy cũng không bao giờ dám nghĩ rằng họ viết cho mai hậu. Những lời tuyên-bố như thế chỉ chứng tỏ sự bất-mãn hoặc bất-lực.

Ngoài những quan-niệm sáng-tác lệch-lạc ấy, một hiện-tượng khác đã làm cản trở sự phát-triển Tân-nhạc là sự cách biệt khá sâu đậm giữa những lực-lượng Tân-nhạc, giữa hạng nắm vững kỹ-thuật nhạc Tây-phương, có trình-độ, có bằng cấp và số nhiều có địa-vị, và hạng không có điều-kiện như trên, gồm một số có tài nhưng không đủ điều kiện theo đuổi lâu năm trong các nhạc-viện, phải đi ngang vào cuộc đời, tìm tự học bằng tất cả phương-tiện có thể của mình và một số bất lực trước những nhạc khí quay về tìm cách tiến thân trong sự sáng-tác dễ dãi để xuất-bản nhạc.

Hiện-tượng cách-biệt giữa những người phụng-sự Tân-nhạc này khiến cho tầng lớp thứ nhất càng ngày càng lạnh lẽo trong cái tài-năng biểu-diễn tinh luyện nhưng đã được công thức hóa đến cái mức độ không còn sinh-lực và tầng tớp thứ hai phải cứ lúng túng trong những khả-năng chật-chội.

Hai tầng-lớp ấy biểu-hiện hai mặt của cuộc sống và sự hòa-đồng của họ sẽ lợi cho đôi bên và cố nhiên lợi cho Tân-nhạc. Nhưng muốn tiến tới sự hòa-đồng ấy, trước mắt chúng ta là con đường đi về xứ Thục gian nan.

Nhưng cái hiện tượng lớn nhất, đáng lưu ý nhất đã ảnh-hưởng tai hại đến nền Tân nhạc và, nói chung, đến nghệ-thuật âm nhạc của dân tộc, là sự cách biệt sâu đậm giữa giới Tân nhạc và giới cổ nhạc. Giới cổ-nhạc có cái mặc cảm tự ti của kẻ lỗi-thời và giới Tân-nhạc có cái mặc cảm tự tôn của con người tiến-bộ. Đúng như câu nói của Renan « những kẻ thật sự tiến bộ là những kẻ tôn-sùng quá khứ », một nền Tân-nhạc không kết hợp được sâu xa với cổ nhạc, không bắt nguồn trong cái vốn liếng lâu đời của dân-tộc chỉ là một nền nhạc mất gốc, một loại cây chỉ nở được những bông sặc sỡ vô duyên, hoặc chóng chầy sẽ biến thành một thứ củi khô. Một ví dụ thực-tế để ta thấy rõ thêm là trong khi nền Tân-nhạc không được hưởng-ứng nồng-nhiệt thì trên sân-khấu cải-lương ngày nay các soạn-giả và đào kép phải phát triển trên cái hình thức « cổ-tân hòa-điệu » để thâu hút khán giả. Nhiều khi họ phải đem cả những bản nhạc Tây-phương nóng hổi ở

★ Người ta thường bị bản-năng sinh-tồn thúc đẩy tránh hiểm-nguy và tìm thư nhàn, do đấy, việc vun trồng nỗ-lực lại càng là việc tối cần-thiết.

★ Việc vun trồng nỗ-lực phải đạt tới chỗ làm cho người ta ưa hoàn-tất công việc một cách mỹ-mãn, cẩn trọng cả trong những chi-tiết, và nhất là gìn giữ thứ tự, vì kẻ mất thứ tự thường hao phí thì giờ vô ích và hay sinh ra cẩu thả.

trên màn ảnh vào trong sân khấu cải-lương một cách có thể nói rằng quái dị, chẳng hạn như danh-ca Út-Trà-Ôn hát bài « Bernadine » giữa lúc đóng tuồng, trong khi bản này vừa mới xuất-hiện trên màn-bạc. Điều đó có nhiều ý-nghĩa, xấu cũng như tốt. Căn-bản là cảm-quan quần-chúng của sân-khấu cải-lương cũng đòi hỏi Tân-nhạc, nhưng họ phải gắn bó sâu xa với cổ-điệu của họ. Chừng nào những người Tân-nhạc không lấy làm một vinh-dự trong khi quay về cải-cách và nâng-cao tân-nhạc ở trên sân-khấu cải-lương, không chịu quí-trọng vốn cổ, tận-lực học hỏi vốn cổ, cải-tiến nó để phát-hiện thanh-điệu và ý-nhạc dân-tộc hầu tạo nên những sáng-tác phẩm có cá-tính dân-tộc độc-đáo làm vẻ vang cho thính-giác và cho đời sống chúng ta, thì Tân-nhạc còn phải ngưng trệ, lạc lõng, lai căng và mất cả tự-tín, thiếu hẳn cái sức mạnh dựa vào nền-tảng quá-khứ lâu dài.

Sự khinh-miệt cổ-nhạc ở trong tình-trạng xã-hội ta là một hiện-tượng tư-tưởng lỗi thời. Cũng có người vì bất-lực trước cổ-nhạc, muốn che dấu sự đầu hàng bằng một thái-độ khinh-thị, tự tôn mà thực-sự chỉ là một thái-độ tự ti trá hình, hay tệ hơn, đó chỉ là một thủ-đoạn làm ra cao dạo để bảo-vệ danh-dự và địa-vị.

Kể ra, một số ít nhạc-sĩ của ta, trong khi quay về với những vốn cổ, những âm-điệu dân-tộc, đã thâu gặt được những kết quả rõ ràng, như trường hợp Phạm-Duy chẳng hạn. Nhưng nhạc-sĩ đã bằng lòng quá sớm với những kết quả ban đầu, mà không thấy đi xa hơn nữa !

Tôi không có ý định nghĩa dân-tộc tính ở đây. Nhưng, nếu dân-tộc tính là những tình cảm sầu buồn, những giọng điệu mất nước còn đọng lại từ xưa, nếu dân-tộc tính chỉ là vấn-đề hình thức, một món đồ cho hợp thời-trang như một đôi tác-phẩm của những nhạc-sĩ có căn-bản vững vàng nhạc cổ Tây-phương thấy cần phải chứng tỏ rằng mình cũng « không quên » dân-tộc nhưng không dám và không thể làm nhiều hơn nữa, nếu dân-tộc tính chỉ có thế, thì dân tộc tính ấy là một thứ ngụy-trang. Dân-tộc tính phải là cái giọng điệu riêng hợp của dân-tộc, cái sắc màu nhãn hiệu của dân-tộc, không thể lầm lẫn với bất cứ sắc màu nhãn hiệu nào. Dân-tộc tính trong một bản nhạc khêu gợi lên ở hồn người nghe cái cảm-giác phảng-phất về cuộc đời dân-tộc trải qua bao nhiêu vui buồn và kích-động nơi lòng ta nỗi niềm nhớ thương về quá khứ, hy-vọng về tương-lai, khiến con người như tìm gặp lại mình và tìm gặp tất cả đồng bào qua niềm rung động. Và sự rung động ấy không còn là sở-hữu của một hạng người nào.

Một hiện-tượng cuối cùng phải chịu trách-nhiệm về ngành Tân-nhạc là tình-trạng phê-bình Tân-nhạc. Trong bấy lâu nay, sự phê-bình là một trong những yếu-tố quyết-định cho sự phát-triển của một nghành nghệ-thuật. Nếu ta không lầm thì hầu hết các loạt bài phê-bình Tân-nhạc chỉ nhằm vào vuốt ve hoặc chỉ trích tùy theo cảm-tình cá-nhân. Một số bài phê-bình có tính cách dung dưỡng, cầu hòa, vô thưởng, vô phạt để mua lấy yên ổn. Tình - trạng phê - bình thù tạc, phiến diện, nói chung là vô trách - nhiệm — trừ cái trách-nhiệm đối với những người mình

phải tăng bốc — đã lưu giữ Tân-nhạc trong một tình trạng quanh quẩn nghèo nàn.

Tóm lại, giải-quyết tình-trạng ngưng-trệ của Tân-nhạc là giải-quyết những vấn-đề căn-bản sau đây :

— Khai phóng một quan-niệm sáng-tác.

— Hòa hợp nền Cổ và Tân-nhạc.

— Qui về một mối những lực-lượng có đủ thẩm-quyền về âm-nhạc.

— Xây dựng một quan-niệm phê-bình đứng đắn.

Nhiều người lười biếng vẫn nghĩ rằng chỉ có quan-niệm văn-nghệ của Cộng-sản mới nói đến phục-vụ. Chúng ta không quan-niệm phục - vụ một cách hẹp hòi theo kiểu người nghệ-sĩ là một công-cụ tuyên-truyền nhưng trên một định nghĩa rộng rãi, nghệ-thuật nào mà chẳng là phục - vụ ? Phục-vụ sự sống, phục - vụ con người, phục-vụ cho sự Tự-do cởi mở của xã-hội về một tương - lai tươi sáng đều là lý - tưởng tốt đẹp của văn - nghệ - sĩ. Người nghệ-sĩ nào mà chẳng ao-ước cảm-kích sôi-nổi được quần-chúng, được quần-chúng hưởng-ứng nhiệt liệt ? Hưởng - ứng còn có nghĩa là vinh - quang, là địa - vị, là lợi quyền trong lịch-sử nghệ-thuật hình như chưa bao giờ quần chúng hoan nghênh những tác-phẩm không nói lên được cái phần u-uẩn sâu xa, hoặc sức lớn mạnh, vươn lên của tâm hồn họ. Một số người hiện nay vẫn còn dựa theo những phong trào văn-nghệ của nước ngoài xem như là kim chỉ-nam để hoạt-động, mà quên hẳn cái thực-tại mà mình đang sống có những yêu cầu, những rung động khác hẳn.

Chúng ta đang dẫm hai chân trên thực-tại của xã-hội của ta, không thể nào đua đòi chắp cánh theo một số nghệ-sĩ ở những nước mà cơ-cấu khác hẳn với xứ sở chúng ta, ở những nước phú-túc, thái-bình, đã lâu đời độc-lập, thích sự đi lệch ra ngoài cuộc đời mà họ chán mứa và được một số người chán mứa nắm giữ ngọn bút phê-bình trong các tờ báo hết lời ca ngợi và loan ra khắp nơi xem như là tiếng nói chung của cả loài người.

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

XIN BẠN ĐỌC CHÚ Ý

Bức hình trong bài « Nổ súng để làm gì » của Phạm-Ngọc-Thảo, chúng tôi trích trong báo « *Témoignagne Chrétien* » do PIÊM vẽ.

★ Không nên ép buộc người ta phải cố gắng, mà phải khôn khéo khêu gợi cho người ta cố gắng, vì công cuộc giáo-hóa có làm được cho người ta ưng-thuận hợp-tác, mới là cuộc giáo-hóa chân thật và sâu xa.

★ Một trong những phương-thế hay nhất khiến người ta cố gắng là làm sao cho người ta nếm được cái khoái-lạc khi thấy tiến-bộ hiển-nhiên, và hơn nữa, khi thấy mình đã phục-vụ một cách đắc-lực.

TỔNG KẾT

cuộc phỏng-vấn văn-nghệ về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc

SÁU năm nghĩ đến, sáu tháng ngược xuôi, và nhắc-nhở, đợi chờ cũng trong 6 tháng, giờ người phụ-trách cuộc phỏng-vấn văn-nghệ đầu tiên của *Bách-Khoa* mới thở dài, nhẹ-nhõm.

Nợ — vì chẳng lẽ gọi là Duyên ? — nợ « Phỏng-vấn » mà sao như nợ « Tình». Chưa trả xong thì bứt-rứt, không yên ; đang trả thì vui vui, bực-bực ; mà trả rồi, thì ...

Vài con số và kết-quả thực-tế

— Bắt đầu phỏng-vấn : **15-11-1958.**

— Số người đã phỏng-vấn từ ngày đầu là : **60**, và tới ngày ngưng cuộc phỏng-vấn (15-11-59) là : **72.**

— Số người trả lời : **42**, tức là : **58,32 %.**

— Số người tự-động trả lời : **4.**

Tới đây, chúng tôi thấy cần đi vào chi-tiết ở ba điểm sau này, nên xin bạn đọc cho phép chúng tôi dài dòng, và đi ngược từ dưới lên trên :

— *Số người tự-động trả lời* đều là độc-giả lâu năm của Bách-Khoa cả, gần như ở ngay Sàigòn, xa như ở bến Hàn-Giang (xứ Quảng), cách biệt như ở ngoài Côn-Đảo, và đều đã từng dạy học, viết văn, làm báo.

— *Trong số 30 người không trả lời :*

— từ chối : 3,

— làm thinh : 1.

— hứa trả lời, nhưng không giữ được : 14.

— *Trong số 42 người đã trả lời*, lại có :

5 người không trả lời đúng vào các câu hỏi ;

9 người trả lời có... phân nửa, chỉ cho biết ý-kiến hoặc về truyện nước người, hoặc về truyện nước nhà, hoặc về truyện chẳng... biết của người nước nào, tên gì, và được đọc hồi nào, ở đâu.

Trên đây là để cho bạn đọc thấy rõ kết-quả thực-tế của cuộc phỏng-vấn, chớ riêng Bách-Khoa, cũng như người phụ-trách cuộc phỏng-vấn này, nhận được cái gì của quí vị, quí bạn mình đã quấy-rầy — dù đó chỉ là lời chỉ-trích — là đã sung-sướng lắm rồi...

Nhưng đây lại là chuyện khác. Vậy xin trở lại những truyện nào, của ai, được cho là hay nhất hoặc được thích nhất.

Kết-quả thật sự

I.— Truyện ngắn Việt được phần đông học-giả, nhà-văn, nghệ-sĩ, nhà báo, nhà giáo ưa thích nhất :

Ba con cáo, Rừng mắm của *Bình-Nguyên-Lộc*.

Anh phải sống, Đợi-chờ của *Khái-Hưng*.

Sống chết mặc bây ! của *Phạm-Duy-Tốn*.

Con thân-lằn chọn nghiệp của *Hồ-Hữu-Tường*.

II.— Lí-do

Ba con cáo :

— văn bình-dị, nhẹ-nhàng ;

— nêu một kiếp sống của đôi hạng người đặc-biệt của xã-hội ngày nay ;

— có sức truyền-cảm khá mạnh.

— chất sống và chất chết xen lẫn vào nhau.

— xót-xa, chua-chát như cuộc đời.

— một bức tranh xã-hội giờ đây, ánh sáng, âm-thanh, màu sắc không nhiều, mà bóng tối thì dày đặc.

Rừng mắm :

— văn nhẹ-nhàng, tự-nhiên, lại dùng toàn những tiếng đặc-biệt miền Nam.

— nhiều chi-tiết về tâm-lí khéo và đúng.

— ý-nghĩa tượng-trưng rất đúng và rất đẹp : lòng hi-sinh, can-đảm, nhẫn-nại của các thế-hệ tiên-phuông trong cuộc Nam-tiến của dân-tộc, khiến những ai đang ở trong cảnh làm kẻ vô danh trong các công cuộc khai đường mở lối hay đang ở phương xa vọng về miền Nam nước Việt mến yêu, càng thêm thấm-thía...

Anh phải sống :

— văn giản-dị, trong sáng ;

— cốt truyện cảm-động, khéo dắt dẫn ;

— thu được một góc trời xã-hội.

— sự hi-sinh không bờ bến của người mẹ.

— cái chết đau thương của vai chánh trong truyện..., cái chết bi thảm của người sáng-tác nó trong trường-hợp nghẹn-ngào...

Đợi-chờ :

— văn lưu-loát.

— đưa vào cõi mộng mơ, nhất là sau những khi cuộc đời hắt khói vào mình.

Sống chết mặc bây !

— mở kỉ-nguyên mới về lối văn gọn, sáng, động.

— tả một cách trung-thực cái xã-hội quan, dân khoảng ba mươi năm về trước.

— ghi một chế-độ cai-trị thời phong-kiến và thực-dân.

— biểu-hiện số phận chua xót của đám dân đen.

— đã rung-động sâu-xa người đọc, thời bấy giờ.

Con thần-lần chọn nghiệp.

— thấy con người « chánh-trị-gia và lí-thuyết-gia » của tác-giả có một tâm-hồn phong-phú.

— đặt một vấn-đề trọng-đại của thời buổi chúng ta : vấn-đề *Tự-do Chọn-lựa*, bao-hàm một triết-lí : triết-lí về : *Cứu-cánh* và *Phương-tiện*.

III.— Truyện ngắn ngoại-quốc được phần đông học-giả, nhà văn, nghệ-sĩ, nhà giáo, nhà báo ưa thích nhất :

Người lái sách, Amok, Ngõ hẻm dưới trăng. Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà của *Stefan Zweig* (Đức).

Mưa lúc rạng đông của *Constantin Paoustowski* (Nga).

Buổi học cuối cùng, Những vì sao của *Alphonse Daudet* (Pháp).

Lễ chúc phúc của *Lỗ-Tấn* (Trung-Hoa).

Mưa *của Somerset Maugham* (Anh).

IV.— Lí-do.

Người lái sách, Amok, Ngõ hẻm dưới trăng, Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà :

— dựng truyện tài-tình, tâm-lí nhân-vật rất là dị-kì, u-ẩn, nhân-vật thì phần ngoại cảnh được nhận-xét rất là tinh-tế, phần nội-tâm được phân-tích cực-kì tỉ-mỉ.

Mưa lúc rạng đông :

— có một cốt cách riêng.

— khung cảnh và tâm-tình nhân-vật đều mờ mờ như màn mưa bụi lúc rạng đông.

— chán-nản và uể-oải tiết ra chẳng rõ từ đâu, phủ vây lấy hai con người tình cờ gặp nhau trong khoảnh-khoắc để cùng mơ hồ đoán cuộc đời ai cũng dang-dở như đời mình mà buồn, thương gờn-gợn, và cái không-khí ấy phủ vây luôn người đọc.

Buổi học cuối cùng :

— văn giản-dị, nhẹ-nhàng.

— ý-nghĩa tế-nhị và cao-quí.

— để lại một dư-ba bi-hùng.

— tình yêu đất nước bất-diệt qua tình yêu tiếng mẹ thiêng-liêng.

Lễ chúc phúc :

— văn rất hàm-súc ;

— nhân-vật linh-động và « thật » vô cùng ;

— phản-ảnh cuộc đời rất trung-thật.

Mưa :

— cảnh rất là lê-thê ; còn tâm hồn quá ư phức-tạp.

— hồn đành thua xác.

— giữa một con đĩ bán thân cùng thể với một thầy tu mà tâm và hồn trụy-lạc, đáng ghê-tởm ai hơn ?

*

Và trước khi trình kết-quả thật-sự, chúng tôi xin đăng lại 4 câu hỏi của cuộc phỏng-vấn :

1.— *Từ xưa đến nay, trong những truyện ngắn Việt bạn đã đọc, truyện ngắn nào bạn cho là hay nhất, hoặc ưa thích nhất ?*

2.— *Lí-do chọn lựa.*

3.— *Từ trước đến nay, trong những truyện ngắn ngoại-quốc bạn đã đọc, truyện ngắn nào bạn cho là hay nhất, hoặc ưa thích nhất ?*

4.— *Lí-do chọn lựa ?*

Bốn câu hỏi, nhưng có thể rút lại còn hai.

Và luôn tiện, cúng xin ghi vào kết quả thật-sự này tới kết quả, tạm cho cái tên là

Kết-quả linh-tinh

A.— Nhà văn Việt được thích nhiều :

Bình - Nguyên - Lộc, Nguyễn - Tuân, Khái-Hưng, Nhất - Linh, Võ - Phiến, Thạch-Lam, Tô-Hoài, Vũ-Khắc-Khoan.

B.— Nhà văn ngoại-quốc được thích nhiều :

Guy de Maupassant (Pháp) *Alphonse Daudet* (Pháp).— *Dostoïevsky*, (Nga) *Stefan Zweig* (Đức) (1), *John Steinbeck* (Hoa-kỳ) *Somerset Maugham* (Anh).

*

Đôi lời phân-trần trước khi thử tìm vài nhận xét

Trước hơn ai hết, chúng tôi không bao giờ nuôi cái cao-vọng — mà cũng là cuồng-vọng — rằng : cuộc phỏng-vấn văn-nghệ này là

Một việc làm « *chu-toàn* », có một giá-trị « *vĩnh-viễn* », đem lại những kết-quả « *tuyệt-đối* » (2).

Phạm - vi một tạp - chí, sức của một người..., có điên-rồ lắm chúng tôi mới dám nghĩ đến những tĩnh-từ vừa kể. Huống hồ kết-quả có được như lòng mong muốn lúc bắt tay vào việc hay không, nào có phải chỉ do nơi một mình mình. Tiếp-xúc, giải-bày (đôi khi phải... thuyết-phục), nhắc-nhở, đợi chờ..., công việc nếu có mất chút công, nếu có tốn lắm thì-giờ, nếu có cần nhẫn-nại, nếu có phải rước lấy bực vào mình, thì người phụ-trách cuộc phỏng-vấn nào mà chẳng phải qua những đường cồ-điền ấy, nhưng mà còn trả-lời hay không (và đã trả lời, lại còn trả lời đúng những điều nhà báo hỏi), là hoàn-toàn thuộc ở các học-giả, nhà văn, nghệ-sĩ, nhà giáo, nhà báo đã nhận được thư hay lời phỏng-vấn.

Và giờ đây, cuộc phỏng-vấn đã kết-thúc, kết-quả cụ-thể, các bạn đã rõ rồi : *42 người trả lời trong số 72 người « bị » phỏng-vấn*, tính ra chỉ có 58,33%, hơn phân nửa chẳng bao nhiêu.

Thì những kết-quả thâu được, chúng chỉ có một ý - nghĩa rất là tương - đối, còn giá - trị của việc làm của chúng tôi — nếu may mà nó được công-luận cho có chút giá-trị gì (3) — nó chỉ là giá-trị một thời ; và do những kết-quả này mà thử tìm vài nhận xét, thì cái tánh-cách phiến-diện, thiếu sót, tránh sao cho khỏi.

Nhưng đã làm xong một việc, (đề qua bên sự thành, bại, dở, hay) tưởng người phụ-trách có bổn-phận trình-bày những điều nhận-xét, lượm thâu, thấy nghe, cảm nghĩ của mình ; có đem lại cho độc-giả chút gì không, hiện chưa dám biết, nhưng cầu được lời chỉ, dạy của những bạn Bách-Khoa để thêm kinh-nghiệm cho mình và cho những ai muốn làm một việc tương-tợ, điều này, vốn thiết-tha mong.

---

(1) Trước kia, chúng tôi cho Stefan Zweig và Vicki Baum là nhà văn Áo, nhưng nay nghĩ lại, hai nhà văn này đã viết bằng tiếng Đức, thì mặc dầu họ là người Áo, để họ vào gia-đình văn-nghệ Đức, phải hơn, cũng như chúng ta xem Phạm-Duy-Khiêm, Nguyễn-Mạnh-Tường là văn-sĩ Pháp vậy.

(2) Những chữ in xiên ở trong ngoặc kép vốn là của vài độc-giả mong-mỏi hoặc đòi hỏi ở việc làm của chúng tôi.

(3) Đã có một bạn chẳng những phủ-nhận giá-trị việc làm này mà còn gán cho một ý-nghĩa không hay.

Về truyện Việt

Qua những truyện được ưa thích nhất, chúng tôi thấy **các văn nghệ-sĩ chúng ta vốn nặng về tình-cảm, hoài-cổ và thích quay về quá-khứ, hướng về cuộc sống thực của xã-hội đương-thời cùng những đòi hỏi và mong muốn chính-đáng, thiết-tha của thời-đại.**

Lớp người vô danh kế tiếp nhau hi-sinh cho công cuộc khẩn hoang ở mút miền Nam nước Việt để thế-hệ sau được hưởng (*Rừng mắm*); bà mẹ bần-cùng chịu cho nước sông Hồng cuốn mất để bầy con dại khỏi mất mẹ lẫn cha (*Anh phải sống*); cảnh khổ — thời thực-dân phong-kiến — của đám dân đen dem mạng sống chống với tai trời ách nước đối với cảnh một ông quan vô trách-nhiệm, mặc ai sống chết, miễn mình chơi cho xong một ván tổ-tôm (*Sống chết mặc bây !*); một bộ mặt trái của thủ-đô ngày nay mà cuộc sống gay go đã khiến đôi hạng người sống trong bóng tối quên tình quên nghĩa mà trở mặt hại nhau (*Ba con cáo*); hiếu đạo một cách mù quáng, nông-cạn, tu hành vì một mục-đích thiển-cận, ích-kỉ để đến nỗi giết người, diệt mình, chỉ biết có Cứu-cánh mà chẳng cần Phương-tiện, nỗi khổ dằng-dặc của những tâm-hồn tìm chưa ra lối đem lại niềm an vui cho loài người còn chia với rẽ (*Con thằn-lằn chọn nghiệp*) : thật là những cảnh, những tình, những ý mạnh nét, đậm màu, khiến trí bạn, lòng tôi, nặng trĩu vì suy-tư, vì xúc-cảm.

Thì, một chút lãng-mạn của một chàng trai dư-giả cứ năm năm đến độ xuân về, là phóng ngựa đợi chờ một tà áo bướm lạc vào vườn mình một buổi nao, và vui miệng hẹn mùa cam chín. năm sau, sẽ trở lại... (*Đợi-chờ*), âu cũng là một cơn gió thoảng hay hay... (4)

Còn

Về truyện ngoại-quốc,

thì sự ưa thích của các vị, các bạn trả lời cho chúng tôi cảm-tưởng này : văn-nghệ-sĩ chúng ta có lẽ say mê cái kỹ - thuật dựng truyện, tả người, gợi cảnh, mổ xẻ những tâm-lý dị-kỳ, phơi bày tâm-trạng u-ẩn của các văn-nhân phương Tây (Stefan Zweig : *Người lái sách, Amok, Ngõ hẻm dưới trăng, Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà* ; Constantin Paoustovski : *Mưa lúc rạng đông* ; Somerset Maugham : *Mưa*) hơn là chú-ý đến một mối tình (tình yêu nước trong *Buổi học cuối cùng*) hay thân-phận của một người thường (người đàn bà quê mùa trong *Lễ chúc phúc*).

Phải chăng — nếu hai nhận xét trên đây không đến dỗi sai — đó cũng là một cách bồ-túc ý-kiến trong việc thưởng-thức truyện : phần chứa đựng phải thế nào, phần kỹ-thuật phải ra sao, mới thỏa-mãn hoàn-toàn người đọc.

*

Những vấn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Tình-cờ mà số vấn-đề, câu hỏi lại là hai con số trùng nhau : 55. Và trong số 55 vấn-đề, câu hỏi này, có *8 câu thuộc về danh-từ, 14 câu thuộc về hình-thức, 33 câu về nội-dung.*

---

(4) Tưởng cũng nên ghi thêm : có 4 nhà văn thích truyện cổ-tích nước nhà (Trầu-Cau, Từ-Thức, Trương-Chi, Con Tấm con Cám).

Tuy những câu hỏi, những vấn-đề này đều do những bài trả lời cuộc phỏng-vấn mà có, chúng tôi thấy chúng cần được giải-quyết, bàn cãi. . Bạn đọc đã góp khá nhiều ý-kiến, hoặc bằng thư, hoặc bằng lời. Có những câu đã được trả lời ngay, có những vấn-đề cần phải khảo-xét thêm, và có khi phải đề một bài riêng cho mỗi vấn-đề mới mong giải-quyết thỏa-đáng được, lại có những vấn-đề chót mới vừa nêu trong số 72, bạn đọc chưa có thì giờ cho ý-kiến.

Vì thế, chúng tôi xin có một bài riêng ở số sau, trong đó chúng tôi xếp lại theo loại, trả lời những câu hỏi nào đã được giải-đáp một cách có thể cho là đầy-đủ, còn những câu hỏi, vấn-đề chưa thể giải-đáp được, thì một lần nữa, xin chờ ý-kiến các bạn.

Giờ đây, nhìn lại...

Trước khi bắt đầu đăng bài trả lời đầu tiên, chúng tôi có « Lời nói đầu » (B. K. số 58, 1-ó-1959), trong đó có đoạn :

«... giờ thấu rõ nguyên-nhân và mục-
« đích việc làm của chúng tôi mà vui lòng
« cầm bút, mở lời. Đề cuộc phỏng-vấn
« này được kết-quả mong chờ : tất cả
« những nhà văn đều trả lời cặn-kẽ,
« thành thật thì chúng tôi tin rằng :

« *Những ý-kiến, cảm-nghĩ, nhận-xét*
« *của các vị, các bạn, đứng tuổi hay trẻ-*
« *trung, chuyên một lối đi, hay hoạt-động*
« *trong nhiều ngành, những điều phát-*
« *biểu giống nhau, khác nhau, chống*
« *nhau, bổ-túc cho nhau ấy, sẽ giúp nhiều*
« *cho những ai lo âu về hiện-tình văn-*
« *nghệ nước nhà được thấy trong ngôi*
« *vườn — mà ngàn hoa chẳng che sắc*
« *giấu hương — một nguồn tin-tưởng ở*
« *Ngày Mai, một hướng đi lên của văn-*
« *nghệ nước nhà mà dường như còn đang*
« *tìm ngõ... »*

Tuy có đến 30 người không vui lòng hưởng-ứng trong số 72 người mà chúng tôi đã tiếp-xúc, và tuy trong số 42 người trả lời, có những người chỉ trả lời phân nửa hay cố ý nói ngoài đề, chúng tôi cũng đã cố tổng-kết những nhận xét của mình qua những ý-kiến thâu-thập được mà thử tìm cái « hướng đi lên của văn-nghệ nước nhà ».

Và như thế, tưởng cũng góp phần nào để trả lời câu hỏi đặt từ lâu :

« *Người làm văn-nghệ của dân-tộc Việt, bạn định đi về đâu ?* »

Trên đây là hai việc sâu-xa, lâu dài, có tánh-cách chung.

Còn riêng về điều tha-thiết của kẻ phụ-trách cuộc phỏng-vấn, thì đã toại nguyện : các ý-kiến phát-biểu đã giúp rất nhiều trong việc chọn « *một số truyện ngắn mình cho là hay, là tiêu-biểu của nước Việt mình* », và chỉ còn mong gặp dịp là nhờ các truyện trên mà « *làm cho thế-giới hiểu dân-tộc Việt mình rõ hơn, đúng hơn : phong-tục, nếp sống, tâm-hồn, tư-tưởng, nỗi khổ, niềm vui, băn-khoăn, ước-nguyện...* »

Chúng tôi xin cảm tạ những học-giả, nhà văn, nghệ-sĩ, nhà báo, nhà giáo đã trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ này để giúp chúng tôi hoàn thành một công việc ấp-ủ từ lâu...

Tiếp theo lời cám ơn, là lời xin lỗi.

Chúng tôi có *nói* trong « Lời nói đầu », ở đoạn cuối :

« *Một mực tôn-trọng ý-kiến của các vị, các bạn đã sẵn lòng hưởng-ứng, chúng tôi xin đăng nguyên-văn bài nhận được, chỉ bỏ lại những đoạn xét có tánh-cách*

riêng tư (vì lắm bạn đã dùng hình - thức thư-từ). *Có gì cần góp ý hoặc làm sáng, tỏ, rõ thêm, chúng tôi sẽ có lời chú-thích* » (5).

Tiếc rằng ý - muốn trên đây của người phụ-trách cuộc phỏng-vấn lại gặp những trở-ngại bất-ngờ, nên đôi khi, ở phần tiểu-sử cũng như trong bài trả lời, in lên mặt báo không trọn - vẹn như tác - giả và như chúng tôi mong muốn. Tuy không phải lỗi nơi mình, chúng tôi cũng xin các vị, các bạn gặp trường-hợp trên thông-cảm cho mà chẳng phiền lâu, và tiện đây chúng tôi xin 46 bạn đã trả lời cho chúng tôi được phép công-bố nay mai trong một tập sách nhỏ, để vừa giữ một kỷ-niệm, vừa chuộc lại chỗ « nhận mười mà trả lại chẳng đầy mươi ».

Giờ, xin nhường lời cho bạn đọc.

Bạn đọc góp ý, phẩm-bình...

Có bạn *trách cuộc phỏng-vấn « lê-thê »*, đến sáu tháng trời mới dứt. Thật ra đăng báo chỉ có 14 kì. Nhưng chẳng lẽ chúng tôi chỉ hỏi độ mười người, khi muốn làm một cuộc phỏng-vấn văn-nghệ có phần sâu, rộng.

Ngược lại, có bạn *phàn-nàn sao chấm dứt sớm vậy*. Mới có 42 nhà văn... tham-gia, và 4 độc - giả hưởng - ứng ! Hỏi 72 người, con số đó có thể tạm cho là đủ, nhưng còn 30 người chưa trả lời, sao không chờ họ... Xin thưa rằng chúng tôi đã cố hết sức mình : với người nào, ít nhất chúng tôi cũng đã tiếp xúc 3 lần — trực-tiếp bằng lời hay gián-tiếp bằng thư — và với vị nào, chúng tôi cũng hỏi ít nhất là sáu tháng trước khi ngưng cuộc phỏng-vấn ; chúng tôi cũng đã có lời nhắn chung trên báo, và gởi thư riêng để « quấy rầy lần chót », trong đó chúng tôi có yêu-cầu nếu chẳng vui lòng góp ý cũng xin cho biết vì sao, để chúng tôi rút kinh - nghiệm, thì sau 30 bức thư gởi đi, chúng tôi chỉ nhận được có một bức trả lời.

Có bạn — vào giờ chót — rầy chúng tôi sao lại hỏi những người không ai biết, hoặc hỏi những người mà bạn ấy cho là còn kém xa những nhà văn nọ, mà sao chúng tôi lại « bỏ rơi » những nhà văn này.

Xin các bạn ấy hiểu cho rằng trong bất cứ việc gì, khó mà làm vừa lòng mọi người. Trong lời nói đầu, chúng tôi đã trình-bày khá rõ : chúng tôi « làm rộn các vị trong các ngành văn, ngành giáo, ngành báo, cùng vài ngành hoạt-động của mỹ-thuật, chúng tôi hỏi những vị có tuổi có danh từ lâu cũng như những bạn vừa « vào làng ». Huống chi « đánh giá »người đương thời với mình thì sự trái ngược vẫn là điều thường thấy. Bạn có thể cho nhà thơ nọ đáng « làm thầy » nhà văn nọ, nhưng tôi có thể có ý-kiến không giống bạn, cũng như nhà thơ mà bạn « suy-tôn », nếu rõ, có lẽ cũng sẽ cau mày. Lại nữa, khi phỏng-vấn một người nào, chúng tôi nhắm vài khía cạnh mà bạn không quan-tâm hay là cho không quan-trọng.

Vả lại, trong số 12 người chúng tôi phỏng-vấn sau khi đã đăng « Lời nói đầu » — mà chúng tôi chẳng được đọc bài trả lời nào — biết đâu chẳng có người mà

(5) Nhân làm việc chú-thích, chúng tôi xin nêu một ước - mong : sách tái - bản, xin in năm sách xuất-bản, và những kỳ tái-bản trước, nếu có: điều nhỏ-nhặt này giúp ích nhiều cho những người vì nhiều lý-do mà muốn biết tác-phẩm ấy chào đời lúc nào, đã được tái-bản mấy lần, vào năm nào...

bạn cho là đã bị « bỏ rơi » ? Có bạn hỏi đáng lý phải phỏng-vấn các hạng người chuyên thưởng-thức mà thôi : sinh-viên, học-sinh, công, tư-chức, chiêu-đãi-viên... Như thế kết-quả mới « nói » nhiều và « đúng » : tỉ như ta muốn biết thứ bánh nào được cho là ngon nhất, thì ta phải hỏi những người ăn bánh, chớ sao lại hỏi những người làm bánh ?

Ý-kiến của bạn này rất đúng. Nhưng đối-tượng chúng tôi nhắm lại khác. Phải chi chúng tôi định biết những truyện mà các người đọc—chỉ có đọc thôi, chớ chẳng hề viết — cho là hay nhất, hoặc thích nhất thì chúng tôi sẽ phỏng - vấn theo ý bạn ấy, nhưng đây, chúng tôi muốn biết những truyện hay do một số học-giả, nhà văn, nghệ-sĩ, nhà giáo, nhà báo cho là hay nhất hoặc ưa thích nhất. Vả lại, các vị này tuy là « làm bánh » đấy, nhưng cũng « ăn bánh » như ai.

Có bạn bảo : « Khi cầm lấy bút, ai không cho mình viết thì phải khác, phải hay hơn thiên-hạ ; chớ viết như thiên-hạ, thì viết làm chi, thà đi bửa củi. Tôi có thể cho truyện tôi viết là hay nhất, song chả nhẽ lại tuyên-bố thế trên giấy trắng mực đen. Đành là cho truyện người khác là hay nhất. Như thế là mình không thành thật với mình. Vậy nếu anh mà có hỏi tôi đi nữa, thì tôi đành phụ anh để khỏi phụ mình. »

Chúng tôi nghĩ : với những vị, những bạn cùng chia quan-niệm của anh bạn trên đây, thì ví phỏng các vị, các bạn này mà không vui lòng hưởng-ứng cuộc phỏng-vấn của chúng tôi, âu cũng là một điều dễ hiểu, và thái-độ trên đây thật là chí-lí vậy.

Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn xin để các bạn kết-luận.

Có bạn đề-nghị nên lục đăng các truyện Việt, và dịch đăng những truyện ngoại-quốc được các nhà văn, nhà báo, nhà giáo cho là hay nhất hoặc ưa thích nhất : có lắm truyện chưa từng đọc, có lắm truyện đọc từ lâu mà nay muốn đọc lại nhưng khó tìm. Đề-nghị trên đây rất chính-đáng. Tiếc vì phạm-vi một tờ báo nửa tháng mới ra một kỳ, không cho phép chúng tôi thực-hiện ngay điều này được (6).

Có vài bạn thân tỏ ý biết vì sao một số khá đông nhà văn đã có hứa hẹn mà không thể giữ lời, và vài vị đã chối từ hay lẳng lặng làm thinh. Ngoài cái tò-mò chánh-đáng của các bạn còn có lý-do : rút kinh-nghiệm cho mình khi định làm một công-cuộc tương-tự. Nghĩ rằng các bạn ấy có lý, và nghĩ rằng đối với độc-giả Bách-Khoa đã từng theo dõi cuộc phỏng-vấn văn-nghệ đầu tiên này, đó là gần như một bổn phận, nên giờ chúng tôi xin trả lời *ở đây* :

— để qua bên cái « lý-do thời-giờ và quên bẳng » (chúng tôi đã hỏi từ 6 tháng đến 1 năm và thường nhắc-nhở), còn có cái lý-do sức khỏe, cái lý-do vào giờ chót bận những việc quan-trọng hơn, rắc-rối hơn ; thêm vào hai cái « lý-do cổ-điển » ấy, còn có «lý-do ngại-ngùng» : ngại-ngùng mình nói

(6) Bách-Khoa có dịch một truyện ngoại-quốc được thích: *Trong đồng hoang* của M. Gorki (số 66) và đăng 7 truyện Việt được thích nhất : *Hồn ma cũ* (số 4) *Ba con cáo* (số 25-26) *Rừng mắm* (số 36) của Bình-Nguyên-Lộc, *Dung* (số 11) của Võ-Phiến, *Miếng thịt vịt* (số 33) của Vũ-Hạnh, *Con ngựa hai chân* (số 62), *Ngôi sao xa* (số 68) của Phan-Du.

không cạn ý, viết không hết lời, ngại-ngùng bị hiểu lầm cũng nên ; thấy rằng vấn-đề đặt ra nó không cần-thiết, nó có vẻ bông-lông ; lại còn cái « chỗ đứng » của mình, và cái « tình riêng » đối với « Bách-Khoa », đối với người phụ-trách cuộc phỏng-vấn bao điều đó cũng đóng một vai trò trong thái-độ của 30 vị không hưởng-ứng (mà tiếc rằng chẳng chịu nói vì sao.

Người phụ-trách chỉ còn tự an-ủi : cái nghĩa chung của công việc, cái tình riêng của chính mình đã không đem lại cái kết-quả hoàn-toàn như trí, như lòng mình mong mỏi, thì hoặc là :

« *Chút tình Phỏng-vấn từ đây xin chừa...* »

hay

« *Thì xin nhắn gởi : còn nhiều... chuyến sau...* »

Có bạn không bằng lòng vài vị đã trả lời ngoài đề, lấy làm lạ sao nhà văn này lại thích truyện viết cho... trẻ con, nghệ-thuật chẳng có gì, sao nhà-giáo nọ lại coi thường truyện nước nhà hay quá đề cao các nhà văn nước ngoài...

Chúng tôi nghĩ đó là quyền của người « bị » phỏng-vấn : điều cốt-yếu, là người trả lời thành-thật, thành-thật với chính họ. Vả lại, đã vui lòng hưởng-ứng, thì dù có trả lời quanh-co, phân-nửa, nói xa nói gần, mỉa-mai, bắt-bẻ, cợt đùa đi nữa, thì cũng

Từ năm CHUỘT 1960, sẽ lần lượt ra :

20 truyện ngắn Việt hay nhất

(chọn theo cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn của tạp-chí BÁCH-KHOA năm 1959)

do NGUIỄN-NGU-Í *trình bày*

PHỤ : Ý-kiến trọn vẹn của 47 học-giả, văn-gia, nghệ-sĩ, nhà báo, nhà giáo đã hưởng-ứng cuộc phỏng-vấn nói trên.

(Bản dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh sẽ được xuất-bản ở 2 nước này, sau khi bản tiếng Việt được xuất-bản ở nước nhà).

★

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

TIỂU-THUYẾT TÂM-LÍ

của NGUIỄN-NGU-Í

(Một cô giáo luống tuổi xinh xinh, một chàng trai góa vợ, hai cuộc đời sao lại dính liền nhau..., và đâu đây, lẳng-vẳng bóng hình một người không còn nữa...).

cho người đọc hiểu thêm người đã trả lời : không được thấy ý, không được thấu tình, thì cũng rõ một thái-độ, cũng biết một giọng văn.

Nghĩa là người trả lời cũng « đã nói » một cái gì, và chúng ta, người đọc, chúng ta cũng « đã được » một chút chi.

*

Chẳng biết đọc đến đây, các bạn có thấy hài lòng chưa, còn người phụ-trách viết tới đây thấy mình đã trả xong cái... « Nợ » phỏng-vấn. Nợ trả xong, nhưng còn canh-cánh hai điều :

— Một là làm thế nào đây để cảm-ơn lòng sốt-sắng nồng-nàn của những vị đã hưởng-ứng việc làm của chúng tôi bằng bài phúc-đáp, bằng thư góp ý, bằng lời chỉ bảo...

— Hai là tới giờ, trước lời khen của một bạn đồng nghiệp ở Huế trên báo « Rạng-Đông », cho việc làm của chúng tôi là một « hành-động ái-quốc », và trước lời buộc tội của một bạn đọc ở Sài-Gòn, học-sinh trường trung-học Chu-Văn-An, bảo chúng tôi đã tỏ ra « đố kỵ » trong cuộc phỏng-vấn này, đã làm một việc « bán-buôn », trước hai ý-kiến « thái-cực » ấy, tới giờ đây, chúng tôi chẳng biết có nên mượn lời của một nhân-vật của Racine trong bi-kịch Britanniens mà tỏ thái-độ mình :

« . . . . . *tôi không xứng đáng với*
« *Cái danh-dự thái-quá đó, cũng như*
« *với cái hèn-hạ thế này đây.* »

(. . . . . je n'ai mérité
Ni cet excès d'honneur, ni cette indignité.)

Xóm Gà Bà-Chiểu, 1-1-1960

NGUIỄN - NGU -

---

* Tâm-hồn người ta rất phức-tạp. Nó là chiến-trường của những khuynh-hướng phiền toái xung-đột nhau, sửa chữa cho nhau và bài trừ lẫn nhau. Công việc của người lãnh-đạo là phải làm sao khám phá được ra những khuynh-hướng cao-thượng tiềm ẩn trong tận đáy tâm-hồn của mỗi người và bài trừ được bản-năng làm biếng và sợ hãi của họ.

* « *Anh đừng xua đuổi con người khí-phách ở trong tâm-hồn anh* », đó là câu Nietzche khuyên bảo một người ngỏ ý muốn được xứng đáng là một người., Trong mỗi người, bất luận ai, đều có một ngọn lửa, một ngòi bấc cháy. Người lãnh-đạo phải biết giao phó hoặc hạn-chế công việc tùy theo khí-phách tiềm-ẩn trong tâm-hồn của mỗi người dưới quyền.

Xuân giang Hoa Nguyệt dạ

Xuân giang triều thủy liên hải bình
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh
Diễm diễm tùy ba thiên - vạn lý
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh.

Giang lưu uyển chuyển nhiễu phương điện
Nguyệt chiếu hoa lâm giai như tiễn
Không lý lưu sương bất giác phi
Giang thượng bạch sa khan bất kiến

Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần
Hạo hạo không trung cô nguyệt luân
Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt ?
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân ?

Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân
Đãn kiến tràng giang chiếu lưu-thủy

Bạch vân nhứt phiến khứ du du
Thanh phong phố thượng bất thăng sầu
Thùy gia kim dạ biên Chu tử
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu

Khả liên lâu thượng nguyệt bồi hồi
Ưng chiếu ly nhân trang kính đài
Ngọc hộ liêm trung quyền bất khứ
Đảo y chăm thượng phất hoàn lai

Thử thời tương vọng bất tương vãn
Nguyện trục nguyệt hoa lưu chiếu quân
Hồng nhạn trường phi quang bất độ
Ngư long tiềm dược thủy thành văn

Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa
Khả liên xuân bán bất hoàn gia
Giang thủy lưu xuân khứ dục tận
Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà

Tà nguyệt trầm trầm tàng hải vụ
Kiệt-thạch tiêu tương vô hạn lộ
Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân quy ?
Lạc nguyệt đao tình mãn giang thụ.

TRƯƠNG-NHƯỢC-HƯ

DỊCH

Xuân giang Hoa Nguyệt dạ

Sông xuân mặt bể mênh-mang
Triều dâng bát-ngát trăng vàng nhô cao
Sông lan muôn dặm dạt dào
Sông xuân hỏi có nơi nào không trăng ?

Sông trôi quanh quất bên rừng
Ngàn hoa trăng sáng ngỡ vừng tuyết vơi.
Sương vương nhè-nhẹ phương trời
Đôi bờ cát trắng trông vời thấy đâu !

Trời sông sanh ngắt một màu
Trên không có bóng trăng sầu lẻ-loi
Ban đầu thấy nguyệt hỏi ai
Từ năm nào nhỉ ? Nguyệt soi chiếu người

Cuộc đời vô tận trôi suôi
Năm năm trăng vẫn sáng ngời sông xanh
Nào ai trăng chiếu long-lanh ?
Mà sông trăng chiếu mông mênh một dòng.

Một làn mây trắng trên không
Hàng phong bến vắng cho lòng thương thương...
Thuyền ai một chiếc đêm sương
Nơi nào ? Mong nhớ nguyệt vương bên lầu

Lầu cao có ánh trăng thâu
Lòng người ly phụ đêm rầu-rĩ đêm
Cuốn rèm trăng vẫn còn nguyên
Phải bàn, trăng vẫn nỗi niềm mang mang.

Nhớ chàng xao-xuyến canh-trường
Muốn theo trăng đến nơi chàng đêm nay
Chim bay trăng sáng còn đầy
Cả bơi gợn nước buồn lay lắt buồn

Đêm qua hoa rụng bên nguồn
Nửa xuân ngán nỗi thân còn xa quê
Tràng-giang nước chảy xuân đi
Vầng trăng cô-quạnh nghiêng về non Tây.

Trăng mờ lớp lớp sương bay
Tiêu tương Kiệt-Thạch dưởng mây xa vời
Nương trăng về đã mấy người
Ngàn cây heo hắt trăng rơi lạnh lùng.

TRẦN-THI-KHANH *dịch*



CÁI BONG BÓNG LỢN

• PHAN-VĂN-TẠO

Đã có một thời-gian, tôi không thể quan-niệm rằng tôi có thể ăn Tết mà không có một cái bong bóng lợn. Đó là những năm tôi còn nhỏ, đi học ở một tỉnh xa nhà và Tết đến thì được trở về làng với gia-đình. Ở thời đó, những hình-thức thưởng xuân chưa bị giản-dị-hóa đến mực độ làm nông cạn cả ý nghĩa của Tết như bây giờ. Thầy tôi thì bắt buộc phải có giò thủy-tiên, mẹ tôi thì bắt buộc phải có nồi nước nóng lá mùi để tắm gội, và tôi thì bắt buộc phải có cái bong bóng lợn, đúng cái bong bóng của con lợn nhà giết để ăn Tết.

Nói đến giết lợn ăn Tết, là nói đến cả một nghi-thức nhịp nhàng như một bản hợp-tấu do chính thầy tôi chỉ-huy vững vàng như một nhạc-trưởng.

Tết nào cũng vậy, đúng năm giờ sáng hôm ba mươi, sau khi kéo xong điếu

thuốc lào thường lệ, là thầy tôi tiến ra phia chuồng lợn với bác Nhiêu Cầu. Bác Nhiêu giúp việc cho gia-đình tôi đã trên mười lăm năm, và đã trên mười lăm cái Tết rồi, cứ đến ngày ba mươi tháng chạp thì bác lại diễn lại đúng như từng nấy cử chỉ. Bác cầm một cái thòng-lọng làm bằng cây tre, một đầu để nguyên, một đầu đánh dập ra rồi tết lại thành một nút như con số 9. Bác dồn lợn vào một góc chuồng, lùa thòng-lọng qua đầu và một chân trước của lợn, dật mạnh rồi nhấc lợn ra khỏi chuồng, dáng điệu vừa gọn vừa «sang». Lợn được mang ra bên bờ ao, đặt trên một cái chõng tre, dưới có một cái sanh đồng để hứng tiết. Một nồi lớn nước sôi được bưng ra, và chỉ một loáng một con lợn trắng hếu đã nằm tênh hênh trên chõng, vết thương ở cổ còn rỉ máu, mặt ngửa lên trời, mắt nhắm nghiền. Phải nhìn cái lúc con lợn được mổ xẻ, chia cắt mới có thể thấy rõ được thế nào là một sự phân-phối hợp-lý theo nhu-cầu.Cái thủ và bộ lòng thì để cúng trưa ba mươi, khoanh bì tức là cái cổ thì để nấu ninh với măng khô, cái lưng nạc để gói giò lụa, cái bụng ba chỉ gói giò mỡ và làm nhân bánh chưng, mông đem làm nem, lá mỡ đem rán bỏ vào một cái liễn dùng cả tháng Giêng, chân giò để cúng miếu Thổ-Thần và nấu giả cầy.

Có một điều tôi lấy làm lạ nhất, là vai trò của mẹ tôi trong tất cả những sự liệu lý nhộn nhịp đó. Ngày thường, công việc bếp nước do mẹ tôi chỉ huy suốt năm với một thứ oai quyền không ai cưỡng lại được, thế mà đến hôm ba mươi bị thầy tôi giành lại một cách thật là bất ngờ và thật là êm đềm. Trong khi thầy tôi cắt đặt người gói bánh chưng, người giã giò, người làm nem, người luộc lợn, thì mẹ tôi với một dáng điệu khiêm-tốn đến mực âm thầm, lúi húi ngồi lau mấy cái lá chuối hay cầm cái rây rây thính. Tết có cái gì thiêng-liêng đến nỗi mẹ tôi phải trả lại quyền hành cho thầy tôi một cách không va chạm như vậy ?

Tuy vậy tất cả những sự-kiện trên đối với tôi chỉ quan-trọng một cách vừa phải — Phút chủ yếu là lúc Bác Nhiêu Cầu thích lưỡi dao nhọn hoắt vào bụng dưới con lợn, lách một bàn tay thành thạo xuống dưới bộ lòng vừa mới xổ tung, rút ra một cái túi mầu trắng đục, lớn gần bằng bàn tay của tôi, rồi cầm giơ cao lên giời. Tất cả những người có mặt reo to lên : « Bong bóng » ! Tôi đánh đu lên cánh tay bác, cố níu xuống để lấy cái túi đó. Bác lại vươn tay lên kéo dài sự đẳng vật để tăng sự kích-thích của tôi, chán chê rồi mới cho tôi hẳn. Tôi nắm chặt cái bong bóng vào trong lòng bàn tay như bắt được một của qui. Những ai không say mê thì không thể nào hiểu nổi cái lý-do say mê của kẻ khác. Tôi chắc có người cho rằng cái bong bóng lợn thì quý hóa gì mà thèm khát nâng niu đến thế ? Giảng làm sao cho người đó hiểu được đây ? Tôi chỉ biết đối với tuổi tôi khi đó, cái bong bóng lợn không phải chỉ là một đồ chơi kỳ-diệu trong mấy ngày Tết, nó còn có ý-nghĩa hơn thế nhiều. Cả một con lợn mà cả nhà trịnh trọng giết để ăn Tết, chỉ có một cái bong bóng. Phải là đứa trẻ được thương yêu nhất nhà mới được chơi cái bong bóng đó. Thành ra việc mình được cái bong bóng

có một cái giá-trị tinh-thần đặc-biệt : đó là một sự thừa-nhận long-trọng, một năm một lần, cái địa-vị khác thường của mình trong lòng thương của gia-đình. Cái ngày mà mình bị coi là lớn không được chơi bong bóng lợn nữa, cũng là cái ngày mà lòng thương của gia-đình tìm thấy một trọng-tâm mới.

Cái bong bóng lợn mới lấy ra, thì hãy còn nhầy nhụa những mỡ, những miếng bạc nhạc. Công việc đầu tiên là phải làm sạch bong bóng đã. Tôi chạy vào bếp lấy ra một ít gio rồi chọn một miếng đất nhẵn, đặt bong bóng xuống, phủ gio lên, xong lấy chân nhẹ đi cho gio tuốt lấy mỡ. Sau đó tôi vò khe khẽ bằng tay, rồi rửa nước thật kỹ cho bong bóng sạch hẳn — Còn vài cái sơ lửa lửa như mấy sợi râu, tôi bóc nốt cho thật nhẵn nhụi.

Bây giờ đến công việc thổi bong bóng— Tôi lấy cái xe điếu của thầy tôi, luồn một đầu vào cuống bong bóng, buộc một cuộng rơm cho cuống bóng thật sát với đầu xe điếu, rồi phùng má trợn mắt lên thổi. Mặt tôi đỏ gay lên, mắt như muốn lồi ra ngoài (Mẹ tôi bảo thế) mà bong bóng vẫn chưa to. Tôi lại cầu-cứu đến bác Nhiêu Cầu và chỉ hai ba hơi, bác đã thổi bong bóng phình lên to bằng đầu tôi. Bác áp bóng vào tai tôi, lấy ngón tay búng hai ba tiếng kêu boong boong nghe quyến rũ lạ. Tôi lấy chỉ buộc cuống lại thật chặt, rút xe điếu ra, rồi chạy sang sân nhà thờ. Ở đấy, con ông Hội Chúc, em ông Lý-Sanh, con ông cả Chữ, cháu bà khán Bình đã chờ sẵn, và nhìn tôi mang bóng đến với một vẻ mặt hết sức khâm-phục. Chúng tôi đá trận banh tất-niên với một niềm say sưa khó tả, và khi nghỉ giải lao, chúng tôi được mẹ tôi mang cho một đĩa sôi, mấy cái đầu giò, và một đĩa lòng lợn. Tôi đố ai tìm thấy ở đâu một thứ lòng lợn ngon hơn.

Qua ba ngày Tết, thì quả bóng đã se mặt lại, nhem nhuốc cát bụi, và đã bắt đầu xuống hơi, đá không thấy thú nữa. Nhưng tôi đâu có chịu bỏ nó ngay ? Tôi đem rửa đi sạch sẽ, rồi cắt ra đem bưng lên trên cái đấu của mẹ tôi làm một cái mặt trống, hay đem bưng lên hai ống sữa bò rồi nối một sợi chỉ dài từ mặt nọ tới mặt kia làm ống điện-thoại. Biến hóa đi như thế, tôi còn chơi cái bong bóng được suốt cả tháng giêng — Và đến tháng hai, bác Nhiêu Cầu lại sang chợ Quỳnh-Côi, chọn một lợn con thật đẹp về vỗ trong tám tháng cho thật béo để đến ngày ba mươi Tết sẽ diễn lại những cử - chỉ cổ - truyền. Thành ra vừa khi cái bong bóng này hỏng, thì tôi đã được thấy ngay sự hứa hẹn của một cái bong bóng khác đang tiềm sinh trong lòng con lợn đang nuôi — chỉ một sự hứa hẹn đó đủ là thi-vị của cuộc đời.

Nhưng tôi càng lớn lên, tôi lại càng bị cạnh tranh ráo riết về vấn-đề bong bóng lợn. Số em tôi mỗi ngày một nhiều ra, và mỗi ngày chúng một thêm ý-thức về quyền-lợi của chúng. Càng gần đến Tết, mối tham-vọng của chúng càng phát hiện, và tôi càng thấy khó khăn trong sự bảo-vệ ưu thế của tôi. Cũng may mà bác Nhiêu Cầu đối với tôi còn nhiều tư-vị.

Tôi còn nhớ cái Tết mà tôi tranh được lần cuối cùng cái bong bóng lợn với các em tôi. Thật là vất vả ! Bác

Nhiêu Cầu vừa vật con lợn lên cái chõng tre bên bờ ao, thì thằng Cống, thằng Phùng, thằng Kim, thằng Ngân đã đứng chầu chờm chỗm như bốn con chó. Dáng chúng nó khiêu khích lạ — Chốc chốc thằng Cống lại lải nhải : « Anh được chơi nhiều rồi — Lần này là của chúng em ». Thằng Phùng phụ họa luôn « Anh lớn rồi phải nhường các em » — Mẹ bảo thế ». Nghe có tức không ! Nó lại lấy cả oai mẹ tôi mà khuynh loát tôi nữa — Tôi chỉ còn biết nhìn bác Nhiêu Cầu như van lơn và cũng hơi thấy hy-vọng một chút, khi thoáng bắt được ở nơi bác một tia mắt thông-cảm. Bác chăm chú làm lợn như không biết gì đến sự tranh chấp đang bao vây lấy bác. Khi bác lấy đến cỗ lòng thì mấy thằng em tôi mắt sáng lên, đầu cúi thấp xuống như chờ đợi sự xuất-hiện của vật đang mong chờ. Bác Nhiêu Cầu lùa tay vào trong bụng lợn, khua đi khua lại mấy lần rồi nói một cách rất thản-nhiên : « Ơ, con lợn này không có bong bóng ».



Mấy thằng em tôi xỉu ngay nét mặt, bán tín bán nghi — Tôi cũng thẫn-thờ cả người, nhưng bỗng thấy mắt bác nheo về phía tôi một cách đầy ý-nghĩa, tôi chợt hiểu ngay — Để đánh lạc dịch-thủ, tôi hất hàm về phía các em tôi và nói: « Nào tranh nhau nữa đi ! »

Chúng chưa chịu thua hẳn, cứ lẳng nhẳng đứng mãi bên con lợn, không chịu đi. Tôi nóng ruột không thể nào nói hết.

Cơm trưa xong, tôi mới tìm được cách đến gần bác Nhiêu Cầu mà không bị bọn em tôi theo dõi. Bác bới đống gio trong bếp, lấy ra một gói bọc lá chuối và trao cho tôi với một nụ cười ý nhị. Tôi nắn cái gói thấy một cái gì nhùn nhũn bên trong mà sung sướng tưởng chừng như muốn khóc — Tôi bỏ luôn vào túi chạy một mạch ra đến tận ao đình, mới giở gói lấy cái bong bóng ra — Phải, không là cái bong bóng

thì còn là cái gì nữa ! Tôi cọ, tôi kỳ, tôi vò, tôi rửa. Thỉnh-thoảng tôi lại ngậm vào cái cuống thổi thử xem. Khi cái bong bóng đã sạch rồi, tôi lại bỏ vào túi, tay nắm lấy khư khư và đi về nhà. Tôi chờ cho các em tôi đi ngủ hết mới lấy cái xe điếu của thầy tôi chạy ra ngồi bên đống rơm, lấy rơm buộc xe điếu vào cuống bóng rồi thổi... Bóng phình lên dần, lên dần... Tôi buộc chặc cuống lại, áp má tôi vào bong bóng một hồi lâu, rồi cứ ngồi cười một mình khi nghĩ đến mấy thằng em bị gạt. Gần tới giao-thừa, tôi mới đi ngủ, mang theo cả bong bóng lợn vào trong chăn. Đêm nằm chỉ mơ thấy đá bóng với thằng con ông Hội Chúc, thằng em ông Lý-Sanh, thằng cháu Bà khán Bình, thằng con ông cả Chữ.

Sáng mồng một, tôi trở dậy cứ thấy thầy tôi lúi húi tìm một cái gì. Chắc thầy tôi tìm đã lâu lắm rồi, xem dáng đã có vẻ hơi cáu. Vừa thấy mặt tôi thầy tôi hỏi « Mày có thấy cái xe điếu của tao đâu ? » Thôi chết rồi ! Cái xe điếu, cái xe điếu tôi thổi bong bóng đêm qua. Lúc tôi say mê quá trở vào nhà đã quên không mang xe điếu về trả thầy tôi.

Tôi chạy ra đống rơm, bới tung cả lên mà cũng không thấy xe điếu đâu. Chắc có ai sáng sớm ra rút rơm về đun bếp đã đun cả cái xe điếu rồi. Thầy tôi ngủ dậy mà không có điếu thuốc lào, thì không làm ăn gì được. Cả nhà quay ra đi tìm cái xe điếu, nhưng khi chính tôi mà không tìm thấy thì còn ai tìm thấy cho ra. Sáng mồng một Tết lại cũng chẳng mua đâu được xe điếu mới. Thầy tôi giận lắm nhưng vẫn cố nhịn không gắt sợ dông cả năm. Sau cùng thèm thuốc quá, thầy tôi lẳng lặng xé mấy tờ giấy đã viết rồi trong một quyển vở cũ rồi ngồi cuộn một cái xe điếu bằng giấy hút tạm. Khi thầy tôi nhả cái xe điếu mới chế ra này để thở khói, tôi nhìn thấy mực tím ở mấy trang giấy vừa cuộn lại đã thôi ra trên môi thầy tôi, tôi buồn cười quá mà không dám cười. Hình như cái điếu thuốc tạm bợ này không làm cho thầy tôi hài lòng. Thầy tôi quăng cái xe bằng giấy ra một bên rồi đưa mắt lườm tôi, hỏi một cách rất nghiêm nghị : « Mày lấy xe điếu của tao thổi bong bóng phải không ? » Tôi chưa biết trả lời ra sao thì ở giường bên, thằng Ngân, thằng em út cùng ngủ với tôi bây giờ mới trở dậy, lục sục ở trong chăn rồi kêu lên ; « Ơ, bắt được một cái bong bóng lợn ».

P. V. T.

★ Có thể kích-thích lòng tự-ái của mỗi người để phát-triển nỗ-lực của họ. Giáo-sĩ Kriffer nói : Kẻ thiếu lòng tự-ái, tự trọng thật đã tự bẻ gẫy chí phấn khởi của mình, tự hủy-diệt óc sáng-kiến của mình và trở thành những kẻ thụ-động, bất tài.

★ Quan-niệm cho rằng tiến-bộ có mục-đích giảm lần nỗ-lực của con người đi là quan-niệm sai lầm ; tiến-bộ có trở thành phương-tiện để phục-vụ đắc-lực hơn mới là tiến-bộ chính-đáng.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

THANH-NIÊN VIỆT-NAM NGÀY NAY

Dịch bài « Jeunesse Vietnamienne d'Aujourd'hui » của Linh-mục F. Parrel đăng trên « Bulletin de la Société des Missions étrangères de Paris » số 119 tháng 12-1958. Trong bài, dịch giả ghi thêm những tiêu-đề để người đọc dễ nhận.

L. M. PARREL
CÔ-LIÊU dịch

MỚI đây cha Gérard Gagnon, dòng Chúa - Cứu - Thế, người Gia-Nã-Đại, có trình-bày nhiều nhận xét sâu-sắc về « Thanh-niên hiện-đại » trong một buổi nói chuyện.

Cha Gagnon đứng trên bình - diện đại-quát để nhận-định. Nhân dịp này tôi muốn trình-bầy một thiên khảo-cứu riêng về thực-trạng của « Thanh - niên Việt - Nam ngày nay », thiết - tưởng cũng không phải là việc làm vô ích.

Cũng nên nói qua rằng bài này viết theo đại ý bài diễn - thuyết nói trên, và cũng thâu góp cả ý - kiến trong những cuộc thảo - luận giữa tôi và cha Gagnon. Cha Gagnon là một giáo-sư lại vừa là một nhà linh-giám được rất nhiều thanh-niên quý trọng, nên cha hiểu biết vấn-đề một cách sâu rộng.

Muốn hiểu biết thanh-niên Việt-Nam ngày nay, thiết-tưởng phải lui về quá khứ để phân-định những trào-lưu tư-tưởng đã khích-động phụ-huynh họ trước kia, mà họ không sao tránh được ảnh-hưởng. Trong Thánh kinh có câu : « Cha mẹ ăn nho xanh, con ghê răng. » Quả vậy, không ai cãi rằng ông cha ta và những tư-tưởng đã rung chuyển các ngài đều có ảnh-hưởng đến ta và quyết-định phần nào đời sống của ta. Ở nước nào cũng vậy, Việt-Nam cũng không thoát khỏi luật chung.

Muốn trình-bầy một tổng-hợp-đề về thanh-niên Việt-Nam trước hết phải một mặt phân tích những mặc-cảm của tâm-hồn người Việt-Nam, một mặt nghiên-cứu những luồng tư-tưởng đã để lại dấu vết trong tâm-hồn họ.

Muốn cho thiên khảo-cứu nầy có đôi

chút giá-trị, thiết tưởng cần phải nhận-định hết sức khách-quan, nói khác đi, phải làm công việc của một y-sĩ chẩn mạch con bệnh không bận tâm rằng sẽ làm vui lòng hay phật-ý họ. Bởi vì chỉ khi nào nhìn sự vật một cách vô-tư người ta mới có thể rút được ít nhiều điều hữu-ích khi kết-luận.

Sau khi đã đặt nguyên-tắc đề phòng mọi sự hiểu lầm có thể có, chúng ta lần lượt bàn đến những mặc-cảm, theo ý tôi, có thể nói là riêng biệt của tâm-hồn người Việt-Nam.

Những mặc-cảm cố-hữu

Mặc-cảm thứ nhất là tính bất khuất. Điểm này có thể làm nhiều người phải ngạc-nhiên. Ta phải nói thêm ngay rằng danh-từ này không nên hiểu theo một nghĩa không hay. Mặc-cảm bất-khuất hình như bắt nguồn tự ý-thức cá-nhân sâu-sắc mà trời phú cho mỗi người Việt-Nam. Nhưng xét cho cùng, tính ấy có phải là một điều dở không ? Người ta không thể cho là dở được vì chính mặc-cảm bất-khuất đã làm cho dân - tộc Việt - Nam tồn-tại sau bao nhiêu thăng-trầm lịch-sử. Khi khối dân-tộc này ở phương Bắc tràn xuống miền nam rất có thể bị đồng-hóa với những bộ-lạc đã có mặt ở đấy từ trước. Nhưng thực-tế đã chứng-minh rằng họ không chịu số-phận những sắc dân thiểu số như bao nhiêu dân-tộc khác. Về sau, dân-tộc Trung-Hoa nhiều lần sang xâm-lăng, vẫn nhờ tính bất - khuất đó, dân - tộc Việt cầm cự nổi với biến-cố mà đánh đuổi được kẻ thù ra ngoài bờ cõi. Mới đây đối với nước Pháp, cũng vẫn nhờ tính bất-khuất ấy mà dân-tộc Việt thâu-hồi được độc-lập. Như vậy trên thực-tế há người ta lại không có thể cho tính bất khuất ấy là sự kết-tinh của những « ý chí muốn sống còn » hay sao? Có lẽ nói « ý chí muốn sống còn », người ta diễn-tả được đúng hơn vì dân - tộc Việt đã phải dùng biết bao nghị-lực để đối phó với những kẻ xâm-lăng mạnh hơn nhiều. Hiện-tượng lạ lùng này có thể so-sánh với một nét đặc-biệt của dân-tộc Do-Thái, một dân-tộc trên bước đường lưu - vong vẫn giữ được cá-tính riêng biệt. Một học-giả Việt, ông Cung-Giữ-Nguyên, đã đề cao « ý chí muốn sống còn » của người Việt trong một cuốn sách nhỏ mới xuất-bản cách đây chưa đầy 4 năm. Cha Cadière, một nhà khảo-cứu về tâm-hồn người Việt-Nam, cũng có ý nhấn mạnh đến tính bất - khuất trong một bài diễn - thuyết về thượng - lưu trí-thức Việt-Nam nhân « tuần lễ xã-hội ở Marseille » năm 1930 : « Hiện thời, công việc của người dìu - dắt dân - tộc « An-Nam » thật là nặng-nhọc và khó-khăn, vì phải cầm đầu một dân-tộc đã chứng-minh bằng lịch - sử là hiếu - chiến, có óc cách-mạng, thích chinh-phục, có tính đảm-đang, tuy rằng người ta thường cho là thụ-động, nhút-nhát, phục-tòng ».

Ngày nay mặc-cảm bất-khuất của người Việt chỉ có thể tăng-cường vì rất hợp với khuynh-hướng không chịu khuất-phục một uy-quyền nào của thanh-niên thế-giới. Nguyên-tắc căn-bản là uy-quyền đã bị lật-nhào từ năm 1789, điều đó không phải là không đem lại hậu quả gì. Do đó người ta xét định được đúng mức trách-nhiệm nặng-nề của những người cố gắng từ hơn 150 năm nay chứng-minh rằng không cần dùng đến uy-quyền. Những nguyên-tắc do chánh-sách cai-trị của người Pháp mang lại chỉ làm cho khuynh-hướng bất-khuất thêm rõ rệt. Nhưng ta không

nên tiên đoán gì cả vì ta còn có dịp trở lại điểm này khi chúng ta nghiên-cứu tì-mỉ những trào-lưu tư-tưởng đã tràn vào Việt-Nam.

Theo ý chúng tôi thì mặc-cảm bất-khuất đó cắt nghĩa một phần nào tính hay công kích cay nghiệt mà người Việt nào cũng có, nhất là thanh-niên. Óc công-kích ở đây được coi như một cái mốt, và muốn chứng xác chỉ cần đọc qua báo chí. Trời phú cho người Việt bản tính tinh lanh, tự nhiên họ có tính châm biếm mà châm biếm cay độc nữa. Họ phê-bình tất cả, không kiêng nể gì ai, trong số nạn-nhân của họ có cả đồng-bào của họ và nhất là những người cầm-quyền cai-trị. Về cạnh khía này, người Việt giống người Pháp mà ai cũng công nhận là có óc phê-bình rất tinh-vi. Chỉ-trích một cách tự nhiên như vậy, người Việt-Nam — cũng như người Pháp — hình như không nhận thấy rằng lạm-dụng sự chỉ-trích sẽ vô cùng tai hại. Từ chỉ-trích đến phản-động chỉ có một bước mà người ta sẽ bước qua rất dễ dàng. Ngay như ở Bắc-Việt, dưới một chế-độ chuyên-chế mà còn thấy hàng ngày có một vài phần-tử dám đứng dậy phản-đối nhà cầm - quyền, không bận tâm đến hậu - quả vô cùng thảm khốc về sau. Sự kiện này đáng để ý lắm vì căn - cứ vào đấy ta có thể lường được mặc - cảm bất - khuất đưa con người đi xa đến đâu. Về phần tôi, tôi thường nhận thấy người Việt-Nam lấy làm khoái - trá mà chống lại bất cứ cái gì bó buộc kiềm chế họ. Có lẽ chống lại một sự bó buộc nào hay một luật lệ nào họ có cảm tưởng là mình được tự - do chăng ? Có lẽ. Nhưng dẫu sao dưới ảnh - hưởng của mọi trào-lưu tư-tưởng, thanh-niên ngày nay đã vượt cha anh. Cha anh họ chỉ quen xu - nịnh quan thầy ngoài mặt, mà trong thâm-tâm bất-phục. Thế-hệ thanh-niên này cũng tự vượt mình đến độ phát-biểu ý-kiến không nhắm mục - đích làm vui lòng người đối thoại như trước kia, không vì nhã ý hay có tính toán như người ta vẫn thường làm, nhưng với mục - đích rõ ràng là làm cho sôi nổi. Thái-độ ấy có khi đi quá mức hóa ra kệch cợm.

Cũng là « lưu-danh thiên-cổ »

Ngươi Erostrate là một thường dân thành Ephèse, chỉ muốn làm việc gì có thể « lưu-danh thiên-cổ » như các nhà đại chinh-phục. Một hôm chàng nghĩ ra một việc phá-hoại kinh-khủng là đốt cháy đền thờ nữ-thần Diane ở Ephèse, một trong số thất đại-kỳ-quan của thế-giới, giữa đêm hôm sinh ra nhà đại chinh-phục Alexandre le Grand. Âu cũng là một cách « lưu-danh thiên-cổ », nếu không là « lưu xú vạn niên » !

Bây giờ ta xét đến một mặc-cảm thứ hai cũng ăn sâu vào tâm-hồn thanh-niên Việt-Nam chẳng kém mặc-cảm thứ nhất. Theo truyền-thống, người Việt vẫn tự học, họ hiếu học vì sự học mà không bận tâm đến ảnh-hưởng xã-hội. Bằng-cấp vì bằng-cấp và lợi ích do bằng-cấp mang đến đã trở thành ngưỡng vọng cao xa của họ. Họ chịu thụ-giáo một ông thầy Cao-minh. Ông thầy làm cho họ tin phục, nhưng không chi-phối được họ. Người ta cũng để ý thấy rằng theo cổ-truyền thì người Việt tôn-kính thầy học. Tuy họ cũng nhận thấy những chỗ thiếu sót của ông thầy, nhưng họ vẫn kính-trọng. Thông-minh và có trí nhớ lạ lùng như thường thường người Á-Đông vẫn thế, thanh-niên Việt-Nam không e ngại gì cả. Ngày xưa đã có những thanh-niên con nhà bần-bách ra công tự học thành tài làm nên công, hầu, khanh, tướng. Ngày nay cũng thế, không thiếu gì học trò nghèo tự học hay gần như tự học, họ tin-tưởng ở phương tiện đơn sơ họ có và dám đem ra thi thố cái học chỉ gồm một mớ kiến-thức trong sách vở. Thế mà cũng nhiều người giật được văn-bằng...

Đọc lịch-sử Việt-Nam người ta nhận thấy dưới thời đô hộ Trung-Quốc người Việt quả là tài tình trong nghệ-thuật học lỏm nghề của người Tầu. Đã đành là họ không ưa gì người Tầu, nhưng nhận thấy học được kỹ-thuật của Tầu họ sẽ có lợi lớn, họ cố công rình mò để học bí quyết chế-tạo. Họ đã học được nghề làm giấy, nghề dệt, nghề thêu, nghề làm thuốc súng v.v...

Tóm lại người Việt vẫn tỏ ra ham học. Họ có óc nhận-xét tinh-vi, thuận-lợi cho việc học. Thanh-niên ngày nay không dến nỗi kém tiến-bối, họ để ý tìm hiểu hết mọi thứ. Có lẽ người ta có thể trách thanh-niên quá nông cạn, thiếu sáng-kiến riêng, làm ăn không được kỹ-lưỡng, chỉ biết theo trực giác chứ không chịu uốn mình theo phương-pháp khoa-học. Họ có thừa mưu-mẹo để gỡ một tình-trạng khó-khăn nhưng không bền chí để hoạt-động lâu dài nhằm về tương-lai. Óc tổng-hợp gần như thiếu hẳn và chân trời của họ có khi bị quá giới hạn trong không-thời-gian.

Theo ý tôi thì những điều tôi mới trình bầy trên kia phải giải-thích bằng một mặc cảm thứ ba mà ta thấy trong tâm hồn người Việt. Ấy là mặc-cảm cảm-giác hoạt-động (sensitivo-moteur) — tôi xin phép dùng một danh từ triết-học.

Trực giác của người Việt lấn át lối suy-tưởng trừu-tượng (abstraction), chủ-quan lấn át khách-quan. Điểm này không riêng gì cho người Việt. Chúng ta nhận thấy tất cả các dân-tộc Viễn-đông đều như vậy không nhiều thì ít. Người Viễn-đông sống trong sự cụ thể, mà về phương-diện tình-cảm, tâm-hồn họ xúc-động vì cái gì u minh thần bí hơn là vì vật và người. Người ta cho rằng sở dĩ có tâm trạng ấy là vì không có một niềm tin tuyệt đối, con người phải đi tìm những cách giải thích siêu nhiên, và cũng vì ở đây chiến-tranh tàn phá đã quá nhiều, người dân phải quay về với bản thân không biết đến người khác, họ tự tạo ra một thứ tự vệ tự động, tâm hồn họ khô rắn lại vì đời sống bất trắc. Trong quyển sách « Trong cõi Đông và Tây » John Wu đã trình-bầy rất rõ ràng về tâm-hồn người Tầu, tại sao người Tầu sống một cảnh đời vô cùng khổ cực đã tìm cách ẩn trú trong một thứ thụ động. Tôi nghĩ rằng những gì người ta đã viết về

người Tầu cũng đúng phần nào với người Việt-Nam — người Việt cũng đã biết những bước khốn cùng trong lịch-sử của họ.

Tình-trạng ấy làm cho tình-cảm của người Việt-Nam một phần nào bị dồn ép. Do đó người ta thấy yêu mến, ghen ghét, giận hờn lần lượt khích động tình-cảm của con người và làm cho con người rất dễ đam mê. Ta cũng nên để ý rằng ở Việt-Nam rất hiếm người có nghị-lực chế chỉ được hành-động trước sự đam mê.

Tôi cũng vội nói thêm rằng không chắc thanh-niên Việt-Nam có nhận thấy ngoài thực-tế họ quá tin ở trực giác đến nỗi sự suy luận trừu tượng rất kém, vì rất ít người biết theo phương-pháp nội-tỉnh (introspection). Có lẽ về phương-diện nầy cần phải phân biệt người Bắc và người Nam, nhưng chúng ta sẽ đi quá xa... Ít khi người ta thấy họ ý thức thực sự được động-tác của mình. Có lẽ sự trạng đó do nền triết-lý của họ gốc ở triết-lý Trung-Hoa thiếu hẳn một quan-niệm Tuyệt-Đối. Nghĩ cho cùng, quan-niệm Tuyệt-Đối ấy họ chỉ có thể tìm thấy trong đạo Thiên-Chúa độc-thần, Thượng-Đế với chân-lý cao cả cũng là một. Thực ra thanh-niên Việt-Nam đã chín mùi để thụ giáo thuyết hiện-tượng học ngày nay, ai cũng biết hiện-tượng học rất thịnh hành ở Tây-Phương. Người ta thấy ngay sự nguy-hiểm đang rình rập thanh-niên. Giảng dạy một hệ thống triết-lý như thế, chắc là muốn bắt đầu liên-lạc giữa Á-Đông cổ truyền và Tây-Phương, một phương trời ngày nay đã phần nào không còn theo Thiên-Chúa giáo. Nhưng tiếc rằng cái cầu ấy quá mong manh, khó lòng giải-quyết vấn-đề, mà chung cục chỉ là ảo ảnh của một cuộc dung hòa Đông Tây mà thôi. Theo ý chúng tôi thì tốt hơn cả là nên nuôi dưỡng ý-niệm thần bí sẵn có của Việt-Nam cho vươn lên tới một ý thức về Tuyệt-Đối. Có lẽ như thế sẽ hữu ích cho cả mọi người, cây cầu sẽ vững chắc hơn bao nhiêu mà sự hiểu biết giữa Đông và Tây càng thêm sâu rộng.

Sau khi đã phân-tích sơ-lược tâm-trạng người thanh-niên Việt-Nam ngày nay, chúng ta đề cập đến trào-lưu tư-tưởng đã gián-tiếp hay trực-tiếp chi-phối thanh-niên. Đại loại chúng ta thấy có 4 luồng tư-tưởng. Thứ nhất là Khổng-học, một luồng tư-tưởng triết-học và luân-lý. Luồng thứ hai là Phật-học với thuyết luân hồi. Luồng thứ ba là tư-tưởng triết-trung (éclectisme) của Pháp do 80 năm bảo hộ mang lại. Sau cùng là tư-tưởng Mác-Xít, một yếu tố không kém quan-trọng mà ngày nay tư-tưởng nhân-vị miền Nam đang tìm cách chế-ngự.

Xin nói đến Khổng-học trước.

Triết-học Khổng-Tử du nhập Việt-Nam bằng cách thấm dần, vì có những thời kỳ nội-thuộc Tầu trường diễn qua lịch-sử. Đối với người hiểu biết thì đã hiển nhiên là học-vấn kinh điển Trung-Hoa đã thấm nhuần dân-tộc Việt-Nam trong nhiều thế-kỷ, ảnh-hưởng vẫn còn đến ngày nay. Bây giờ cũng còn một vài nhà nho tôn-sùng Khổng-học và lấy lễ giáo Khổng-Mạnh làm mực thước cho đời sống cá nhân, gia-đình, xã-hội.

Trước hết Khổng-Tử đã để lại một học thuyết hình nhi thượng đề cập đến các vấn-đề vong hồn (mânes), thiên địa quỷ thần, cả đến một quan-niệm về Thượng-Đế thiên mệnh. Nên nhớ rằng, cứ như nhà hiền triết đã khởi sướng ra, thì quan-niệm

ấy về Thượng-Đế rất là sâu sắc, như ông John Wu đã nhận xét. Tuy nhiên Khổng-Tử không biết gì đến Đạo Thiên Khải (đạo Trời lộ ra) nên không nghĩ rằng Thượng-Đế giáng sinh tức là bắc cầu liên-lạc giữa Trời và Đất. Vì vậy Khổng-Tử cho rằng con người bé nhỏ quá không thể thấu đến Thượng-Đế, chỉ có vua, vị Thiên-tử, được trao cho sứ mạng phối-hợp thiên địa trong một hệ-thống suy-tưởng như thế người ta đoán ra ngay rằng không cần kinh nguyện gì hết. Chính Khổng-Tử cũng cấm đoán điều ấy. Đối với Khổng-Tử, đời sống con người là kinh nguyện rồi, do đó có học giả cho Khổng-Tử là một triết gia phi tôn-giáo.

Đối với sự thờ phụng tổ-tiên, Khổng-Tử có quan-niệm rõ ràng: « Tế thần như thần tại ». Như thế người ta hiểu rằng người Việt đem phẩm vật cúng ông vải là tiếp tục phụng dưỡng ông Vải như thường ngày. Không cần phải có ông Vải về ăn, ta tiếp tục hành-động của người con hiếu thảo để tỏ ra lòng dạ của ta không hề thay đổi. Ngoài thực tế, sự thờ cúng tổ-tiên vẫn còn nhưng đã không giữ được vẻ thuần-túy, vì sau này đã thêm thắt vào nhiều hình thức mê tín dị đoan khác. Đối với những người còn giữ lấy cổ tục đó, nhất là đối với bạn trẻ, thì việc hành lễ chỉ còn là một cử chỉ không còn nội dung của nó, một thói tục của tiền bối để lại mà con nhà gia giáo phải giữ lấy.

Trong hình nhi hạ học, Khổng-Tử tổ-chức đời sống tư-nhân và truyền lại cho ta quan-niệm trung dung. Khổng-Tử giảng dậy tam cương ngũ thường, tam tòng tứ đức. Tuy nhiên trong hệ-thống tư-tưởng này không thấy biểu-hiệu quan-niệm rằng lẽ sống của con người không ngoài bổn-phận nối dõi tông đường, nhân phẩm của ta được xét định theo tiêu-chuẩn đó. Có lẽ sau này các môn-đệ của Khổng-Tử đã suy diễn sai lạc tư-tưởng của thầy về chữ Nhân và đã đi đến một thứ học từ chương, nên mới có quan-niệm đó.

Riêng với người Việt-Nam, tôi xin phép mở một dấu ngoặc quan-trọng. Người ta không thể quên một khuynh-hướng được biểu lộ trong sự đảo lộn vai trò nam nữ, vì đàn ông thường có nữ tính, họ làm những công việc dành cho đàn bà như trông trẻ em, bếp nước, thêu thùa, giặt ủi, may vá v.v... trong khi đàn bà hình như hơn trội về buôn bán và có khiếu về kinh-doanh hơn đàn ông.

Xin đóng cái ngoặc lại. Ta kịp trở về với Khổng-Tử và đạo tề-gia. Đời sống gia-đình phải giữ tính cách kín đáo. Gia-đình thường xum họp ở giữa nhà, nhà rất ít cửa, người ta phải qua nhiều hành-lang mới tới được chỗ trung-tâm đó. Có lẽ như thế sẽ giữ được cho gia-đình vẻ ấm cúng thân-mật. Trong khung cảnh ấy, người đàn bà từ ngàn xưa là cái máy đẻ. Người cha là người gia-trưởng lúc sinh thời điều-khiển tất cả, khi mệnh một thì con cả kế tiếp. Con cả có bổn-phận hương khói phụng thờ.

Sau hết, đề-cập đến vấn-đề trị quốc, Khổng-Tử quan-niệm rằng Trời an bài thiên-hạ. Vua quan phải được phụng-dưỡng chứ không phải để thờ phụng ai (1). Do đó sinh ra tục lễ lạt, bổng lộc, và như vậy là hiểu ngay tại sao có hối lộ

(1) Nguyên-văn tiếng Pháp: Le roi, le mandarin sont venus pour être servis non pour servir.

Nên để ý rằng hệ-thống triết-lý nhân-sinh của Khổng-Tử mà chúng tôi cố gắng phác qua vẫn còn tồn - tại, rải - rắc khắp nơi, mầu sắc đậm hay nhạt tùy từng địa-phương. Thanh - niên nhất là thanh - niên thôn quê hẳn là vẫn bị chi phối. Nhưng thường thường thanh - niên tỉnh thành, trước nhất phải kể đến học-sinh, đã từ bỏ những tư-tưởng ấy, phần vì bị ảnh-hưởng Âu Tây, phần vì nho-học đã gần như bị phế bỏ hoàn-toàn từ năm 1920. Mới đây một hội Khổng-học được thành-lập, định phục hồi nền cổ-học.

Ta chớ quên rằng nước Việt - Nam do hoàn-cảnh địa-lý, ở vào nơi gặp gỡ của hai nền văn-minh Trung-Hoa và Ấn-độ. Nếu nước Việt quá khứ đã chịu ảnh-hưởng sâu xa của văn - hóa Trung - Hoa thì ảnh-hưởng văn-hóa Ấn-độ cũng không kém phần quan-trọng. Ảnh-hưởng này có tính-cách tôn-giáo đã do các tăng đồ mang sang vào thế-kỷ thứ 11 và 12. Vậy là Phật-học phải xung-đột với Khổng-học đã thịnh-hành từ trước. Phật-giáo và Khổng-giáo đồng thời hay lần lượt bành-trướng ảnh-hưởng. Ta không lạ rằng ở Việt-Nam có nhiều mâu-thuẫn về nguyên-tắc.

Dẫu sao Phật-giáo đáng lẽ đã phải thành-công thực-sự, vì tín-đồ nhiệt-thành bênh vực đạo nhất lại là các nhà cầm quyền lúc ấy. Suy ngẫm cho cùng thì Phật-giáo sao lại không trả lời đúng vào một nhu-cầu của tâm-hồn người Việt, một tâm-hồn cảm thấy sự mong manh của cuộc đời đầy rẫy thất vọng sâu xa. Tuy-nhiên xét về đại-thể thì người Việt không ưa ảo-tưởng và hậu quả của ảo-tưởng, không ưa khuynh-hướng khổ-hạnh và thoát-tục. Đó là lý-do khiến cho Phật-giáo rút cục không bao giờ bành-trướng tới mức độ quan-trọng như ở các nước lân bang như Cao-Mên, Thái-Lan hay Ai-Lao. Ảnh-hưởng của Phật-giáo có thể nói là chưa được trọn vẹn như ở nước khác. Ở các nước ấy, người ta có thể coi Phật-giáo là một lực-lượng, một sức chi-phối, thời-gian không làm giảm bớt thế-lực.

Từ mấy năm nay có phong-trào cải-cách Phật-giáo với tôn-chỉ đề-cao sự hy-sinh và sự hoạt-động. Đối với Phật-giáo cổ-điển phong-trào này hầu như bị coi là tà-giáo. Phật-giáo cải-cách cũng không tỏ ra ảnh-hưởng sâu xa đến tâm-hồn con người, không thấm đến tầng lớp thanh-niên. Người ta còn phải nói thẳng ngay rằng mặc dầu đôi khi Phật-giáo cải-cách tự cho mình là quốc-giáo, nhưng ngoài thực-tế chưa có được cái huy-hoàng mà trước kia Phật-giáo cổ-điển cũng chưa từng biết tới.

Tuy có người Việt-nam không đồng ý nhưng chúng ta không thể không công nhận ảnh-hưởng sâu xa của tư-tưởng triết trung Pháp do sự có mặt của nước Pháp ở xứ này trong 80 năm. Liên lạc giữa Tây-Phương và Việt-Nam đã thực hiện qua sự trung gian của nước Pháp cũng như ở các nước khác qua sự trung gian của nền văn-hóa Anh. Nói khác đi, nhờ sự có mặt của nước Pháp mà Việt-Nam biết tới Tây-Phương, nơi đã hưởng cái gia tài tinh - thần Hy-Lạp, La-Tanh và Thiên-Chúa giáo. Điều này đáng ghi bằng một nét đậm. Ta chớ quên rằng phải phân biệt hai thời kỳ trong khoảng 80 năm cai trị. Thời kỳ thứ nhất thực ra là thời kỳ bình định và thám hiểm (Pavie, Yersin). Đấy là một thời kỳ cố-gắng có khi ta dám nói là thời kỳ vô nhân đạo. Thời kỳ thứ

hai mặc dầu có đôi chút lạm dụng, là thời kỳ khai hóa. Trong thời kỳ nước Pháp đã cố-gắng làm điều hữu ích trên mọi phương diện : khai khẩn, kiến - thiết, mở mang, nhất là truyền bá tư-tưởng nhân bản Tây-Phương. Khuyết điểm đáng tiếc là trên mọi lãnh-vực lý-tưởng, văn-chương, nghệ-thuật, triết học, sự nghiệp của Pháp thường thường chỉ là một cách bày biện chiếu lệ bằng những cách vá víu vụng về (có sách học cho trẻ em Việt đã dạy rằng : « tổ-tiên chúng ta là người Gô-Loa » !) đáng lẽ người ta phải thử tổng hợp nền giáo-dục cổ truyền và văn-hóa Tây-Phương cho phù hợp với tâm-lý người Việt hơn. Thời kỳ ấy là thời kỳ nước Pháp chính thức và duy-tục (laïque) ra tay tiễu trừ quan lại đào luyện theo nền nếp nho phong, nên thường nâng đỡ và tổ-chức Phật - giáo vì ghen ghét các phái đoàn truyền giáo mà nước Pháp vẫn sợ ảnh-hưởng. Thêm nữa, nước Pháp vin vào cớ mình là nước tiêu - biểu cho tự-do, đã reo rắc ở đây một quan - niệm sai lầm về tự-do, lầm lẫn tự-do với phóng - túng. Vì thế mà một loại văn - chương xa đọa kèm thêm một loại phim ảnh và nghệ - thuật vô luân, đã lan tràn mau chóng, làm sáo động tâm-tình, phá hoại ít nhiều nền nếp cổ-truyền và giá-trị nhân-bản trước đây là nền tảng xã-hội Việt - Nam. Tình - trạng ấy không khỏi làm mất thăng bằng xã-hội mỗi ngày một trầm trọng thêm và còn tồn-tại đến ngày nay. Về phương - diện triết - lý, kết-quả cũng không có gì, vì rằng triết-học Tây-Phương truyền bá sang đây đã làm nảy sinh thuyết hoài nghi trong đầu óc nhiều người.

Hành-động như vậy nước Pháp không thấy rằng mình đã sửa soạn đất cho Mác-Xít. Luồng tư-tưởng này là luồng tư-tưởng thứ tư lay động nước Việt-Nam, nhất là thế - hệ thanh - niên, trong những năm gần đây.

Khách-quan mà xét chúng ta không thể xem thường ảnh-hưởng Mác-xít. Ảnh-hưởng đó hiển-nhiên rồi. Trước hết ta chớ quên rằng căn-bản biện-chứng Mác-xít phải gây một tiếng dội thuận lợi cho chủ-nghĩa ấy trong một nước không có một chân-lý tuyệt-đối. Chỉ có công-giáo có thể kháng-cự được, nhưng ta phải thú thực rằng giáo-dân không được sửa soạn để đối phó với cuộc tấn-công Mác-xít lại khôn khéo đội lốt quốc-gia để quốc-gia đứng ra nhiệt - thành bênh vực mình. Không những từ mười năm nay tư-tưởng Mác-xít thấm nhập các tầng lớp xã-hội, mà một số danh-từ Mác-xít cũng được mượn cớ làm giàu tiếng nói mà phổ-biến. Mác-xít nêu lên mục-tiêu tranh-đấu để bài trừ những bất-công xã-hội, mục-tiêu ấy thu hút được thanh-niên khiến họ tìm thấy nguồn cảm hứng cao cả mà tận tâm phục-vụ chủ-nghĩa Ngay từ lúc mới thấm nhập, cán-bộ Mác-xít đã thổi phồng sự mâu-thuẫn thống-trị — bị trị để khai-thác, mà chính sự-kiện ấy là yếu-tố thành-công của chủ-nghĩa. Ta chớ nên lầm tưởng rằng Mác-xít đặt nhiều hy-vọng vào sự thắng thế về binh bị. Điều đáng e ngại là sự tuyên-truyền của họ cực kỳ xảo trá, họ vin lấy bất cứ cơ-hội nào thuận lợi, họ không lùi bước trước những hành-động xuyên-tạc sự thật, họ khai-thác có phương-pháp sự nghèo cực và tất cả những sự bất bình, tóm lại ta phải công nhận rằng họ có bàn tay thần để điều-khiển bộ máy tuyên-truyền. Miền Nam dùng thuyết nhân-vị để chặn đứng

ảnh-hưởng Mác-xít. Nhưng thuyết nhân-vị chỉ thành-công khi nào làm thức tỉnh được lương-tâm và có quy chiếu một ý-thức Tuyệt-Đối mà người Việt-Nam theo truyền-thống không biết đến. Vì thế, cho nên mối đe dọa Mác-Xít vẫn không thể bỏ qua được, nhất là đối với những người chưa từng sống dưới chế-độ Cộng-Sản mà còn mơ tưởng hão huyền. Đó là trường-hợp của nhiều người trí-thức, cả những thanh-niên đã bị nhiễm trùng độc Mác-Xít mà có khi không hay, mà có lẽ họ không lấy làm bực mình để thử làm một cuộc thí-nghiệm Cộng-Sản rồi sau sẽ giấy giụa chống lại nọc độc một cách vô vọng như cha anh họ ở miền Bắc. Khi nhen nhúm cuộc cách-mạng, mặc dầu hướng về con đường nào, có phải thanh-niên và trí-thức nước nào cũng như vậy không ?

Trước khi chấm dứt đoạn này — trình-bày quá vắn tắt — tôi xin phép nói một lời về đạo Cao-Đài, một tôn-giáo mới ra đời chưa được 30 năm. Đạo Cao-Đài cũng đáng được người ta nói đến vì ngoài tính chất chính-trị hiển nhiên, đạo còn có nguồng vọng tổng hợp những trào lưu đã có từ trước mà chú trọng đến yếu tố tâm-lý quần chúng Việt-Nam. Vả lại đạo Cao-Đài được đem truyền giảng như một tôn-giáo thống nhất tâm hồn người Việt. Sức mạnh của Cao-Đài là phép cầu tiên, trả lời đúng vào sự ưa thích cái gì huyền bí nó gắn liền với tâm-hồn người Việt. Không những người ta bắt chước từ cách tổ-chức đến sự thờ phụng của đạo Thiên-Chúa mà người ta còn khéo léo đưa cả Thánh-Tâm (cạnh khía tình-cảm của Công-giáo) vào trong điện Cao-Đài. Cũng nên nói thêm rằng đạo Cao-Đài tuy chỉ tự nhận là một tôn-giáo quốc-gia, nhưng mầu sắc thông thần (spiritisme) làm cho đạo có thể tự khoác một bộ áo quốc-tế, bởi vì người ta có thể thấy những thầy đồng ở khắp nơi trên hoàn cầu. Sự-kiện đó tăng thêm uy thế của đạo đối với tín đồ. Hiện nay vì hoàn cảnh, đạo Cao-Đài kém hoạt-động, nhưng giáo đồ cuồng tín vẫn đợi thời, và không có cái gì bảo rằng một ngày kia họ lại không hoạt-động để chinh phục thêm. Nhân việc này người ta không khỏi thắc-mắc về việc nhà cầm quyền Pháp đã nâng đỡ đạo Cao-Đài lúc manh nha để giảm bớt uy thế của các Hội Truyền giáo. Tôi xin thêm rằng : nhà cầm quyền Pháp tự hào là mình trung lập trước các vấn-đề tín-ngưỡng, lại có một thái-độ như thế, người ta có nương lời cũng phải nói là kỳ-cục. Đáng lẽ, thay vì hành-động như thế, nhà cầm-quyền Pháp phải cố-gắng thực hiện một cuộc dung hòa văn-hóa Tây-phương với những giá-trị cổ truyền Việt-Nam. Thiếu sự tổng hợp ấy thật là đáng tiếc.

KỲ TỚI : Ta phải làm gì cho thanh-niên ?

CÔ-LIÊU
dịch

Đức kiên-nhẫn của một nhà khắc kỷ

Ông Epictète, một triết-nhân thuộc phái khắc-kỷ hồi thế-kỷ thứ nhất. Ở La-mã, ông là nô-lệ của Epaphrodite. Người ta thuật lại, một hôm, bị chủ-nhân cùm kẹp tàn-nhẫn, ông khẽ bảo chủ-nhân : « Khéo ! kẻo gẫy chân tôi ! » — Và khi chân ông bị gẫy thật, ông vẫn ôn-tồn nói : « Tôi đã bảo trước mà !

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp

Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại

VIỆT-NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ-NGHỆ

ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sàigòn

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS-RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102 / SGN: 34

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ

Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon Đ.T.: 23529



HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thinh

SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện, máy điện, máy nấu ăn.

Lãnh cất nhà đèn, chạy dây đèn nhà, đèn đường, và lập hệ-thống điện.

Chủ nhân:
NGUYEN-HUU-THAT

Vấn-đề dạy sinh-ngữ ở bậc Trung-học và dùng tiếng Việt làm chuyển-ngữ ở bậc Đại-học

• *NGUYỄN-HIẾN-LÊ*

Nhật báo Tự-Do *là một trong những tờ thông-tin đứng-đắn ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, vẫn có những tin đăng trên báo đó làm cho tôi nghi ngờ vì tôi biết rằng, chẳng riêng gì ở Việt-Nam, ngay ở Âu-Mỹ cũng vậy, ban Giám-đốc các nhật-báo không thể nào kiểm-soát được hết những tin tức gởi về.*

Chẳng hạn, báo Tự-Do *số 901 ngày 24-12-59, trong bài tường-thuật nhan-đề là «* Tại Quốc-hội, một phần ba dân-biểu đã lên tiếng về vấn-đề giáo-dục *» tôi ngờ rằng ông Vân-Huyền đã không chép lại đúng những lời tuyên-bố của ông Trương-Công-Cừu, những lời mà tôi cho là không thể do một vị Khoa-trưởng Đại-học thốt ra được.*

Nhưng đợi mãi tới nay không thấy ông Cừu đính chính trên báo Tự-Do, *nên tôi phải tạm tin rằng những lời đó nếu không hẳn là của ông thì cũng diễn gần đúng ý-kiến của ông.*

Vấn-đề dạy sinh-ngữ ở bậc Trung-học và dùng tiếng Việt làm chuyển-ngữ ở bậc Đại-học đã có lần đem ra bàn cãi sôi nổi, trên báo-chí trong khoảng một năm nay; đã làm cho một vị khảng khái bỏ chân giáo-sư Đại-học vì bất-đồng ý-kiến với Khoa-trưởng; mới rồi trong phiên nhóm ngày 22-12-59 của Quốc-Hội, lại được đem ra bàn lại, nhưng tôi thấy Quốc-Hội vẫn chưa giải-quyết được dứt khoát, mặc dầu ông Trương-Công-Cừu, đệ-nhất Phó Chủ-tịch Quốc-Hội, đã cho chấm dứt.

Đây tôi xin trích nguyên-văn một đoạn trong bài tường-thuật của ông Vân-Huyền tôi đã dẫn ở trên:

« Học-sinh học bảy năm mà mù tịt sinh-ngữ.

« Ông (tức ông Cừu) cũng nhấn mạnh vào việc xử-dụng (!) sinh-ngữ. Có người hỏi Độc-lập rồi sao còn dùng ngoại-ngữ. Rồi ông trả lời: Độc-lập không phải là

cô-lập. **Đòi dùng Việt-ngữ ở bậc Đại-học nhưng chắc không ai có thể giải-thích được là tại sao ?** (2)

Đứng vào nhà nghề, ông nhận có sự thiếu xót (1) của giáo-sư nhưng **ông cho rằng lỗi cũng ở con em không chịu học** (2) *trong 7 năm, một ngày một giờ mà con em không hiểu nổi, nói nổi một sinh ngữ.*

« Bên Nhật học sinh ngữ đề...

« Bên Nhật các sinh-viên muốn học chuyên môn ngành nào buộc phải học một sinh-ngữ nhất định mới được theo học ngành đó. **Rồi ông Cừu lại cho rằng việc giậy** (1) **tiếng Việt ở Đại-học sẽ tiến tới** (2) *nhưng một sinh-viên bắt buộc phải biết một ngoại ngữ như vậy Việt-Nam mới tiến tới với các nước tân tiến được. Việc giậy Việt-ngữ ở Đại-học là một chuyện nhưng điều cốt yếu là sinh-viên Đại-học phải biết ít nhất là một ngoại-ngữ.*

« 10 năm sau lịch-sử sẽ chứng minh cho ông Cừu.

« Cuối cùng ông xin đừng ai trở lại diễn đàn đề nhắc đến vấn-đề ấy nữa. Ông lên tiếng mạt sát một số người nhờ ngoại-ngữ mà làm giầu, nên không muốn ai học ngoại-ngữ nữa (?) Để chấm dứt ông tuyên-bố : dù dư luận không hiểu ông nhưng mười năm sau sẽ có lịch-sử chứng minh ».

Cuộc thảo-luận hình như chấm dứt ở đó, vì tôi thấy ông Vân-Huyền chép ngay ở hàng sau, những đề-nghị đã được ghi vào biên-bản của Quốc-hội, trong số đó có hai đề-nghị này thuộc về vấn-đề đã bàn :

« — Học-sinh chỉ học một ngoại-ngữ, từ đệ-tam học thêm một ngoại-ngữ khác ».

« — Tiếng Việt giậy ở Đại-học đang được lưu-ý, nhưng sinh-viên phải có một chứng-chỉ sinh-ngữ ».

Theo tôi, như vậy không phải là giải-quyết vấn-đề mà chỉ là chép lại vài nguyên-tắc trong chương-trình Trung-học đương áp-dụng. Vì ở trang 8 cuốn *Chương-trình Trung - học — 1958* — do Bộ Quốc - gia giáo-dục xuất-bản, ta thấy :

. . . . . .

b) **Tương-quan về sinh-ngữ.**

1) Sinh-ngữ ở bậc Trung-học :

— đệ-nhất-cấp : chỉ học một sinh-ngữ,

— đệ-nhị-cấp : học hai sinh-ngữ (một sinh-ngữ chính và một sinh-ngữ phụ)

2) Chuyên-ngữ ở bậc Đại-học :

a) *Sẽ tiến tới việc dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học, nhưng việc này phải được chuẩn-bị ngay từ bây giờ bằng :*

— việc đào-tạo giáo-sư Đại-học

— việc thống-nhất danh-từ

— việc biên soạn và dịch thuật các sách

b) *Mặc dầu chuyên-ngữ ở Đại-học là tiếng Việt, sinh-viên cũng cần phải thông-thạo một sinh-ngữ và biết qua một sinh-ngữ khác.*

Ghi vào biên bản Quốc - hội làm gì những điều đã được áp dụng một năm nay rồi, theo nghị định 1286 — GD/NĐ ngày 12-8-1958 ?

Tôi chắc rằng đa số quốc-dân và sinh-viên Đại-học đều đồng-ý với Bộ Quốc-gia

(1) Tôi tôn trọng chánh-tả ông Vân-Huyền.
(2) Chính tôi đã cho in đậm.

Giáo-dục và ông Trương-Công-Cừu về điểm : *sinh-viên Đại-học Việt-Nam phải thông-thạo một sinh-ngữ*. Đó là một điều cần thiết để giữ cho trình-độ Đại-học khỏi kém nước người. Bất kỳ về ngành nào ta cũng chưa có sách, tạp chí chuyên-môn viết bằng tiếng Việt, sinh-viên phải tham khảo thêm nhiều sách ngoại-quốc ; nếu không thông ít nhất là một ngoại-ngữ thì học-hỏi làm sao được ? *Mà dù sau này có đủ sách, tạp chí về mọi ngành, thì họ cũng vẫn cần thông một vài ngoại-ngữ để theo dõi những bước tiến của nhân-loại*. Không cần phải đợi « mười năm sau sẽ có lịch-sử chứng minh » cho ông Cừu về điểm đó, ngay từ bây giờ chúng ta đã hiểu ông rồi.

Nhưng học ngoại-ngữ thì vẫn học, mà đồng thời ta cũng phải « tiến tới việc dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học ». Vì có như vậy mới có liên tiếp giữa hai bậc Trung-học và Đại-học Việt-Nam : không có lý gì mà ở Trung-học dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ, lên Đại-học lại dùng ngoại-ngữ làm chuyên ngữ. Có như vậy mới gây được cái uy-thế cho nền Đại-học Việt-Nam, cho dân-tộc Việt-Nam ; ta thử nghĩ người ngoại-quốc sẽ xét dân-tộc ta ra sao nếu hai, ba chục năm nữa ta vẫn dùng ngoại-ngữ làm chuyên-ngữ ở bậc Đại-học ? Ai chẳng biết rằng « độc-lập không phải là cô lập », rằng bất kỳ dân-tộc nào cũng phải học lẫn nhau, nhưng ta phải tính tới một ngày kia có thể bước vững vàng một mình ở bên cạnh các nước khác, khỏi phải nằm hoài đầu gậy để người dắt đi chứ ? Huống hồ, sinh-viên Đại-học có học bằng tiếng Việt thì rồi mới dạy lại học-sinh Trung-học hoặc Kỹ-thuật bằng tiếng Việt được, mới truyền bá điều sở đắc của mình cho quốc-dân bằng tiếng Việt được, mới khảo-cứu, sáng-tác bằng tiếng Việt được. Những lẽ đó rõ ràng quá, bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thấy, viện Đại-học Huế đã thấy, chính ông Cừu cũng đã thấy. Tôi chỉ ngạc nhiên một điều là sao ông lại bảo : « *Đòi dùng Việt-ngữ ở bậc Đại-học nhưng chắc không ai có thể giải thích được là tại sao ?* ». Có lý nào như vậy ? Hội-đồng Liên-bộ về vấn-đề cải tổ chương-trình Trung-học họp năm 1958, đã đòi dùng Việt-ngữ ở bậc Đại-học, viện Đại-học Huế cũng đã dùng Việt-ngữ mà chẳng giải thích được là tại sao ư? Ông Cừu cũng đã nhận sự đòi hỏi đó là chính đáng nên mới nói «việc dạy tiếng Việt ở Đại-học sẽ tiến tới » mà lại ngờ rằng không ai giải thích được là tại sao, thì ông có mâu thuẫn với ông không, hay ông cho rằng sự đòi hỏi đó là vô ý thức, nhưng thiên-hạ đã mù quáng đòi hỏi cho kỳ được thì ông cũng phải miễn cưỡng cho nó « tiến tới » vậy ?

Chúng ta đã nhận rằng sinh-viên Đại-học phải thông ít nhất là một sinh-ngữ, và bậc Đại-học phải tiến lần tới việc dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ. Vậy vấn-đề hiện nay ta phải giải-quyết không phải là vấn-đề nguyên-tắc nữa, mà là vấn-đề thực-hành. Đáng lý ra, Quốc-hội trong buổi họp ngày 22-12 1959 phải đưa những điều này ra bàn cãi :

1.) Trong thời kỳ chuyển tiếp này, làm sao cho học-sinh có tú tài Việt có thể theo nổi những lớp giảng bằng ngoại-ngữ ở bậc Đại-học ?

2.) Phải chuẩn bị làm sao và trong thời gian bao lâu để cho tiếng Việt dùng làm chuyên-ngữ được ở bậc Đại-học ?

Nếu hôm đó Quốc-hội không có dủ thì giờ bàn về hai điểm đó thì cũng phải ghi trong biên bản để sau này xét lại, hoặc giao cho một ban chuyên-môn nào xét.

Quốc-hội đã không làm việc đó thì chúng ta thử đem lên bàn trên báo. Dưới dây là những thiển kiến tôi đưa ra để độc giả bổ túc, sửa chữa hầu góp ý với bộ Quốc-gia giáo-dục mà cải tạo nền giáo-dục của con em chúng ta.

*

Trước hết chúng ta hãy xét điểm thứ nhất nêu ở trên. Trong đoạn tường thuật tôi đã dẫn, chắc độc-giả để ý tới phó đề in đậm : « **Học sinh học bảy năm mà mù tịt sinh-ngữ** » Tôi không rõ ý kiến đó là của riêng ông Vân-Huyền hay là của cả Quốc-hội, nhưng tôi chắc-chắn ai cũng nhận rằng nó gần đúng sự thực. Nói là *mù tịt* thì cũng hơi quá, song quả thực là học-sinh Trung-học của ta kém sinh-ngữ lắm.

Một ông bạn tôi bảo một cậu tú nọ dịch chữ *Ver-à-soie* là « tiến về bản ngã » Tôi không tin lời đó — có lý nào lại tới cái mức ấy ! — nhưng dù chỉ là một lời nói đùa thì nó cũng làm cho ta suy nghĩ. Lời dưới đây thì tôi tin được. Nhiều giáo-sư làm giám khảo trong kỳ thi Trung-học đệ-nhất-cấp khóa I năm 1959, bảo tôi : « Đầu đề luận Pháp-văn là : « *Décrivez une auberge* mà nhiều thí-sinh tả một quả cà, hoặc con chó vì các em lộn *auberge* với *aubergine*, *berger* ». Học-sinh thời này hay học nhầy, trong các kỳ thi có những lỗi như vậy cũng là thường, và tôi chắc những em đó phải rớt. Nhưng còn những em đậu thì sức-học về sinh-ngữ phải khá hơn chứ ?

Không. Một vị giám-khảo trong kỳ thi tuyển sinh-viên vào lớp dự bị trường Cao-đẳng Bưu-điện vừa rồi cho tôi hay rằng đầu đề bài luận Việt-văn bảo phê-bình câu « Nhất nghệ-tinh, nhất thân-vinh » của ta và câu « Il n'y a pas de sot métier, il n'y a que de sottes gens » của Pháp. Các thí-sinh đều buộc phải có ít nhất là bằng Trung-học đệ-nhất-cấp ; một số đã đậu Tú-tài phần I. Vậy mà câu ngạn-ngữ Pháp đó đại đa số thí-sinh không hiểu. Họ dịch là :

— Chỉ có người *nhảy*, chứ nghề không *nhảy*.

— Không có nghề nào giỏi cả, thì cũng không người nào giỏi cả.

— Chúng ta không có nghề nào, mà chúng ta cũng không có nghề đối với giống nòi.

— Không có một nghề nào mà mọi người không làm.

— Không nên tận tâm với nghề, tận tâm với nó là một người điên.

— Chỉ có người là riêng, chứ nghề không phải là của riêng ai.

Có thí-sinh lại tán rộng ra :

— Một công-dân không thể làm được một lượt nhiều nghề, chỉ có thể nhiều người cùng góp sức làm một công việc với nhau.

Chắc độc-giả cũng như tôi, không thể tưởng tượng nổi ?

Đó trình-độ Pháp-văn của con em chúng ta ngày nay như vậy (mà Pháp-văn ra sao thì tôi chắc Anh-văn cũng rứa), nghĩa là

không bằng một học - sinh ở lớp nhì ban Tiểu-học Pháp-Việt hồi xưa. Và ta có thể chắc rằng đa số những học-sinh có tú-tài toàn - phần của ta ngày nay về ngoại-ngữ, nói viết không bằng một học-sinh lớp nhất thời trước thế-chiến lần thứ nhất.

Như vậy mà cho họ vô Đại - học, nghe những giáo - sư giảng bài thao thao bằng ngoại-ngữ, thì có khác gì một người mới tập lội được năm thước, mà ta chở họ ra giữa sông Sàigòn rồi xô họ xuống nước, bắt họ lội vào bờ không ? Rất nhiều sinh-viên lớp P.C.B., M.P.C. giáo-sư nói mười tiếng, chỉ bắt được lõm bõm vài ba tiếng, mà trình-độ khoa-học của họ không phải là thấp ; họ chỉ không quen nghe và kém ngoại-ngữ thôi. Đây, tôi xin dẫn lời của T.H. một sinh-viên khoa-học trong bài *Vấn-đề giảng bằng tiếng Việt ở bậc Đại-học* Việt-Nam đăng ở báo *Tự-Do* ngày 4-1-60 :

« *Trước hết mời quý vị viếng thăm lớp P.C.B. Giọng nói của Giáo-sư qua Micro nghe êm tai làm sao, các sinh-viên yên lặng chăm chú ghi chép. Nếu lật xem bản ghi chép của họ, quý vị sẽ cười sặc vì viết được ba chữ lại trừ ba hàng rồi thêm vài chữ nữa, như vậy cả trang giấy chỉ ghi vỏn vẹn được vài chục chữ* (...)

« *Sang M.P.C. quý vị sẽ được mục-kích một quang cảnh tương-tự* ».

« *Viếng thăm M.G.* (*Mathématiques Générales*) *một lớp chỉ biết toán, Quý-vị sẽ thấy những nét mặt của sinh-viên biến đổi tựa như Charlot trên màn ảnh. Có những chiếc trán nhăn nheo vì không đủ tiếng Pháp để hiểu. Có những nét mặt đăm chiêu vì hấp-thụ sơ sơ. Có những cặp mắt đỏ ngầu vì tức giận Pháp-ngữ đã ngăn chặn tầng óc của họ. Có những màu da trắng nhợt biểu-lộ sự lo lắng.* »

Đọc những hàng đó, tôi khen họ kiên-nhẫn bao nhiêu thì tôi ái-ngại cho họ bấy nhiêu.

Vậy thì họ đòi ở bậc Đại-học tiếng Việt phải được dùng làm chuyển-ngữ, là một điều tất nhiên, hợp lý và chính đáng. Người nào ở vào hoàn - cảnh của họ cũng phải đòi hỏi như họ. Ta phải hiểu tâm-lý đó mà tìm cách giải-quyết cho họ, chứ sao lại rầy họ ?

Chính một giáo-sư ngoại-quốc, giáo-sư Benneton còn cảm-thông nỗi khổ tâm của họ mà « *trước mong rằng nền Giáo-dục cao-cấp Việt-Nam sẽ hoàn-toàn Việt-Nam* » *(1)* mà sao Khoa-trưởng của mình lại không hiểu nổi lòng sinh-viên của mình nhỉ ?

Tôi nói đa số — có thể là chín phần mười hoặc nhiều hơn nữa — vì cũng có một số nhờ có khiếu riêng về sinh - ngữ, hoặc đã theo chương-trình Pháp trong một thời-gian, hoặc được gia-đình dạy thêm từ nhỏ nên trình-độ ngoại-ngữ khá hơn, có thể gần bằng những học - sinh có bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt hồi xưa.

Ông Cừu nhận « có sự thiếu sót » của giáo-sư, nhưng lại bảo « lỗi cũng của con em không chịu học, trong bảy năm, một ngày một giờ mà con em không hiểu nổi, nói nổi một sinh-ngữ ». Ông Vân-Huyền có nghe lầm không ? Một vị Khoa - trưởng, mà lại Khoa - trưởng trường Đại-học sư - phạm, sao lại có nhận xét hồ đồ,

(1) Trong bài *Những đau khổ của sinh-viên khoa-học* của Huỳnh Quang-Ái (*Tự-Do* ngày 9-1-60).

nông nỗi đến thế ? Con em không chịu học sinh-ngữ ? Các trường, các lớp sinh-ngữ tư mở đầy ở khắp tỉnh, mà bảo rằng thanh niên không chịu học sinh-ngữ ? Đã đành có một số làm biếng, đi học mà không chịu gắng sức ; nhưng tôi chắc rằng những học-sinh đậu được tú tài, vào được Đại-học thì không ở trong số đó. Trái lại họ siêng lắm, siêng hơn chúng ta hồi xưa nhiều : hồi xưa chúng ta có người nào nghỉ hè đi học tư đâu ? Bây giờ thanh-niên học tư hết cả vụ hè, mà ngay trong niên học, có một số đã học trường công lại học thêm trường tư nữa. Họ biết rằng, nếu sinh-ngữ kém thì họ không có tương-lai, nên học đêm học ngày. Bảo họ là làm biếng, thực oan cho họ quá. Vả lại, có cái lý gì mà trên 80%, 90% học-sinh cả một nước làm biếng riêng về môn sinh-ngữ ? Khi số học-sinh kém sinh-ngữ tới cái mức đó thì ta không thể đổ lỗi cho học-sinh được mà phải tìm nguyên nhân ở ngoài học-sinh.

Ông Cừu cũng như nhiều người khác cho là một phần còn tại giáo-sư. Tôi không muốn trở lại điểm này vì các báo chí đã nhắc đến nhiều rồi : một số lớn giáo-sư Trung-học thiếu kinh-nghiệm, sức học kém, mà lại phải hoặc ham dạy nhiều giờ, soạn bài không kỹ, không kiểm soát học-sinh, có người lại thiếu tư-cách chỉ muốn mua lòng học-sinh nữa, v.v... Người ta còn bảo một số giáo-sư Đại-học cũng không hơn gì : trong bài *Ý nghĩ của một nhà giáo tương-lai* của T. S. P. (cũng đăng trong nhật báo *Tự-Do* ngày 24-12-59) tác-giả phàn nàn rằng ở những ban Văn-chương sinh-viên phải « dùng đến những tài-liệu rất tồi — cả các vị giáo-sư nữa cũng chả tìm đâu ra », và có giáo-sư « dạy văn học sử Trung-Hoa mà không biết chữ Hán ». Thầy ra sao thì trò như vậy, lẽ đó tất nhiên.

Nhưng ngoài nguyên do ấy, ta còn phải xét hai điểm này nữa :

— Điểm thứ nhất : sách sinh-ngữ soạn cho học sinh ra sao ? Về Anh ngữ, ta mượn bộ *Anglais Vivant* của nhà Hachette. Bộ này dùng một phương-pháp cổ, không « vivant » chút nào cả, chú trọng vào từ chương, không tập cho học-sinh nói nhiều, nghe nhiều mà chỉ dạy họ nhiều dụng ngữ, biết viết, biết dịch. Tác-giả lại soạn cho học-sinh Pháp, không phải cho học-sinh Việt. Tuy vậy bộ đó cũng còn đứng đắn. Về Pháp ngữ còn tệ hơn, cũng chưa có cuốn nào soạn theo một phương pháp mới, hợp với học-sinh Việt-Nam, mà đa số lại còn viết rất cẩu thả. Sách như thế thì học sinh làm sao giỏi được ? Bộ Quốc-gia giáo-dục và các cơ-quan văn-hóa của Anh, Mỹ, Pháp hiện đã có chương trình gì về công việc soạn sách Anh ngữ, Pháp ngữ cho học-sinh Trung-học Việt chưa ? Đã nhóm những ban gồm nhiều giáo-sư Việt Pháp, hoặc Việt Anh, Việt Mỹ để nghiên cứu vấn-đề đó chưa ?

— Điểm thứ nhì : chương-trình sinh ngữ ở bậc Trung-học có hợp lý không, có liên tiếp với chương trình Đại-học không ? Đáng lý ra, những nhà soạn chương-trình Trung-học cũ nghĩa là chương-trình áp dụng từ năm 1950 hay 1951 tới năm 1958, khi quyết định dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc Trung-học, phải biết nhìn xa, tìm phương sách ra sao cho sau khi đậu Tú-tài, học-sinh có một trình-độ sinh-ngữ đủ để theo những lớp giảng bằng ngoại-ngữ ở Đại-học, nếu lúc đó ở Đại-học vẫn phải

dùng ngoại-ngữ làm chuyển-ngữ. Không vậy, thì họ phải chuẩn-bị cho bảy năm sau khi bắt đầu áp-dụng chương-trình của họ, ở Đại-học phải có đủ giáo-sư dạy mọi môn bằng Việt-ngữ được. Họ đã không biết dự-tính, chuẩn-bị, phối-trí công việc, cho nên mới có tình-trạng ngày nay làm cho sinh-viên bất-mãn, và phụ-huynh học-sinh chán nản, không tin cậy ở nền Trung-học của ta nữa, mà cho con em qua học các trường Pháp. Bà bốn ông bạn của tôi đều là nhà mô phạm, phàn nàn rằng : « Bảy tám năm trước, khi chính-phủ mới cho thi-hành chương-trình Giáo-dục mới, tôi nghĩ mình là người Việt phải trọng tiếng Việt, nên hăng-hái cho các cháu theo chương-trình Trung-học Việt-Nam. Bây giờ thấy chương-trình như vậy, giáo-sư như vậy, sách giáo-khoa như vậy, con mình đâu phải là hạng ngu hoặc làm biếng, mà đồ tú-tài rồi, dốt đặc về sinh-ngữ, lên Đại-học theo không nổi, so với học-sinh các trường Trung-học Pháp thì thua thiệt nhiều nỗi, tôi mới thấy lòng yêu tiếng Việt của mình là dại. Thôi thì trong lúc giao thời này, một thế-hệ bị thiệt, cũng là phải, không nên trách ai ; nhưng cứ theo cái tình-hình này, tôi e rằng thế-hệ sau cũng vẫn còn bị thiệt nữa. Thằng con lớn của tôi, theo chương-trình Việt từ lúc đầu, nay vô Đại-học, ít năm nữa nó ra làm việc, nếu lập gia-đình ngay thì chỉ mười năm nữa, con của nó đã bắt đầu đi học rồi, mà có chắc gì mươi năm nữa tình-trạng thay đổi không ? hay con nó sẽ lại chịu cái cảnh của nó hồi này ? »

Việc đã qua, không nhắc tới nữa. Biết ai là người chịu trách-nhiệm trong cái quá khứ đó ? Ta hãy xét chương-trình mới, chương-trình 1958 xem sao. Chương-trình này đã có một tiến-bộ về sinh-ngữ: ở đệ-nhất cấp học-sinh học chuyên một sinh-ngữ, Pháp hoặc Anh. Lên tới đệ-nhị-cấp học-sinh mới học thêm một sinh-ngữ thứ hai. Như vậy là các nhà soạn chương-trình đã nhận thấy lỗi của người trước chứ không hoàn-toàn đổ lỗi cho giáo-sư và học-sinh như ông Cừu. Chương-trình mới áp-dụng từ năm ngoái, chúng ta chưa *đoán chắc* được kết-quả sẽ ra sao, nhưng tôi *ngờ* rằng cũng sẽ không đi tới đâu cả.

Đây tôi xin xét chương-trình Pháp-văn (Pháp-văn ra sao thì Anh-văn cũng vậy) trong trường-hợp nó là *ngoại ngữ chính ở ban Văn-chương* :

Chương-trình Trung-học 1958

(*Trang 34*) **Đệ tam**

III.— *Văn-học-sử và Giảng-văn.*

Văn-học-sử : *Thế-kỷ 16 và tiền bán thế-kỷ 17 : các trào lưu tư-tưởng về văn-chương, triết-học và khoa-học.*

Ghi chú : **Thuyết giảng bằng tiếng Việt** (1). *Cho bài toát-yếu và kiểm văn bằng tiếng Pháp.*

. . . . . .

(*Trang 35*) **Đệ nhị**

III.— *Văn-học-sử và Giảng-văn.*

Văn-học-sử : *Hậu bán thế-kỷ 17 (từ 1660) đến đầu thế-kỷ 19. Những trào lưu tư-tưởng về văn-chương, triết-học và khoa-học.*

Ghi chú : **Thuyết giảng bằng tiếng Việt** (1). *Cho bài toát-yếu và kiểm văn bằng tiếng Pháp.*

---

(1) Tôi cho in đậm 5 tiếng này.

(*Trang 36*). **Đệ-nhất.**

Văn-học sử. Thế-kỷ thứ 19 và 20. Những trào-lưu tư-tưởng văn-chương triết-học và khoa-học.

Ghi-chú : **Thuyết giảng bằng tiếng Việt**, cho bài toát-yếu và kiểm-soát bằng tiếng Pháp.

Chương trình rất đầy đủ. Tôi chỉ mới trích ba đoạn ngắn, ai chịu khó đọc hết tất phải khen trình-độ sinh-ngữ của học-sinh Trung-học sẽ cao lắm. Nhưng tôi xin độc-giả chú-ý đến những tiếng tôi cho in đậm : **Thuyết giảng bằng tiếng Việt**. Tôi hiểu rằng Hội-đồng Liên bộ khi soạn chương-trình có những lý-do rất chính đáng để thêm lời *Ghi chú* đó. Nhưng tôi tự hỏi các học-sinh đệ-nhất ban Văn-chương — tôi nhấn vào : *ban Văn-chương* — mà không được tập nghe giáo-sư của họ thuyết giảng bằng ngoại-ngữ, thì rồi, lên Đại-học họ làm sao bắt kịp được những lời thuyết giảng thao thao của các giáo-sư ngoại quốc ? Ban Văn-chương mà còn vậy thì các ban khác mới ra sao ? Và như vậy thì tôi có quyền ngờ rằng sáu năm nữa, những học sinh theo chương-trình mới từ năm ngoái, sẽ vô Đại-học và nếu bậc Đại-học lúc đó vẫn dùng ngoại ngữ làm chuyển ngữ thì họ cũng vẫn gần gần như ngày nay, vẫn « mù tịt », giáo-sư giảng thì giáo-sư nghe, còn họ thì chẳng hiểu ất giáp gì cả. Và lời phàn nàn, lo lắng của các ông bạn tôi trên kia cho cái thế hệ cháu nội cháu ngoại của các ông, đâu phải là hoàn toàn vô căn cứ ? Người ta chê học-sinh dốt sinh-ngữ, nhưng thực tình mà xét, người ta có thành tâm, cương quyết muốn cho họ giỏi hay không chứ ?

Tình hình của nước ta khác tình hình của Pháp, Mỹ. Học-sinh Pháp có Tú-tài chẳng cần thông-thạo một ngoại-ngữ thì cũng chẳng sao : bậc Đại-học của họ dạy bằng tiếng Pháp — trừ vài môn đặc-biệt — mà họ lại có đủ sách soạn hoặc dịch về mọi ngành học. Ở nước ta thì trái hẳn. Vậy thì tại sao ta cứ phải chép gần đúng chương-trình Pháp ? Tại sao ta không dám trong lúc giao thời này, mạnh bạo đề-cao sinh-ngữ, ít nhất cũng ở đệ-nhị cấp Trung-học ? Tại sao ta không bắt học-sinh bất kỳ là ban nào hễ lên tới đệ-tam là phải tập nghe thuyết-giảng bằng ngoại-ngữ, như học-sinh năm thứ nhất ban Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt thời trước ? Và có tú tài rồi — bất kỳ ban nào — phải nói được, nghe được một ngoại-ngữ như học sinh năm thứ Ba ban Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt thời trước ? Có như vậy họ mới đủ sức theo những bài giảng của giáo-sư ngoại-quốc ở bậc Đại-học chứ ? Tại sao ta không nghĩ tới điều đó mà lại hạn-chế trình-độ ngoại-ngữ của họ ở cái mức không cao hơn mức lớp nhất tiểu-học Pháp-Việt hồi trước ?

Phụ-huynh học-sinh và học-sinh sẽ phàn nàn chương-trình nặng quá ư ? Tôi chắc rằng những người hiểu biết như các ông bạn tôi kể trên sẽ hoan-nghênh chứ không phàn nàn. Mà nếu chương-trình có quá nặng thì *trong lúc giao thời này, ta hãy tạm bỏ sinh-ngữ thứ nhì ở đệ-nhị cấp đi.* Tại sao cứ phải có hai sinh-ngữ như Pháp ? Ông T. Sugiyama, giáo-sư Nhật ở trường Sinh-Ngữ, viện Đại-học Sàigòn cho tôi hay các trường Trung-học Nhật chỉ bắt buộc học có một

sinh-ngữ tùy học-sinh lựa chọn, nhưng hầu hết học-sinh đều lựa Anh-ngữ. Ta cần đào-tạo gấp những học-sinh thông được một sinh-ngữ để theo nổi bậc Đại-học, hay là muốn đào tạo những thanh-niên biết lam-nham hai sinh-ngữ để rồi chẳng dùng được vào việc gì cả, để đến nỗi bị chê là « mù tịt » ?

Rồi bộ Quốc-gia Giáo-dục cho áp-dụng chương-trình mới mà có theo dõi nó không, xem nó có đưa đến mục-đích không ? Nếu đến năm 1962, mà học-sinh đệ-tứ vẫn kém sinh-ngữ quá, thì phải tìm cách tăng cường trình-độ sinh-ngữ của họ lên. Thiếu gì cách ? Buộc họ phải có một số điểm tối thiểu nào về sinh-ngữ mới được lên lớp trên, hoặc bỏ bớt phần từ-chương mà bắt họ phải nói nhiều, nghe nhiều về sinh-ngữ, tăng hệ số của sinh-ngữ lên, nhất là hệ số những bài tập nói... Họ sẽ không phàn nàn nếu ta giảng cho họ hiểu rằng ở trong xã-hội Việt-Nam hiện nay, một cậu tú có địa vị và nhiệm-vụ quan-trọng hơn một cậu tú ở Pháp hoặc Anh, Mỹ, vì ở các nước đó, hạng tú-tài rất nhiều, không thể xin làm một việc gì được ; còn ở nước ta, có tú-tài là có thể vào làm công-chức trung cấp trong các sở, có thể làm giáo-sư, nên cần phảithông-thạo một sinh-ngữ để trau-giồi sự học của mình mà giúp quốc-gia, đồng-bào. Ở nước người bằng tú-tài gần như một bằng cấp phổ thông, ở nước ta nó là một bằng cấp đáng quý. Vì vậy sự tuyển lựa của ta phải gắt gao hơn ở ngoại-quốc.

Bộ Quốc-gia giáo-dục lại phải nghĩ tới điều này nữa. *Khi đã phân biệt một ngoại ngữ chính và một ngoại-ngữ phụ* (tất nhiên học-sinh may lắm là thông-thạo được ngoại-ngữ chính, còn ngoại-ngữ phụ thì biết lờ mờ, chưa đủ hiểu một câu dễ) *thì ở bậc Đại-học cũng phải định rõ muốn vô ban nào, bắt buộc phải thông sinh-ngữ nào.* Trường Luật hiện nay dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ thì học-sinh lựa Pháp hay Anh làm ngoại-ngữ chính đều vô được hết (1), nhưng những trường Y-khoa và Dược-khoa chẳng hạn, nếu giáo-sư giảng bằng tiếng Pháp thì không thể cho học-sinh lựa Pháp ngữ làm ngoại ngữ thứ nhì vô học được.

Vấn-đề đó cần phải giải-quyết ngay từ bây giờ để phụ-huynh học-sinh biết đường mà hướng dẫn con em.

Nhưng đó vẫn chưa phải là vấn-đề khẩn-cấp nhất. Khẩn-cấp nhất là phải *tính sao cho các thanh-niên có tú-tài hiện nay có thể theo nổi các lớp giảng bằng ngoại-ngữ ở bậc Đại-học.*

Quốc-hội không thấy bàn đến vấn-đề đó — có lẽ không phải là nhiệm-vụ của Quốc-hội — và ông Cừu chỉ tuyên-bố mơ hồ rằng « sinh-viên Đại-học phải biết ít nhất là một ngoại-ngữ », mà biên bản cũng chỉ ghi rằng : « sinh-viên phải có một chứng-chỉ ngoại-ngữ ». Phải biết một ngoại-ngữ, phải có một chứng-chỉ ngoại-ngữ, dã đành rồi ; *nhưng vào lúc nào ? Lúc ở Đại-học ra hay trong thời-gian ở Đại-học, hay khi mới vô Đại-học ? Đó là điều ta cần biết.*

(Còn một kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(1) Tuy nhiên, ta nên buộc họ thông Pháp-ngữ vì luật của ta hiện nay chịu ảnh-hưởng của luật Pháp.

THƠ ĐOÀN-THÊM

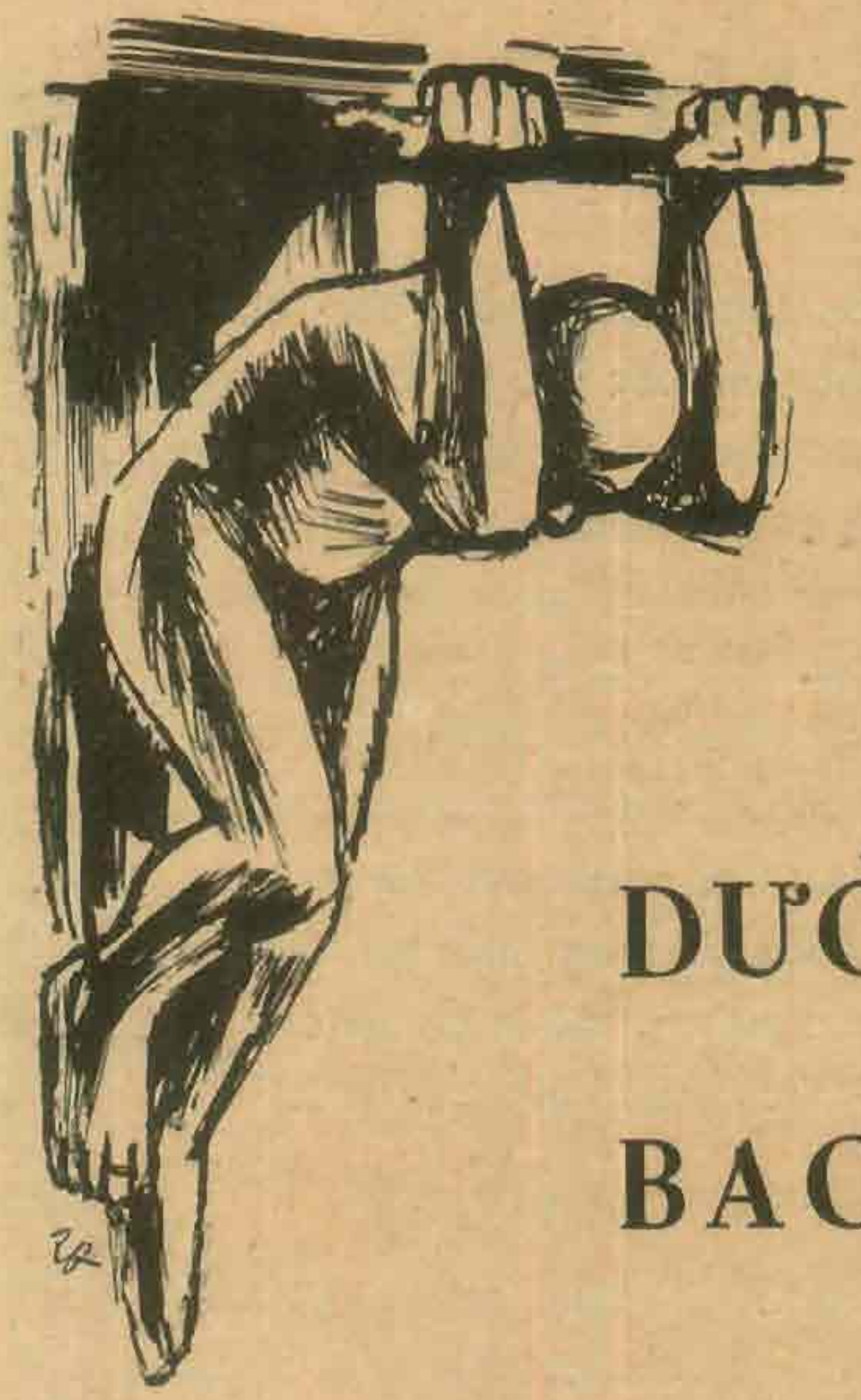
TẾT CŨ TẾT MỚI

Tôi vẫn nhớ năm xưa gần đến Tết,
Bao thây ma hốc hác gục bên đường,
Hết gạo rồi, cháo loãng với lòng thương
Không cứu nổi những thân tàn đói lả.
Vải khan hiếm, trời xuân sao rét quá ?
Đợi giao-thừa, lập cập cóng hay lo ?
Chẳng hương trầm, xó bếp nhặt cành khô,
Chầu ông Táo, đốt lò nghe gió thổi
Như rền rĩ kể nguồn cơn nông nỗi
Của giống nòi thảm thiết gọi từ-bi...
Hỡi hoa mai, nở mãi nữa làm chi,
Ngày bĩ-cực sá gì hương với sắc ?

☆

Từ dạo tôi dời chân xa đất Bắc,
Mỗi Tết về, đem lại cảnh hân hoan
Với niềm tin chấm dứt nạn cơ hàn,
Người no ấm và ruộng đồng xanh tốt.
Trông thấy bao người đã từng đau xót,
Nay tươi cười và dộn dịp nghênh xuân,
Trước rét run nay tha thướt áo quần,
Tôi hy vọng lãng quên dần thảm-kịch
Và mừng thầm không còn ai đói rách ;
Tôi bát ngát vui trong cuộc sống chung
Của thân sơ và tất cả giống dòng
Mà trời đất phù trì trong thương mến.

Đ. T.



DƯỚI TẤM BAO LƠN

• KHÒNG-NGHI

QUÁN ạ ! Không bao giờ tôi quên được cuộc gặp gỡ chiều qua giữa chúng ta, cuộc gặp gỡ tuy bỡ ngỡ nhưng êm đềm, nó đã nhắc tôi một thời dĩ-vãng của tuổi thiếu-niên.

Khốn nạn ! Sao chúng ta ngơ ngẩn với nhau như thế, anh muốn gọi tôi bằng mầy mà anh lưỡng lự, tôi muốn gọi anh bằng mầy nhưng tôi phân vân. Sao thế ? Hồi nhỏ chúng ta chẳng gọi nhau bằng mầy, tao là gì ?

Phải chăng chúng ta đã trưởng thành rồi, mà hễ trưởng thành thì người ta không được nô đùa như lúc niên ấu ? Thời gian có mãnh lực thay đổi người chúng ta, chớ đổi được lòng chúng ta sao ?

Không Quân ạ ! Không bao giờ tôi

chịu ảnh hưởng cái câu « xa mặt xa lòng ». Tuy lòng nghĩ thế nhưng viết bức thơ nầy, trông vào kiếng, tôi thấy da mặt tôi nhăn nhiu vì vết phong trần, rồi tôi tưởng đến cái đầu tóc hoa râm cửa tôi, tôi hơi ngần ngại tự bảo ; không thể gọi người nghiêm nghị ấy bằng mầy được nữa. Anh gặp tôi, anh nhìn rất lâu mà chưa nhận được, còn tôi, tôi đã gọi ngay anh khi mới trông qua. Vì hình ảnh anh đã in sâu trong trí não tôi, tôi không khi nào quên cái tên Quân ! Quân Nguyễn-Tuấn.

Anh rất vui tính nhưng không bao giờ cười, những buổi chiều thứ năm, chúa nhật trên chùa Tháp, đi dạo chơi với một lũ bạn mà bây giờ tôi chỉ còn nhớ mại mại tên của họ, anh ít khi hớn hở. Anh ngồi trên bồn cỏ vệ đường, tư lự hay đăm đăm nhìn phía phương trời xa. Giám thị có la rầy thì anh đi chơi nhưng anh không có vẻ gì lạc quan hết. Anh bực tức như rượt theo một người nào, anh hậm hực như bị một điều chi ám ảnh ở lòng mà không thể cùng ai thổ lộ.

Trường Sisowath bây giờ xiêu hư đổ nát, vách tường rong bám, rêu phong. Mỗi khi đi ngang qua đó, tôi có cảm tưởng như nghe tiếng chuông reo báo giờ chơi, tôi nhìn cái sân như còn nghe văng vẳng tiếng reo cười của lũ bạn ; dưới cây sầu đâu, tôi thấy anh như còn đứng đó buồn rầu.

Giờ thể thảo ở trường đối với hai ta, chỉ là một món nợ ta phải trả một cách khó khăn nhọc mệt ; hai ta không đứa nào mạnh khỏe cả. Trong nửa giờ phải uốn mình trên chiếc đu, xỏ cẳng trong vòng sắt, leo cái thang dây, anh tập một cách yếu ớt cực nhọc lắm. Trong giờ ấy, một buổi chiều anh đã bảo tôi :

« Một lát, tao sẽ nói với mầy một sự bí mật ».

Một sự bí mật, trời ! tiếng ấy làm tôi run cả người.

Anh Quân nhu mì, hiền hậu có sự bí mật ! Mãi nghĩ câu anh nói tôi làm các thể tập luyện như người máy theo dấu hiệu của ông thầy.

Hết giờ thể thao, chúng ta bắt cặp gần nhau vô lớp. Dưới mắt thầy giám-thị chăm chỉ, tôi cũng bạo gan hỏi nhỏ :

« Quân ! chuyện gì bí mật » ?

— Tao sẽ đốt một cái nhà !

*

Trong một giờ đối với tôi như một ngày, tôi bồi hồi mong đợi đến giờ ra. Chuông vừa đổ, tôi lập tức ôm cặp đến gần anh hỏi nhỏ, nhưng có vẻ khôi hài.

— Quân ạ ! mầy tính đốt nhà, thiệt chơi ?

Anh đăm đăm nhìn tôi, tia mắt sáng quắc lộ vẻ quả quyết.

— Ừ, tao sẽ đốt !

— Mầy sẽ đốt cái nhà.

— Ừ.

— Nhà nào ?

Anh ngó tôi hoài-nghi rồi nắm cánh tay tôi kéo đi, anh mạnh bạo đáp :

— Tao sẽ chỉ cho mầy.

Anh đi trước, tôi theo sau. Chúng ta qua đường Galliéni, sang đại-lộ Norodom, xuống đường Miche. Trời lúc bây giờ về chiều mát mẻ, đường Miche trong rất ngoạn-mục với mấy biệt-thự nguy-nga mỹ-lệ, ẩn trong cảnh vườn u-tịch. Tôi nhìn trời với mắt mỹ-quan, anh luôn luôn u-uất. Bỗng anh dừng lại chỉ cho tôi.

— Kia ! cái nhà đó... đó !

Ấy là một cái lầu Cao-Miên, kiến-trúc thô-sơ nhưng có chiu hùng-vĩ. Xung quanh những hình đồng khỏa thân đúc theo bộ điệu của con « Mái » ông Vua, dang tay đỡ chậu huỳnh-lan... bạch cúc. Tôi nhìn qua rồi hỏi anh.

— Mà tại sao mầy muốn đốt nó.

— Chỉ tại cái đó.

Tôi nhìn tấm bao lơn gật đầu.

— Mầy thấy không ? Đó ! đó !

Tôi thấy hai hình người gỗ chạm rất tinh-tế công-phu, dang tay đỡ tấm bao lơn. Họ đỡ một cách khó khăn đau đớn, đội trên đầu họ, chịu trên vai họ.

Cánh tay họ, thịt dùn như mỏi mệt, mặt họ nhăn nhíu như rằng quá sức để đỡ tấm bao lơn.

Anh nắm tay tôi siết mạnh bảo nhỏ :

— Tao ở ngay đây, tao không chịu được vì nó làm tao đau đớn lắm.

Quân ạ ! hồi thuở ấy, đầu óc tôi chưa biết suy tưởng gì nhưng tôi cảm-phục anh một cách lạ. Anh ghê gớm lắm và hào-hiệp lắm. Tôi thấy anh là hình ảnh của chàng « Poucet » của « tiểu kiếm khách », của những nhân-vật anh hùng trong truyện nhi-đồng mà chúng ta thường đọc say sưa dưới bóng chùa Tháp những chiều thứ năm, chúa nhựt.

— Quâu, mầy tính đốt nhà, được rồi. Nhưng làm cách nào mới được chớ ?

Anh mỉm cười tự đắc :

— Mầy quên rằng ba tao làm thầy thú-y à.

Tao ăn cắp thuốc đạn của ông dành dụm từ lâu, bây giờ, đã đầy một gói, tao có thể hành-động theo ý muốn. Nầy nhé ! tao chỉ để hộp thuốc chỗ đó, đốt cái tiệm, thế là xong.

Anh nói tao, anh không nói chúng ta, anh muốn riêng anh đối phó với việc nầy.

Ai có hiểu đâu tình cảnh anh lúc nầy ! Nó rối lắm. Anh phải dành dụm từng xu mua cái tiệm, anh luôn luôn hồi hộp vì sợ lộ chuyện. Cha anh đi bắn bóp cò không thấy súng nổ, trông lại bị súng không thấy thuốc, không biết sẽ giận dữ đến thế nào và anh sẽ sợ hãi đến đâu ?

Nhưng bữa kia vào lớp, anh cười bảo tôi :

— Thuốc đạn trong cập, chiều nay.

★

Chiều buổi ấy (tôi chỉ còn nhớ mơ hồ trong trí) anh đi rất mau, tôi theo sau anh hai mươi bước...

Tôi ngừng lại... anh đi. Dưới trụ đèn, tôi đợi anh hồi hộp

Năm phút... Mười phút... Anh chạy lại mệt nhọc nhưng hớn hở.

— Tao để hộp thuốc rồi, đốt tiêm rồi, chạy mầy ; Chạy... Rồi chúng ta hơ hãi chạy vì chúng ta chỉ là hai thằng con nít.

Im hơi lặng tiếng chờ. Nhưng không một tiếng nổ vang, không một làn khói tỏa. Nửa giờ sau trở lại thì hộp thuốc nằm dưới đường mương, cái nhà vẫn đứng sững, hai người hình gỗ vẫn đỡ tấm bao lơn một cách nhọc mệt.

Sáng ngày, gặp tôi, anh thất vọng buồn rầu.

— Tao sẽ làm giàu, tao sẽ mua cái nhà ấy để phá.

Ngày qua, tháng qua, năm qua, thời gian chia rẽ chúng ta trên đường gió bụi, mỗi người một phương kế sinh nhai.

*

Chẳng đè hôm qua lại gặp nhau. Gặp anh, tôi nhớ ngay đến cái nhà và hai người hình gỗ, nhưng tôi không dám nhắc chuyện cũ vì sợ chuyện ấy sẽ khêu gợi vết thương lòng anh chăng ? Thế mà lúc chia tay tôi vẫn không kèm chế được tảnh tò mò.

— Anh không mua cái nhà ở đường Miche sao ?

— Nhà nào ? Mua chi ?

Anh hỏi ngạc-nhiên- Thôi anh đã quên hẳn hai hình người gỗ đỡ tấm bao lơn rồi. Tôi miễn cưỡng nhắc :

— Cái nhà ở đường Miche...

— À, cái nhà ở đường Miche ! Không ! Không ! Tôi không mua cái nhà ở đường Miche ! Vì tôi có cái biệt thự ở Kep để làm vui lòng vợ tôi và cái biệt thự ở Đà-lạt để làm của hồi môn cho con tôi.

Đó là hai người đàn bà lộng lẫy phong lưu trong cái xã-hội phù hoa.

Trông anh, tôi nhớ lại hai người hình gỗ vì bây giờ anh già đi, da mặt nhăn đi, lưng gù đi như hai hình người gỗ dang tay một cách mệt nhọc, khó khăn để đỡ tấm bao lơn.

KHỔNG-NGHI

« Kế-hoạch nhị thập niên »

Chúng ta ngày nay thường vẫn nghe nói : Kế-hoạch ngũ-niên, Kế-hoạch thất-niên ; ngày xưa đã từng có « Kế-hoạch nhị thập niên », đó là kế-hoạnh của vua nước Việt là Câu-Tiễn. Nước Việt đánh thua nước Ngô, vua nước Việt muốn phục thù, quyết định nhóm họp dân trong mười năm, rồi dạy dỗ dân trong mười năm, dự bị trong hai mươi năm, để đánh cho được nước Ngô, Điển-cố gọi kế-hoạch ấy là kế-hoạch : *« Thập niên sinh tụ, thập niên giáo huấn »*.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE
Tai-nạn Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

(Mục « Tin văn Quốc-tế » trình bày cùng độc-giả các tin tức mới mẻ nhất về sách báo Quốc-tế thu lượm được ở Ba-Lê. Nó cũng sẽ cố giúp độc-giả am-hiểu hơn về sự phát-triển của ngành xuất-bản sách báo ở các nước Âu-Mỹ. Sau nữa nó có mục-đích trình bày cùng các bạn một đại-quan về sách báo Pháp xuất-bản hàng tháng tại Pháp hay trong những khu-vực ảnh-hưởng Pháp).

Tin văn Quốc-tế

H. Đ.

NHẬT (Tokyo).— Trong cuộc triển-lãm quốc-tế về sách vừa qua ở Đông-Kinh (25-30 tháng 6-1959), có 21 nước trên thế-giới tham - dự. Hơn 8 ngàn cuốn sách và 2 ngàn báo-chí đã được đem ra trình-bầy. Ngoài nước Nhật, dĩ nhiên là nước đã trình-bầy nhiều nhất ; có 3 nước đã chiếm một địa-vị quan - trọng : đó là Mỹ, Pháp và Tây-Đức.

MỸ (Nữu-Ước). 1) Cựu Tổng-Thống Truman tuyên - bố sắp viết hai cuốn sách, một cuốn về đời của ông từ lúc hết hạn làm tổng-thống, và một cuốn lịch-sử Mỹ-quốc cho trẻ con từ 10 đến 16 tuổi đọc.

2) Một tạp-chí văn-học, do nhà xuất-bản « Meridian Books » chủ-trương, sẽ được phát-hành 2 lần một năm (2 vạn rưỡi số) và lấy tên là : « The Noble Savage ».

3) Tạp-chí Harper's Magazine, số tháng 10-1959, có in một tờ phụ-trương cho ta biết rõ về nhà văn Mỹ và nghề xuất-bản bên Mỹ.

Theo tạp chí đó thì số tiền một người Mỹ « thường thường bậc trung » bỏ ra để mua sách cũng ngang với số tiền dùng để mua giấy viết thư và số tiền đó mới chỉ bằng nửa số tiền để mua đồ chơi... Bên Mỹ, nghề xuất-bản sách nhi đồng rất thịnh-vượng. Riêng trong năm 1958, đã bán được 33 triệu cuốn sách, trị giá mỗi cuốn 1 Mỹ-kim (một dollar). Trong năm 1952, bán không đầy 17 triệu cuốn. Cũng trong năm 1958 hai trăm năm mươi tám triệu sách cho người lớn, loại thường (broché) và hai mươi tám triệu loại đóng gáy (relié) đã được tiêu-thụ.

4) Cuốn « Le dernier des justes » của nhà văn Pháp (gốc tích Do-thái)

André Schwarz - Bart, vừa được giải thưởng Goncourt 1959 sẽ được dịch sang tiếng Anh và nhà xuất - bản Atheneum phát-hành bên Mỹ. Nhà này do Simon Michael Bessie (cựu giám-đốc văn-chương của tạp chí Harper's) Hiram Haydn (cựu giám-đốc văn-chương của tờ « Random House ») và Alfred Knopf Jn thành lập.

TÂY ĐỨC 1) Trong năm 1958, Hai quyển sách ngoại-quốc nổi tiếng nhất là quyển *Docteur Jivago* (Nga) rồi đến quyển *Les Rois Maudits* của nhà văn-sĩ Pháp Maurice Druon.

2) Nhà xuất-bản Econ chuyên phát-hành những sách có giá-trị về khảo-cổ, sắp cho in một cuốn nhan là : « Mit dem Fahrsthul in die Romerzeit » (Với thang máy trong thời-đại cổ La-Mã). Chính nhà xuất-bản này đã phát-hành cách đây không lâu cuốn : « La Bible arrachée au Sable ».

3) Cuốn « Dans un mois... dans un an » của nữ-sĩ Pháp Françoise Sagan vừa được phát-hành trong loại sách « *bỏ túi* ». Ở bên Đức, loại này rất thịnh hành. Riêng tác - phẩm đầu tiên của F. Sagan, cuốn « Bonjour Tristesse » đã xuất-bản được 35 vạn cuốn.

NGA (Moscou).— (Chúng tôi đăng tin này với mọi sự dè dặt thường lệ 1) Theo tạp-chí Mỹ Publisher's Weekly, dân Nga thèm đọc sách Mỹ đến nỗi mà vừa rồi, trong kỳ triển - lãm sách Mỹ ở Mạc-Tư-Khoa, nhiều cuốn sách trưng bày đã bị mất cắp. Cuốn thánh-kinh của đạo Ki-tô (Bible) bằng tiếng Nga và nhiều sách Mỹ-thuật, thường hay bị mất nhất. Đến khi sự kiểm-soát nghiêm ngặt hơn thì sự mất trộm cũng đỡ đi nhiều, nhưng sách vì bị khán-giả sờ mó luôn tay nên các trang giấy cũng bị sờn mòn đi nhiều. Theo ông Mac Laughlin, giám-đốc ban sách báo trong thời kỳ triển-lãm đó thì dân Nga thích đọc nhất các tác-phẩm của Hemingway, Sandburg và Steinbeck. Ngoài ra họ cũng ham đọc những sách khảo về Hội-họa Trung-Hoa, Nghệ-thuật Trung-Cổ, về các Họa-sĩ Pháp như Gauguin, Renoir, và các loại sách về kỹ-thuật.

PHÁP 1) Loại « sách-đĩa » (livre-disque).— Gần đây ở bên Pháp mới xuất hiện một loại đĩa-hát mà người Pháp gọi là *livre-disque* (tạm dịch là sách - đĩa). Loại tác-phẩm này trình-bầy như một cuốn sách đẹp nhưng trong chỉ có đĩa (chế-tạo như những đĩa hát thường). Thứ đĩa này không thu thanh những bài hát mà trái lại, thu những bài thơ hay tập thơ, những vở kịch của các nhà văn - sĩ, thi - sĩ, kịch - sĩ Pháp, Anh, Đức v.v... Thơ và kịch do những nghệ-sĩ nổi tiếng trên kịch-trường hiện - thời, đọc hay ngâm - vịnh. Mới đầu loại « sách - đĩa » không được quần-chúng Pháp hưởng-ứng lắm. Nhưng đến giờ thì nó đã được nhiều người hoan-nghênh, nhất là trong đám học - sinh thi tú-tài và trong nhóm những người yêu thơ và mê kịch... Nhà sản - xuất đĩa hát Vega vừa cho phát - hành 9.625 đĩa về thơ Verlaine do tài - tử François Périer « ngâm ». Ngày 15 tháng 10 vừa rồi, họ lại phát-hành thêm một sách đĩa nữa về thi-hào Paul Valéry, do kịch-sĩ trứ danh Jean Vilar đọc. Vì thấy tương-lai « sách-đĩa », có cơ khá, nên nhà làm đĩa Vega cộng-tác với nhà xuất-bản sách Pierre Seghers để phát-hành một loại sách-đĩa tên là « Poètes étrangers » (Thi-sĩ ngoại-

quốc). Theo nguyên-tắc đã định, loại này dành riêng cho các thi-gia, kịch sĩ nước ngoài và sẽ do nghệ-sĩ ngoại-quốc phụ-trách. Vì thế nhà xuất-bản P. Seghers đã ký hợp-đồng với nhà xuất-bản Spoken Arts bên Anh để ra một loại sách-đĩa về kịch của Shakespeare do kịch - sĩ người Anh Paul Rogers diễn. Những người học văn-chương Anh có thể mua những đĩa ấy về mà thưởng-thức những đoạn văn hay trong những vở kịch nổi tiếng của Shakespeare như : Roméo et Juliette, Macbeth, Richard II v. v... do những tài-tử người Anh trăm phần trăm diễn đọc. Thật là một dụng-cụ rất có ích cho sự hiểu-biết về văn-chương ngoại-quốc. Hy-vọng rồi đây sẽ có những sách-đĩa Việt-Nam do các nghệ-sĩ Việt-Nam tốt giọng, giới - thiệu với quần-chúng Âu-Mỹ những vần thơ tuyệt-tác của Nguyễn-Du, Hồ-Xuân-Hương, Bà Huyện Thanh-Quan v.v...

2) Nhà xuất - bản Seuil (Edition du Seuil) tháng một 59, đã phát - hành một loại sách chuyên về việc phổ - thông khoa-học, mệnh - danh là « Le Rayon de la Science » do ông Etienne Lalou phụ-trách. Loại này đã ra được 3 cuốn :

— L'Electronique (Khảo về điện-tử)

— Le Fonds sous-marin (Đáy bể)

— Les Nuages (khảo về mây)

— Nhà xuất bản nói trên cũng cho phát hành một loại sách nữa chuyên khảo về tôn-giáo, tín-ngưỡng, phong-tục và tập-quán các dân-tộc Á-Đông và nhất là Viễn-Đông, do một nhóm học-giả trẻ tuổi phụ-trách. Loại sách tên gọi là « Sources orientales » (Nguồn gốc Đông-phương). Hai cuốn đầu loại này là :

— a) « *Naissance du Monde* », (Khai thiên lập địa...) trong cuốn này các nhà khảo-cứu trình bầy quan-niệm các dân-tộc Á-Đông, về sự sinh ra vũ-trụ, dựa theo những tài liệu Trung-Hoa, Nhật-Bản, Cao-Mên, Ấn-Độ, Diến-Điện, v.v...

— b) « *Les Songes et leurs interprétations* » (Mộng và cách đoán mộng) cũng theo nguyên-tắc trên, cho chúng ta biết cách đoán mộng theo người Tầu, người Nhật, Ấn-Độ, v. v... Tiếc rằng trong loại này, chưa có ai phụ trách về Việt-Nam ! Tuy có ích-lợi cho những người nào muốn có một khái-niệm về một vấn-đề bên Á-Đông, loại sách này dù sao cũng không được khoa-học cho lắm, vì không in kèm theo nguyên văn các tài-liệu Ấn, Nhật hay Trung - Hoa. Độc-giả vì thế, phải hoàn-toàn tin cậy vào tài học của mấy người biên khảo và không thể tra cứu xem bản dịch Pháp - văn có đúng với nguyên-tắc hay không ?...

H. Đ.

KỲ TỚI : « Nghệ xuất - bản với loại sách Tết cho thanh, thiếu nhi bên Pháp ».

« Thảo mộc giai binh »

Tấn-sử có chép truyện Bố-Kiến đánh nhau với quân Tấn, bị thua, đang đêm phải chạy trốn. Quân lính bị đánh thua đã khiếp sợ, lại còn lo quân Tấn đuổi theo, nên khi trông thấy cỏ cây trên Công-sơn, cũng tưởng là quân Tấn. Do đấy có điển : « *Thảo mộc giai binh* » (cỏ cây cũng đều là binh), có nghĩa là khi đã sợ thì hay dễ sinh nghi.

VỌNG KẾ-MÔN

TRÔNG CỬA ẢI KẾ-MÔN (1)

Yên đài nhất khứ khách tâm kinh,
Già cổ huyên huyên Hán tướng duynh.
Vạn lý hàn quang sinh tích tuyết,
Tam biên thự sắc động nguy tinh.
Sa trường phong hỏa xâm Hồ nguyệt,
Hải bạn vân san ủng Kế thành.
Thiếu tiểu tuy phi đầu bút lại,
Luân công hoàn dục thỉnh trường anh.

TỒ-VỊNH

Xa bước đài Yên (2) dạ ngậm ngùi,
Trống kèn quân Hán giục inh tai.
Tuyết dồn muôn dặm hơi dương lạnh,
Cờ động ba bề ánh sáng soi.
Khói nổi đất Hồ (3) trăng ảm đạm,
Mây che thành Kế biển chơi vơi.
Trẻ thơ tuy chửa từng quăng bút (4),
Cũng muốn như ai lãnh giải đài (5)...

Á-NAM (dịch)

Phần chú giải

Ta từ khi từ giã Yên-đài ra đi, tới nay trong lòng thường chập chờn kinh sợ, buồn tình trong cảnh khách địa trơ vơ. Đôi khi lại được nghe những tiếng kèn tiếng trống inh ỏi bên tai từ trong quân dinh của Hán, đồng vọng đưa ra.

Trông lên trên quãng đường đi, chỉ thấy tuyết dầy sa đọng, bật lên ánh sáng lạnh lẽo ghê người; và ngó lại biên thành thì những ngọn cờ cao vót cắm trên ba bên mặt thành, thỉnh thoảng có cơn gió thổi, lại thấy phơ phất tung lay.

Xa xa kia chốn sa trường, khói lửa bốc lên mờ mịt, cơ hồ che lấp cả cái bóng nguyệt ở phía bên Hồ; còn nơi ven biển thì những đám mây cao ngất che lấp mất cả Kế thành.

Lúc đó trong lòng ta lại càng bồi hồi suy nghĩ, tuy đương vào trạc thiếu-niên, chưa từng học lối Ban-Siêu thời Hán, đứng dậy quang bút mà ra theo đòi nhung mạc; song rứa mà hiện nay ta cũng muốn tự thân ra lập công danh, khác nào như Chung-Quân đời trước, xin với triều-đình được lĩnh một cái giải buộc ngựa thực dài, để đem ra chiến-trường trói bắt quân giặc mà đem về nộp trong triều...

---

(1) Tên một cửa ải, thuộc Kế huyện, tỉnh Hà-Bắc. (2) Yên-đài tức là Hoàng-Kim đài, do vua Chiêu-Vương nước Yên lập ra, có đặt ngàn vàng ở trong đài để triều đãi sĩ phu trong thiên hạ. (3) Hồ tức là rợ Hồ, trước đây thường hay quấy nhiễu Trung-Hoa. (4) Ban-Siêu đời Hán, đương đi học, chợt quăng bút mà than « Trượng phu nên lập công dặt lạ, cần gì mà nghiên bút theo hoài ». (6) Chung-Quân đời Hán nói với vua xin cho cái giải cương ngựa thực dài để đi trói giặc mang về nộp.

Năm 1960

VỚI NHỮNG KHẢ-NĂNG KIẾN-TẠO HÒA-BÌNH

TIỂU-DÂN

NHÂN-LOẠI bước vào năm mới với ít nhiều hi-vọng. Dù sao cuộc viếng thăm Hoa-kỳ, ông Cơ-rút-sếp vẫn là ông Cơ-rút-sếp với một lập-trường không di-chuyển đối với các vấn-đề tranh-chấp, người ta vẫn xem cuộc tiếp-xúc Hoa-kỳ — Liên-xô, sau mười mấy năm chiến-tranh lạnh, như một sự kiện có lợi cho hòa-bình. Và dù cuộc du-hành của tổng-thống Et-dân-hao viếng thăm mười một quốc-gia, nằm trong khuôn khổ chủ-trương giải-bày lập-trường hòa-bình của đại-cường lãnh-đạo thế-giới dân-chủ, người ta vẫn muốn thấy ở sự-kiện, ý-nghĩa một cố gắng lớn lao của nhân-dân thế-giới yêu-chuộng hòa-bình để giải-quyết trong Công-lý và Tự-do những vấn-đề tranh-chấp có thể đưa loài người đến miệng vực chiến-tranh.

Hai biến-cố lịch-sử nầy đánh dấu những ngày tháng cuối cùng của năm cũ — cho phép ta hi-vọng ở năm mới vậy.

Tuy nhiên, người ta cũng không quên rằng chính trong thời-gian ấy trọng-tâm tranh-chấp quốc-tế dường như đã chuyển sang châu Á, với sự xung-đột giữa Ấn-Độ và Trung-Cộng tại biên-giới hai nước. Gần đây tình-hình đột-nhiên căng-thẳng giữa I-rắc và Ba-Tư cũng làm cho thế-giới phải quan-tâm.

Mặt khác, người ta cũng nhớ rằng các vấn-đề tranh-chấp vẫn còn nguyên vẹn và dù hội-nghị tối-cao Đông-Tây sắp tới có thâu đạt được kết-quả tốt đẹp đến thế nào đi nữa, những kết quả nầy sẽ không đủ sức nhiệm-mầu san bằng hố sâu chia rẽ hai phe từ bao nhiêu năm nay.

Cho nên, mang trong lòng ít nhiều hi-vọng, mọi người không vội lạc-quan, trái

lại, đều nhìn vào thực-trạng tranh chấp, tìm kiếm những yếu-tố hòa-hoãn mới và nghĩ suy về một hướng đi khả-dĩ bảo-đảm thể-hiện dần dần các niềm hi-vọng kia.

Thế-giới đang ở đâu, sẽ đi đâu vào năm 1960 ? Những câu hỏi nầy ám-ảnh mọi người quan-tâm đến thời-cuộc quốc-tế, ở ngưỡng cửa năm mới.

Những vấn-đề quan-yếu

Băn-khoăn đầu tiên của người tìm hiểu tình-hình là công việc hệ-thống hóa các vấn-đề quốc-tế như thế nào để có một ý-niệm tổng-quát nhưng chính-yếu về thực-trạng tranh chấp giữa hai phe.

Theo chúng tôi, trước hết ta nên xem xét mối tương-quan giữa Đông và Tây, chủ yếu là mối tương-quan giữa hai đại-cường chống nghịch, Hoa-Kỳ và Liên-xô. Thật ra, các vấn-đề nầy rộng quá, bao quát phần lớn vấn-đề tranh-chấp quốc-tế hiện-thời. Tuy nhiên, ta vẫn có thể, trong phạm-vi nầy, hướng sự chú-ý vào các vấn-đề thời-sự quan-trọng như : hội-nghị tối-cao Đông Tây, qui-chế Bá-linh, tài-binh, giúp-đỡ các quốc-gia hậu-tiến về kinh-tế.

Thứ nữa, ta sẽ xem xét vấn-đề Trung-cộng bao gồm các vấn-đề liên-quan đến Trung-cộng và do nước nầy gây nên : Đài-Loan, Tây-Tạng, Ấn-Độ, Lào.

Thứ ba là các vấn-đề của thế-giới Á-rập, Hồi-giáo, địa-khu chiến lược quốc-tế quan yếu hiện-thời và lâu dài về sau.

Hệ-thống các vấn-đề quốc-tế như vậy, ta không khỏi bỏ qua nhiều vấn-đề quốc-gia cá-biệt nhưng ta lại có thể có một nhận-định chung, phù-hợp với mục phiêu đặt ra là tìm hiểu tình-hình tổng-quát mà chính-yếu.

Một điều quan-trọng cần nhấn mạnh là sự xem xét các loại vấn-đề nói trên phải dựa vào hai yếu-tố : đường-lối chánh-trị quốc-tế của Hoa-Kỳ và đường lối chính-trị quốc-tế của Liên-xô từ sau Đại-chiến lần thứ hai đến nay.

Một thế-giới có hai đầu

Sở-dĩ sự xem xét các vấn-đề quốc-tế dựa vào hai yếu-tố ấy là vì, cho đến nay, chính tình-hình tranh-chấp của hai đường lối chính-trị quốc-tế ấy đã tạo nên cục diện thế-giới.

Người ta biết rằng trong hàng-ngũ thế-giới tự-do có những cường-quốc giầu mạnh, uy-danh lừng lẫy từng thời-gian dài trong lịch-sử như Anh, Pháp, Đức.

Người ta cũng không quên rằng các quốc-gia Á-Phi càng ngày càng được lưu ý vì vai trò và thế-lực trọng tài của họ trong cuộc tranh-chấp giữa hai phe trên thế-giới.

Tuy vậy, nếu xét kỹ lịch-sử chính-trị thời hậu-chiến, ta sẽ không phủ-nhận sự chi-phối sâu-xa và quyết-định của hai đường lối chính-trị nói trên.

Anh, Pháp, Đức — hai nước thắng-trận cũng như nước bại trận — đều bị kiệt quệ vì chiến-tranh. Trong suốt một thời gian dài mười mấy năm, các quốc-gia nầy chỉ loay hoay trong lãnh-vực phục-hưng kinh-tế. Chưa nói rằng sự phục-hưng kinh-tế nầy dựa một phần quan-trọng vào sức viện-trợ, cho vay hay cho mượn của nền kinh-tế Hoa-Kỳ, người ta cũng đã ghi nhận một thực-tế khách-quan là các quốc-gia ấy không còn đủ thế và lực để đóng một vai trò hàng đầu trên sân-khấu chính-

trị thế-giới. Lý ưng họ có thể gây một ảnh-hưởng chính-trị nào trong công cuộc quyết-định vận-mệnh thế-giới, với vấn-đề thuộc-địa — nói rõ hơn — vấn-đề giải-phóng các thuộc-địa. Nhưng sự thật, vấn-đề nầy cũng chưa bao giờ gây nên sóng-gió quan-trọng ở chân trời quốc-tế. Đức-quốc không có thuộc-địa. Ý-Đại-Lợi đã mất nhanh các thuộc-địa của mình. Pháp đã có sự sáng suốt để trao trả chủ-quyền độc-lập một cách êm-thắm cho Tuy-ni-di, Ma-Rốc trong khi các vấn-đề nầy sắp được quốc-tế hóa một cách bất-lợi cho Pháp. Nhưng cường-quốc nầy lại sa lầy trong vấn-đề Đông-Dương và khi cuộc chiến tranh Việt-Pháp bắt đầu có ảnh-hưởng quốc-tế thì nó lại chấm dứt ngay, thành thử vai trò của Pháp trên trường quốc-tế cũng không có một đồng cân đủ nặng để gây một chuyển biến nào trong thời-cuộc. Pháp còn vấn-đề chiến-tranh ở Angiêri nhưng đây lại là một vấn-đề đặc-biệt mà cả Hoa-Kỳ, lẫn Liên-Xô, vì lý-do chiến-lược chính-trị, cũng không muốn thừa-nhận tính-chất quan-trọng quốc-tế.

Về phần Anh-Quốc, nước nầy đã khôn ngoan trao trả kịp thời chủ-quyền độc-lập cho các thuộc-địa quan-trọng và liên-kết với các quốc-gia mới nầy trong khối Liên-Hiệp-Anh, nên cũng không gây một tác-động lớn-lao vào cục-diện thế-giới.

Các vấn-đề của Châu Âu sôi-nổi hơn hết là những vấn-đề Thị-trường chung, Cộng-đồng than, thép, khu-vực mậu-doanh tự-do v.v... toàn là những vấn-đề kinh-tế vốn chỉ được Cựu đại-lục lưu-tâm mà thôi.

Gần đây nước Pháp Đệ-ngũ Cộng-hòa dưới sự lãnh-đạo của tướng Đờ-Gôn, đã khẳng-khít với Tây-Đức hơn trước và trong nhiều vấn-đề quốc-tế quan-điểm hai quốc-gia rất gần nhau. Ngoài ra, đường-lối hợp-tác kinh-tế giữa các quốc-gia Châu-Âu đang đi đến một giai-đoạn trong đó các chính-phủ Châu-Âu nhận thấy cần một hình-thức chính-quyền siêu quốc-gia để đảm-bảo điều-hợp các lợi-ích kinh-tế quốc-gia. Những sự-kiện trên đây có một ý nghĩa chính-trị quan-trọng — sự vùng dậy của Châu-Âu nhằm hướng tổ-hợp thành một lực-lượng chính-trị làm trọng-tài giữa Hoa-Kỳ và Liên-Xô — nhưng triển-vọng thực-hiện còn xa vời, chưa nói rằng Anh-Quốc không có nhiều thiện-cảm với sự chuyển mình của lục-địa Châu-Âu theo chiều hướng chính-trị ấy.

Cho đến nay, chỉ có một lần Anh, Pháp vượt lên khỏi vị-trí thứ-yếu, gây sóng gió trên chính-trường quốc-tế. Đó là cuộc võ-trang can-thiệp vào vấn-về kênh Xuy-E năm 1956. Rốt lại cũng vì Hoa-Kỳ không ủng-hộ cuộc phiêu-lưu quân-sự và chính-trị ấy mà Anh Pháp đã phải rút lui.

Về phần các quốc-gia Á-Phi, hầu hết là những nước kém mở-mang, có nền độc-lập mới-mẻ, họ phải dành rất nhiều thì giờ, tâm-tư, nghị-lực vào công-cuộc giải-quyết những vấn-đề sinh-yếu của quốc-gia. Củng-cố chủ-quyền Độc-lập, xây-dựng kinh-tế, phát-triển văn-hóa, cải-tiến xã-hội, bấy nhiêu nhu-cầu đòi hỏi ở các qnốc-gia nầy một sự nỗ-lực xây-dựng phi-thường để ứng-đáp.

Trong thời-gian qua có hai lần lực-lượng Á-Phi đã đóng một vai trò quan-trọng trên sân-khấu chính-trị quốc-tế : vụ Xuy-E, trong đó các quốc-gia Á-Phi đã nhất trí ủng-hộ lập-trường của Ai-Cập bị xâm-lăng và hội-nghị Băng-đung lần thứ

nhứt trong đó, chính-sách trung-lập, sống chung hòa-bình được phát-động mạnh-mẽ.

Về tương-lai, một khi trở nên giàu mạnh, chắc-chắn lực-lượng các quốc-gia Á-Phi sẽ có ảnh - hưởng quyết - định đến chánh-tình thế-giới, nhưng hiện nay thì họ phải bận tâm nhiều vì những vấn - đề nội-bộ. Đó là chưa nói rằng sự cần thiết phải dựa vào sức viện-trợ quốc-tế — về kinh - tế, tài - chánh và kỹ - thuật — đòi hỏi ở các quốc-gia Á-Phi một đường lối chính-trị uyển chuyển, nằm trong khuôn-khổ tiết-chế, điều-hòa hai đường lối chính-trị đối-nghịch của hai đại cường-quốc.

Tóm lại, một tình-hình thế-giới tự-do sơ phác như thế cho ta thấy rằng suốt thời-gian qua, kể từ sau Đại-chiến, phần lớn trách-nhiệm về cục-diện quốc-tế nằm trong đường lối chính-trị đối-ngoại của Hoa-Kỳ. Cố nhiên đây là trách-nhiệm về phía thế-giới tự-do.

Hoa-Kỳ đã có đường lối chính-trị đối-ngoại — nói rõ hơn — đối với Cộng-sản quốc-tế như thế nào ?

Hai giai-đoạn chính-trị đối ngoại

Từ năm 1952 trở về trước, chính-sách đối-ngoại của Hoa-Kỳ do tổng-thống Tơ-ru-man và ngoại-trưởng A-si-sơn chịu trách-nhiệm dậm-đà ý-nghĩa cam chịu thụ-động. Chủ-trương « làm be-bờ » (containment) thời bấy giờ nhằm ngăn cản sức bành-trướng của Cộng-sản quốc-tế, bất cứ ở đâu, không cho tràn lan ra ngoài phạm-vi hiện-tại, đồng thời giành sáng-kiến hành-động.

Tháng Giêng năm 1953, với sự đắc-cử tổng-thống của ông Etdânhao và sự bổ-nhiệm ông Dôn Phôt-tơ Đơ-lớt vào trách-vụ ngoại-trưởng, một kỷ-nguyên mới về chính-sách đối-ngoại của Hoa-Kỳ bắt đầu. Vị luật-gia uyên bác 64 tuổi, tân ngoại-trưởng, với kho tàng kinh-nghiệm hiểu biết về Cộng-sản, trong bao nhiêu năm tiếp-xúc ở các hội-nghị quốc-tế, nhận-định rằng uy-tín của quốc-gia có phần nào giảm sút do chủ-trương « làm be-bờ. » Ông đề ra chủ-trương « đẩy lui » (roll back) nhằm, không những chận đứng, mà còn dồn lực-lượng Cộng-sản quốc-tế lùi lại càng xa phạm-vi hiện thời càng tốt.

Chính-sách Đơ-lớt xây-dựng trên một quan-niệm đạo-đức căn-bản, cương-quyết không thừa-nhận một sự thỏa-hiệp nào có lợi cho Cộng-sản, cũng như không thừa-nhận những thu-hoạch do cường-quyền, bạo-lực, của Cộng-sản, chẳng hạn chế-độ thống-trị Cộng-sản Mạc-tư-khoa ở Đông-Âu. Từ quan-niệm nầy, chính-sánh Đơ-lớt đối với hòa-bình thế-giới là làm cho Cộng-sản hiểu rằng thế-giới tự-do sẵn sàng và cương-quyết trả đòn nếu Cộng-sản liều-lĩnh tấn-công ở bất-cứ nơi nào, chính-sách « tiến sát bờ vực chiến-tranh » để bảo-vệ hòa-bình trong Công-lý và Tự-do vậy. Đi đôi với chính-sách nầy, Hoa-Kỳ tích-cực giúp đỡ cho các quốc-gia nhất là những quốc-gia mới thu-hồi chủ-quyền Độc-lập hay nằm vào vị-trí chiến-lược xung yếu.

Công-bình mà xét, giới am-hiểu thời-cuộc quốc-tế đều nhận rằng dù trong nhiệm-kỳ Tơ-ru-man hay trong nhiệm-kỳ Et-dân-hao, dù theo đường lối chính-trị của đảng Dân-chủ hay của đảng Cộng-hòa, chính-sách đối-ngoại của Hoa-Kỳ đều nhằm làm tròn sứ-mệnh của đại cường quốc lãnh-đạo thế-giới tự-do cũng như

phục-vụ lợi-ích chân-chánh của nhân-loại. Và người ta phải ghi nhận những thành-tích phục-vụ hòa-bình vẻ-vang như : dập tắt chiến-sự Triều-Tiên, dưới danh-nghĩa hành-động của Liên-Hiệp-Quốc, can-thiệp hiệu-quả vào chiến-sự Đài-loan, giữ thế quân-bình ở Trung-Đông sau khi cuộc cách-mạng ở I-rắc bùng nổ và cuối cùng, gần đây nhất, đảm-bảo bằng thái-độ cương-quyết, cho vấn-đề Bá-linh không trở nên ngòi lửa châm vào lò thuốc súng chiến-tranh.

Tuy-nhiên người ta còn ghi nhận một sự thật khách-quan nữa là cho đến nay, đường lối chính-trị quốc-tế của Hoa-Kỳ nặng về đối phó, phòng-vệ hơn là tích-cực tấn-công, kiến-tạo. Sự-trạng nầy có một số nguyên-nhân :

— Cộng-sản quốc-tế luôn luôn tìm cách tấn-công thế-giới tự-do, trong mọi lãnh-vực và dưới mọi hình-thức, để thực-hiện âm-mưu thống-trị thế-giới của họ.

— Chính-quyền Hoa-Kỳ xây dựng trên nền tảng dân-chủ thật-sự, rất tôn-trọng dư-luận dân-chúng, lại chịu sự chi-phối của chế-độ lưỡng đảng ; những yếu-tố nầy, nhất là tinh-thần yêu-chuộng hòa-bình của một dân-tộc sung-sướng (một nguyên-nhân sinh ra chủ-nghĩa Mỹ-Châu biệt lập trước đây) là những yếu-tố buộc nhà cầm-quyền Hoa-Thịnh-Đốn phải dằn-đo trong khi tiến-hành một chích-sách đối ngoại cương quyết, nhất là trong những trường-hợp mà Hoa-Kỳ phải nhận lãnh tất cả trách-nhiệm về hòa-bình hay chiến-tranh.

— Trong khi đó thì các quốc-gia và cường-quốc đồng-minh dân-chủ, bận-tâm về những vấn-đề quan yếu nội bộ, không đóng vai trò thứ yếu của họ một cách hữu-hiệu, trên bình diện quốc-tế. Có khi chính những vấn-đề nội-bộ kia lại có tác-dụng bất-lợi là đặt Hoa-Kỳ vào một hoàn-cảnh chính-trị tế-nhị và phiền-phức (Trung Đông, An-giê-ri). Bởi lẽ đường lối chính-trị quốc-tế của Hoa-Kỳ nặng về đối phó, phòng-vệ như thế, cho nên suốt thời kỳ chiến-tranh lạnh, xét về phương-diện kiến tạo hòa-bình, người ta chỉ được nghe những tiếng « Non » của Tây-phương và « Niet » (cũng là không) của Đông-phương Cộng-sản. Với cái chết của ông Dôn Phôt-tơ Đơ-lớt, một trang sử đã lật qua.

Bên kia bức màn sắt, kỷ-nguyên Xít-ta-lin đã cáo-chung, kỷ-nguyên Cơ-rút-sếp mở đầu. Và từ 1952-1953 đến nay, ông Cơ-rút-sếp không ngừng hoạt-động, đẩy mạnh chánh sách đối ngoại sống chung hòa-bình của Liên-Xô. Và rồi nhiều biến-cố lịch-sử xảy ra dồn-dập, nói lên một sự cố-gắng nhích lại gần nhau của hai quốc-gia đối nghịch. Phải chăng cục-diện thế-giới đang đổi thay và Hoa-Kỳ bắt đầu áp-dụng một chánh sách đối-ngoại, về nội-dung vẫn trung thành với truyền-thống dân-chủ, tự-do nhưng về phương thức mềm dẻo, thực-tiễn, thích-hợp hơn với hiện tình thế-giới ? Và nếu như thế thì phải chăng năm 1960 nầy sẽ mang lại nhiều khả-năng kiến-tạo hòa-bình ?

Thiết-tưởng, để trả lời những câu hỏi nầy, ta phải tìm hiểu đường lối chính-trị của Liên-Xô, nói cụ thể, đường lối chính-trị Cơ-rút-sếp.

Kỷ-nguyên Cơ-rút-sết

Năm 1955, sau khi gạt Ma-len-cốp ra ngoài, địa vị của ông Cơ-rút-sếp trong chính-quyền và trong đảng vững chắc hơn trước. Ông ta bắt đầu thi-hành chính sách

canh-nông nhằm làm vừa lòng dân-chúng hơn trước ; chính sách nầy đã bị phe Ma-len-cốp công-kích và ngăn trở trước đó. Trong lúc nầy, về chính sách đối ngoại, Liên-Xô ký hiệp-ước hòa-bình với Áo-đại-lợi và dự hội nghị Giơ-neo (tháng 7 năm 1955). Cũng trong giai-đoạn nầy, giới quan sát tình-hình Cộng-sản chứng nhận một số biện pháp nới rộng dân-chủ tại Liên-Xô cũng như tại các nước chư hầu. Nhưng đến tháng Mười năm 1955 thì chính sách quốc-tế mềm dẻo bị gián đoạn với sự thất-bại của hội-nghị ngoại-tướng Giơ-neo.

Đến tháng mười năm 1956, Liên - Xô nới rộng chế-độ kiểm-soát Ba-Lan. Qua tháng mười một năm nầy, chánh-sách của Cơ-rút-sếp lại bị gián-đoạn vì cuộc võ-trang can-thiệp của Anh Pháp trong vấn-đề kênh Xuy-E và cuộc khởi-nghĩa của nhân-dân Hung-Gia-Lợi.

Đến năm 1957, ông Cơ-rút-sếp loại-trừ những chính-địch quan-trọng thuộc phe chống đảng — nói đúng hơn chống Cơ-rút-sếp — như Mô-lô-tốp và cuối cùng hạ bệ luôn vị tướng-lãnh đầy uy-tín, anh hùng của dân-tộc Liên-Xô là Du-cốp. Từ đây, người ta thấy ông Cơ-rút-sếp đẩy mạnh đường lối chánh-trị của mình trên nhiều địa-hạt như : xúc-tiến chính-sách kinh-tế mới trong đó ý-thức tư-hữu của người dân Liên-Xô được lãnh-tụ điện Cẩm-linh khôn-khéo chú-trọng hơn, xúc-tiến chính-sách đối-ngoại hòa-dịu (mời thủ-tướng và ngoại-trưởng Pháp, Môn-lê, Pi-nô sang thăm Liên-Xô), làm những cuộc du-hành thiện-chí (Cơ-rút-sết sang Anh, Ma-len-cốp sang Hoa-Kỳ), đề-nghị họp Hội-nghị tối-cao Đông-Tây, và phát-động chánh-sách chinh-phục không-gian. Và gần đây nhất, đích thân ông Cơ-rút-sếp sang viếng Hoa-Kỳ và mời tổng-thống Hoa-Kỳ sang viếng Liên-Xô.

Bấy nhiêu sự-kiện làm cho người ta thêm lưu-ý nghiên-cứu tình-hình mới ở Liên-Xô và người ta đã ghi-nhận mấy điều:

— Đường-lối chính-trị của ông Cơ-rút-sếp vẫn không thoát ngoài phạm-vi ý-thức hệ Cộng-Sản và hiểu như vậy, đường-lối nầy, theo quan-điểm Cộng-Sản, vẫn phục-vụ mục-đích tối hậu của Cộng-sản là thống-trị thế-giới.

— Đường-lối chính-trị của ông Cơ-rút-sếp đối-nội cùng đối-ngoại tiến-triển nhịp-nhàng theo uy-thế cá-nhân ông trong chính-quyền và đảng và những yếu-tố căn-bản trong chính-sách đối-nội (kế-hoạch bảy năm xây-dựng kinh-tế, cải-thiện dân-sinh, chinh-phục không-gian) phù-hợp với các yếu-tố mềm dẻo, hòa-dịu trong chính-sách đối-ngoại.

Có những ý - kiến nhấn mạnh về sự cần thiết đề-cao cảnh-giác đối với âm-mưu Cộng-Sản, dù đường-lối chính-trị Cơ-rút-sếp có hòa-dịu như thế nào. Có những ý-kiến khác nói lên sự hoài-nghi lòng thành-thực của lãnh-tụ Cộng-Sản quốc-tế.

Những ý-kiến trên đều đáng trọng theo ý nghĩa nó phát-xuất từ những tâm-trí dứt khoát chống Cộng, thiết-tha yêu chuộng dân-chủ, tự-do.

Tuy nhiên, trên trường chính-trị, sự thành - thật của một chính-nhân, của một đường-lối chính-trị, là một sự thành-thật tương-đối và khách-quan.

Như mọi người đều hiểu, Cơ-rút-sếp là một phần - tử Cộng - Sản chính - thống, đường-lối chính-trị hòa-dịu của Cơ-rút-sếp là đường-lối chính-trị Cộng-Sản. Đó là sự thật khách-quan.

Nhưng nhân-vật nầy đang tiến-hành một chính-sách đối-nội, đối-ngoại, có nội-dung cạnh-tranh không đổ máu với thế-giới tự-do chủ-yếu là với Hoa-Kỳ và chính-sách nầy không thể thực-hiện được trong một tình-hình quốc-tế không ấn-định. Đây cũng là một sự thật khách-quan nữa.

Những sự thật khách-quan nầy không làm cho Liên-Xô, nói chung, Cộng-sản quốc-tế, bớt tính-chất nguy-hiểm, xét về ý-thức hệ và về những mục-phiêu cuối-cùng mà đường lối chính-trị hòa-dịu của Cộng-sản hiện nay nhắm vào. Do đó, thế-giới tự-do vẫn phải tiếp-tục đề-cao cảnh-giác.

Mặt khác đứng về lợi-ích chiến-lược thì những sự thật ấy cũng lại tạo cho thế-giới tự-do, nói riêng, Hoa-Kỳ, một hoàn-cảnh lịch-sử để giành quyền chủ-động kiến-tạo hòa-bình trong điều-kiện có lợi cho ý-thức hệ tự-do.

Với những nhận-định như trên về tình-hình thế-giới thời hậu-chiến, về đường lối chính-trị quốc-tế của Hoa-Kỳ và của Liên-Xô, ta bước vào xem xét một số vấn-đề trọng đại mà hai phe sẽ phải giải-quyết — ít ra là đề-cập trong năm nay.

TIỀU-DÂN

KỲ TỚI : Hội-nghị tối cao Đông Tây — Bá-linh và nước Đức v. v...

IMPRIMERIE NOUVELLE
D'EXTRÊME - ORIENT
(INDEO)
Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.821 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON
★
IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.
REPRÉSENTANT EXCLUSIF :
MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**
PAPIER HELIO **"DOREL"**



THƠ PHAN-LẠC-TUYÊN

TIẾNG CHIM MÙA XUÂN

Nếp trán núi khô cằn
Nghe thế kỷ dần qua
Vàng lá liệm mùa thu
Tê buốt hồn sương khuya
Từng nhánh nai mơ buồn
Ngơ ngác ngọn đồi xa
Ru bước nhạc hững hờ
Khói trăng áo rừng thưa
Mắt hồ ngây tròn mộng
Lặng mù sâu quên lãng
Nhìn tinh cầu đi hoang
Trên nền trời đỏ lửa
Tim chiều im cô quạnh
Hồn trăng sao thèm đi
Từng cơn đau nhân loại
Qua đi như bốn mùa
Hiện sinh hay nhân bản
Như cánh chim én nhỏ
Đi tìm mãi mùa xuân
Có những chàng trai trẻ
Thầm hẹn người mình yêu
Anh hóa làm cây xanh
Em là nhánh chim nhỏ
Vượt qua trời giông tố
Về mang theo mùa xuân...

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TÌNH-HÌNH

VĂN-CHƯƠNG VÀ BÁO-CHÍ NĂM 1959

CÔ
PHƯƠNG THẢO

NHẬN xét về tình-hình văn-chương và báo chí toàn năm, ý-kiến của một người không thể tránh khỏi chủ-quan. Vì vậy, tôi chỉ làm cái công việc thâu lượm và sắp xếp những nhận-định dây đó của một số người văn-nghệ, hy-vọng rằng như thế sự lệch-lạc cũng bớt được ít nhiều.

Nhìn chung, số lượng của các tác-phẩm văn-nghệ năm nay, so với năm trước, sút kém rất rõ tệt. Căn-cứ vào bản tổng-kết trưng bày ở Phòng Triển-lãm do Văn-hóa-vụ tổ-chức ngày 14-11-59 thì bất cứ loại sách về ngành nào, trừ sách giáo-khoa, cũng sụt xuống mức 2 phần 3, phân nửa, hoặc 1 phần 3, so với năm ngoái.

Về tác-phẩm văn-nghệ thì năm nay so với năm ngoái, ta thấy như sau:

	1958	1959
TIỂU-THUYẾT	97	52
THƠ	14	8
KỊCH	292	186
DỊCH	16	5

Hiện-tượng sút kém này, xét ra do nhiều nguyên-nhân sâu xa và phức-tạp phải tìm hiểu nơi người cầm bút, nơi nhà cầm-quyền và nơi độc-giả.

Một số văn-nghệ-sĩ cũ, trước những hiện-tượng xã-hội biến đổi đòi hỏi cái nhìn cụ-thể và tổng-quát hơn vẫn bằng lòng với phương-thức *văn-nghệ đại bản doanh* thiết-lập nơi các phòng trà, khách-

sạn, quan-niệm sự sáng-tác như là một cách nhắc nhở quần-chúng đừng quên đến tên mình, do đó cõi lòng dễ thấy âm-u, nguội lạnh đứng trước cái mâu-thuẫn không thể giải-quyết giữa yêu-cầu của xã-hội với yêu-cầu của bản thân Một số khá đông phải chạy theo kinh-tế hằng ngày, đặt nặng cái lo lắng cơm gạo cho bản thân lên trên cái băn-khoăn sáng tạo, không bị thôi thúc bởi một lý-tưởng nào nhiệt-thành, số này từ lâu cũng như số trên vẫn xem ngòi bút như là một món trang điểm cho đời mình hơn là một phương-tiện để phụng-sự cuộc sống nên sẵn sàng xếp nó vào góc tủ để thỉnh-thoảng tiếc nhớ một cách rất văn-chương, xem như là một ân-hận mà cuộc đời bắt mình gánh chịu và mình chỉ vỏn vẹn là một nạn-nhân.

Một số văn-nghệ-sĩ chuyên-nghiệp phải viết cho nhiều tờ báo khác nhau và muốn cho đủ sống phải sản-xuất rất nhiều như nhà ảo-thuật phải thổi ra nhiều trứng trong một cái ống cao-su. Mỗi tờ báo phục-vụ cho một số độc-giả khác nhau, nên yêu cầu của bài vở cũng khác nhau, do đó số này phải viết theo thể thức « đặt cọc » của ông chủ bút và chỉ chiều theo thị hiếu của người mua. Nỗi đau khổ của lớp văn-nghệ-sĩ này là cảm thấy trong sự sáng-tác mình tự ly khai với mình, và càng viết ra mình không còn là mình nữa, dần dần họ chỉ bằng lòng với những công-thức, những mô-phỏng và những chắp nối văn-nghệ.

Có ý-kiến cho rằng sự giảm-sút ấy một phần nào đáng kể là tại cái quan-niệm hơi vội-vàng của chúng ta về những tiêu-chuẩn *lành mạnh*, *xây-dựng* mà phòng kiểm-duyệt cũng như một số nhà phê-bình đã cố ý đòi hỏi gắt gao ở nơi người viết. Trong khi xã-hội chúng ta phải thừa hưởng một quá khứ xấu xa và sự cố gắng sửa đổi của nền Cộng-hòa gặp nhiều khó khăn do tàn tích cũ gây nên mà nhất-thiết buộc người cầm bút không được phản-ảnh hiện-thực, chỉ nên một mực nói tốt, nói đẹp, thì dễ khiến cho họ bằng lòng làm thinh, để đối phó với một hình-thức văn-nghệ chỉ-huy gián-tiếp.

Sự tan rã hay gần như ngưng hẳn hoạt động của nhiều nhóm văn-nghệ để thay thế bằng những cơ-quan, có thể tìm thấy ít nhiều lý do đã kể trên đây.

Tuy vậy, sự giảm sút này không chỉ toàn là hiện-tượng đi xuống mà ta còn tìm thấy nguyên nhân đáng kể sau này : Con người văn-nghệ đã tránh lối « ăn xổi ở thì » như trong thời chiến-tranh hoặc lúc chiến-tranh vừa chấm dứt, để trở về chiêm nghiệm với chính mình, suy ngẫm những công trình đứng đắn và lâu dài hơn.

Nhưng chúng ta sẽ thiếu sót lớn nếu không căn cứ trên hiện tình độc giả để tìm hiểu sự giảm sút này. Độc giả của ta vốn đã ít ỏi mà phải ở trong tình trạng chia đôi đất nước cho nên mức tiêu thụ từ lâu đã phải kém sút nhiều rồi. Đã thế, sự chú-ý của độc-giả hiện nay đối với các loại tiểu thuyết đã hạ thấp hơn mấy năm và các nhà xuất-bản đều e ngại xuất-bản tiểu-thuyết (1) một phần là vì đời sống kinh tế phải lo lắng nhiều khiến người dân phải hạn chế chi tiêu và cuộc sống bận rộn không cho họ thì giờ đọc sách, họ có

(1) Xin xem bài Tình-hình xuất-bản trong năm 59 của Nguyễn-Hiến-Lê đăng trong số này.

thể tạm giải trí bằng những truyện trọn kỳ hay truyện dài đăng trong các báo hàng tuần, hàng ngày, một phần vì sách vở không trả lời được những đòi hỏi của tâm tình, không giải đáp được những băn khoăn của con người họ. Để bổ túc cho nhận xét này cho ta có thể nhắc lại hiện tượng sách báo bán « xôn » khá nhiều trên con đường Lê-Lợi. Hầu hết các loại sách xuất-bản, các loại tạp chí đều có mặt ở trên vỉa hè. Theo ý kiến của một số chủ tiệm sách lớn ở Đô-thành thì sách vỉa hè này đối với họ là mối cạnh tranh đáng kể.

Nói đến tình-hình văn-nghệ là nói đến tình-hình tác-phẩm.

— Về phần tiểu thuyết mặc dầu con số tổng kết là 52 — con số của phòng kiểm duyệt — nhưng tác-phẩm thực sự xuất-bản chỉ độ chừng một phần năm. Ngoài *Đò Dọc*, *Gieo gió gặt bão* của Bình-Nguyên-Lộc do tác-giả tự xuất bản, *Mưa đêm cuối năm* của Võ-Phiến, *Dì Mơ* của Đỗ-thúc-Vinh, *Dòng sông định mệnh* của Doãn-quốc-Sĩ do cơ sở Tự-do xuất-bản, *Cô gái xóm nghèo* của Phan-Du do Văn-Hữu xuất bản, *Những người áo trắng* của Nhật-Tiến do Huyền-Trân xuất-bản, thì không còn những tác phẩm nào đáng kể nữa.

Điều nhận xét trước nhất mà nhiều người có thể tìm thấy dễ dàng là không có tác-phẩm nào phản ảnh được thời đại, đánh dấu được xã hội chúng ta trong mấy năm nay về một khía cạnh rộng lớn nào. Các tác-giả kể trên đều có một trình độ bút pháp điêu luyện và nhiều người tỏ rõ rất phong phú, biểu-trưng được cái vốn liếng tài năng về văn học của nền Cộng-hòa, nhưng vấn-đề họ nêu lên phần nhiều hoặc đã cũ, hoặc hẹp hòi. Những tính chất này chưa hẳn là những khuyết điểm rõ rệt nếu bên cạnh có những tác phẩm đề cập đến những đề-tài tiêu biểu đậm hơn. Cố nhiên là có những tác-phẩm sáng-tác từ lâu bây giờ mới có dịp xuất-bản, nhưng qua những tác phẩm ấy ta vẫn mong thấy lại đậm rõ hoàn cảnh mà nó phát sinh hơn là chứng kiến những sự phản chiếu mờ nhạt, phiến diện.

Đành rằng trong phạm vi hoạt động văn-nghệ của chúng ta nhà văn được tự-do khai thác bất cứ đề-tài nào ưa thích, nhưng ta vẫn đề phòng một hiện tượng lẩn tránh thực tại vì hiện nay một quan niệm phiêu lưu, thoát ly của con người văn-nghệ là điều không có lý do tồn tại. Cũng như trong phạm vi biên khảo, đành rằng các nhà văn-hóa trình-độ sâu rộng phải có trách nhiệm khôi phục lại cái giá trị cũ, giới thiệu các vốn liếng cổ trong và ngoài nước nhưng nếu chỉ bằng lòng có thế thì trong hoàn cảnh xã-hội hiện nay, sự biên khảo dễ trở thành một nơi... trú ẩn « cao-siêu ».

— Về thơ, ngoại trừ *Hoa-Đăng* của Vũ-Hoàng-Chương đáng đánh dấu một sự chuyển hướng về sáng tác (1) và của Đoàn-Thêm — một loại tiểu-thuyết bằng thơ — có tính cách một công-trình dài hơi đề-cập đến vấn-đề nhân-sinh, xã-hội, thì không còn thi-phẩm nào có sự cố gắng đáng ta lưu-ý. Một số đông thi-phẩm chứng tỏ hùng hồn sự bất-lực của thi-ca trên phương-diện diễn-tả và truyền-cảm, nhưng một mặt khác lại giới-thiệu khá rõ

(1) Xin xem bài điểm sách Hoa-Đăng của Ng. Văn-Xuân — Bách-Khoa số 73

rệt cái thực-trạng khá bi đát của tâm-hồn đa số tác-giả : khóc than, rên siết, đau khổ giả-tạo, say mê cuồng dục, lập dị vì nghèo nàn, lẩn trốn trong huyền - bí, « nhiệm màu » để che đậy sự yếu hèn... do đó thi-ca gần như một thứ hàng sản-xuất để tặng hơn là để bán. Và trừ một số rất ít, phần đông in thơ là vì muốn có cái « tên » để làm những công việc ngoài dề !

— Về kịch-bản, tuy con số ghi đến 186 vở, nhưng hầu hết là ca-kịch dài ngắn trên các sân-khấu cải-lương. Không có một vở thoại-kịch dài nào xuất hiện trong suốt năm nay !

— Các loại sách viết cho nhi-đồng còn ít. Phần nhiều chú-trọng đến cái hình-thức loè loẹt và tranh vẽ rậm-rạp mà không chú-trọng đến nội-dung cũng như kỹ-thuật. Cốt truyện nặng phần vay mượn, chắp nối trong các cổ tích các nước đã được nhắc đến nhiều lần hoặc mô phỏng theo các truyện phim, truyện dịch ngoại-quốc. Tính cách mua bán quá nặng hơn là trách-nhiệm giáo-dục, những loại sách viết ra không theo một đường lối nào rõ rệt và vì thế có thể truyền dạy cho con trẻ khá nhiều nhận thức sai lạc. Các loại sách đứng đắn viết cho trẻ em ở các nước — cũng như loại Sách Hồng, Hoa Xuân, Truyền Bá ở ta ngày xưa — đều do những nhà văn có uy tín và có lòng yêu trẻ đảm nhận. Một sự hờ hững đối với vấn-đề này, ở một xã-hội đang xây-dựng dân-chủ như xã-hội ta có thể xem như một thiếu sót khá lớn.

— Về phần dịch thuật, mức sản-xuất so với năm ngoái giảm thua tới một phần ba. Một đường lối dịch thuật chưa được đề ra, chưa có một cơ-quan, một tổ-chức nào đảm nhiệm việc này cho có kế-hoạch.

Nếu phải kể thêm những hiện tượng đáng chú ý thì năm 1959 về phương diện cá nhân nhà văn Bình-Nguyên-Lộc đã có những cố gắng nổi bật : dựng nhà xuất bản Bến-Nghé với ba tác-phẩm trong vòng năm tháng, chủ trương một tờ tuần báo văn-nghệ — tờ Vui Sống — mặc dù chỉ đến số 10. Về các cơ quan thì Cơ-sở Tự-do tỏ rõ một chương trình làm việc đứng đắn, lâu dài với những tác phẩm xuất bản đều đặn theo một hình thức trình bày riêng biệt. Về phương diện chính quyền sự lưu tâm đến văn-nghệ càng ngày càng thấy đậm hơn : giải thưởng của Văn-hóa-vụ, về các loại sáng-tác biên-khảo giải thưởng của Nha Chiến-tranh tâm-lý về truyện ngắn và kịch, Hội Văn-Hữu in giúp sách cho các tác giả, triển lãm sách báo, tranh ảnh, mở cuộc thi về kịch để chọn vở hay nhất cũng như diễn-viên xuất-sắc nhất, gởi hai thi-sĩ dự cuộc gặp mặt hằng hai năm của các thi-sĩ thế-giới ở Bỉ...

Tuy nhiên, nói về tình hình sáng tác văn-nghệ trong năm không thể không đặc biệt lưu ý đến các tạp-chí, tuần báo và các nhật báo đăng tải khá nhiều sáng tác và chứa đựng bao nhiêu sắc thái khác nhau.

Hiện tượng báo chí xuất hiện càng ngày càng nhiều chứng tỏ số lượng độc-giả được gia tăng và phân hóa. Mỗi tờ báo phục-vụ cho một hạng độc-giả riêng biệt và chỉ cần nhìn qua hình thức nội dung một tờ báo đủ giúp ta thấy rõ đối tượng và chủ trương của nó.

Về loại tạp chí biên khảo có nội dung đáng kể, ta thấy : Đại-Học, Văn-hữu, Văn Hóa Á-châu, Quê-Hương, Bách-Khoa...

Tờ *Đại Học* ấn loát đẹp đẽ, biên soạn đứng đắn, công phu, đã cố gắng đề cập

đến những vấn đề thời đại bằng những loạt bài khá phong phú. Tuy vậy, nội dung chưa thoát hẳn tính chất thuần lý và khôug-tưởng trong lập luận nên sự đóng góp vào thực tế của nhiều vấn đề chỉ có giá trị một thái độ.

Tờ *Văn-hóa Á-châu* vẫn giữ được tín-nhiệm người đọc nhưng nội-dung biên-khảo thiếu hẳn một hệ-thống, những vấn-đề trình bày phần nhiều rời rạc, không giúp cho những người tìm hiểu văn-hóa Á-châu có những nhận định chu-đáo và liên tục.

Văn-Hữu nguyệt-san tuy chỉ mới xuất-hiện được hai số nhưng đã chứng tỏ cái công trình suy-ngẫm có bề thế của một ý thức xây dựng lâu dài. Đề cập đến hội họa và sân-khấu trong hai số đặc-biệt, tờ Văn Hữu đã nhằm bổ khuyết rất căn-bản cho tình hình phát-triển của văn-nghệ hiện nay.

Quê-Hương qua sáu số đã cải tiến không ngừng. Những bài vở đều có trọng lượng và nhiệt thành, một thái-độ quan tâm đến những vấn-đề thời-đại. Tuy vậy người đọc muốn theo dõi và tìm hiểu sâu sắc về tình hình vẫn chưa tìm được một mối liên hệ căn-bản giữa các vấn-đề nghiên-cứu và chưa thấy được sự thống nhất cần thiết giữa các quan-niệm.

Bách-Khoa đã xuất-hiện đều đặn suốt ba năm nay và trong làng biên-khảo, kể đã có tuổi. Nội-dung vốn cổ kính và tham lam như tên gọi, qua một năm nay đã bớt cổ kính ở phần biên khảo và càng tỏ ra tham lam ở phần văn-nghệ. Phần biên khảo đã chú-trọng đến những vấn-đề thời sự, và mục điểm sách thường xuyên với mục phỏng-vấn liên tục chứng tỏ một ý-thức xây dựng thiết-thực. Tuy vậy một số vấn-đề nặng nề còn kéo quá dài và một số vấn-đề to lớn phải rút quá gọn khiến độc-giả nhiều khi cảm thấy khó khăn trong sự theo dõi.

Về loại biên-khảo nếu phải kể thêm, chúng ta còn có tờ Giáo-Dục Phổ-Thông và Sinh-Lực. Giáo-dục phổ-thông giữ được một tác phong đứng đắn trong sự phổ-biến các tài-liệu giáo-khoa, chú trọng đối tượng học-sinh Trung-học. Nhưng người ta vẫn mong người viết, thay vì thu nhặt tài-liệu, nên trình bày sát hợp với trình-độ học-sinh hơn nữa. Nhất là phần dịch-thuật về văn học sử còn bắt chúng ta chờ đợi nhiều hơn. Tờ Sinh-Lực, vốn bầm thọ không sung mãn nên năm nay ít người gặp gỡ ngoài đường và nhiều khi thiên-hạ tưởng rằng nó đã mệnh một.

Tình hình tạp chí biên-khảo xuất hiện càng nhiều trong khi sự sáng tác giảm sút chứng tỏ một chuyển đổi lớn trong quan-niệm sống. Người ta đã bắt đầu ý thức nhiều hơn về những vấn-đề to lớn có giá-trị quyết-định vận-mạng dân-tộc và đời sống con người, nên dừng lại để tìm hiểu, để xác-định thái-độ, để phân tích các sự kiện là dấu hiệu băn khoăn của ý thức trưởng thành.

Tuy nhiên, như trên kia đã cố gắng trình bày, trong sự biên-khảo, bên cạnh cái thái-độ tìm hiểu vẫn có thể lẫn lộn cái thái-độ lẫn trốn thực-tế của một số người.

Dù sao, ưu điểm nổi bật về biên-khảo trong năm nay ngoài số lượng gia tăng là sự lưu-tâm đến những vấn-đề thời-đại. Trong phạm-vi chính-trị, kinh-tế, xã-hội,

văn-hóa, nghệ-thuật, những ý-kiến xây-dựng được bắt đầu đề cập đến trên một căn-bản thực-tế và hệ-thống hơn. Không riêng gì những tạp-chí biên-khảo mà cả đến những tờ báo hằng ngày như tờ Tự-Do, các vấn-đề có tính cách xây-dựng lâu dài về giáo-dục, về con người lý-tưởng vẫn được thường xuyên nêu lên để độc-giả góp phần ý-kiến.

Một sự thực đáng kể là hầu hết tạp chí biên-khảo của ta không sống hoàn toàn bằng độc-giả mà chỉ sống phần lớn nhờ sự nâng đỡ của Chính quyền, Cơ quan Đoàn thể... Với hiện tình của nước ta, sự kiện ấy không thể nào tránh khỏi vì ở nhiều nước ngoài một số tạp-chí biên-khảo có uy tín vẫn phải dựa vào những cơ sở kinh tế khác hơn là sự đóng góp của độc-giả. Như thế xét ra có những điều lợi là tờ tạp chí sẽ được dễ dàng phổ biến vì giá bán có thể hạ thấp rất nhiều, thêm nữa khỏi phải theo đuôi quần chúng để bán cho chạy. Nhưng mặt khác, nếu không chết sống vì độc-giả thì khó lòng hiểu được độc-giả muốn gì và không bao giờ kiểm tra được ý-thức, trình-độ độc-giả. Cứ tình-trạng ấy kéo dài và không được bổ túc bằng những phương thức hữu hiệu nằm trong tinh thần phục-vụ thiết tha thì công-trình biên-khảo dễ biến thành phiêu-lưu và vô trách-nhiệm, trừ cái trách-nhiệm thanh-toán bút phí giữa người trong cuộc.

Một hiện tượng cần chấm dứt là trong phần biên-khảo năm nay ta thấy một số người cầm bút nông nổi và hiếu danh đã thiếu tinh thần tự trọng trong khi vay mượn ý-kiến của các tác-giả khác trong nước cũng như ngoài nước. Những sự mạo nhận trí-thức ấy đã được một vài tờ báo mạnh dạn phát giác và sự phát giác này có thể gây nên bất mãn, hiểu lầm nhưng dù sao một thái độ xây dựng thẳng thắn như thế rất cần và đáng khuyến khích để ngăn lại những khuynh-hướng bất chính, khôi phục lại giá trị cho làng văn biên-khảo chúng ta, hầu tránh khỏi một tình trạng che đậy có thể gây thành ung-nhọt hiểm nghèo.

— Về các tập-san, tuần-báo văn-nghệ ai cũng thấy rõ sự phát-triển phồn-thịnh của Phụ-nữ Diễn-đàn, Phụ-nữ Ngày mai, sự sống dở chết dở của Sáng-tạo, Nhân-loại (1), Ngày-mới, sự tái sinh của Tiền-Phong, sự thoát xác của tờ Văn-hóa Ngày nay ra tờ Tân-Phong, sự xuất hiện và biến đi đột ngột của tờ Vui Sống như một chuỗi cười vụt tắt vì bỗng nghẹn-ngào.

Sự thất bại của một số tập-san và tạp-chí văn-nghệ chủ-trương văn-nghệ « phi không-gian và thời-gian » văn-nghệ « hũ nút, tối tăm » « lập dị » chứng tỏ trình-độ thưởng-thức của đối tượng độc-giả mà các tờ báo ấy nhắm vào đã thay đổi, đúng hơn đã tiến bộ, và xác nhận thêm cái qui-luật đào-thải của những sự kiện không còn phù hợp với nhu-cầu cấp thiết của sự sống biến chuyển.

Tuy vậy, sự thành-công của một số tuần-báo chỉ có nghĩa là sự thành-công của một phương-thức thương-mại. Đối tượng của số tuần-báo này là đa số độc-giả trình-độ trung-bình, có đủ điều kiện để theo dõi báo-chí — nữ học-sinh trung-học đệ-nhất-cấp, các bà nội-trợ, những cô gái bán hàng, — và chủ-trương là nuông chiều, ve vuốt thị hiếu của độc-giả, những thị hiếu phổ biến và

(1) Tờ nhân loại hiện nay đã sống lại dưới hình thức một tuần báo chính-trị.

thấp kém: khuyến-khích yêu đương vơ-vẩn qua các mục « Gỡ rối tơ lòng », « Dòng lá thắm », và dạy cách « đeo lông mi giả, thế nào cho đẹp, nhuộm màu mắt thế nào cho sáng » hoặc khêu gợi bản năng bằng những câu chuyện tiểu-lâm thô bỉ. Những tờ tuần báo này dần dần chỉ còn thuần-túy là phương-tiện làm tiền cho các chủ báo, một phương-tiện làm tiền hạ-cấp như bao nhiêu phương-tiện làm tiền hạ-cấp khác.

Về các tờ nội-san thì trong năm nay sự hợp nhất tờ Quân-Đội và Phụng-Sự thành tờ *Chiến-Sĩ Cộng-Hòa* có những nỗ-lực đáng kể. Tờ Chiến-Sĩ Cộng-Hòa có một số phát-hành rất lớn và đòi hỏi một nội-dung vừa phổ-biến vừa nâng-cao sát hợp với nhu-cầu của lực-lượng quân-đội vốn đông đảo và nhiệt-thành nên được cải-tiến không ngừng. Tuy vậy ta vẫn mong nó giải-trí nhiều hơn nữa — tuy mục *Vui cười* của *Bình cà gật* và loại « *truyện ngộ nghĩnh trong đời tôi* » tỏ ra tế nhị, sát hợp, phong-phú hơn tất cả báo khác và ta mong nó giáo-dục được nhiều hơn mặc dù bài vở cũng gồm lắm chương mục.

Hai tờ *Phổ-Thông* và *Thời Nay* theo đuổi một công-thức như « Sélection, Rider's Digest » ở nước ngoài. Tờ *Phổ-Thông* có vẻ chú-trọng về hình-thức hơn nhưng lối tô-điểm thiếu hẳn một căn-bản mỹ-thuật vững vàng và phần bài vở nhắm gần gũi càng ngày càng nhiều hơn với độc-giả trung-bình tuy chưa thoát sự gượng ép trong thái-độ. Tờ *Thời Nay* hình-thức rất kém nhưng bài vở lại có tính-cách nâng-cao biểu-lộ một thái-độ xây-dựng thận-trọng, đứng đắn nhưng còn quá khô khan. Nhìn chung loại này rất hợp với nhu-cầu tìm hiểu của độc giả vốn muốn biết nhiều vấn-đề trong một cuộc sống quá bận rộn nhưng cả hai tờ *Phổ-Thông* và *Thời-Nay* còn thiếu những ngòi bút duyên dáng và sâu sắc để thỏa mãn người đọc nhiều hơn. Vào những tháng cuối năm, trong loại này lại xuất hiện thêm tờ *Mã Thượng*. Xét về hình thức cũng như nội-dung, tờ *Mã Thượng* là một mối cạnh tranh đáng kể của hai tờ *Phổ-Thông* và *Thời-Nay*.

Trong năm nay ta còn tờ *Tuổi-Xanh* chuyên viết cho nhi-đồng, một tờ báo cần được nâng đỡ khuyến khích và sửa đổi khá nhiều hơn nữa vì cả hình thức lẫn nội dung còn rất thấp kém. Những tạp chí nặng phần tranh ảnh như *Trẻ*, *Sáng Dội miền Nam* rất được người đọc chú ý nhưng nếu người ta chịu khó nâng cao nội dung bài vở cho cân xứng với phần trình bày mỹ thuật thì có lẽ được yêu chuộng hơn nữa.

Các tờ báo hằng ngày của ta cũng khá nhiều và sự cạnh tranh càng làm phát hiện thêm nhiều phương-thức mới mẻ. Ta có thể chia ra làm 3 loại : loại nghiêng về chính-trị nhiều hơn kinh-doanh, chỉ cần một số độc-giả trung thành nào đó, loại nghiêng về kinh-doanh hơn là chính-trị nhằm thực hiện mọi cách để tranh thủ cho được đa số người đọc và loại tỏ ra phân vân giữa hai con đường chính-trị và kinh-doanh thì phải lo âu rất nhiều để giữ vững sự sống.

Tờ *Tự-do* được xem là đứng đắn, có tinh-thần xây-dựng hơn cả. Đa số người đọc thích mục «*Thăm dân cho biết sự tình*» của Vũ-Bình. Tranh vẽ hài hước hằng ngày cũng có giá trị đặt biệt vì có nhiều ý nghĩa sát hợp tình-hình. Tờ *Dân-chúng* tranh thủ được cảm tình của độc-giả đô-

thành nhiều nhờ ở một phương thức hết sức linh-hoạt và Tiêu Nguyên-Tử trong mục « *Gẫm cười hai chữ nhân-tình* » quả thực là một ngòi bút hài-hước duyên-dáng có một khả-năng hết sức phong-phú. Nhưng một số báo hằng ngày vì mục đích thương-mãi mà không ngần ngại để lộ một sự tương phản rõ rệt trong thái độ: ở ngoài mặt, — tức trang nhất — thì luôn kêu gọi, hô hào, tranh-đấu cho quyền-lợi nhân-dân, tố cáo những hạng lợi-dụng mê-tín để bóc-lột đồng-bào mà trong ruột — tức là trang hai, trang ba — thì kể chuyện ma-quỉ, yêu-tinh, huyễn hoặc độc-giả bằng tất cả sự hùng-hồn của một hạng nói láo có bằng cấp chuyên-môn.

✱

Tóm lại về cái sáng-tác thơ văn, sự giảm sút của năm 59 là một vấn-đề khá lớn để ra cho những người có trách-nhiệm trực tiếp đối với văn-nghệ, những nhà cầm bút và các cơ-quan hữu-trách. Về báo-chí, tư-tưởng ỷ-lại của loại tạp-chí biên-khảo và tư-tưởng theo đuôi quần-chúng của loại tuần-báo văn-nghệ và nhật-báo đã đưa đến hai sự kiện trái ngược nhưng cùng một tai hại lớn lao : loại biên-khảo phần nhiều quá cao hơn sự đòi hỏi của quần-chúng và loại sáng-tác phần nhiều quá thấp đối với trình độ quần-chúng. Nếu không bổ-khuyết tình-trạng này thì trình-độ của quần-chúng độc-giả phải bị giam hãm trong sự sút kém và các tạp-chí muốn phổ-biến rộng-rãi phải nặng phần biếu không cũng như các tuần-báo ngoài bìa phải có tranh ảnh đàn bà thật đẹp và đẹp cho chọc vào mắt người xem, thì mới bán chạy. Chúng ta mong đợi ở chính quyền những biện-pháp hữu hiệu hơn nữa đối với tình-trạng văn-nghệ hiện nay và mong đợi những tờ báo viết cho đa số độc-giả hòa-hợp được cái tinh-thần phổ-biến với ý-thức nâng cao thì mới mong xây-dựng được những tác-phẩm đáng kể và văn-nghệ mới xứng đáng với trách-nhiệm của mình đối với dân-tộc.

Cô PHƯƠNG-THẢO

Hãng TRƯƠNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG

Đại-Lý

Văn-Phòng tại SAIGON : 11, đường Pasteur
Điện-thoại : 20.432
Địa-chỉ Điện-tín: ETRUNIMEX SAIGON

: NHA-TRANG : 39, đường Phan-bội-Châu
: QUI-NHƠN : 29, đường Gia-Long
ĐÀ-NANG : 52 Bến Bạch-Đằng

TÀU :

«NHỰT-LỆ» — «TRƯỜNG-SƠN» — «ĐẠI-HẢI» — «THĂNG-LONG»
«TIỀN-PHONG» — «THỐNG-NHỨT — «PHÚ-QUỐC»

Thường xuyên : SAIGON — NHA-TRANG — QUI-NHƠN — ĐÀ-NANG

Chuyên chở cẩn thận và mau chóng

LÁ THƯ GỞI MẸ LÚC XUÂN VỀ

Phố đã ngập đầy hoa giấy đỏ,
Mai vàng khoe thắm báo Xuân sang,
Mây bay đâu vắng, trời xanh thẳm,
Nẻo biếc, thuyền chim đã nhịp-nhàng;
Đất mới ươm hương, cành hé nụ,
Trên đường xe ngựa dọc ngang đan.
Pháo sớm lẻ-loi vài tiếng nổ,
Nhà ai, trẻ dại hát hân-hoan.
Bất gặp Xuân về trên khóm cúc,
Vài cô thiếu-nữ mộng sang ngang...

Con chợt thấy lòng tê-tái quá:
Những chiều mây khói ngút biên-quan
Tết nay, con lại về chưa được
Dù biết phương xa mẹ võ-vàng,
Dù biết giờ đây lo bánh Tết,
Mẹ thường nhắc tới đứa con hoang
« Nó đi đã mấy năm rồi nhỉ? »
Sao chẳng phong thơ gởi xóm làng?
Sao chẳng xót thương về mẹ nó
Chiều chiều tựa cửa nhớ mang mang.

— Con biết là con đơn-bạc lắm,
Mười năm lưu-lạc buốt tim gan,
Nhưng làm sao được, làm sao được »,
Chí lớn mà cam hận bẽ-bàng.

Nghĩa-sự mười năm người huyết-lệ,
Làm sao con dám ngại gian-nan...
Làm sao con dám về quê cũ
Khi ước-nguyền xưa chửa vẹn toàn :
Huống nữa « Non Sông mờ cát bụi »,
Mười phương dân-chúng sống lầm-than !
Huống nữa gian-tà đang mị thế,
Giang-san xẻ nữa xót tương-tàn :
Huống nữa bên kia bờ vĩ-tuyến,
Xuân chẳng về cho giữa khám-đàng,
Huống nữa bên ni dòng Bến-Hải,
Bao người còn đắm mộng cao sang.
Con đi cho tới bao giờ đấy,
Khúc nhạc Bài Phong hát khải-hoàn,
Lưỡi gươm Diệt Cộng tròn công-nghiệp
Tấn kịch Hiền-Lương phải hạ màn...
Cho tới bao giờ Xuân Thống-nhất
Về đây tràn ngập khắp Giang-San,
Cho tới bao giờ hoa pháo nở,
Lời ca Dân-chủ khắp nơi vang,
Cho tới bao giờ Xuân vũ-trụ
Cùng Xuân Đất Nước hiệp liên-hoan,
Con sẽ lại về bên gối mẹ,
Bụi đường phủi sạch hết tần toan,
Con sẽ nguyện về bên gối mẹ
Quì xin nhận tội đứa con hoang.

NGUYỄN-PHAN-AN

Trích thi-phẩm « Nghĩa Sự Hành »

HOA LẠ

Dịch phỏng theo một truyện ngắn của Bồ-Đào-Nha
INACIO DE SAUDEMATOS

✱ *QUỐC-DŨNG*

QUAN TÒA đã xử xong, và tôi vẫn còn nghe văng vẳng lời ông bên tai. Nhưng tôi chẳng tin chút nào. Tôi không thể tin tôi là một thằng điên. Nếu tôi thật điên, tôi có hành động như đã hành động ? Và để bây giờ tôi phải quay cuồng về nghĩ đến những lời buộc tội kia ?

Tôi là kẻ kém học, làm sao đủ sức để trả lời câu hỏi khó khăn này : một thằng điên có thể tự biết mình điên được không ?

Nhưng dẫu giải đáp ra sao, tôi tưởng việc đó cũng chẳng thay đổi gì tình trạng hiện tại của tôi, và tôi vẫn muốn thuyết phục cho tôi tin chắc những kẻ khác đã hết sức lầm lẫn về tôi.

Điên ? Tôi là thằng điên ? Tại sao ? Bởi vì tôi đã giết một người ? Trong cái trường hợp tôi đã phạm tội ác kia, tôi chắc là người đời, bất kể hạng người tỉnh hay say, điên khùng hay sáng suốt cùng đều phải phạm tội như thế mà thôi.

Như thế mà còn cách gì bảo tôi là thằng điên ? Cho dẫu người ta đem ra minh chứng thêm bằng những tinh tinh đặc biệt của tôi, nào tôi ghê sợ những nơi ồn ào náo nhiệt cũng như chỉ thích dấn mình vào sự cô độc tối tăm... Quan tòa có lẽ đã bị xa quá trên lối trần thuật. Vả chăng, tội giết người đã sờ sờ ra đó, tôi còn chối cãi cách gì.

Giữa kẻ kia và tôi, nhất định tôi là người nhẹ tội hơn. Tại sao vừa vào tiệm tôi, anh ta đã khoe khoang nay số tiền anh mang theo ? Rồi anh rêu rao lung tung, và làm bộ huyênh hoang ! Tại sao anh cứ

đập thình thịch lên ngực để bó bô bảo cho biết anh ta mang cả một cái gia tài nho nhỏ trong túi áo mình ?

Mà trời lúc bấy giờ lại tối nữa (đó cũng là lý do khiến anh ta không dám đi bộ về khu làng cạnh đấy và anh bảo đó là quê hương của anh). Đáng lẽ ra anh phải thấy ngay cái vóc người to lớn của tôi, thừa sức để đập tiêu anh, cũng như anh phải thấy rõ rằng, trong đêm tăm tối này, trong cái cửa hiệu nho nhỏ của tôi chỉ còn có hai đứa chúng tôi mà thôi.

Anh ta thật ngu xuẩn và rủi ro. Ngu xuẩn vì đã uống say đến thế. Còn nếu tôi bảo rủi ro là vì chuyến xe điện cuối cùng đã qua rồi. Nếu không, ắt hẳn anh có thể lên xe để về nhà — và tất nhiên bây giờ anh còn đang sống và mặc sức hưởng hạnh-phúc ở đời.

Nhưng, nói cho cùng, tôi đâu có chịu trách nhiệm về sự rủi ro của anh ta. Và càng là không phải lỗi của tôi tí nào khi anh nốc luôn một lúc hai chai bố để nuốt trôi hai đĩa thịt bò tôi đã tận tụy chiên xào cho anh.

Tôi chỉ có ý tưởng thủ tiêu anh lúc thấy anh ném mình lên giường mặc cả bộ đồ tây đi đường.

Có thể nào một anh chàng bảo cho biết rõ mình có một cái gia tài nho nhỏ trong túi lại say mềm lê liệt như thế, trước một gã chủ quán chẳng biết nó thuộc cha căng chú kiếp nào. Rõ ràng thần Định-Mệnh đã lấy ngón tay trỏ vào số tiền ấy mà bảo tôi : « Kìa, của con đó ! Con mà không chộp lấy số tiền này, con thật là một thằng ngu ngốc nhất đời. »

Ban đầu, tôi e sợ có kẻ nào đã thấy anh ta đi vào tiệm tôi chăng. Tôi ngốc thật. Ai mà dám la cà đi dạo trong một đêm như đêm nay, giữa lúc gió lớn, tối tăm và đã vào hai giờ sáng ?

Hai lần, tôi đi đến cửa phòng của anh ta. Anh ta nhác đến nỗi không buồn khép cửa. Nhưng mỗi lần như thế, tôi lại thụt lùi, quả tình không đủ can đảm đi xa hơn. Đến phen thứ ba, tôi mới dám nhìn rõ mặt anh ta. Anh ta ngủ say đầu thõng xuống và ngáy rất to.

Tôi nhận ra ngay một chỗ phồng nơi túi áo mà vừa rồi anh bảo với tôi đã cất tiền bạc ở đó, một chỗ phồng tưởng sáng rực màu kim khí, như thể là tiền bạc đã vượt ra khỏi « bốp » và chúng nó theo nhau mà múa may quay cuồng trong một điệu hoàng kim ma quái.

Tôi bị chói mắt, mù quáng, và tôi mới từ từ nhón gót đi lại, cổ

như ớn ra phía trước. Thái-dương tôi đập mạnh và mồ hôi túa ra trên mặt.

Tôi dừng lại cạnh giường. Rồi thì — tôi cũng không rõ tại sao — tôi nhặt chiếc gối rơi dưới đất khi anh chàng say nhảy lên giường làm rơi — và lấy gối ấy chận lên mặt anh ta.

Anh vùng vẫy, tìm cách thoát ra. Tôi lại càng ép gối xuống thật mạnh rồi nhảy luôn lên giường, lấy sức nặng của thân thể tôi đè xuống cho anh ta không cựa quậy được.

Một lát sau, tôi thấy anh ta chống đối hết sức yếu ớt. Rồi dần dần yên hẳn.

Tôi cứ chẹn cái gối như thế khá lâu mới chịu dở ra. Tôi dở ra chậm chạp, với hy vọng anh chàng vùng dậy và xông vào tôi để chống cự.

Nhưng anh ta không động đậy. Tôi ngắm kỹ anh ta. Một cái nhếch mép đau khổ in rõ trên khuôn mặt nhăn nheo vàng vọt của anh. Anh đã chết rồi.

Một điều lạ lùng, tôi chẳng cảm thấy sợ hãi hay hối hận. Tôi cởi cái áo vết-tông của anh, đã nhàu nát vì cuộc xô xát và rút cái bốp ra. Bốp đầy tiền, song tôi không muốn nhọc lòng đếm. Tôi móc hết các túi của anh ta trong khi anh cứ sòng sọc nhìn tôi lờ đờ. Chẳng có cái gì đáng kể trong túi áo anh ta cả — đấy chỉ là mấy mảnh giấy, một cây bút chì và một đoạn chỉ mà thôi. Trong khi tôi tiến hành việc lục soát, từ túi áo anh có nhiều viên nhỏ xám xám, như những mảnh vỡ của tràng hạt bị vỡ rơi ra lăn trên giường. Tôi nhặt hết cả lên rồi nhét lại vào túi áo của nạn nhân với tất cả những thứ nhi-nhẳng khác. Xong tôi đỡ xác anh ta lên. Xác nhẹ lắm. Vượt qua sự ghê tởm, tôi quàng xác chết lên vai khiêng ra đến đống phân ở đầu vườn rau mà chính nơi đó, hôm qua, tôi đã đào một cái lỗ để đổ mấy thúng tro vào.

Tôi nhẹ nhàng đặt cái xác chết vào trong lỗ rồi lấy xẻng, tôi lấp đất lại cho bằng.

Tôi dừng lại mấy phút để tán thưởng công việc của mình. Tôi rất ngạc nhiên vì sự giết người một cách quá dễ dàng. Tôi không biết trong trường hợp nào, tôi đã nghe nói đến những « vụ sát nhân hoàn hảo ». Chả phải là tôi cũng vừa hoàn thành một công trình, nói theo danh từ chuyên môn, đáng gọi là « sát nhân hoàn hảo » hay chăng ?

Rồi tôi trở vào phòng, sửa soạn lại nệm, giường. Tôi xóa bỏ tận

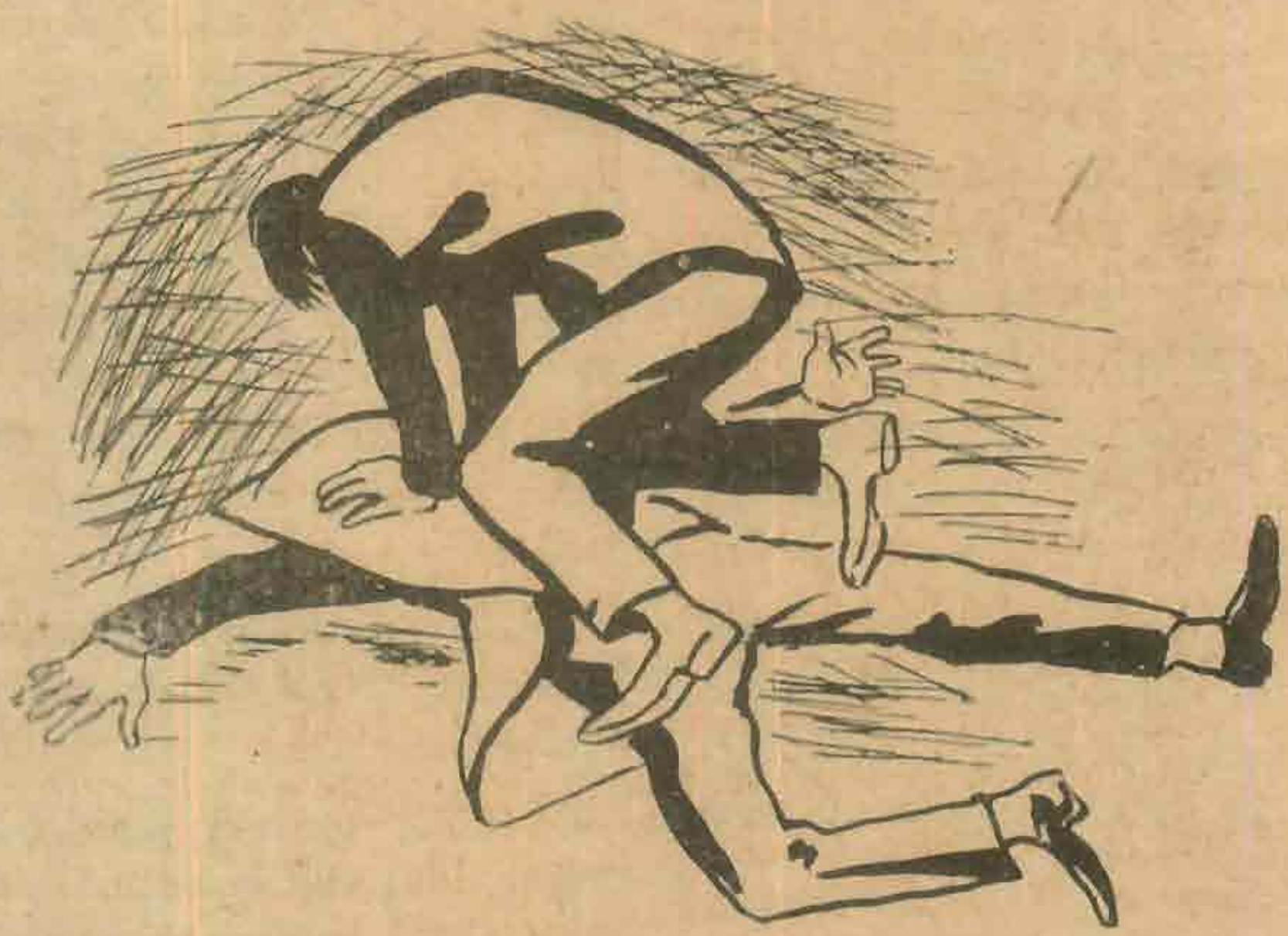
cùng những vết tích người khách ấy để lại nơi tiệm, xong tôi mới mở cái va-li anh ta mang theo. Chẳng có gì đáng kể trong ấy, chỉ là một ít áo quần đã cũ và một số gói nhỏ chứa đựng hạt giống. Một gói trong đống đã bị xé và được bọc giấy nhật trình. Tôi nhìn những hình bằng màu in trên các gói và tôi thấy có trình bày các đóa hoa rất kỳ quặc. Thật là những thứ cây đáng tởm, trên đó có chừng vài ba cánh hoa vàng ở tút mút một cái thân cây dài chả có chiếc lá nào hết.

Tôi đọc cái tên in trên gói giấy : bây giờ nhớ lại, tôi chẳng còn biết gì khác hơn là một cái tên khá kỳ khôi, không nghĩa lý gì hết.

Tôi đoán anh chàng bị giết theo nghề làm vườn, rồi tôi khép va-ly lại, không lấy đó làm điều phải suy nghĩ nữa.

Đêm vẫn lạnh và gió thổi mạnh. Tôi lấy áo choàng và sách va-ly ra đi.

Đến bờ sông cách đó không xa, tôi ném va-ly xuống. Va-ly chạm



mặt nước, không phát ra tiếng động nào, nó trôi dần theo giòng, bập bềnh một lát rồi mới chìm hẳn.

Ngày hôm sau, tôi đếm tiền. Không nhiều nhặn gì cho lắm, chỉ vừa đủ để mua khu nhà ở bên kia đồi mà tôi nhắm trộm đã lâu năm.

Hình như trong tất cả việc này, tôi hành động một cách trầm tĩnh, có kế hoạch, không để một dấu

vết gì. Một thằng điên có thể nào hành động khéo léo như thế ? Không, tôi không phải thằng điên ! Tôi không muốn ai cho tôi là thằng điên cả ! Quan tòa đã nhầm.

Tên gác cửa nhìn tôi. Sắc mắt nó không có vẻ cảm thương hay sợ hãi gì cả. Đó phải chăng mắt nhìn một kẻ có trạng thái bất thường ?

*

Ngày tháng trôi qua không vướng bận sự yên tĩnh trong tư tưởng tôi. Nhiều vị khách khác lại đến ăn ở tiệm tôi rồi hình ảnh người khách trọ đêm đông nọ cũng dần đi vào quên lãng.

Nhưng một buổi xế trưa, tôi bị một người có bộ râu mép đen khá mềm mại gọi giật lại. Ông ta có vẻ nghiêm nghị. Ông dơ cho tôi xem một cái ảnh, hỏi tôi đã từng thấy cái mặt này ở đâu chưa.

Tôi cam quyết là sắc diện tôi không chút thay đổi, trái tim tôi vẫn đập như thường, và không một bắp thịt nào trên mặt tôi đã rung động hết.

Bằng một giọng chắc nịch, tôi đáp : " chưa.

Cái ông đó thuộc ngành công an, cảnh-sát, nhưng điều này về sau tôi mới biết. Chúng tôi nói chuyện một lúc lâu và ông ta có vẻ rất tin tưởng những điều tôi trình bày.

Ông ta đi xem xét qua mọi nơi, kể cả ngoài vườn rồi chia tay tôi.

Từ lúc ấy, một niềm lo hãi không đâu bắt đầu chiếm lấy tâm hồn tôi. Tôi không bao giờ dám lại ra vườn và — một điều chính tôi không hiểu được — tôi khóa quách cửa vườn.

Hai tháng lặng lẽ đi qua. Một buổi xế trưa, mấy người khách đang uống rượu, trò chuyện trên sân thượng bảo cho tôi biết người ta đã tìm lại được chiếc va-ly nơi lòng sông với áo quần đựng trong đó. Tôi vẫn giữ thái độ thản nhiên và câu chuyện cũng đến đó chấm dứt, chẳng ai bàn tán gì.

Nhưng, ngày hôm sau, tôi lại được tiếp cái ông có bộ râu mép mỏng mảnh nọ. Đôi mắt ông còn có vẻ nghiêm nghị hơn và giọng ông xẳng xớm hơn.

Ban đầu, ông ta không đặt cho tôi câu hỏi nào. Ông chỉ yên lặng đi khám xét trong nhà rồi sau đó, ông mới rút từ túi áo ra những cái gói nhỏ, giấy đã vàng và sắp rã ; tôi nhận ra đó là những gói hạt giống đã thấy độ nào. Và ông ta hỏi tôi có ý nghĩ gì về những vật chứa đựng trong mảnh giấy ấy không.

Tôi nuốt nước miếng để thốt ra một tiếng « không » nhưng sao mà

nó lại giống một tiếng « vâng » đến thế !

Người đàn ông vẫn trố mắt nhìn tôi một lúc khá lâu, rồi đi đó tìm cho đến lúc ông ta dừng lại trước cái cửa vườn mà tôi đã khóa kỹ sau ngày ông ta đến viếng tôi lần đầu.

Ông ta đứng dừng trước cửa một lúc khá lâu, rồi ông hỏi mượn một chiếc búa dùng để đánh cho bật hết những chiếc đinh bị rỉ.

Hai chúng tôi đi vào vườn. Cỏ dại đã mọc và tràn lên chiếm những vuông rau mà từ lâu tôi không săn sóc nữa.

Nhà thám tử đã ném một cái nhìn bao quát trên vườn và ông đã thấy — nhất định là trước tôi, hẳn thế — cái đống phân phủ đầy hoa.

Ông ta đẩy tôi đi trước và rút từ túi ra cái bao hạt giống bọc trong tờ giấy báo. Không còn gì nghi ngờ : những đóa hoa mọc đó giống hệt những hoa trong hình vẽ. Với những thân cây to lớn, chẳng có chiếc lá nào và kết cuộc một cách ngu ngốc bằng những cánh hoa vàng.

Phần sau câu chuyện rất vắn, gọn. Tôi không có can đảm từ chối việc đào lên. Và vừa khai quật cái thể xác đã rữa của nạn nhân của tôi, tôi vừa nghĩ đến cuộc trả thù ma quái của anh. Trong khi đợi để tiêu tan trong nắm mộ, anh ta đã gieo những hạt giống nơi bao giấy mở sẵn trong túi, những hạt giống mà tôi nhầm tưởng những mảnh hạt vỡ của một tràng hạt nào.

QUỐC-DŨNG

CÁO LỖI

Trong bài « *Bộ chén trà năm Giáp - tý* », của ông Vương-Hồng-Sển đăng ở số này, chúng tôi có thêm đoạn chú-thích của tòa-soạn (trang 52). Vì sơ xuất nên có trích nhầm câu thơ : « *Nghêu ngao vui thú yên hà* » trong bài, ra thành : « *Tiêu dao vui thú sơn-hà* ».

Mong bạn đọc sửa giùm câu thơ trên và thành thật cáo lỗi cùng tác-giả và các bạn đọc.

THƠ XUÂN-HIỂN

BÁCH KHOA ĐẠI TIỆC

(ĐẦU NĂM XÔNG ĐẤT BÁCH-KHOA)

Năm xưa câu đối tặng ai ai
« Xông đất » năm nay gọi có bài
Tiếng pháo mừng xuân vừa rộn phố
Vội vàng bút thỏ giắt ngang tai

Vừa bước ra đường gặp Cụ Lâu
Đỏ từ đôi... ửng đỏ lên đầu
Gặp mình, cụ quát qua hơi đế
— Chiếc Ấn Gia-Long cậu... giấu đâu ? »

Mình vội vàng chuồn ra thật xa
Quay nhìn còn thấy cụ đương la
Hồn chưa thu kịp cho đầy cỗ
Bỗng vấp ngay vào... Ngu-Í ta

Bận rộn, « nhà-thơ-phỏng-vấn-viên »
Quanh năm chép chép với biên biên
Đầu năm « phỏng » lại ngay Ngu-Í :
— Truyện ngắn nào hay, cho biết tên ?

« Thi sĩ » dường quen phỏng vấn người
Vô tình bị « phỏng » toát mồ hôi
— Rằng nhiều công chuyện thành... quên mất
Phỏng phiếc làm chi, bác Hiến ôi !

Vừa mới ra lò đã gặp đen
Một ông thì « quát » một ông... « quên »
Dọc đường đã lắm trò xui xẻo
Ta thử xông... chùa, may có hên ?

Vừa bước vào am thấy « tiểu » Dân
Đương ngồi ngất ngưởng với sư « Tăng » (1)
Một mâm dựa mận dăm chai bố
Tây lúy hai thầy đương nhậu hăng

Vòng mé sau chùa thấy một Cô :
Cô... Liêu tha thướt đứng ven hồ
Kiều-Yêu lả lướt bên « người ngọc »
Tân chuyện Liêu-Trai của họ Bồ

Vừa mới đầu năm kiêng chuyện ma,
Nhẹ nhàng Xuân-Hiến rút lui ra
Và rồi, vác bát bay cho nhẹn
Thẳng nẻo về luôn báo... Bách-Khoa

Dọc đường đứng bước đứng phân vân
Thoáng bóng ai quen tiến tới gần...
Tay cuốc, tay bừa vang tiếng hát
Nhìn ra : Từ-Thức với Đoàn-quân

(1) Tiểu-Dân và Phạm-Tăng.

Ngoài cửa ai như Phan-Lạc-Tuyên,
Một tay cầm bút, tay cầm gươm,
Đương sang sảng đọc thơ chinh chiến :
« Có buồn sầu cổ mộ
Chiều tím nét sa trường »

Đằng sau duyên dáng bóng Vũ-Hạnh
Điệu « Cuội ba dùm » thổi lanh lảnh
Cô Thượng kể bên nghe « khèn » hay
Ôm chiếc « cà tiu » cười khanh khách (1)

Vào tới nhà trong anh ký Trâu (Châu)
Chiếc cày lủng liểng ở trên đầu
— Ủa không ăn Tết ?
Rằng : « Trăm việc
Việc Bách-Khoa nào đã hết đâu ? »

Báo bổ đùa dai ông ký gầy
Quanh năm công việc chẳng rời tay,
Kệ Xuân, kệ Tết ngồi bôi xóa
« Ngửi » báo dường như cũng thấy say,

Nguyên-Phủ hôm nay trông bảnh bao
Giữa sân đương múa một bài đao
Dịu dàng Phương-Thảo khen Nguyên-Phủ :
— Võ nghệ anh này quả có cao ! »

---

(1) Xin bạn đọc xem « Cuội ba dùm » trong số này.

BÁCH KHOA ĐẠI TIỆC

Đèn nến lung linh, hương ngát nhà,
Mừng Xuân Canh-Tý cỗ bày ra.
Không gà vịt mập không dê béo,
Toàn món « ăn chơi » : món... Bách-Khoa.

Rượu đào « kinh tế » hiệu Văn-Lang,
« Thắc mắc » đưa cay nhãn Phạm-Hoàng.
Ngu-Í (Ông từ nay phá giới),
Tặng bà con lọ « mắm Giang-san ».

Võ-Phiến chiên giòn dĩa Mác-Lê,
Anh em đụng đũa thấy cay xè,
« Món hầm Dân chủ » Minh-Tuynh soạn
Khách khứa ăn vào thấy lưỡi tê.

Thuốc bổ « thanh niên » kiến hiệu chăng ?
Nước « dùng tư tưởng » thấy hăng hăng
« Sách » trần « điếm » ớt nhiều ông thích
Và mệnh danh là món « giật gân »

Vương-quân nhã ý tặng trà ngon,
Ba chén xinh xinh hai dĩa tròn.
Mai Hạc mơ màng qua khói đượm,
Trà thơm hay chính tấm lòng son ?

Huy-Lực, Huy-Trâm bên Khổng-Nghi,
Thành-Tân, Việt T-rữ, Vũ-Thanh-Ly
Tình Xuân bàng bạc, men Xuân đượm
Sưởi ấm tâm hồn Trang-Thế-Hy (2).

---

(2) Tác-giả Bơ Vơ.

XUÂN . HIẾN

Xuân-Hiến đưa thêm vị « đét-xe »,
Một mâm lỏng chỏng mấy câu... vè
Bà con bịt mũi rằng : « Thơ ấy
Mạn phép làng xin lại quả về !...

Nghe mòn mỏi suông, thẹn điếng người
Giật mình tỉnh dậy toát mồ hôi.
« **Bách-Khoa đại tiệc** » *thành ra...* **mộng**
Xông xáo gì đâu các cụ ơi !

*

Tiếng pháo nghe vang xa gần xa
Giao thừa ngồi đợi lắng năm qua
Thưởng Xuân thơ tết đương khai bút
Ngủ gục trên chồng báo Bách-Khoa

Giận thân tiếc mộng chẳng dài lâu
Gấp rút nhiều nơi chửa tới hầu
Vì phỏng Trời cho còn tiếp mộng
Ngày này xin hẹn đến năm sau

Riêng tặng các bạn mà X.H. chưa được gặp trong « Tiệc đầu Xuân »

Men đượm hương nồng với Bách-Khoa
Tuy không cùng họ hóa chung nhà
Nghe tưng-bừng dậy hồn non nước
Thấy thiết-tha mừng dáng cỏ hoa
Bút thép lòng gang danh khó bả
Mực đanh giấy sắt lợi khôn qua
Mộng Xuân một giấc bao khăng khít
Dù đắng dù cay ta với ta.

XUÂN - HIẾN

Xuân Canh-Tý

Lời thơ
MỘNG-TRUNG

XUÂN XA QUÊ

Nhạc phổ:
TRẦN-VĂN-KHÊ





Recitatif - Ngâm ngợi hồi đầu

minh (Đàn . . . . . Nay lăng
thỏ (Đàn . . . . . Bao tháng

nghe lòng cay đắng Trông ra khoảng trời xa
nam dài đằng đẵng Pháo xuân vẫn còn văng

vẳng Để mỏ những tia nắng lên vàng
vẳng Nhớ quê hướng thương đến ai còn

Đang vườn cao đượm màu ấm trong Bằng
Đang đi lên ngược dòng ước mong Non

khuâng lặng tưởng ánh mặt trời Tình xuân phới
sông khuất dưới mấy nghìn

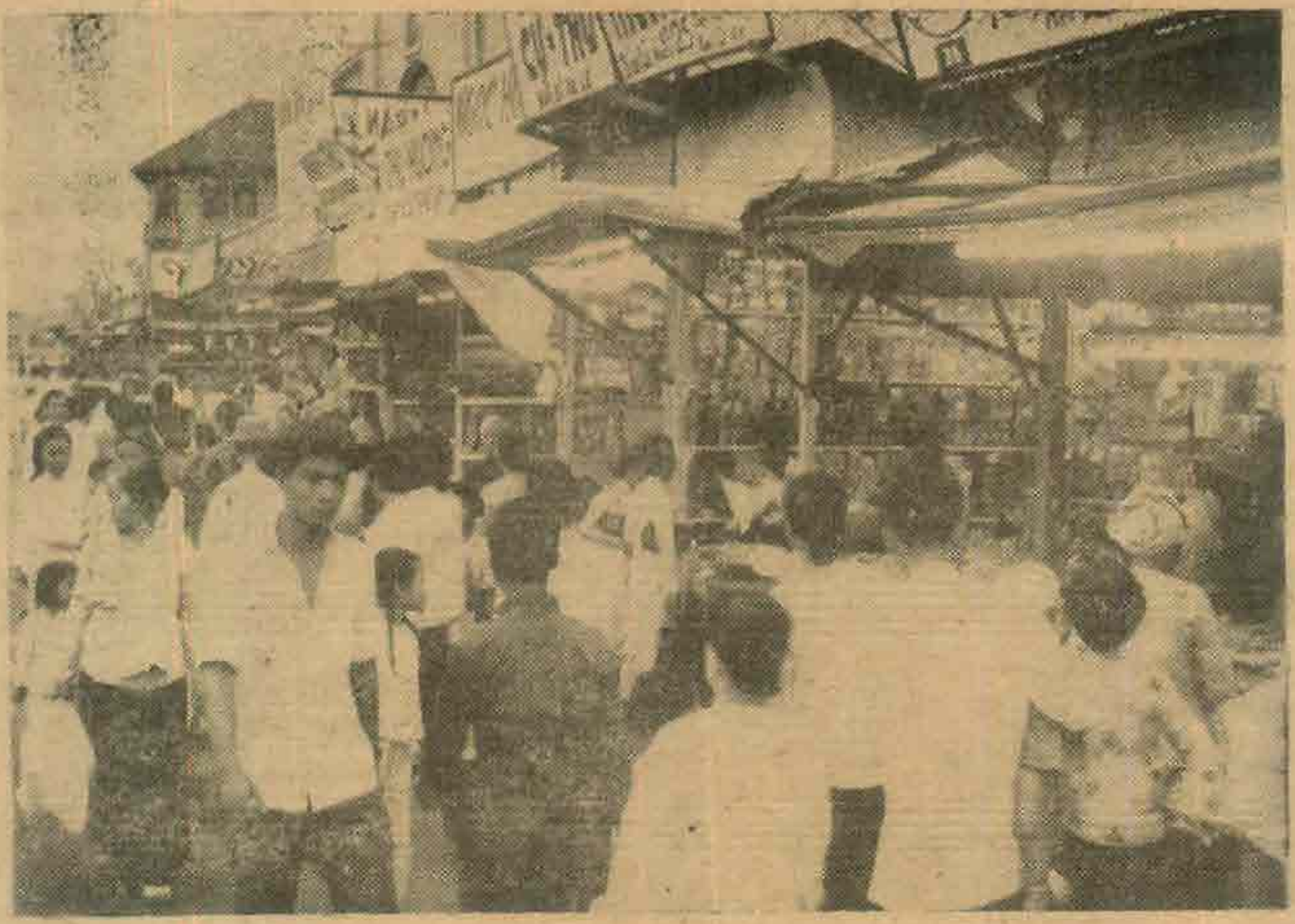
phới . . . . . thay lời . . . . . gửi

đến nước non Nay đến giờ trùng lòng

xuân phới phới . . . . . lại héo giữa gió

đông lạnh lùng

HẾT



một vài hình ảnh TẾT

Phóng-sự của VŨ-THANH-LY

Từ những người ăn tết...

NĂM nào cũng vậy, Tết bắt đầu từ chợ Bến-Thành, khi những nhà « mại-dô » chuyên nghiệp và những ông hàng bánh kẹo được họp chợ công-khai trên vỉa hè đường Lê-Lợi và quanh bốn bức tường chợ Bến-Thành, tôi biết lúc đó Tết sắp đến, như những nhà thi-sĩ thấy lá ngô-đồng rụng biết mùa thu sắp sang.

Tết bắt đầu từ lúc mấy anh bán đồ chơi trẻ em Nhật-Bổn kêu la ầm ĩ trên góc đường Lê-Lợi — Nguyễn-Huệ.

Một buổi sáng trời trở lạnh đột ngột, vì trận bão rớt Gilda. Cô gái ế chồng gần nhà tôi tươi tỉnh lấy áo rét ra mặc. Có lẽ mặc thêm chiếc áo lạnh, dung-nhan cô non trẻ lại được phần nào. Nhưng trời chỉ lạnh độ hai bữa, không-khí trở lại nóng bức. Nóng đến độ tôi không dám đi len lỏi vào giữa đám thị dân mua sắm đồ « Tết Tây », một lối ăn Tết theo thói quen của những người không đến nỗi túng thiếu lắm.

Tết đến là một dịp cho mấy nhà thương-mại có kinh-nghiệm buôn bán thầm lén,

làm giầu. Nhưng dù buôn lớn hay buôn nhỏ, vào dịp Tết, họ cũng đều hoạt-động một cách nhộn-nhịp khác thường cả.

Tôi gặp ông bán hàng tạp-hóa với không-khí Tết từ đầu đến chân. Ông nói :

— Năm nay hàng họ cái gì cũng mắc !

Đó là câu cửa miệng. Tôi nhớ năm ngoái ông cũng nói như vậy. Tôi không buồn hỏi xem cái gì mắc, cái gì không mắc. Nếu hỏi, nghe ông kể lể đến sốt ruột. Ông mang trên xe xuống bánh, kẹo, rượu mùi, những thứ chỉ Tết cửa hàng ông mới có. Ngày thường ông bán than, gạo, nước mắm, hột vịt, dầu hỏa, giải rút, bóng đèn... Ngoài những thứ kể trên ông còn bán bánh mì. Tôi là một thân-chủ thường ăn bánh mì chịu, có khi nửa tháng mới trả tiền một lần. Tết đến tức tôi có nhiệm-vụ phải thanh-toán cho ông trước kỳ hạn, dù nhiều, dù ít cũng phải thanh-toán cho khỏi dây dưa ra đến tháng giêng.

Tôi dại dột hỏi một câu :

— Sao ông không mua ít đồ hộp về mà bán ? ngày Tết thiên hạ lười nấu nướng.

Ông vớ ngay lấy cơ-hội để than thở :

— Khó lắm ông ạ ! Mình ở khu phố bình-dân, bán cái gì hơi cao giá độ một đồng bạc, dân chúng cũng so-sánh. Ông xem trước tôi mua vài hộp cá bán với bánh mì, còn ế mỗi hôm tới hai phần ba hộp...

Cá và bánh mì. Tôi chờ ông nói tiếp, ông xuống giọng :

— Hàng họ thì đồng chịu đồng trả. Nếu người nào cũng mua bán sòng phẳng còn không đến nỗi. Khổ cái mỗi Tết là phải thu nhặt tiền nợ, tôi cũng còn nợ của nhiều người khác.

May mắn, mấy đứa con ông vừa khuân hết hàng vào trong nhà, một đứa đánh rơi chiếc bóng đèn, ông vội vã chạy theo. Tôi khỏi phải nói với ông dăm câu ngoại giao có tính cách chia sẻ nỗi lo lắng cùng ông.

*

Một ông xuất-nhập-cảng thức thời.

Ông ta cười rung cả đôi gò má dầy dặn những thịt, hai mắt ông nhỏ lại, nhỏ gần như sợi chỉ. Ông nói chuyện với mấy bạn hàng, mấy người đứng trước mặt ông thì lại gầy quá mức, như họ không biết thuốc sâm nhung hải cẩu bổ thận hoàn là vị thuốc gì cả.

Ba bốn người vừa ở một tiệm ăn đi ra. Bên cạnh họ là mấy bà vợ, những người đàn bà béo tốt, mặt đánh rất nhiều phấn.

Mấy ông gầy xem chừng việc buôn bán không phát-đạt, chỉ ông có vẻ mặt phúc hậu ra chiều đắc ý. Ông bán hàng vải.

Hàng vẫn bán được giá cao mà không bị mang tiếng đầu cơ. Bao nhiêu lỗi đổ cả cho bọn trung gian. Dư vị các bữa ăn ngon khiến ông càng sung-sướng như một vị bác-sĩ mới mở phòng khám bệnh gặp đúng mùa ba bốn thứ dịch, thổ tả, đậu mùa, cúm nóng, cúm lạnh cùng đến một lúc. Họ chuyện vãn cười nói, rồi đi lẫn vào đám người mua sắm Tết. Hè phố Lê-Lợi lúc này tưng bừng mầu - sắc. Những tà áo sáng lên bên cạnh những chai rượu và những hộp bánh xen lẫn với hàng vải, tơ lụa, choáng gần hết lối đi.

Phu xướng, phụ tùy.

Hai vợ chồng một vị, tôi đoán là công-chức, vì ông có bộ mặt nghiêm chỉnh như một công-chức khi ngồi ở bàn giấy. Lúc ông đếm tiền tôi phỏng đoán ông đã làm qua nghề thủ-quỹ, hay đương đảm-nhiệm chức phát ngân cho một phòng hành-chánh nào đó. Ông đếm rất nhanh, rất gọn, thoáng vẻ buồn buồn chứ không vô tư như khi đếm tiền cho bạn đồng sở. Vì lần này ông xuất tiền ở túi ông ra cho vợ mua sắm đồ Tết. Bà vợ trẻ, không chú-trọng đến nỗi lo ngại của chồng, mua phấn, sáp (hai thứ này bất kỳ người đàn bà đi mua sắm gì đều chiếu cố đến nó trước tiên), bánh kẹo, rồi giầy (không phải cho chồng), vải lụa, và nhiều thứ lặt vặt khác.

Bà cười nói, hí hửng, trong khi ông chồng ôm một mớ đồ đi theo sau, vẻ mặt đăm chiêu.

Tôi đoán thêm, hẳn đây là bà vợ trẻ mới cưới, vì hầu hết những bà vợ trẻ mới cưới đều hoan-hỉ mà tiêu sài ngân-quỹ gia-đình một cách thực tình như vậy.

Bên lối đi, tiếng mời chào, tiếng trả giá, tiếng quảng-cáo hàng bằng mồm và bằng cả máy phóng-thanh, hỗn loạn, náo nhiệt. Nam-thanh nữ-tú chen nhau mà đi, làm như cả năm chỉ có mấy ngày gần Tết là họ được rảnh rỗi. Âu sự chen vai thích cánh trên con đường sang trọng của thủ-đô cũng là cái thú của dân Saigon thanh-lịch.

Hàng đồ chơi trẻ em vẫn là thứ hàng quyến rũ người lớn lẫn con nít. Mấy anh vịt, mấy anh thỏ, xe tăng phun lửa, máy bay phản-lực, biểu-diễn cùng một lúc với anh da đen nhảy thiết hài, anh khỉ đột đánh giầy, anh gấu uống rượu, hàng từ dịp lễ Giáng-sinh còn sót lại. Trẻ em mắt sáng lên thích thú. Tôi cũng thích, nhưng tuyệt nhiên không có ý định mua, mặc dầu anh bán hàng ra công biểu-diễn thứ đồ chơi Nhật-Bản tinh xảo nhưng chóng hỏng của anh ta.

Mặc cần hơn ăn.

Tôi hỏi anh bán hàng đồ chơi, anh vừa đáp vừa trả lại tiền cho một bà to béo. Tôi nói :

— Hàng ngày Tết bán được chứ ông bạn.

— Cũng như mọi năm ông ạ !

Xem chừng anh không thạo thở như ông bán hàng tạp-hóa.

— Đồ anh lấy của đại-lý, bán ăn hoa-hồng hay phải trả tiền mặt ?

— Dạ, cũng tùy ! nếu tôi lấy quần áo, như áo lót, quần cụt thì phải trả tiền mặt, còn thứ hàng này một năm mới có một lần, hãng buôn họ giao cho chúng tôi, bán được ăn hoa-hồng.

— Nhận hàng phải đóng tiền bảo-đảm chứ ?

— Dạ, chúng tôi quen. Ngày thường tôi vẫn bán hàng tại con đường này.

Gặp dịp trưa vắng khách, anh chuyện vãn với tôi, trong khi người vợ ngồi cho con bú. Anh không nói rõ con số chi thâu, nhưng phỏng đoán, dịp Tết, anh kiếm ăn gấp mười lần ngày thường.

Trừ tiền thuế, tiền chỗ, tiền vay trả góp nếu phải mượn vốn, còn lại anh cũng kiếm độ bảy tám trăm bạc.

Không phải dịp lễ tết, mỗi ngày hơn bù kém anh kiếm hơn trăm bạc. Nhưng giành

được một chỗ ngồi trên hè đường Lê-Lợi không phải là việc dễ.

Đứa nhỏ vừa bú vừa nghịch với quả bóng. Nó bú no, chị vợ anh bán hàng đặt con xuống mảnh vải nhựa trải ngay trên lề đường, chị mở gói cơm ra ăn. Khi nắng đã nhạt, mấy hàng báu bít-tất, « mùi soa », thắt lưng được khách chiếu cố tới nhộn nhịp, tuy vậy người hỏi giá vẫn chiếm số đông hơn người mua.

Một anh bán dao ra sức mời mọc :

— Dao Giẹc-ma-ny, mười đồng hai cam đoan không han rỉ.

Bạn của hắn bán thứ bát thủy-tinh không bể, ba mươi đồng một chiếc, cũng gân cổ rao to hơn hắn. Cả hai đồng nói, như đấm cái nhau.

Nắng chiều làm gian hàng bán đồ hộp kẹo mứt như phủ một lượt bụi.

Hàng họ có phần tiến-bộ, vì mỗi thứ hàng đều đề giá phân minh :

— mứt khoai 40 đồng một kí-lô
— mứt lạc 35 đồng một kí-lô
— mứt dừa 55 đồng một kí-lô
— mứt bí 50 đồng...

Thứ mứt sen đắt nhứt là 120 đồng. Còn bánh ngọt, còn rượu, còn thuốc bổ bác-sĩ T... Mua hai chai rượu 100 đồng được biếu một quyển lịch.

Người mua bánh kẹo xem ra không tấp nập, số người đi « nhìn » vẫn đông hơn người mua. Có lẽ họ nghĩ rằng, mặc cần hơn là ăn. Mua chiếc bát không bể dùng được hàng năm, mua một hộp bánh ăn phút chốc hết. Người ta càng ngày càng nghĩ thực tế như cuộc sinh-hoạt mỗi lúc một trở nên khuôn khổ, đều đặn.

... Đến những người không ăn Tết.

Hai mẹ con bà ta lủi thủi đi giữa đám đông. Bọc quần áo cắp dưới nách, chiếc giỏ đứt quai đeo bên người. Đứa nhỏ một tay ôm quần một tay nắm áo mẹ. Họ đi từ phía tòa-án, lạc lõng giữa đám người mua bán để rồi quay lại tòa-án, sau khi đã dạo qua một lượt « chợ Tết ».

Hai mẹ con ngồi ở chân tường, tôi đứng nói chuyện với mấy anh viết đơn thuê.

Một gã đội mũ dạ, ghé mắt nhìn người đàn bà, hỏi nhỏ mấy câu, vẻ không được hài lòng, lảng ra chỗ khác.

H., gã viết đơn thuê, chỉ tay bảo một bạn đồng nghiệp :

— Có mối kiếm được tí tiền đấy. Anh nào nhận thì « vẽ » hộ bà ấy cái đơn.

Bạn đồng nghiệp của gã cười :

— Cùng cảnh rách cả, đùa nhau làm gì !

Mấy bạn đồng nghiệp của H. viết đơn mướn, kiêm luôn cả nghề đưa mối cho trạng-sư, mỗi vụ giới-thiệu « thân-chủ », các hắn được tiền hoa hồng, làm công chuyện này sống hơn là « vẽ » mỗi cái đơn năm, ba đồng bạc.

Tôi hỏi H. :

— Chắc chồng bà ta có việc lôi thôi ?

H.— đáp :

— Dính líu đến vụ trộm trâu, trộm bò gì đó. Mẹ con dắt nhau từ dưới tỉnh lên, không có nổi trăm bạc vào thăm chồng.

— Bà ta định ăn Tết trên này sao ?

— Nào tôi biết ? Có tiền ăn Tết ở đâu chẳng được !

Tết năm nay trên vỉa hè đô-thành hắn đón thêm hai người khách khi chuông

giao thừa đồ, nghĩ đến một người nằm buồn trong khám đường.

*

Đêm « xuân » ai hát buồn !

Nhà có bốn chị con gái, thường không có việc vì cả. Họ chỉ hoạt-động vào buổi tối. Thời-gian gần đây, họ đổi chương-trình, hoạt-động vào ban ngày. Bốn người con gái hay ăn quà vặt, hay đánh bạc, và nói năng thô-tục đến đàn ông nghe cũng phải xấu hổ. Họ thuê chung căn nhà, thuê người gánh nước, thuê cả người giặt quần áo, vì ngoài thời giờ là « làm việc », họ còn ngủ, nếu không ngủ thì đánh bạc, nếu không đánh bạc gọi hàng quà vặt vào ăn, vừa ăn vừa bình-phẩm đức-tính của các bạn gái khác.

Đôi khi họ cãi nhau một trận ráo riết, một hay hai cô bỏ « nhà » ra đi, ít lâu sau quay lại, và cuộc sống hòa-thuận như cũ. Tôi điều-tra biết nguyên-nhân của cuộc cãi nhau là vì sự tiếp chung một mối hàng, người nọ xâm lấn vào quyền-lợi người kia. Đến lúc anh đàn ông không lai vãng tới nữa, họ gặp nhau, tự dưng làm lành như không có chuyện gì xảy ra cả.

Tôi vốn không thân, không sơ với mấy cô hàng xóm. Việc của ai người ấy làm, họ đi sớm về muộn là bổn-phận của họ. Đôi lúc họ hỏi tôi mượn tờ báo, đôi lúc tôi mượn họ năm, ba đồng đi ô-tô-buýt. Sự giao hảo cũng bình thường như các người hàng xóm khác.

Vào lúc thiên-hạ sửa soạn Tết, các cô cũng chuẩn bị. Dự định của họ là tiếp khách luôn cả mấy ngày đầu xuân, như thường lệ. Họ đã trang hoàng lại nhà cửa, cô già nhất bọn đã đi uốn lại tóc.

Nhưng một buổi tối, nghe tiếng người rầm rĩ bên nhà. Tôi nghe tiếng chửi bới om xòm, lần này không phải các cô cãi nhau, mà là một phe làm ăn đối lập đến gây chuyện, hai bên hỗn chiến có võ khí, rút cuộc chỉ còn một cô ở lại nhà, ba cô trong đó có hai đi nhà thương, một phải vào quận.

Cô hàng xóm còn lại, đêm nằm tỉ tê hát mấy bản dân-ca. Ngày trước thì các cô hát bài tiễn anh khóa xuống tầu theo điệu sa-mạc, nhưng bây giờ cô hát theo điệu cải-cách, dân Sài-gòn gọi là tân-nhạc.

« Anh ơi, bây giờ anh ở đâu ?

Ngõ hẻm hay rừng sâu... » Tiếng hát buồn ray rứt như một ngày Tết không có dưa hành thịt mỡ

*

Người đi một mình.

Hắn dúi tay vào túi đứng nhìn tủ kính, ánh sáng bên trong rất nhiều. Sàigòn lạnh trở lại. Chiếc đồng hồ mạ vàng nằm trong hộp nhung đỏ tuyệt đẹp, còn những chiếc nhẫn mặt đá lấp lánh, còn bộ quần áo mới, còn chiếc áo ấm trong tiệm bách hóa. Và ngoài đường, giấy vụn của một buổi chợ chiều vương khắp nơi, như đám cưới cô dâu đã lên xe về nhà chồng, như buổi dạ-hội đã đến lúc chủ nhân ngáp vặt và buồn ngủ. Ban đêm Sàigòn bớt tiếng

Tôi nói với hắn :

— Anh chờ người ta tắt đèn mới chịu đi sao ?

Hắn cười một cách nhẫn nại :

— Thì đứng đây cũng vậy ?

Hắn nói tiếp :

— Về nhà bây giờ cũng chẳng biết làm gì.

— Không có quyển tiểu - thuyết nào đương viết dở à ?

Vẫn nụ cười nhỏ nhẹ :

— Viết mấy bài báo Tết, bán được hai bài. Còn bao nhiêu để dành sang năm.

Giọng hắn âm thầm :

— Liệu ra giêng anh có thể giúp tôi việc đó được chăng ?

Tôi hứa giúp anh ta một chân dậy tư-gia.

Tôi gật đầu :

— Chắc ! Nhưng đồng lương chẳng được bao nhiêu.

— Dù ít còn hơn không. Nếu tôi vay mượn đâu được ít tiền, mở cho vợ tôi ngôi hàng tạp-hóa, tôi đi dậy học kiếm thêm chút đỉnh...

Hắn túng thiếu không phải lỗi tại những người chung quanh, mà lỗi tại hắn. Vì hắn chọn nghề viết tiểu-thuyết. Nếu hắn giác-ngộ rằng thời-đại khoa-học này, người ta cần một đôi giầy hơn là một quyển tiểu-thuyết, và chỉ những người có công ăn việc làm dư dật, mới viết tiểu-thuyết để thỏa mãn một thú chơi tao nhã như người chơi phong lan thì hắn đã yên phận đi làm thầy giáo, hoặc công - chức, tư - chức gì đó, tương lai bảo-đảm hơn.

Tôi đi với hắn ra bến ô-tô-buýt Sàigòn — Chợ-lớn. Hắn sẽ đi bộ từ Chợ-lớn về Phú-thọ. Hai bài báo Tết, còn tiền nhà tiền cửa, còn món nợ của bà hàng gạo, của người bán thực-phẩm rong trong xóm.

Hắn nghĩ đến Tết như một chuyện phù phiếm, một ngày nhạt nhẽo, như tất cả những ngày nhạt nhẽo khác trong đời hắn.

★

« Làm bè »

Tôi trở lại xóm nhà lá, một xóm chật chội gần đường Lê-Văn-Duyệt. Từ trên cao một mái chòi phòng hỏa nhìn xuống, những chiếc rãnh ngập nước tuy đã về mùa cạn, và ngõ vào khúc khuỷu, luồn ngang luồn dọc. Trước cửa nhà hắn có bọn trẻ đương đánh bài. Hắn mặc chiếc quần đùi, nằm ngủ trên ghế bố. Trong nhà có tiếng người bàn cãi.

Tôi chưa cất tiếng gọi, hắn đã mở mắt :

— Lâu lắm không thấy đến chơi !

— Tưởng ngủ !

— Nhắm mắt để dấy. Ngủ sao được.

Hắn tiếp :

— Hôm qua tôi mới ở Kontum về.

— Việc làm ăn ra sao ?

Với P. cũng như với mấy cô gái giang-hồ, làm ăn có nghĩa là thức đêm, tiếp khách, đánh bạc. Khi thay đổi chương-trình, họ cùng thay đổi chương - trình một lượt. Bọn P. hoạt-động về ban ngày, năm nay đôi khi các hắn mới hoạt-động về đêm. Địa điểm tổ-chức sòng bạc của hắn lưu-động luôn.

P. đứng dậy, hắn không cần mặc quần dài, và chỉ chiếc ghế bố cho tôi ngồi.

— Đỏ đạc đâu cả ?

— Bán hết !

— Còn vợ ?

— Vợ cũng đi luôn.

P. ngáp :

— Định lên Kontum đón ít khách. Nhưng hụt.

— Vẫn mở sòng như mọi khi chứ ?

— Tôi chưa có vận, bị bố tất cả ba lượt nên mất hết tín nhiệm.

— Vậy còn đón khách cho ai ?

— À, đi đón cho nhà Ba S. Tôi làm « bè » thuê cho hắn ta.

Làm « bè » là tiếng dội, đồng nghĩa với chữ làm sòng. Sàigòn vẫn còn những chiếc « bè » cắm ở ngoại-ô, nhiều khi họ tổ-chức ngay giữa thành phố, đưa khách lui tới đều có ô-tô đón rước.

Tôi nhìn, không có cả bình nước uống. Tiếng người trong nhà nói khi to khi nhỏ, tiếng nghe quen thuộc.

P. đi vào nhà trong, tôi đi theo. Ba bốn mặt « chạy vỏ » ngồi ôm lấy một cổ tiền diêm. Họ đương luyện thứ tiền «hàng» để đánh với mấy con ngờ bạc nghệch « C. lác », một gã anh chị chưa giải nghệ hẳn, nghĩa là vẫn còn đủ phong độ đánh nhau thuê lấy tiền ăn sài, nhưng không hoàn-toàn sống về nghề đó vì hoàn-cảnh đã thay đổi; Q. một gã chi điếm không chính thức, đã bị sa thải, vẫn lần quất sống với bọn gái giang-hồ, tay sai của P. trông nom « bè ». Hai mặt tiểu yêu nữa, thuộc loại móc túi, bấm dây chuyền.

Họ nhìn tôi, và lại cúi xuống cổ « hàng ».

— Mấy thằng này cũng « thất nghiệp », tôi định đến Tết cho chúng nó sang Khánh-hội kiếm ăn nhì nhằng, phần tôi đi phụ bè với Ba S. may ra gỡ lại số tiền thua thiệt tháng trước.

— Bảo cậu phất mấy trăm ngàn ?

— Làm gì có mấy trăm ngàn. Được hơn tám mươi ghim. Ba lần cháy bè, một lần đánh cạn láng với bọn B. cụt thế là vừa vặn chỉ còn một chiếc sơ-mi mặc đi về. Tôi còn lo kiếm đâu ra bộ quần áo mồi. Có bộ rách cổ, sờn tay, đưa thợ giặt cũng chưa ai ban cho tí tiền lấy về.

Hắn nhìn tôi với dấu hiệu, nên giúp hắn khoản tiền đó.

Đồng tiền ở tay P. trôi đọng như giọt sương trên lá khoai. Một đêm kiếm năm, ba chục ngàn. Đêm sau đã không còn đồng nào.

Mỗi lần Tết đến P. lại chuẩn bị một chương-trình làm ăn rầm rộ. Nhưng thật ra P. vẫn là người không ăn Tết. Vì ba ngày Tết hắn phải « làm việc » rất vất vả.

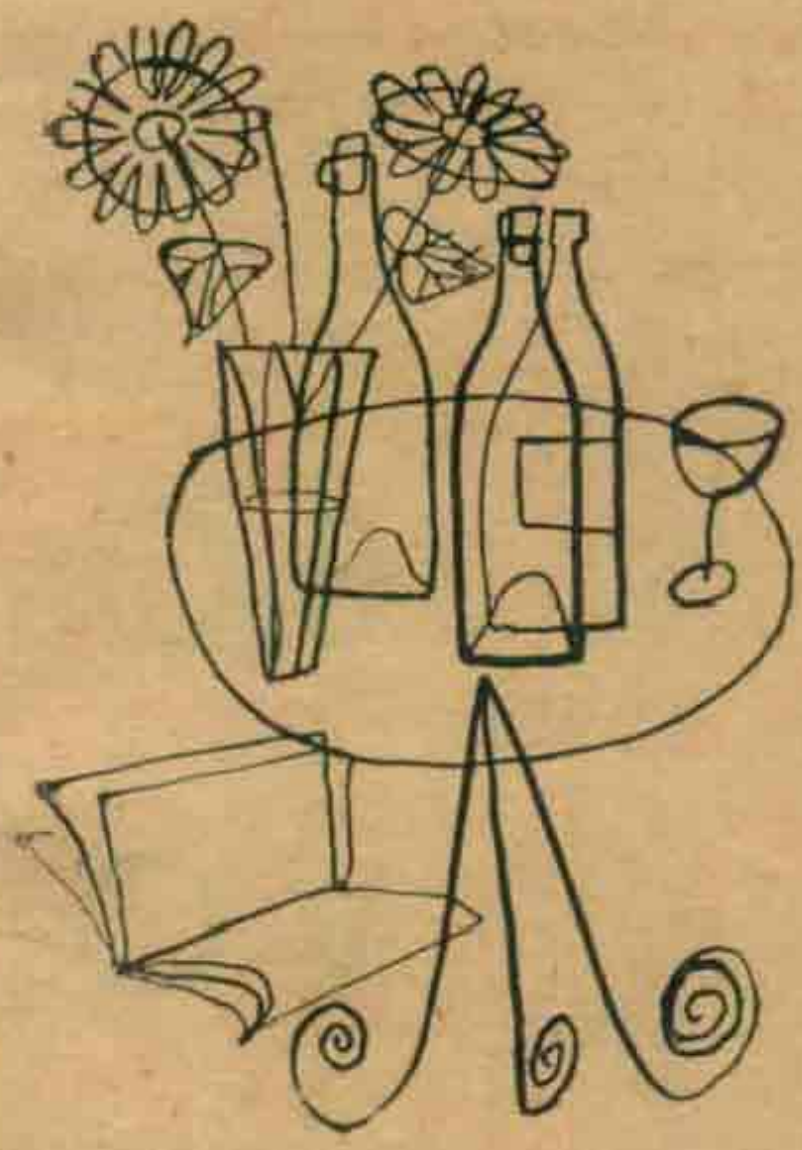
VŨ-THANH-LY

BÁCH KHOA SỐ TÂN NIÊN CANH TÝ

Gồm những bài đặc sắc như
số Đặc-biệt kỷ-niệm đệ-tam chu-niên

☆

Bìa do họa-sĩ PHẠM-TĂNG *trình bày*



dòng tháng năm

Có làm sao đời mãi mãi cô đơn ?
Buồn hơn cả những chiều tàn huyện lỵ
Người xa vắng nhớ nhung dài vạn lý
Thời gian trôi, ngày lá rụng : hoang liêu
Buồn không tan hoa cỏ cũng tiêu điều
Nghe phố xá gió đâu về xao xác
Đèn ai thắp trong sương xa vàng nhạt ?
Mùa tha phương tôi lạc bước bơ vơ
Đường trần gian chiều khói trắng mịt mù
Trong rét mướt những cây cành úa héo.
« Thưa Thượng-Đế tình thương con vẫn thiếu
Dòng tháng năm réo rắt khúc thương đau »
Đôi vai gầy mang phiến đá u sầu
Lấy lắt mãi bao mùa xuân chán ngán.
Ôi ! quạnh quẽ những hoàng hôn vắng bạn
Người xa nhau ; đường phố nhớ rưng rưng.
Rồi trăng phai, lá rụng cuốn xuân hồng
Lấy năm tháng phồ đàn xưa nức nở
Đời bưng bít, mộng tang bồng cũng vỡ
Màn sương rơi vây kín chí phiêu du
Ngỡ ai về, đêm thức giấc : trăng lu !

HUY-TRÂM

BỜ VỢ

TRANG-THẾ-HY

— HỒI đầu hôm, hình như trời cũng có mưa. »

Câu nói thần-thờ của ai cất lên giữa tiếng nói chuyện lào-xào của bốn năm người ngồi bao quanh chiếc xe mi lưu động, đậu lại đụt mưa ngoài hiên của quán cà-phê thưa khách về khuya.

Vũ ngừng đọc báo, ngẩng lên nhìn ra xem ai đã nói và lắng nghe tiếp. Vũ muốn biết cảm nghĩ của bất cứ một người nào về những trận mưa đêm nho-nhỏ mà dai-dẳng, từng chập tạnh rồi từng chập lại trút xuống, dầm-dề liên tiếp hơn tuần này làm cho cái không-khí ẩm-ướt của xóm nghèo càng thêm u-thảm, đìu-hiu.

Nhưng không có một lời nào tiếp theo cả. Vũ nhớ lại cái giọng bâng quơ của câu nói, thứ giọng uể-oải chán-chường, nói để cho có nói, không phải muốn diễn-đạt một cảm-nghĩ gì mà cũng không cần ai phụ-họa hoặc cãi lại.

Sau phút mất hứng, Vũ chợt nhớ lại chính chàng cũng thường buông ra những lời nói không có nghĩa gì cả như thế, về một tiếng rao quà sáng, về một con chó chạy ngang, về màu áo của một thiếu-nữ đi qua. Nhứt là trong những ngày sống lây-lất như bây giờ. Nói để khỏi nín, để nhớ rằng mình thuộc về một loài sinh vật biết nói, thế thôi. Vả lại, tìm biết cảm-nghĩ của thiên-hạ về mưa khuya để mà làm gì ? Một tử

thơ, một ý văn, hay một đề-tài tiểu-thuyết hiện ra trong tâm-não ? Vũ bây giờ thật là đáng tội nghiệp như một đóa hoa mảnh-mai, yếu-ớt, chưa kịp nở đã tàn-tạ tơi-bời trong giông bão phũ-phàng.

Vũ nhớ đến một bài tạp-văn của chàng tựa là NGHĨ VỀ MƯA, viết đã lâu, hiện bỏ nằm trong ngăn kéo. Hồi năm ngoái, Linh, một người bạn phụ-trách bài vở trương ruột một tờ nhựt-báo, kêu chàng viết bài đó và đến lấy vào một buổi trưa thấy Vũ nằm ngủ, không muốn kêu dậy. Đọc xong bài tạp-văn, Linh không lấy, bỏ mà về sau khi gửi lại Vũ vài trăm bạc và mấy lời khuyên vắn tắt : « *Tao nhắc mày lần chót rằng hiện nay người ta không còn muốn tìm rung-cảm trong văn-nghệ nữa. Người ta đọc để tìm sự khiêu-động dục-tình hoặc để làm cái công việc gọi là đọc. Làm người chẳng lẽ lại không đọc ? Tại người hay tại văn-nghệ tao không biết, nhưng đó là sự thật. Mày lấy sự rung cảm của tim óc mà đáp lại sự đòi hỏi đó thiệt là thật-thà, nếu không nói là ngu ngốc. Tao thương mày quá mà khuyên mày không được, buồn ghê...*

Vài nét chữ nhoè đi vì ướt. Có lẽ Linh đã khóc. Nhưng Vũ biết không phải Linh khóc vì hiện-tình đọa-lạc của văn-chương. Linh khóc cho sự ngu-đại của thằng bạn có chút đỉnh tinh-hoa nghệ-thuật mà không biết cách đem bán.

Vũ lại cúi xuống tờ báo. Phương ăn hết tô mì với bóc hai cọng tăm, ngậm một, đưa cho Vũ một.

Vũ liếc nhìn thấy nhưng không cầm lấy. Phương ấn đầu tăm vào má Vũ làm Vũ ngước lên, lặng-lẽ cự-nự bằng một cái cau mày. Phương cười làm lành:

— Đọc gì mà mê dữ vậy ?

Vũ lại cúi xuống, không đáp. Phương không thấy đó làm khó chịu vì đã quen nết bạn. Nàng cầm mẩu thuốc lá của Vũ trên vành lọ gạt tàn, quăng mạnh ra ngoài mưa để lắng nghe tiếng xèo ngắn-ngủi của đóm lửa bị ngấm nước, đoạn thắp một điếu thuốc mới, rít vài hơi cho thật cháy rồi đưa tận môi cho Vũ.

Trong một đoạn tiểu-thuyết của Vũ và Phương đọc đã lâu, có một nhân-vật đàn-bà mồi thuốc cho người yêu kiểu đó và được anh chàng kia khen là tinh-tứ. Phương cho rằng Vũ cũng như gã đàn-ông kia, nên diễn lại cử-chỉ ấy. Nàng ngạc-nhiên thấy Vũ ngậm điếu thuốc với vẻ bình-thản quá, không biểu-lộ chút vui thích nào. Bây giờ Phương hơi giận. Giọng nàng ấm-ức :

— Đọc gì mà mê dữ vậy ?

Vừa hỏi, Phương vừa chợt thấy Vũ đang nhìn lên tờ báo gập làm tư, bày ra trước mặt toàn là những khuông quảng-cáo của trang chót.

Vũ ngước lên mỉm cười, trao tờ báo cho Phương, chỉ một chỗ, nói :

— Phương đọc bài này đi. Hay lắm.

Phương cầm lấy, lẩm-nhẩm đọc :

« Một khám phá quan-trọng về lịch sử y-học phục vụ khoa thẩm-mỹ : *Nữ tướng Phàn-Lê-Huê chinh tây Đại Nguyên-Soái đời Đường có một miếng lác rất lớn nơi bắp vế bên trái.*

Đây là một sự tiết-lộ của đức lang-quân Tiết-Đinh-San... Số là trong đêm động phòng hoa-chúc của hai họ Tiết-Phàn, Tiết lang-quân lúc bấy giờ bị sụt chức làm tiên-phuông, đang hầm-hầm nổi giận vì tự-ái bị vợ đoạt tước soái, bèn ra sức tìm-tòi bắt cứ một duyên-cớ nhỏ-nhen nào để mà gây sự. Thời may, chàng chợt thấy nơi bắp vế bên trái của Lê-Huê một miếng lác bề hoành to bằng cái chén. Lập tức, Tiết bèn bịa ra một luật-lệ nói rằng một trong các điều-kiện của một nữ-soái là không được có lác. Đoạn chàng hầm-hầm bỏ ra khỏi phòng, nói sẽ làm phúc-trình tâu Vua.

Phàn-Lê-Huê bối rối mới kêu nữ-tỳ vào hỏi ý. Nữ-tỳ cả cười mà rằng : « Ối tưởng gì, chớ thứ lác nầy, em trị như đồ bỏ ». Nói đoạn, chạy tìm cho Phàn Nguyên-Soái một lọ thuốc, nhãn hiệu con mèo của Linh-Miêu Dược-Phòng.

Mấy phút sau, Tiết-Đinh-San cầm tờ phúc-trình trở vào phòng lấy chữ ký của Phàn Lê-Huê thì hết sức ngạc-nhiên thấy miếng lác đã biến mất không còn một thẹo vết cỏn-con nào, cho đến nỗi đời sau không có sử gia nào dám chép lại rằng Phàn Lê-Huê có lác cả. »

Đọc xong, Phương co người lại mà cười rũ-rượi.

Vũ hỏi :

— Phương cười vì thấy hay chỗ nào ?

— Hay từ đầu tới cuối. Thật là có duyên. Văn-chương vậy mới hay chớ.

Rồi Phương nhìn Vũ mà cười nữa và không tự giải-thích được tại sao một chuyện khôi-hài như vậy vẫn không giải-trí được anh chàng tình-nhân có vẻ dễ tính kia. Phương không biết rằng bài quảng-cáo ấy do chính Vũ viết ra cho một người bạn trông nom phần quảng-cáo của nhà thuốc. Không hiểu nhà thuốc trả người bạn bao nhiêu, nhưng anh ta trả Vũ một trăm bạc.

Hiện Vũ đang thảo xong ba bốn bài để đăng tiếp theo và Vũ ứa lệ mà thấy rằng chàng bắt đầu làm việc như thế một cách rất dồi-dào sáng-kiến : « Mình bắt đầu làm văn-nghệ một cách cụ-thể », Vũ rùng mình nghĩ thế.

Phương không nghĩ-ngợi lâu. Không có điều gì làm cho Phương nghĩ-ngợi lâu, ngoài giấc mộng xe hơi của nàng. Câu chuyện quảng-cáo thuốc xức lác qua mau như là chưa từng có xảy ra. Nàng nhắc Vũ, giọng tình-tứ :

— Cà-phê rồi dầm mưa về nghe anh ? Khuya rồi. Mai đoàn hát đi Trung vài tháng. Mình sẽ lâu gặp.

Bà Sáu chủ quán, lúc đó đi vào trong, nghe vậy, lắc đầu cười :

— Cà-phê tôi, cậu Vũ không uống đâu.

Bà nói vậy vì biết Vũ rất kén cà-phê. Thường thường, Vũ chỉ dùng cà-phê phin của một tiệm nổi tiếng ngoài đường lớn. Bà không hiểu rằng Vũ đang thất-nghiệp. Vũ cười dễ dãi :

— Được, Bà Sáu cứ cho hai cốc cà-phê đen đi. Đoạn nói với Phương.

— Từ vài tháng nay, tôi có uống cà-phê đâu. Uống toàn là « thế vì cà-phê ».

Bà Sáu trở ra phía trước pha cà-phê. Bà biết cà-phê bà thứ dở và cho rằng mấy tiếng «Thế vì cà-phê» cũng đồng nghĩa với «cà-phê kho», cà-phê vớ» « cà-phê nước cau » mà những người khó tánh thường nói vậy thôi. Nhưng Phương thắc-mắc. Nàng hỏi :

— « Thế vì cà-phê » là sao ?

— Cũng như «thế vì khai-sanh» vậy. Phương biết «thế vì khai sanh» chớ ?

— Biết ! Đó là bản sao-lục...

— Không phải. Sao-lục là khi nào có bổn chánh ở phòng hộ-tịch. Trong trận giặc vừa qua, hồ-sơ cũ mất nhiều lắm. Nhiều nơi bị thiêu-hủy hoàn-toàn. Cho nên, nhiều học-sinh phải nạp vào hồ-sơ những văn-kiện gọi là «thế vì khai sanh» tức là văn-kiện chỉ có giá-trị tạm thôi, không thể coi như tờ khai sanh được.

— À.... Em biết rồi. Nhưng tại sao anh rắc-rối quá vậy. Cà-phê dở thì cứ nói cà-phê dở, còn bày đặt.

— Bởi tôi thấy mình đang sống giữa một thời-đại mà những cái «thế vì» nhiều hơn những cái «Thứ thiệt».

— Em chưa hiểu.

Bà Sáu bưng đến hai ly cà-phê rồi lui ngay. Vũ lơ-đãng quậy đường suy nghĩ. Vũ muốn thí-dụ cho Phương

nghe về những cái «thế vi nghệ-thuật», «thế vì hạnh-phúc», «thế vì tình-yêu» của con người, nhưng thấy vô ích. Phương sẽ không bao giờ hiểu và không bao giờ chịu suy nghĩ để mà hiểu.

Phương là một thiếu-nữ đẹp mà kém học, lại không đoan-chính, làm công cho một đoàn cải lương. Nhờ có nhan-sắc, Phương được người bỏ vốn khai-thác, đoàn hát nhận làm nhân-viên bán vé khỏi tiền thế chưn thông-lệ. Muốn được như vậy, Phương phải lấy người đàn-ông đứng tuổi, ấy là ông Đức, đáng cha của Phương. Ông nầy cần có gái trẻ đẹp như Phương để giải-trí chứ không cần tình-yêu hay lòng chung-thủy, nên không phàn-nàn gì khi biết rằng thỉnh-thoảng Phương vẫn tìm đến Vũ là tình-nhân của nàng từ thuở hai người còn đi học.

Có khi biết Phương đến với Vũ, ông còn biểu Phương lấy xe hơi của ông mà đi, để quảng-cáo sự hào-hiệp của ông là khác. Ông tập cho Phương biết lái xe, biết làm sang, biết ăn diện xa hoa là cốt buộc chặt cho Phương dính với ông cho đến khi ông chán rồi sẽ hay.

Phần Vũ, chàng biết rõ tâm-địa Phương là muốn có tình nhân trẻ và xe hơi cùng một lúc, nhưng không có một anh chàng trẻ nào có xe hơi lấy nàng làm nhân-tình, thành thử phải cộng chiếc xe hơi của «ông già Đức» và con người trẻ của Vũ lại thành cái «thế vì hạnh-phúc» của đời nàng.

Vũ sống độc-thân, thỉnh-thoảng cũng cần đàn-bà, thành-thử gần Phương là tìm đàn-bà chớ không phải tìm tình-yêu.

Im-lặng kéo hơi lâu, Phương hỏi :

— Sao ? Anh nói đời bây giờ «thế vì» nhiều hơn «thứ thiệt» là sao ? Cắt nghĩa coi.

Vũ chỉ một cô gái Tàu buộc tóc đuôi ngựa đi õng-ẹo ngang quán nước :

— Đó ! Thí-dụ như cái ngực đồ sộ của cô gái mới đi ngang. Chưa chắc gì đó là một bộ ngực thứ thiệt. Bên dưới lớp vải áo, thường là những cặp « thế vì nhũ-hoa » bằng cao-su.

Phương lòn tay dưới gầm bàn nhéo thật mạnh vào dùi Vũ, cự-nự :

— Thôi về. Cà-rỡn hoài.

Vũ thở ra :

— Ừ, về thì về.

Trả tiền xong, hai người rời quán nước.

Về đến nhà trọ, lúc cởi áo ngoài xong, Phương chỉ vào ngực nàng, lẳng lơ hỏi :

— Còn đây ? « Thế vì » hay thứ thiệt ?.

Một thoáng ham muốn đen-tối, gai-gắt chạy rần trong người Vũ rồi nguội ngay lúc đôi cánh tay chưa kịp có một cử-động thường tình của bất cứ kẻ đàn-ông nào khác ở vào trường hợp đó. Chàng đẩy cửa bước ra bao-lơn căn gác, như muốn trốn một cái gì. Nhưng trốn đâu ?

Bỏ màn xong, vặn đèn nhỏ, Phương bước ra níu Vũ :

— Ngủ chớ. Khuya lắm rồi.

Vũ đứng dậy và cảm thấy khinh-khi đến cùng-cực cái « thằng đàn-ông » trong con người nghệ-sĩ của chàng. Chàng bước theo Phương với tâm trạng của một đứa trẻ con bước theo một người mà nó rất ghét, nhưng vẫn phải đi theo vì con người đó cầm bánh trong tay.

BÂY giờ, « thằng đàn ông đáng ghét » trong người Vũ đã ngủ rồi. Nhưng con người nghệ-sĩ còn thức đây, rất tỉnh táo, ngồi ngoài bao-lơn căn gác nhìn trời. Nền trời khuya sâu thẳm, tăng thêm phần diệu-vợi nỗi niềm bơ-vơ trong lòng Vũ. Nãy giờ Vũ cố gắng xua-đuổi hình-ảnh Châu, người yêu của chàng, một cô gái mảnh-khảnh, nhan-sắc tầm-thường, dễ chìm trong đám đông vì thiếu một hấp-lực nữ-tính có đặc-điểm, mà chẳng hiểu vì sao Vũ không thể quên được dù rằng « đường ai nấy bước » đã từ lâu.

Vũ viện cái cơ-thể và khuôn mặt khá đẹp của Phương đang nằm trong kia để xua hình-ảnh Châu nhưng không được. Tất cả những thứ gì mà người đàn-bà cần có để khích đến dục-tính đàn-ông, Phương đều sẵn có trên mức trung-bình. Nhưng một tấm chân-tình để đòi hỏi tình yêu của kẻ khác và một tâm-hồn biết xúc động vì những rung-cảm đẹp, để cảm-thông với người nghệ-sĩ thì Phương không thể có. Thay vào các thứ đó, trong lòng Phương chỉ có hình-ảnh một chiếc xe hơi do nàng đứng tên và nhiều thứ tiện-nghi vật-chất khác.

Mình có khó tính lắm trong tình yêu chăng ? Vũ tự hỏi để sực nhớ rằng một cô gái như Châu thật là khó kiếm giữa tình-trạng mà tinh-hoa nghệ-thuật rẻ hơn bèo.

Phương cựa mình không thấy Vũ, khoác màn bước ra, lại bàn thắp một điếu thuốc, cầm ra đưa cho Vũ rồi ngồi sát bên cạnh, thỉnh-thoảng lấy lại rít một hơi, im lặng. Một chiếc xe-hơi chạy ngang dưới đường rất nhanh. Phương lay Vũ hỏi :

— Anh nghe vi không ?

— Gì đâu ?

— Chiếc xe nào mới chạy ngang, máy nổ giống y chiếc Volkswagen của thằng cha già Đức.

— Rồi sao nữa ?

— Hắn hứa sẽ sang tên cho em chiếc xe đó.

Vũ lặng-thinh, ngao-ngán. Một con người khá đẹp, nhưng chỉ biết thưởng-thức văn-chương quảng cáo thuốc xức lác và sự thông-minh chỉ dùng vào việc phân-tích động-cơ xe-hơi để biết nó hiệu gì.



Tuy nói vậy, nhưng Phương biết rằng không bao giờ nàng làm chủ chiếc xe-hơi của Ông Đức. Theo giá đổi-chác của thị-trường, với một chiếc xe hơi như vậy, người ta đổi được một cô gái đẹp hơn Phương nhiều một cô gái còn tân là khác. Phương cần phải nói về xe hơi cho đỡ khổ, vì một sự bơ-vơ mà Phương không tự biết bởi bản-tính ít suy-nghĩ.

Nhân nhắc ông già Đức, Phương hỏi :

— Ớ, sao không khi nào thấy anh ghen với em thử coi ra sao.

Vũ toan nói cho Phương nghe rằng muốn có ghen phải có yêu là một tình-cảm không có giữa hai người. Nhưng sực nhớ rằng Phương làm gì biết tình yêu, nên lại thôi. Vũ hỏi :

— Còn Phương? Sao Phương không ghen với tôi thử coi.

— Tại không gặp chớ. Bữa nào về đây gặp anh ngủ với gái, em ghen cho coi.

Vũ cười khẽ rồi im lặng. Vũ nhớ đến một lần kia, đã lâu, Châu nói chuyện ghẹn với chàng. Châu hỏi :

— Anh có sợ em ghen không ?

— Không. Vì anh không yêu ai ngoài Châu.

— Vậy mà em vẫn ghen.

— Ghen với ai ?

— Với đủ thứ Với một con chim trong tác-phẩm anh chẳng hạn. Em nghĩ rằng khi anh diễn tả - - dù diễn tả một con dế hay con chim — chắc chắn anh quên em mất. Đọc

anh, thấy anh gởi trọn tình-cảm vào nhân vật một cách say-mê quá đến phát ghen.

Người như vậy, làm sao mà quên cho được. Vũ nghe xốn-xang trong lòng và kể chuyện đó cho Phương nghe. Kể để đỡ nhớ Châu, không cần Phương hiểu. Không có Phương đây, Vũ cũng kể, kể cho tấm vách nghe cũng được.

Nghe xong, Phương rùng vai :

— Tưởng đâu chuyện gì ! Còn thua cái quảng-cáo thuốc hồi nãy.

Vũ nhìn Phương trân trân. Con người như vậy mà lại có một hình-hài khá đẹp. Ức thiệt !

Lại im lặng. Vũ nghĩ đến sự bơ-vơ của chàng, bơ-vơ vì không tìm được tình-yêu trong nghệ-thuật giữa tình-trạng tinh-hoa cảm-nghĩ rẻ như bèo. Và sự bơ-vơ của Phương trong giấc mộng xe-hơi với tấm dung-nhan không đủ đẹp để đổi xe-hơi.

— Nghĩ vi vậy ? Phương hỏi.

— Nghĩ về sự bơ-vơ của chúng ta.

— Ngồi với nhau như vầy là bơ-vơ ?

— Thứ bơ-vơ nầy mới đáng rùng mình.

Phương ngáp dài kéo Vũ trở vô ngủ. Đồng hồ nhà ai buông hai tiếng, rất thanh nhưng uể-oải : « bơ ơ ơ,,ơ..ơ...vơ ơ ơ ơ,,ơ...ơ ».

TRANG-THẾ-HY

(loại truyện Tâm Trạng Đen trong tập Cá Nước Đục)

THE BANK OF TOKYO LTD

Foreign Exchange Bank

Siège social : Nihombashi — Tokyo Japon

Adresse du Représentant à Saigon : 36 Duong Hong-Thap-Tu

Au Japon : 23 succursales

Dans le monde entier : 16 succursales

1 trust company

3 filiales

15 bureaux de représentants

XUÂN-NHẬT TƯƠNG DỤC ĐÔNG QUY, KÝ MIÊU-THÂN

Kỷ niên tân-khổ dữ quân đồng,
Đắc táng, bi hoan tận thị không !
Do hỷ cố-nhân tiên triết-quế,
Tự liên cơ-khách thượng phiêu-bồng
Tam xuân nguyệt chiếu thiên sơn lộ,
Thập nhật hoa khai nhất dạ phong !
Tri hữu hạnh-viên vô lộ nhập,
Mã tiền trù-chướng mãn chi hồng !

ÔN ĐÌNH QUÂN

NGÀY XUÂN SẮP VỀ MIỀN ĐÔNG, GỬI MIÊU-THÂN

Cay đắng bao năm tôi, bác chung,
Buồn vui, được mất, thảy là không !
Vẫn mừng bạn trước vin cành quế,
Còn tủi ta nay bạt cánh bồng !
Ba tháng trăng soi đường núi mới,
Mười hôm hoa nở gió đêm tung !
Muốn vào vườn hạnh, đường không có,
Trước ngựa ngùi xem đỏ rực bông !

ĐÔNG-XUYÊN (dịch)

VÕ - PHIẾN

TUỔI THƠ ĐÃ MẤT

TÔI gặp người đàn ông đó ở khách sạn Thái-bình, một phòng ngủ hạng tồi. Ngôi nhà ấy trước kia không hiểu dùng làm gì, về sau sửa lại làm phòng ngủ. Các phòng phần nhiều ngăn bằng ván ép, sơn màu xanh lợt. Mỗi tiếng ho hen, khạc nhổ, trò chuyện ở một phòng, các phòng kế cận đều nghe được. Trên vách, ngay chỗ cửa ra vào, giăng một tấm vải trắng bằng nửa chiếc mền, có vẽ một hình bát quái và viết nguệch ngoạc bằng mực tàu mươi dòng chữ quảng cáo về nhà tướng số Thạch - Thái - Lan hiện trọ tại khách sạn. Nhưng trong ba hôm ở tại đây tôi chỉ gặp một người đàn bà tìm đến nhà tướng số, tay xách một giỏ cá, thịt, rau rán, có lẽ là vừa ở chợ đi thẳng đến. Bước vào cửa khách sạn, gặp ngay một chiếc bàn. Thường thường không có người nào ngồi ở đó cả. Nhưng ở trong phòng kế bên có vài người con trai mặc quần cụt, hoặc ở trần hoặc mặt áo sơ-mi ngắn tay, nằm trò chuyện hay ôm nhau vật giỡn trên giường. Nghe có tiếng động ngoài bàn, họ chạy ra tiếp khách. Khách đi tìm phòng, đi qua một lối hẻm, luôn luôn phải né tránh những chiếc xe đạp dựng bên vách. Chỗ nào có một khoảng nền trống hơi rộng lại có một người đàn bà, một người vú em, trải chiếu ngay lên nền cho trẻ con ngồi chơi. Trên lối đi hẹp ấy, tối đến có một ngọn đèn điện ba mươi nến cháy sáng suốt đêm, còn các khoảng nền trống thì có một vài người đàn bà nằm ngủ. Mặt trước, khách sạn nhô ra sát đường, hứng đủ mọi tiếng ồn ào và mọi thứ bụi bặm. Nhưng ở phía sau còn dư một khoảng đất khá rộng, có những cây bàng, cây long não, cây keo tây thật to, Xung quanh khu đất là một bức tường cao ngang ngực, xây bằng đá ong với vôi, đã cũ kỹ, chỗ đen chỗ xám loang lổ.

Lẽ cố nhiên một khách sạn như vậy không có gì để hấp dẫn, ngoài cái giá rẻ. Vì vậy, thoạt tiên trông thấy người đàn

ông vẻ chải chuốt ấy ở đây, tôi hơi ngạc nhiên.

Hôm ấy vào khoảng hơn bốn giờ chiều, tôi vừa đi mua mấy món đồ ngoài phố về. Tôi gặp y ở cái lối hẻm đi ngang qua trước các phòng ngủ. Y đang khom lưng xuống cắp hai tay sau đít, đầu gục gặc, mặt nhăn nhíu trông rất tức cười và kỳ cục. Y không nghe tiếng chân tôi bước tới. Nhưng lối đi thì chật hẹp, mà y lại đứng ngay ở giữa, quay ngang người, khom lưng choáng hết chỗ, thành ra tôi cố ý khua nặng chân cho y lại trông thấy mình. Y ngẩng đầu lên nhìn tôi, toét miệng ra cười, tưởng như là cười với vợ con y hay là với bạn bè rất thân thiết của y. Tôi sửng sốt tưng hửng. Ở một người sang trọng, ăn mặc chỉnh tề, sự suồng sã bất ngờ đó thành ra một mâu-thuẫn phi lý làm cho tôi lạc lõng ngơ ngác, tưởng mình đang đối diện với một người tâm trí hơi bất thường. Y đọc được sự kinh ngạc của tôi trong đôi mắt, nên vội vàng nhích bước tới trước, nép sang một bên, nhường lối cho tôi đi. Và y phác một cử chỉ như để xin lỗi, đưa tay chỉ một đứa bé ngồi với một cô vú trong xó cầu thang trước mặt y. Y tiếp tục nhăn mặt để ghẹo đứa bé, rồi quay lại nhìn tôi cười như muốn bảo : « Thằng nhỏ trông ngộ nghĩnh chưa ! ».

Tôi chợt hiểu lý do của bộ tịch nhăn nhíu kỳ cục của y, và lấy làm hối-hận về thái-độ mình. Tôi cười theo y, và nói :

— Thằng bé trông như con tây, xinh quá.

Không ngờ một câu tán thành như thế lại làm cho y thình-lình mừng-rỡ, vụt phá lên cười lớn, khum người xuống, co một chân lên cười ngắc nghẻo. Y rùn hai vai lên, rụt cổ xuống, lắc đầu lia-lịa như tức-cười quá sức, muốn nín mà không sao nín được. Thằng nhỏ đang ngồi chơi ngẩng đầu lên nhìn y. Người con gái ngồi cạnh nó cúi đầu xuống giấu một nụ cười. Như người đốt một ngòi pháo nhỏ làm nổ một tiếng quá to, tôi kinh-ngạc trước kết quả của sự khuyến-khích qua-loa của mình. Và tôi vội vã bước đi. Về tới cửa phòng tôi nhớ lại cảnh tượng vừa rồi và có cảm-tưởng mình bị lừa : Y đùa với đứa nhỏ chăng ? Chưa chắc ! Cô gái ngồi giữ em trông còn xinh hơn đứa nhỏ. Y đã có bộ tịch lếu láo thế mà còn muốn phân trần cho tôi tán thành y.

Một lát sau, tôi nghe tiếng chân bước đi ngang trước phòng. Thình lình bước chân dừng lại. Tôi quay ra. Người đàn ông đó đang đưa hai tay nắm hai song cửa sổ, ngó vào phòng tôi, toét miệng ra cười thân mật, và hỏi tôi :

— Cái dụng tàn thuốc bao nhiêu tiền đó ? Đẹp đa. Cho tôi coi chút, được không ?

Tôi vẫn ngờ là y không được hoàn-toàn lành mạnh về trí óc. Nhưng y là một người rất lanh ý, y lại hiểu ngay cái ý tò-mò ngờ-vực trong cách nhìn của tôi, và y nghiêm nét mặt, hãm tiếng cười suồng sã lại. Một lần nữa tôi lại hối-hận về thái-độ của mình, và vội vàng mở cửa mời y vào, tỏ vẻ niềm nở để chuộc lỗi. Y không ngần ngại, bước vào ngay. Tay mặt y bắt tay tôi siết thật chặt, rung lia-lịa, trong khi tay trái y nắm luôn cánh tay tôi, rung rung theo. Tức thì y đã trở lại cởi mở thân mật.

Đó là một người đàn ông thấp và gầy,

có thể nói là khá xấu-xí. Lưng y khòm xuống. Khuôn mặt hình lưỡi cày, gầy hóp và đen. Mắt của y tụt sâu vào trong. Khi y vênh mặt lên cười, da mặt dùn lại, dồn những đường nhăn ngang nhăn dọc, mắt y híp lại càng tụt sâu, trông xấu đến dễ sợ. Y đoán thấy trong con mắt tôi sự chú-ý ngạc-nhiên đến vẻ gầy gò của y, y nhăn mặt, vỗ vào bụng, cắt nghĩa :

— Đau « phoa ». Moa đau ở « phoa » lâu lắm rồi. Chữa mãi không khỏi. Thế nầy là khá rồi đấy, năm ngoái còn gầy gấp mấy lần. Đã tưởng chết rồi đấy.

Rồi y ngước nhìn tôi, cười, xí xóa chuyện đó, muốn sang nhanh qua một chuyện khác. Y nói huyên-thiên, và lúc nào y cũng phụ họa câu nói bằng những điệu bộ vượt quá sự cần thiết. Y nhún vai, hoa tay, vung vung cái đầu, nghẻo cổ xịu nét mặt, giả vờ rầu rĩ, rồi chợt vùng lên cười... Như thế suốt trong khi y nói và cả khi nghe tôi nói. Điệu bộ của y làm cho tôi có cảm-tưởng mình nói chuyện tất có duyên : tôi vừa thốt ra một câu pha trò, y liền vỗ đùi, nhảy nhổm lên, cười khanh khách, phun ra một mùi khói thuốc nồng nặc đánh tan hẳn mùi nước hoa phất quanh người y.

Tình-cảm của y phát ra nhanh như điện. Đành rằng tôi có nhận thấy trong đó một sự vờ vĩnh, nhưng thái-độ của y vẫn có một vẻ gì ngây ngô hài hước hơn là đều giả. Sự vờ vĩnh của y không có dụng ý tăng bốc phỉnh gạt, cho nên sau một lúc ngồi với y tôi không còn có ác cảm gì với y nữa.

Y tự xưng tên là Bành, bốn mươi hai tuổi. Nhưng trông y già hơn tuổi : mái tóc của y đã hoa râm. Y đổ tội hết cả cho bệnh hoạn, cho bệnh đau « phoa », và y cố phớt nhanh qua dấu hiệu già nua đó, không muốn nói dài dòng, không muốn để tôi chú ý đến. Y chải tóc thực láng, cắt tóc rất khéo, mặc bộ đồ tergal màu xanh xẫm, đeo chiếc nhẫn nhận hột ngọc ba màu to tướng ở một ngón tay trái. Người ta thấy rõ y còn nhiều lưu luyến với những thú vui của tuổi xuân lắm, nhất là khi cảm thấy mình sắp bị chối từ.

Tôi mời y một điếu thuốc Mélia vàng sẵn có trên bàn. Y cảm ơn, nhưng hết điếu ấy thì y tự rút trong túi ra một bao thuốc Peace để chọn điếu thứ hai mời tôi. Y hút thuốc thật dữ. Các đầu ngón tay trỏ và ngón tay giữa của y vàng khè những khói. Nhân tiện tôi để ý bàn tay của y khô đét và có nhiều ngón cong queo.

Chúng tôi bắt đầu từ những chuyện không đâu, nhưng được cái y là một người hoạt bát nên từ chuyện nầy nhảy sang chuyện khác, chúng tôi vẫn vui vẻ luôn, nói không ngừng. Không có ý dò hỏi, nhưng góp chỗ này một câu chỗ kia một câu tôi biết được Bành đã từng là một đại-đội-trưởng của quân-đội kháng-chiến, rồi về qua bên này y đã mang lon trung-úy hai năm. Ở hai phía, y đều có tham-gia nhiều trận đánh lớn. Y giải ngũ đã lâu rồi. Hiện thời y làm nghề gì, điều đó y có ý giấu tránh, không muốn cho tôi rõ. Có điều lạ là y thuê phòng ở khách-sạn này đã ngót nửa tháng mà chưa nói gì đến ngày ra đi.

Chúng tôi nói chuyện mãi đến năm giờ rưỡi chiều. Bành kể cho tôi nghe những trận đánh thực ghê gớm, những kỷ-niệm chiến-trường của y. Tôi cho rằng sự kinh khủng hoảng sợ mỗi lúc mỗi hiện lên nét



mặt của y có một vẻ vờ vĩnh lộ liễu. Quen với những dáng điệu và lối diễn tả huênh hoang quá trớn của y, cho nên lúc y bắt đầu kể qua câu chuyện ma quái hiện xảy ra trong khách-sạn, thoạt tiên tôi cũng theo dõi với một thái-độ ngờ vực. Nhưng chợt y làm tôi giật mình, y bảo :

— Rồi chút nữa ông sẽ thấy nó. Sáu giờ, sáu giờ tuổi chiều, lối đó, bốn hôm rồi, hôm nào cũng vậy, không tối hơn, cứ trời vừa chạng vạng tối là nó hiện đến. Ông ở đây với tôi, rồi tôi sẽ chỉ ông xem. Nó hiện ra ở chỗ góc tường cuối khoảng đất trống sau khách-sạn kia. Ông nghiêng đầu qua chút nữa... chút nữa... phía bên trái cây bàng già ấy, ngồi ngay ở trong phòng này cũng cứ trông thấy nó...

Tôi nhìn theo ngón tay của y chỉ, rồi quay lại nhìn mặt Bành, ngạc nhiên thấy mất hẳn cái vẻ huênh hoang vờ vĩnh. Y nói đứng đắn. Một chút nữa, tưởa giờ nữa, y sẽ chỉ cho tôi coi tận mắt một con ma xuất hiện giữa ban ngày. Chung quanh tôi, gian phòng chúng ôi đang ngồi bỗng nhiên lảng vảng một không - khí bí - mật. Tôi có cảm - tưởng khách-sạn mà chúng tôi đang ở quả là một chỗ khác thường : vẻ nhà cũ kỹ điêu tàn, mái ngói âm dương rêu mốc bám đen trông buồn thảm, cái tường đá ong loang lổ, cái sân gạch long lở, khách khứa thưa thớt buồn thiu, ngoại trừ vài đứa trẻ nít, người nào cũng có một vẻ cô-độc chán nản, còn Bành thì trông lại càng như tàng tàng kho hiểu.

Y kể lại những điều xảy đến cho y cách đây bốn hôm :

« Chiều hôm đó, quá sáu giờ một chút, tôi đi thăm một người bạn mồ mắt nằm ở bệnh-viện Nhà-nước. Ra khỏi bệnh-viện tôi toan đi tìm chỗ chơi, nhưng sờ lại trong túi thấy thiếu mất bao thuốc, tôi ghé về phòng để lấy. Tôi quen dùng thứ thuốc Peace này đã lâu, mà ở mấy chỗ tiệm tạp-hóa gần đó cũng ít tìm thấy nên tuy hơi bực mình một tí tôi cũng phải quay về. Lúc đó khách trong các phòng hình như cũng đi chơi đâu cả, nên khách-sạn tối và im lặng buồn thiu. Mở cửa bước vào phòng vào một lúc chạng vạng tối, tự-nhiên tôi bàng-hoàng vì một cảm-giác trống trải vắng vẻ lạ lùng. Mặc dù sống độc-thân đã nhiều năm, ít khi tôi gặp một cảm-giác như thế. Một vài tiếng

muỗi kêu vo ve trong một gian phòng tối không phải của mình, một gian phòng xa lạ chỉ có mình mình ở suốt ngày và rồi đêm khuya đến cũng sẽ chỉ có mình mình về... Tôi tần ngần bỡ ngỡ, sực nhớ lại rằng lâu nay hình như đã lâu lắm chẳng bao giờ tôi có mặt ở nhà vào lúc hoàng-hôn. Những giờ nhá nhem ấy, không tính trước mà luôn luôn là lúc tôi nhởn nhơ ngoài đường hoặc ăn uống ở quán xá. Cảm-giác trống trải bơ-vơ vừa khó chịu vừa đột ngột là lạ, tôi cứ đứng yên một lúc trong phòng, không nghĩ đến việc bật đèn cho sáng. Rồi mắt đã hơi quen với bóng tối, tôi lần tới trước bàn sờ lấy bao thuốc. Tay tôi chạm ngã một chiếc ly mà mãi không gặp bao thuốc. Tôi ngồi xuống mép giường. Một lá mùng rơi xuống phủ lên mặt, tôi đưa tay vẹt lên, rồi xô gối mền vào phía trong góc, tôi nằm ngửa lên giường, bỏ thòng hai chân xuống đất.

« Đã lâu không có khói thuốc, miệng tôi thấy lạt lạt buồn buồn ; không biết có phải vì đó mà tôi càng bần thần uể oải trong người chăng. Tiếng xe chạy rền rền trên các ngả đường của thành phố vọng lại nghe thành một tiếng đều đều, nhắc nhở một cảnh tượng hoạt-động ở xa xôi ; tiếng rền rền đó lúc này lại như đưa tôi chìm lần vào cảnh tịch-mịch. Tự-nhiên tôi mất cái hứng-thú bước ra đi tìm vui thú. Tôi thấy mỏi mệt thình-lình, hết tò mò khao khát. Tôi nằm ngửa, mắt nhìn lên trần nhà, thấy một màu trắng lờ mờ, rồi dần dần bóng tối như có từng gợn múa loạng-xoạng. Rồi tay tôi tình cờ đụng nhằm gói thuốc ngay dưới gối. Tôi lấy ra một điếu, vừa hút vừa yên lặng suy-tưởng vẩn vơ, nghĩ đến những kỷ-niệm không đâu. Có lúc tự-nhiên tôi nhớ tới mẹ tôi, nhớ lại lời mẹ tôi căn dặn đôi ba lần : « Nếu con về được, ngày giỗ thầy năm nay con gắng về ở nhà lấy vài hôm ». Mẹ tôi không dùng giọng bó buộc, bà vẫn cho công việc của tôi là quan-trọng lắm. Hôm đó chính là hôm giỗ thầy tôi rồi. Mà suốt ngày chỉ có cuộc đi thăm người bạn ở bệnh viện có thể gọi là công việc. Tôi vừa chán ngán cho mình, vừa lấy làm hối hận.

« Càng nằm lâu một mình trong phòng tối vào lúc chạng vạng tôi càng bị đưa đi xa vào những ý-tưởng buồn rầu chán-nản, tôi đứng dậy mở cửa bước ra. Tai tôi nghe như có tiếng ai huýt sáo mồm văng-vẳng ở về phía sau khách-sạn Tôi lắng nghe một chút, ngạc-nhiên thấy rằng tuy không biết là điệu nhạc gì mà vẫn nhận ra quen quen.

« Tôi đi về phía sau vườn, Tiếng sáo mồm mỗi lúc một rõ lần. Ở góc tường cuối vườn có một bóng người đen đen, một bóng đàn ông. Tôi tiến lần tới. Người đàn ông dựa mình vào tường, chống khuỷu tay lên mặt tường, mải miết nhìn ra bên ngoài, không nghe tiếng chân tôi bước. Cách người ấy chừng ba thước tây tôi chợt ngập ngừng thấy mình bất nhã ; hắn ta hẳn là đang cần vắng vẻ nên mới chọn một chỗ đứng kỳ cục như thế, đến làm rộn hắn lúc này thực là điều hắn không mong muốn chút nào. Vả lại tôi tự xét cũng không có cớ gì tìm đến người ấy, chưa biết chuẩn-bị câu gì để nói với hắn. Ông ạ, tính tôi thế, đối với ai cũng tự nhiên như thế, nhiều khi quá tự nhiên khiến có người lấy làm khó chịu, nhưng thường thường nhờ sự tự nhiên dễ dãi không lưu-ý đến phép tắc xã-giao mà tôi làm quen

rất dễ dàng với mọi người trong mọi tầng lớp xã-hội. Cái tính xán đến người lạ bất chuyện đọt ngột ấy hình như tôi học được trong thời-kỳ theo bộ đội kháng-chiến đóng quân trong nhà dân-chúng ở các miền quê. Tôi vừa kịp nghĩ đến sự bất nhã của mình, toan ngừng lại, thì chân vừa giẫm trên một đống lá bàng khô làm cho người đàn ông tắt tiếng huýt sáo, quay đầu lại.

« Hắn ta không giật mình, không vội vàng. Hắn từ từ quay đầu lại và nhìn thẳng vào mặt tôi như đã biết tôi sẵn đứng đó từ bao giờ. Ánh sáng mờ mờ còn đủ để cho tôi trông thấy hình dáng hắn. Tôi tưng hửng kinh ngạc ; thưa ông, người đàn ông đứng trước mặt tôi dựa lưng vào tường ấy cũng chính là tôi. Vâng, là Bàng. Tôi không hoảng hốt sợ hãi. Bởi vì nét mặt hắn hoàn-toàn thản-nhiên hờ hững, khiến cho mọi cử chỉ bối rối hoảng sợ sẽ hóa ra lố bịch.

« Tôi bất giác đứng sững, ngắm thẳng vào người khách đối diện với mình nhưng cũng là chính mình. Tôi có cái cảm-tưởng kỳ lạ là chính đó mới là tôi, mới là một hình-ảnh thực khách quan của tôi, tôi nhìn hắn tò mò như được gặp dịp may hãn hữu có thể tự ngắm nghía kết nét mình một cách vô tư, từ hình thù ngoại diện cho đến tính nết cốt cách. Trong bộ đồ « com-lê » màu xám bằng hàng tốt và cắt khéo, tôi vẫn nhận thấy cái hình dáng thiều não của người đối diện : da thịt sạm đen và nhăn nheo, mặt tóp lại, mắt hủng sâu thăm thẳm, các ngón tay khô rốc và cong veo khẳng khiu như những cành cây già. Mặc dầu đó quả thực đó là hình dáng tôi, nhưng tôi cũng lấy làm buồn khi thấy sự già nua tiều tụy của mình bị xác nhận hiển nhiên trước mắt. Nhưng điều làm cho tôi chú ý nhất là sắc diện, là cái tinh thần biểu lộ trong sắc diện của hắn. Đó là một sự dửng dưng hoàn-toàn. Ông hãy tưởng-tượng một nét mặt tuyệt đối nguội lạnh, tắt hết mọi dấu lửa nhiệt thành, có thể nói là tắt hết mọi dấu sinh khí. Và nét mặt đó chính là nét mặt của mình, tách rời ra đối diện thản-nhiên với mình ! »

(Còn tiếp) VÕ-PHIẾN

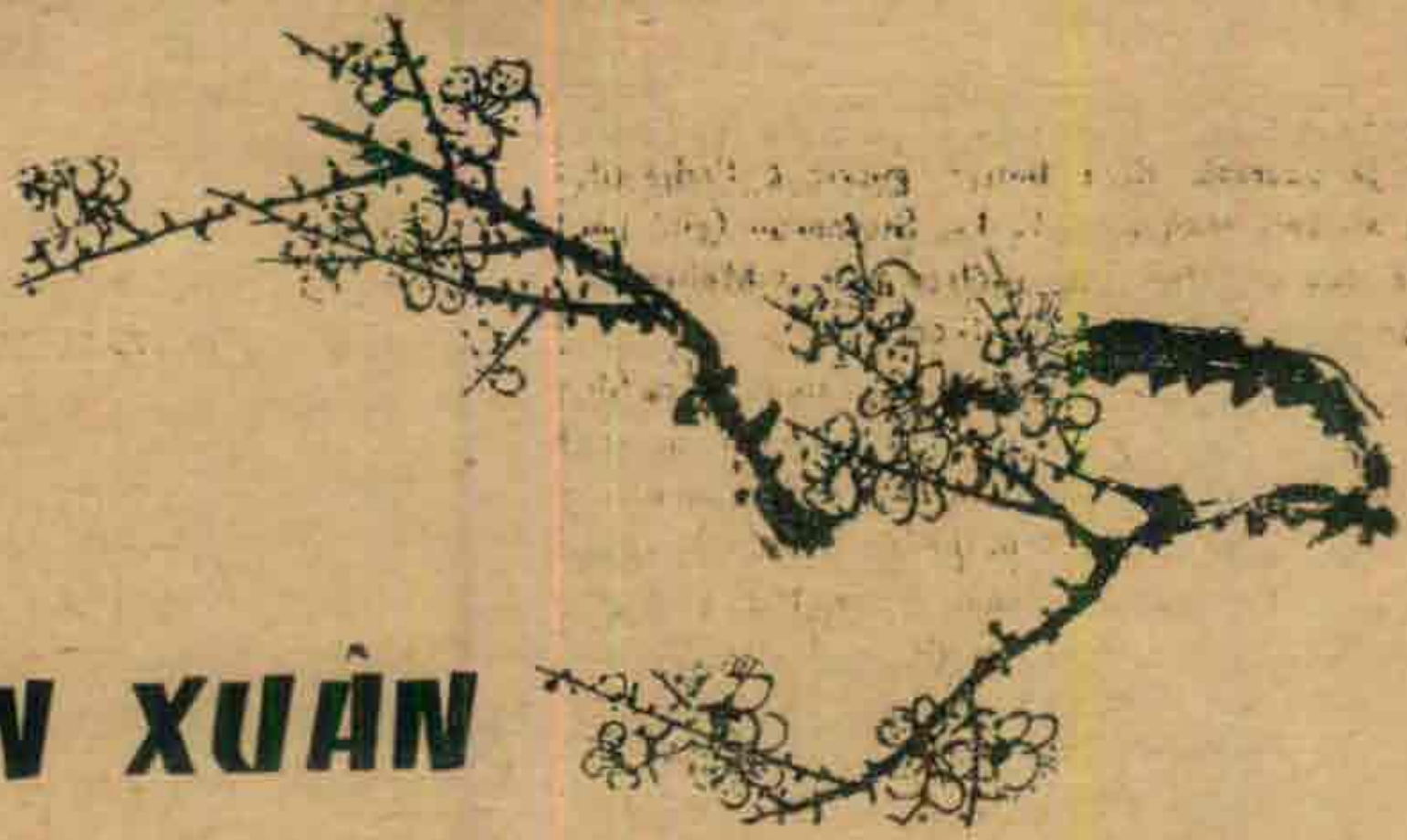
Ngày 15 - 1 - 1960, phát hành :

Văn-Hóa Á-Châu

Số 22 — Giá 20$

Với những bài :

Khoa-học và Nhân-bản (Nguyễn-Đăng-Thục) — Giáo-sĩ Đắc-Lộ, sáng-lập chữ Quốc-ngữ L.M. Nguyễn-Khắc-Xuyên — Quan-hệ lịch-sử giữa Miến-Điện và Việt-Nam (Tô-Nam) — Vết chân ngựa Đức Thánh Gióng (Nguyễn-Thiệu-Lâu) — Lược-khảo về hội-họa Nhật-Bản (Đào-Sĩ-Chu) — Bích-Khê, cuộc đời và tác-phẩm (Đinh-Cường) — Mùa xuân qua thi-ca hiện-đại (Thế-Phong) — Khảo về tết Trùng-dương (Thanh-Đạm) — Óc hài-hước, châm-biếm và trào-phúng trong văn-chương bình-dân V.N. (Hiếu-Chân).



DUYÊN XUÂN

Mùa thảm dâng triều nao ý gió
Tóc thề ươm phấn cánh hoa mai
Nghe trong im vắng duyên mùa nở
Ai lại ai mà sợ nhạt phai ?

Nhớ nhung xưa đã cạn rồi,
Khuya nay tình chớm mấy chồi thanh tân.
Tương tư đôi hướng chuyển vần,
Lòng trai quạnh quẽ mây Tần dáng xưa.
Duyên lành, hoa cánh đơm thưa,
Đất se ý thắm, lòng chưa ngọt ngào.
Mai đây tình hội hoa đào,
Tin yêu lòng chửa kịp rào bốn phương.
Lầu đời rót nặng mái sương,
Đắng cay độ chín, mùa hương giao hòa.
Chiều về, màu ấm sinh ca,
Giờ chênh cánh nắng, đài hoa dịu cành.
Anh đào chớm nụ đan thanh,
Lá vàng thu ấy, tình xanh xuân nầy.
Nắng về, cành lá say say.
Duyên xuân mới bén, tình cây ngại ngùng.
Da xuân chân bước trập trùng,
Cầm Châu duyên đó, tao phùng hội đây.
Quan hà chén tiễn hương bày,
Giang hồ thôi cũ mê say viễn trình.
Quê hương : Tình ngọt, đất lành,
Mến thương hồ dễ khuây tình lãng du ?

Quê hương, một Tết hồi xuân

NGUYỄN-VĂN-XUNG

• Je poursuis deux buts : guerre à l'adjectif, mort au nerf optique ! R. L. Stevenson (cité par René Lalou, dans sa préface au « Maitre de Ballantrae » P.10. Éditions Stock).

En somme, [Stevenson] veut tout ensemble conquérir les foules par l'entrain et le relief de ses créations et séduire les délicats par la sobriété classique de son style. René Lalou (Ibidem).

• Une des raisons pour lesquelles « Moll Flanders » ne s'est pas démodé, c'est qu'il ne s'y trouve aucune description, pas plus que dans les autres romans de Daniel Defoe. Jamais l'auteur ne s'attarde à dépeindre un personnage ou un décor ; seules les réflexions morales ont le droit d'arrêter l'action — Denis Marion (Préface à «Moll Flanders» P.21, Le Club francais du Livre).

- Tôi cố đạt được hai mục-đích : tả chân hình dung từ, và tiêu diệt thần kinh thị giác ! R.-L. Stevenson (1850-1894).

Nói tóm lại, Stevenson vừa muốn được đại chúng tán thưởng bằng cách tạo nên những nhân vật linh động, có cá tính rõ rệt, vừa muốn làm cho tác nhân say mê, bằng một lối hành văn gọn gẽ, theo kiểu các tác gia cổ-điển. René Lalou.

• *Một trong những lý do khiến cho truyện « Mộ Lan-Đề » không hóa thành đã-cổ là trong tác-phẩm ấy — cũng như trong các tiểu-thuyết khác của Daniel Defoe (1660-1731) — tuyệt nhiên chẳng có một đoạn văn miêu tả. Không bao giờ tác-giả tả dáng dai nhân vật hay một khung cảnh nào : chỉ những ý nghĩ có tính chất luân-lý mới được quyền làm gián đoạn sự diễn tiến của cốt truyện Denis Marion.*

• Không hẹn mà Đông Tây gặp nhau trong lĩnh vực sáng tạo : chẳng so tài với nhạc-sĩ bằng cách chắp nối những hình dung từ dịu dàng, thiếu hẳn sinh lực, cũng chẳng học đòi làm họa gia, bằng cách triển lãm những đoạn văn miêu tả, hai bí quyết thường bị quên lãng, nhưng không phải là không trọng yếu, trong số những bí quyết thành-công của hai nhà tiểu-thuyết người Anh nói trên đây, chúng ta nhận thấy đủ hai điều ấy trong nghệ-thuật tuyệt diệu của Bồ-Tùng-Linh. (1640-1715).

KIỀU-YIÊU

DỊCH LIÊU - TRAI

KIỀU - YIÊU

NỮ LANG HỌ ĐẬU

Nam-Tam-Phúc là một vị thân-sĩ huyện Tấn-Dương (thuộc tỉnh Sơn-Tây), có một biệt thự, cách chỗ ở hằng ngày trên mười dặm, thường cỡi ngựa đến đấy chơi.

Một hôm bỗng gặp mưa. Bên đường có xóm nhỏ, thoáng thấy nhà một nông-dân cửa nẻo khoáng-khoát, bèn ghé đụt mưa.

Dân quê các vùng phụ cận vốn sợ oai ông Nam. Một lát chủ nhân ra mời, dáng khép nép, cung kính rất mực. Bước vào, thấy gian phòng nhỏ như ổ chuột. Khách đã ngồi xong, chủ nhà mới đi lấy chổi, rưới nước quét dọn thật tươm tất.

Xong rồi rót mật ong thế trà đãi khách. Ông Nam bảo ngồi mãi mới dám ngồi. Hỏi họ hỏi tên, thì thưa tên là Đinh-Chương, họ Đậu. Không bao lâu, lại hâm rượu, làm gà, thết đãi cực kỳ châu đáo.

Cá cô gái vừa tuổi cập kê, bưng dọn thức ăn, chốc chốc đến phía ngoài cửa phòng, chỉ lộ nửa người, tuổi chừng mười lăm mười sáu, óng ả vô song. Ông Nam xao-xuyến trong lòng. Lúc mưa ngớt trở về, rồi mà vẫn nhớ nhung vương vấn.

Hôm sau, mang gạo và tiền lại tạ ơn, định nhờ chước ấy mà lai vãng. Từ đó trở đi thường ghé nhà họ Đậu, đem theo rượu thịt để làm tiệc, lần nào cũng cùng chủ nhân lưu liên cả buổi.

Nữ lang ngày một thêm quen, không còn quá e ngại lảo tránh nữa. Lắm khi qua lại trước mặt khách. Liếc nhìn ả, thì ả cuối đầu cười nụ. Ông Nam càng say đắm, cứ ba bữa, không thể nào không đi thăm một bận.

Một hôm, gặp lúc ông Đậu chẳng có ở nhà, ngồi đợi thật lâu, Ả bước ra tiếp khách. Ông Nam bèn nắm lấy cánh tay, dở trò lơi lả. Ả thẹn, liền hết sức kháng cự mà rằng : « Tôi tuy nghèo, nhưng cũng mong được cưới hỏi xin chớ cậy giàu đi hiếp người ta ».

Lúc ấy ông Nam vừa chết vợ, nghe vậy bèn xích ra xin lỗi mà rằng : « Nếu được cô đoái thương, thì quyết chẳng cưới vợ nơi nào khác ». Ả muốn có lời thề thốt, ông Nam đưa tay lên trời mà thề, cam đoan lời ước sẽ vĩnh cửu ; ả bấy giờ mới ưng thuận. Bắt đầu từ hôm ấy, để ý chờ ông Đậu đi đâu vắng, là ông Nam lập tức qua nhà, cùng ai vầy cuộc yêu đương.

Ả thường nhắc nhở : « Cái thứ dan díu theo kiểu trong dâu trên bộc khó lòng mà lâu dài được. Được chàng đùm bọc thế này, nếu chịu đem trầu cau đến nói đàng hoàng, cha mẹ chắc lấy làm vinh diệu, không lý nào lại chẳng hài lòng. Chàng nên lo liệu sớm ». Ông Nam bảo đồng ý, nhưng lại nghĩ kết hôn với con gái nhà nông sao có thể gọi là môn đương hộ đối, bèn giả thác cớ nầy cớ nọ để giữ nguyên tình-trạng.

Vừa lúc ấy có bà mai lại đánh tiếng cho thiếu-nữ một gia-đình sang trọng. Ban đầu ông Nam còn lưỡng lự, sau nghe lại là dẹp người lắn của, nên quyết-định đi cưới. Cô gái họ Đậu đã có mang, hối thúc càng dữ, ông Nam bèn rút êm, tuyệt không hề lui tới nữa.

Chẳng bao lâu, ả lâm bồn, sanh con trai. Cha tức giận đánh ả, ả thú hết tình thật, mà rằng : « Ông Nam yêu con ».

Ông Đậu bấy giờ buông tha con gái, cho người đi cật vấn ông Nam. Ông Nam chối phắt, không thừa nhận gì cả. Ông Đậu bèn đem đứa bé sơ sanh vứt ngoài đồng, lại đánh đập ả vô số kể. Ả lén năn nỉ bà láng giềng, giùm trình-bày tất cả thống khổ của mình, ông Nam mới chịu để yên cho.

Ban đêm ả trốn ra đi xem đứa con bị bỏ thấy còn sống, liền ẩm lại nhà ông Nam, gõ cửa ngõ mà phân trần với người canh cổng : « Chỉ mong sao được một lời nói của ông chủ, là tôi có thể khỏi chết. Ông ấy dẫu không đoái tưởng đến tôi, chả lẽ lại cũng không đoái tưởng đến con mình sao ? » Người canh cửa chuyển lời lại ông Nam không sót một điều, ông Nam dặn nhất định đừng cho vô.

Ả tựa mình vào cửa khóc rưng rức. Tàn canh năm mới hết nghe tiếng. Rạng đông, mở cửa ra xem, ả vẫn bế con ngồi đấy, mà thân thể cứng đờ.



Ông Đậu căm tức, thưa lên quan trên. Thiên-hạ đều cho ông Nam là kẻ bất nghĩa, nên thượng quan định buộc tội ông Nam. Ông ta đâm hoảng, đem một ngàn lượng bạc đi đút lót, mới được miễn tội.

Ông nhà giàu kén rể kia nằm mộng thấy nữ lang họ Đậu xõa tóc bồng con mà thưa rằng : « Muôn nghìn xin chớ gả con cho cái người phụ bạc : gả, thì tôi nhất định giết chết ». Nhưng gia-đình ấy tham giàu, rốt cục vẫn hứa phối với ông Nam.

Đến ngày nghinh thú, tư trang rất thật quý giá, tân-nương cũng mĩ miều, có điều hay dàu dàu nét mặt. Suốt ngày tịnh không thấy vui tươi chút nào. Trong chỗ chăn gối lại thường khi đầm đìa nhỏ lệ. Hỏi, thì một mực làm thinh.

Cách mấy hôm, cha tân-nương đến nhà, vừa bước qua ngưỡng cửa đã sa nước mắt. Ông Nam chưa kịp hỏi duyên cớ, cùng nhau vào buồng, trông thấy nữ lang, bèn kinh khiếp nói : « Mới ở trong vườn dẫng nhà, thấy con tôi thắt cổ chết trên cây đào, giờ ai trong buồng đây ? » Nữ lang nghe thế, vụt biến sắc, ngã lăn ra mà chết. Nhìn kỹ lại, té ra con gái ông Đậu. Cùng lật đật lại dẫng vườn sau nhà, thì tân-nương quả đã tự ải.

Hãi hùng khôn xiết, chạy mách tin cho ông Đậu hay. Ông Đậu đào mồ con gái, cạy nắp quan-tài, thì xác đã mất tự bao giờ. Hận cũ chưa nguôi, nhân thế càng thêm oán giận. Lại lôi ra cửa quan. Thượng quan thấy tình tiết kỳ huyễn dị thường, chưa biết nên định tội thế nào. Ông Nam đem nhiều tiền của đi mua chuộc lòng ông Đậu, năn nỉ xin thôi kiện. Quan trên cũng ăn hối lộ của ông Nam mà bỏ trôi vụ ấy.

Nhưng từ đó trở đi, nhà ông Nam có phần sa sút. Với lại việc quái gở đồn mỗi ngày một xa, thành thử luôn mấy năm trời không một ai dám cùng tính việc hôn-nhân cả. Ông Nam bất đắc dĩ, đành phải mò đi xa ngoài trăm dặm, nói con gái ông tấn-sĩ họ Tào.

Chưa kịp cử hành hôn-lễ, bỗng dân-gian đồn rằng triều-đình đương chọn con gái nhà thanh-bạch để sung làm cung-nữ. Thế nên ai có con gái đã đính-hôn, đều kíp đưa về nhà chồng.

Một hôm có bà lão dẫn một chiếc kiệu đến nhà ông Nam, tự xưng là người nhà họ Tào đưa dâu sang, dìu cô gái vào

phòng, mà nói với ông Nam : « Việc tuyển cung-nữ đã gấp lắm rồi, linh quýnh, không làm sao đợi đến ngày lành tháng tốt cho đúng lễ được. Nên xin đưa tiểu-thơ lại đây ». Hỏi : « Sao không có khách đưa dâu ? » Thưa : « Cũng có chút đỉnh tư trang chở theo sau ». Rồi bà lão vội vàng trở gót.

Ông Nam nhìn tân-nương thấy rất thanh-tú, bèn cùng nhau chuyện vãn tươi cười. Ả cúi đầu, tay mân mê dải áo, thần thái giống hệt con gái ông Đậu. Ông Nam nghe khó chịu trong lòng, mà chưa dám nói ra. Ả lên giường, kéo chăn trùm đầu mà ngủ. Nhưng cho thường tình con gái mới về nhà chồng là thế ấy, nên không để ý tới nữa.

Đến lúc trời tối, người nhà họ Tào vẫn không thấy đến, mới bắt đầu ngờ ngợ, dở chăn định hỏi ả, thì ả lặng im, toàn thân lạnh ngắt như băng.

Ông Nam kinh ngạc, không hiểu cớ sao lại thế, sai người chạy cho nhà họ Tào hay, thì họ Tào tuyệt nhiên không có chuyện đưa dâu bao giờ. Tin ấy truyền ra, ai nấy đều lấy làm quái dị.

Thuở ấy, có ông cử-nhân họ Diêu, con gái qua đời mới an táng xong, đêm sau bị kẻ trộm quật mồ, quan-tài phá vỡ, xác khuân đâu mất. Nghe đồn sự lạ, tìm đến chỗ ông Nam xem hư thật thế nào. Thấy quả là con mình, dở chăn ra xem, hoàn-toàn lõa thể.

Ông Diêu nổi giận, cáo tố đến cửa quan. Quan xét thấy ông Nam đã mấy lần làm điều vô hạnh, ghét quá, buộc tội đào mồ bộc lộ thi thể, bèn kết án tử hình.

KIÊU-YIÊU dịch

NÊN ĐÓN XEM :

Văn-Hóa Nguyệt-San

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

Đã phát hành
VĂN HÓA NGUYỆT SAN số 46

và sắp phát hành :
VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN (Xuân Canh-Tý)

với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc đặc-sắc, và hấp-dẫn của những cây bút quen thuộc và có giá-trị : Quách-Tấn, Đoàn-Thêm, Nguyễn-Thành-Cung, Tân-Việt-Điểu, Trần-Tuấn-Khải, Phạm-Xuân-Độ, Bửu-Cầm, Ngô-Bằng-Giực, Vũ-Đức-Trinh, Bùi-Quang-Tung, Tu-Trai, Phạm-Văn-Diêu, Nguyễn-Văn-Hầu, v.v...

Tạp-chí dày 176 trang, giá 12$ có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh và nhà tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sàigòn).

VUI

Có con chim hoàng anh
Hót vang ngoài cửa sổ
Có cô nàng áo đỏ
Đi dưới rặng soan xanh.

Cô áo đỏ tươi cười
Vì nghe hoàng anh hót
— Buồn ơi, đây phút chót
Ta từ giã mi thôi !

Chim hót trên đầu ta,
Hoa cười trong lòng ta
Nắng ngừng bên bực cửa
Nhường lối buồn đi qua.

VƯỜN

Bình minh thả nắng đuổi xua đêm
Trong lá cành xanh rộn tiếng chim
Mấy ả Hồng, Lan vừa thức giấc
Chờ mong gã bướm hẹn sang tìm.

Cỏ bàn-tay-gió vân vê Liễu,
Liễu thẹn, làm rơi chuỗi ngọc sương
Dậu biếc tơ hồng đăng mắc tóc
Nàng Mai khoe sắc, Huệ dâng hương,

Cô Xuân thơ thẩn thăm vườn sớm
Thảm cỏ nhung tơ đặt gót hài
Nâng má hoa hôn, cười chúm chím
Hoa « thật », hoa « người » ... đẹp cả hai !



PHÁT ĐẠN

Alexander Poushkin

NGUYỄN *dịch*

CHÚNG tôi đóng ở tỉnh lị N.— Cuộc sống của một sĩ-quan trong quân ngũ thế nào chắc mọi người cũng đã rõ. Sáng, thao-diễn và cưỡi ngựa, dùng cơm với Đại-tá hoặc ăn tại một quán ăn Do-thái. Chiều, rượu chè bài bạc. Ở N. không có một hồng lâu nào cả, ngay đến một thiếu-nữ khả-dĩ có thể lấy được cũng không có nốt. Chúng tôi thường tụ-tập ở buồng riêng của nhau, trong đó toàn là quân-nhân.

Chỉ có mỗi một thường dân được nhập bọn với chúng tôi. Ông ta chạc độ ba mươi lăm tuổi, do đó chúng tôi coi ông như bậc niên trưởng. Sự lịch lãm của ông ta gây cho ông ta rất nhiều uy-thế đối với lũ chúng tôi, thêm vào đó cái vẻ lầm lì thường xuyên, cái tư thế nghiêm-nghị giọng lưỡi chua chát mỉa mai đã gây một ấn tượng sâu đậm trong trí-não non nớt của chúng tôi. Có một cái gì bí ẩn bao quanh cuộc sống của ông ta ; bề ngoài ông trông có vẻ là người Nga, mặc dầu tên ông là một tên ngoại-quốc. Xưa kia ông phụng-sự trong đoàn khinh kỵ-binh và rất xuất sắc. Không một ai rõ vì cớ gì mà ông giải ngũ và đến cư-ngụ tại thị-trấn tồi tàn này, nơi mà ông sống trong thiếu thốn và đồng thời lại rất xa hoa. Ông luôn luôn đi chân không, lúc nào cũng mặc chiếc áo khoác đen cáu bẩn, nhưng lúc nào cũng sẵn

sàng mời các sĩ-quan trong binh-đội tôi cùng dùng bữa. Bữa ăn của ông ta, thực ra, chẳng quá hai hay ba món, do một người lính giải ngũ nấu, nhưng rượu « xâm banh » tuôn như nước lã. Chẳng ai rõ hoàn-cảnh ông ra sao, lợi-tức của ông thế nào, dẫu vậy chẳng một ai dám hỏi. Ông ta sưu tập một số sách, phần lớn là binh-thư cùng tiểu-thuyết. Ông ta sẵn lòng cho chúng tôi mượn và chẳng bao giờ đòi; ngược lại, ông ta cũng chẳng buồn trả sách của ai. Thú tiêu-khiển chính của ông là bắn súng lục. Vách tường buồng ông lỗ chỗ những vết đạn, chi chít như tổ ong. Bộ sưu-tập về súng lục là món đồ sang trọng độc nhất dưới mái lều thanh-bần của ông ta. Tài sử-dụng thứ vũ-khí ưa chuộng của ông thật khôn tả; mỗi khi ông đề-nghị bắn một trái lê trên mũ của một người nào đó, thì chẳng có một ai trong binh đội tôi mà lại ngần ngừ chẳng dám đưa đầu ra trước mũi súng.

Những cuộc chuyện trò của chúng tôi thường hay xoay qua những vụ thách-đấu (duel). Silvio — tên ông ta — không bao giờ bắt chuyện, khi bị hỏi đã từng dự cuộc thách đấu nào chưa thì ông ta chỉ trả lời khô khan là có rồi, nhưng ông ta có vẻ chẳng thiết-tha gì lắm, rõ ra câu hỏi đó chẳng được ông ta ưa. Chúng tôi độ chừng lương-tâm ông bị ray rứt bởi một nạn-nhân nào đó của tài bắn tuyệt-luân của chính ông. Chúng tôi chẳng bao giờ dám ngờ ông vì một cớ nọ kia như hèn nhát chẳng hạn. Có những người mà chỉ riêng dáng vẻ không thôi cũng đủ gây cho ta một ý niệm như vậy. Nhưng rồi một chuyện bất ngờ xảy đến làm cả bọn chúng tôi sửng sốt. Một bữa, một toán chúng mười sĩ-quan chúng tôi dùng cơm với Silvio. Họ chè chén như mọi khi, nghĩa là uống rất nhiều. Sau bữa cơm chúng tôi đề-nghị chủ-nhân làm chương trong một canh Faro. Ông ta từ chối mãi, vì ông chẳng bài bạc mấy khi, nhưng rồi ông cũng cho lấy bài ra, đặt 50 đồng tiền vàng lên bàn và ngồi xuống chơi.

Chúng tôi ngồi chúng quanh, và canh bạc bắt đầu. Silvio có thói quen giữ im lặng tuyệt-đối trong khi đánh bài. Ông ta chưng bao giờ căn vặn và cũng chẳng bao giờ phân trần dài dòng. Nếu con bạc tính nhầm, ông lập tức trả cho đúng hoặc ghi rõ số dư. Chúng tôi chẳng còn lạ gì tính ông ta và thường để mặc ông làm theo ý riêng; nhưng lần này trong bọn tôi lại có một sĩ-quan vừa được thuyên chuyển tới. Giữa canh bài, viên sĩ-quan đó vô ý tính lầm. Silvio theo thói quen cầm phấn ghi con số đúng. Viên sĩ-quan nọ tưởng Silvio lầm, bèn cất tiếng phân trần. Silvio vẫn lặng lẽ đánh bài. Viên sĩ-quan mất bình tĩnh cầm khăn xóa con số mà hắn cho là sai. Silvio cầm phấn chữa lại con số. Viên sĩ-quan, bốc nóng vì rượu, vì bài, và những tiếng cười của các bạn đồng ngũ, cho rằng mình bị sỉ-nhục nặng nề, trong lúc cáu kỉnh hắn cầm ngay cái đế nến bằng đồng để trên bàn, ném vào Silvio, ông này né tránh kịp. Chúng tôi thảy đều kinh hoàng. Silvio đứng dậy, mặt tái vì giận dữ, mắt long lay, bảo viên sĩ-quan :

« Thưa ông, biết điều thì ông đi ngay và hãy cám ơn trời là câu chuyện này đã xảy ra ở trong nhà tôi ».

Không một ai trong bọn tôi nghi ngờ gì về kết quả sẽ đến, chúng tôi đều coi người

bạn mới kia như một kẻ đã chết rồi. Viên sĩ-quan rút lui, tuyên bố sẵn sàng trả lời sự sỉ-nhục của hắn ta bằng bất cứ cách nào tùy theo ý chủ nhân định đoạt. Canh bài kéo dài thêm vài phút, nhưng nghĩ rằng chủ nhân quá xúc động chẳng còn tâm địa nào để ý tới canh bài, chúng tôi lần lượt cáo từ và tản về đơn-vị. Sau khi bàn tán rằng có thể đội binh của chúng tôi sắp khuyết một chỗ.

Ngày hôm sau trong giờ kỵ mã, giữa lúc chúng tôi đang hỏi nhau liệu gã trung-úy bất hạnh kia còn sống không, thì gã đến. Chúng tôi cũng hỏi hắn như vậy và hắn đáp là chưa nhận được âm-tín gì của Silvio. Điều đó làm chúng tôi kinh ngạc. Chúng tôi kéo nhau đến nhà Silvio và thấy ông ta ở trong sân đang bắn liên tiếp vào một điểm đen dán trên cổng. Ông ta tiếp đón chúng tôi như thường lệ, nhưng tuyệt nhiên không đả động gì đến chuyện xảy ra chiều hôm trước. Ba ngày trôi qua, vì viên trung-úy vẫn còn sống. Chúng tôi kinh-ngạc hỏi nhau : « Chả lẽ Silvio không rửa nhục sao ? »

Silvio không rửa nhục. Ông ta hài lòng với những lời giải-thích thật lòng-lẻo và làm lành với kẻ gây chuyện.

Theo ý-kiến bọn trẻ chúng tôi cử-chỉ đó đủ làm giảm uy-tín của Silvio rất nhiều. Thiếu can-đảm là điều không thể khoan-thứ được bởi bọn thanh-niên là những kẻ mà sự dũng-cảm được coi như một đức-tính thiết-yếu tối-thượng của con người và lời điều biện-bạch cho tất cả mọi lỗi lầm. Nhưng rồi dần dần, mọi việc trôi vào quên lãng, Silvio lại gây được ảnh-hưởng xưa.

Riêng tôi, tôi chẳng thể giữ vẹn tình xưa. Vốn bẩm tính mơ-mộng lãng-mạn, tôi gắn bó hơn tất cả các bạn khác với con người mà cuộc đời là cả một niềm bí-ẩn và đối với tôi như một anh-hùng trong một truyện huyền-bí nào. Ông ta mến tôi ; chỉ với tôi ông mới bỏ giọng chua chát mà chuyện trò về những vấn-đề khác một cách giản-dị và vô cùng khả-ái. Nhưng sau buổi chiều không may ấy, ý-tưởng danh-dự ông đã bị hoen-ố mà vẫn được để nguyên vì sự lầm lạc của ông ta, lúc nào cũng vương-vấn trong tâm-tư tôi khiến tôi không thể cư-xử với ông ta như ngày cũ nữa. Trông thấy ông ta mà tôi hổ thẹn. Vốn là người sáng-suốt và lịch-lãm, Silvio chẳng thể chẳng nhận thấy điều đó và đã đoán được nguyên-do. Điều này dường như làm cho ông ta có vẻ khó chịu ; tôi nhận thấy ít ra đã có một hay hai lần ông ta định phân trần với tôi, nhưng tôi lảng đi nên Silvio lại thôi. Từ đó mà đi tôi chỉ gặp ông ta khi có mặt bạn bè và những cuộc tâm-sự riêng tư của chúng tôi đã chấm dứt hẳn.

Những ai sống trong cảnh náo-nhiệt của đô-thị chắc chẳng thể có một chút ý-niệm nào về những kinh - nghiệm thông thường của cư-dân nơi làng mạc hay tỉnh lỵ, như ngóng đợi thư về chẳng hạn. Vào những ngày Thứ Tư, Thứ Năm, văn-phòng binh-đội chúng tôi thường tràn ngập những sĩ-quan : kẻ mong tiền, người mong thơ, kẻ đợi báo. Các bưu-kiện thường được mở ngay tại chỗ, những mẩu tin được loan truyền từ người nọ tới người kia, quang cảnh văn-phòng thường rất là nhộn nhịp. Silvio hay có thơ gửi về địa chỉ binh-đội tôi và ông ta thường có mặt tại đó để nhận thơ.

Một bữa, nhận được một lá thư, ông ta bồn chồn gỡ dấu niêm phong (1), khi đọc những lời trong thơ mắt ông sáng rỡ. Các sĩ-quan đều đang bận đọc thơ riêng nên chẳng một ai nhận thấy.

Silvio bảo chúng tôi : « Thưa các bạn, vì hoàn cảnh đòi hỏi tôi phải ra đi ngay tức khắc, tôi lên đường ngay tối nay. Tôi mong rằng quí bạn chẳng nỡ lòng từ chối tới dùng bữa với tôi lần cuối », ông quay về phía tôi, nói thêm « cả anh nữa, tôi chờ anh đấy nhé ! ».

Nói đoạn ông ta vội vã chia tay, còn chúng tôi sau khi thỏa thuận tới nhà Silvio, tản mát về đơn-vị của mình.

Tôi đến nhà Silvio đúng hẹn, và nhận thấy các bạn đồng ngũ đã có mặt gần đủ. Đồ đạc đã gói ghém cả, chỉ còn trơ lại 4 mảnh tường trần trụi lỗ chỗ những vết đạn. Chúng tôi ngồi vào bàn. Chủ nhân hết sức vui vẻ, niềm vui của ông lan rất mau qua đám thực khách. Nút chai nổ rền, ly sủi bọt không ngớt, và trong sự nồng nhiệt cực độ, chúng tôi chúc người bạn sắp chia tay thượng lộ hoan hỉ và mọi sự tốt lành. Khi chúng tôi đứng dậy, trời đã sầm tối. Sau khi tiễn mọi người, Silvio cầm tay tôi lui lại đúng vào lúc tôi sửa soạn giã từ.

Ông hạ giọng : « Tôi có câu chuyện muốn nói cùng anh. »

Tôi nán lại sau.

Thực khách về hết cả chỉ còn hai chúng tôi. Ngồi đối diện nhau, chúng tôi lặng lẽ châm tẩu thuốc. Silvio có vẻ bứt rứt, nét hoan hỉ cũ đã mất. Sắc mặt tái nhợt căng thẳng, ánh mắt long lanh cộng với làng khói đặc từ miệng tỏa ra, tạo cho ông ta một dáng vẻ thật ma quái. Nhiều phút trôi qua, rồi Silvio phá niềm yên lặng. Ông nói :

« Có lẽ chúng ta chẳng còn bao giờ gặp nhau nữa, trước khi chia tay tôi muốn có vài lời biện-minh cùng anh. Anh chắc cũng đã rõ, tôi ít đếm xỉa đến dư-luận, nhưng tôi mến anh, tôi nghĩ nếu phải chia tay khi tâm trí anh còn mang nặng cảm tưởng sai lầm về tôi thì thực là chua xót. »

Ông ngừng lại, nhồi thuốc vào tẩu. Tôi lặng lẽ nhìn đăm đăm xuống bàn.

Ông nói tiếp :

« Anh lấy làm lạ rằng sao tôi không bắt gã R. ngu-xuẩn say khướt kia đền bù xứng đáng. Dẫu sao, chắc anh cũng phải công nhận rằng, nếu tôi được chọn võ khí, tính mạng hắn đã nằm trong tay tôi, trong khi thân tôi chẳng có gì đáng ngại lắm. Tôi có thể viện lẽ rằng sự nhẫn nhịn của tôi chỉ là sự độ lượng khoan dung, nhưng tôi không muốn nói dối. Nếu như tôi có thể trừng phạt gã R. mà không mảy may nguy hại đến tính mệnh tôi, thì tôi chẳng khi nào tha thứ hắn. »

Tôi kinh ngạc nhìn Silvio. Một lời tự thú như vậy thực đã làm tôi hết sức bàng hoàng. Silvio tiếp :

« Đúng vậy : tôi không được phép thí thân. Sáu năm trước đây tôi bị một cái tát, và kẻ thù của tôi vẫn còn sống ».

Sự tò mò của tôi lên tới cực-độ.

Tôi hỏi :

« Ông không đọ súng với hắn sao ? Có lẽ hoàn-cảnh khiến ông và hắn ta xa nhau ».

(1) Thư xưa gắn bằng dấu sáp.

Silvio đáp :

« Tôi có đọ súng với hắn chứ, và đây là cuộc kỷ-niệm của cuộc đấu súng của chúng tôi. »

Silvio đứng dậy, lấy trong một cái hợp giấy ra một cái mủ đỏ có tua rủ và chỉ viền ; ông ta đội lên đầu — một vết đạn xuyên qua mũ cách trán chừng 1 inch.

Silvio tiếp « Anh đã rõ là tôi xung vào một đơn-vị trong đoàn Khinh - kỵ - binh. Tính tôi chắc anh chẳng còn lạ gì : lúc nào tôi cũng muốn dẫn đầu. Đó là niềm dục-vọng của tôi hồi trai trẻ. Thời chúng tôi, ngang tàng trở thành một mốt, và trong quân ngũ tôi là kẻ táo tợn nhất. Chúng tôi rất lấy làm tự kiêu về tửu lượng : tôi đã từng thắng cả gã B — (1) tăm tiếng lẫy lừng mà D. D — (2) đã từng ca ngợi. Những cuộc thách-đấu trong binh-đội tôi xảy ra như cơm bữa, trong những cuộc đấu đó tôi khi là chứng nhân khi là đấu thủ. Các bạn đồng ngũ rất mến phục tôi, còn vị chỉ-huy — thường thay đổi luôn luôn — coi tôi như một sự xấu xa cần thiết.

Đang khi tôi thản-nhiên hay đúng hơn háo hức nhận lời khen tặng như vậy, thì một thanh-niên dòng dõi trâm-anh thế phiệt tới — tôi sẽ không đả-động đến tên hắn — xung vào đội tôi. Thật trong đời tôi chưa từng gặp một ai tốt số đến như thế. Này nhé anh thử tưởng tượng xem : trẻ trung, khôn ngoan, đẹp trai, hết sức vui tính, cực kỳ dũng-cảm, danh gia vọng tộc, của cải như nước — chỉ cần tưởng-tượng như vậy chắc anh đủ có đôi chút ý-niệm về ảnh-hưởng dĩ-nhiên do hắn gây ra trong bọn chúng tôi. Ưu-thế của tôi bị lung lay. Chóa mắt về những lời tán-tụng tôi, hắn lân la tìm cách làm thân, nhưng tôi tiếp hắn một cách lạnh nhạt và chẳng hề hối tiếc gì về sự hắn lảng xa tôi. Tôi bắt đầu ghét hắn. Sự thành công của hắn trong binh đội cũng như trong giới phụ-nữ đẩy tôi tới bờ vực thất-vọng. Tôi tìm cách dấu khẩu với hắn, tôi dùng lộng-ngữ, hắn dùng lộng-ngữ chọi lại mà khi nào những câu hắn đưa ra cũng có vẻ mạnh và sắc bén hơn tôi và nhất là dí-dỏm hơn, vì hắn giễu cợt, còn tôi cáu kỉnh. Cuối cùng trong một buổi dạ hội do một địa-chủ Ba-Lan tổ chức, thấy hắn là đối tượng của sự chú-ý của các bà các cô và nhất là nữ chủ nhân người mà tôi dan díu, tôi bèn ghé vào tai hắn thì-thầm đôi lời nhục-mạ thậm-tệ. Hắn bừng-bừng nổi giận tát tôi một cái. Chúng tôi cùng nắm đốc kiếm, các bà các cô xanh xám mặt mày ; và ngay đêm đó chúng tôi hạn-định cuộc đấu.

« Bình-minh vừa rạng. Tôi đứng ở địa-điểm đã định với 3 người chứng. Tôi vô cùng sốt ruột ngóng đợi đối thủ. Mặt trời tiết xuân ló dạng, trời đã có vẻ nóng. Tôi thấy hắn từ đằng xa tới. Hắn đi bộ, mặc quân phục, đeo kiếm, đi cùng với một người chứng. Chúng tôi tiến lên gặp hắn. Hắn tiến đến, tay cầm mũ dựng đầy hắc anh-đào. Các chứng nhân đếm khoảng cách 20 bước cho chúng tôi. Tôi phải bắn trước, nhưng tôi xúc động quá mạnh đến độ không thể trông cậy vào sự vững vàng của bàn tay ; nên để có thì giờ lấy lại bình-tĩnh, tôi nhường cho hắn bắn trước. Địch-thủ của tôi không thuận. Cuối cùng phải giải quyết bằng cách gắp thăm. Hắn

(1) Burtzov, một sĩ-quan Khinh kỵ binh, nổi tiếng về tửu lượng và ngỗ ngược.

(2) Denis Davydov, văn-sĩ (1781-1839).

(cả hai chú-thích của dịch-giả : T. Keaen)



được bắn trước, thật là may mắn lúc nào cũng về với hắn. Hắn nhắm bắn và viên đạn xuyên qua mũ tôi. Bây giờ đến lượt tôi. Tính mệnh hắn sau rốt đã nằm trong tay tôi, tôi phấn khởi nhìn hắn, náo nức lưu ý trông tìm một nét bối rối thoáng hiện. Nhưng hắn đứng trước mũi súng bứt những trái anh-đào chín mọng ở mũ miệng nhẩn hạt, nhổ ra đến gần tận chỗ tôi đứng. Vẻ thản nhiên của hắn làm tôi điên lên. Tôi nghĩ : « Trong khi hắn chẳng thiết lưu tâm đến giá-trị của sinh mạng hắn, thì giết hắn nào phỏng có ích gì ». Một ý định thâm độc loé ra trong trí. Tôi hạ súng xuống.

Tôi bảo hắn : « Anh có vẻ chưa sửa soạn đón chờ cái chết ngay lúc này, anh còn muốn điểm tâm ; tôi chẳng muốn cản trở anh làm gì ».

Hắn đáp :

« Chẳng có gì cản trở cả. Anh cứ việc bắn, hoặc giả nếu anh muốn — anh còn một phát đạn phải trả tôi ; tôi sẵn lòng chờ đợi anh bất cứ lúc nào ».

Tôi quay lại mấy người chứng, cho họ biết là tôi không muốn bắn ngày hôm nay, vì vậy cuộc đấu coi như chấm rứt.

Tôi xin giải ngũ và đến ở ẩn tại tỉnh lỵ này. Từ đó mà đi chẳng có ngày nào mà tôi chẳng nghĩ đến chuyện phục thù. Và giờ đây phút rửa hận đã đến ».

Silvio rút trong túi ra lá thư ông nhận được bữa sáng và đưa cho tôi xem. Một người (có lẽ là người phụ-trách công việccủa ông ta) từ Mạc-Tư-Khoa viết về, báo tin rằng *một kẻ nào đó* sắp sửa thành hôn cùng một thiếu-nữ trẻ đẹp.

Silvio bảo tôi : « Chắc anh đã đoán biết kẻ nào đó là ai rồi. Tôi sẽ đi Moscou, để xem lúc này, trong khi sửa soạn thành hôn liệu hắn có còn đối đầu với cái chết lãnh đạm như bữa hắn đang ăn anh - đào nữa không ! »

Nói đoạn, Silvio đứng dậy, ném cái mũ xuống sàn và đi đi lại lại quanh phòng như một con hổ dữ trong chuồng. Tôi ngồi nghe trong yên lặng, những ý tưởng đối chọi kỳ lạ xáo động tâm tư.

Tên đầy tớ bước vào báo ngựa đã sẵn sàng. Silvio xiết chặt tay tôi, chúng tôi ôm lấy nhau. Ông ta ngồi vào xe, trong đó có hai cái rương, một chứa súng lục, một đựng tư trang. Chúng tôi chào nhau lần nữa, và đoàn ngựa cất vó phóng đi.

★

Nhiều năm trôi qua, vì hoàn cảnh gia-đình tôi buộc lòng phải định cư ở một làng nhỏ bé nghèo nàn thuộc tỉnh lị N. Bận rộn coi sóc trang trại, tôi thường thở

có thể nói là khá xấu-xí. Lưng y khòm xuống. Khuôn mặt hình lưỡi cày, gầy hóp và đen. Mắt của y tụt sâu vào trong. Khi y vênh mặt lên cười, da mặt dùn lại, dồn những đường nhăn ngang nhăn dọc, mắt y híp lại càng tụt sâu, trông xấu đến dễ sợ. Y đoán thấy trong con mắt tôi sự chú-ý ngạc-nhiên đến vẻ gầy gò của y, y nhăn mặt, vỗ vào bụng, cắt nghĩa :

— Đau « phoa ». Moa đau ở « phoa » lâu lắm rồi. Chữa mãi không khỏi. Thế nầy là khá rồi đấy, năm ngoái còn gầy gấp mấy lần. Đã tưởng chết rồi đấy.

Rồi y ngước nhìn tôi, cười, xí xóa chuyện đó, muốn sang nhanh qua một chuyện khác. Y nói huyên-thiên, và lúc nào y cũng phụ họa câu nói bằng những điệu bộ vượt quá sự cần thiết. Y nhún vai, hoa tay, vung vung cái đầu, nghẻo cổ xịu nét mặt, giả vờ rầu rĩ, rồi chợt vùng lên cười... Như thế suốt trong khi y nói và cả khi nghe tôi nói. Điệu bộ của y làm cho tôi có cảm-tưởng mình nói chuyện rất có duyên : tôi vừa thốt ra một câu pha trò, y liền vỗ đùi, nhảy nhỏm lên, cười khanh khách, phun ra một mùi khói thuốc nồng nặc đánh tan hẳn mùi nước hoa phất quanh người y.

Tình-cảm của y phát ra nhanh như điện. Đành rằng tôi có nhận thấy trong đó một sự vờ vĩnh, nhưng thái-độ của y vẫn có một vẻ gì ngây ngô hài hước hơn là đều giả. Sự vờ vĩnh của y không có dụng ý tàng bốc phỉnh gạt, cho nên sau một lúc ngồi với y tôi không còn có ác cảm gì với y nữa.

Y tự xưng tên là Bành, bốn mươi hai tuổi. Nhưng trông y già hơn tuổi : mái tóc của y đã hoa râm. Y đổ tội hết cả cho bệnh hoạn, cho bệnh đau « phoa », và y cố phớt nhanh qua dấu hiệu già nua đó, không muốn nói dài dòng, không muốn để tôi chú ý đến. Y chải tóc thực láng, cắt tóc rất khéo, mặc bộ đồ tergal màu xanh xẫm, đeo chiếc nhẫn nhận hột ngọc ba màu to tướng ở một ngón tay trái. Người ta thấy rõ y còn nhiều lưu luyến với những thú vui của tuổi xuân lắm, nhất là khi cảm thấy mình sắp bị chối từ.

Tôi mời y một điếu thuốc Mélia vàng sẵn có trên bàn. Y cảm ơn, nhưng hết điếu ấy thì y tự rút trong túi ra một bao thuốc Peace để chọn điếu thứ hai mời tôi. Y hút thuốc thật dữ. Các đầu ngón tay trỏ và ngón tay giữa của y vàng khè những khói. Nhân tiện tôi để ý bàn tay của y khô đét và có nhiều ngón cong queo.

Chúng tôi bắt đầu từ những chuyện không đâu, nhưng được cái y là một người hoạt bát nên từ chuyện nầy nhảy sang chuyện khác, chúng tôi vẫn vui vẻ luôn, nói không ngừng. Không có ý dò hỏi, nhưng góp chỗ này một câu chỗ kia một câu tôi biết được Bành đã từng là một đại-đội-trưởng của quân-đội kháng-chiến, rồi về qua bên này y đã mang lon trung-úy hai năm. Ở hai phía, y đều có tham-gia nhiều trận đánh lớn. Y giải ngũ đã lâu rồi. Hiện thời y làm nghề gì, điều đó y có ý giấu tránh, không muốn cho tôi rõ. Có điều lạ là y thuê phòng ở khách-sạn này đã ngót nửa tháng mà chưa nói gì đến ngày ra đi.

Chúng tôi nói chuyện mãi đến năm giờ rưỡi chiều. Bành kể cho tôi nghe những trận đánh thực ghê gớm, những kỷ-niệm chiến-trường của y. Tôi cho rằng sự kinh khủng hoảng sợ mỗi lúc mỗi hiện lên nét



mặt của y có một vẻ vờ vĩnh lộ liễu. Quen với những dáng điệu và lối diễn tả huênh hoang quá trớn của y, cho nên lúc y bắt đầu kể qua câu chuyện ma quái hiện xảy ra trong khách-sạn, thoạt tiên tôi cũng theo dõi với một thái-độ ngờ vực. Nhưng chợt y làm tôi giật mình, y bảo :

— Rồi chút nữa ông sẽ thấy nó. Sáu giờ, sáu giờ rưỡi chiều, lối đó, bốn hôm rồi, hôm nào cũng vậy, không tối hơn, cứ trời vừa chạng vạng tối là nó hiện đến. Ông ở đây với tôi, rồi tôi sẽ chỉ ông xem. Nó hiện ra ở chỗ góc tường cuối khoảng đất trống sau khách-sạn kia. Ông nghiêng đầu qua chút nữa... chút nữa... phía bên trái cây bàng già ấy, ngồi ngay ở trong phòng này cũng cứ trông thấy nó...

Tôi nhìn theo ngón tay của y chỉ, rồi quay lại nhìn mặt Bành, ngạc nhiên thấy mất hẳn cái vẻ huênh hoang vờ vĩnh. Y nói đứng đắn. Một chút nữa, tnửa giờ nữa, y sẽ chỉ cho tôi coi tận mắt một con ma xuất hiện giữa ban ngày. Chung quanh tôi, gian phòng chúng ôi đang ngồi bỗng nhiên lảng vảng một khêng - khí bí - mật. Tôi có cảm - tưởng khách-sạn mà chúng tôi đang ở quả là một chỗ khác thường : vẻ nhà cũ kỹ điêu tàn, mái ngói âm dương rêu mốc bám đen trông buồn thảm, cái tường đá ong loang lổ, cái sân gạch long lở, khách khứa thưa thớt buồn thiu, ngoại trừ vài đứa trẻ nít, người nào cũng có một vẻ cô-độc chán nản, còn Bành thì trông lại càng như tàng tàng kho hiểu.

Y kể lại những điều xảy đến cho y cách đây bốn hôm :

« Chiều hôm đó, quá sáu giờ một chút, tôi đi thăm một người bạn mổ mắt nằm ở bệnh-viện Nhà-nước. Ra khỏi bệnh-viện tôi toan đi tìm chỗ chơi, nhưng sờ lại trong túi thấy thiếu mất bao thuốc, tôi ghé về phòng để lấy. Tôi quen dùng thứ thuốc Peace này đã lâu, mà ở mấy chỗ tiệm tạp-hóa gần đó cũng ít tìm thấy nên tuy hơi bực mình một tí tôi cũng phải quay về. Lúc đó khách trong các phòng hình như cũng đi chơi đâu cả, nên khách-sạn tối và im lặng buồn thiu. Mở cửa bước vào phòng vào một lúc chạng vạng tối, tự-nhiên tôi bàng-hoàng vì một cảm-giác trống trải vắng vẻ lạ lùng. Mặc dù sống độc-thân đã nhiều năm, ít khi tôi gặp một cảm-giác như thế. Một vài tiếng

muỗi kêu vo ve trong một gian phòng tối không phải của mình, một gian phòng xa lạ chỉ có mình mình ở suốt ngày và rồi đêm khuya đến cũng sẽ chỉ có mình mình về... Tôi tần ngần bỡ ngỡ, sực nhớ lại rằng lâu nay hình như đã lâu lắm chẳng bao giờ tôi có mặt ở nhà vào lúc hoàng-hôn. Những giờ nhá nhem ấy, không tính trước mà luôn luôn là lúc tôi nhởn nhơ ngoài đường hoặc ăn uống ở quán xá. Cảm-giác trống trải bơ-vơ vừa khó chịu vừa đột ngột là lạ, tôi cứ đứng yên một lúc trong phòng, không nghĩ đến việc bật đèn cho sáng. Rồi mắt đã hơi quen với bóng tối, tôi lần tới trước bàn sờ lấy bao thuốc. Tay tôi chạm ngã một chiếc ly mà mãi không gặp bao thuốc. Tôi ngồi xuống mép giường. Một lá mùng rơi xuống phủ lên mặt, tôi đưa tay vẹt lên, rồi xô gối mền vào phía trong góc, tôi nằm ngửa lên giường, bỏ thòng hai chân xuống đất.

« Đã lâu không có khói thuốc, miệng tôi thấy lạt lạt buồn buồn ; không biết có phải vì đó mà tôi càng bần thần uể oải trong người chăng. Tiếng xe chạy rền rền trên các ngả đường của thành phố vọng lại nghe thành một tiếng đều đều, nhắc nhở một cảnh tượng hoạt-động ở xa xôi ; tiếng rền rền đó lúc này lại như đưa tôi chìm lần vào cảnh tịch-mịch. Tự-nhiên tôi mất cái hứng-thú bước ra đi tìm vui thú. Tôi thấy mỏi mệt thình-lình, hết tò mò khao khát. Tôi nằm ngửa, mắt nhìn lên trần nhà, thấy một màu trắng lờ mờ, rồi dần dần bóng tối như có từng gợn múa loạng-xoạng. Rồi tay tôi tình cờ đụng nhằm gói thuốc ngay dưới gối. Tôi lấy ra một điếu, vừa hút vừa yên lặng suy-tưởng vẩn vơ, nghĩ đến những kỷ-niệm không đâu. Có lúc tự-nhiên tôi nhớ tới mẹ tôi, nhớ lại lời mẹ tôi căn dặn đôi ba lần : « Nếu con về được, ngày giỗ thầy năm nay con gắng về ở nhà lấy vài hôm ». Mẹ tôi không dùng giọng bó buộc, bà vẫn cho công việc của tôi là quan-trọng lắm. Hôm đó chính là hom giỗ thầy tôi rồi. Mà suốt ngày chỉ có cuộc đi thăm người bạn ở bệnh viện có thể gọi là công việc. Tôi vừa chán ngán cho mình, vừa lấy làm hối hận.

« Càng nằm lâu một mình trong phòng tối vào lúc chạng vạng tôi càng bị đưa đi xa vào những ý-tưởng buồn rầu chán-nản, tôi đứng dậy mở cửa bước ra. Tai tôi nghe như có tiếng ai huýt sáo mồm văng-vẳng ở về phía sau khách-sạn Tôi lắng nghe một chút, ngạc-nhiên thấy rằng tuy không biết là điệu nhạc gì mà vẫn nhận ra quen quen.

« Tôi đi về phía sau vườn, Tiếng sáo mồm mỗi lúc một rõ lần. Ở góc tường cuối vườn có một bóng người đen đen, một bóng đàn ông. Tôi tiến lần tới. Người đàn ông dựa mình vào tường, chống khuỷu tay lên mặt tường, mải miết nhìn ra bên ngoài, không nghe tiếng chân tôi bước. Cách người ấy chừng ba thước tây tôi chợt ngập ngừng thấy mình bất nhã ; hắn ta hẳn là đang cần vắng vẻ nên mới chọn một chỗ đứng kỳ cục như thế, đến làm rộn hắn lúc nầy thực là điều hắn không mong muốn chút nào. Và lại tôi tự xét cũng không có cớ gì tìm đến người ấy, chưa biết chuẩn-bị câu gì để nói với hắn. Ông ạ, tính tôi thế, đối với ai cũng tự nhiên như thế, nhiều khi quá tự nhiên khiến có người lấy làm khó chịu, nhưng thường thường nhờ sự tự nhiên dễ dãi không lưu-ý đến phép tắc xã-giao mà tôi làm quen

rất dễ dàng với mọi người trong mọi tầng lớp xã-hội. Cái tính xán đến người lạ bắt chuyện đột ngột ấy hình như tôi học được trong thời-kỳ theo bộ đội kháng-chiến đóng quân trong nhà dân-chúng ở các miền quê. Tôi vừa kịp nghĩ đến sự bất nhã của mình, toan ngừng lại, thì chân vừa giẫm trên một đống lá bàng khô làm cho người đàn ông tắt tiếng huýt sáo, quay đầu lại.

« Hắn ta không giật mình, không vội vàng. Hắn từ từ quay đầu lại và nhìn thẳng vào mặt tôi như đã biết tôi sẵn đứng đó từ bao giờ. Ánh sáng mờ mờ còn đủ để cho tôi trông thấy hình dáng hắn. Tôi tưng hửng kinh ngạc ; thưa ông, người đàn ông đứng trước mặt tôi dựa lưng vào tường ấy cũng chính là tôi, Vâng, là Bàng. Tôi không hoảng hốt sợ hãi. Bởi vì nét mặt hắn hoàn-toàn thản-nhiên hờ hững, khiến cho mọi cử chỉ bối rối hoảng sợ sẽ hóa ra lố bịch.

« Tôi bất giác đứng sững, ngắm thẳng vào người khách đối diện với mình nhưng cũng là chính mình. Tôi có cái cảm-tưởng kỳ lạ là chính đó mới là tôi, mới là một hình-ảnh thực khách quan của tôi, tôi nhìn hắn tò mò như được gặp dịp may hãn hữu có thể tự ngắm nghía kết nét mình một cách vô tư, từ hình thù ngoại diện cho đến tính nết cốt cách. Trong bộ đồ « com-lê » màu xám bằng hàng tốt và cắt khéo, tôi vẫn nhận thấy cái hình dáng thiều não của người đối diện : da thịt sạm đen và nhăn nheo, mặt tóp lại, mắt hủng sâu thăm thẳm, các ngón tay khô rốc và cong veo khẳng khiu như những cành cây già. Mặc dầu đó quả thực đó là hình dáng tôi, nhưng tôi cũng lấy làm buồn khi thấy sự già nua tiều tụy của mình bị xác nhận hiển nhiên trước mắt. Nhưng điều làm cho tôi chú ý nhất là sắc diện, là cái tinh thần biểu lộ trong sắc diện của hắn. Đó là một sự dửng dưng hoàn-toàn. Ông hãy tưởng-tượng một nét mặt tuyệt đối nguội lạnh, tắt hết mọi dấu lửa nhiệt thành, có thể nói là tắt hết mọi dấu sinh khí. Và nét mặt đó chính là nét mặt của mình, tách rời ra đối diện thản-nhiên với mình ! »

VÕ-PHIẾN

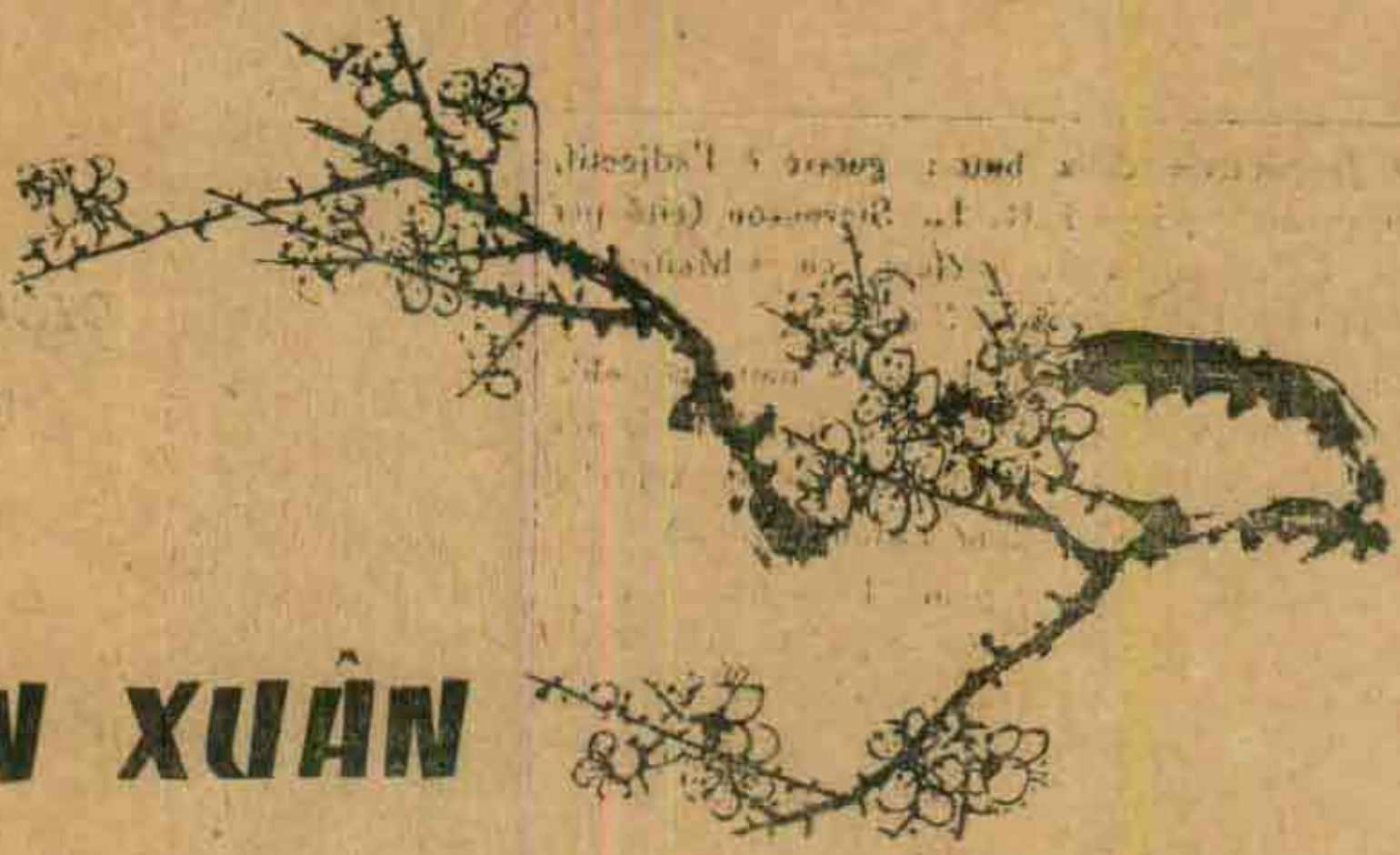
Ngày 15 - 1 - 1960, phát hành :

Văn-Hóa Á-Châu

Số 22 — Giá 20$

Với những bài :

Khoa-học và Nhân-bản (Nguyễn-Đăng-Thục) — Giáo-sĩ Đắc-Lộ, sáng-lập chữ Quốc-ngữ L.M. Nguyễn-Khắc-Xuyên — Quan-hệ lịch-sử giữa Miến-Điện và Việt-Nam (Tô-Nam) — Vết chân ngựa Đức Thánh Gióng (Nguyễn-Thiệu-Lâu) — Lược-khảo về hội-họa Nhật-Bản (Đào-Sĩ-Chu) — Bích-Khê, cuộc đời và tác-phẩm (Đinh-Cường) — Mùa xuân qua thi-ca hiện-đại (Thế-Phong) — Khảo về tết Trùng-dương (Thanh-Đạm) — Ốc hài-hước, châm-biếm và trào-phúng trong văn-chương bình-dân V.N. (Hiếu-Chân).



DUYÊN XUÂN

Mùa thắm dâng triều nao ý gió
Tóc thề ươm phấn cánh hoa mai
Nghe trong im vắng duyên mùa nở
Ai lại ai mà sợ nhạt phai ?.

Nhớ nhung xưa đã cạn rồi,
Khuya nay tình chớm mấy chồi thanh tân.
Tương tư đôi hướng chuyển vần,
Lòng trai quạnh quẽ mây Tần dáng xưa.
Duyên lành, hoa cánh đơm thưa,
Đất se ý thắm, lòng chưa ngọt ngào.
Mai đây tình hội hoa đào,
Tin yêu lòng chửa kịp rào bốn phương.
Lầu đời rót nặng mái sương,
Đắng cay độ chín, mùa hương giao hòa.
Chiều về, màu ấm sinh ca,
Giờ chênh cánh nắng, đài hoa dịu cành.
Anh đào chớm nụ đan thanh,
Lá vàng thu ấy, tình xanh xuân nầy.
Nắng về, cành lá say say,
Duyên xuân mới bén, tình cây ngại ngừng.
Du xuân chân bước trập trùng,
Cẩm Châu duyên đỏ, tao phùng hội đây.
Quan hà chén tiễn hương bày,
Giang hồ thói cũ mê say viễn trình.
Quê hương : Tình ngọt, đất lành,
Mến thương hồ dễ khuây tình lãng du ?

Quê hương, một Tết hồi xuân

NGUYỄN-VĂN-XUNG

• Je poursuis deux buts : guerre à l'adjectif, mort au nerf optique ! R. L. Stevenson (cité par René Lalou, dans sa préface au « Maitre de Ballantrae » P.10. Éditions Stock).

En somme, [Stevenson] veut tout ensemble conquérir les foules par l'entrain et le relief de ses créations et séduire les délicats par la sobriété classique de son style. René Lalou (Ibidem).

• Une des raisons pour lesquelles « Moll Flanders » ne s'est pas démodé, c'est qu'il ne s'y trouve aucune description, pas plus que dans les autres romans de Daniel Defoe. Jamais l'auteur ne s'attarde à dépeindre un personnage ou un décor : seules les réflexions morales ont le droit d'arrêter l'action — Denis Marion (Préface à «Moll Flanders» P.21, Le Club francais du Livre).

Tột cố đạt được hai mục-đích : tả chay hình dung từ, và tiêu diệt thần kinh thị giác ! R.-L. Stevenson (1850-1894).

Nói tóm lại, Stevenson vừa muốn được đại chúng tán thưởng bằng cách tạo nên những nhân vật linh động, có cá tính rõ rệt, vừa muốn làm cho tác nhân say mê, bằng một lối hành văn gọn gẽ, theo kiểu các tác gia cổ-điển. René Lalou.

• *Một trong những lý do khiến cho truyện « Mọ Lan-Đề » không hóa thành đồ-cổ là trong tác-phẩm ấy — cũng như trong các tiểu-thuyết khác của Daniel Defoe (1660-1731) — tuyệt nhiên chẳng có một đoạn văn miên tả. Không bao giờ tác-giả tả dáng dai nhân vật hay một khung cảnh nào : chỉ những ý nghĩ có tính chất luân-lý mới được quyền làm gián đoạn sự diễn tiến của cốt truyện Denis Marion.*

• Không hẹn mà **Đông Tây** gặp nhau trong lĩnh vực sáng tạo : chẳng so tài với nhạc-sĩ bằng cách chắp nối những hình dung từ dịu dàng, thiếu bẫn sanh lực, cũng chẳng học đòi làm họa gia, bằng cách triển lãm những đoạn văn miêu tả, hai bí quyết thường bị quên lãng, nhưng không phải là không trọng yếu, trong số những bí quyết thành-công của hai nhà tiểu-thuyết người Anh nói trên đây, chúng ta nhận thấy đủ hai điều ấy trong nghệ-thuật tuyệt diệu của Bồ-Tùng-Linh. (1640-1715).

KIỀU-YIÊU

DỊCH LIÊU - TRAI

KIỀU - YIEU

NỮ

LANG

HỌ ĐẬU

Nam-Tam-Phúc là một vị thân-sĩ huyện Tăn-Dương (thuộc tỉnh Sơn-Tây), có một biệt thự, cách chỗ ở hằng ngày trên mười dặm, thường cỡi ngựa đến đấy chơi.

Một hôm bỗng gặp mưa. Bên đường có xóm nhỏ, thoáng thấy nhà một nông-dân cửa nẻo khoáng-khoát, bèn ghé dụt mưa.

Dân quê các vùng phụ cận vốn sợ oai ông Nam. Một lát chủ nhân ra mời, dáng khép nép, cung kính rất mực. Bước vào, thấy gian phòng nhỏ như ổ chuột. Khách đã ngồi xong, chủ nhà mới đi lấy chổi, rưới nước quét dọn thật tươm tất.

Xong rồi rót mật ong thể trà đãi khách. Ông Nam bảo ngồi mãi mới dám ngồi. Hỏi họ hỏi tên, thì thưa tên là Đình-Chương, họ Đậu. Không bao lâu, lại hâm rượu, làm gà, thết đãi cực kỳ châu đáo.

Có cô gái vừa tuổi cập kê, bưng dọn thức ăn, chốc chốc đến phía ngoài cửa phòng, chỉ lộ nửa người, tuổi chừng mười lăm mười sáu, óng ả vô song. Ông Nam xao-xuyến trong lòng. Lúc mưa ngớt trở về, rồi mà vẫn nhớ nhung vương vấn.

Hôm sau, mang gạo và tiền lại tạ ơn, định nhờ chước ấy mà lai vãng. Từ đó trở đi thường ghé nhà họ Đậu, đem theo rượu thịt để làm tiệc, lần nào cũng cùng chủ nhân lưu liên cả buổi.

Nữ lang ngày một thêm quen, không còn quá e ngại lần tránh nữa, Lắm khi qua lại trước mặt khách. Liếc nhìn ả, thì ả cuối đầu cười nụ. Ông Nam càng say đắm, cứ ba bữa, không thể nào không đi thăm một bận.

Một hôm, gặp lúc ông Đậu chẳng có ở nhà, ngồi đợi thật lâu, Ả bước ra tiếp khách. Ông Nam bèn nắm lấy cánh tay, dở trò lơi lả. Ả thẹn, liền hết sức kháng cự mà rằng : « Tôi tuy nghèo, nhưng cũng mong được cưới hỏi xin chớ cậy giàu đi hiếp người ta ».

Lúc ấy ông Nam vừa chết vợ, nghe vậy bèn xích ra xin lỗi mà rằng : « Nếu được cô đoái thương, thì quyết chẳng cưới vợ nơi nào khác ». Ả muốn có lời thề thốt, ông Nam đưa tay lên trời mà thề, cam đoan lời ước sẽ vĩnh cửu ; ả bấy giờ mới ưng thuận. Bắt đầu từ hôm ấy, để ý chờ ông Đậu đi đâu vắng, là ông Nam lập tức qua nhà, cùng ai vầy cuộc yêu đương.

Ả thường nhắc nhở : « Cái thứ dan díu theo kiểu trong dâu trên bộc khó lòng mà lâu dài được. Được chàng đùm bọc thế này, nếu chịu đem trầu cau đến nói đàng hoàng, cha mẹ chắc lấy làm vinh diệu, không lý nào lại chẳng hài lòng. Chàng nên lo liệu sớm ». Ông Nam bảo đồng ý, nhưng lại nghĩ kết hôn với con gái nhà nông sao có thể gọi là môn đương hộ đối, bèn giả thác cớ nầy cớ nọ để giữ nguyên tình-trạng.

Vừa lúc ấy có bà mai lại đánh tiếng cho thiếu-nữ một gia-đình sang trọng. Ban đầu ông Nam còn lưỡng lự, sau nghe lại là đẹp người lắm của, nên quyết-định đi cưới. Cô gái họ Đậu đã có mang, hối thúc càng dữ, ông Nam bèn rút êm, tuyệt không hề lui tới nữa.

Chẳng bao lâu, ả lâm bồn, sanh con trai. Cha tức giận đánh ả, ả thú hết tình thật, mà rằng : « Ông Nam yêu con ».

Ông Đậu bấy giờ buông tha con gái, cho người đi cật vấn ông Nam. Ông Nam chối phắt, không thừa nhận gì cả. Ông Đậu bèn đem đứa bé sơ sanh vứt ngoài đồng, lại đánh đập ả vô số kể. Ả lén năn nỉ bà lúng giềng, giùm trình-bày tất cả thống khổ của mình, ông Nam mới chịu để yên cho.

Ban đêm ả trốn ra đi xem đứa con bị bỏ thấy còn sống, liền ẵm lại nhà ông Nam, gõ cửa ngõ mà phân trần với người canh cổng : « Chỉ mong sao được một lời nói của ông chủ, là tôi có thể khỏi chết. Ông ấy dẫu không đoái tưởng đến tôi, chả lẽ lại cũng không đoái tưởng đến con mình sao ? » Người canh cửa chuyển lời lại ông Nam không sót một điều, ông Nam dặn nhất định đừng cho vô.

Ả tựa mình vào cửa khóc rưng rức. Tàn canh năm mới hết nghe tiếng. Rạng đông, mở cửa ra xem, ả vẫn bế con ngồi đấy, mà thân thể cứng đờ.

Ông Đậu căm tức, thưa lên quan trên. Thiên-hạ đều cho ông Nam là kẻ bất nghĩa, nên thượng quan định buộc tội ông Nam. Ông ta đâm hoảng, đem một ngàn lượng bạc đi dút lót, mới được miễn tội.

Ông nhà giàu kén rể kia nằm mộng thấy nữ lang họ Đậu xõa tóc bồng con mà thưa rằng : « Muôn nghìn xin chớ gả con cho cái người phụ bạc : gả, thì tôi nhất định giết chết ». Nhưng gia-đình ấy tham giàu, rốt cục vẫn hứa phối với ông Nam.

Đến ngày nghinh thú, tư trang rõ thật quý giá, tân-nương cũng mĩ miều, có điều hay dàu dàu nét mặt. Suốt ngày tịnh không thấy vui tươi chút nào. Trong chỗ chăn gối lại thường khi đầm đìa nhỏ lệ. Hỏi, thì một mực làm thinh.



Cách mấy hôm, cha tân-nương đến nhà, vừa bước qua ngưỡng cửa đã sa nước mắt. Ông Nam chưa kịp hỏi duyên cớ, cùng nhau vào buồng, trông thấy nữ lang, bèn kinh khiếp nói : « Mới ở trong vườn đằng nhà, thấy con tôi thắt cổ chết trên cây đào, giờ ai trong buồng đây ? » Nữ lang nghe thế, vụt biến sắc, ngã lăn ra mà chết. Nhìn kỹ lại, té ra con gái ông Đậu. Cùng lật đật lại đằng vườn sau nhà, thì tân-nương quả đã tự ải.

Hãi hùng khôn xiết, chạy mách tin cho ông Đậu hay. Ông Đậu đào mồ con gái, cạy nắp quan-tài, thì xác đã mất tự bao giờ. Hận cũ chưa nguôi, nhân thế càng thêm oán giận. Lại lói ra cửa quan. Thượng quan thấy tình tiết kỳ huyễn dị thường, chưa biết nên định tội thế nào. Ông Nam đem nhiều tiền của đi mua chuộc lòng ông Đậu, năn nỉ xin thôi kiện. Quan trên cũng ăn hối lộ của ông Nam mà bỏ trôi vụ ấy.

Nhưng từ đó trở đi, nhà ông Nam có phần sa sút. Với lại việc quái gở đồn mỗi ngày một xa, thành thử luôn mấy năm trời không một ai dám cùng tính việc hôn-nhân cả. Ông Nam bất đắc dĩ, đành phải mò đi xa ngoài trăm dặm, nói con gái ông tấn-sĩ họ Tào.

Chưa kịp cử hành hôn-lễ, bỗng dân-gian đồn rằng triều-đình đương chọn con gái nhà thanh-bạch để sung làm cung-nữ. Thế nên ai có con gái đã đính-hôn, đều kíp đưa về nhà chồng.

Một hôm có bà lão dẫn một chiếc kiệu đến nhà ông Nam, tự xưng là người nhà họ Tào đưa dâu sang, dịu cô gái vào

phòng, mà nói với ông Nam : « Việc tuyền cung-nữ đã gấp lắm rồi, lính quýnh không làm sao đợi đến ngày lành tháng tốt cho đúng lễ được. Nên xin đưa tiểu-thơ lại đây ». Hỏi : « Sao không có khách đưa dâu ? » Thưa : « Cũng có chút đỉnh tư trang chở theo sau ». Rồi bà lão vội vàng trở gót.

Ông Nam nhìn tân-nương thấy rất thanh-tú, bèn cùng nhau chuyện vãn tươi cười. Ả cúi đầu, tay mân mê dải áo, thần thái giống hệt con gái ông Đậu. Ông Nam nghe khó chịu trong lòng, mà chưa dám nói ra. Ả lên giường, kéo chăn trùm đầu mà ngủ. Nhưng cho thường tình con gái mới về nhà chồng là thế ấy, nên không để ý tới nữa.

Đến lúc trời tối, người nhà họ Tào vẫn không thấy đến, mới bắt đầu ngờ ngợ, dở chăn định hỏi ả, thì ả lặng im, toàn thân lạnh ngắt như băng.

Ông Nam kinh ngạc, không hiểu cớ sao lại thế, sai người chạy cho nhà họ Tào hay, thì họ Tào tuyệt nhiên không có chuyện đưa dâu bao giờ. Tin ấy truyền ra, ai nấy đều lấy làm quái dị.

Thuở ấy, có ông cử-nhân họ Diêu, con gái qua đời mới an táng xong, đêm sau bị kẻ trộm quật mồ, quan-tài phá vỡ, xác khuân đâu mất. Nghe đồn sự lạ, tìm đến chỗ ông Nam xem hư thật thế nào. Thấy quả là con mình, dở chăn ra xem, hoàn-toàn lõa thể.

Ông Diêu nổi giận, cáo tố đến cửa quan. Quan xét thấy ông Nam đã mấy lần làm điều vô hạnh, ghét quá, buộc tội đào mồ bộc lộ thi thể, bèn kết án tử hình.

KIÊU-YIÊU dịch

NÊN ĐÓN XEM :

Văn-Hóa Nguyệt-San

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

Đã phát hành
VĂN HÓA NGUYỆT SAN số 46
và sắp phát hành :
VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN (Xuân Canh-Tý)

với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc đặc-sắc, và hấp-dẫn của những cây bút quen thuộc và có giá-trị : Quách-Tấn, Đoàn-Thêm, Nguyễn-Thành-Cung, Tân-Việt-Điểu, Trần-Tuấn-Khải, Phạm-Xuân-Độ, Bửu-Cầm, Ngô-Bằng-Giực, Vũ-Đức-Trinh, Bùi-Quang-Tung, Tu-Trai, Phạm-Văn-Diêu, Nguyễn-Văn-Hầu, v.v...

Tạp-chí dày 176 trang, giá 12$ có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh và nhà tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Saigon).

VUI

Có con chim hoàng anh
Hót vang ngoài cửa sổ
Có cô nàng áo đỏ
Đi dưới rặng soan xanh.

Cô áo đỏ tươi cười
Vì nghe hoàng ảnh hót
— Buồn ơi, đây phút chót
Ta từ giã mi thôi !

Chim hót trên đầu ta,
Hoa cười trong lòng ta
Nắng ngừng bên bực cửa
Nhường lối buồn đi qua.

VƯỜN

Bình minh thả nắng đuổi xua đêm
Trong lá cành xanh rộn tiếng chim
Mấy à Hồng, Lan vừa thức giấc
Chờ mong gã bướm hẹn sang tìm.

Có bàn-tay-gió vân vê Liễu,
Liễu thẹn, làm rơi chuỗi ngọc sương
Dậu biếc tơ hồng dăng mắc tóc
Nàng Mai khoe sắc, Huệ dâng hương,

Cô Xuân thơ thẩn thăm vườn sớm
Thảm cỏ nhung tơ đặt gót hài
Nâng má hoa hôn, cười chúm chím
Hoa « thật », hoa « người » ... đẹp cả hai !



PHÁT ĐẠN

Alexander Poushkin

NGUYỄN *dịch*

CHÚNG tôi đóng ở tỉnh lị N.— Cuộc sống của một sĩ-quan trong quân ngũ thế nào chắc mọi người cũng đã rõ. Sáng, thao-diễn và cưỡi ngựa, dùng cơm với Đại-tá hoặc ăn tại một quán ăn Do-thái. Chiều, rượu chè bài bạc. Ở N. không có một hồng lâu nào cả, ngay đến một thiếu-nữ khả-dĩ có thể lấy được cũng không có nốt. Chúng tôi thường tụ-tập ở buồng riêng của nhau, trong đó toàn là quân-nhân.

Chỉ có mỗi một thường dân được nhập bọn với chúng tôi. Ông ta chạc độ ba mươi lăm tuổi, do đó chúng tôi coi ông như bậc niên trưởng. Sự lịch lãm của ông ta gây cho ông ta rất nhiều uy-thế đối với lũ chúng tôi, thêm vào đó cái vẻ lầm lì thường xuyên, cái tư thế nghiêm-nghị giọng lưỡi chua chát mỉa mai đã gây một ấn tượng sâu đậm trong trí-não non nớt của chúng tôi. Có một cái gì bí ẩn bao quanh cuộc sống của ông ta ; bề ngoài ông trông có vẻ là người Nga, mặc dầu tên ông là một tên ngoại-quốc. Xưa kia ông phụng-sự trong đoàn khinh kỵ-binh và rất xuất sắc. Không một ai rõ vì cớ gì mà ông giải ngũ và đến cư-ngụ tại thị-trấn tồi tàn này, nơi mà ông sống trong thiếu thốn và đồng thời lại rất xa hoa. Ông luôn luôn đi chân không, lúc nào cũng mặc chiếc áo khoác đen cáu bẩn, nhưng lúc nào cũng sẵn

sàng mời các sĩ-quan trong binh-đội tôi cùng dùng bữa. Bữa ăn của ông ta, thực ra, chẳng quá hai hay ba món, do một người lính giải ngũ nấu, nhưng rượu « xâm banh » tuôn như nước lã. Chẳng ai rõ hoàn-cảnh ông ra sao, lợi-tức của ông thế nào, dẫu vậy chẳng một ai dám hỏi. Ông ta sưu tập một số sách, phần lớn là binh-thư cùng tiểu-thuyết. Ông ta sẵn lòng cho chúng tôi mượn và chẳng bao giờ đòi; ngược lại, ông ta cũng chẳng buồn trả sách của ai. Thú tiêu-khiển chính của ông là bắn súng lục. Vách tường buồng ông lỗ chỗ những vết đạn, chi chít như tổ ong. Bộ sưu-tập về súng lục là món đồ sang trọng độc nhất dưới mái lều thanh-bần của ông ta. Tài sử-dụng thứ vũ-khí ưa chuộng của ông thật khôn tả ; mỗi khi ông đề-nghị bắn một trái lê trên mũ của một người nào đó, thì chẳng có một ai trong binh đội tôi mà lại ngần ngừ chẳng dám đưa đầu ra trước mũi súng.

Những cuộc chuyện trò của chúng tôi thường hay xoay qua những vụ thách-đấu (duel). Silvio — tên ông ta — không bao giờ bắt chuyện, khi bị hỏi đã từng dự cuộc thách đấu nào chưa thì ông ta chỉ trả lời khô khan là có rồi, nhưng ông ta có vẻ chẳng thiết-tha gì lắm, rõ ra câu hỏi đó chẳng được ông ta ưa. Chúng tôi độ chừng lương-tâm ông bị ray rứt bởi một nạn-nhân nào đó của tài bắn tuyệt-luân của chính ông. Chúng tôi chẳng bao giờ dám ngờ ông vì một cớ nọ kia như hèn nhát chẳng hạn. Có những người mà chỉ riêng dáng vẻ không thôi cũng đủ gây cho ta một ý niệm như vậy. Nhưng rồi một chuyện bất ngờ xảy đến làm cả bọn chúng tôi sửng sốt. Một bữa, một toán chừng mười sĩ-quan chúng tôi dùng cơm với Silvio. Họ chè chén như mọi khi, nghĩa là uống rất nhiều. Sau bữa cơm chúng tôi đề-nghị chủ-nhân làm chương trong một canh Faro. Ông ta từ chối mãi, vì ông chẳng bài bạc mấy khi, nhưng rồi ông cũng cho lấy bài ra, đặt 50 đồng tiền vàng lên bàn và ngồi xuống chơi.

Chúng tôi ngồi chúng quanh, và canh bạc bắt đầu. Silvio có thói quen giữ im lặng tuyệt-đối trong khi đánh bài. Ông ta chưng bao giờ căn vặn và cũng chẳng bao giờ phân trần dài dòng. Nếu con bạc tính nhầm, ông lập tức trả cho đúng hoặc ghi rõ số dư. Chúng tôi chẳng còn lạ gì tính ông ta và thường để mặc ông làm theo ý riêng ; nhưng lần này trong bọn tôi lại có một sĩ-quan vừa được thuyên chuyển tới. Giữa canh bài, viên sĩ-quan đó vô ý tính lầm. Silvio theo thói quen cầm phấn ghi con số đúng. Viên sĩ-quan nọ tưởng Silvio lầm, bèn cất tiếng phân trần. Silvio vẫn lặng lẽ đánh bài. Viên sĩ-quan mất bình tĩnh cầm khăn xóa con số mà hắn cho là sai. Silvio cầm phấn chữa lại con số. Viên sĩ-quan, bốc nóng vì rượu, vì bài, và những tiếng cười của các bạn đồng ngũ, cho rằng mình bị sỉ-nhục nặng nề, trong lúc cáu kỉnh hắn cầm ngay cái đế nến bằng đồng để trên bàn, ném vào Silvio, ông này né tránh kịp. Chúng tôi thảy đều kinh hoàng. Silvio đứng dậy, mặt tái vì giận dữ, mắt long lay, bảo viên sĩ-quan :

« Thưa ông, biết điều thì ông đi ngay và hãy cám ơn trời là câu chuyện này đã xảy ra ở trong nhà tôi ».

Không một ai trong bọn tôi nghi ngờ gì về kết quả sẽ đến, chúng tôi đều coi người

bạn mới kia như một kẻ đã chết rồi. Viên sĩ-quan rút lui, tuyên bố sẵn sàng trả lời sự sỉ-nhục của hắn ta bằng bất cứ cách nào tùy theo ý chủ nhân định đoạt. Canh bài kéo dài thêm vài phút, nhưng nghĩ rằng chủ nhân quá xúc động chẳng còn tâm địa nào để ý tới canh bài, chúng tôi lần lượt cáo từ và tản về đơn-vị. Sau khi bàn tán rằng có thể đội binh của chúng tôi sắp khuyết một chỗ.

Ngày hôm sau trong giờ kỵ mã, giữa lúc chúng tôi đang hỏi nhau liệu gã trung-úy bất hạnh kia còn sống không, thì gã đến. Chúng tôi cũng hỏi hắn như vậy và hắn đáp là chưa nhận được âm-tín gì của Silvio. Điều đó làm chúng tôi kinh ngạc. Chúng tôi kéo nhau đến nhà Silvio và thấy ông ta ở trong sàn đang bắn liên tiếp vào một điểm đen dán trên cổng. Ông ta tiếp đón chúng tôi như thường lệ, nhưng tuyệt nhiên không đả động gì đến chuyện xảy ra chiều hôm trước. Ba ngày trôi qua, vì viên trung-úy vẫn còn sống. Chúng tôi kinh-ngạc hỏi nhau : « Chả lẽ Silvio không rửa nhục sao ? »

Silvio không rửa nhục. Ông ta hài lòng với những lời giải-thích thật lòng-lẻo và làm lành với kẻ gây chuyện.

Theo ý-kiến bọn trẻ chúng tôi cử-chỉ đó đủ làm giảm uy-tín của Silvio rất nhiều. Thiếu can-đảm là điều không thể khoan-thứ được bởi bọn thanh-niên là những kẻ mà sự dũng-cảm được coi như một đức-tính thiết-yếu tối-thượng của con người và lời diều biện-bạch cho tất cả mọi lỗi lầm. Nhưng rồi dần dần, mọi việc trôi vào quên lãng. Silvio lại gây được ảnh-hưởng xưa.

Riêng tôi, tôi chẳng thể giữ vẹn tình xưa. Vốn bẩm tính mơ-mộng lãng-mạn, tôi gắn bó hơn tất cả các bạn khác với con người mà cuộc đời là cả một niềm bí-ẩn và đối với tôi như một anh-hùng trong một truyện huyền-bí nào. Ông ta mến tôi ; chỉ với tôi ông mới bỏ giọng chua chát mà chuyện trò về những vấn-đề khác một cách giản-dị và vô cùng khả-ái. Nhưng sau buổi chiều không may ấy, ý-tưởng danh-dự ông đã bị hoen-ố mà vẫn được để nguyên vì sự lầm lạc của ông ta, lúc nào cũng vương-vấn trong tâm-tư tôi khiến tôi không thể cư-xử với ông ta như ngày cũ nữa. Trông thấy ông ta mà tôi hổ thẹn. Vốn là người sáng-suốt và lịch-lãm, Silvio chẳng thể chẳng nhận thấy điều đó và đã đoán được nguyên-do. Điều này dường như làm cho ông ta có vẻ khó chịu ; tôi nhận thấy ít ra đã có một hay hai lần ông ta định phân trần với tôi, nhưng tôi lảng đi nên Silvio lại thôi. Từ đó mà đi tôi chỉ gặp ông ta khi có mặt bạn bè và những cuộc tâm-sự riêng tư của chúng tôi đã chấm dứt hẳn.

Những ai sống trong cảnh náo-nhiệt của đô-thị chắc chẳng thể có một chút ý-niệm nào về những kinh - nghiệm thông thường của cư-dân nơi làng mạc hay tỉnh lỵ, như ngóng đợi thư về chẳng hạn. Vào những ngày Thứ Tư, Thứ Năm, văn-phòng binh-đội chúng tôi thường tràn ngập những sĩ-quan : kẻ mong tiền, người mong thơ, kẻ đợi báo. Các bưu-kiện thường được mở ngay tại chỗ, những mẩu tin được loan truyền từ người nọ tới người kia, quang cảnh văn-phòng thường rất là nhộn nhịp. Silvio hay có thơ gửi về địa chỉ binh-đội tôi và ông ta thường có mặt tại đó để nhận thơ.

Một bữa, nhận được một lá thư, ông ta bồn chồn gỡ dấu niêm phong (1), khi đọc những lời trong thơ mắt ông sáng rỡ. Các sĩ-quan đều đang bận đọc thơ riêng nên chẳng một ai nhận thấy.

Silvio bảo chúng tôi : « Thưa các bạn, vì hoàn cảnh đòi hỏi tôi phải ra đi ngay tức khắc, tôi lên đường ngay tối nay. Tôi mong rằng quí bạn chẳng nỡ lòng từ chối tới dùng bữa với tôi lần cuối », ông quay về phía tôi, nói thêm « cả anh nữa, tôi chờ anh đấy nhé ! ».

Nói đoạn ông ta vội vã chia tay, còn chúng tôi sau khi thỏa thuận tới nhà Silvio, tản mát về đơn-vị của mình.

Tôi đến nhà Silvio đúng hẹn, và nhận thấy các bạn đồng ngũ đã có mặt gần đủ. Đồ đạc đã gói ghém cả, chỉ còn trơ lại 4 mảnh tường trần trụi lỗ chỗ những vết đạn. Chúng tôi ngồi vào bàn. Chủ nhân hết sức vui vẻ, niềm vui của ông lan rất mau qua đám thực khách. Nút chai nổ rền, ly sủi bọt không ngớt, và trong sự nồng nhiệt cực độ, chúng tôi chúc người bạn sắp chia tay thượng lộ hoan hỉ và mọi sự tốt lành. Khi chúng tôi đứng dậy, trời đã sầm tối. Sau khi tiễn mọi người, Silvio cầm tay tôi lui lại đúng vào lúc tôi sửa soạn giã từ.

Ông hạ giọng : « Tôi có câu chuyện muốn nói cùng anh. »

Tôi nán lại sau.

Thực khách về hết cả chỉ còn hai chúng tôi. Ngồi đối diện nhau, chúng tôi lặng lẽ châm tẩu thuốc. Silvio có vẻ bứt rứt, nét hoan hỉ cũ đã mất. Sắc mặt tái nhợt căng thẳng, ánh mắt long lanh cộng với làng khói đặc từ miệng tỏa ra, tạo cho ông ta một dáng vẻ thật ma quái. Nhiều phút trôi qua, rồi Silvio phá niềm yên lặng. Ông nói :

« Có lẽ chúng ta chẳng còn bao giờ gặp nhau nữa, trước khi chia tay tôi muốn có vài lời biện-minh cùng anh. Anh chắc cũng đã rõ, tôi ít đếm xỉa đến dư-luận, nhưng tôi mến anh, tôi nghĩ nếu phải chia tay khi tâm trí anh còn mang nặng cảm tưởng sai lầm về tôi thì thực là chua xót. »

Ông ngừng lại, nhồi thuốc vào tẩu. Tôi lặng lẽ nhìn đăm đăm xuống bàn.

Ông nói tiếp :

« Anh lấy làm lạ rằng sao tôi không bắt gã R. ngu-xuẩn say khướt kia đền bù xứng đáng. Dẫu sao, chắc anh cũng phải công nhận rằng, nếu tôi được chọn võ khí, tính mạng hắn đã nằm trong tay tôi, trong khi thân tôi chẳng có gì đáng ngại lắm. Tôi có thể viện lẽ rằng sự nhẫn nhịn của tôi chỉ là sự độ lượng khoan dung, nhưng tôi không muốn nói dối. Nếu như tôi có thể trừng phạt gã R. mà không mảy may nguy hại đến tính mệnh tôi, thì tôi chẳng khi nào tha thứ hắn. »

Tôi kinh ngạc nhìn Silvio. Một lời tự thú như vậy thực đã làm tôi hết sức bàng hoàng. Silvio tiếp :

« Đúng vậy : tôi không được phép thí thân. Sáu năm trước đây tôi bị một cái tát, và kẻ thù của tôi vẫn còn sống ».

Sự tò mò của tôi lên tới cực-độ.

Tôi hỏi :

« Ông không đọ súng với hắn sao ? Có lẽ hoàn-cảnh khiến ông và hắn ta xa nhau ».

(1) Thư xưa gắn bằng dấu sáp.

Silvio đáp :

« Tôi có đọ súng với hắn chứ, và đây là cuộc kỷ-niệm của cuộc đấu súng của chúng tôi. »

Silvio đứng dậy, lấy trong một cái hợp giấy ra một cái mủ đỏ có tua rủ và chi viền ; ông ta đội lên đầu — một vết đạn xuyên qua mũ cách trán chừng 1 inch.

Silvio tiếp « Anh đã rõ là tôi xung vào một đơn-vị trong đoàn Khinh - kỵ - binh. Tính tôi chắc anh chẳng còn lạ gì : lúc nào tôi cũng muốn dẫn đầu. Đó là niềm dục-vọng của tôi hồi trai trẻ. Thời chúng tôi, ngang tàng trở thành một mốt, và trong quân ngũ tôi là kẻ táo tợn nhất. Chúng tôi rất lấy làm tự kiêu về tửu lượng : tôi đã từng thắng cả gã B — (1) tăm tiếng lẫy lừng mà D. D — (2) đã từng ca ngợi. Những cuộc thách-đấu trong binh-đội tôi xảy ra như cơm bữa, trong những cuộc đấu đó tôi khi là chứng nhân khi là đấu thủ. Các bạn đồng ngũ rất mến phục tôi, còn vị chỉ-huy — thường thay đổi luôn luôn — coi tôi như một sự xấu xa cần thiết.

Đang khi tôi thản-nhiên hay đúng hơn háo hức nhận lời khen tặng như vậy, thì một thanh-niên dòng dõi trâm-anh thế phiệt tới — tôi sẽ không đả-động đến tên hắn — xung vào đội tôi. Thật trong đời tôi chưa từng gặp một ai tốt số đến như thế. Này nhé anh thử tưởng tượng xem : trẻ trung, khôn ngoan, đẹp trai, hết sức vui tính, cực kỳ dũng-cảm, danh gia vọng tộc, của cải như nước — chỉ cần tưởng-tượng như vậy chắc anh đủ có đôi chút ý-niệm về ảnh-hưởng dĩ-nhiên do hắn gây ra trong bọn chúng tôi. Ưu-thế của tôi bị lung lay. Chóa mắt về những lời tán-tụng tôi, hắn lân la tìm cách làm thân, nhưng tôi tiếp hắn một cách lạnh nhạt và chẳng hề hối tiếc gì về sự hắn lảng xa tôi. Tôi bắt đầu ghét hắn. Sự thành công của hắn trong binh đội cũng như trong giới phụ-nữ đẩy tôi tới bờ vực thất-vọng. Tôi tìm cách đấu khẩu với hắn, tôi dùng lộng-ngữ, hắn dùng lộng-ngữ chọi lại mà khi nào những câu hắn đưa ra cũng có vẻ mạnh và sắc bén hơn tôi và nhất là dí-dỏm hơn, vì hắn giễu cợt, còn tôi cáu kỉnh. Cuối cùng trong một buổi dạ hội do một địa-chủ Ba-Lan tổ chức, thấy hắn là đối tượng của sự chú-ý của các bà các cô và nhất là nữ chủ nhân người mà tôi dan díu, tôi bèn ghé vào tai hắn thì-thầm đôi lời nhục-mạ thậm-tệ. Hắn bừng-bừng nổi giận tát tôi một cái. Chúng tôi cùng nắm đốc kiếm, các bà các cô xanh xám mặt mày ; và ngay đêm đó chúng tôi hạn-định cuộc đấu.

« Bình-minh vừa rạng. Tôi đứng ở địa-điểm đã định với 3 người chứng. Tôi vô cùng sốt ruột ngóng đợi đối thủ. Mặt trời tiết xuân ló dạng, trời đã có vẻ nóng. Tôi thấy hắn từ đằng xa tới. Hắn đi bộ, mặc quân phục, đeo kiếm, đi cùng với một người chứng. Chúng tôi tiến lên gặp hắn. Hắn tiến đến, tay cầm mũ đựng đầy hắc anh-đào. Các chứng nhân đếm khoảng cách 20 bước cho chúng tôi. Tôi phải bắn trước, nhưng tôi xúc động quá mạnh đến độ không thể trông cậy vào sự vững vàng của bàn tay ; nên để có thì giờ lấy lại bình-tĩnh, tôi nhường cho hắn bắn trước. Địch-thủ của tôi không thuận. Cuối cùng phải giải quyết bằng cách gắp thăm. Hắn

(1) Burtzov, một sĩ-quan Khinh kỵ binh, nổi tiếng về tửu lượng và ngỗ ngược.

(2) Denis Davydov, văn-sĩ (1781-1839).

(*cả hai chú-thích của dịch-giả : T. Keaen*)



được bắn trước, thật là may mắn lúc nào cũng về với hắn. Hắn nhắm bắn và viên đạn xuyên qua mũ tôi. Bây giờ đến lượt tôi. Tính mệnh hắn sau rốt đã nằm trong tay tôi, tôi phấn khởi nhìn hắn, náo nức lưu ý trông tìm một nét bối rối thoáng hiện. Nhưng hắn đứng trước mũi súng bứt những trái anh-đào chín mọng ở mũ miệng nhả hạt, nhổ ra đến gần tận chỗ tôi đứng. Vẻ thản nhiên của hắn làm tôi điên lên. Tôi nghĩ : « Trong khi hắn chẳng thiết lưu tâm đến giá-trị của sinh mạng hắn, thì giết hắn nào phỏng có ích gì ». Một ý định thâm độc loé ra trong trí. Tôi hạ súng xuống.

Tôi bảo hắn : « Anh có vẻ chưa sửa soạn đón chờ cái chết ngay lúc này, anh còn muốn điểm tâm ; tôi chẳng muốn cản trở anh làm gì ».

Hắn đáp :

« Chẳng có gì cản trở cả. Anh cứ việc bắn, hoặc giả nếu anh muốn — anh còn một phát đạn phải trả tôi ; tôi sẵn lòng chờ đợi anh bất cứ lúc nào ».

Tôi quay lại mấy người chứng, cho họ biết là tôi không muốn bắn ngày hôm nay, vì vậy cuộc đấu coi như chấm rứt.

Tôi xin giải ngũ và đến ở ẩn tại tỉnh lỵ này. Từ đó mà đi chẳng có ngày nào mà tôi chẳng nghĩ đến chuyện phục thù. Và giờ đây phút rửa hận đã đến ».

Silvio rút trong túi ra lá thư ông nhận được bữa sáng và đưa cho tôi xem. Một người (có lẽ là người phụ-trách công việc của ông ta) từ Mạc-Tư-Khoa viết về, báo tin rằng *một kẻ nào đó* sắp sửa thành hôn cùng một thiếu-nữ trẻ đẹp.

Silvio bảo tôi : « Chắc anh đã đoán biết kẻ nào đó là ai rồi. Tôi sẽ đi Moscou, để xem lúc này, trong khi sửa soạn thành hôn liệu hắn có còn đối đầu với cái chết lãnh đạm như bữa hắn đang ăn anh - đào nữa không ! »

Nói đoạn, Silvio đứng dậy, ném cái mũ xuống sàn và đi đi lại lại quanh phòng như một con hổ dữ trong chuồng. Tôi ngồi nghe trong yên lặng, những ý tưởng đối chọi kỳ lạ xáo động tâm tư.

Tên đầy tớ bước vào báo ngựa đã sẵn sàng. Silvio xiết chặt tay tôi, chúng tôi ôm lấy nhau. Ông ta ngồi vào xe, trong đó có hai cái rương, một chứa súng lục, một đựng tư trang. Chúng tôi chào nhau lần nữa, và đoàn ngựa cất vó phóng đi.

★

Nhiều năm trôi qua, vì hoàn cảnh gia-đình tôi buộc lòng phải định cư ở một làng nhỏ bé nghèo nàn thuộc tỉnh lị N. Bận rộn coi sóc trang trại, tôi thường thở

dài kín đáo tiếc cho cuộc sống sôi nổi và vô tư lự xưa. Khổ nhất là tôi phải cố tập sao cho quen để có thể chịu đựng được cảnh cô đơn tuyệt đối trong những chiều xuân hay đông giá. Trong lúc chờ đợi tới giờ cơm, tôi phải cố tìm phương khuây khỏa bằng cách chuyện trò với tá-điền, cưỡi ngựa đi quanh để kiểm-soát công việc hoặc đi quanh quẩn ngắm những tòa nhà mới dựng ; nhưng khi trời xầm tối, thì tôi thật chẳng còn biết làm gì. Vài cuốn sách lục được ở trong tủ và nhà kho thì tôi đã thuộc lòng. Bao nhiêu chuyện cổ tích mà quản-gia Kirilovna còn nhớ, thì tôi đã nghe đi nghe lại đến hàng chục bận. Những bài hát của những mụ đàn bà quê làm tôi thêm ưu uất. Tôi cố uống rượu mạnh, nhưng nó làm tôi rức đầu, hơn nữa, tôi xin thú thực là tôi rất sợ say sưa vì phiền muộn, là vì say sưa lối đó buồn hơn cả, tôi đã thấy nhiều vụ như thế ở quận lị tôi. Tôi không có láng giềng gần nào trừ 2 hay 3 đệ tử lưu-linh, chuyện của họ phần lớn toàn là ợ hơi với thở dài. Thà cô độc còn hơn là kết thân với họ.

Cách nhà tôi 4 versts (1) là đồn-điền phì nhiêu của nữ Bá tước B. ; nhưng chỉ có một người làm ở đó. Nữ Bá tước chỉ mới về thăm đồn-điền của mình một lần vào năm bà xuất-giá và chỉ lưu lại đấy có một tháng. Nhưng sang đến mùa xuân thứ nhì của cuộc sống cô quạnh của tôi, có tin loan truyền là Nữ Bá tước và chồng về nghỉ mát tại đồn-điền. Quả vậy, vào đầu tháng Bảy thì họ tới.

Cuộc qui hoàn cố thổ của một vị láng giềng giàu có là một biến cố cực kỳ quan trọng trong đời sống của dân làng. Các địa chủ cùng gia-quyến bàn ra tán vào đến hai tháng trước và mãi tận ba năm sau. Còn về phần tôi, tôi phải thú nhận là tin có bà láng giềng xinh đẹp sắp về, thật đã làm tôi vô cùng cảm-xúc. Ý muốn gặp bà ta như thiêu như đốt lòng tôi, ngay bữa Chủ-nhật sau ngày bà tới, vừa dùng bữa xong, tôi lập tức sang làng A — để tỏ lòng ngưỡng mộ của một người láng giềng gần gũi nhất và đồng-thời cũng là một nô-bộc tầm thường nhất với Nữ Bá - tước và chồng bà ta.

Một tên gia-nhân mời tôi vào phòng khách, rồi vào báo tin tôi tới. Căn phòng rộng rãi trang hoàng cực kỳ lộng lẫy, quanh tường giá sách kê san sát, trên mỗi giá sách chễm chệ một pho tượng đồng bán thân. Trên bục lò sưởi bằng cẩm-thạch là một tấm gương lớn, mặt sàn trải vải xanh có phủ thảm. Vốn sống trong cảnh nghèo nàn không quen với nơi quyền quí, lại đã lâu chưa thấy tận mắt sự giàu sang của kẻ khác, tôi chờ sự xuất-hiện của Bá-tước với đôi chút lo âu, chẳng khác nào như một thuộc-viên ở quận-lị chờ đợi vị Bộ-trưởng bước vào. Cửa mở, và một người khôi ngô tuấn tú, tuổi chạc 32, tiến vào. Bá tước đi tới phía tôi dáng dấp hồn hậu và thân mật : tôi có trấn tĩnh và sự giới-thiệu nhưng Bá-tước chặn trước. Chúng tôi cùng ngồi xuống, ông ta chuyện trò cởi mở, khả ái, chẳng mấy chốc làm mất vẻ ngượng ngập vụng về của tôi ; khi tôi đã lấy lại được tự-nhiên thì Nữ Bá-tước đột ngột bước vào làm tôi lại bối rối hơn bao giờ hết. Bà ta quả là một trang tuyệt sắc. Tôi muốn làm ra vẻ tự-nhiên, nhưng càng cố tôi lại càng thấy vụng-về. Để tôi có đủ thì giờ trấn-

(1) 1 verst = 1km 096.

tĩnh và làm quen với người lạ, họ bắt đầu nói chuyện với nhau, coi tôi như một bạn láng giềng tốt, không có nề hà khách sáo chi cả. Giữa lúc ấy, tôi đi dạo quanh phòng, ngắm sách vở và họa-phẩm. Tôi không sành về họa, nhưng một bức làm tôi chú ý. Đó là một bức họa cảnh Thụy-sĩ, nhưng không phải bức họa làm tôi chú ý mà là hai vết đạn trên đó, một vết nằm sát ngay trên vết kia.

Tôi quay lại bảo Bá-tước : « Bắn đến như thế này thật là tuyệt ! ».

Ông ta đáp : « Đúng vậy, thật là một xạ thủ tuyệt luân ».

Ông tiếp : « Ông bắn chắc khá lắm ?»

Mừng rằng cuộc đàm-thoại cuối cùng đã xoang sang đề-mục quen thuộc, tôi đáp :

« Kể ra, cách 30 bước tôi có thể bắn một quân bài mà không sợ trượt. Dĩ-nhiên tôi muốn nói với súng lục dùng đã quen tay ».

Với một vẻ cực-kỳ thích-thú, nữ Bá-tước hỏi : « Thực thế ư ? Còn mình, mình có thể bắn trúng quân bài cách 30 bước không ?

Bá-tước đáp : « Để đến hôm nào đó chúng ta hãy thử xem. Vào thời oanh-liệt của tôi, tôi bắn cũng không đến nỗi tệ lắm, nhưng đã bốn năm nay tôi không mó đến súng ».

Tôi đưa ra một nhận xét :

« Ồ, trong trường-hợp ấy tôi dám cá là Bá-tước khó mà bắn trúng một quân bài cách 20 bước, súng lục đòi hỏi sự thao dượt thường nhật. Kinh-nghiệm cho tôi biết vậy. Trong binh đội tôi, tôi được coi là tay súng cừ khôi nhất. Có một lần vì súng mang đi chữa, suốt một tháng trời tôi không mó đến nó. Và thưa Bá-tước, ngài có thể tin rằng khi tôi dượt lại lần đầu, tôi đã bắn trượt một cái chai đặt cách 20 thước, liên tiếp đến 4 lần ! Viên Đại-úy chỉ-huy vốn là một người lão luyện và vui tính, tình cờ có mặt ở đó, bảo tôi : « Này bạn, chắc bạn không định dập chai đấy chứ !» Không, Bá-tước ạ, ngài không thể chểnh-mảng tập dượt được, nếu không tay ngài sẽ mất sự chính xác. Tay thiện xạ có một trên đời này mà tôi có hân hạnh quen biết, thường bắn ít nhất là ba bận mỗi ngày trước bữa ăn. Ông ta bắn như vậy thường hơn là dùng ly rượu mạnh hàng ngày »

Thấy tôi bắt đầu vui chuyện, Bá-tước và phu nhân đều có vẻ hài lòng.

Bá-tước hỏi : « Ông ta là một xạ thủ như thế nào ?

« Thưa ngài, ông ta là một xạ thủ đại loại như thế này : chẳng hạn như thấy một con ruồi đậu trên tường — phu-nhân cười ư, nhưng có Trời chứng giám, đó là sự thật — thấy một con ruồi, ông ta gọi lớn : « Kuzka, súng đâu ! » Kuzka đưa ông ta một khẩu súng lục nạp đạn sẵn — đoàng ! và con ruồi bị dính bết vào tường ».

Bá-tước nói :

« Tuyệt ! ông ta tên là gì hở ông ?

« Thưa ngài, Silvio ».

« Silvio » Bá-tước giật mình kêu lớn, « Ông biết Silvio ? »

« Sao tôi lại có thể không biết ông ta được, Bá-tước : chúng tôi là bạn tâm-giao. Binh đội tôi nhận ông ta là sĩ-quan niên trưởng. Nhưng đã năm năm nay tôi chẳng còn nhận được tin tức gì về ông ta nữa. Thế ra ngài cũng biết ông ta sao ? »

— Vâng, đúng thế, tôi biết ông ta rõ lắm. Có bao giờ ông ta kể cho ông nghe một biến cố hết sức lạ lùng trong đời ông ta không ? »

— Phải chăng ngài định ám chỉ đến cái tát của một gã nào đó trong một buổi dạ hội chăng ? »

— Ông ta có cho ông rõ tên gã đó là gì không ? »

— Thưa ngài, không, chẳng bao giờ ông ta nhắc đến tên hắn hết », rồi chợt đoán ra sự thật, tôi tiếp « Trời, thưa Bá-tước xin ngài thứ lỗi... Tôi không biết... chẳng hay đó là ngài hay sao ? »

Với một vẻ hết sức buồn rầu, Bá - tước đáp : « Phải, chính tôi, và bức họa có vết đạn kia là lưu niệm của cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa chúng tôi ».

Nữ Bá-tước lên tiếng : « Trời, thôi đi mình, chớ có nhắc đến chuyện đó làm gì, khủng khiếp quá em không muốn nghe đâu ! »

Bá-tước đáp : « Không, để anh kể hết. Ông đây đã rõ tôi sỉ nhục bạn ông ta ra sao, thì chuyện Silvio phục hận thế nào ông đây phải biết mới là hợp lý. »

Bá tước đẩy ghế về phía tôi mời ngồi, và tôi lắng nghe câu chuyện sau đây một cách vô cùng thích thú :

« Năm năm trước đây tôi kết hôn với nhà tôi. Tháng đầu — thuộc thời kỳ trăng mật — tôi ngụ tại đây, ở làng này. Nếp nhà này đã hiến tôi những phút hạnh-phúc nhất đời cũng như những hoài-niệm đau đớn hơn cả.

Một buổi chiều chúng tôi cùng cưỡi ngựa đi dạo trở về. Con ngựa nhà tôi đột nhiên trở chứng bất kham, nhà tôi sợ trao cương cho tôi và về bộ. Tôi cưỡi ngựa trở về trước. Đến nhà tôi thấy trong sân có một chiếc xe ngựa loại du-lịch, và được gia nhân cho biết là có một người đang đợi tôi ở phòng khách, ông ta không xưng tên mà chỉ cho biết là có việc cần giải-quyết với tôi. Tôi bước vào phòng và thấy trong bóng tối một người thân mình phủ đầy bụi bậm, râu ria lâu ngày đâm ra tua tủa. Ông ta đứng ở kia, gần bên lò sưởi. Tôi tiến lại gần cố nhận diện.

Ông ta nói giọng run run : « Bá tước, ngài không nhận ra tôi sao ? ».

Tôi kêu lên : « Silvio ! » và tôi xin thú thật là lúc đó tôi cảm thấy như thể tóc tôi đột nhiên dựng đứng cả lên.

« Đúng vậy, » ông ta nói tiếp « ngài còn thiếu tôi một phát đạn, nay tôi đến đây cho cây súng được rảnh nợ. Ngài đã sẵn sàng chưa ? »

Khẩu súng lục của hắn thò ra khỏi túi bên. Tôi đếm 20 bước và đứng ở gốc này, lòng chỉ mong hắn bắn cho mau, trước khi nhà tôi về. Hắn ngần ngại, yêu cầu thêm ánh sáng. Nến được mang vào. Tôi đóng cửa và ra lệnh không được ai vào và một lần nữa yêu cầu hắn bắn cho xong. Hắn rút súng, lấy đường nhắm... tôi đếm từng giây... tôi nghĩ đến nhà tôi... một phút khủng khiếp trôi qua ! Silvio hạ tay xuống.

Ông ta bảo : « Tôi rất tiếc rằng khẩu súng lục này chẳng nạp bằng hạt anh đào... đạn nặng quá. Tôi cảm thấy đây có vẻ không phải là một vụ thách đấu nữa, mà là một vụ ám-sát. Tôi không quen nhắm bắn một người không võ-trang. Chúng ta hãy trở lại từ đầu ; chúng ta sẽ bốc thăm xem ai bắn trước. »

Đầu óc tôi quay cuồng... Hình như tôi lên tiếng phản-đối.

... Cuối cùng chúng tôi nạp thêm một khẩu súng lục nữa và vo hai mảnh giấy nhỏ lại. Ông ta cho 2 viên giấy vào mũ— cái mà tôi đã bắn một phát đạn xuyên qua — và tôi lại bốc được số đầu.

Ông ta mỉm một nụ cười mà tôi nhớ mãi và bảo tôi : « Bá-tước, ngài thật may mắn lạ lùng.

Tôi không rõ lúc đó tôi ra sao, hay tại ông ta khiến tôi như vậy... tôi bắn và trúng vào bức ảnh kia. »

Bá-tước chỉ vào bức tranh thủng ; mặt rực lên như lửa ; nữ Bá tước trông nhợt nhạt hơn cả chiếc khăn tay của bà ; còn tôi không kìm nổi một lời tán thán.

Bá tước tiếp : « Tôi bắn và nhờ ơn Thượng-đế, không trúng đích. Thế rồi Silvio lúc đó ông ta thật là khủng khiếp... Silvio chĩa súng nhắm vào tôi. Đột nhiên cửa bật mở, Masha chạy ùa vào phòng, rú lên ôm choàng lấy tôi. Sự hiện-diện của nhà tôi làm tôi hồi-phục được lòng can đảm.

Tôi bảo nhà tôi : « Kìa mình, mình không thấy là chúng tôi đang đùa đấy hay sao ? Sao mình sợ hãi thế ! Ra uống một ly nước rồi quay lại đây với chúng tôi ; tôi sẽ giới-thiệu mình với một người bạn cũ. »

Masha vẫn còn ngờ vực.

Nàng quay sang anh chàng Silvio dáng sợ hỏi :

« Ông làm ơn cho tôi rõ, có phải nhà tôi nói thật chăng ? Có thật là hai người chỉ đùa nhau đấy thôi chứ ? »

Silvio đáp :

« Thưa nữ Bá-tước — ông nhà lúc nào cũng bốn cợt được, có bữa ông nhà bông đùa tát bốp một cái vào giữa mặt tôi, một bữa khác ông nhà bắn một phát đạn xuyên qua mũ tôi và ngay vừa rồi ông nhà lại bắn tôi nhưng trượt, tất cả chẳng qua cũng chỉ là đùa bỡn đấy mà thôi. Và giờ đây, tôi cũng cảm thấy muốn bỡn cợt một chút cho vui ».

Nói đoạn ông ta giơ súng nhắm vào tôi — ngay trước mắt nhà tôi ! — Masha phủ phục xuống chân ông ta.

Tôi giận dữ hét lên : « Đứng dậy Masha ! Và thưa ông, liệu ông có ngừng bỡn cợt trước mặt một người đàn bà đáng thương không ? Ông có bắn hay không ? »

Silvio đáp : « Tôi không bắn, tôi mãn nguyện rồi. Tôi đã thấy sự bấn loạn, kinh hoảng của ngài. Tôi đã buộc ngài phải bắn vào tôi. Thế là đủ. Ngài sẽ nhớ tôi. Tôi phó mặc ngài cho lương tâm ».

Đoạn ông ta quay gót, nhưng dừng lại trước lối ra, nhìn vào bức họa mà phát đạn tôi vừa xuyên thủng, ông ta bắn gần như không nhắm và biệt dạng. Vợ tôi ngất đi... lũ gia nhân không dám ngăn giữ ông ta, riêng cái nhìn của ông ta cũng đã đủ làm cho chúng sợ rúm. Silvio bước ra trước bực cửa, gọi tên xã-ích và dánh xe đi trước khi tôi hoàn hồn ».

Bá-tước im lặng. Thế là nhờ vậy mà tôi biết được đoạn kết cuộc của câu chuyện mà đoạn đầu đã gây một ấn-tượng sâu đậm nơi tôi suốt một thời. Nhân-vật chính của câu chuyện tôi chẳng hề gặp lại. Có người kể rằng Silvio chỉ-huy một đơn-vị trí-thức quí-tộc trong cuộc khởi-nghĩa dưới thời Alexander Ypsilanti, vì bị chết trong trận Skulyani.

(Dịch qua bản Anh ngữ « The Shot » của T. Kean)

NGUYỄN
(13-8-59)

CHÍ HẠNG-VÕ — TÌNH NGU-CƠ

I

Lực bạt sơn hề khí cái thế,
Thời bất lợi hề chuy bất thệ.
Chuy bất thệ hề khả nại hà !
Ngu hề ! Ngu hề ! Nại nhược hà !

HẠNG-VÕ

II

Hán binh dĩ lược địa,
Tứ diện Sở ca thanh.
Đại-vương ý khí tận,
Tiện thiếp hà liễu sanh ?

NGU-CƠ

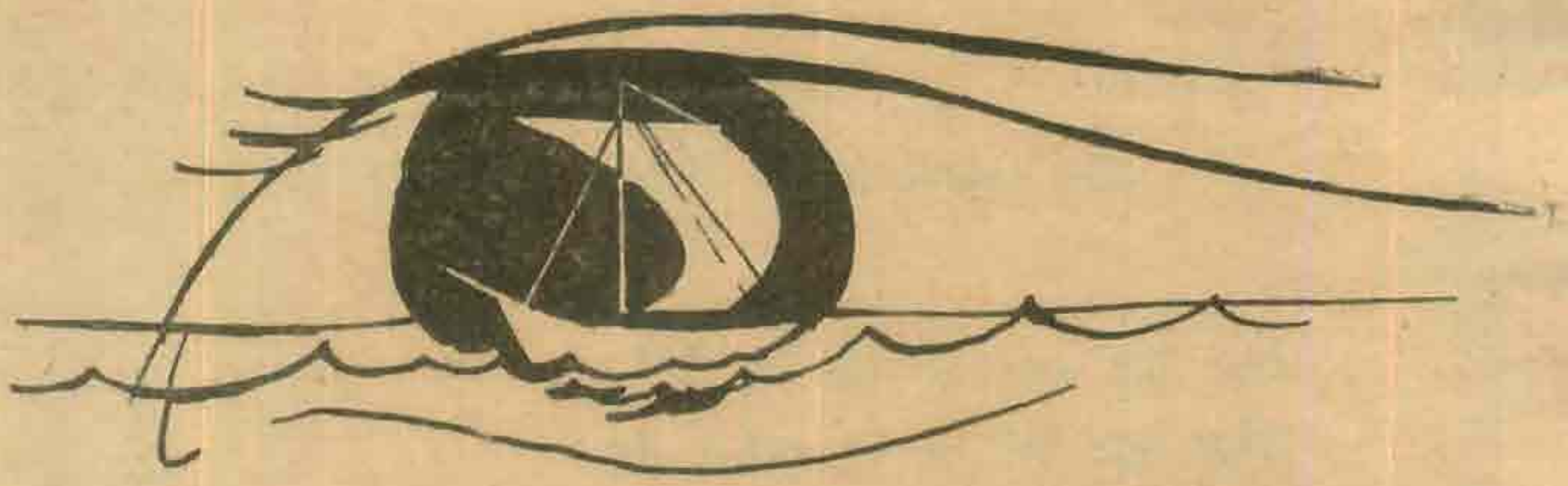
I

Sức nhổ núi chừ, khí vô địch.
Thời nay hết chừ, ngựa không nhích.
Ngựa không nhúc nhích, tính sao chừ !
Ngu ơi ! Ngu ơi ! Làm sao chừ !

II

Quân Hán cướp hết đất,
Quân Sở hát bốn bề.
Chí Người chừ đã nát,
Tiện thiếp sống mà chi !

NGUIỄN-NGU-Í dịch



THUYỀN ĐI

Sông khuya nước lớn lưng bờ
Thuyền ơi sắp sửa tối giờ nhổ neo.
Ra đi mà gió hiu hiu
Hẳn là vui thú bao nhiêu hỡi thuyền.

Buồm giương theo ngọn triều lên
Thuyền nghe tiếng gọi những miền xa xôi.
Âm thầm lòng bến lẻ loi
Nỡ nào chẳng đoái, thuyền ôi là thuyền.

Thoáng trông bến vẫn điềm nhiên
Ngập bao nhiêu nỗi đau phiền ai hay.
Suốt đời hiu quạnh nằm đây
Bãi lau xơ xác bờ cây hững hờ

Quanh năm nước chảy lờ đờ
Điệu ru tẻ nhạt bao giờ đổi thay.
Đời ta như điệu ru này
Muôn năm khuôn đúc một ngày thế thôi.

Bến sầu chỉ thấy khuây vơi
Khi nào bến được kề đôi với thuyền.
Trở về hạ cánh ổ hoen
Thoảng mùi gió mặn những miền biển khơi.

Và khi êm ả chiều trời
Được nghe thuyền kể những hồi lênh đênh.
Niềm vui chưa thỏa tâm tình
Bỗng nay thuyền lại nỡ đành kéo neo.

Nhẫn tâm bỏ bến đìu hiu
Trống không ngày tháng, buồn thiu cuộc đời.
Nhưng thôi nước lớn đầy rồi
Gió ơi vút thổi giục mời thuyền đi.

Dám đâu bận bịu làm chi :
Biết thân phận bến là ly biệt thuyền
Thuyền đi bến sẽ lặng yên
Dằm sương trông với ánh đèn mờ soi.

Nếu thuyền thương bến lẻ đôi
Hãy đi chầm chậm, thuyền ôi là thuyền.

Yã-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG
(Hoàng-đào)

CUÔI BA-DÙM



• *Vũ-Hạnh*

NHỮNG ngày sắp dời lên mạn Đông-Đường, được biết đồng-bào Thượng miền ấy có tục *Cuôi-ba-dùm* là tôi bắt đầu ăn ngủ không yên.

Thực ra, trong thời gian sống giữa núi rừng hoang-vu, lạnh-lẽo thỉnh-thoảng tôi cũng mơ tưởng đến những hình bóng nhẹ nhàng của các cô gái ở chốn quê hương. Nhưng sau những lần vọng-tưởng như thế, kiểm-điểm lại tôi thấy mình chẳng yêu một cô nào cho rõ-rệt, bởi vì rõ-rệt là chẳng có cô nào yêu tôi cho rõ-ràng. Tôi biết nguyên-nhân sâu xa của sự thiệt thòi này là tại khi đến gần phụ-nữ, tôi thường làm ra vẻ ta đây là bậc đàn anh, lên mặt dạy bảo những điều phải trái. Khi người ta đã là... cấp trên, chuyên-môn nói chuyện đạo-đức thì khó lòng mà hạ xuống cầu xin cấp dưới một chút ân-huệ ái-tình. Và rốt cuộc, cấp dưới trở thành một thứ cấp trên rất cao đến nỗi tôi không tin chắc có ngày mình sẽ đạt tới.

Nhưng không chỉ mình tôi gây ra cho

tôi sự cô-độc lẻ đờ này mà nguyên - nhân còn tại nơi các cô nữa. Hình như hầu hết những cô gái miền xuôi đều không chịu phát-biểu một cách chân thành, giản dị những ý nghĩ của mình vì vậy những người không sành về khoa tâm-lý như tôi khó lòng mà chiều ý các cô cho được lâu dài. Lại thêm, mỗi một cô gái vừa lớn lên là y như ở bên hàng xóm và ở mỗi góc đường đều túc trực sẵn một chàng trai trẻ để mà cười tình và trao lá thư duyên. Cho nên tôi không chắc rằng con người tôi yêu có thực là tâm hồn trong trắng, hay là trong khi yêu tôi nàng vẫn lẳn lộn với một kẻ xóm diềng nào đó. (Kể ra như thế thì cũng chẳng hại gì, vì trong số hàng xóm và túc-trực ở các ngõ đường thế nào lại chẳng có tôi, nhưng không biết vì sao mà tấm lòng hẹp hòi của tôi lại không chịu được ý nghĩ như vậy).

Tôi cứ cho rằng đến nông nỗi này có lẽ mình chỉ có thể yêu được những cô gái Thượng mà thôi, vì tôi vẫn nghe nói rằng phụ-nữ miền Thượng bao giờ cũng rất giản dị và rất chân thành. Do những lẽ đó, ngày đi lên miền núi tôi vẫn ao ước gặp gỡ một cô gái Thượng thật đẹp để mà có dịp báo thù giản tiếp các cô miền xuôi. Nhưng hình như tôi lên núi rừng không phải nhằm mục - đích đi tìm một người đàn bà, cho nên tháng ngày trôi qua, tôi chỉ gặp toàn một thứ đàn ông. Và thỉnh-thoảng, có gặp một ít thú dữ.

Đến khi được biết sẽ lên nghỉ ngơi nhiều ngày tại mạn Đông-Đường và các cô gái miền này có tục *Cuôi ba-dùm* — nghĩa là ngủ thân-ái với người khách lạ — thì tôi bắt đầu nhận thấy núi rừng không phải chỉ là sên vắt hút máu, đèo dốc cheo leo và thác nước ồ-ạt tuôn đi không kể tháng ngày.

Phải nói rõ rằng chuyến lên đường lần này tôi tỏ ra hết sức hăng hái, y như một người đang đeo đuổi trước mắt một lý-tưởng cao siêu. Nhưng lên đến cái dốc thứ 9 thì tôi cảm thấy rõ rệt qua cặp đầu gối, rằng tình yêu chưa đủ để khuyến khích con người. Tới lúc bước vào cái *buôn* đầu tiên, gặp hai cô gái già ngồi bên suối nước, phô cặp vú sệ xuống gần chấm cái váy cụt nhạt màu, giương cặp mắt đục lờ nheo nheo nhìn tôi rồi nở một nụ cười ngây ngô để giới-thiệu hai hàm răng đã cà gần mòn nhẵn thì tôi hơi ngơ ngác, và loay hoay mãi vẫn không nhớ ra cái thằng ngốc nào đã từng mơ ước kết duyên với một cô gái Thượng.

Chúng tôi hạ trại dưới chân núi cạnh một con sông nhỏ nước chảy lờ đờ, luôn luôn chờn vờn những bầy muỗi rừng. Ở lưng chừng núi là một cái *buôn* khá lớn điểm những nét vàng đậm giữa nền xanh sẫm. Mỗi sáng, mỗi chiều, khói lam vươn ra từ các đỉnh nóc, quyện trên sườn cao, rồi tan chìm trong lớp sương mờ, y như những nỗi mơ mộng của tâm-hồn tôi xóa nhòa trong cái sầu ngan ngát dâng lên từ khắp núi rừng.

Một buổi chiều, tôi đang lặn lội tìm nguồn một dòng suối nhỏ, thì chợt nghe có tiếng hát vang lên ở giữa rừng sâu. Tôi không biết câu hát nói gì nhưng giọng điệu mềm dẻo, thỉnh thoảng ngợ ngừng dứt quãng, thu hút lấy tôi như chất nhựa cây chập vào một chiếc lá khô. Dần dần tôi quên hẳn cái nguồn suối đi tìm và lạc vào một vùng khác lạ có nhiều mô đá

cheo leo rải rác dưới chân dốc núi. Khi tôi đã gặp tiếng hát thì tôi sửng sốt dừng lại. Một cô gái Thượng đang ngồi rửa rau bên một vũng suối. Không biết có người đến gần, cô vẫn say sưa ngồi hát, đầu cuối xuống soi mình dưới nước, quay qua quay lại nhẹ nhàng, hòa nhịp với bàn tay đang chao từng mớ rau rừng. Tôi ngồi bên này dòng suối, gần như đối-diện với cô, và yên lặng rất lâu như thế để quan-sát một hiện tượng đẹp dễ nhất đối với tôi từ trước đến giờ. Cô nàng bé nhỏ, da ngăm ngăm đen, vóc người tròn trịa, gọn gàng trong tấm *dỗ* (1) và chiếc *cà-tlu* (?) xanh đậm có một vẻ đẹp hết sức núi rừng. Lời hát hình như ứng khẩu tuôn ra do một nỗi dào dạt từ trong đáy lòng, theo một khuôn khổ âm điệu có sẵn tự bao nhiêu đời, nên nghe miên man tưởng không bao giờ có thể dừng được. Tôi đã từng được nghe nhiều cô gái người Kinh ca hát. Nhưng hoặc là con người không hợp với bài hát, hoặc là bài hát không hợp với khung cảnh, và hoặc người hát không còn giữ được một vẻ tự-nhiên khiến khi nghe ta có cảm-tưởng chứng kiến một sự trình diễn rời rạc về con người mà bài hát chỉ là cái cớ phụ thuộc. Ở đây, cây rừng, nước suối, và gió ngàn, và người con gái, và cả tiếng hát đều là một sự hòa điệu thâm trầm. Tôi có cảm giác đứng trước một lời ca từ thuở tinh khôi, một sự thổ lộ của núi rừng như phát tiết ra từ trong hốc đá, khe sâu, từ trong thăm thẳm của lòng đất mênh mông... Tôi ngồi lặng yên, cặp mắt mờ dần bóng hình người con gái để thính giác đưa về một cõi hoang vu chập chờn hình bóng man rợ, giữa một không khí u-uất như hơi lá ủ mục ngàn năm. Rồi những tiếng chim lạ lùng cất lên, dòng thác ồn-ào tuôn xuống, những tiếng cồng, tiếng mõ, tiếng chiêng từ đâu bừng dậy, le lói những ánh lửa sáng của bếp lửa rừng khuya...

Đột nhiên tiếng hát dừng lại, cả cái sinh hoạt bao la của núi rừng như chìm xuống hố sâu. Người con gái chợt trông thấy tôi, ngừng tay khuấy nước, miệng nở nụ cười và cặp mắt bỗng sáng long-lanh. Nàng kêu lên :

— Làm gì thế ?

Tôi cũng cười, trả lời :

— Nghe cái rừng hát, cái núi hát mà.

Nàng hơi ngẩng mặt lên, ngây nhìn giây lát, có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì Rồi nàng lại mỉm cười, cúi xuống, quờ tay chao mớ rau rừng, dường như không còn nhớ có tôi đang ngồi trước mặt. Xong việc, nàng đứng lên, tay xách giỏ rau thoăn-thoắt leo lên dốc đá, về buôn. Tôi im lặng đi theo nàng một quãng khá dài, rồi dừng lại, bâng-khuâng không biết là mình sẽ đi đâu.

*

Nhưng từ đấy bóng hình cô con gái Thượng luôn luôn ám ảnh hồn tôi. Những giấc mơ chết đi ngày nào bây giờ dần dần sống lại, hiên-ngang khỏe mạnh khác thường. Tôi tin tưởng rằng một ngày nào đó, tôi sẽ gặp người con gái trên buôn, và tôi sẽ ngủ thân-ái một đêm với nàng.

Tôi không quen phân tích tâm-tư để rõ vì đâu mà tôi lại khát-khao mãnh liệt như thế.

(1) *Dỗ* : vải khoác trên mình.
(2) *Cà-tlu* : váy hẹp và hơi ngắn.

Chắc rằng ngoài lòng ham muốn cuồng nhiệt của tuổi trẻ, ngoài sự tò mò, tôi còn bị những người lớn tuổi đầu-độc bằng cái quan-niệm khá phổ-biến, cho rằng trình-độ từng trải về một nơi nào phải được chứng minh bằng sự tiếp xúc với người dàn bà bổn thổ. Đối với số người này, hình như linh hồn của một dân-tộc bao giờ cũng kẹp trong đôi vế đàn bà. Nếu ta chưa thật sự mở được quyển sách hai trang ấy ra, thì dù có quan-sát bao nhiêu thắng cảnh, ngắm đọc bao nhiêu tác-phẩm về một địa-phương, cũng vẫn chưa tỏ ra am-hiểu được địa-phương ấy. Do đó tôi cứ ngại rằng, ngày sau, khi trở về đồng-nội nói chuyện đường rừng, lỡ ai sốt sắng hỏi tôi đàn bà miền Thượng thế nào thì chắc rằng tôi sẽ xấu hổ mà ấp-úng nói rằng không biết. Cái ý-định ấy càng ngày càng nung-nấu ở trong người tôi đến một cường-độ không sao tả được. Tôi không bao giờ tự hỏi một ý-định như thế, nếu thực-hiện được sẽ gây tác hại thế nào ? Sức mạnh tinh-thần của đồng-bào Thượng là ở lòng tin-tưởng phong-tục. Đồng-bào Thượng bám vào phong-tục như dây leo bám lấy thân cành, như hổ dữ bám vào hang đá. Tôi há chẳng biết rằng kẻ nào xâm phạm đến tập tục miền rừng là chuốc lấy oán hờn cho đến trọn đời hay sao ? Tôi chẳng đã học hỏi từng phong-tục một như học từng miếng võ hộ thân trong cái rừng phong-tục um-tùm chằng chịt của đồng-bào Thượng đấy sao ? Cái gì đối với đồng-bào Thượng cũng có thể trở thành cấm kỵ, thiêng-liêng : một nhánh lá tươi cắm ở đầu buôn trong mùa gặt hái còn có giá-trị ngăn cản hơn ngàn lớp cửa gài bằng khóa sắt ; một cái xoa nhẹ thân yêu trên đầu đứa bé có thể coi như xúc-phạm danh-dự mẹ cha và làm bật lên bao nhiêu tia mắt hằn thù ; một thân cây *lụi* làm gậy chống trên đường, một chút quế thơm phòng-vệ những khi bệnh hoạn, lỡ mang vào tận trong nhà thì chẳng khác gì dã dẫn theo từng bầy ma quỷ khuấy lên bao nhiêu nét mặt căm hờn...

Tôi đã nghĩ về điều ấy qua bao nhiêu đêm thức ngủ chập chờn. Nhưng tấm lòng nhiệt nồng của tuổi trẻ khiến tôi hoài-nghi phong-tục có thể cưỡng lại ý-thức tò mò lồng trong sức mạnh dục-tình. Từ đấy tôi bắt đầu học tập tiếng nói của đường rừng. Không biết những người đeo đuổi một lý-tưởng cao-siêu khi học tiếng người thì chăm chỉ ra sao, chứ quả tình tôi vì mục-đích xin ngủ một đêm mà ra công đèn sách hết sức tích-cực. Bạn hữu không biết thâm-ý của tôi, đều khen rằng tôi là người « có ý-thức nghiên-cứu văn-hóa miền Thượng ». Còn tôi, tuy đã tự hiểu rõ-ràng, tôi vẫn cho rằng mình đang bắt đầu chuẩn-bị cho « sự tham-khảo về giá-trị nhân-bản của phong-tục các chủng-tộc đồng-bào... »

Nhiều lần, nhân dịp anh em lên tiếp-xúc trên buôn, tôi muốn lên theo để gặp lại cô gái hôm nào, nhưng vẫn không sao đi được, vì bận nhiều việc khác. Thế rồi, y như mọi lòng ham muốn và mọi sự đợi chờ trên cõi đời này đều cũng có dịp toại nguyện, một hôm, vào độ cuối năm, chúng tôi được lệnh lên buôn để tổ-chức đêm vui.

Buôn trông gần gũi nhưng khi đến nơi thì trời đã tối mịt, mặc dù tôi đã khuyến-khích mọi người lên sớm để cho « đồng bào » khỏi phải nhọc lòng chờ đợi.

Một số liên-lạc đã lên sẵn từ trưa để bố trí công việc. Toàn buôn đã nhóm họp

đông đủ chung quanh một đống lửa to lớn bốc cháy ngùn ngụt giữa vạt đất lễ, chiếu sáng một vùng rộng lớn, soi rõ khuôn mặt từng người. Trong khi anh em xếp đặt các màn ca kịch thì tôi lẻn lỏi đi tìm con người bên suối hôm nào. Khuôn mặt tròn trịa thơ ngây của nàng nổi bật giữa các cô gái nên tôi không phải mất công lùng kiếm. Tôi lại gần nàng, nhìn nàng một phút, cố tình cho nàng có đủ thì giờ để nhớ lại tôi. Nhưng thấy nàng cứ ngây nhìn, tôi lại phải nói :

— Em có nhớ tôi không ?

Nàng bỗng mỉm cười và gật đầu. Nhưng cặp mắt của nàng vẫn giương nhìn, tỏ vẻ không hiểu tôi nói nhớ gì. Tôi bèn hỏi tiếp :

— Tên là gì à ?

Nàng cười :

— Y Sao...

— Chà ! Y Sao ! Tên hay quá há !

Tôi đứng yên, loay hoay lục lọi trong óc tìm những chữ gì thích hợp để ghép lại thành câu mà nói chuyện cùng nàng. Nhưng một hồi chiêng vang lên. Đêm vui bắt đầu. Suốt mấy tiếng đồng-hồ tôi không quên thỉnh thoảng đưa mắt tìm nàng và thấy nàng vẫn ngồi y một chỗ, vẫn cười rất hồn-nhiên và long lanh cặp mắt ngời trong ánh lửa. Tôi cố gắng đóng trọn vai trò của mình, lòng không được vui vì nôn nao cứ sợ những gì toan tính từ lâu đêm nay không thực-hiện được. Đến khi mãn cuộc, ngọn lửa đã tàn chỉ còn trơ lại một đống than hồng to lớn. Thay vội quần áo, tôi chạy đi tìm Y Sao. Nàng cùng một số đông chị em đang xúm xít bên lửa, tíu ta tíu tít đun nước, nướng bắp. Ánh than hừng hực tỏa sáng lên người các cô gái Thượng mướt đẫm mồ hôi, trông có vẻ cổ quái khác thường. Y Sao nhanh nhẹn bỏ bắp trên lớp than hồng trải rộng và nàng cứ dùng tay thoăn thoắt lật trở nhịp nhàng từng trái một, gan lì và thành thạo một cách khác thường. Tôi lại gần nàng, kêu lên :

— Y - Sao ! Dùng cây mà gắp chứ. Nóng tay lắm kìa !

Nàng ngẩng lên cười rồi lại cúi xuống, rất nhanh, vừa tiếp tục công việc vừa đáp :

— Không có nóng đâu.

Muốn chứng tỏ thêm lời nói của mình, lần này nàng dừng tay rất lâu trên từng trái bắp, trước khi lật trở cho nó chín đều. Rồi nàng chồm người sang bên cạnh, đưa hai bàn tay nhỏ-nhắn của mình nhấc lấy cái nồi nước đang sôi sùng sục trên một bếp lửa ngùn-ngụt, đặt xuống một bên, rồi lại đặt lên như cũ, giữa những lưỡi lửa dữ-dằn như nuốt lấy tay nàng. Tôi kinh-ngạc đứng yên, tưởng mình đang chứng kiến những trò biến hóa của một bà phù-thủy. Cuối cùng tôi buồn rầu nghĩ rằng với lớp da chai lì như vậy, phỏng nàng còn biết xúc-cảm là gì !

Một lát sau tôi bắt đầu hối-hận là mình quá lo xa. Tôi lại vui vẻ ngồi xuống bên nàng :

— Y-Sao !

— Gì ạ ?

— Xem kịch thế nào ?

— Giỏi lắm, hay lắm.

— Thế ai giỏi hơn hết đấy ?

— Ai cũng giỏi cả.

— À !

Tôi lại ngồi im, không biết mình phải nhập đề thế nào. Sau cùng, tôi hỏi một cách lúng túng :

— Y-Sao này...

— Gì à ?

— Nương bắp làm gì thế ?

— Nướng để ăn..

— Cho tôi ăn nhé ?

— Ừ, cho các anh ăn.

— Nhưng cho tôi thật nhiều, đấy nhé.

— Ừ, ai đói thì ăn nhiều. Có đói không ?

— Đói lắm. Nhưng này...

— Gì à ?

— Tôi mến Y-Sao lắm.

Nàng cười rất vui vẻ :

— Y-Sao mến các anh lắm.

Nhiều khi con đàng gần đến mà nếu ta dừng lại thì hóa nên xa xôi. Tôi bèn đánh bạo nói tiếp :

— Đêm nay tôi ngủ lại nhà Y-Sao nhé ?

Y-Sao gật đầu.

— Cuôi ba-dùm với tôi nhé ?

Y-Sao lại gật đầu, mỉm cười rất tự nhiên rồi cúi xuống nướng bắp.

Thế là nàng đã chịu *cuôi ba-dùm moi măn* (1) với tôi rồi ! Tôi không ngờ câu chuyện lại dễ-dàng như vậy. Ở đời, lắm khi ta chạy hàng chục vòng tròn vô ích chung quanh một chỗ ngồi đã dọn sẵn từ lâu.

Suốt buổi tiệc bắp khá vui-vẻ thân mật, tôi làm bộ điệu rất uể-oải, và khi giải tán ra về tôi báo cáo trong người khó ở, xin được ngủ lại trên buôn. Anh em ai cũng ân cần khuyên tôi ngủ lại để mà giữ gìn sức khỏe. Có người cho rằng tôi vốn nhiệt-tâm với văn-hóa miền Thượng, ngủ lại một đêm chắc cũng có dịp để nâng cao trình-độ ít nhiều !

*

Khi nằm bên bếp lửa chờ đợi Y-Sao, tôi đã cẩn-thận bôi vào trên mũi rất nhiều dầu cù là. Thực tình tôi không cho rằng Y-Sao dơ bẩn hơn tôi, nhưng tôi nghĩ rằng mỗi dân-tộc đều có một mùi riêng biệt mà chỉ sự tiếp xúc về vật-chất không đủ để tạo nên hòa hợp dễ-dàng. Một lát, Y-Sao từ một gian nhà bên cạnh bước ra, miệng nở một nụ cười tươi vui khác thường. Nàng đã thay một chiếc *cà-liu* mới tinh còn hôi nồng mùi lá nhuộm và mặc một tấm áo chến may rất đơn giản bằng thứ vải thô mà những sọc chỉ xanh đỏ còn tươi nguyên màu, chừng đó là chiếc áo để dùng trong những dịp lễ. Nàng trải xuống sàn nhà làm bằng ống tre lồ-ô đập dẹp một tấm chiếu dày cộm dệt bằng các thứ dây sợi lấy trong các vỏ cây rừng và bảo tôi nằm. Xong, nàng nhẹ nhàng nhấc đầu tôi lên, kê vào một chiếc gối mây thật rất công phu. Tôi vẫn nằm yên, ngoan ngoãn, để mặc nàng sắp xếp y như một đứa bé nghe theo lời chị, nhưng khi nàng lấy một tấm *đồ* rộng còn mới phủ lên mình tôi, thì tôi kêu lên :

— Y-Sao ngủ với tôi chứ ?

Nàng cười, gật đầu :

— Ngủ thân-ái với anh mà.

— Thế tôi không thích đắp đàu.

— Khuya lạnh mà. Đắp đi. Đắp đi.

Nàng nói dịu dàng, có vẻ như lời nài nỉ. Tôi đáp :

(1) *Cuôi ba - dùm moi măn* : ngủ thân - ái một đêm.

— Ngủ với Y-Sao tôi không thấy lạnh.

Rồi tôi hé gỡ tấm đồ ra:

— Tôi không đắp nhé ?

Nàng lại ôn-tồn :

— Đắp đi mà

Rồi nàng kéo đắp cho tôi.

— Nhưng Y-Sao chưa ngủ à ?

— Ngủ chứ, ngủ chứ. Có đói cái bụng không ?

— Không đói. No lắm. Chỉ ưng ngủ với Y-Sao thôi.

— Thế có khát nước không ?

— Không khát. Không khát. Chỉ ưng ngủ với Y-Sao thôi.

— Hút thuốc lá chứ ?

— Hút thuốc không thích bằng ngủ với Y-Sao đâu.

Những ngày sống giữa núi rừng tôi đã tìm thấy trong cái thú *túi xà-reo* (1) một nguồn an-ủi lớn lao. Đó vừa là lãng quên, vừa là tưởng nhớ, vừa là ít nhiều hơi ấm trong cái lạnh lùng, ít nhiều khuấy động trong cảnh vắng vẻ nhưng bây giờ làm sao mà khói thuốc quyến rũ được tôi ?

Y-Sao làm thinh, loay-hoay sửa soạn bếp lửa. Nàng tém gọn lại rồi rút trong đống củi dự trữ gần đấy một mớ củi khô để thêm vào cho ngọn lửa sáng hồng rực-rỡ thêm lên. Tôi nghĩ rằng giờ đây hình ảnh của bếp lửa là hình ảnh của mối nhiệt tình đang nung nấu trong tôi.

Bấy giờ, có lẽ đêm đã về khuya. Đồng hồ của tôi vẫn chỉ sáu giờ, Đã ba tháng rồi, kể từ khi tôi bị tế nhào xuống một dốc núi, lúc mờ mờ tối, thì chiếc đồng hồ nhất-định không chịu chạy nữa, hình như nó đã liệt mất một chân sau khi đã theo tôi nhào lăn hỗn-độn trên mấy mươi vòng. Ở núi rừng không có thợ sửa, tôi vẫn đeo mãi như thế, cho đấy là cách giữ đồng hồ tốt nhất.

Qua khung cửa, tôi thấy bên ngoài tối đen dày đặc mênh-mông, thỉnh-thoảng lập lòe điểm sáng của bầy đom-đóm. Tôi tưởng nghe trong sự yên lặng âm thầm cả cái xao-xuyến của núi rừng đang chồi dậy trong đêm gom góp muôn ngàn sinh lực để biến đổi sự sống cho ngày mai dưới ánh mặt trời muôn cành thêm lá tươi non, muôn vật thêm màu lông mới.

Gia-đình của Y-Sao có lẽ đã ngủ yên giấc từ lâu. Ban nãy, khi Y-Sao chưa đến, tôi thấy bóng hai người hiện ra ở phía gian cuối nhà, một bà già và một chàng trai trẻ, có lẽ là mẹ và anh của Y-Sao, cả hai ngẩng nhìn tôi gật chào, cười một cách thân mật rồi biến mất sau tấm liếp tre.

Tôi muốn bảo Y-Sao hát cho tôi nghe, như tôi đã từng nghe nàng hát hôm nào, để cho cái đêm vui hôm nay thực là hoàn-toàn. Nhưng biết mình không còn đủ bình tĩnh để chờ đợi bất cứ một sự kéo dài nào nữa, tôi lại cho qua, và hối thúc Y-Sao :

— Khuya rồi Y-Sao à !

Y-Sao gật đầu :

— Ừ, khuya rồi. Anh ngủ đi.

Và nàng nhanh nhẹn nằm xuống bên tôi.

Bây giờ tôi chỉ còn nghe tiếng trống ngực của tôi đập liên hồi ở trong lồng ngực và hơi thở của tôi gấp rút, nặng nề. Đầu óc vẩn vũ những mớ cảm giác rối loạn, tôi không biết rõ là mình đang có những ý-nghĩ gì. Tôi thoáng nhớ lại

(1) Hút thuốc.

những quyển tiểu-thuyết mô tả tâm-trạng người đàn ông khi nằm cạnh một người đàn bà và tôi thấy rằng các tác-giả ấy đều không nói gì đúng với tâm-trạng của tôi lúc này.

Từ khi Y-Sao nằm xuống bên mình thì tôi bỗng bàng-hoàng và nằm yên giây lâu, không chút cử-động. Sau cùng, định thần trở lại, tôi mới thấy rõ cái vẻ kỳ-dị của việc tôi làm. Nhưng tôi bỗng nhớ rằng tất cả cái công-trình nghiên-cứu, tổ-chức, vận-động của tôi lâu nay không phải là để được nằm yên bên cạnh một cô gái Thượng. Nếu chỉ có thế thì tôi có thể tìm lựa bất cứ một khúc gỗ nào tốt ngoài rừng đem về ôm ngủ có lẽ tiện-lợi hơn nhiều !

Tôi bèn bỏ một tay qua người Y-Sao, kéo nhẹ nhàng cho nàng xích thêm lại gần :

— Y-Sao...

— Gì à ?

— Tôi thương Y-Sao lắm.

— Y-Sao cũng thương các anh lắm.

— Sao lại các anh ? Sao lại nhiều thế ?

Y-Sao vẫn nhẹ nhàng :

— Ừ, nhiều lắm.

— Không, Y-Sao chẳng hiểu gì cả ! Tôi bảo Y-Sao... đừng có thương nhiều. Chỉ thương một mình tôi thôi.

Y-Sao giương cặp mắt ngạc nhiên.

— Sao thế ?

Tôi làm thinh, không biết trả lời cách nào cho Y-Sao hiểu rằng tình-yêu phải là một sự ích-kỷ của hai người. Nhưng tôi chợt nghĩ giữa tôi và Y-Sao chưa hề có gì để chứng tỏ là tình-yêu thì làm sao có thể giảng giải cho nàng hiểu được những điều tuy đơn giản mà phức tạp đến thế ? Và lại tôi không thông thạo tiếng nói của Y-Sao thì trình bày những điều khuất khúc của tâm-tình là một việc hết sức khó khăn. Thế mới biết học nhiều môn ở trường mà thiếu môn tiếng Thượng cũng có hại thực. Sau cùng, tôi bắt chước ông bà từ đời thái-cổ, là dùng bàn tay để thông-ngôn cho tình ý của mình.

Tôi bắt đầu vuốt ve đôi má Y-Sao. Y-Sao mỉm cười hết sức dịu dàng. Tôi hạ lần tay xuống và đặt trên ngực nàng. Tôi nghe tim nàng đập mạnh và người nàng tỏa ra hơi nóng khác thường. Khi bàn tay của tôi không còn giữ đúng lễ độ của con người bình tĩnh thì Y Sao nắm chặt lấy và nàng kêu trong hơi thở :

— Đừng thế !

Rồi nàng kéo tay tôi xuống, đặt nó nằm cần-thận ở trên mình tôi và còn giữ chặt rất lâu như muốn tập luyện cho nó

Các bạn đón coi :

BÁCH KHOA TÂN NIÊN CANH-TÝ (số 74 Ngày 1-2-60)
Một số đặc biệt đầu xuân chứng tỏ sự cố gắng liên tục của tạp chí BÁCH KHOA.

chịu quen tinh-thần kỷ-luật. Sau cùng nàng bảo :

— Ngủ đi.

Tôi thở dài, đáp :

— Không ngủ được.

— Sao thế ?

— Nằm bên Y-Sao, tôi không ngủ được.

Nàng nhìn vào tôi, sửng sốt :

— Thế à ?

— Thực đấy.

Nàng chối dậy, có vẻ hơi buồn :

— Y-Sao đi ngủ chỗ khác.

Tôi kéo nàng lại :

— Y-Sao ngủ chỗ khác thì tôi càng không ngủ được.

— Chẳng hiểu.

— Có gì mà chẳng hiểu ? Y-Sao nằm xuống đi !

Y-Sao lại ngoan ngoãn nằm xuống. Tôi vuốt má nàng :

— Thương Y Sao lắm mà.

— Y-Sao thương các anh lắm đấy.

— Cứ thế ! Em không thương tôi à ?

— Thương chứ. Thương nhiều lắm đấy

— Y-Sao làm vợ tôi đêm nay nhé ?

— Chẳng hiểu.

Tôi nghĩ thầm : « Trời ơi ! Có gì mà chẳng hiểu mãi. Ngốc đến thế này thì thôi ! » Tôi bèn đổi giọng nài-nỉ :

— Tôi mở cái cà-tiu nhé.

— Đừng.

— Không thì tôi chết đấy.

— Chẳng chết đâu.

— Tôi ghét Y-Sao lắm.

Y-Sao không trả lời. Mặt nàng như đọng lại trong một dáng trầm ngâm khó hiểu. Thấy mình dùng văn-hóa mãi chẳng ăn thua gì, tôi quyết-định dùng quân-sự vậy. Sau khi vỗ về nàng, tôi thừa dịp nắm chiếc cà-tiu của nàng và giằng mạnh xuống. Lập tức, người đàn bà co rúm người lại như bị một sức điện truyền và nàng xô mạnh người tôi, kêu lên hốt hoảng :

— Không được !

Tôi chồm người tới, cố gắng kéo nàng lại gần nhưng nàng đã ngồi ngay dậy, xếp lấy hai chiếc đùi và co hai tay trong một tư thế phòng vệ. Trong ánh lửa đêm, tôi thấy mắt nàng long lên sòng-sọc và mặt nàng mím chặt, cương quyết lạ lùng. Bây giờ không phải là Y-Sao dịu dàng bên suối hôm nào, cũng không phải là Y-Sao hiền lành ban tối vừa qua. Đây là Y-Sao uy nghi của núi rừng hùng vĩ. Y-Sao dõng dạc của phong-tục ngàn đời giữ vững lấy sự tồn-tại cho con người giữa lòng một thiên-nhiên hiểm độc. Sự chống đối của nàng ở đây không phải là sự phản ứng của một người đối với một người, mà quả thực là sự bênh vực của nhiều con người tập trung trong cá-nhân nàng. Thấp thoáng sau Y-Sao yên lặng và hung dữ như một vị thần Bảo-Vệ có cả một cuộc sống âm thầm dai-dẳng của bao nhiêu bộ-lạc, bao nhiêu dân buôn, và cả cái màu xanh tươi thắm của rừng núi bao la.

Nàng cứ ngồi yên như thế hồi lâu rồi sắc diện dần dần dịu lại. Tôi ngồi dậy, cố nói rất bình tĩnh với nàng :

— Y-Sao có giận tôi không ?

— Không giận đâu.

— Y-Sao có giận đấy.

— Không giận mà.

— Tôi không phá Y-Sao nữa đâu. Ngủ với tôi, nhé ?

Rồi muốn cho nàng yên tâm, tôi quờ tay lấy một que củi, bẻ đôi đưa lại cho nàng :

— Tôi đã thề rồi.

Miệng Y-Sao lại nở nụ cười hiền dịu. Rồi nàng lại ngoan ngoãn nằm xuống bên tôi, kéo tấm dồ phủ lên mình tôi. Một lát, tôi ngủ thiếp đi.

Không biết ngủ được bao lâu thì tôi nghe lạnh và giật mình tỉnh giấc. Tôi thoáng thấy Y-Sao đang cúi lom khom thổi lên trên đống lửa tàn. Ngọn lửa từ từ sáng lại, gieo tỏa hơi ấm khắp nhà. Nàng thêm củi vào rồi nhẹ nhàng, rón rén như sợ làm kinh động giấc ngủ của tôi, đi lấy tấm liếp che cửa cho hơi lạnh của rừng khuya khỏi ồ-ạt xông vào. Xong, nàng lại rón rén, nhẹ nhàng đi lại bên tôi. Tôi vờ ngủ yên. Y-Sao sửa tấm dồ đắp lại cho tôi, vuốt trên tóc tôi và vỗ nhẹ trên lưng tôi y như người mẹ, người chị săn sóc giấc ngủ cho con em mình. Những cử chỉ âu yếm của nàng thực là vụng về nhưng hết sức tự nhiên làm cho lòng tôi rưng rưng cảm động. Rồi nàng kéo trải một mí của tấm dồ ra trên sàn, nằm đè lên trên và vòng tay qua ôm lấy tôi. Như thế tôi nằm trong một lớp vải bọc kín, một đầu có thân người chèn giữ, một đầu có bàn tay bó lấy. Thì ra, tin ở lời thề, Y-Sao vẫn phải luôn luôn phòng vệ cho danh dự của nàng !

Tôi vẫn nằm yên, nhưng không sao ngủ được. Bây giờ tâm hồn trở lại bình tĩnh, nhìn cô gái miền Thượng xinh xắn như con quỉ của núi rừng đang nằm bên tôi, nhỏ bé hơn tôi rất nhiều nhưng cố gắng ấp-ủ lấy tôi bằng một tấm lòng bộ lạc rộng lớn, tự nhiên tôi thấy xấu hổ. Tôi vẫn biết rằng sự hối hận của tôi chẳng tốt đẹp gì, đấy chỉ là một sự phản ứng của cái con người bên trong để vớt vát thể-giá sau khi thất bại, một cách che đậy cái tầm thường trơ trẽn của mình. Nhưng tôi thấy mình vẫn còn cảm hiểu được phần nào những cái lớn lao ở trong tình cảm con người và được chứng kiến Y-Sao trong giây phút này đối với tôi là cả một sự an-ủi. Bây giờ Y-Sao là hiện thân sự chiến thắng của phong tục với với bản năng, của cái sức mạnh giáo hóa tập thể đối với cái hoành hành của con người ích kỷ. Trong khi tôi muốn ép Y-Sao phải chiều theo sự thỏa mãn nhất thời của tôi và cố tự vẽ-vời cho đấy là tình yêu thì Y-Sao vẫn chân thành tha thiết, vẫn mãnh liệt hiên ngang để bảo vệ lấy danh dự nàng. Và nàng «chẳng hiểu» không phải là nàng ngu ngốc ! Bởi vì bấy nhiêu đó tôi xem chẳng có nghĩa gì, chỉ là sự tò mò khoác ở trên mình bộ lông da thú, — nhưng đối với nàng là tất cả, là danh dự, là cuộc đời, là nếp sống tinh thần, là tập quán cổ truyền.

Bây giờ Y Sao chừng đã ngủ say, nhưng tay nàng vẫn còn ôm lấy mình tôi, cánh tay vừa nói lên lòng thương yêu che chở, vừa nói lên ý ngăn cản đề phòng. Đợi cho hơi thở của nàng trở lại điều hòa, tôi nhẹ nhàng trở mình để gỡ nhẹ tay nàng, rồi se sẽ lật ngược mảnh dồ mà tôi đang đắp phủ lên mình nàng, Y Sao đã nằm gọn ở trong tấm vải. Tôi bỏ tay qua, ôm trở lại nàng, như ôm cả núi rừng bao la cô đọng lại trong một thân xác nhỏ bé, và bây giờ tôi thấy rõ rệt từ trong đáy lòng nỗi niềm vui sướng của con người được yêu mến núi rừng, được yêu vì có niềm tin.

Khi tôi thức giấc thì trên người tôi lại phủ tấm dồ và bên mình không thấy Y Sao. Bên ngoài trời đã sáng rõ. Có lẽ nàng đi xuống suối lấy nước. Tôi ngồi dậy, gỡ

tấm liếp che cửa. Ánh sáng ùa vào tưng bừng. Núi rừng ngồn-ngộn như khoe khoang sắc lá tươi non, chim chóc như phô màu lông mới. Đồng hồ của tôi vẫn chỉ sáu giờ. Nhưng không phải là 6 giờ của một hoàng hôn mờ mịt mà tôi lăn nhào ở trên dốc núi đêm nào. Đây là 6 giờ sáng, 6 giờ sáng vĩnh viễn của một buổi bình minh đang dậy trong sức sống dạt dào của cả một khung cảnh thiên nhiên vĩ đại bày ra trước mắt và nơi lòng tôi.

Một thời gian sau, chúng tôi được lệnh lên đường. Anh em rủ nhau lên buôn để từ giã đồng bào. Chúng tôi tìm đến Y Sao thì gặp nàng đang giã gạo ở cuối nhà. Thấy chúng tôi, nàng buông chày, chạy ra mừng rỡ kêu lên :

— Đến rồi !

Tôi nói :

— Y Sao ơi !

— Gì à ?

— Tối nay tôi ngủ lại buôn nhé.

— Ừ, ngủ lại buôn đi.

— Y Sao cuôi ba-dùm với tôi một đêm nữa nhé.

— Ừ, một đêm nữa đấy.

— Cuôi ba-dùm ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa nhé.

— Ừ, ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa đấy.

Nàng vừa trả lời vừa gật đầu lia lịa vừa nhoẻn miệng cười rất vui.

— Y-Sao ơi !

— Gì à...?

— Cám ơn Y-Sao, nhưng chúng tôi nói đùa đấy mà. Hôm nay chúng tôi lên chào đồng bào, lên chào Y-Sao. Sắp đi rồi...

Nàng như kêu lên :

— Đi à ?

Rồi nàng đứng yên như thế rất lâu.

— Y-Sao ở lại mạnh giỏi nhé.

Y-Sao ngập ngừng :

— Bao giờ các anh về lại cái buôn ?

— Không biết bao giờ, không biết bao giờ, Y-Sao à.. Nhưng chúng tôi không quên đồng bào, không quên Y Sao, không quên cái rừng cái núi của chúng ta đâu.

— Y-Sao cũng nhớ hết các anh, nhớ lắm lắm mà.

Khi chúng tôi rời buôn thì gặp Y Sao đứng đợi ở lưng chừng dốc. Tôi nắm tay nàng :

— Đi nhé, Y-Sao !

Nàng gật đầu, nhoẻn cười, nhưng trên đôi mi long lanh những giọt nước mắt. Nụ cười và giọt lệ, đó là tấm lòng đưa tiễn của Y-Sao.

Bây giờ Y-Sao chắc đã lấy chồng và đã có con. Nàng không còn cuôi ba dùm người khách lạ nhưng bao nhiêu Y-Sao khác ở mạn Đông-Dương vẫn còn sẵn sàng đem tình bộ-lạc che chở giấc ngủ cho kẻ tha phương. Nhiều khi đi giữa đô-thành đông đảo, tôi muốn nhướn người lên để hướng về núi rừng, nhưng núi rừng mờ mịt đã khuất phương nào. Tuy vậy, mỗi đêm bóng tối đen dày như đêm cuối năm ngày ấy, tôi lại thấy hiện lên trong lòng tôi hình ảnh của nàng Y-Sao đang cúi lom khom trên đống củi tàn để thổi bùng lên ngọn lửa cho ánh sáng chiếu tỏa lòng nàng và chiếu tỏa lòng người.

VŨ-HẠNH

Cáo lỗi cùng độc giả

Vì tranh vẽ của họa-sĩ Phạm-Tăng gởi từ Ý về bị chậm trễ nên đoạn cuối kịch-truyện « **Người Nữ Tỳ** » của Vũ-Hạnh sẽ đăng vào số Tân niên.

B. K.

NHỮNG MÙA XUÂN



Mùa xuân
Có ai sống những mùa xuân ?
Đời trong xanh như nắng lọc cây rừng
Tuổi xuân gài hoa trên mái tóc
Đôi mắt chân vạn tấm tình
Thương nhớ rưng rưng...
Ôi những mùa xuân... !

Xuân mười bốn
Em có biết gì đâu...
Tà áo phất phơ gió lộng qua cầu.
Trên trang giấy trắng tinh,
Những nét chữ đều tay nắn nót.
Số điểm thấp cao trên đường vẽ theo gót

Xuân mười sáu,
Em có tròn như mặt trăng không...?
Đôi má tròn như quả lựu chín hồng.
Ra đường tay nghiêng nghiêng vành nón
Để che nắng hè...,
Hay sợ người trông.. ?
Em hay buồn vơ-vẩn,
Sách bài là những sa-mạc mênh mông..
Đêm xuân về dìu dịu...
Mộng mơ thường theo đuổi giấc nồng.
Qua cầu tay em ghì vạt áo,
Làm bận trí ngày thơ
Chân non dại nhanh nhanh,
Về kịp những bữa cơm cha mẹ đợi chờ...

Thẹn thùng nhớ năm xưa, để mãi gió lồng
Em nghiêng mình soi bóng nước
Và mỉm cười đôi má ửng hồng...
Sông hững-hờ xuôi chảy
Người qua cầu có trẻ mãi,
Như nước xanh không... ?
Năm mười tám
Núi đồi đẹp như bức tranh xuân
Đời trải qua, chân em bước ngập ngừng
Môi hồng cười e ấp..
Ai về không man mác bâng khuâng....
Đôi mắt em,
Chôn vạn tâm tình muôn thuở...,
Phương trời nào xa vắng rưng rưng...
Trang vô tâm tình,
Em gài đôi bướm đẹp,
Chết cho kỷ-niệm mùa xuân
Cho tình em nhảy múa tưng-bừng
Cho em nằm trểu mộng điệp
Ấp duyên lành trong giấc ngủ lâng lâng...
Qua cầu em sững sờ tự hỏi :
— Có phải mình đi giữa sông Ngân ?
Nước vẫn xanh,
Đời trẻ mãi trong ngần....
Mười tám mùa xuân
Lê-thê mái tóc
Chuyện trầu cau, em nguầy nguậy bao lần....

Xuân hai mươi,
Môi em trọn vẹn nụ cười...
Mắt ngời tia lửa ngọc
Rạo rực xuân tình
Đốt cháy tâm tư...
Hoa bên đường tàn đa
Sao lòng em bời bời.. ?
Tuổi hai mươi hoa đời khai mẫn
Đến lượt mình xuân sắc pha phôi... ?
Đêm hai mươi trăng vàng lên muộn,
Em nhớ mình chiếc bóng đơn côi.. ?
Sao ngang trời rơi rụng,
Sao về đâu sao ơi... ?
Chuyện nghìn năm e thẹ nhỉ !
Biết đâu vật đổi sao dời...

Qua cầu em đếm nhịp
Một... hai... ba... bốn... người.
Bao giờ thuyền định hướng
Để em nhìn lên thẳng thắn nụ cười.....
Đời chạy đua rộn rã,
Xáo trộn tâm tình thầm kín tuổi đôi mươi...
Và những mùa xuân,
Bài thơ viết giữa mùa xuân....
Trong gió reo nắng múa tưng-bừng...
Mười bốn — Hai mươi,
Khoảng đời xuân sắc
Em đã qua không vương vấn ngập-ngừng... ?
Giữa cuộc đời,
Sao em bàng-hoàng khi nghe hát :
— « Ả ơi... Có những mùa xuân..... »

HUY-LỰC

(Trong « Thuở ban đầu »)



Bài thơ hai ngả

Đường sáng từ đây đành để mất,
Tình sâu, nghĩa nặng : cũng vô duyên,
Người cũ không dung người mới được,
Thì... cho nước chảy trôi về... triền miên...

Vĩnh biệt giờ đây, ta chẳng rượu,
(rượu Hoàng-hoa ấy ở đâu đâu...)
Thơ thường, tình tạ, một vài câu,
« Muôn năm ! » *thôi nó đành dang dở,*
Để lại này đây kỉ niệm đầu :

Một bó hoa riêng ta mới kết :
Lá sâu ; hoa héo ; trái thừa xanh.
Lá hoa trái góp, dường chưa đủ,
Ta tặng ai thêm, gẩy một cành...

☆

Một cành Dâu gẩy, thiên thu Hận.
Ai tiếc Tình ta, Thức một mình.

Trà-Khúc : 1947 — Đồng-Nai : 1957
Ngu-Í NGUIỄN-HỮU-NGƯ
(Có những bài thơ...)



LÃO QUÁN Ở CHÂN DỐC TỪ-BI

★ —— PHAN-DU

KHI đã xuống đến chân dốc Từ-Bi—một cái dốc đá cao nhất trên đường về — tôi mới nhận thấy sự nôn nóng, vội-vã của tôi từ lúc ra đi đến bây giờ thật là vô-ích. Tôi không thể nào tranh-thủ thời-gian để về nhà kịp vào buổi tối, nghĩa là cho đúng vào đêm ba mươi Tết như tôi mong muốn.

Gia-đình tôi ở tận dưới miền duyên-hải. Đường còn xa những hai-mươi cây số. Vừa đến chân dốc, tuy mới xế chiều, những đám mây đen vần-vũ đã lan rộng mãi ra khắp cả vòm trời, che khuất hẳn vầng dương. Núi rừng chìm đắm vào một thứ ánh-sáng úa nhạt, âm-u, ma quái, càng trở nên hùng tráng, dữ-dằn, bí-hiểm, với cái chuyển mình răng-rắc của vạn lớp thảo-mộc trong sức gió cuốn mát lạnh.

Đã lâu lắm không đi con đàng nầy, tôi đâm ra bỡ-ngỡ và lo-lắng vì cơn mưa sắp sửa tấn-công. Nhớn-nhác trông quanh khắp nơi, vừa thấy bóng một cái quán tranh ẩn mình bên gốc một cây đa cao lớn, sum-sê ở cuối dốc, tôi chạy vội tới không cần suy tính, dẫn-đo gì nữa.

Quán vắng teo. Vừa đến nơi, cơn mưa đã ào-ào trút xuống. Trời đất tối sầm hẳn lại. Tôi bước vào, đặt ba-lô trên cái sập tre dưới mái nhà vỏ-cua lụp-sụp. Một con chó đen chồm ra sủa. Cùng với tiếng chó, có tiếng một người đàn ông với giọng khàn-khàn nhưng dông-dạc, từ nhà trong vọng ra :

— Mực ! Vô ngay ! Tao đánh chết. Ai đó ?

— Tôi ! Tôi đi lỡ đàng muốn trọ lại.

Từ trong gian nhà hơi tối lại vọng ra một tiếng cười khẩy :

— Hừ ! không trọ lại đây thì đi đâu nữa. Ngồi đỡ trên sập, chờ tôi một chút.

Tiếng cười khẩy, giọng nói thản-nhiên, lạnh-lùng của người đàn ông khiến tôi đã bực mình, càng thấy bực mình thêm vì cái nạn phải nằm đường vào đêm ba-mươi Tết.

Tôi ngồi trên sập, ngắm cảnh núi rừng đang vật-vã, quằn-quại và như sắp tan ra hơi trong cái mịt-mù của mưa gió mà lòng thêm lo ngại. Cảnh binh-hỏa vừa mới chấm dứt. Vùng này cũng như các vùng lân-cận, vì chưa được «tiếp-thu», đang ở vào cái tình-trạng hầu như vô chính-phủ, thiếu-hẳn trật-tự, an-ninh. Đã hơn nửa tháng nay, những vụ đốt phá, giết chóc, ám-sát và mất-tích xảy ra thường ngày. Tiếng bom, tiếng đạn tuy đã vắng bặt, nhưng nhân-dân trong vùng vẫn còn phải sống thấp-thỏm với cái tâm-trạng hoang-mang, giao-động trước những hiểm-họa khôn lường đang bao vây lấy họ. Giữa cái hoàn-cảnh nầy, phải trọ đêm lại một cái quán vắng, tại một vùng núi non, hiểm-hóc, thật là cả một chuyện liều-lĩnh. Tôi đâm ra hối-hận vì nôn nóng về nhà, đã chọn một con đàng tắt cho gần hơn, nhưng rồi sở nguyện đã không đạt được lại phải lâm vào một tình thế rất nguy-hiểm.

Giữa lúc tôi đang băn-khoăn nghĩ-ngợi thì lão quán — người đàn ông lúc nầy chính là lão quán — từ nhà trong bước ra hỏi :

— Ông ở đâu, đồi trên xuống hay ở miền dưới lên ?

— Ở trên xuống.

— Về ăn Tết chứ gì ? Cũng thiệt dạn đó. Hà. . hà... Có hơn nửa tháng nay, khách bộ-hành vắng lên xuống. Ai mà còn dám lên xuống con đàng này.

Tôi nhìn lão quán. Thú thực là tôi không có cảm-tình chút nào khi ngắm cái đầu trọc-lóc và bộ mặt có vẻ dữ tợn của lão. Thân hình lão lại cao lớn, vạm-vỡ. Ở trần trùi-trụi, lão để lộ cả ngực nở-nang và hai cánh tay nổi đầy bắp thịt, rắn chắc như hai thỏi sắt với cái màu da ngăm đen, bóng nhoáng. Tôi đoán chừng tuổi lão cũng trên năm-mươi là ít. Tuy cái quán tranh không đến nỗi nhỏ hẹp và thấp lắm, nhưng tôi thấy nó chẳng cân xứng với tầm vóc của lão chút nào.

Lão quán nói xong, nhìn vào chiếc ba-

lô trên sập. Lão xách nó, bặm miệng lại nhấc lên, nhấc xuống mấy cái, rồi cười lớn:

— Những gì trong này mà nghe nặng lắm. Về ăn Tết, lạ chi. Nhưng bây giờ có muốn đi cũng không được nữa. Đừng nóng ruột vô ích. Ở lại thôi. Vào trong này... Cũng hay đó.

Lão mang cả ba-lô theo. Tôi đưa tay muốn đỡ lấy thì lão quán đã tắc lưỡi cau mày, rồi mỉm cười :

— Không được. Cứ để yên, mặc tôi mà.

Nhà trong lúc này đã tối. Tôi nghe có mùi hương thơm và chú ý đến những chấm lửa đỏ tụ thành chòm của một nén hương đang ngún ở phía trong cùng.

Lão quán thắp đĩa đèn lên, đặt trên chiếc quả-đàn. (1) Rồi tiến lại phía rương xe kê sát vách, ngay cửa ăn thông xuống nhà bếp, lão nạy nắp ra, bỏ ba-lô vào, đậy lại cẩn-thận, bảo tôi :

— Thế là tiện nhất. Hà... hà...

Nói xong lão chỉ bộ phản ngựa phía bên kia chiếc quả-đàn :

— Bây giờ thì nằm đó đã. Rồi sẽ hay. Không vội chi.

Lão lại lẩm bẩm :

— Vội chi. Còn sớm.... Mà cũng hay đó. Hà. . hà ..

Rồi lão xuống thẳng nhà bếp, lâu lắm không thấy lên. Nhận xét qua gương mặt, thái-độ của lão và nghe những câu nói khó hiểu vừa rồi tôi đâm nghi. Không khí nặng nề, rùng-rợn ở các vùng quê dạo ấy và cái nhân-tâm bị lung-lạc quá nhiều vì cảnh nhiễu-loạn làm cho con người phải nghi ngại đủ bề.

Tôi ngồi mãi có đến nửa tiếng đồng hồ mới thấy lão quán trở lên, hất hàm hỏi tôi :

— Đã *mỏi bụng* chưa hử ?

Rồi lão lấy khăn lau nước trên tấm mình trần trụi-trụi :

— Tắm một cái khoái quá. Bây giờ mới.... vào việc chứ... hà... hà....

Lão lau xong mình mẩy, bước thẳng vào phía bàn thờ có che sáo. Một lát sau, tôi thấy lão khệ-nệ bưng từ trong bàn thờ ra một cái mâm gỗ chất đầy nào là thịt heo luộc, gà luộc, nem, ram, xôi, chè, bánh ú, bánh tét. Đặt mâm trên quả-đàn, lão bước ra phía nhà vỏ-cua sập cửa xuống rồi trở vào so đũa :

— Tức cười quá. Tôi rước ông bà từ lúc chiều kia. Nhưng có một mình nên cũng chả thiết gì ăn uống. Tôi đã định đi ngủ quách. Tối ba mươi tôi thấy ngủ còn vui hơn là phải ăn Tết một mình, May đâu lại có ông đến.... Cũng hay đó...

Lão quay nhìn tôi, soạc mồm ra cười một cách khoái trá :

— Bây giờ thì... mời ông ngồi *cầm bát nước* cho vui. Về kịp nhà thì ăn Tết ở nhà. Không kịp, ăn Tết ở đây vậy. Mà cũng hay đó. Ở đâu cũng là Tết. Ông bà là Ông bà chung cả. Tứ-hải giai huynh-đệ mà, hà... hà... Thôi mời ông, chúng ta cứ thiệt việc với nhau mới vui. Chắc là ông đi đàng xa, bây giờ ông cũng đã *mỏi bụng* rồi chứ gì. Mời ăn ta, hà... hà...

Tôi nhận lời ngay, tuy cái vui tính cùng về ân-cần niềm-nở của lão chưa đủ làm cho tôi hết nghi ngại. Nhưng khi đã ngồi vào

(1) Thứ bàn dài đóng bằng gỗ tạp. Mặt bàn nằm trên một cái giá có hai chân, thường dùng trong các quán ở thôn quê.

ăn, sau mấy câu chuyện, tự nhiên tôi thấy cái cảm-giác khó chịu đầu tiên và những ý-nghĩ không hay của tôi về lão tan biến đi đâu mất cả. Lần lần lão quán lại chiếm được cảm-tình của tôi với cặp mắt vui vui và cái miệng hay cười. Lão có một cặp mắt tương-phản hẳn với bộ mặt chữ điền lầm-lì, hung-hãn. Cặt mắt lão thật là hiền-dịu. Với cái vẻ riu-riu, mơ-màng rất quyến-rũ, nhất là «những lúc lão cười, cặp mắt ấy xóa sạch những nét dữ-dằn trên gương mặt và làm cho người đối-thoại lần lần nhận thấy dễ chịu trong niềm giao-cảm với một tâm-hồn chơn-chất, trung-hậu. Đến cái lối cười của lão cũng thật là thẳng-thắn, khoái-hoạt. Những tiếng cười sang-sảng, khoái-trá, lắm lúc như muốn rung chuyển cả mái tranh và những cử-chỉ có vẻ ngang-tàng của lão làm cho tôi có cảm-tưởng là đang chạm trán một tay hảo-hớn giữa chốn rừng xanh, trong các truyện kiếm-hiệp thời xưa.

Tôi đâm ra vui chuyện và không còn quan-tâm đến cái số phận đáng lo ngại của chiếc ba-lô đang nằm gọn trong rương xe khóa kỹ của lão. Tôi cũng bớt lo ngại cho tôi và tôi hỏi :

— Bác ở một mình thế này à ?

Lão cười :

— Không một mình thì mấy mình. Tôi ở một mình tại đây đã lâu rồi. Tôi lên đây đã sáu năm.

— Thế tôi cứ tưởng bác là người địa-phương.

Lão quán lắc đầu :

— Tản cư. Ừ, mà tôi cũng bị địa-phương hóa mất rồi. Ông trông giống người địa-phương lắm phải không ? Thế cũng hay.... hà... hà... hà... hà...

Xé con gà luộc ra làm hai, lão đưa mời tôi :

— Cứ dể y thế mà gặm mới thú. Xé hay chặt là cái lối ăn của đàn bà, chả ngon lành gì... Tôi là người ở Hội-An. Từ đạo tác-chiến xảy ra đến giờ, tôi tản-cư rất nhiều nơi. Cứ phải đi mãi hết chỗ này đến chỗ khác, rồi thì gia-đình mòn lần về người cũng như về của. Đây là cái trạm cuối cùng. Tôi có một vợ, tám đứa con, sáu trai, hai gái. Nhưng rồi chết lần, chết hồi cả. Chỉ còn tôi là hột gạo trên sàng.

Bỗng lão ôm trán, buồn rầu nhìn tôi :

— Bốn đứa con trai, một đứa con gái, chết vì bom đạn. Một đứa trai nữa chết trong đợt dân công. Đứa con gái nhỏ nhất bỏ mạng vì bệnh tại đây, cách hai năm rồi. Nhà tôi chết từ năm bốn-chín. Cũng chết vì bệnh. Uống nước độc nhiều quá mà, lại khám khổ nữa. Còn thằng con đầu của tôi với đứa con dâu thì...

Lão ngừng lại, thở dài, lấy mấy ngón tay bóp lần da trán từ hai bên thái-dương vào đến chính giữa hai chân mày, nhè nhẹ nhiều lần. Trong cái dáng trầm-ngâm ấy, cặp mắt hiền dịu của lão vụt sáng lên, long-lanh đến dễ sợ. Nhưng chỉ giây lát, lão quán lại đứng lên, cười ha hả :

— Ừ, mà nhắc chuyện cũ làm chi nữa, tôi nghĩ cuộc đời nó không ra làm sao cả. Nhưng cả thiên hạ chứ riêng chi một mình đâu. Tám chín năm «kháng-chiến», ối trời.

Lão xuống nhà, cầm dao thớt lên :

— Ông bỏ lỗi cho. Chúng ta cứ thiệt việc với nhau như thế nầy mới vui.

Lão vừa nói vừa xắt khúc thịt heo phay ra, sắp vào dĩa :

— Ông ăn đi. *Có mất cũng mấy ngày mùa, có thua cũng ba bữa Tết* mà. Ông cứ thiệt tình và đừng cười tôi là quê kệch, hủ lậu. Sống ở miền sơn cước lâu ngày, gian khổ lâu ngày, nó cũng quen với lối đơn-giản, cục mịch thế này.

Lão ngừng tay, chống ngược con dao, nhìn tôi :

— Thế mà hay. Trước tôi cũng phong-lưu và « tiểu-tư-sản » lắm chứ. Dưới thời Pháp-thuộc, chả nói dấu gì ông, tôi đi lính thủy cho Pháp. Với cái đời lính thủy, tôi được ngao-du đây đó cũng nhiều. Tôi đã đến Ha-Lê, đã chơi đêm ở bến Mác-Xây, đã được xem Kim-tự-tháp ở Ai-Cập, đã ghé Hồng - Kông, Nhật - Bổn, Phi-Châu... để cuối cùng hóa ra một lão quán lẹp-xẹp ở miền nguồn... hà... hà... nghĩ chuyện đời cũng vui.

Lão xuống bếp cất dao thớt rồi trở lên, ngồi vào bàn, gắp thịt nhai ngồm-ngoàm nói tiếp :

— Cũng chính vì cái tội đi lính thủy mà đạo tác-chiến vừa chớm xảy ra, tôi đã bị họ ép phải tản-cư trước và gấp rút đến nỗi không kịp thu xếp chuẩn bị gì cả. Tôi phải bỏ lại rất nhiều của cải. Vì theo họ, những thành phần đã giúp việc cho Pháp như tôi chả hạn thì nhất định là bộ lòng yêu nước đã bị chó táp dâu mất rồi và thế nào cũng bắt tay bọn Pháp, làm tay sai đắc lực, làm Việt-gian. Nhưng trên thực-tế, ông cũng biết đấy, chính những hạng trung-kiên lại ngả theo Pháp và giết hại đồng-bào nhiều hơn mới cơ khổ chớ. Tôi đến khiếp cái lối nhận-định chủ-quan và phân-loại, phân hạng kỳ cục như vậy. Tôi cũng đến sợ cả cái danh-từ Việt-gian, Việt ngay gì đó của ba ông làm chính-trị. Thật là một cái danh-từ giết người. Hừ... họ làm thết với nhau một cấp rồi ra ai cũng có thể là Việt-gian cả. Lương-thiện, yêu nước cũng là Việt-gian. Thằng con đầu lòng của tôi đã bị bỏ mạng cũng vì cái danh-từ ấy đó, tuy nó đã tác-chiến đến cụt mất một tay. Và tôi là cha một thằng Việt-gian Hà... hà... Việt - gian, Việt - gian, hà... hà... hà... hà... Ngày nó mới bị chết, thú thật với ông, tôi có một ý-định ghê gớm lắm. Thế mà rồi...

Tôi định hỏi, nhưng lão quán đã ngừng nói, lóng tai nghe ngóng, rồi lắc đầu lẩm-bẩm :

— Không phải. Ô, Mực ô. Mực ô...

Con Mực từ đâu dưới bếp vẫy đuôi chạy lên, xoắn-xít bên chân và gác mõm lên đùi chủ nó, khẽ kêu những tiếng ăng-ẳng thân mật.

Lão quán cúi xuống, lấy tay vỗ nhẹ vào lưng con chó :

— Ăn rồi ngủ trong nhà. Hôm nay động rừng, chớ có dại mà chạy rông ra ngoài, nghe chưa ? Nó nhai xương mày đi.

Tôi nhìn lão quán :

— Bác vừa nói cái gì không phải ?

Lão nhếch môi mỉm cười với đôi mắt mơ-màng ;

— Hổ. . Dạo này động rừng. Mà cũng động « người » nữa. Ông đi liều lắm. Cũng may đó. Vùng này... ông phải biết. Hổ bắt heo bắt chó luôn. Người thì bắt cóc, thủ tiêu như cơm bữa.

— Bác ở một mình không sợ à ?

Lão quán ngẩng mặt lên, cười xòa. Cánh tay lực-sĩ của lão vẫn vuốt-ve con chó không ngừng :

— Sợ gì. Hổ thì không đáng sợ lắm. Cái giống thế mà chả gan dạ gì. Nó thường xỏ đuôi vào khe cửa để nhử con Mực luôn, bị tôi đốt tàu cau khô, thui cho mấy bận kêu trời không thấu. Tôi nằm chòi mông, nó cũng trèo lên. Nó trèo bằng cằm và hai chân trước. Cứ để yên cho nó trèo sắp đến nơi, tôi lấy dùi nện vô hồi kỳ trận vào thùng thiếc tây, nó hoảng-hốt nhảo xuống, la bậy ra hồi ồm rồi chạy sảng cha nó đi. Và thế là biệt cửa. Tôi chỉ sợ cái mũi cứt của nó thối khó chịu quá, chứ chả sợ nó. Đã có một dạo nó lôi con heo của tôi, tôi rị lại. Nó thua. Cọp không đáng sợ. Mà cái nạn « động người » riêng tôi, tôi cũng chả sợ gì. Tôi còn sống đến bây giờ là ông phải biết.

Lão xẩn mấy chiếc bánh ú, mời tôi, rồi nhìn tôi với cái dáng nghĩ-ngợi :

— Qua tám chín năm « kháng-chiến » vừa rồi, tôi nghiệm rằng ở đời thật chả có cái gì đáng sợ cả, hà... hà... Trừ ra hai việc.

Thấy tôi ngẩng nhìn, lão chậm rãi nối tiếp một cách trang-trọng :

— Hại người và giết người. Tôi đổi ý kiến từ lâu rồi.

Lão lại ngừng nói, lóng tai nghe ngóng cái gì qua những tiếng mưa gió ào-ào bên ngoài rồi lại nhìn tôi :

— Tôi nói thiệt đó. Tám chín năm trời, sống trong tình trạng ly-loạn, tôi được thấy nhiều cái ngộ lắm để mà phải sợ hai chuyện đó.

Con chó Mực bỗng cất tiếng sủa. Nó chạy vội ra phía nhà vỏ-cua. Thấy tôi tỏ vẻ lo ngại, lão quán lắc đầu, mỉm cười :

— Không phải hổ. Cứ xem cái lối chó sủa đủ biết. Đánh được hơi hổ thì nó không dám chạy xông xáo như vậy đâu. Người đấy.

Và quả thật là người. Vì ngay lúc ấy có tiếng gọi. Lão quán lẩm bẩm :

— Lại một người lỡ đàng nữa. Hay lắm. Tết này vui quá. Hà... Hà...

Lão liền chạy ra, chống cửa lên. Một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, ướt như chuột sa ao, lách cửa bước vào, co-ro run-rẩy trong bộ quần áo bằng vải « xi-ta » cứng nhắc và sẫm màu vì thấm nước.

Nhìn khách, lão quán vui-vẻ cả cười :

— Bị ướt cả rồi... hà, hà. Ở đâu về đây mà tối lắm vậy. Đồ trong gói có sao không ?

Với một cái giọng eo-éo như giọng đàn bà, người lạ mặt đáp :

— Cảm ơn bác. Không hề chi. Tôi che lá chuối cẩn thận.

Lão quán lại cười :

— Thế thì thay đồ ngay đi rồi cùng ăn cho vui. Lát nữa ăn xong, nhen lửa mà sưởi đồ ướt, lo gì.

Người lạ mặt ho khúng-khắng mấy tiếng :

— Xin cám ơn bác, tôi đã ăn rồi.

Lão quán lắc đầu :

— Ông ăn ở đâu mới được chứ. Cứ thiệt tình với nhau là hay hơn. Có việc gì mà ngại ? Ngày Tết mà. Ngày Tết mà có khách thì thiệt là vui hà... hà...

Người lạ mặt mở gói, lấy áo quần ra. Hắn thay xong, lão quán liền giục :

— Thôi, đem gói đồ vào trong này. Mời ngồi cầm bát nước luôn thể cho vui. Hay quá. Tôi cứ tưởng đêm nay buồn lắm. Ai ngờ lại vui.

Rồi với cái phong-thái rất hào-hớn, lão vào bàn thờ bưng thêm đồ ăn ra. Nhưng người lạ mặt đã vội-vã chối từ :

— Bác cho ăn uống, còn chi quí hơn. Nhưng xin thưa thiệt là trong người tôi đang sốt, lại phải chạy nhiều ngoài mưa nên mệt quá. Bây giờ chỉ trông được nằm... Tôi mệt lắm... mệt quá. Xin lỗi Bác và ông...

Mà trông hắn ta mệt thật. Người hắn cao lớn, có bề ngang, nhưng mặt mày thì xanh-xao, phờ-phạc quá. Hắn lại có vẻ loạng-choạng với đôi mắt soi bói tuồng như quẳng gà. Lão quán vội vàng lấy chiếu bỏ trên phản ngựa :

— Quả thế thì mời ông lại đây nằm nghỉ. Cứ nghỉ lúc nào nghe khoẻ sẽ hay. Nếu có mệt quá, ăn cơm không được thì nói tôi nấu cháo...

Người lạ mặt nói lí-nhí mấy tiếng cảm ơn rồi ngả vội lưng xuống phản với cái vẻ uể-oải nhọc-nhằn. Hắn nằm co người lại, hai tay luồn vào giữa hai bắp vế, Thấy hắn run, lão quán cầm đèn riến đến bên bộ phản, kéo chiếu đắp cho hắn. Khi ánh đèn vừa soi tỏ mặt người lạ, tình cờ tôi nhìn lão quán và tôi chú ý đến một diễn-biến hơi lạ về sắc-diện của lão. Sắc mặt của lão đang vui-vẻ bỗng sa-sầm hẳn lại, với một thoáng gợn kinh-ngạc. Lão nhìn người lạ mặt một cách chăm chú Đôi mày lão nhíu hẳn lại. Nhưng rồi lão vẫn sửa chiếu, đắp cẩn-thận, cầm đèn quay trở về phía bàn ăn, vui-vẻ mời tôi tiếp tục. Tôi hỏi :

— Anh ấy sốt có nặng lắm không ?

Lão tắc lưỡi :

— Sốt thường thôi.

Chúng tôi lại cùng ăn uống, chuyện trò. Nhưng tôi nhận thấy bữa ăn lần lần trở nên kém vui, vì thỉnh-thoảng lão quán lại ngồi im lặng với cái dáng lo ra. Lão ít cười hơn trước. Chốc chốc lão đưa mắt nhìn về phía người lạ mặt.

Sau bữa ăn, lão quán dọn dẹp xong, trải chiếu trên rương xe, mời tôi nằm nghỉ rồi lui xuống bếp. Một lát sau, lão lại bưng đèn lên, ngồi bên chiếc quả-dàn với vẻ mặt chiêu-đãm, lầm-lì. Lão ngồi như thế rất lâu, ăn hết rất nhiều trầu và hút có đến bốn năm điếu thuốc. Rồi lão nhìn về phía tôi. Chừng như thấy im vắng, lão bưng đèn rón-rén bước lại bên phản. Người lạ mặt lúc này đã ngủ mê. Thỉnh-thoảng hắn cựa mình, khẽ rên và kêu ú ớ. Lão quán dỡ chiếu đưa đèn soi vào mặt hắn. Tôi nghĩ là lão đò thăm bệnh tình của người khách trọ. Nhưng tôi rất ngạc-nhiên vì lão không sờ vào trán mà lại sè-sẹ vạch chiếc khăn cổ quấn của hắn ra. Lão nhìn chăm chú vào cổ rồi vội-vàng sửa khăn, đắp chiếu lại như cũ. Khi lão bưng đèn quay xuống, sắc diện của lão càng thay đổi nhiều hơn. Gương mặt lão như rã rời đi trong cái màu tái xám và những nét nghiêm buồn, căm tức. Lạ hơn nữa lá dĩa đèn lão bưng trên tay cứ rung chuyển hẳn lên.

Lão quán xuống bếp một lúc thì đèn tắt. Trong bóng tối, tôi nghe có tiếng chuyển răng-rắc của chiếc giường tre. Tiếp theo là mấy tiếng ngáp và thở dài não-nuột. Rồi tất cả đều chìm trong im vắng. Tôi chờ mãi rất lâu vẫn không nghe thấy gì



khác hơn là bóng tối, tiếng gió mưa gào thét, tiếng khe suối chảy ồ-ồ và tiếng côn trùng ếch-nhái dâng lên rộn-rã như tràn ngập cả không-gian ướt lạnh bên ngoài. Tuy vậy, tôi cứ phải băn-khoăn nghĩ-ngợi mãi về cái cử-chỉ lạ lùng của chủ quán.

Tôi cố thức, không dám ngủ. Nhưng lần lần, sự hòa-điệu của các thứ âm thanh náo-nùng mà hùng-tráng của đêm mưa giữa núi rừng dìu dắt tôi vào cõi mộng lúc nào không hay.

Như thế cho đến lúc đêm già quá nửa, tôi bỗng giật mình choàng tỉnh. Từ bên bộ phản nổi lên những tiếng kêu ú ớ thất thanh của người lạ mặt. Hắn nằm mơ thấy gì chả biết mà rú lên đến kinh-khủng. Tôi vội cất tiếng gọi hắn và bật quẹt máy lên. Trong ánh-sáng chập-chờn của chiếc quẹt máy, tôi thoáng thấy một bóng người đang tiến rất nhanh xuống phía nhà bếp. Tôi nghĩ ngay đến lão quán. Nhớ lại thái-độ của lão đối với người lạ mặt cùng cái lối vạch khăn dòm trộm vào cổ lúc đầu hôm, tôi đâm nghi và hết sức lo ngại.

Đang còn phân-vân chưa biết xử trí thế nào thì tôi đã thấy lão quán thắp đèn bưng lên, ngồi bên chiếc quả-đàn. Người lạ mặt lúc này cũng ngồi nhổm dậy, ôm ngực thở hồn-hển. Lão quán hỏi :

— Sao thế ? Bị mộc chận à ?

Người lạ mặt lắc đầu :

— Tôi thấy hồ ví... và...

— Chi nữa ?

Với cái dáng hoảng-hốt, sợ-sệt, hắn cố nhớ rồi nói tiếp :

— Tôi quên mất rồi. Tôi thấy nhiều cái dễ sợ lắm. Nhưng quên cả. Bác cho xin hớp nước.

Lão quán pha nước cho hắn rồi hỏi :

— Bây giờ nghe trong mình thế nào ? Đỡ chứ ?

— Cảm ơn bác. Đỡ nhiều. Đã gần sáng chưa ?

— Mới đầu canh tư.

Người lạ mặt lại nằm trở xuống :

— Nếu tôi ngủ quên nhờ bác thức hộ cho. Tôi cần đi sớm, thật sớm. Vừa hừng đông tôi đã phải đi.

Lão quán cười một giọng cười hơi lạ :

— Việc gì mà nôn vội vậy. Sáng ra hãy đi có được không. Nếu trời mưa thì sao ?

Người lạ mặt thở dài, nhưng đáp lại một cách cương-quyết :

— Mưa cũng đi... Cũng phải đi chớ. Phải đi...

Lão quán lẩm-bẩm :

— Đi à.

Rồi lão lại cười và quay qua phía tôi :

— Ông nằm xuống nghỉ. Đêm còn dài.

Tôi nằm xuống, nhưng không thể nào ngủ được nữa. Lão quán vẫn ngồi yên bên dĩa đèn, hút hết điếu thuốc nầy đến điếu khác. Chừng như lão mãi bận suy nghĩ việc gì đến thừ cả người ra. Sau một lúc khá lâu, lão đứng lên bước vào bàn thờ, thắp một nén hương rồi trở về chỗ cũ. Lần nầy lão chống hai cùi chỏ lên mặt bàn, gục đầu xuống trong lòng hai bàn tay to lớn, gân guốc.

Vì lão quán ngồi gần đèn quá, nên tôi nhận rõ được những diễn-biến của dung-mạo lão lúc nầy. Mới từ đầu hôm đến giờ mà tôi thấy lão khác hẳn đi. Gương mặt lão trông vừa dễ sợ lại vừa đáng thương hại quá chừng. Một gương mặt cuồng dại, phừng phừng sát-khí, với cặp mắt không còn riu-ríu, mơ-màng, hiền diệu nữa, nhưng sáng quắc lên, chứa đọng đầy cả căm hờn. Miệng lão bặm lại, quai hàm thì bạnh ra biểu lộ cả một sự cương-quyết với cái ý-định tiềm-tàng nào đó đang nầy nở trong đầu óc lão. Nhưng cũng chính gương mặt ấy điểm chuyết cho người lão cái vẻ bơ-phờ, gầy-gập, tiều-tụy với những nét răn sâu sắc trên vầng trán rộng, rớm ướt mồ hôi, ngay giữa đêm đông lạnh và cái rối loạn, xao-xuyến trong lối nhìn, cái nhợt nhạt của sắc mặt vốn tươi tắn, hồng-hào.

Bên ngọn đèn dầu, lão quán cứ ngồi mãi như thế, im-lìm, bất động. Nhưng cái trạng-thái im-lìm ấy làm cho tôi cảm thấy ớn lạnh và dâm lo cho số-phận của người lạ mặt. Lòng tôi phập-phồng, hồi-hộp trong sự chờ đợi một cái gì chẳng lành, một cái gì rất đáng kinh-khủng sắp xảy ra. Sự ức-đoán nầy càng khiến tôi cố nằm yên không dám nhúc-nhích, vì tôi cảm thấy chừng như chỉ một cử-động nhỏ nhặt, vô ý nào đó của tôi lúc nầy cũng đủ làm cho cái việc chẳng lành ấy bùng phạt sớm hơn.

Tôi im hơi, nín tiếng, thầm mong cho lão quán cứ ngồi mãi như thế hay ngủ quên cho đến sáng. Tôi cầu mong cho trời mau sáng. Nhưng dòng đêm thì cứ lại như đông đặc và bị vướng nghẽn không chịu trôi đi. Lắm lúc tôi tưởng chừng như đêm không bao giờ tàn nữa, trời không bao giờ sáng nữa...

Rồi vì thao thức mãi với một cân-não quá căng thẳng, lần lần tôi nghe mệt lả cả người và mê đi lúc nào chả biết.

Giữa cơn mê, bỗng tôi lại giật mình. Lần nầy không phải vì tiếng rú kinh khủng của người lạ mặt, nhưng vì một tiếng động rất lạ. Một vật vì nặng rơi xuống nền đất. Một vật bằng kim khí. Một con dao ? Một thanh kiếm trường ? Một thanh mã-tấu ? Tôi mở choàng mắt ra. Chung quanh tôi chỉ toàn là bóng tối. Đèn tắt tự bao giờ. Sau tiếng động ấy, tôi nghe có tiếng

chân bước rón-rén xuống phía nhà bếp và một tiếng thở dài. Lại lão quán rồi. Tự-nhiên tôi rùng mình và sởn cả tóc gáy, vì tôi đoán chắc cái chuyện ghê gớm mà tôi tiên-cảm lúc nãy đã xảy ra trong bóng tối. Người lạ mặt e đã thế nào rồi chăng ? Tôi hình dung cả một cảnh tượng thê-thảm, rùng-rợn : một cái xác đẫm máu chỉ nằm cách tôi có mấy bước thôi...

Nhưng rồi nỗi kinh-khủng ấy lại vụt lắng dịu vì tôi nghe từ bên bộ phản có tiếng cựa mình và tiếng ngáy. Đồng thời ánh-sáng lại loé ra, lão quán lại bưng đèn lên, lại ngồi bên chiếc quả-đàn. Tôi thật hoang mang chẳng hiểu ra làm sao cả.

Lão quán ngáp dài, ngồi nhìn người lạ rồi nhìn qua phía tôi, với đôi mắt nhíu-nhíu, ửng đỏ và có vẻ lừ đừ mệt nhọc. Lão ngồi như thế có gần nửa tiếng đồng hồ, rồi đứng lên, bước lại phía bộ phản. Tôi cố nín thở, thấp-thỏm chờ đợi xem lão lại định giở cái trò gì. Nhưng lão không giở trò gì đáng sợ cả. Lão chỉ đánh thức người lạ mặt dậy thôi.

Đang ngủ mê, người lạ mặt trở mình lăn qua phía khác, muốn ngủ lại. Nhưng bị lay mạnh nhiều lần, hắn choàng tỉnh, ngáp dài rồi ngồi nhổm dậy, hai chân sờ-sọng đôi dép cao-su dưới đất :

— Còn sớm chứ ? Trời tạnh rồi phải không bác ?

— Sắp hừng đông. Tạnh mưa rồi. Có đi thì dậy mà đi.

Người lạ mặt có vẻ hấp-tấp, đứng vội lên, quơ bộ đồ ướt bỏ vào gói rồi tìm vội nón. Thấy thế tôi liền ngồi dậy, bảo hắn :

— Trời còn tối đất, anh đi sao được ?

Nhưng hắn đã cầm nón, một hai xin từ-biệt. Hắn chào lão quán và tôi rồi tiến ra phía cửa, tự tháo cây ngang, đẩy cửa lên, nghiêng mình lách qua rồi biến mất.

Tôi ngạc-nhiên nhìn theo. Lão quán thì cứ khoanh tay đứng yên với vẻ mặt lạnh-lùng. Rồi lão buông ra một tiếng thở dài. Nhưng lần này, tiếng thở dài nghe có vẻ hả-hê, khoái-trá. Xong lão bảo tôi :

Ông nằm nghỉ đã. Ông thì chưa nôn vội gì. Thật sáng ra, cơm nước xong hãy lên đường. Đi bây giờ rất nguy-hiểm.

Tôi liền hỏi :

— Biết là nguy-hiểm sao bác lại để anh ấy ra đi ?

Lão quán bước vào ngồi bên bàn, cúi đầu, lấy thuốc ra vấn. Một lúc sau, lão ngẩng mặt lên, đưa điếu thuốc châm vào ngọn đèn, buồn rầu nói :

— Hắn à ? Hắn cần đi sớm. Tôi biết hắn đi đâu rồi. Mà tôi cũng muốn cho hắn sớm thoát khỏi nơi này, khỏi cái nhà này...

— Sao vậy ?

Lão quán bỗng nghiêm sắc mặt lại, nghiến chặt hai hàm răng vào nhau. Rồi lão nói bằng cái giọng rất xẳng :

— Không thì khó mà sống được.

Tôi trố mắt nhìn chủ quán. Lão nhìn lại tôi :

— Chắc là ông không hay biết gì hết. Bây giờ thì tôi có thể nói thật. Trong đêm, đã mấy lần hắn suýt chết vì tôi. Tôi định... giết hắn.

Tôi nhổm cả người lên, hoảng hốt :

— Bác định giết ? Bác ?

— Hừ... có gì lạ đâu. Hà... hà... Vì chính hắn là đứa đã hãm hại con tôi,

hãm hại dâu tôi, gieo nhục-nhã cho cả gia-đình tôi. Có băm-vằm ra cũng đáng. Sau bảy tám năm trời biệt-tích, chả biết cái gì đã xui hắn dẫn xác đến đây. Hắn không nhìn ra tôi vì người tôi thay đổi nhiều quá, còn hắn thì chừng như lại bị quáng gà. Nhưng tôi nhận ra hắn. Tôi nhận ra ngay lúc soi đèn đấp chiếu. Tuy vậy, còn nghi ngại chưa tin nên tôi đã phải vạch khăn choàng để xem vết sẹo bên cổ của hắn. Mà quả thật.

Lão đốt thuốc hút rồi tiếp :

— Hắn là người cùng làng với tôi. Khi cuộc tác-chiến vừa xảy ra được một năm, vợ chồng thằng con tôi không tản-cư theo tôi mà ở lại gần vùng giáp-ranh. Vì mê sắc đẹp của con dâu tôi mà hắn đã cố tâm hãm hại, đẩy thằng con tôi vào chỗ chết. Chết nhục-nhã. Ở cái thời-kỳ chộn-rộn đó, ông cũng từng biết, người ta không ngại cái việc thí mạng hàng trăm, hàng ngàn con người lương-thiện bằng sơ để sẩy mất một tên, chỉ một tên « phản-động » thôi, theo cái nghĩa họ thường hiểu. Thế là mặc sức cho bọn tiểu-nhân đắc-chí chúng mang những chiếc mũ Việt-gian mà úp lên đầu thiên-hạ. Sau khi đã hại được thằng chồng hắn liền toan bề chiếm đoạt con vợ. Nhưng gặp con dâu tôi cũng chẳng phải tay vừa...

Lão ngừng lại, như cố hồi tưởng một cái gì :

— Hắn dụ dỗ con nọ mãi, không hiệu-quả gì. Một đêm, thừa lúc nó đi hội-nghị về, hắn bắt cóc đưa vào một cái miếu, định dỡ trò cưỡng ép. Con dâu tôi cự tuyệt và, đến lúc nạn quá, nó thu hết sức lực cắn vào cổ thằng ấy cho đến lúc bị hắn rút dao đâm chết mới thôi. Vụ này được bọn chúng dấu rất kín nhẹm. Nhưng về sau chính cái thằng đã phụ-lực với hắn trong việc bắt cóc tiết-lộ với nhiều đứa khác. Khi được rõ chuyện nầy, tôi quyết tâm tìm hắn. Tôi còn nảy ra một ý-định ghê gớm là phải diệt-trừ cả cha mẹ, vợ con hắn nữa tôi mới hả dạ. Cũng may là...

Nói đến đây, lão quán thở dài, đưa hai tay ôm trán, gục mặt xuống bàn... Sau một lúc lâu, tôi thấy đôi vai lão chuyển-động rồi lão nấc lên mấy tiếng :

— Con ôi. Ừ, tại sao cha lại không phanh thây nó ra, không băm vằm nó ra, không xé xác nó ra.

Tôi điếng cả người trước cái vẻ sững-sờ, đau đớn, thiểu-não của lão lúc nầy. Nếp nhà trở nên im vắng, một thứ im vắng nặng-nề lạnh-lẽo, ma quái có pha lẫn mùi hương, gợi ra cho tôi cái cảm-thức chừng như không phải chỉ có một mình tôi với lão ngồi đấy mà còn có hai kẻ vô-hình : con lão, dâu lão hiện về. Nhưng cái cảm-thức là lạ này làm cho tôi lòng xúc động, xót xa, quặn thắt nhiều hơn là ghê rợn.

Bỗng tôi giật mình. Lão quán cũng giật mình. Ngay sát bên hè, một con gà trống đập cánh phành-phạch, gáy lên mấy tiếng nghe chát cả tai. Tôi nhìn ra ngoài. Lão quán cũng nhìn theo. Trời vừa hừng sáng. Trong lúc tôi buông ra một tiếng thở dài khoan-khoái thì lão quán ngáp dài, nói tiếp, như câu chuyện chưa từng dứt quãng bao giờ.

— Nhưng người chết thông-cảm về điểm đó dễ hơn kẻ sống. Vô ích. Có sống qua trong tám chín năm trời, giữa những cảnh giết chóc liên miên rồi mới biết là vô-ích. Tôi nghĩ bất cứ là ai, chưa mất hẳn lương-tâm, đã từng trải như vậy rồi cũng khó thể mà nhúng tay vào máu.

Rồi lão đứng lên, nhìn tôi :

— Vô ích. Mà cũng may quá. May cho hắn và may chô tôi. Nếu tôi gặp hắn sớm hơn, hay nếu đêm vừa rồi không có ông ở lại, và không phải là... một đêm ba mươi Tết thì biết đâu ?... May quá. Người với nhau cả dấy chứ có phải hùm beo, ma quỷ gì đâu. Tốt cũng đó, xấu cũng đó. Lầm-lạc là còn tự đâu nữa chứ không xiêng gì lối hắn »

Trời sáng lần ra. Tiếng chim rừng líu-lo trỗi dậy rộn-rã, và tiếng cánh chim vù-vù, sào sạt quanh nhà trong khu vườn rậm, nghe rất vui tai. Gương mặt lão quán tuy chưa phục hồi được vẻ tươi tắn, nhưng cặp mắt lão đã trở về với cái hiền dịu, mơ-màng. Lão chống cửa, nhìn trời, nhìn lên phía dốc Từ-Bi rồi nhoẻn miệng cười :

— Năm mới. Trời hôm nay tốt quá.

Như quên hẳn những chuyện trong đêm, hay cố quên cũng chẳng biết, lão quay vào nồi lửa, lo cơm nước cho tôi lên đàng. Trong bữa cơm lão lại vui chuyện.

Lúc tôi từ-giã, không quản ngại đàng xa những hai cái dương dài, lão sập cửa, sách mã-tấu, đưa tiễn tôi đến tận bờ sông.

Khi sắp chia tay, tôi hỏi lão :

— Bác không nghĩ đến chuyện hồi-cư sao ?

Rồi tôi vui miệng, nói đùa :

— Giá bác cứ qua sông quách với tôi thì vui quá :

Lão quán mỉm cười, lắc đầu :

— Qua sông ? Ừ cũng lạ. Tại sao tôi không hề nghĩ đến chuyện đó hử ? Sau tám chín năm trời « kháng-chiến » tự nhiên tôi dâm ra coi nhẹ... và, nói thiệt với ông, đối với tôi chừ đây, qua sông hay ở lại cũng rứa đó mà thôi. Ở đâu mà chẳng sống được, nếu mình biết sống và đủ sức sống.

Lão nhìn trời, nhìn đất, rồi thân mật giục tôi :

— Thôi đi kẻo trưa chớ. Cái sáng-sủa đã đến, cái hắc ám đã tan, xin chúc ông qua năm mới được nhiều may mắn.

Nói xong, lão ngửa mặt lên cười. Tiếng cười lần nầy thật là khoái-trá. Tiếng cười sang-sảng, vang dậy giữa một vùng rừng núi vừa đổi mới với vạn lớp cành lá, chồi, tược xanh non, tươi thắm, dưới ánh xuân-quang, xóa sạch trong tâm não tôi những ấn tượng ghê-rợn của một đêm tất-niên quái dị.

PHAN-DU

★

BỔ CHÍNH

Trong bài « Tình - hình văn-chương và báo - chí... » của Cô Phương - Thảo, có để sót hai câu sau đây ở trang 362, cột 2, dòng 19 :

« Riêng tờ Trinh - Thám, với một thể-tài riêng-biệt và hợp thời, đã thu hút được một số độc - giả đáng kể »

Trân-trọng xin cáo-lỗi cùng bạn đọc và mong các bạn thêm giùm cho.

B. K.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Tách rời — Đôi giòng (Linh-Băng). Đêm sầu — Một đêm vương hận... (Nhất-Chi-Giang). Bóng tối (Lê-Hùng). Việc sẩy bên rừng — Chiếc áo vóc hồng (Liên-Văn). Một nguồn lợi mới cho xứ sở (Nguyễn-Viết-Khải). Nhịp sống (Tam-Chi). Mong đợi (Thế-Phượng). Định lại việc phiên - âm nhân - danh và địa-danh (Trần-Hùng).

Trân-trọng cảm ơn các bạn.

Những bài không đăng :

Điểm sáng — Đứa con (V.T.). Nước mất (S.L.). Chiều mưa — Hũng hờ (H.P.). Giao chiều (Đ.D. T.). Tình xuân (H.G.). Chiều hoang (T.V.). Dâng (H.S.). Sầu đông (K. G.). Phù phàng — Nỗi lòng (L.V.). Ý loạn đêm trường (H.G.). Tâm sự người quê (N.T.). Âm thầm — Trở về (T.H.T.). Chín bỏ làm mười (P. H.D.). Gọi mùa xuân (C.). Lòng nhân-đạo — Tết buồn v.v. (M.L.N.). Tình xuân trước—Trăng đêm (V.L).

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Anh Nguyễn - Tử - Quang *(Ba-xuyên)* : Đã nhận được thư anh — Anh em đồng ý cả, xin anh cứ yên tâm — Mong tin anh luôn.

Ô. Phan - Thiện - Tuân *(Huế)* : Chúng tôi đã nhận được bài nghị-luận về quỉ-thần. Sẽ xin có thư riêng.

Ô. Ngạn-Ôn *(Huế)* : Bài ông viết dựa theo tài-liệu tây-phương nên nhiều tên người, tên địa-phương không phiên-âm ra tiếng Việt được rất bất tiện. Xin ông cứ gửi tiếp cho hai bài ông nói trong thư.

Ô. Quan - Thị - Châu : Chúng tôi rất tán thành ý-kiến ông trong bài Điểm sách — Xin ông cho biết ngay địa chỉ để chúng tôi tiện liên-lạc.

Ô. Hy - Vũ : Mong đợi các sáng - tác khác nữa của ông.

Các bạn : Sơn-Thu — Nguyệt-Hữu — Tuyền - Linh — Phương - Như — Kiều-Mộng-Huyền — Linh-Băng : Đã nhận được bài của các bạn. Rất cảm-tạ về sự sốt sắng đối với Bách-Khoa. Chúng tôi sẽ xem và trả lời dần trên các số sau.

Bạn T.V. : Đã nhận được « Về » và « Đẹp ». Tòa - soạn không quan-niệm chỉ đăng bài của các tác-giả có tên tuổi. Mong bạn yên tâm và tiếp tục gửi bài.

GIỚI THIỆU sÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « **Kim - Tiền** » kịch của *Vi-Huyền-Đắc*, do Tác-giả và *Cơ-sở Báo-chí Xuất-bản Tự-do* gửi tặng. Kịch dài 4 màn và 1 khai - trường - từ. Bản đặc-biệt không ghi giá.

— « **Mười điều tâm-niệm** » của *Hoàng-Đạo*, cũng do Tác-giả và « *Cơ-sở Báo-chí Xuất-bản Tự-do* » gửi tặng. Bản đặc-biệt.

— « **Cẩm - nang cho Hội - đồng - xã** » do ông *Nguyễn-Trung-Trương* soạn, và gửi tặng. Sách sưu-tập những luật-lệ, qui-tắc, chỉ-thị thuộc mọi vấn-đề liên-quan đến xã. Sách dày 277 trang giá 95$00.

— « **Đất mẹ** » của bà *Thu-Vân*, do tác-giả xuất-bản và gửi tặng. « **Đất mẹ** » gồm những truyện ngắn, tùy-bút, thơ .. Sách dày 144 trang giá 36$00.

Bách-Khoa xin trân-trọng cảm-tạ các tác - giả, nhà xuất - bản và ân-cần giới-thiệu cùng các bạn đọc.

TỪ NĂM CHUỘT (1960) SẼ LẦN LƯỢT RA :

NHỮNG TRUIỆN CỦA NGÀY XƯA

do

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN *dịch, thuật, viết...*

...Từ khi còn là bạch diện thư sinh trên ghế nhà trường cho đến khi đã qua khỏi nửa đường đời, những chuiện xưa tích cũ viết, thuật, dịch, với tấm lòng cùng ước vọng của người nay.

★

Hoang - đảo

(1934 - 1944)

Thơ của TRƯƠNG-UÀN-NGỌC, *Yã-Hạc* NGUYỄN-VĂN-TRUNG

« ...phỏng còn được mấy bài giá-trị, hay đó chỉ là một mớ mộng huyễn, phao ảnh đã làm xán-lạn tâm-hồn của một người thanh-niên trong một thời-gian ngắn? ».

(Trích Thư thay lời Tựa)

★

Suối reo

hay là

15 CÂU CHUIỆN ĐÀN BÀ

của

NGUYỄN-THOẠI-NGUYÊN và NGUIỄN-NGU-Í

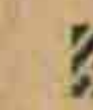
15 câu chuiện của mục Nữ-lưu nói trên làn sóng điện của 1 đài phát-thanh ngoại-quốc mong, lại được chút vang bóng một thời ngăn ngắn và của đời người có khổ, có mơ...

THUIỀN NON TAY LÁI

của

Yã-Hạc và Trinh-Nguiên

Mười bài thơ làm từ ba mươi năm về trước, tập thơ chưa biết có làm êm tai bạn không, nhưng chắc-chắn là sẽ làm bạn gai mắt vì hai tác-giả thực hiện sự thống-nhất cách viết âm i và thử « hợb-lí-hóa » những cái « vô-lí », rối phiền của vần Việt hiện nay.



DÂN-TỘC VIỆT QUA MỘT SỐ NGƯỜI KHÔNG-CÒN-NỮA

Từ An-Dương-Vương để mất nước, Hồ-Qui-Li để lỡ cơ hội một thuở ngàn năm, đến Nguyễn-Huệ mộng lớn chưa thành, Phan-Bội-Châu anh hùng thất bại : một dân-tộc đáng thương và đáng trọng...

của Phạm-Hoãn-Mĩ, Nguiễn-Ngu-Í, Tân-Fong-Hiệb...



CÓ NHỮNG BÀI THƠ...

của

Nguiễn-Ngu-Í

Một tập thơ đánh dấu một đoạn đời (1938-1959) của một con người, từ « Tha-thiết Lòng dâng » :

« Hai chân trai trẻ nào thua bạn,
« Một kiếp râu mày hả thẹn cha.
« Chí cả còn lâu, lâu mới thỏa,
« Tình xuân nay vẫn, vẫn không già ».

(Giao-thừa Ất-Dậu, 1945)

đến « Chán-chường Tay phủi » :

« Thì, không-gì-cả, như bong bóng bẻ,
« Trẻ con chơi rồi nhẹ thả lên không.
« Thì, không-gì-cả, như cây hỏa-tiễn,
« Người lớn bày rồi mạnh phóng lên không ».

(Giao-thừa. Tết Kỉ-Hợi, 1959)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HIỆU **THIÊN-THAI**

(mạch nha, kẹo gương)

114, Đại-lộ Quang-Trung — Quảng-Ngãi

Chủ-nhơn : Bà NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu thuốc Âu-Mĩ

NHƠN-THẠNH

537, đường Nguyễn-Trãi — Chợlớn

Bào-chế sư : Cô LƯU-HỮU-TUYẾN

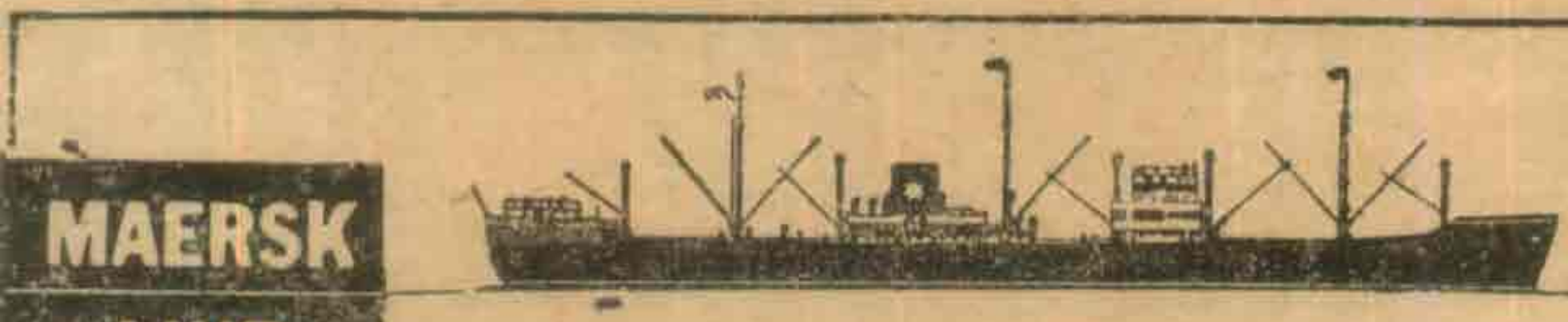
CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu NGUYỄN-VĂN-TẬP

bán bông, kiểng, cây ăn trái

241, Nguyễn-Trãi — Chợlớn

Chủ-nhơn : Bà NGUYỄN-VĂN-ĐỒN



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

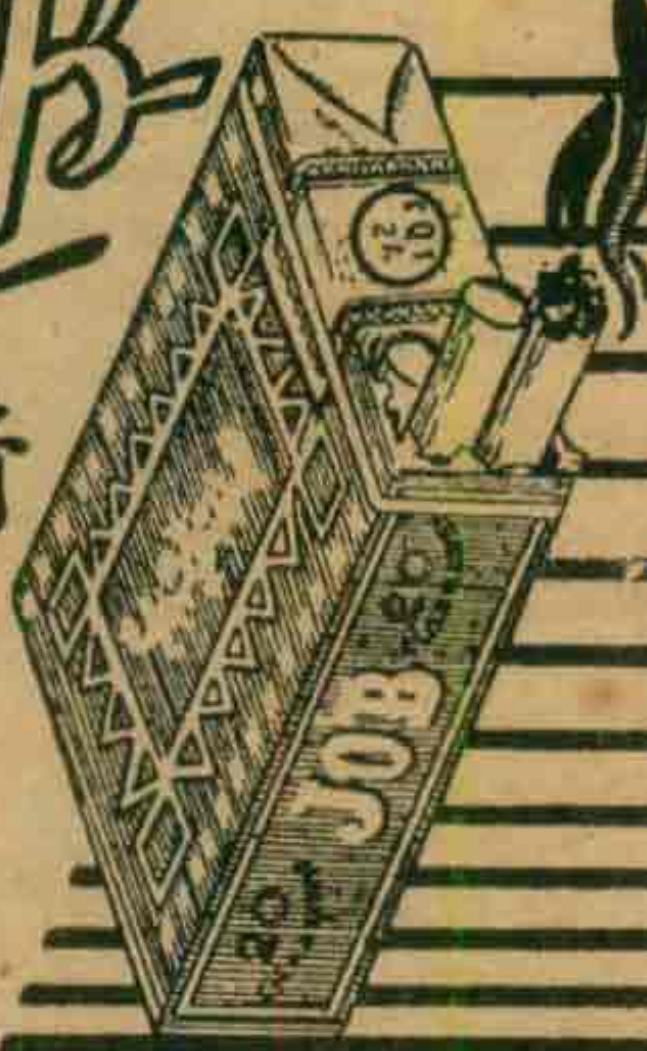
出品廠烟發高

THUỐC LÁ JOB
MÙI ÊM DỊU
KHÓI THƠM SAY
HƯƠNG - VỊ NGẬT - NGÀO
KHẮP GẦN XA NỨC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ JOB

請吸金字烟





Cigarettes JOB Surfines
COFAT CHOLON
Thuốc điếu JOB Surfines

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị



và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ BÌNH DÂN

10$







NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TINH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG

Hút Thuốc Thơm

Mã nhật tân

Sảng Tinh Thần

Yên-

-Nghệ-

-Sĩ



GIÁ HẠ
15 $

ĐỒNG HỒ CỦA NGƯỜI TÂN TIẾN:

TIMEX



VIỆT-NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG HỒ CÔNG-TY

176, Hai Bà Trưng — SAIGON — Đ. T. 25.163

TÒA SOẠN
160, Phan-Đình-Phùng - Saigon
Dây nói : 25.539

25 đ.

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng Đạo — SAIGON